



Tập thể tác giả
Nhóm Cánh Buồm

Bậc Phổ thông cơ sở, như tên gọi, là bậc tạo nền tảng trí tuệ cho toàn thể trẻ em – sau chín năm học, một trí tuệ nền tảng gồm có (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành dụng – hành trang và đạo lý vào đời của người thiếu niên 15-16 tuổi.

VĂN 8

**Giải mã
tác phẩm nghệ thuật
(Tác phẩm tự sự)**



Bậc phổ thông cơ sở, như tên gọi, là bậc tạo nền tảng trí tuệ cho toàn thể trẻ em – sau chín năm học, một trí tuệ nền tảng gồm có (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành dụng – hành trang và đạo lý vào đời của người thiếu niên 15–16 tuổi.



VĂN 8

GIẢI MÃ TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (Tác phẩm tự sự)

VĂN 8

© Nhóm Cánh Buồm, 2016

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử không có sự cho phép của nhóm Cánh Buồm là vi phạm bản quyền.

Email: lienhe@canhbuom.edu.vn | Website: www.canhbuom.edu.vn

BIÊN SOẠN:

Bài mở đầu: Tự sự và các phương thức biểu đạt tự sự (Lê Thời Tân)

PHẦN 1 PHƯƠNG THỨC TỰ SỰ TRUYỀN MIỆNG

Bài nhập: Kể chuyện cổ tích (Phạm Toàn)

Bài 1: Prométhée và loài người (Phạm Toàn)

Bài 2: *Đam San thời thơ ấu* (Linh Nga Nie Kdam)

Bài 3: Chuyện dân gian Việt Nam (Nguyễn Đồng Chi)

PHẦN 2 PHƯƠNG THỨC TỰ SỰ ĐƯƠNG ĐẠI

A. Phương thức khám phá con người lịch sử (Phạm Toàn)

Bài nhập: Truyện lịch sử (Phạm Toàn)

Bài 4: *Chín mươi ba* của Victor Hugo (Phạm Toàn)

Bài 5: *Thiếp chàng đôi ngả* của Nguyễn Triệu Luật (Phạm Toàn)

Bài 6: *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh (Phạm Toàn)

B. Phương thức khám phá tuế quyển của con người

Bài nhập: Tuế quyển người (Phạm Toàn)

Bài 7: *Gulliver du ký* của Jonathan Swift (Phạm Anh Tuấn)

Bài 8: *Dế mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài (Phạm Anh Tuấn)

Bài 9: *Hoàng tử bé* của Antoine de Saint-Exupéry (Phạm Anh Tuấn)

C. Phương thức khám phá cuộc sống thực của con người

Bài nhập: Cuộc sống thực của con người trong thể tự sự (Phạm Toàn)

Bài 10: *Vũ trụ tùy bút* của Phạm Đình Hổ (Lê Thời Tân)

Bài 11: *Những lời bợc bạch* của Jean-Jacques Rousseau (Lê Thời Tân)

Bài 12: *Bút ký từ Nhà Chết* của F.M. Dostoevsky (Phạm Vĩnh Cư)

Bài 13: *Thân phận tình yêu* của Bảo Ninh (Đỗ Đức Hiếu)

Bài 14: *Linh Sơn* của Cao Hành Kiện (Lê Thời Tân)

Bài 15: *Cô bé nhìn mưa* của Đặng Thị Hạnh (Đặng Thị Hạnh)

PHẦN 3 SƠ KẾT CON ĐƯỜNG HỌC VĂN

Bài 16: Từ tự sự truyền miệng đến văn hóa đọc (Phạm Toàn và Lê Thời Tân)

Bài học cuối năm: Đánh giá và tự đánh giá (Phạm Toàn)

Các tác giả soạn văn bản chính, các bài tập đều do ban Biên tập nhóm Cánh Buồm soạn

Tổ chức bản thảo: Phạm Toàn, Nguyễn Thị Minh Hà, Lê Thời Tân và Nguyễn Thị Thanh Hải

Hỗ trợ đọc bản thảo cuối cùng: Bùi Văn Nam Sơn, Phạm Khiêm Ích, Đặng Tiến,

Hoàng Trọng Phiến, Mạc Văn Trang, Lê Thời Tân

Chịu trách nhiệm cuối cùng: Nhóm Cánh Buồm

(Các hình ảnh sử dụng trong sách này được chúng tôi lấy xuống từ Internet)

Bộ sách Phổ thông cơ sở Cánh Buồm

Dùng chung tên gọi các bậc học với hệ thống giáo dục đương thời, nhóm Cánh Buồm chỉ thay đổi *cách học* sao cho tự thân từng học sinh có thể đến với những điều *cao hơn, xa hơn, và dễ tự học hơn* so với một nền giáo dục lấy bục giảng làm trung tâm. Nhiệm vụ bậc học, cũng là mục tiêu trông chờ ở cuối bậc Phổ thông cơ sở Cánh Buồm là một nền tảng trí tuệ làm hành trang vào đời cho toàn thể thanh thiếu niên – (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành động.

Bậc Phổ thông cơ sở chín năm là một thể thống nhất, chia ra hai giai đoạn với nhiệm vụ khác nhau nhưng nối tiếp nhau và đã được thể hiện trong sách Văn và sách Tiếng Việt Cánh Buồm:

- Giai đoạn Tiểu học Cánh Buồm năm năm có nhiệm vụ rèn luyện *phương pháp học* mà mục tiêu là sở hữu cách tự học;
- Giai đoạn Trung học cơ sở Cánh Buồm bốn năm có nhiệm vụ giúp các em dùng phương pháp học đã có để *tự tìm đến các tri thức cần thiết*;

Từ đó có thể suy ra: nhiệm vụ của bậc Phổ thông Trung học là *tập nghiên cứu* để chuẩn bị cho cách *tập độc lập nghiên cứu* ở bậc Đại học (và cách *độc lập nghiên cứu* ở bậc sau Đại học).

Đi theo định nghĩa trên, bộ sách Tiểu học Cánh Buồm (đột phá với hai môn Tiếng Việt và Văn) thể hiện rõ tính chất *tập tự học*. Đến bộ sách Trung học cơ sở Cánh Buồm này, hoạt động học được tập trung vào hành động *tự học*. Việc học tiến hành bằng tự nghiên cứu, trao đổi nhóm, viết tiểu luận, hội thảo khoa học, xuất bản kỷ yếu xem như công trình tự đánh giá của cả lớp, cũng là cái mốc tham khảo cho các bạn năm học sau.

Tiếp nối cách học từ bậc Tiểu học Cánh Buồm, người dạy (bao gồm giáo viên và những người đỡ đầu trí tuệ khác) sẽ dắt dẫn học sinh đi dần vào con đường tự học. Cụ thể là, với mỗi bài học, người dạy vẫn nên hướng dẫn ngắn gọn về chủ đề, nội dung và cách học; rồi khi đi vào chi tiết, sau một “câu hỏi suy ngẫm”, hoặc sau “lời gợi ý thảo luận”... người dạy cần phải đòi hỏi học sinh viết ý tưởng của mình thành đoạn văn năm câu – năng lực đã được rèn từ Lớp 4 và Lớp 5.

Sẽ dễ dàng cho học sinh nếu các em được học sách Tiểu học Cánh Buồm

trước khi dùng sách Trung học cơ sở Cánh Buồm – ít ra cũng phải học hai tập sách tự học *Tiếng Việt* và *Văn* dành cho các em trên mười tuổi.

Trong tiến trình giáo dục này, giáo viên có cơ hội đồng hành cùng học sinh thân yêu của mình. Theo cách tổ chức học này, uy tín của thầy cô giáo và tình nghĩa nhà giáo với học trò sẽ được tạo dựng theo cách khác, dân chủ, cởi mở và thẳng thắn.

Mong các bạn thành công.

Nhóm Cánh Buồm

CÁCH HỌC VĂN LỚP 8

Các bạn học sinh Lớp 8 thân mến,

Theo cách học Văn của chương trình giáo dục Cánh Buồm, từ Lớp 1 các bạn đã được học Văn theo cách *làm lại các hành động sáng tạo tác phẩm nghệ thuật* để tự mình đến với tư duy và cảm xúc nghệ thuật – tự làm ra cái Đẹp để sống thực với cái Đẹp nghệ thuật.

Suốt bậc Tiểu học, các bạn đã nắm vững *phương pháp* làm ra một tác phẩm như các nghệ sĩ đã từng làm. Đó là tự tạo cho mình một lòng đồng cảm, sau đó là đem tấm lòng đồng cảm đó vào việc thực hiện các thao tác tưởng tượng, liên tưởng và sắp xếp (bố cục) – đúng như các nghệ sĩ đã thực hiện trong đời họ.

Lên Lớp 8, song song với môn Văn, sách *Tiếng Việt Lớp 8* dắt dẫn các bạn đến với những *cách biểu đạt* bằng tiếng Việt thành ngôn ngữ khoa học, ngôn ngữ nghệ thuật, và ngôn ngữ chính trị-xã hội. Sách *Văn Lớp 8* dắt dẫn các bạn đi sâu vào ngôn ngữ tự sự nghệ thuật – những tác phẩm có cùng đề tài nhưng không phải là những khảo cứu khoa học, mà là những *biểu đạt ẩn dụ*.

Các bạn sẽ lần theo con đường dài hình thành phương thức tự sự từ khi con người còn sống hoang sơ, tiếng nói đã hoàn thiện dần nhưng vẫn chưa có chữ viết, (giai đoạn chỉ có thể *kể chuyện*) sang giai đoạn câu chuyện đã được viết thành *truyện* với những dạng truyện để đọc khác nhau.

Trong sách *Văn Lớp 8* Cánh Buồm này, các bạn sẽ tự học dần:

1. Phương thức tự sự truyền miệng với ba mẫu Thần thoại Hy Lạp, Chuyện chàng Đam San, và một số mẫu chuyện kể dân gian (sự tích, cổ tích, truyện cười).

2. Phương thức tự sự đương đại với ba kiểu khác nhau:

- a. Tự sự đương đại để khám phá lịch sử con người (dạng tiểu thuyết lịch sử);
- b. Tự sự đương đại để khám phá tuệ quyền của con người (dạng tiểu thuyết tuy không mô tả rõ hình thù vật chất của con người nhưng mô tả được cái “vành đai trí tuệ” gắn kết con người với nhau);
- c. Tự sự đương đại để khám phá cuộc sống thực của con người (dạng hồi ký, bút ký, truyện, tiểu thuyết... với dụng ý giúp con người ngày càng sống “người” hơn).

Cách học Văn Lớp 8 sẽ tạo sự háo hức chờ đón việc học Văn ở năm Lớp 9 đầy những điều mới lạ cho giai đoạn trưởng thành của các bạn.

BÀI MỞ ĐẦU

TỰ SỰ VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TỰ SỰ

Các bạn học sinh Lớp 8 thân mến,

Nội dung học Văn Lớp 8 Cánh Buồm cả năm học này của các bạn tập trung vào học cách giải mã thể loại tự sự. Vậy, chúng ta cần nắm vững hai điều: *Tự sự là gì?* Và *giải mã thể loại tự sự như thế nào?*

Tự sự, theo cách hiểu thông thường là *kể chuyện*.

Trong hội họa cũng từng có việc kể chuyện. Các bạn hãy hình dung bức họa trong hang động của các họa sĩ vô danh thời tiền sử và một bức họa ví dụ như bức *Guernica* của danh họa Pablo Picasso. Trong những bức họa hiện đại, đó cũng có “câu chuyện để nói”. Picasso muốn nói gì khi vẽ *Guernica* chỉ vài giờ sau khi quân phát xít Tây Ban Nha ném bom san bằng thị trấn nhỏ thơ mộng có tên Guernica? Các họa sĩ vô danh nơi hang động nói một câu chuyện gì sau khi đi săn về, một cuộc săn bắt có khi rất vui vì được ăn no, hoặc một cuộc săn bắt có thể đâm nỗi buồn vì bạn mình bị thương/bị chết trong cuộc tìm kiếm sinh nhai chật vật?

Từ những âm thanh cô đơn của những chàng trai và cô gái đang đợi đang chờ thoát ra từ những chiếc “kèn lá” (những chiếc “kèn” làm bằng một cái lá rừng) cho tới những dàn kèn đồng *tiếng trong như gió thoảng ngoài, tiếng mau sầm sập như giong trống mưa* (lấy Kiều) khiến cho người nghe dù là người ngoài cuộc cũng thành người trong cuộc *thấy ngọn đèn khi tỏ khi mờ, khiến người ngồi đó cũng ngơ ngẩn sầu* (Kiều)... hẳn cũng có một điều gì muốn kể. Người trong cuộc muốn kể với nhau. Và người ngoài cuộc cũng lắng nghe thấy cả người trong cuộc đang kể câu chuyện gì với nhau. Cả những nhịp chày giã gạo ở những buôn, những sóc hẻo lánh cùng những nhịp cối giã ở những xóm làng trù phú đồng bằng... tất cả như đều kể một câu chuyện gì đó về cuộc đời và tâm tư con người.

Chỗ khác nhau là ở *cách kể chuyện*. Hội họa kể bằng màu sắc và hình khối. Âm nhạc kể bằng âm thanh và nhịp điệu. Và trong bài học này, chúng ta đến với cách kể chuyện bằng lời. Khi kể bằng lời, ta có *chuyện*, kể ra một *câu chuyện*. Sau đó, có cách kể chuyện được viết ra dưới những phong cách khác nhau, như các bạn sẽ học trong sách này năm nay, ta có *truyện – truyện ngắn, truyện dài*,

truyện trường thiên (hoặc tiểu thuyết), và cả các câu chuyện kể ra dưới dạng bút ký, hồi ký, cả *phiêu lưu ký* nữa... vô số phong cách kể chuyện để nói ra cho hết nỗi niềm người kể – tức là người có câu chuyện để kể, câu chuyện không thể giữ riêng cho mình được, câu chuyện phải kể ra. Câu chuyện của “kẻ khóc mướn” mà chúng ta đã tìm hiểu từ khi học Văn Lớp 6.

Chúng ta sẽ tìm hiểu chuyện kể trong *văn bản* của nó.

1. Văn bản tự sự

Cũng giống như với những “cách kể chuyện” bằng âm nhạc, nhảy múa, hội họa, chúng ta đều xem xét trước hết là cách kể chuyện trực tiếp *khi có người nghe* tại chỗ – thậm chí có người đối đáp, đối thoại. Tiếp theo, khi đã có hình thức *truyện* được in ra và phổ biến theo con đường gián tiếp *khi người kể và người nghe* bị ngăn cách về không gian (người Việt đọc sách của người Pháp, người Mỹ...) và cách cả về thời gian (đọc truyện của người sống cách ta nhiều thế kỷ). Ấy là chưa kể, vào thời hiện đại, có câu chuyện kể đòi hỏi cách nghe kể trực tiếp theo lối trình diễn (hát đối đáp, chèo, kịch nói, phim ảnh...) thì người đương thời thiếu thì giờ cũng chỉ đọc kịch bản, đọc lời ca.

Ta cần nhớ rằng khái niệm *văn bản* mang nghĩa rộng, không chỉ là cái tập truyện hay cái kịch bản ta đang đọc. Có cái văn bản trực tiếp và có cái văn bản gián tiếp. Trong cả hai loại văn bản đều cần đến sự *giao tiếp* giữa người kể và người nghe.

Một văn bản tự sự theo phương thức chèo trong lối diễn ở sân đình sẽ mang tính chất dân gian giản dị, thân tình, khác với cũng văn bản chèo đó diễn ra theo lối trang nhã ở nhà hát hiện đại. Cả hai “văn bản” ở sân đình và ở nhà hát đó đều dựa trên một dạng văn bản tự sự ở dạng cốt lõi mà riêng từng độc giả ban đêm thắp đèn ngồi đọc và lặng lẽ giao tiếp trong suy ngẫm với câu chuyện mình đang thưởng thức.

Điều kiện để một văn bản tự sự ở dạng cốt lõi đủ sức đến được với lòng người gồm những gì?

2. Nhân vật và bối cảnh

Một văn bản tự sự ở dạng cốt lõi (từ đây sẽ gọi tắt là “văn bản”) nhất thiết phải có nhân vật. Người kể chuyện nhất thiết phải gửi tâm hồn mình và thông điệp muốn truyền tải cho con người thông qua một hoặc nhiều nhân vật. Nhân

vật đó có thể có tên tuổi, địa chỉ như Thạch Sanh, Lý Thông, công chúa để có truyện *Thạch Sanh* với người hùng Thạch Sanh dũng mãnh, có người gian xảo Lý Thông, và có cả công chúa như một mục đích của hạnh phúc trong cuộc đời.

Nhân vật đó có thể không tên tuổi, nhưng phải có bối cảnh cho nó hoạt động, như chú Hoàng tử bé nhỏ, anh phi công, con rắn, con cáo cùng những bông hồng... Nhân vật đó cũng không cần một địa chỉ đời thường ở đâu, làng xóm nào... mà có thể là một hành tinh chưa đặt tên có vồn vện ba ngọn núi lửa đã ngưng hoạt động (chú hoàng tử đã cẩn thận dập lửa trước chuyến viễn du), cái hành tinh nhỏ đến nỗi hàng ngày chú hoàng tử bé nhỏ có thể xê dịch chiếc ghế để nhìn mặt trời lặn cả trăm lần.

Nhân vật và các nhân vật phải cần đến một bối cảnh, chứ không thể sống trong chân không. Bối cảnh cho các nhân vật vận động là sản phẩm mà người kể chuyện nhất thiết phải tạo ra bằng trí tưởng tượng của mình. Toàn bộ bối cảnh và sự vận động của nhân vật được gọi tên là *hình tượng nghệ thuật*. Hình tượng nghệ thuật lão Hạc sống được là nhờ có nhân vật người con là động lực giúp lão Hạc chuẩn bị tài sản cho con đi phu về thì lấy vợ và sinh sống trong hạnh phúc. Không có Binh Tư thì cũng không có được người giúp cho lão Hạc mua bả chó tự tử. Kể cả không có thằng Mực đến bắt con chó vàng của lão Hạc đi, thì cũng không có cái cớ “mất cậu Vàng” để lão Hạc đi đến quyết định cuối cùng là tự kết liễu đời mình. Toàn bộ bối cảnh đó tạo nên *hình tượng Lão Hạc* do nhà văn Nam Cao đưa vào một *văn bản*.

Trí tưởng tượng của người kể chuyện sẽ tạo ra qua giao tiếp trong tưởng tượng của bạn đọc một hình thù cụ thể – một hình thù đã vật chất hóa *y như thật* trong cảm nhận của bên giao tiếp – cũng có cách ăn mặc riêng, có cách đi lại nói năng ăn uống ngủ nghỉ riêng, và có hoàn cảnh sống cùng cái chết riêng nữa. Đó là vị thần có tên Prométhée đem lửa của Trời trao cho loài người và bị trừng phạt thảm khốc. Đó là chú Đế mèn ngổ ngáo, râu cũng vểnh lên chẳng khác gì râu người, cũng hành động đại dốt dẫn tới cái chết của Đế Choắt để phải hồi lâu ngậm ngùi nói lời sám hối bên mồ người bạn vẫn thường bị mình trêu chọc và bắt nạt...

Trong văn bản tự sự, đôi khi còn có nhân vật là chính người kể chuyện nữa. Nhân vật xưng “tôi” này có tác dụng trực tiếp làm nổi bật trạng thái tâm lý của các nhân vật khác trong chính câu chuyện mình đang kể. Đó là mẫu nhân vật ông giáo trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao, người dõi theo mọi ước

mơ và bi kịch của ông nông dân “mắt ầng ầng nước” đang than thở và mong được sự đồng cảm của ông giáo.

Điều kiện để nhân vật và bối cảnh tạo ra lòng tin của người đọc (người đối thoại) một thiên tự sự là gì?

3. Tính ẩn dụ

Chúng ta đừng lẫn lộn những ẩn dụ ngôn ngữ (vẫn xác định dưới tên gọi “biện pháp tu từ”) với ẩn dụ của toàn bộ một hình tượng nghệ thuật.

Ẩn dụ tu từ ngôn ngữ là hình thức chuyển đổi cách gọi tên các sự vật, hiện tượng trên cơ sở so sánh ngầm, trong đó các sự vật, hiện tượng có thể giống nhau về vị trí, hình thức, chức năng và gây được cảm giác có một lời văn đẹp hơn, hấp dẫn hơn. “Nước mắt” có thể được tu từ thành “giọt lệ”. “Khóc” có thể được thay bằng những lời lẽ tu từ như “nức nở”, “sụt sùi”, “nước mắt thấm chảy trên má”,...

Nhưng với toàn bộ một hình tượng nghệ thuật thì những lời lẽ lẽ tẻ “mang tính tu từ” sẽ không có mấy giá trị biểu cảm. Lấy một ví dụ sau để minh họa ý vừa nói. Trong *Truyện Kiều* mà sang năm các bạn sẽ học trong sách *Văn Lớp 9*, có nhân vật Từ Hải. Cô Thúy Kiều bán mình để chuộc cha khỏi vào tù ngục, sau nhiều long đong “*thanh lâu* (kiếm sống nơi nhà chứa) *hai lượt, thanh y* (làm con đòi con ở) *hai lần*” đã gặp một người hùng yêu thương mình. Từ Hải là người:

*Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.
Đội trời đạp đất ở đời,...*

Một người như thế mà nghe vợ xui giục đã đầu hàng triều đình, để đến nỗi bị chết oan, khi chết không ngã xuống đất, cứ đứng sừng sững giữa trời, phải đợi nàng Kiều tới nhỏ lệ vào chân mình, khi đó mới đi hẳn! Toàn bộ hình tượng đó mang một *ẩn dụ nghệ thuật*. Hình tượng này khi kể bằng giọng kể bình thường, không có tu từ hoa mỹ cũng đủ để làm ta xúc động. Chúng ta xúc động trước *cách thức Từ Hải chết* chứ không chỉ xúc động vì một số câu chữ “tu từ”.

Chúng ta gọi đó là ẩn dụ nghệ thuật, hoặc ẩn dụ của hình tượng nghệ thuật – ngược lại, chúng ta rút ra được *tính ẩn dụ* của hình tượng nghệ thuật, của tác phẩm nghệ thuật.

Tính ẩn dụ của văn bản tự sự do đâu mà có?

Trước hết, điều được kể trong văn bản tự sự phải không tầm thường, để thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người. Cần phân biệt “tầm thường” với “bình thường”. Trong cuộc sống có nhiều điều bình thường. Ví dụ như chuyện ăn để sống. Nhưng khi nhà văn Nam Cao kể câu chuyện *Một bữa no* với nhân vật nhịn đói mấy tháng, đi thăm cháu đang ở đợ cho nhà bà phó Thụ, được một bữa no cơm, nhưng rồi khi về nhà thì:

“Ruột bà đau quặn quặn. Ăn một tí gì cũng đau không chịu được. Luôn nửa tháng trời như vậy. Rồi bà chết. Bà phó Thụ, nghe tin ấy, bảo: “Bà chết no”. Và bà dùng ngay cái chết ấy làm một bài học dạy lũ con gái, con nuôi:

– Chúng mày xem đấy. Người ta đói đến đâu cũng không thể chết nhưng no một bữa là đủ chết. Chúng mày cứ liệu mà ăn tộ vào!...”

Đó là câu chuyện bình thường, nhưng không tầm thường. Chuyện “chết no” này là một ẩn dụ phơi bày cuộc sống của những người nghèo khổ tuy chưa chết đói ngay nhưng chết đói dần dần và rồi chắc chắn sẽ chết đói. Chuyện “chết no” này cũng phơi bày bộ mặt của lớp người như nhân vật bà phó Thụ, dạy đời theo cách đảo ngược chân lý, đói thành no, chết thành sống.

Tiếp theo, điều được kể trong văn bản tự sự phải chứa đựng thông điệp về những giá trị phổ quát của con người. Hình tượng nghệ thuật được tạo ra bằng tưởng tượng, nhưng hình tượng nghệ thuật đó phải gọi ra những liên tưởng ẩn dụ đáp ứng mong mỏi của con người.

Con người nói chung không phải ai ai cũng là nghệ sĩ. Con người lẫn lộn với những lo âu của cuộc sống, trong đó có lo âu về tồn tại của bản thân, của gia đình, của những người thân cận xoay quanh cuộc sống hạnh phúc, yên lành và phát triển. Trong cuộc sống đó, con người gặp những chuyện chứa đựng những vấn đề khiến người ta lo âu, lắm khi mất ăn mất ngủ. Tác phẩm nghệ thuật, do những người “khóc mướn” có tài năng làm ra và mang tính ẩn dụ cao, tuy không trực tiếp nhưng đã gián tiếp đáp ứng nỗi niềm của mọi người. Văn bản tự sự sẽ được mọi người tiếp nhận và nhờ đó mà các tác phẩm có trình độ nghệ thuật cao sẽ sống mãi. Không ai thừa thì giờ “thưởng thức” những tác phẩm rẻ tiền hết. Người ta chỉ thưởng thức và gắn bó với tác phẩm nghệ thuật nào thành món ăn tinh thần cho mình. Món ăn không thể thiếu.

Điều kiện thứ ba là văn bản tự sự phải có duyên – cái duyên của người làm ra văn bản tự sự, cái duyên nằm trong cách tự sự – trong bố cục của văn bản tự sự. Cả khi văn bản tự sự đến với đám đông công chúng theo cách trực tiếp cũng

như khi văn bản tự sự đến với từng cá nhân đơn lẻ, cái duyên của tác giả trong cách tự sự là điều kiện không thể thiếu. Cách tự sự phải gây được sự hồi hộp đợi chờ. Cách tự sự phải như một chuyến viễn du thú vị. Tâm-sinh lý học đã đo được sự tiêu hao năng lượng tạo ra bởi những “bước nhảy” của đồng tử khi đọc sách. Một ngày đọc sách liên tục tám giờ tiêu hao năng lượng ngang bằng 40 cây số leo dốc. Làm cách gì đọc sách cũng đẹp như leo núi: Mỗi bước ngoặt là một bức tranh hiện ra; Mỗi lần nghỉ chân là một bản nhạc suối reo và chim hót vang lên; Mỗi khi thở dốc chồn chân lại nhận những lá vàng rơi trên đầu mình và tiếng lạo xạo của lá khô dưới chân... Tác giả và tác phẩm tự sự cũng cần có cái duyên tự nhiên như cái duyên của trời đất đem lại cho con người như thế!

Tóm lại, điều làm cho văn bản tự sự thành món ăn tinh thần được con người vun trồng lâu bền, đó là tính ẩn dụ chân thật, sâu sắc, và duyên dáng. Chân thật là ẩn dụ đến những vấn đề của con người. Sâu sắc là ẩn dụ tới hướng giải quyết những tâm trạng của con người. Và cái duyên trong cách trình bày cái ẩn dụ.

4. Cách học

Theo cách học văn của chương trình giáo dục Cánh Buồm, các bạn sẽ tiếp tục tự học bằng cách áp dụng phương pháp đã thành kỹ năng của mình. Các bạn tiếp tục nhập thân tác giả trong cách làm ra tác phẩm nghệ thuật (không học để “bình tán” tài năng tác giả). Các bạn tiếp tục tập chuyển thể tác phẩm để hiểu sâu hơn về cách biểu đạt tác phẩm (không sa đà vào “nội dung” hoặc “đề tài” hoặc “tư tưởng” tác phẩm). Các bạn tiếp tục sống thực đời sống cảm xúc của mình (không học để đi thi).

Sách *Văn Lớp 8* này sẽ đưa ra những vật liệu tự sự đa dạng để các bạn khám phá. Các bạn sẽ học về những phong cách biểu đạt khác nhau: phong cách sử thi, phong cách tái hiện lịch sử, phong cách phiêu lưu ký, và phong cách bút ký, hồi ký, tiểu thuyết.

Mong các bạn tiếp tục hào hứng thực hiện chương trình *Văn Lớp 8* này và có nhiều niềm vui trong cả năm học.

Luyện tập

1. Thảo luận: Tự sự là gì? Có loại tự sự không lời không? Có bao giờ công việc tự sự xa rời sự giao tiếp giữa người nghệ sĩ và người thưởng thức không? Văn bản tự sự chính thức ra đời như thế nào?
2. Thảo luận: Chỉ với những lời lẽ tu từ thì đã đủ để làm nên một văn bản tự sự chưa? Một văn bản tự sự cần có những điều kiện gì?
3. Thực hành: Thảo luận và từng cá nhân thực hiện chuyển thể để hiểu kỹ phương thức tự sự. Đề tài:
 - a. Đọc lại bài ca dao trữ tình *Ru con* và lấy cảm hứng từ đó để kể một câu chuyện, sau đó viết lại thành truyện.
 - b. Tìm một câu chuyện và soạn lại thành kịch với số nhân vật tương đương nhau.
 - c. Tìm một câu chuyện và lấy cảm hứng từ đó để viết một bài thơ.

PHẦN 1

Phương thức tự sự truyền miệng

BÀI NHẬP KỂ TRUYỆN CỔ TÍCH

Mở đầu

Các bạn hãy vừa đọc những dòng này vừa tưởng tượng cuộc sống của người Việt Nam chúng ta thời xưa. “Thời xưa” là khi nào? Thời xưa nói ở đây liên quan đến kể chuyện cổ tích là thời mỗi gia đình chưa có một chiếc tivi. Vào cái thời xưa đó, ăn cơm chiều xong, nếu là mùa hè thì cả nhà ngồi ngoài hiên hóng gió, còn nếu là mùa đông thì bà cháu, mẹ con, chị em, cô cháu... cùng ngồi bên nhau trên ổ rơm... Khi ấy, con giục giã mẹ, em giục giã chị, cháu giục giã cô hoặc dì, nhất là các cháu giục giã bà: “Bà ơi, bà kể chuyện cổ tích đi”, “Bà ơi, hôm nay bà kể nốt chỗ vỏ quả thị bị xé nên chị Tấm không có chỗ chui vào đi...”, “Không, em thích hôm nay bà kể chuyện Ai mua hành tôi...”

Đoạn mô tả trên đây mời các bạn tưởng tượng đã xảy ra không chỉ ở Việt Nam, mà xảy ra trên khắp thế giới cả hàng nghìn năm rồi.

Nếu phân tích cảnh đó và những lời lẽ cháu giục giã bà, chúng ta có thể có những nhận xét như sau:

Nhận xét một: Chuyện kể thời xưa đều gộp chung vào một loại *truyện cổ tích*. “Cổ” là “xưa”, “cũ”, là “lâu đời”, là “không phải ngày nay khi ta đang sống” – còn “tích” là “câu chuyện” – ví dụ như “tích chèo”, “tích tuồng”, “tích Thạch Sanh”, “tích Lục Vân Tiên”... nói chung đều là những chuyện xảy ra ở thời xa xưa... xa và xưa như cổ tích!

Nhận xét thứ hai: Truyện cổ tích do một người kể cho một người hoặc nhiều người nghe. Vào thời hiện đại, chúng ta có thể đọc sách *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* của Nguyễn Đồng Chi. Đó là nhờ có nghề in sách hiện đại. Nhưng

việc đọc nhanh và nhiều *truyện cổ tích* khiến chúng ta tưởng như chuyện cổ tích chỉ để nghiên cứu, và mất đi cái thú được *nghe kể chuyện cổ tích*.

Nhận xét thứ ba: Người nghe chuyện cổ tích đều biết trước mình được nghe chuyện gì, đều biết nội dung chuyện đó rồi (do được nghe kể đi kể lại nhiều lần), thậm chí còn biết sắp được nghe kể đến đoạn nào và chờ đợi cái hồi hộp khi chị Tấm ngã từ ngọn cây cau xuống đất, khi anh người hầu nghe được đàn vịt kháo chuyện với nhau đã nuốt phải cái nhả quýt...

Nghe kể cổ tích và nghiên cứu nhân học

Người kể và người nghe kể chuyện cổ tích bình thường thì chỉ thưởng thức những điều thú vị của chuyện cổ tích. Nhiều khi người nghe kể chuyện cổ tích còn yêu thích cái hơi ấm ồ ờm và hơi ấm của bà, của mẹ, của chị khi kể chuyện hơn là thưởng thức giá trị của chuyện cổ tích.

Nhưng có những người sau khi thưởng thức vẻ đẹp của chuyện cổ tích đã cất công nghiên cứu thể loại chuyện cổ đó mà nhờ đó chúng ta không những biết thêm biết bao thể loại cổ tích khác nhau, chúng ta còn hiểu thêm, quý



Nguyễn Đồng Chi (1915–1984)

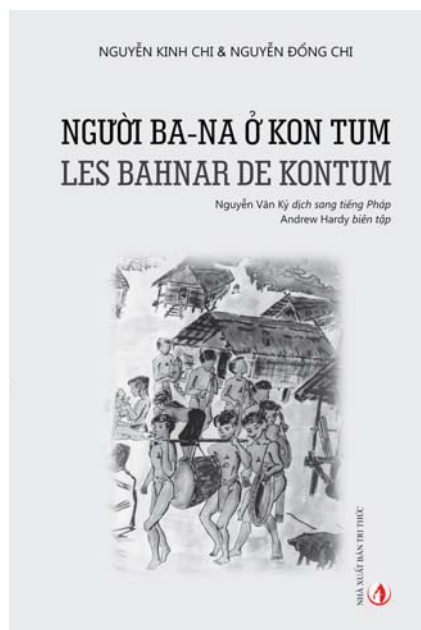
trọng những dân tộc đã đóng góp những chuyện cổ tích vô cùng hay cho loài người. Đây là một số mẫu nhà nghiên cứu đó: Leopold Sabatier, hai anh em Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đồng Chi, Georges Louis Condominas, và nhà văn hóa Nguyễn Ngọc.

Trước hết có nhà nghiên cứu nghiệp dư người Pháp Leopold Sabatier. Từ năm 1914 đến năm 1926, trong hơn mười năm, Sabatier là quan công sứ tỉnh Đắk Lắk (vào thời ông làm quan đầu tỉnh, tên tỉnh này được viết theo lối Pháp là Darlac). Ông Sabatier cũng có thời gian ngắn làm việc ở tỉnh Kontum, sau lại trở về Đắk Lắk, nên ông có nhiều quan hệ rất thân thiết với người dân tộc Ê-đê và Ba-na ở hai tỉnh này. Sabatier rời khỏi Việt Nam về nước năm 1926, và ba năm sau, ông qua đời. Nhưng ông đã để lại bản dịch trường ca *Đam San* sang dạng văn xuôi mà ông thực hiện trong 12 năm sống ở vùng Tây Nguyên. Chính nhờ bản dịch như thế, cộng với việc bám vào thực địa nên nhiều nhà văn nhà thơ đã thành nhà nghiên cứu dân tộc học không chuyên nghiệp và đã ghi lại được những *truyện cổ tích* của các dân tộc.

Ngay từ đầu những năm 1930, hai anh em Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đồng Chi cũng đã là những nhà nghiên cứu không chuyên nghiệp như thế. Nguyễn Kinh Chi là bác sĩ y khoa còn Nguyễn Đồng Chi lúc 18 tuổi đã cùng anh lên tỉnh Kontum. Hai ông đã nghiên cứu đời sống, phong tục của dân tộc Ba-na. Tác phẩm *Mọi Kontum* in ở Huế năm 1937, rồi được dịch sang tiếng Pháp, và vào năm 2011 được in lại với tên gọi mới *Người Ba-na ở Kontum*. Về sau Nguyễn Đồng Chi trở thành nhà sưu tầm, nghiên cứu truyện dân gian Việt Nam có tiếng tăm.

Những công trình này giúp con người hiểu nhau hơn, chẳng hạn sẽ hiểu hơn nghĩa của chữ “mọi”, hoặc “người mọi”. Chú thích đầu chương *Nhân dân* cho biết: Gốc tích chữ “Mọi” ở đâu ra? Xét trong tiếng nói người Ba-na có tiếng “tơmoi” nghĩa là khách. Người Ba-na dùng tiếng ấy để chỉ những người làng khác hoặc bộ lạc khác đến làng hoặc bộ lạc mình. Ví dụ: Người Gia rai hoặc Xơ-đăng đến xứ Ba-na thì người Ba-na kêu là tơmoi Gia rai, tơmoi Xơ-đăng nghĩa là khách Gia rai, khách Xơ-đăng. Người Annam ta đến xứ họ, họ cũng kêu là tơmoi. Vậy theo thiển kiến chúng tôi thời tiếng mọi có lẽ ở tiếng tơmoi của người Ba-na mà ra, chứ không phải một tiếng mà người Annam

cố ý đặt ra để chế nhạo giống người ở trên rừng núi, như nhiều người nói. Có lẽ khi người Annam mới giao thiệp với người Ba-na, thường nghe những thú tiếng tơmoi Gia rai, tơmoi Xơ-đăng, tơmoi Ba-na, v.v..., bèn bắt chước mà nói theo. Lần lần lại bỏ tiếng “tơ” mà chỉ giữ lấy tiếng “moi” (vì tiếng mình là tiếng độc âm). Sau lâu ngày tiếng “moi” hoá ra một tiếng chỉ tên chung cho cả dân thổ trước ở trên rừng về phía Nam, cũng như những tiếng “Mán, Mường” ở ngoài Bắc. Hai tiếng sau này cũng là tiếng của thổ nơnh mà ta dùng theo. Còn như ngày nay người Annam ta dùng những tiếng: Mọi, Mán, Mường để chỉ những người hoặc việc có tánh chất khờ dại thì tưởng không khác chi người Pháp dùng tiếng “Chinoiserie” để chỉ những việc kỳ quặc khó hiểu (Trích “Phần thứ nhất – Tỉnh Komtum” – *Người Ba-na ở Kon Tum*, NXB Tri thức, 2011).



1 Trong đoạn trích này, chúng tôi giữ nguyên theo bản in lần đầu tiên của các tác giả (BBT).

Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đồng Chi kể về cuộc sống thực của người Ba-na, nhẹ nhàng, thân tình, nhưng sâu sắc. Các ông viết: “Bất luận bà con hay người đứng, người Ba-na đã cùng ở chung một làng thì họ đối đãi với nhau thân mật lắm. Lúc vui mừng, khi hoạn nạn đều cùng nhau san sẻ. Lại có một lối tình cảm liên lạc dân làng với nhau một cách huyền bí. Ngày nay còn thấy một đôi dấu vết. Ví dụ như trong làng có một cặp trai gái chưa thành vợ chồng mà ăn nằm với nhau thời cả làng đều bị lây jôlâm jôlư (ô ướ về tinh thần). Tại sao vậy? Là vì người Ba-na coi xã hội mình như thân thể người ta. Mỗi một cá nhân là phần tử của đoàn thể cũng như ngũ quan tứ chi, v.v... là phần tử của thân người. Nếu một phần tử phạm điều không tốt thời không khác gì cả đoàn thể phạm vào điều ấy và các phần tử khác phải chịu lấy ảnh hưởng xấu (Trích “Phần thứ hai: Phong tục mọi Ba-na” – Người Ba-na ở Kon Tum, sđd).

Những nghiên cứu nhân học đó (xưa nay vẫn gọi bằng dân tộc học) khiến chúng ta hiểu các dân tộc vẫn giữ nhiều nét “cổ xưa” sẽ dẫn chúng ta đến với chuyện kể của các dân tộc, thậm chí hiểu hơn các chuyện kể của người Hy Lạp hàng nghìn năm trước. Có thể nhận định không mấy sai lầm, rằng chính nhờ những nghiên cứu nhân học này mà Nguyễn Đồng Chi càng dần sâu vào việc sưu tầm và có cả một *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*.

Nhà nghiên cứu Georges Louis Condominas lại có công trình nghiên cứu khác. Ông sinh năm 1921 tại Hải Phòng – cha ông là sĩ quan Pháp, mẹ ông là người mang ba dòng máu Việt Nam, Trung Hoa và Bồ Đào Nha. Ông đã thành nhà nghiên cứu Tây Nguyên nước ta từ rất sớm. Ông bắt đầu cắm rễ vào vùng đất Sar Luk ở tỉnh Đắk Lắk và đã công bố hai công trình cơ bản, *Chúng ta ăn rừng* và *Cái lạ trong đời sống thường ngày*. Các công trình của Condominas xuất bản ở Pháp, sau đó nhanh chóng được in ra nhiều thứ tiếng và xuất bản ở nhiều nước (Anh, Đức, Italia, Nga, v.v...).

Nhà văn hóa Nguyên Ngọc là một trường hợp đặc biệt khác nữa. Nguyên Ngọc sinh năm 1932 tại Hội An, Quảng Nam. Ông vào bộ đội và hoạt động ở Tây Nguyên. Tại đây, ông đã viết cuốn sách đầu tiên, là tiểu thuyết nhưng lại mang nhiều dáng dấp nhân học, cuốn *Đất nước đứng lên*. Ông thân thiết với anh hùng Núp và nhiều người “bạn trên rừng” khác. Rồi ông bỏ nhiều năm đời mình để bảo vệ Tây Nguyên về mặt văn hóa. Ông dịch sách của nhà nhân học Jacques Dourne, người đã sống ở Tây Nguyên Việt Nam suốt ba chục năm, như *Rừng, đàn bà, điên loạn*, như *Miền đất huyền ảo*. Nguyên Ngọc đã giúp người Việt Nam có cái nhìn toàn cảnh và toàn diện đối với vùng Tây Nguyên.

Phân loại cổ tích

Những nghiên cứu nhân học giúp con người hiểu sâu hơn nền văn học truyền miệng gọi chung trong bài này bằng thuật ngữ *truyện cổ tích*.

Chúng ta tránh được cách nghiên cứu cổ tích một cách sách vở. Chẳng hạn, chúng ta tránh được cách định nghĩa dựa trên một định nghĩa bằng tiếng nước khác.

Ví dụ như, định nghĩa sử thi như là tiếng Pháp *roman-épopée* là một định nghĩa không định nghĩa gì hết. Nói rằng sử thi hoặc *anh hùng ca*, đó là vì nó kể chuyện về những thần linh, những con người hùng to tát của loài người. Định nghĩa đó áp dụng cho *Prométhée* hoặc *Thánh Gióng* thì có thể đúng, nhưng với *Đam San* thì chỉ có thể gần đúng. Còn với *Sự tích cái chổi*, *Sự tích con muỗi*, *Sự tích cây vú sữa*... thì sẽ khiến cưỡng.

Sách *Văn Lớp 8 Cánh Buồm* này đề nghị phân chia đơn giản *truyện cổ tích* là những chuyện kể ra đời khi con người chưa dùng chữ viết để kể cho người không có chữ và chưa cần đến chữ viết. Chúng ta chịu sự thiệt thòi không có được cái xúc cảm của những người đối diện trực tiếp với người kể chuyện. Ngay một người kể chuyện vĩ đại thời cổ Hy Lạp cách nay nhiều nghìn năm thì nay cũng chỉ còn bức tượng dựng theo trí tưởng tượng của nhà điêu khắc, mà mọi người chấp nhận đó là Homer – nhà thơ mù, người hát rong khiêm thị. Chúng ta đành đến với những chuyện kể theo cách đọc thay vì nghe kể. Và chúng ta đi tìm *phẩm chất người, tính người* qua những truyện đọc, rồi suy ngẫm về mỗi nhân vật, mỗi hoàn cảnh.

Do đó, trong phần học về *truyện cổ tích* chúng ta sẽ nghiên cứu ba mẫu. truyện *Prométhée* bị xiềng giúp chúng ta hiểu khát vọng trí tuệ và khát vọng tự do của con người trong chính chúng ta hôm nay. Tiếp đó, truyện *Đam San* sẽ là



Homer, Philippe-Laurent Roland, 1812

cái mẫu khác để chúng ta hiểu và yêu chất nhân bản, chất nhân văn của loài người trong một con người gần gũi với chúng ta. Sau đó, chúng ta sẽ nghiên cứu *Sự tích bánh chưng bánh dày*, *Sự tích ông đầu rau* để đừng bao giờ quên gốc tích Việt Nam. Tiếp theo, truyện cười dân gian *Con vịt có hai chân* đưa chúng ta vào một bối cảnh tâm lý học để nhận ra thói xấu của con người – mà ở chuyện này là thói xấu nịnh bợ – để các bạn yêu một lối kể chuyện thông minh của ông cha ta để lại, và để chúng ta ghét những thói xấu tương tự.

Mời các bạn bắt đầu.

Luyện tập

1. Thảo luận: Nghe kể chuyện cổ tích khác với đọc truyện cổ tích viết lại khác nhau như thế nào?
2. Thảo luận: Bạn đã biết những thần thoại và truyền thuyết nào? Bạn biết đến các thể loại đó qua nguồn nào?
3. Thảo luận: Bạn đã biết những thần thoại và truyền thuyết nào của các dân tộc thiểu số nước ta? Bạn biết đến các thể loại đó qua nguồn nào?
4. Thảo luận: Bạn đã biết những chuyện cổ tích nào của nước ta? Bạn biết đến các thể loại đó qua nguồn nào? Bạn có thể kể lại một chuyện đó không?
5. Thảo luận: Bạn đã biết những chuyện cười nào của nước ta? Bạn biết đến các thể loại đó qua nguồn nào?
6. Viết tiểu luận về một chủ đề rút ra từ các cuộc thảo luận.

BÀI 1

PROMÉTHÉE VÀ LOÀI NGƯỜI

Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 8 thân mến,

Câu chuyện kể dưới đây chắc chắn đã được viết lại để các bạn đọc.

Nhưng Ban biên tập khuyên các bạn hãy cùng nhau tái hiện câu chuyện cổ tích Hy Lạp này dưới hình thức chuyện kể. Các bạn hãy dùng máy chiếu phóng to bức tượng thần Prométhée lên, tưởng tượng đoạn Prométhée cầm lửa trao cho loài người, tưởng tượng cảnh Prométhée bị xích chặt vào tảng đá trên núi Caucase, tưởng tượng cảnh Prométhée bị con ác quỷ ngày ngày đến moi gan Prométhée ra ăn, tưởng tượng sự chịu đựng của Prométhée trong niềm tin mình đã hành động đúng khi trao lửa ăn trộm của Trời để đem khai sáng cho loài người.

Các bạn hãy chia nhóm và nghĩ ra những cảnh người kể và người nghe khác nhau:

a. Người kể cho con cháu nghe bên bếp lửa bập bùng thời hiện đại.

b. Người kể và người nghe trong một nghi lễ tưởng nhớ thần Prométhée của người đời xưa.

c. Người kể và người nghe trong một cảnh làm phim với những sáng kiến của đạo diễn và diễn viên cùng nhau tìm cách diễn đạt cao nhất chất anh hùng ca của câu chuyện kể.

Và sau cùng, các bạn hãy đóng vai một người anh hoặc một người chị lớn giới thiệu cuốn sách kể chuyện Prométhée cho các em nhỏ học tiểu học nghe.

Nào, xin mời các bạn cùng học đoạn trích *Prométhée và loài người* trong *Thần thoại Hy Lạp* (Nguyễn Văn Khỏa dịch, NXB Phụ Nữ, 2007).



Prométhée cầm lửa trao cho loài người,
tranh của Jan Cossiers

PROMÉTHÉE VÀ LOÀI NGƯỜI

(Trích Thần thoại Hy Lạp)

Thuở ấy thế gian chỉ mới có các vị thần. Mặt đất mênh mông, dầu đã có khá nhiều vị thần cai quản song vẫn còn hết sức vắng vẻ. Không muốn để tình cảnh buồn tẻ đó kéo dài, bữa kia hai anh em Prométhée¹ và Epiméthée² xin với Ouranos và Gaia tạo ra cho thế gian thêm nhiều nhiều cái gì đó để cho cuộc sống đông vui. Ouranos và Gaia ưng thuận. Hai vị giao luôn việc đó cho hai anh em Prométhée và Epiméthée. Cậu em Epiméthée mừng quá, tranh ngay lấy đất và nước nhào nặn ra trước hết các loài vật và ban cho mỗi con vật một đặc ân của thần, một “vũ khí” để có thể phòng thân, hộ mệnh, bảo vệ được cuộc sống của giống loài mình. Con thì được ban cho ân huệ chạy nhanh như gió. Con thì có đôi mắt sáng xanh nhìn thấu cả đêm đen. Con thì có thân hình khổng lồ mạnh khỏe hết chỗ nói. Có con thân hình bé nhỏ nhưng lại có nọc độc gớm ghê. Rồi con có bộ lông dày, con có sải cánh rộng. Con thì xuống nước không chìm, con thì trèo leo thoăn thoắt... Tóm lại, mỗi con vật, mỗi giống loài đều có “vũ khí” cần thiết để sống được ở thế gian.

Công việc làm xong xuôi, Epiméthée gọi Prométhée đến để xem xét lại. Mọi việc đều tốt, rất tốt nữa là đằng khác. Nhưng xem kỹ ra thì tai hại thay, còn sót lại một con, một con mà chàng Epiméthée dần dần lại quên mất chẳng ban cho một đặc ân, một thứ “vũ khí” gì. Đó là con người! Một con người, nhưng trần trụi, trần trụi hoàn toàn. Phải, đúng là một con người trần trụi hoàn toàn trước mặt Prométhée. Làm thế nào bây giờ? Làm thế nào để con người sống được ở thế gian khi các “nguyên liệu” đặc ân đã được phân phối hết rồi? Con người sẽ sống thế nào trước các con vật: hổ, báo, voi, sói, vẹt, nhím, gấu, ngựa, sư tử, cá, chim... là những con vật đã được sáng tạo hoàn hảo? Là những con vật đã được ban cho đặc ân của thần thánh? Và rồi còn phải đương đầu với nắng, mưa, bão tố, núi lửa phun, nước sông dâng, đất liền phụt chốc thành biển cả, bãi bể hóa nương dâu... biết bao biến thiên, tai họa khôn lường? Prométhée đã nghĩ như thế. Và vị thần có bộ óc thông minh, có tài nhìn xa trông rộng này quyết sửa chữa bằng được cái thiếu sót của chú em lơ đãng, dần dần của mình.

1 Tiếng Hy Lạp prométhée: người tiên đoán.

2 Tiếng Hy Lạp épiméthée: người lơ đãng, đang trí, dần dần.

Prométhée dựa theo thân hình trang nhã của các vị thần tái tạo lại con người cho có một thân hình đẹp để thanh tao. Phải làm cho con người đẹp để thanh tao hơn hẳn con vật. Prométhée lại làm cho con người đứng thẳng lên, đi bằng hai chân để đôi tay được thảnh thơi làm nhiều việc khác. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Con người vẫn còn yếu yếu và thua kém nhiều so với các con vật. Phải làm cho con người mạnh hơn hẳn con vật thì nó mới có thể sống được trong thế gian này. Prométhée liền băng ngay lên bầu trời cao xa tít tắp, đến tận cỗ xe của thần Mặt trời-Hélios, lấy lửa của thần Mặt trời châm vào ngọn đuốc của mình đem xuống trao cho loài người. Và thế là từ đó, thế gian, mặt đất lúc nào cũng rực cháy ngọn lửa của Prométhée ban cho. Con người thoát khỏi cảnh sống tăm tối, giá lạnh, đói khát. Ngọn lửa trở thành người bạn thân thiết, người bảo vệ chắc chắn nhất, một vũ khí mạnh nhất của loài người. Ngọn lửa của con người hơn hẳn bộ lông dày, hàm răng sắc, cặp móng nhọn, thân hình đồ sộ, khỏe mạnh, tài bay cao, nhìn xa, chạy nhanh... của bất cứ con vật nào. Và với ngọn lửa của Prométhée, con người, thế hệ này qua thế hệ khác, tạo dựng cuộc sống của mình ngày càng văn minh hạnh phúc hơn.

Và từ đó dẫu mong manh và yếu yếu,

Loài người đã có ngọn lửa của Prométhée;

Ngọn lửa thiêng dạy họ biết bao nghề.

Prométhée đã lấy ngọn lửa hồng thiêng liêng, báu vật riêng có của các vị thần đem trao cho loài người. Việc làm đó khiến thần Zeus, đấng phụ vương của các thần và người trần thế, căm tức đến điên đầu sôi máu.

Zeus phải trừng phạt loài người để cho Prométhée biết rằng Zeus là một kẻ có quyền lực, rằng sự hy sinh tận tụy của Prométhée cho cuộc sống của loài người là vô ích.

Tuy loài người trở thành bất tử nhờ ngọn lửa của Prométhée nhưng tội ác và tai họa cùng với biết bao điều xấu xa, điên đảo cũng trở thành người bạn đường bất tử của loài người. Vì lẽ đó, loài người chẳng thể có được cuộc sống đạo đức, văn minh, hạnh phúc như Prométhée mong muốn.

Zeus phải trừng phạt Prométhée để cho loài người biết cái giá phải trả cho hành động táo tợn, phạm thượng, dám cướp đoạt báu vật thiêng liêng độc quyền của thần thánh, ngọn lửa hồng không mệt mỏi, là đất đến như vậy. Những kẻ nào nuôi giữ tấm lòng thương yêu loài người, hằng ham muốn thay đổi số phận loài người hãy lấy đó làm gương.

Zeus ra lệnh bắt Prométhée giải đến một đỉnh núi cao chót vót trong dãy núi Caucase, xiềng chặt Prométhée vào đó. Héphaïstos, vị thần Thợ Rèn danh tiếng, trước đây đã sáng tạo ra người thiếu nữ Pandore, nay đảm nhận việc đóng danh xiềng Prométhée vào núi đá. Prométhée bị đày đoạ, ban ngày dưới nắng bỏng cháy da, ban đêm dưới sương tuyết rét buốt thấu xương. Chưa hết, ngày ngày Zeus còn sai một con đại bàng có đôi cánh rộng và dài đến mổ bụng ăn buồng gan của Prométhée. Zeus nghĩ rằng dùng những cực hình đó, Prométhée sẽ phải khuất phục quy hàng mình, Prométhée sẽ phải từ bỏ lòng thương yêu loài người và thái độ chống đối đầy kiêu hãnh và thách thức đối với Zeus và thế giới thần linh. Nhưng Prométhée vẫn là Prométhée, trước sau như một không hề run sợ đầu hàng Zeus. Và thật là kỳ diệu và lạ lùng biết bao, buồng gan của Prométhée cũng bất tử! Ban ngày con ác điểu ăn đi bao nhiêu thì ban đêm buồng gan của Prométhée lại mọc lại bấy nhiêu, nguyên vẹn, tươi mới, không hề mang dấu vết của một sự tổn thương, xúc phạm nào.

Prométhée biết trước số phận của Zeus: Nếu Zeus lấy nữ thần Thétis¹, một nữ thần Biển, thì đứa con trai, kết quả của cuộc hôn nhân này, lớn lên sẽ lật đổ ngôi báu của cha nó để giành lấy quyền cai quản thế giới thần linh và loài người như xưa kia cha nó đã từng làm đối với ông nó, Cronos. Quả thật là một sự hiểu biết vô cùng quý báu, có thể nói là vô giá đối với Zeus. Zeus mà biết được điều này thì sẽ càng hống hách, kiêu căng tàn bạo hơn nữa. Nhưng Zeus không biết. Đúng hơn Zeus chỉ biết có một nửa, nghĩa là Zeus chỉ biết con mình sẽ lật đổ mình, cướp ngôi của mình. Nhưng đứa con ấy do người vợ nào, nữ thần nào kết duyên với Zeus sinh ra thì Zeus không biết. Thế giới thần thánh của đỉnh Olympe có biết bao nhiêu vị nữ thần: Aphrodite, Athéna, Thétis, Déméter, Artémis, ba chị em Moires..., biết tránh ai và lấy ai? Đó chính là điều Zeus vô cùng quan tâm và hết sức lo lắng. Zeus tưởng rằng cứ xiềng Prométhée vào núi đá, đày đoạ Prométhée, dùng con ác điểu tra tấn hành hạ Prométhée thì đến một ngày nào đó, Prométhée phải van xin Zeus tha tội, Prométhée phải khai báo cho Zeus biết tỏ tường điều bí ẩn mà Prométhée bấy lâu vẫn giấu kín. Nhưng Zeus đã tính lầm. Hàng bao thế kỷ trôi qua, Prométhée vẫn không hề nao núng, nhượng bộ Zeus. Cuối cùng chính Zeus phải khuất phục trước sức mạnh ý chí của Prométhée. Zeus phải hàng phục Prométhée.

1 Các nữ thần Biển, có tên gọi chung là Néréides, con của lão thần Biển-Nérée.

Người anh hùng Héraclès lãnh sứ mạng giải phóng Prométhée. Sau bao nổi gian truân thử thách với những chiến công cực kỳ phi thường, cực kỳ vĩ đại, chàng đã đến đỉnh núi cao chót vót Caucase. Bằng một mũi tên thần, Héraclès giết chết con ác điểu. Thần Zeus bắt lực, đành phải cởi bỏ xiềng xích cho Prométhée. Và chỉ đến lúc đó Prométhée mới nói cho Zeus biết điều bí mật. Nhưng để khỏi mang tiếng là người đã cam chịu thất bại trước ý chí kiên định của Prométhée, Zeus sai thần Thợ Rèn Héphaïstos rèn một vòng sắt nhỏ và gắn lên đó một miếng đá con con để cho Prométhée đeo vào ngón tay như là vẫn xiềng Prométhée vào núi đá!

Luyện tập

1. Thảo luận và viết tiểu luận: Câu chuyện *Prométhée bị xiềng* mang tính ẩn dụ gì? Hãy nói ý nghĩ của bạn về ẩn dụ đó.
2. Thảo luận và viết tiểu luận: Chỉ riêng một chi tiết ngọn lửa trao cho con người trong truyền thuyết đã đủ mang đầy đủ tính ẩn dụ chưa? Còn cần những chi tiết nào khác nữa để thành một *hình tượng Prométhée*?
3. Viết tiểu luận: Dùng câu chuyện thần thoại *Prométhée bị xiềng* để giới thiệu và định nghĩa “Thần thoại là gì?” Nói rõ đặc điểm của thần thoại, và xếp thần thoại vào phương thức biểu đạt gì?
4. Viết tiểu luận: Nói ý nghĩ của bạn về việc vì sao các thần linh trong thần thoại cũng có tính nết và hành vi như của con người?

BÀI 2

ĐAM SAN THỜI THƠ ẤU **(Trích trường ca dân tộc Ê-đê)**

Hướng dẫn học

Trước khi học Bài 2 này, các bạn hãy đọc lời giới thiệu các trường ca và sử thi Tây Nguyên của nhà nghiên cứu văn hóa Linh Nga Niê Kdam.

1. Hệ thống các trường ca, sử thi Tây Nguyên

Cho đến nay, nhờ chương trình sưu tầm của Nhà nước lẫn sự miệt mài của vài nhà sưu tầm tại địa phương, đã tìm được trường ca, sử thi của chín tộc người: Ê-đê, M'ông, Bahnar (kể cả Bahnar R'ngao ở Kontum, Bahnar Kriem ở Bình Định), Răk-glây, Xê-đăng, Chăm Hroaih, J'rai, H'rê và Cơ-tu. Ngoài ra còn một số đứt gãy ở các tộc người khác như K'ho, Ca Dong...

Các trường ca, sử thi đã thể hiện những ước mơ ngàn đời nay của chung tất cả những cư dân canh tác lúa rẫy là mong mỗi có một cuộc sống bình an, không bị các thế lực xấu hãm hại, có hạnh phúc lứa đôi và một thiên nhiên trù phú để tạo dựng nên đời sống của buôn, plei không chỉ dồi dào, no đủ vật chất, mà còn giàu có về tinh thần, tôn trọng những giá trị văn hóa truyền thống lâu đời của ông bà.

Điều đáng lưu ý là đồng bào Tây Nguyên phân biệt khá rõ trong cách gọi của mình về các thể loại văn chương truyền miệng. Ví dụ như người Ê-đê gọi trường ca (hát - kể) là *klei khan* (có vùng là *akhan*, *ghan*, *k'han*), truyện cổ tích (kể) là *klei đưm* và lời nói vẫn là *klei duê*, còn luật tục là *klei bhiat kđi*. Trong tiếng Xơ-đăng: *toi kiã* là kể, *toi kia rnhgia* là hát-kể... chứ không hề có khái niệm sử thi hay không là sử thi.

Do đó rất cần có những công trình nghiên cứu thấu đáo hơn nữa về ngôn ngữ của các tộc người đã sản sinh ra một trong những hình thức văn chương truyền miệng độc đáo như thế.

Trường ca Tây Nguyên ở khía cạnh nào đó, được coi như là những biên niên sử về quá trình hình thành và phát triển kinh tế, xã hội và cuộc sống cộng đồng của cư dân các tộc người trên dãy Trường Sơn. Vì vậy, nó mang trong

mình tính sử thi. Theo văn học, có thể gọi đó là những “tiểu thuyết dân gian bằng văn vần”. Nhưng nếu gọi toàn bộ trường ca Tây Nguyên là sử thi thì có lẽ chưa hoàn toàn chính xác, nên tách trường ca Tây Nguyên ra làm hai hệ thống:

1.1. Hệ thống những trường ca mang tính sử thi

Những trường ca Tây Nguyên mang tính sử thi thể hiện trong nó không chỉ sự hình thành trời đất, con người mang yếu tố thần thoại, mà còn cả quá trình hình thành và phát triển của lịch sử xã hội, phản ánh rõ nét phong tục, tập quán của các tộc người ở Tây Nguyên, tạo nên một bức tranh toàn cảnh sinh động, là lời tự thuật của mỗi tộc người về chính mình, như: *Đam San, Khinh Du, H’ Bia Jáo, Dam Di đi săn*,... của người Ê-đê; *Gyông nghèo tám vợ, Dăm Noi, Xing Chion, Xing Chơ Nhiếp*,... của người Băhnar; *Xinh Nhã, Dăm Phu, H’ Bia Drang* của người Jrai; hệ thống những sử thi của người Mnông như: *Mùa rẫy bon Tiăng, Cây nêu thần, Kể dòng con cháu Mẹ Chep; Duông làm thủ lĩnh, Duông làm nhà rông, Duông ở trên trời*,... của Xê Đăng; *Dăm Noi, Gyoong đi tìm vợ*,... của Băhnar; *Amã Chi Sa, Ea Sa*,... của người Răk-glây.

1.2. Hệ thống các trường ca sinh hoạt

Hệ thống các trường ca sinh hoạt gồm các chuyện hát – kể dài hoặc ngắn cũng dưới hình thức diễn xướng có giai điệu, có hoặc không có minh họa. Hình thức này chiếm ưu thế hơn trong thể loại trường ca Tây Nguyên, đặc biệt là hệ thống trường ca của tộc người Băhnar và không được các nhà khoa học lưu tâm đến. Tác phẩm chỉ đơn thuần là những câu chuyện dài, hát kể về sinh hoạt đời thường, về tình yêu đôi lứa, về cuộc đấu trí giữa con người trần gian với các vị thần thánh, mà không phải lúc nào các vị thần cũng chiến thắng, như trong các tác phẩm *Gyông Dư, Xét và Rôk, Tre Wất ghen ghét Giông* của người Băhnar; *Dăm Kteh Mlan, Đam San thời thơ ấu, Chàng M’Hiêng* của người Ê-đê...

2. Hình tượng nhân vật trong sử thi, trường ca Tây Nguyên

Có nhiều loại nhân vật, với nhiều tính cách xuất hiện trong sử thi, trường ca của các dân tộc ở Tây Nguyên. Nhưng các nhân vật trung tâm bao giờ cũng là những chàng trai cô gái khỏe đẹp, dũng cảm, có hoặc không có phép thần thông, hay có thể được sự giúp đỡ của thần linh. Đối lập với những hình ảnh này là một loạt các nhân vật phụ hung ác, cướp của, bắt người, muốn mở rộng phạm vi lãnh địa và quyền lực. Có thể xếp những nhân vật trong các trường ca, sử thi thành mấy nhóm như sau:

1) Nhóm các anh hùng dũng mãnh: Họ là các tù trưởng hùng mạnh, có lòng can đảm, sẵn sàng xả thân cho sự sống còn của cộng đồng như Đam San, Đam Di, M'trong Dăm... Bao giờ bên cạnh họ cũng có những người con gái vừa đẹp vừa thủy chung, vừa giỏi giang, góp phần vào những chiến thắng của người anh hùng như H'Nhi, H'Bhi, H'Bia Jáo... trong hệ thống trường ca Ê-đê; các nàng Liêng, Mai trong sử thi Mnông

2) Nhóm các chàng trai có xuất thân mồ côi nghèo khổ như Hrit, Gyông Dư, Xét, Xing Chơ Nhiếp, Gyông-Gyơ; hoặc nấp dưới cái vỏ nghèo khổ, bệnh tật hay lừa dối nhưng họ lại có phép thần, hoặc được các Yang phù trợ. Bên cạnh họ là các nàng Bia Lúi, Bia Phu, H'Bia Lênh Long, Bia Jat... không chỉ xinh đẹp mà còn có phép lạ như trong các *H'amon* của người Bâhnar.

3) Nhóm trở thành danh tiếng nhờ đánh nhau như các chàng Xing Nhã, Xing Mnga, Xing Chion thắng trong những cuộc đánh nhau trả thù cho gia đình hay dòng họ hoặc tranh giành ảnh hưởng. Cùng với họ là các nàng Bra Tang, Bia Rang Rai... yêu mãnh liệt và thủy chung, trong các *hri* của người Jrai. Nhóm các tù trưởng, những người anh hùng bao giờ cũng được gắn với vẻ đẹp, sự giàu sang, tinh thần dũng cảm kiên cường, kiêu hãnh và chiến thắng (nếu có thua thì dòng họ, con cháu sau này cũng vẫn chiến thắng kẻ thù). Họ giàu có vì sự tích lũy của cải, sự bội thu trong mùa màng, chứ không phải do đi đánh cướp các bộ tộc khác. Hình ảnh của họ trong cộng đồng bao giờ cũng “đẹp, dũng cảm và hùng mạnh”. Ví dụ như trong trường ca *Khing Dú* (Ê-đê), nàng H'Bia Su nhắc đến tên chàng Trong Đăn với các hình ảnh: “*Chúng tôi thường nghe người ta kể về chàng Trong Đăn giàu có. Chàng là người hùng mạng, như măng mọc mùa hè không bao giờ có bóng mát. Chúng tôi đã biết đến chàng Trong Đăn đẹp trai...*”.

Nói đến họ, các nghệ nhân đều dùng những hình ảnh đặc biệt như: “Ngực chàng Đăm Broăn (Ê-đê) nở như ngọn núi, đôi tay to khỏe như cành đa bám lấy gốc đa”; Hay “*Khing Dú* cười ngựa nhảy lướt nhanh như gió bão”; hay “*Hơi thở Đam San như sấm vang*”. Còn chàng Mô Lia thì “*múa khiên đao nhanh như đại bàng lướt*”. Chàng Gyông Dư (Bâhnar) thì “*Sáng chói bắp chân. Sáng chói đầu gối làm trời nổi giông bão ùng ùng*”, v.v...

4) Nhóm các tù trưởng phi nghĩa đại diện cho những thế lực hợm của, hiếu chiến, chuyên đi tranh cướp đất đai, các cô gái đẹp để phô trương thanh thế và tranh giành ảnh hưởng như Mtao Mxây, Mtao Grứ, Tơ Dăm Hmã, Dăm Chút... thì trường ca nào cũng thấy xuất hiện. Với những nhân vật này, các

nghệ nhân bao giờ cũng dùng những hình ảnh xứng đáng để miêu tả: Mtao Grứ trong *Đam San* (Ê-đê) thì *“Tiếng khiên nghe chỉ lóc cóc như hạt trong quả bầu khô”*. Ya Rơ Bú trong *Xinh Nhã* (Jrai) thì *“như cái nắm khô rúc dưới lá tranh, lá lau...”*.

5) Nhóm các vị thần linh: Ông Gõn của người Ê-đê; Thần Sét của người Bahnar; Thần Ndu, Yang Kong Puh... của người Mnông; Ông Tú của người Jrai... mặc dù là thần linh (Yang) chi phối hoàn toàn đời sống của con người, nhưng các vị này không hề có vị trí cao xa, cách biệt mà được “nhân hóa” trở thành rất gần gũi (thậm chí còn là họ hàng với con người dưới trần thế và thực ra được trân trọng ngang bằng các dũng sĩ, tù trưởng hay người đẹp). Các vị thần linh này cũng có kẻ xấu, người tốt. Thần tốt thì luôn phù hộ, giúp đỡ cho những người anh hùng, cho các buôn làng như ông Gõn, thần Ndu, Yang Kon kong, Kuach Yong... còn thần xấu thì nhỏ nhen, ích kỷ, mang tâm địa xấu xa luôn tìm cách hại người trần, như các thần Liê, thần Sợng, Dong Kon Nghe, v.v...

6) Hình ảnh những người phụ nữ: Quán xuyên chủ đạo trong đa số các trường ca, bên cạnh hình ảnh những người đàn ông anh hùng biết xả thân vì cộng đồng, vì dòng họ là những người phụ nữ cùng cộng đồng khai hóa sản xuất, tạo dựng nên quyền bính trong gia đình, dệt may trang phục và đặc biệt là phát triển nòi giống. Họ cũng được nhắc đến với những vẻ đẹp không ai bì kịp. Có thể liệt kê như sau:

- Nàng H’Nhi trong *Đam San*: *“Cả người lấp lánh như cái đĩa khiên đồng”*.
- Nàng H’Bhi thì *“ngón tay như lông nhím, mặt tròn như quả hồng rừng”*.
- Nữ thần Mặt trời có *“Bước đi như điều bay ó liệng, như nước lững lờ trôi”*.
- Bin - cô gái Mnông *“lời nói như tre nổ. Cặp vú nở tròn như bắp chuối”*.
- Nàng H’Y Du của Xing Chion thì *“cái miệng tròn như búp hoa bí, nói ngọt như mật ong, bước đi như chim công xòe đuôi múa”*.
- Nàng Bin Xin trong *Gyông nghèo tám vợ* thì *“má như trăng khuyết, hồng như hoa tởp, cầm đẹp như trăng rằm”*...

3. Trường ca sử thi trong môi trường văn hóa Việt

Còn một điều đáng lưu ý là nhiều chi tiết trong các trường ca, sử thi của Tây Nguyên có thấp thoáng dáng nét của văn chương Việt Nam và thế giới. Ví dụ như trong *Thác Leng Gung* miêu tả: Bốn lần quân Prum (Trung Quốc) sang đánh cướp tảng đá chuông của người Mnông, lần thứ nhất 3 ngàn quân, lần

thứ hai 6 ngàn, lần thứ ba 12 ngàn, lần thứ tư 14 ngàn... Người Tây Nguyên cổ không có số đếm đến vạn, đến triệu. Vậy những con số ấy có ứng với các lần, với số lượng mà phong kiến phía Bắc đưa quân sang xâm lược nước Đại Việt không?

Hình ảnh trái tim chàng Đăm Bri (trường ca M'Nông) biến thành ngọn lửa đi tìm lại bà con dòng tộc sau thảm bại của cuộc chiến không cân sức, hay chỉ tiết dù trái tim của Jơ đã chết, vẫn theo Dang về quê hương trong trường ca của người Bana Rngao... gợi cho ta thấy có điều gì trùng hợp với vở tuồng Đồng Kim Lân của người Việt, khi bị chặt đầu vẫn hiện lên soi đường cho bạn, hay câu chuyện của chàng Đan Cô trong văn học Nga?

Không thể nói các nghệ nhân Tây Nguyên lấy hình mẫu từ những câu chuyện trên, mà chỉ có thể lý giải điều này bằng sự hoà đồng nhưng vẫn mang tính độc lập của văn học dân gian Tây Nguyên với văn chương người Việt và thế giới, là bởi có nguồn gốc từ những mối quan hệ giao lưu văn hoá xa xưa nào đó giữa các nước, các cộng đồng dân tộc trong khu vực và thế giới. Cũng như vậy, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy trống đồng của người Việt – Mường, hoặc các di tích Chăm ở nhiều vùng trên Tây Nguyên, hay truyền thuyết M'Nông gọi vùng Sài Gòn là Sê Goong (cánh đồng chiêng, nơi tìm ra chiếc chiêng quý). Điều này càng khẳng định vị trí quan trọng của văn hoá dân gian Tây Nguyên nói chung, trường ca, sử thi nói riêng trong hệ thống văn chương truyền miệng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Ama Đoan – Linh Nga Niê Kdam (sưu tầm), *Nàng H' Bia Tô*, Nxb Kim Đồng, 2001.
2. Điếu Kâu – Đỗ Hồng Kỳ (sưu tầm & dịch), *Sử thi cổ sơ M'Nông*, Nxb VHDT, 1993.
3. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên*, Nxb KHXH, 2006.
4. Nguyễn Hữu Thấu (dịch), *Bài ca chàng Đam San*, Nxb VHDT, 1997.
5. Nguyễn Hữu Thấu (sưu tầm & dịch), *Bài ca chàng Đam San*, Nxb KHXH, 1998.
6. Y Điêng (sưu tầm), *Dam Di, Xing Nhã*, Nxb VHDT, 1997.

ĐAM SAN THỜI THƠ ẤU (Trích Trường ca dân tộc Ê-đê)

Tóm tắt cốt truyện: Đam San có hai người chị, nhưng là những người nghèo, những nô lệ bị chủ ruộng bỏ. Nhờ được sự cứu giúp của những chàng trai nhà Trời, nên cuộc sống ngày một sung túc hơn. Đam San lớn lên, trả thù Mtao và chăm chỉ làm ăn nên gia đình trở thành giàu có.

Dẫn chuyện:

Chúng tôi kể về chuyện cổ xưa xa lắc xa lơ của núi non quê hương ta. Theo lời truyền từ ông bà để lại, từ vụn vặt, rầy rường, lời dạn dò từ chú qua bác. Chuyện này kể về Đam San và các chị em chàng là nô lệ của tù trưởng giàu có. Họ phải ở ngoài bìa rào ngăn cách. Nghe lời chú kể, bác bảo phải đi tìm, nên tôi cầm tẩu thuốc theo từ bác, làm rầy rường theo từ chú. Tôi người còn trẻ, lưng chưa dài vai chưa rộng, chưa đủ lớn để cà răng. Nên tôi tìm học từ chú, nghe từ bác câu chuyện xưa. Nay tôi đã quen lối, đã rõ đường họ đi. Lời họ k'út, họ k'han tôi đã thấy, đã lấy được từ lời họ nói.

Tên của hai chị là H'Prăk, H'Nui. Họ đã từng làm nô lệ của Mtao. Nhưng nay tù trưởng vì lý do gì đó đã không còn đoái hoài, không muốn nuôi chị em họ nữa, nên Mtao mới buộc họ ra ở ngoài rìa, nơi ven suối, bên kia bờ rào. Thức ăn hẳn không cho, cơm cũng không cấp, không nuôi ba chị em họ nữa.

Mtao:

– Nay H'Prăk, H'Nui! Hãy ra ở ngoài luôn, ra ngoài rìa bên kia rào. Ngủ tại đấy, ở tại đấy. Hãy ở lại đó mà nghe tiếng chiêng, tiếng trống của nhà ta.

H'Prăk, H'Nui van xin:

– Thưa Mtao, sao lại như thế này? Ông làm như vậy thì chúng tôi biết sống dựa vào đâu? Sao Mtao lại bỏ rơi ba chị em chúng tôi vậy?

Mtao nói:

– Ai mà biết được các người. Hãy tự kiếm lấy mà ăn. Khoai *êning* tự đi đào, khoai rừng tự đi bới. Tự cầm *knuih*, cầm *phal*¹ đi tìm chớ, ba chị em chúng mày. Ta không muốn nuôi các người nữa. Chiêng ta đã đầy gian ngoài, *knah*² ta đã

1 Knuih, Phal: dụng cụ lao động.

2 Một loại chiêng.

chặt gian trong. Người hầu kẻ hạ của ta cả nam lẫn nữ cũng đã đầy ắp trong nhà. Chúng mày hãy đi đi, ra ngoài buôn ngoài rào của ta mà ở.

Mtao chỉ để lại cho họ một cái bát, một cái nồi. Họ đã đi với chỉ từng ấy thứ ra ở ngoài rìa rào mà thôi.

Ba chị em bảo nhau:

– Thôi đừng nên ở nhà người Bih. Đừng nên sang nhà người Mnông. Hãy chỉ ở nhà kho bỏ hoang để trống đó thôi.

Họ ở được một ngày, hai ngày vẫn còn gạo ăn trong hũ. Nhưng gạo cạn dần rồi hết hẳn. Thấy tội nghiệp đứa em trai không còn thứ gì để ăn, nên chị em mới rủ nhau:

– Chúng ta hãy đi đào củ mài, đi tìm cái gì mà lót bụng đi.

Ba chị em đi mãi trong rừng kiếm củ mài hay củ *éning*¹ để làm cái ăn. Nhưng tìm chỗ này không gặp, đào chỗ kia cũng không thấy, trong rừng trong rú không chỗ nào thấy củ. Họ cứ như khách qua đường đi ngang qua rừng, nên nhìn chẳng thấy có củ khoai nào.

Qua một ngày, ở hết một đêm, đến một sáng sớm chị em lại đi tìm. Đi hết cánh rừng già, đi thử qua ven đầm sậy, đập lên cả rừng cỏ tranh. Hết cả ngày mới tìm được một dây củ mài. Thế là họ bắt tay vào đào. Ba chị em thay nhau đào mãi, đào mãi, sao chẳng thấy củ? Càng đào, càng mong lại càng không thấy bóng dáng một củ nào, dù nhỏ. Đào tiếp thêm một đoạn *knuih* nữa, ngược mắt lên đã thấy mặt trời xé bóng. Ba chị em lại rủ nhau đi tìm củ nơi khác. Họ cứ đi, đi mãi. Qua một cánh rừng khớp lại dừng tìm củ mài, kiếm vài dây củ *éning*.

Mãi cũng gặp một dây.

– Ba chị em mình lại đào chỗ này thôi.

Họ cứ thế mà cầm cúi đào mãi.

Lúc này nghe có tiếng người đi săn, họ cầm theo giáo để đâm, cầm nỏ để bắn. Họ đi tìm cả bắp chuối non và đọt rau rừng.

Một người đi săn nói:

– Này bạn ơi! Chúng ta đi qua rừng nào đây?

– Chúng ta sẽ đi tìm nơi thú nằm, nơi nào có con thú ra ăn, nơi đó chúng ta sẽ đi qua.

1 Éning: Một loại củ rừng.

Đi được một đoạn rừng khộp, qua ngang một khúc rừng già, đi một quãng dài cùng với bầy chó, thì họ nghe tiếng lịch bạch của những người đang đào củ.

Mấy người đi săn bảo nhau:

– Chắc vùng này là nơi thú ăn, là chỗ thú nằm rồi đó!

Thế nên họ bảo nhau đi nhẹ bước. Tai cứ nghe tiếng lịch bạch, làm cho ai cũng muốn bắn ngay bằng nỏ với mũi tên độc. Nhưng rồi họ giật mình, vì ai đó làm gì rung cả núi, động cả rừng.

– Đúng là vùng có con thú ăn rồi. Nhưng tôi bắn không kịp bạn ơi.

– Vậy thì về thôi. Mặt trời đã xuống ngang qua chiều rồi. Chúng ta về đi bạn ơi.

Khi về tới nhà bà hỏi cháu:

– Các cháu đi săn có gì may mắn không?

– Ôi! Tội nghiệp quá bà ơi! Chẳng được một chút gì cả bà ạ. Chỉ nghe có tiếng động rung rừng rung núi. Tưởng bắn được, nhưng lại không thấy con thú nữa. Chắc lũ nó trốn trong hang hay trong động gì đó rồi.

– Không phải đâu cháu ạ. Đó là người trần gian họ đói khoai phải đi tìm đào, đói rau không có gì mà ăn, nên họ phải mang *Knuih* đi đào, cầm *phal* đi bói đó thôi.

– Ôi! Thế thật hả bà? Họ là người dưới trần gian hả bà? Vậy họ người ngợm ra sao?

Bà bảo:

– Tên của họ bà cũng biết. Họ là H'Prăk, H'Nui và chàng Đam San. Ba chị em họ đi tìm củ *êning*, đi đào củ mài. Trước họ là nô lệ của Mtao. Nay Mtao để họ ở ngoài hàng rào tự đi đào củ mài, bói củ *êning*, khổ như thế đấy.

Chàng trai người trời:

– Bà ơi! Hãy cho cháu đi xem họ ra sao nhé!

– Thôi thôi cháu ơi! Họ sẽ xấu hổ với cháu đấy. Cháu là người may mắn, được ăn ngon, ngủ sướng, khỏe khoắn đẹp trai. Còn họ nghèo khổ, mặc *m'êng*¹ chỉ đến đầu gối. Thôi cháu đừng đi xem họ làm gì. Họ lại càng xấu hổ với cháu là người trai trẻ.

1 M'êng: váy.

Lâu lâu chàng đi săn lại nhắc với bà lời cầu xin ấy. Một lần, hai lần. Đến lần thứ ba thì bà đành phải cho phép:

- Cháu thật sự muốn biết họ à? Thế thì cháu đi, nhưng đem theo cả cơm gạo thức ăn cho họ. Đem theo cho họ lúa một hạt, bắp một hạt, bầu bí ớt cà mỗi thứ đều một hạt nhé.

Chàng trai rủ bạn:

- Chúng mình đi thôi bạn ơi. Đi tới chỗ chúng ta định săn mỗi bữa trước đó mà.

- Thế thì bạn cứ đi trước đi. Vì đường chúng tôi không rõ nên chúng tôi sẽ theo sau.

Họ cùng ra đi tới gần nơi ba chị em đang đào củ. Nghe tiếng người, H'Nui mắc cỡ vì bận vấy cộc nên bỏ chạy nấp sau bụi cây, còn hai người vẫn đào tiếp.

Các chàng trai lên tiếng gọi:

- Ô! Các chị em đang làm gì đấy?

- Thôi thôi đừng có hỏi làm gì các anh ơi. Bụng cào, ruột kéo, người chúng tôi héo vì đã hết cơm, cạn gạo rồi. Chúng tôi phải đi tìm *êning*, đi đào củ mài, nên mới phải cầm *phal*, cầm *knuih* này.

- Thế hả? Đâu, để chúng tôi xem xem hố củ *êning*, củ mài mọi người đào như thế nào rồi. Ôi! Sao chỉ có củ cỡ này thôi à chị em? Củ nhỏ vậy làm sao ăn được đây? Củ chỉ bằng cán dao, đào mãi cũng chỉ thấy bằng cán cuốc, ăn thì đầy xơ, đầy sợi...

- Biết làm thế nào được hả các anh em? Đành phải chịu thế thôi. Chúng tôi sẽ cố gắng đào tiếp cho được dài thêm rồi mới bẻ về ăn, mang về nấu. Như thế thôi các anh ạ.

- Chúng tôi đi ngang qua chỗ kia thấy có một dây củ mài có gai như dây này các bạn ơi! Mình lại xem chỗ cái dây củ mài tôi đụng phải, đúng cái dây củ mài tôi vấp xem sao nhé!

Họ kéo nhau đi xem và kêu lên:

- Đúng là dây củ mài thật rồi, đào đi chị em ơi. Mình cứ đào thử đi chị em à.

Thế là họ xúm nhau bắt đầu đào. Mới bịch bịch hai ba nhát đã đụng củ. Đào chệch sang một bên cũng lại gặp củ.

- Sao lại nhiều thế nhỉ?

– Ô! Tại dây củ này to bằng ngón chân cái, nên củ khoai mới to bằng cái mặt gùi đó.

– Chao ôi! Tôi không biết phải đào như thế nào nữa các anh ơi.

– Thì cứ đào xa xa ra một tý. Mở rộng miệng hố ra mà đào xuống chớ.

Các chàng trai gọi nhau:

– Này bạn! Giúp chị em đi, bới đi bạn ơi. Hãy giúp họ một tay, mở miệng hố, đào một vòng cho họ.

Đào xuống khoảng chừng một khuỷu tay thì gặp củ càng to hơn.

– Ôi! Củ to lắm! Củ to lắm! Này hãy nhìn mà xem. Bỏ trong gùi là đầy hết gùi. Chùi sạch đất đi bỏ vào cũng đầy nữa.

Họ mãi mê đào, chiều xế lúc nào không ai hay. Một chàng đi săn nói:

– Chị em cứ ở đây mà đào cho xong, đong cho đầy gùi nhé. Còn chúng tôi ná cầm trong tay, giáo mang trên người, nên chúng tôi phải đi săn, đi tìm đột non, bấp chuỗi đây.

– Thế thì các anh em cứ đi đi! Cứ đi thôi!

– Chị em đào xong mang về nhà cho hết nhé. Nếu tiện đường, chúng tôi sẽ ghé qua. Chị em hãy nấu nồi to, nồi lớn cho chúng tôi ăn thử với.

– Thôi anh em ạ, ngại lắm. Không muốn để các anh tới nhà chúng tôi đâu. Không thể được đâu các anh ơi. Nhà đã rách rưới đột nát, nhìn lên trên ngó được trăng sao, trông xuống dưới thấy phân trâu, phân bò. Nhà như thế đó, các anh đừng có ghé chúng tôi.

Các chàng trai cầm nỏ đi săn, cầm giáo đi tìm. Nhưng họ không phải đi săn mà lần theo dấu chân đi đào củ mài của ba chị em H'Prăk, H'Nui.

– Đây rồi! Đây rồi! Nhìn thấy dấu chân của họ đây rồi!

Đi ngược lên một đoạn thì các chàng tới con đường đi về buôn của Mtao, qua một hồi nữa đến bến nước của Mtao, họ gặp ngay lũ trẻ đi gùi nước.

Các chàng trai hỏi thăm:

– Hỡi các em đi gùi nước, đây là buôn gì?

– Đây là buôn Mtao của chúng tôi đấy. Tất cả chúng tôi đây đều là người của nhà Mtao.

– Thế còn nhà kia bỏ hoang à? Nhà đó có người ở không?

– Đó là nhà của ba chị em mà chủ chúng tôi đã bỏ. Thức ăn chủ chúng tôi không cấp, cơm cũng không cho. Chủ chúng tôi không thể nuôi họ được nữa.

Mtao chúng tôi là người giàu có, chiêng bằng đây gian ngoài, chiêng nùm đây gian trong. Người hầu kẻ hạ đây nhà.

– Thế tại sao lại bỏ họ ở ngoài rào? Tại sao phải bỏ họ ở ngoài rìa, ngoài buôn?

– Chúng tôi làm sao biết được vì sao Mtao lại để họ ở ngoài đó. Chỉ biết người ta gọi họ là H’Prăk, H’Nui, Đam San thôi.

– Tiếc thật! Sao Mtao lại đối xử với người ta như thế nhỉ? Bạn ơi! Chúng ta đi lên xem thử nhà của họ nhé!

Các chàng trai lên chòi. Họ chỉ nhìn thấy một cái nồi nấu cơm nhỏ, nồi nấu thức ăn cũng một cái. Chảo rang bắp, nơi bếp nấu ăn, họ đều ngó qua hết cả.

– Ôi tội nghiệp mấy chị em quá! Sao Mtao lại để họ đến nông nổi này nhỉ? Thôi các bạn ạ, chúng ta làm phép giúp đỡ cho họ đi. Đây này, tôi lấy lá úp, lá mở cho các Yang đỡ hộ, làm phép cho gạo bỏ vào trong hũ nhé!

Gạo từ từ dâng lên đầy hũ. Thế là đã có gạo cho ba chị em H’Prăk, H’Nui ăn rồi. Chàng đi sẵn lại mở chiếc gùi đầy tám vải để ở chỗ đầu nằm. Chàng ngó xem rồi nói:

– Ta lấy lá úp, lá mở ngược nhau, có các Yang giúp đỡ cho họ *m’iêng*, áo mới, ban cho họ áo váy đầy gùi.

Chẳng mấy chốc áo đã đầy gùi, *m’iêng* đã đầy giỏ, bỏ ngay ngắn ở chỗ đầu nằm của ba chị em. Thấy gạo đã có, *m’iêng* áo đã đầy mà thức ăn lại không có, các chàng trai bảo nhau:

– Chúng ta phải cho họ cả thức ăn nữa chứ.

Thế rồi chàng làm phép biến bên tây có ba con gà mái nhảy, bên đông cũng có ba con mái gà đang ấp. Rồi lại làm phép cho thịt khô từng bó bằng cây cột nhà, sắp dọc trên xà ngang.

Xong xuôi họ bảo nhau:

– Thôi chúng ta đi sẵn bạn ạ!

Trước khi đi, họ nhìn lại tất cả, rồi làm phép cho căn chòi có thêm nào là bầu nước, ché để ủ rượu, tất cả đều đầy đủ hết. Mãi miết giúp đỡ, họ quên là trời đã xế chiều. Một người nhắc:

– Đã đến giờ về rồi đấy, chúng ta phải đi thôi!

Họ đi xa được một đoạn, ngừng lại chờ khoảng một hồi, rồi lại bảo nhau:

– Nay các bạn! Bây giờ chúng ta ghé thử lại nhà họ đi. Chắc họ đã nấu xong củ mài rồi đấy.

Họ quay lại. Con đường đi qua, không ghé cũng phải tới nhà. Một chàng trai hỏi với lên:

– Chị em ơi! Về nhà rồi chớ? Mang theo cả *êning* đi đào củ mài đi bới đó chớ?

– Ô, về rồi các anh ạ. Nhưng thôi, các anh đừng có lên nhà chúng tôi làm gì. Nhà cột cong cột vẹo, nhìn lên thấy trăng sao, nhìn xuống dưới thấy phân heo, phân bò.

– Không sao đâu mà! Chúng tôi muốn lên nhà là để xem củ mài đã nấu chín chưa thôi.

– Chúng tôi nấu xong đây rồi các anh ạ. Nấu bằng nồi to để các anh cùng ăn khoai rừng. Củ nhiều xơ, đành ăn tạm cho đỡ thôi.

Mấy chị em bày khoai ra mời khách.

– Mời các anh ăn đi! Khoai này xơ, khoai sọ. Hãy ăn củ *êning*, củ rừng đi các anh.

– Thôi này, chúng ta cùng ăn đi chứ.

Tất cả mấy người cùng ngồi ăn. Vừa ăn các chàng trai đi săn vừa khen:

– Củ ngon, khoai tốt lắm đấy chứ! Ăn no đấy, cũng như ăn cơm thôi chị em ạ.

Một chàng trai đã ăn xong, uống ngụm nước rồi xúc miệng. Chàng ra sân nhà sau nhổ nước miếng, không ngờ nhổ trúng chiếc nong che úp H’Nui đang nắp trong đó, khiến cô phải chui ra.

– Ôi, có người hả? Không may tôi lại nhổ trúng rồi! Xin lỗi chị em nhé.

– Ôi! Nó không sao đâu! Nó xấu hổ với các anh em đó thôi.

– Thôi vô trong nhà ăn khoai đi. Sao lại làm như thế? Ủa đây là con của chị hay là... sao?

– Các anh ạ, chúng tôi là ba chị em mồ côi, không cha, không mẹ. Là những người mà người ta đã bỏ đi rồi đó.

– Thật tội nghiệp! Có chuyện như thế thật sao?

– Cũng thật tội nghiệp cho các anh khi lên đây, chúng tôi không có gì ngoài củ mài này đâu.

– Này các chị em ơi. Hãy thử tìm trên xà nhà xem, biết đâu Mtao để sót lại gạo ăn thì sao?

– Làm gì mà có gạo họ để đây cơ chứ. Họ đuổi chúng tôi đi vì họ không cần đến chúng tôi nữa, không muốn nuôi chúng tôi nữa. Như vậy các anh còn bảo có gì mà để lại gạo ở đây?

– Thế mình cứ thử lên xem sao, thử một chút có gì mất đâu chứ. Biết đâu thấy được gạo bị bỏ quên trên đó cũng nên.

H’Prăk không muốn lên cũng đành phải leo lên gác bếp. Không định bắc thang cũng phải bắc mà trèo. Khi lên đến nơi lại thấy có đầy một hũ gạo.

Cô kêu lên:

– Ô! Có gạo thật, có gạo thật đấy các anh ơi! Thôi, hãy lấy nôi mà nhóm bếp lên đi!

Mấy chị em lấy cái nôi to, nôi lớn nấu cơm đãi khách. H’Nui ngồi nấu cơm chỉ có chiếc váy cộc, ngắn ngang đầu gối. Cô vẫn còn mắc cỡ lắm.

H’Prăk lại nói:

– Cơm thì có gạo để nấu rồi. Nhưng thức ăn đến canh nhạt muối, canh rau rừng cũng không có. Tôi biết lấy gì làm thức ăn cho các anh bây giờ đây?

– Chị lại đi xem thử ở cửa sau, biết đâu Mtao còn để lại một con gà nhép nào chẳng?

– Người ta đã đuổi mình đi thì làm gì mà có gà heo để lại cơ chứ?

– Cứ đi xem thử chỗ cửa sau đã!

Nàng không muốn đi cũng phải đứng lên bước ra cửa sau và nhìn thấy lúc nhúc bấy gà đang ấp. Nàng liền bắt lấy một con gà. Vậy là đã có thức ăn rồi. Chàng trai lại bảo:

– Sao có thể như thế được? Lấy gà mái đang ấp thì còn trứng nó ấp với ai? Nếu đã lấy thì phải lấy hết cả trứng cả gà mái chứ!

H’Nui lại đi ra lấy hết cả gà và trứng, rồi đem nấu cả trứng lẫn gà làm thức ăn, mời các chàng trai ăn cơm.

Các chàng trai bảo mấy chị em:

– Chị em ơi, ăn cơm đi. Hôm qua hôm kia các chị em không có cả cơm mà ăn, không có cả thịt mà bốc. Chị em cứ phải nhịn cơm nhịn canh mà đi đào củ *êning*, đi tìm củ mài. Phải cầm *knuih*, cầm *phal* mà vào rừng tìm củ.

– Thế thôi các anh ạ. Bây giờ cũng sẽ như vậy thôi. Đã ăn khoai ăn củ rồi, lại có gạo tẩm nấu thành cơm thì các anh cứ ăn đi chứ!

– Cả ba chị em hãy ăn cho nhiều đi. Chúng tôi chỉ ăn vậy thôi.

Một chàng trai nói với cả bọn:

– Các bạn hãy ở trong nhà này, tôi ra ngoài đi dạo một vòng đã nhé.

Chàng đi xuống nhà sau phía bên tây, dậm dậm đất trên con đường ra rẫy ngang qua gần nhà, có tiếng kêu bịch bịch.

– Ô! Cái gì đây nhỉ? Cái gì dưới này mà có tiếng vang như thế? Ô ông, ơ bà, ơ các chị em ơi!

– Có việc gì mà chàng kêu bốn, năm, hai, ba người thế?

– Tôi đi qua sau nhà nghe có tiếng vang bịch bịch, các chị các em hãy thử đi xem sao. Biết đâu là hố người ta chôn chiêng nùm, chiêng bằng hay hố họ chôn ché chẳng?

– Làm gì có việc họ để lại như thế hả anh. Bếp họ đã bốc, tro họ hốt, ổ mối họ cũng san bằng.

Nhưng ba chị em vẫn kéo nhau đi xem thử phía đằng sau nhà, chỗ đằng tây hiên, dặm thử coi đất bên tây đó có gì. Họ không muốn đi cũng phải đi. Đến dặm thử thì thấy nó rung đấy, nó rung nghe ình ịch thật.

– Không biết làm sao nó lại như thế này nhỉ? Lại đây nào các em ơi. Hãy mang cuốc lại đây tôi đào thử, em bốc thử xem sao!

Người em lấy cuốc đến đào một nhát không thấy, hai lần bở cũng chưa sao. Ba lần cuốc mới đụng vào cây chắn. Nhìn thấy đúng là gỗ nhà Mtao thường dùng, vì thế nên đất mới rung. Họ xúm lại bối, lát sau được một cái hố rộng, quả có chôn ché thật, ngổn ngang ché *tul blang ang*, ché *tang m'ang*. Nhiều tới không dám nhìn nữa.

H'Prăk gọi to:

– Ôi các anh ơi! Các anh đi xem thử, bối thử, cuốc thử đi. Chúng tôi đàn bà con gái, chẳng biết làm thế nào nữa đây.

– Đúng là ché thật rồi các chị em ạ. Đúng như người ta nói: Ché *tul blang ang*, ché *tang m'ang* ra từ tai cấm đó. Có cả cây cột *gơng* bôi mỡ heo người giàu làm để buộc ché *tuk* đó. Kéo ché lên chị ơi. Lôi ché dậy em à!

Mấy chị em H'Prăk, H'Nui kẻ ôm, người kéo, bê ra khỏi hố, mang lên trên nhà. H'Prăk giục các em:

– Thôi bọn trẻ mau đi múc nước đi.

Người bê lá, kẻ cấm cần, thêm nước. Chị uống thử thấy rượu ngọt lắm, đậm lắm, liền bảo với mọi người:

– Ché này của người ta là ché xưa, uống vô thấy rượu đậm, ngọt cay, ngọt đắng. Uống nước một không ăn thua. Uống nước hai không phai nhạt. Hãy uống thử đi các anh!

Rồi tất cả cùng uống. Chị em H'Prăk, H'Nui uống một sừng chóng mày quay mặt, uống một bát nóng mặt gần như dại như điên.

– Chúng tôi uống một sừng đầu đã quay, uống một chén đã chóng mặt, nên chúng tôi chỉ uống thế thôi. Còn các anh cứ uống đi, rượu này còn đậm, còn tốt mà!

Chàng trai uống liền một hơi ba sừng, rồi kêu H’Nui cùng uống với mình:

– H’Nui ơi! Hãy uống cùng với tôi, chúng ta uống chung nhé!

– Ôi! Em uống không được đâu. Em còn nhỏ, còn ít tuổi mà. Uống mới một sừng mặt đã quay cuồng rồi. Sợ uống nữa em trở thành như người dại, người điên thôi.

– Ôi! Ai lại đi chấp nhau làm gì. *Êning* khi nhai không ai nói. Củ mài ăn không ai phạt H’Nui đâu mà sợ.

Thế là hai chị em lại uống, cứ từ từ mà uống. Thêm một sừng nữa đầu óc quay cuồng, H’Prăk không chịu nổi nữa, lăn ra ngủ khì khì. Còn lại H’Nui ngồi uống với chàng trai đi sẵn. Người bên phải mười bốn lần uống, người bên trái mười lăm lần uống. Rượu còn đậm, không nhạt, uống từ tối đến sáng rượu vẫn chưa phai.

(Người kể: Nghệ nhân Aê Wưu

Người dịch: Y Khem Niê và Linh Nga Niê Kdam

Chỉnh lý văn học: H’Linh Niê)

Ghi chú:

Klei khan Đam San thời thơ ấu thuộc thể loại trường ca sinh hoạt giản đơn. Trong diễn biến câu chuyện có sự hiện diện của các thần linh (người trời) và người thường. Đây là một văn bản độc lập, không có sự kết nối với các tác phẩm Đam San đã được sưu tầm trước đó (tính dị bản).

Trích đoạn cho thấy một số đặc điểm nghệ thuật của văn học dân gian truyền miệng Ê-đê như: đặc trưng “cặp, đôi, đực cái, bên này bên kia,...” sự ngoa ngôn, cách sử dụng ngôn ngữ tượng hình, tượng thanh,...

Trích đoạn cũng cho biết trong từng vai trò của nghệ nhân trong người dẫn chuyện, mỗi nhân vật sẽ được diễn tả bằng những giọng điệu khác nhau.

Luyện tập

1. Thảo luận: Kể lại tóm tắt câu chuyện vừa đọc về *Thời thơ ấu của Đam San*.
2. Thảo luận: Qua câu chuyện vừa đọc về *Thời thơ ấu của Đam San*, bạn thấy con người có nguồn sống bằng cách gì?
3. Thảo luận: Qua câu chuyện vừa đọc về *Thời thơ ấu của Đam San*, bạn biết người đàn bà Ê-đê ăn mặc như thế nào? Trong nhà của người Ê-đê có những đồ dùng gì?
4. Thảo luận và viết tiểu luận: Người Ê-đê hình dung Trời như thế nào? Qua nhân vật “người nhà Trời”, các bạn thấy nguyện vọng gì của người Ê-đê xưa?

BÀI 3

TRUYỆN DÂN GIAN VIỆT NAM

SỰ TÍCH BÁNH CHƯNG VÀ BÁNH GIẦY

Ngày đó vua Hùng trị vì đất nước. Vua tuổi đã già, ngồi trên ngai vàng đăng đẳng đã bao nhiêu năm. Thấy sức khỏe của mình ngày một suy, vua có ý định chọn một người nối ngôi. Các bà vợ của vua sinh được cả thảy hai mươi người con trai. Họ đều khôn lớn cả. Vua nghĩ: “Kể về tài cũng có nhiều đứa trội. Nhưng chính vì thế mà cần phải lựa chọn cẩn thận. Nhất là phải làm thế nào cho chúng nó không tranh giành nhau”. Đây là điều vua thường bận tâm nhất. Cuối cùng, nhờ có viên quan hầu bàn kế, vua mới quyết định mở một cuộc thi để căn cứ vào đó mà kén chọn.

Vua Hùng bèn cho hội họp tất cả các hoàng tử lại. Khi họ đã về đông đủ, vua bảo:

– Cha biết mình đã gần đất xa trời. Cha muốn truyền ngôi cho một trong các con. Bây giờ mỗi con cố kiếm hoặc làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên. Ai có món ăn ngon vừa ý ta thì ta sẽ chọn người ấy.

Nghe vua cha phán bảo thế, bọn hoàng tử thi nhau cho người đi khắp mọi nơi để tìm thức ăn quý. Họ lần mò thoi thỉ trên ngàn dưới biển không sót nơi nào. Bất kỳ thứ gì nghe nói là ngon và lạ, họ đều cố tìm bằng được.

Trong số hai mươi hai hoàng tử có Liêu là hoàng tử thứ mười tám. Vì thừa nhỏ mồ côi mẹ nên Liêu từng sống những ngày cô đơn. Trong khi các hoàng tử khác chạy vạy đi tìm vật lạ, thì Liêu nằm khểnh ở nhà. Chả có ai giúp đỡ chàng trong việc này. Chỉ còn ba ngày nữa là đến kỳ hạn thi mà Liêu vẫn chưa có gì. Đêm ấy Liêu nằm gác tay lên trán nhớ lại tất cả những bữa ăn ngon xưa nay chàng đã được tới dự. Liêu suy nghĩ mãi và ngủ quên lúc nào không biết. Liêu mơ mơ màng màng thấy mình cùng với hai mươi một anh em khác đang làm bánh thi. Mỗi người có một gian nhà nhỏ mà vua cha đã sai làm sẵn ở đám hội. Liêu chưa biết nên bắt đầu bằng việc gì thì bỗng có một vị thần nữ từ trên trời bay xuống giúp chàng làm bánh. Nữ thần bảo: “To lớn trong thiên hạ không gì bằng trời đất, còn quý báu nhất trần gian không gì quý bằng gạo. Ta đừng làm

nhieu, chỉ hai thứ bánh có ý nghĩa là đủ. Hãy nhặt hộ cho tôi chỗ nếp này, rồi đi kiếm cho tôi ít đậu”. Tự nhiên Liêu thấy thần lần lượt lấy ra những tàu lá rộng và xanh. Thần vừa gói vừa giảng giải: “Bánh này tượng trưng đất. Đất có cây, có đồng ruộng núi rừng thì màu cũng phải xanh xanh, hình phải vuông vắn. Trong bánh phải bỏ thịt, bỏ đỗ để lấy ý nghĩa đất chở mầm thú cỏ cây... Rồi đem thứ nếp thơm đồ lên cho dẻo, giã ra làm thứ bánh tượng trưng trời: màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời...”.

Tỉnh dậy, Liêu bắt đầu làm bánh y như trong giấc mộng.

Ngày các hoàng tử đưa món ăn về dự thi là một ngày náo nhiệt ở Phong Châu. Người đông nghìn nghịt. Dân chúng mọi miền đều náo nức về dự một cái Tết từng bừng ít có: mở đầu bằng cuộc thi các món ăn và kết thúc bằng lễ đăng quang của vua mới. Đúng vào lúc mặt trời mọc thì vua Hùng đi kiệu đến làm lễ gia tiên. Chiêng trống cờ quạt từng bừng rộn tai nhức mắt mọi người. Tất cả đều ngong ngóng trông chờ lúc các vị giám khảo bình giá các món ăn.

Và giờ phút mong đợi đã đến. Tất cả những món “nem công, chả phượng, tay gấu, gan tê, vv...” của các hoàng tử đều không bằng hai thứ bánh quê mùa của Liêu. Khi thoát nhìn thấy cổ của chàng, số đông đều lắc đầu bĩu môi, vẻ chê bai hiện ra nét mặt. Nhưng sau khi nếm xong, họ bỗng đổi hẳn thái độ, không ai không gật gù tán thưởng. Ông Lạc tướng xoa tay: “Đây là một thứ hương vị khác thường làm từ những cái tầm thường”. Riêng vua Hùng rất lấy làm ngạc nhiên về miếng bánh lạ vừa ăn. Nhà vua lật lên lật xuống ngắm nghía kỹ càng những tấm bánh khác chưa bóc. Vua cho đòi Liêu lên điện, hỏi cách thức làm bánh thế nào. Hoàng tử cứ thưa tâu lên, không quên nhắc lại giấc mộng lạ của mình.

Quá trưa hôm ấy, vua Hùng trình trọng ban bố kết quả với các con: Hoàng tử thứ mười tám được giải nhất và sẽ được truyền ngôi. Vua cầm hai thứ bánh giơ lên cho mọi người xem và nói rõ cái căn cứ khiến cho mình chọn nó đứng đầu các thứ cỗ. Vua nói:

- Nó chẳng những ngon và quý mà còn mang nhiều ý nghĩa đặc biệt: nó bày tỏ lòng hiếu thảo của người con, tôn trọng cha mẹ như trời đất, nó chứa đầy một tấm tình quê hương ruộng đồng. Nó rất dễ làm vì làm bằng những hạt ngọc quý nhất trong những hạt ngọc của Trời Đất, nhưng mà những hạt ngọc ấy mọi người đều tự làm ra được. Phải là người có tài mới nghĩ được một loại bánh như vậy...

Từ đó thành tục lệ, hàng năm cứ đến ngày Tết, mọi người đều làm hai thứ bánh đó và gọi là bánh chưng, bánh giầy để thờ cúng gia tiên. Hoàng tử Liêu sau được làm vua, mang hiệu là Tiết Liêu Vương, tức là Hùng Vương thứ mười bảy. Lần

đó có nhiều hoàng tử hồng thi sinh ra ganh ghét, ác cảm với Lang Liêu. Cho nên sau khi vua cha mất, người nào người ấy giữ chặt lấy đất của mình. Họ làm hàng rào gỗ xung quanh vùng mình ở để làm kẻ cố thủ, có ý tranh nhau với Tiết Liêu Vương.

(Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*)

Luyện tập

1. Thảo luận: So sánh chuyện cổ tích *Bánh chưng bánh giầy* với chuyện thần *Prométhée* và chuyện *Đam San*, các bạn thấy con người nghĩ về Ông Trời có gì khác nhau? Và có gì giống nhau? Ông Trời Zeus của phương Tây, Yang của người Tây Nguyên, và vua Hùng, cả ba vị có là một kiểu Ông Trời không? Ba vị đó thử thách con người những gì? Cách thử thách có gì giống nhau và khác nhau?
2. Thảo luận: Trong ba cách thử thách con người của ba Ông Trời trong ba chuyện kể Ông Trời nào thể hiện một cách thử thách mang tính chất *phổ quát* hơn? Cách thử thách nào mang tính chất *toàn cầu* hơn và cách thử thách nào mang màu sắc *địa phương* hơn?
3. Thảo luận: Có một người nói như sau: “Tôi thấy bánh chưng và bánh giầy cũng bình thường thôi, không có thì tôi ăn cái khác, ăn bánh mì ngon chán, tôi không cần những truyện như *Sự tích bánh chưng bánh giầy*”, các bạn sẽ đáp lại như thế nào?
4. Thảo luận: Các bạn nghĩ gì khi nghe tin ở Tây Nguyên có Trung tâm văn hóa công chiêng? Các bạn hình dung Trung tâm đó có những hoạt động gì?
5. Thảo luận: Các bạn nghĩ gì khi vào ngày hội Giỗ vua Hùng người ta đem đến lễ một chiếc bánh chưng nặng năm tấn và một chiếc bánh giầy nặng một tấn?
6. Chuyển thể sang kịch nói: Các bạn chia nhóm để từng nhóm chuyển thể và diễn một cảnh từ truyện *Sự tích bánh chưng bánh giầy*. Chọn một vở hay hơn tham gia ngày hội kết thúc năm học.
7. Chuyển thể sang văn vần: Các bạn thi nhau viết lại truyện *Sự tích bánh chưng bánh giầy* sang thơ – thể thơ không bắt buộc (có thể chọn lục bát hoặc thơ năm tiếng).
8. Viết tiểu luận: Chọn một chủ đề từ những cuộc thảo luận và viết ra.

SỰ TÍCH ÔNG ĐÀU RAU

Ngày xưa, có hai vợ chồng son nhà nghèo. Họ đều sinh nhai bằng nghề làm thuê làm mướn. Tuy nghèo nhưng họ rất yêu nhau. Thường buổi tối sau khi đi làm về, hai vợ chồng ngồi bên bếp lửa hay dưới ánh trăng, kể cho nhau những chuyện xa gần mới nghe được, hay hát những câu tình duyên, có khi vui vẻ quên cả cơm nước. Một năm trời làm mất mùa, hạt gạo kiếm rất khó khăn. Tình trạng đói kém diễn ra khắp mọi miền. Hai vợ chồng theo lệ cũ đi tìm việc ở các nhà giàu nhưng chả mấy ai thuê nữa. Người vay công lĩnh nợ thì đông mà gạo rất khan hiếm nên khó chen vào lọt. Hơn nữa, cổng nhà mấy lão trọc phú lại thường đóng chặt vì chúng không muốn cho ai quấy nhiễu. Túng thế, hai vợ chồng phải đi mò cua bắt ốc, hoặc đào củ, hái rau về ăn. Tuy có đỡ phần nào nhưng tình thế vẫn không mấy may sáng sủa. Cái chết luôn luôn đe dọa họ vì trận đói còn kéo dài. Một buổi chiều, sau khi húp vội mấy bát canh rau má, chồng bảo vợ:

- Tôi phải đi một nơi khác kiếm ăn, không thể ở nhà được.

Nghe chồng nói thế, người đàn bà đòi đi theo để sống chết cho có bạn. Nhưng người chồng bảo:

- Tôi chưa biết sẽ đi đến đâu và sẽ phải làm những gì. Nàng ở nhà để sống hơn tôi, không nên theo làm gì cho vất vả. Chưa biết chừng tôi sẽ nằm lại dọc đường để cho loài chim đến than khóc. Nhưng cũng chưa biết chừng tôi lại mang những quan tiền tốt bó mo về đây nuôi nàng cũng nên! Chao ôi! Số mệnh! Nàng hãy chờ tôi trong ba năm, nhé! Hết ba năm không thấy tôi trở về ấy là tôi đã bỏ xác quê người. Nàng cứ việc đi lấy chồng khác.

Người vợ khóc lóc thảm thiết như đứng trước cảnh tang tóc thực sự. Nhưng không biết làm thế nào cả, nàng đành phải để chồng ra đi.

Sau khi tiễn chồng, người đàn bà kiếm được việc làm ở một nhà kia. Nhà họ không giàu gì nhưng thương cảnh ngộ nàng, có ý giúp đỡ cho qua những ngày thảm đạm. Ở đây, người đàn bà kiếm mỗi ngày hai bữa, trong đó có một bữa cháo bữa khoai. Nhờ lành lặn và xinh xắn nên nàng lấy được cảm tình của chủ. Nhưng hình dáng người chồng thân yêu không bao giờ phai nhạt trong tâm trí nàng.

Thời gian trôi nhanh như nước chảy. Người ta đã bớt nhắc đến trận đói khốc liệt vừa qua. Nàng thì ngày ngày hồi hộp chờ đợi chồng. Nhưng cây bưởi trước sân đã ba lần trở hoa mà chồng nàng vẫn không thấy tăm dạng. Giữa lúc

ấy, người chủ đã từng bao bọc nàng trong lúc đói vừa chết vợ. Sẵn có cảm tình với nàng, người ấy ngỏ ý muốn được nối duyên cùng nàng. Nhưng người ấy đâu có hiểu được lòng của người thiếu phụ. Câu trả lời của nàng là:

– Chồng tôi hẹn tôi trong ba năm sẽ về. Đến bây giờ tôi mới tin là chồng tôi đã chết. Vậy cho tôi để tang chồng trong ba năm cho trọn đạo.

Ba năm nữa lại trôi qua một cách chóng vánh. Không một nét chữ, một lời đồn về người xấu số. Hàng ngày, những buổi chiều tà, nàng vẫn đắm đắm nhìn bóng người đi lại trên con đường cái quan. Và rồi nàng khóc cạn cả nước mắt. Người đàn ông kia giục nàng quyết định:

– Một là chồng nàng đã chết, hai là còn sống nhưng đã lập một gia đình khác ở một nơi xa xôi hẻo lánh. Đằng nào nàng cũng khó mong tái hợp. Ấu là cùng tôi lập một gia đình mới. Sức của tôi và của cải của tôi đủ bảo đảm cho nàng sung sướng trọn đời.

Nàng sửa lại vành khăn trắng đã ngả màu, cảm ơn hậu tình của anh ta và xin rón chờ cho một năm nữa.

Một năm nữa lại trôi qua không mang lại một tin tức gì mới mẻ. Lần này nàng mới tin là chồng mình chết thật. Sau một bữa rượu cúng chồng và đãi họ hàng làng xóm, nàng đến ở cùng người chồng mới.

*

* *

Đột nhiên sau đó ba tháng, người chồng cũ xách khăn gói trở về quê hương. Chàng không có vẻ gì khấm khá hơn trước. Chàng chỉ ôm một hy vọng là được gặp lại người vợ yêu. Nhưng vườn cũ nay đã thuộc về chủ mới. Chàng lẩm bẩm: “Thế là hết. Bởi số cả!”.

Việc người đàn ông đột ngột trở về làm cho mọi người ngỡ ngác. Nhất là đôi vợ chồng mới cưới không biết ăn nói làm sao bây giờ. Người đàn bà xấu hổ không dám đàn mặt. Nhưng người chồng cũ đã tìm đến họ và an ủi họ.

– Tôi đi vắng lâu quá. Cái đó hoàn toàn là lỗi ở tôi. Nàng xử sự như thế rất đúng. Tôi chỉ cần về gặp nàng một chút. Thế là đủ. Bây giờ tôi sẽ đi khỏi nơi này mãi mãi.

Mặc dầu người vợ nài nỉ hết sức, mặc dầu người chồng mới cam đoan xin trả lại vợ, nhưng chàng nhất quyết dứt áo ra đi. Chàng không nỡ phá hạnh phúc của họ. Mà chàng cũng không có gan đi đâu xa vì không thể quên được vợ cũ. Băn khoăn dần vật hành hạ tâm trí chàng. Đầu óc rối như mớ bòng bong.

Chàng nghĩ đến cái chết và trong một lúc cuồng loạn, chàng tự treo cổ lên cây đa đầu làng.

Cái chết kinh khủng đó như một tiếng sét nổ vào đầu người đàn bà. Nàng cảm thấy chính mình là thủ phạm gây ra cái chết của người chồng cũ. Tại sao ta chờ chồng được bảy năm trời mà không ráng chờ thêm ít lâu nữa? Tại sao thấy chồng trở về, ta không dám giáp mặt? Nàng không tự chủ được nữa. Tất cả những câu hỏi như lên án một cách âm thầm nhưng kịch liệt trong đầu óc nàng. Thế rồi buổi sáng hôm sau, trong khi người ta sắp sửa cất đám người đàn ông bạc mệnh thì người ta lại hoảng hốt kéo nhau đi vớt tử thi người đàn bà dưới cái ao bên cạnh nhà.

Người chồng mới sau khi làm ma cho vợ, trở nên như người mất trí. Hai cái chết đánh mạnh vào đầu óc mọi người, riêng đối với chàng chưa bao giờ có một sự xúc động dữ dội đến như thế. Chàng luôn miệng kêu to: “Tại sao ta cố ý cướp vợ của người khác”. Rồi một hôm, sau khi đem hết gia sản chia cho họ hàng và cúng vào chùa, chàng uống thuốc độc tự tử.

Lúc xuống đến thế giới bên kia, cả ba người đều được đưa tới trước tòa án của Diêm vương để định công luận tội. Tất cả mọi người một khi đã đến đây đều phải khai rõ sự thật ôm ấp trong lòng. Theo lời khai của người chồng cũ thì chàng không thể nào xa lìa vợ cũ. Chàng sợ dĩ chết ở làng là chỉ mong luôn luôn được gần gũi nàng. Người chồng mới cũng khai rằng chàng có cảm tình rất sâu xa đối với người vợ mới mặc dầu mới chính thức lấy nhau chỉ có ba tháng. Khi Diêm vương hỏi tình cảm của chàng đối với người vợ cũ như thế nào thì chàng giơ ngón tay so sánh rằng một bên mười, một bên chưa được một. Đến lượt người đàn bà thì nàng thú thật rằng cái tình của nàng đối với chồng cũ choán một chỗ rộng rãi trong lòng mình, đồng thời đối với người chồng mới, nàng cũng không thể nào quên được tình cảm nồng nhiệt của chàng. Diêm vương ngồi nghe rất cảm động. Những người như thế này cũng thật hiếm có. Cần phải làm cho bộ ba ấy sống gần nhau mãi mãi. Sau một hồi lâu suy nghĩ, Diêm vương cho ba người hóa thành ba ông đầu rau để cho họ khỏi lìa nhau và để cho ngọn lửa luôn luôn đốt nóng tình yêu của họ. Đồng thời vua còn phong cho họ chức Táo quân trông nom từng bếp một, nghĩa là từng gia đình một trên trần thế.

(Nguyễn Đồng Chi, *Sự tích đất nước Việt*)

Luyện tập

1. Thảo luận: Các bạn làm cách gì giải thích cho người chưa thấy ông đầu rau bao giờ hình dung được ông đầu rau như thế nào trong cái bếp của người Việt Nam xưa trước khi có cái kiềng và trước khi có cái bếp ga?
2. Thảo luận: Các bạn thấy truyện *Sự tích ông đầu rau* thể hiện một tâm hồn Việt Nam như thế nào? Phân tích qua ba nhân vật của câu chuyện. Các bạn thấy tính ẩn dụ của câu chuyện này như thế nào?
3. Thảo luận và viết tiểu luận: Chọn viết để nói ý nghĩ của bạn về tâm hồn người Việt Nam trong truyện *Sự tích ông đầu rau*. Tại sao người Việt Nam có ông Vua Bếp và Vua Bếp lại là ba nhân vật cộng lại?

CON VỊT HAI CHÂN

Có anh lính hay ninh quan, hề trông thấy cái gì khác thường một tí là vợ lấy tán luôn.

Một hôm, quan đang ngồi ở công đường, anh ta đứng hầu bên cạnh, trông thấy con vịt đứng ngủ, co một chân lên. Anh ta liền bấm:

– Bấm quan lớn, con vịt...

Không ngờ con vịt thức dậy, buông nốt chân kia xuống.

Quan quay lại hỏi:

– Con vịt làm sao?

Anh ta luống cuống không biết nói sao, đáp liêu:

– Bấm, con vịt... hai chân ạ!

Quan nghe câu nói vợ vẫn mới mắng:

– Vịt chẳng hai chân thì mấy chân?

(Truyện cười dân gian Việt Nam)

Luyện tập:

1. Thi kể chuyện có đóng vai minh họa: Mỗi nhóm có ba bạn đóng nhân vật, một bạn đóng con vịt, một bạn đóng ông quan và một bạn đóng anh lính hầu đứng quạt.
2. Thi viết lại câu chuyện và có thêm một đoạn kết của riêng bạn. Có thể viết đoạn thêm đó bằng văn xuôi hoặc bằng mấy câu thơ răn đời hoặc cả hai.
3. Thảo luận và viết tiểu luận: Các bạn nhận thấy xung quanh chúng ta có hiện tượng và cách cư xử như anh lính không?

PHẦN 2

Phương thức tự sự đương đại

A. PHƯƠNG THỨC KHÁM PHÁ CON NGƯỜI LỊCH SỬ

BÀI NHẬP TRUYỆN LỊCH SỬ

Các bạn học sinh Lớp 8 thân mến,

Bài 1, Bài 2 và Bài 3 đã đưa các bạn đến với cách kể chuyện theo lối *sử thi* – câu chuyện như “bài thơ nói những chuyện huyền hoặc trong đời sống xa xưa của con người vào một thời rất xa trong lịch sử” khi con người chưa viết các câu chuyện đó thành truyện để đọc. Homer, người kể chuyện Hy Lạp xưa là người mù, có thể thuộc vài chục ngàn câu thơ kể chuyện các thần linh. Ở vùng Tây Nguyên nước ta hiện nay vẫn còn có hình thức kể *khan* cũng là kể sử thi, âm điệu nghe du dương như thơ. Đó là giai đoạn việc kể chuyện diễn ra theo phương thức *nghe kể trực tiếp*.

Ba bài tiếp theo của sách *Văn Lớp 8 Cánh Buồm* đưa các bạn đến với phương thức *kể gián tiếp* thông qua tác phẩm đã in thành sách hoặc đăng trên báo. Các bạn sẽ học qua ba mẫu. Bài 4 đưa các bạn đến với tác phẩm *Chín mươi ba* của nhà văn Pháp Victor Hugo. Bài 5 và Bài 6 đưa các bạn đến với tiểu thuyết *Thiếp chàng đôi ngả* của nhà văn Nguyễn Triệu Luật và tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh.

Ba nhà văn viết tiểu thuyết lịch sử đó có điểm gần gũi nhau đủ để các bạn coi tác phẩm của ba ông như những cái mẫu về thể loại này. Nhà văn Nguyễn Triệu Luật có quan điểm về tiểu thuyết lịch sử tương tự như Victor Hugo. Và hai tác phẩm của hai nhà văn Nguyễn Triệu Luật và Nguyễn Xuân

Khánh lại có đề tài gần nhau xoay quanh giai đoạn lịch sử nước ta có Hồ Quý Ly làm vua.

Tại sao các nhà văn sống ở đời sau, không nhìn thấy dòng chảy lịch sử đã trôi đi, mà lại chọn viết tiểu thuyết lịch sử? Lý giải điều này sẽ giúp chúng ta không những hiểu phong cách biểu đạt đó mà còn hiểu thêm tâm hồn, tấm lòng nhà viết tiểu thuyết – những nghệ sĩ cùng một dạng với loại người “khóc mướn” mà chúng ta đã tìm hiểu từ khi học *Văn Lớp 6 Cánh Buồm*.

Để lý giải điều đó, trước hết ta cần hiểu *lịch sử* là gì? Lịch sử là một dòng chảy tự nhiên của các sự kiện trong đời con người. Những sự kiện đó diễn ra với từng con người, với từng gia đình và với từng cộng đồng con người. Lịch sử đó đã trải dài nhiều triệu năm từ khi con người tiền sử chưa biết ghi các sự kiện lại cho tới khi có *lịch sử viết thành văn*. Khi đã có người ghi các điều trải dài trong lịch sử thành văn bản, khi đó chúng ta có *khoa sử học* và các nhà *sử học*.

Nhà sử học có thể bắt những tiếng nói câm lặng thời tiền sử phải lên tiếng. Đó là ngành *cổ sử học* sử dụng những thành tựu của *cổ sinh vật học*, của *khảo cổ học*, để “bắt buột” những tài liệu khai quật câm lặng phải có câu trả lời: Con người từ đâu tới, con người tiến hóa ra sao để thành con người có tư duy hiện đại. Tiếp đó, các nhà sử học cũng khai thác những ghi chép của người xưa để nghiên cứu theo cách *con người nhìn vào con người* như các bạn đã học từ nhà bác học Teilhard de Chardin trong sách *Tiếng Việt Lớp 8 Cánh Buồm*.

Nhưng tới đây thì khoa sử học cũng gặp nhiều câu trả lời sai, do sự thiếu thông tin hoặc do các nhà sử học vô tình hay hữu ý cũng tham gia vào việc đưa ra những câu trả lời sai hoặc những câu trả lời không đúng. Đến đây thì có nhà văn với tâm hồn nghệ sĩ và với tri thức uyên bác của nhà sử học tự nguyện tham gia vào để đưa ra những câu hỏi hoặc cả những câu trả lời của mình. Nhà văn sẽ dùng thể loại tiểu thuyết lịch sử để nêu ra một câu hỏi hoặc nêu ra một *ức thuyết*. Nhưng, do tính ẩn dụ cao của tác phẩm, những câu hỏi và cả câu trả lời gián tiếp bằng ẩn dụ đã khiến cho truyện và tiểu thuyết lịch sử có sức nặng ảnh hưởng đến tâm hồn con người.

Nhà văn viết truyện lịch sử làm việc như thế nào?

Trước hết, mỗi nhà văn viết truyện lịch sử ngoài vốn kiến thức uyên thâm còn phải có một tư tưởng riêng.

Nhà văn Victor Hugo viết tiểu thuyết *Chín mươi ba* rõ ràng có một chính kiến riêng trước cuộc Cách mạng 1789 ở nước Pháp. Tư tưởng của Victor Hugo

trong tiểu thuyết này là kêu gọi mọi người hãy tham gia xây dựng nền cộng hòa như một mô hình chính trị-xã hội vĩ đại của loài người – lần đầu tiên loài người có một mẫu chính trị-xã hội đem lại tự do, bình đẳng và bác ái dựa trên nhân quyền và dân quyền. Nhưng Victor Hugo chống lại sự say sưa cách mạng đến độ quên mất những giá trị phổ quát của con người là tính nhân văn, là lòng khoan dung, là tính vị tha. Cách mạng đích thực không hoàn toàn đi đôi với cái máy chém say sưa chặt đầu người một cách quá dễ dãi (Các bạn sẽ gặp điều này trong Bài 4).

Nhà văn Nguyễn Triệu Luật thì muốn dùng tiểu thuyết lịch sử để “làm sống một thời đại” (Lời nói đầu cho tiểu thuyết *Hòm đựng người*) – quan điểm của nhà giáo – đồng thời một Nguyễn Triệu Luật nhà văn, nhà nhân văn chủ nghĩa cũng muốn qua tiểu thuyết lịch sử để thanh minh hoặc giải oan cho nhiều thân phận người trong cuộc đời.

Nhà văn Nguyễn Xuân Khánh bao quát hơn. Nhà văn muốn gửi nhiều tâm tình vào tiểu thuyết *Hồ Quý Ly*. Ngay từ câu tựa đề khi mở cuốn sách đã thấy tâm tình của thiền sư Huyền Giác: *Thường độc hành, thường độc bộ...* (luôn đơn độc bước một mình). Các nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Xuân Khánh đều cô đơn: cách tân xã hội trong cô đơn, độc ác trong cô đơn, nhân ái trong cô đơn. Các nhân vật đều được diễn đạt dưới dạng độc thoại... *tôi... tôi... tôi...* cho bớt cô đơn, nhưng chẳng khi nào hết cô đơn. Nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Xuân Khánh không thanh minh vì cảm thấy không ai hiểu mình. Tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Xuân Khánh dường như muốn khai sáng cho đồng bào đương thời của tác giả.

Các nhân vật của tiểu thuyết lịch sử đều do tác giả tưởng tượng ra. Nhưng các nhân vật đó phải vận động trong bối cảnh mang dấu ấn thời đại với những chi tiết mang dấu vết các sự kiện lịch sử. Các nhân vật và hành động của nhân vật phải tạo ra ở bạn đọc niềm tin rằng đó là những con người thật ở giai đoạn lịch sử đó.

Đây là một ví dụ với Nguyễn Triệu Luật. Tiểu thuyết *Hòm đựng người* của Nguyễn Triệu Luật làm sống lại một câu chuyện như thật. Đó là một câu chuyện tình giữa Vũ Lăng hầu Duy Lễ, một ông hoàng thất sủng, với nàng Âu Mai, một cung phi “bị tuyển dụng” đi theo vào lăng để hàng ngày hương khói cho cái xác cữu vương. Một cuộc âm mưu kỳ thú được tạo ra ở chính cái nhà tù chung thân kỳ quái này: Trong một lần đi thăm nuôi, người nhà đã cho ông hoàng Duy Lễ

trốn vào trong hòm cùng với những đồ tiếp tế khác để đến với nàng Âu Mai tràn đầy sức sống nhưng đang “bị chôn sống” trong lăng cự vương.

Tiểu thuyết *Hòm đựng người* không chỉ kể một câu chuyện lịch sử bình thường. Nó đề cập đến tình yêu và tuổi trẻ. Nó thúc giục con người yêu nhau hết mình.

Còn đây là một ví dụ khác với Victor Hugo. Tiểu thuyết *Chín mươi ba* dựng lên câu chuyện một hầu tước già từ nước ngoài trốn về Pháp để vận động dân chúng nổi dậy chống lại cuộc cách mạng. Lantenac, tên vị hầu tước này, tìm về lâu đài của mình tại vùng Vendée, một vùng nông thôn sùng đạo và thất học, dân chúng rất bảo hoàng. Lâu đài của Lantenac đã bị quân cách mạng bao vây. Lantenac biết đường ngầm nên thoát ra được. Nhưng rồi lâu đài bốc cháy. Trên tầng cao còn mấy đứa trẻ được quân cách mạng nhận làm con nuôi. Lũ trẻ bị ngọn lửa bao vây. Hầu tước Lantenac đã không tiếc thân, quay trở lại đón mấy đứa nhỏ, và bị rơi vào tay quân đội cách mạng. Hầu tước Lantenac sẽ bị chặt đầu! Nhưng cháu nội ông, viên chỉ huy Gauvain đã vào ngục thả ông ra – không phải là thả ông nội mình, mà là thả một người vốn là kẻ thù của cách mạng nhưng đã hành động với tâm hồn cao cả cái lý tưởng mà chính cách mạng đang tôn thờ.

Chàng sĩ quan quý tộc Gauvain tự nhốt mình trong ngục vì đã chống lại kỷ luật cách mạng. Chàng bị xét xử bởi chính ủy Cimourdain, một thầy tu bỏ đạo đi theo cách mạng và là thầy giáo của Gauvain từ bé. Cimourdain đối với Gauvain là cha, là anh, là đồng chí, và cùng với Gauvain là *hai tâm hồn đồng điệu*. Nhưng Cimourdain đã kết tội Gauvain phải bị xử tử. Gauvain đã chết sau khi hô to *Cộng hòa muôn năm*. Và ngay sau khi đầu của học trò rơi xuống, Cimourdain cũng hô to *Cộng hòa muôn năm* và dùng súng tự bắn chết mình.

Tiểu thuyết *Chín mươi ba* không đơn thuần chỉ kể một câu chuyện lịch sử thời cách mạng. Nó còn đề cập đến tình yêu đối với lý tưởng nhân bản. Nó thúc giục con người sống hết mình để xây dựng bằng được một thế giới có tình người, có tính người, mang gương mặt người.

Luyện tập

1. Thảo luận: Một khảo cứu khoa học về một sự kiện hoặc một nhân vật lịch sử đem lại những gì cho nhận thức của con người?
2. Thảo luận: Một tiểu thuyết lịch sử lấy bối cảnh là một sự kiện và nhân vật lịch sử đem lại những gì cho tình cảm của con người?
3. Thảo luận: Tại sao người ta viết truyện lịch sử?
4. Thảo luận: Nhà văn khi viết truyện lịch sử có thể hoàn toàn bịa đặt ra các sự kiện và các nhân vật không? Tính chân thật của tác phẩm đó nằm ở chỗ nào?
5. Thảo luận: Cái đẹp của truyện lịch sử nằm ở yếu tố nào?
6. Thảo luận: Có thể nhìn thấy hoặc cảm nhận được vẻ đẹp của tâm hồn tác giả viết truyện lịch sử không?
7. Viết tiểu luận dựa trên các ý được thảo luận.

BÀI 4

CHÍN MƯƠI BA

(của Victor Hugo)

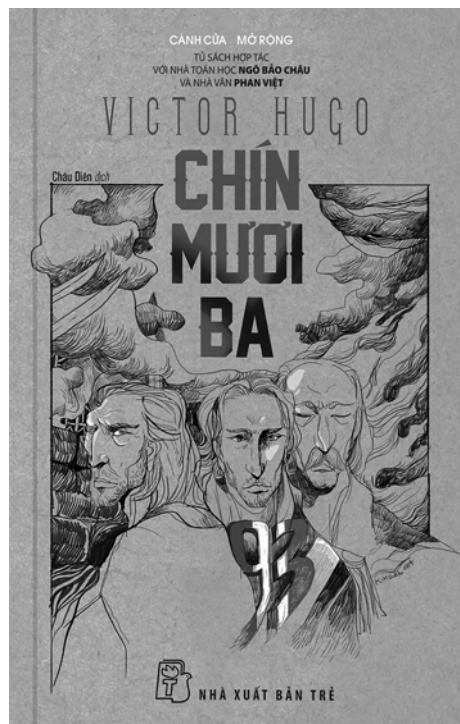
Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 8 thân mến,

Trong năm học này, qua sách *Tiếng Việt Lớp 8 Cánh Buồm*, các bạn đã biết những cách biểu đạt ngôn ngữ theo những dạng khác nhau: biểu đạt khoa học, biểu đạt nghệ thuật, và biểu đạt chính trị – xã hội. Cũng trong năm học này, qua sách *Văn Lớp 8 Cánh Buồm*, các bạn học kỹ hơn về cách biểu đạt ngôn ngữ nghệ thuật – cụ thể là nghệ thuật biểu đạt tự sự.

Victor Hugo tự sự về Cách mạng Pháp trong cuốn tiểu thuyết lịch sử *Chín mươi ba* vào năm 1870. Cách mạng dân chủ, dân quyền Pháp bùng nổ năm 1789. Nhưng mãi đến năm 1849, tiểu thuyết về Cách mạng Pháp của ông mới ra đời. Chúng ta cần lý giải về khoảng cách thời gian đó để hiểu kỹ hơn những điều cần học.

Chín mươi ba là nói tắt của “năm một nghìn bảy trăm chín mươi ba” – 1793. Năm chín-mươi-ba là năm cuộc Cách mạng Pháp sôi sục nhất: Từ bên ngoài, các nước khác ở châu Âu bao vây nước Pháp với hy vọng cuộc Cách mạng 1789 không gây ảnh hưởng xấu sang các nước còn theo chế độ quân chủ; ở trong nước thì các phe phái dân chủ tranh nhau đúng sai, và một nhà cách mạng hôm trước đang còn được tung hô ở Quốc hội thì ngay hôm sau đã có thể bị bêu đầu vì bị kết tội “phản cách mạng” một cách dễ dãi. Trong hàng chục năm liền, các cuộc “cách mạng” cứ liên tiếp bùng nổ, không bao giờ đất nước được ổn định.



Năm 1825, một nhà quý tộc tên là Alexis de Tocqueville đã tuyên thệ từ bỏ giai cấp quý tộc để được cách mạng tin tưởng, và ông đi qua Mỹ nghiên cứu xem vì sao Hoa Kỳ lại ổn định và phát triển bền vững. Ông tiến hành cuộc khảo sát khoa học và in thành cuốn sách *Nền dân trị Mỹ* (Nhà xuất bản Tri thức đã cho dịch và in sách này). Đó là cuốn sách khảo cứu khoa học để thuyết phục nhận thức của con người về cách thức xây dựng một xã hội ổn định bằng con đường dân chủ hóa.

Về phần mình, nhà thơ và nhà tiểu thuyết Victor Hugo lại có cách thức riêng để lên tiếng với công chúng: tiểu thuyết *Chín mươi ba*.

Chín mươi ba là một câu chuyện tưởng tượng nhưng “đủ sức làm sống lại một thời đại”, như lời Nguyễn Triệu Luật. Câu chuyện được Victor Hugo đặt vào năm 1793, năm đại khủng bố, năm cách mạng phải chống chọi thù trong giặc ngoài, cái năm mà “*ba tiểu đoàn Paris, mỗi tiểu đoàn sáu trăm binh sĩ tình nguyện, tiểu đoàn một còn lại hai mươi bảy anh em, tiểu đoàn hai còn lại ba mươi ba, và tiểu đoàn ba còn năm mươi bảy*” như Victor Hugo kể. *Chín mươi ba* là thời của những cuộc chiến đấu thắm đẫm chất anh hùng ca nhưng cũng là năm đầu rơi máu chảy quyết liệt, là năm máy chém hoạt động hết công suất...

Thế nhưng vào năm đó, Gauvain một sĩ quan trẻ của cách mạng, sau khi bắt giữ được hầu tước Lantenac một lãnh tụ phản cách mạng vô cùng nguy hiểm mới từ nơi trốn tránh ở bên Anh lần về nước hoạt động bí mật chống phá cách mạng tại vùng phản loạn Vendée, chàng Gauvain đã thả cho ông già đó được tự do vì anh đã chứng kiến hành động nhân đạo tuyệt trần khi ông ta xông vào lửa cứu lũ trẻ nhỏ. Gauvain bị ông Cimourdain thầy học của mình, nay lại là một cấp “chính ủy” của mình, lập hội đồng xét xử và tuyên án tử hình.

Gauvain thanh thản lên máy chém vì đã thỏa mãn cả tinh thần nhân bản cũng như tinh thần thượng tôn pháp luật của cách mạng! Nhưng khi cái đầu của người học trò vừa lăn vào rọ, thì người thầy học cũ, chính ủy Cimourdain cũng rút súng ra tự sát, để “*hai linh hồn bi thương đồng điệu tay trong tay cùng bay lên, bóng tối của tâm hồn này hòa trộn với ánh sáng của tâm hồn kia*” như mô tả của Victor Hugo để kết thúc cuốn tiểu thuyết *Chín mươi ba* bi hùng đó.

Mời các bạn cùng học chương cuối đó có tên *Nhưng rồi mặt trời mọc* trong tiểu thuyết *Chín mươi ba* (Châu Diên dịch, NXB Trẻ, 2004). Và hãy học để cảm nhận một thông điệp của Victor Hugo gửi trong ẩn dụ này.

NHƯNG RỒI MẶT TRỜI MỘC

(Trích Chín mươi ba)

Chẳng bao lâu trời hửng sáng.

Vừa lúc đó, ở cao nguyên Tourgue. Trên cánh rừng Fougères, hiện lên một vật kỳ dị, không động đậy, hết sức đột ngột mà những con chim trời ở đấy chưa từng thấy.

Vật ấy vừa được đặt lúc đêm, được dựng lên hơn là được xây đắp. Trông từ xa đó là một hình thù in trên chân trời thành những đường thẳng và cứng, giống như hình dạng một chữ Hêbrơ hoặc một chữ tượng hình Ai Cập trong bộ chữ cái bí ẩn thời xưa.

Thoạt nhìn có vẻ vô dụng. Nó đứng đó, giữa những bụi thạch thảo rộ hoa. Người ta tự hỏi cái vật ấy có thể dùng để làm gì. Rồi người ta cảm thấy rung mình. Nó như một cái mẽ mà bốn chân là bốn cột. Ở một đầu mẽ lại có hai cột cao dựng đứng, đỡ ở phía trên một đà ngang và có treo một vật hình tam giác như in mầu đen lên trời xanh ban mai. Đầu mẽ kia, có một cái thang, giữa hai cột cao, dưới phía cái vật hình tam giác, có một miếng ván gồm hai phần tách rời nhau và nếu đem ghép lại thì người ta sẽ thấy một lỗ tròn gần bằng cái cổ người. Phần nửa trên miếng ván chạy trong rãnh, có thể nâng lên hạ xuống được. Lúc này, hai vành bán nguyệt mà khi ghép lại thì thành cái vòng cổ, hãy còn tách rời ra. Dưới chân hai cột cao treo cái vật hình tam giác còn có một tấm ván xoay đi xoay lại trên bản lề nom giống như một cái bàn cân. Cạnh tấm ván đó có một cái sọt dài và ở phía trước giữa hai cột cao, ở đầu mẽ có một cái ổ vuông. Tất cả sơn mầu đỏ. Tất cả bằng gỗ trừ cái vật hình tam giác là bằng sắt. Người ta cảm thấy như cái đó do con người làm ra, vì nó xấu xí, ti tiện, nhỏ bé; và hình như phải có quỷ thần mang tới đó vì trông nó thật là kinh khủng. Cái công trình kỳ dị ấy là cái máy chém.

Đối diện cái máy chém, cách đó vài bước, sau đường hào là một quái vật khác, tháp Tourgue. Một quái vật bằng đá sánh đôi với con quái vật bằng gỗ. Mà phải nói rằng khi con người đã đụng vào gỗ đá thì gỗ đá không còn là gỗ đá nữa mà đã mang chút gì của con người. Một lâu đài là một tín hiệu, một công cụ là một ý niệm. Tháp Tourgue là kết tinh tất yếu của quá khứ, cũng như ngục Bastille ở Paris, tháp London ở Anh, thành Spielberg ở Đức, lâu đài Escorial ở Tây Ban Nha, điện Kremlin ở Nga, lâu đài Saint-Ange ở La Mã.

Trong tháp Tourgue chung đúc lại một ngàn năm trăm năm, thời trung cổ, chế độ hội thần, chế độ nông nô, chế độ phong kiến; trong cái máy chém chỉ là một năm, năm 93; và mười hai tháng này đã cân bằng với mười lăm thế kỷ kia.

Tháp Tourgue là nền quân chủ; cái máy chém là cách mạng.

Sự đối chọi bi thảm.

Một bên là nợ, một bên là thời điểm trả nợ. Một bên là kiểu thức Gôtích pha tạp, là nông nô, lãnh chúa, nô lệ, chủ nô, bần dân, quý tộc, là luật lệ rắc rối đã biến thành tập tục, là quan tòa và thầy tu cấu kết với nhau, là vô số những ràng buộc, là thuế má, tài sản bị khống chế, đặc cách, đặc quyền, đặc lợi, thành kiến, cuồng tín, chuyên chế, là quyền trượng, ngai vàng, là độc đoán, là thần quyền; còn bên kia, chỉ một vật đơn giản, một lưỡi dao. Một bên là cái dây thòng lọng; một bên là lưỡi búa.

Đã từ lâu, tháp Tourgue đứng một mình ở nơi hoang vu này, với những lỗ châu mai qua đó đã từng chảy không biết bao nhiêu là dầu sôi sùng sục, nhựa thông chảy và chì lỏng, với những con đường ngầm ngổn ngang xương người; với phòng hành hình xé xác tội nhân; tất cả là một tấm thảm kịch khổng lồ; bộ mặt tang tóc của nó ngất ngưỡng trên cái khu rừng này; trong cái bóng tối ấy nó đã sống mười lăm thế kỷ yên ổn, rừng rợn; trong xứ này nó đã là thế lực duy nhất, đối tượng trọng vọng duy nhất và mối hãi hùng duy nhất; nó đã thống trị cả một vùng; một mình nó nắm độc quyền tiêu biểu cho man rợ; bỗng nhiên, giờ đây sừng sững trước mặt, và đối địch với nó, một vật gì, – còn hơn một vật nữa, – một đối phương cũng kinh tởm như nó; đó là máy chém.

Đôi khi nó hình như có đôi mắt kỳ dị. Nó như một pho tượng đang quan sát, một tòa tháp đang rình mò, một ngôi nhà với mặt trước đang ngăm nhìn. Tháp Tourgue có vẻ xem xét tỉ mỉ chiếc máy chém.

Nó có vẻ đang suy nghĩ.

Cái gì đó nhỉ?

Hình như vật đó từ đất chui lên.

Thật vậy, vật đó từ đất đã chui lên.

Từ lớp đất tàn khốc, đã nẩy mầm thân cây bi thảm. Từ lớp đất này, đã từng tươi biết bao mồ hôi, và máu, từ lớp đất này ở đó người ta đã từng đào biết bao nhiêu hầm hố, mồ mả, hang hốc chạp bầy, từ lớp đất này trong đó đủ các loại xác chết đã mục nát do đủ các loại người tàn bạo gây ra, từ lớp đất này, trong đó chồng chất biết bao vực thẳm, chôn vùi biết bao tội lỗi, biết bao mầm mống ghê tởm,

từ lớp đất này, tới ngày đã định, đã mọc lên cái vật xa lạ kia, cái vật báo oán kia, cái công cụ tàn ác mang lưỡi sắc bén, và năm 93 đã nói với thế giới cũ: – Ta đây.

Và cái máy chém có quyền nói với cái vọng lâu: – Ta là con đẻ của người.

Và cũng lúc đó, cái vọng lâu cảm thấy mình bị giết bởi đứa con kia, và cái vật tàn khốc ấy sống một đời sống tối tăm và bí ẩn. Tháp Tourgue trước sự xuất hiện đáng sợ kia có vẻ hoảng hốt, sợ hãi. Khối đá khổng lồ đường bệ nhưng nhơ nhuốc, tấm ván với lưỡi dao tam giác lại còn nhơ nhuốc gấp bội. Uy quyền tuyệt đối đã thất thế khiếp đảm trước uy quyền tuyệt đối mới xuất hiện. Thời lịch sử đầy tội ác đối diện thời lịch sử mang sứ mệnh trừng phạt. Bạo lực ngày xưa đo với bạo lực ngày nay; cái pháo đài xưa, cái nhà tù xưa, cái lãnh địa xưa, nơi đã vang lên tiếng rú của những kẻ bị hành hình xé xác, cái công sự chiến tranh và giết người kia mất tác dụng và mất sức chiến đấu, bị uy hiếp, bị đánh tới tấp, đồng đá chỉ còn như đồng tro, găm ghiếc, nguy nga, điêu tàn, cái lâu đài đã từng say sưa trong bao nhiêu thế kỷ kinh thiên động địa đang nhìn cái thời khắc kinh khủng hiện tại diễu qua. Hôm qua run sợ trước hôm nay, bạo tàn thời xưa chịu lép trước làn sóng bạo tàn mới, cái giờ đây chỉ còn là hư vô giương đôi mắt tối om nhìn cảnh đang lan tràn, con ma đang nhìn con quỷ.

Thiên nhiên vẫn tàn nhẫn; trước cảnh tàn khốc trên thế gian, thiên nhiên không hề rút bớt đi một bông hoa, một điệu nhạc, một làn hương, một tia nắng; thiên nhiên bắt con người phải chịu đựng cảnh tượng phản giữa vẻ đẹp thần thánh và những cái xấu xa của xã hội, không miễn cho con người một cánh bướm, một tiếng chim ca, bắt con người, giữa lúc chém giết, giữa phút trả thù, giữa cảnh man rợ, vẫn phải chiêm ngưỡng những cái thiêng liêng; bắt con người phải ngập trong không gian dịu dàng bao la, dưới bầu trời trong xanh yên tĩnh. Luật lệ thô lỗ của con người phải phôi bầy trần trụi giữa sự rạng rỡ, vĩnh cửu của thiên nhiên. Con người cứ phá phách, con người làm cho mọi vật cằn cỗi, con người cứ giết chóc; mùa hè vẫn cứ là mùa hè, hoa huệ vẫn cứ là hoa huệ, sao trời vẫn cứ là sao.

Sáng hôm đó, chưa bao giờ lại có một buổi sáng tươi mát dễ chịu đến thế. Ngọn gió ấm lay động những chùm cây dại, hơi sương chuyển êm dịu trong cành lá, cảnh rừng Fougères đầy hơi nước buổi sáng bốc lên buổi rạng đông như một chiếc lư lớn tỏa hương thơm. Trời xanh lơ, mây trắng xóa, nước trong veo, lá xanh rờn, sắc màu hòa hợp chuyển từ tím nhạt sang màu ngọc bích, những cụm cây quện vào nhau, những thảm cỏ, những cánh đồng xa vời, đâu đâu vạn vật

cũng đều có cái vẻ trong sáng như muốn răn, nêu gương cho người đời. Giữa cảnh đó bày ra bộ mặt xấu xa, ghê tởm của loài người. Giữa cảnh đó hiện lên pháo đài và đoạn đầu đài, chiến tranh và nhục hình, hai bộ mặt của thời đại khát máu và thời khắc đổ máu, con cú của đêm quá khứ đối diện với con dơi của hoàng hôn tương lai. Trước tạo vật đầy hoa nở và ngào ngạt hương thơm, hữu tình và dễ thương, ánh rạng đông lộng lẫy chan hòa, tháp Tourgue và chiếc máy chém hình như muốn nói với loài người: Các người hãy xem ta đang làm gì và các người đang làm gì.

Ánh mặt trời có tác dụng lớn lao như thế đấy.

Cảnh ấy có những khán giả.

Bốn nghìn người trong đoàn quân chinh phạt xếp hàng thành đội hình chiến đấu trên khu đồi cao. Họ vây ba mặt máy chém, theo đường hình học làm thành chữ E, khẩu đội pháo đặt giữa hàng quân làm thành cái nấc của chữ E. Cổ máy chém màu đỏ như bị vây trong ba trận tuyến, một thành lũy xây bằng binh lính mà hai cạnh kéo dài đến bờ cao nguyên. Còn phía bờ trống, cạnh thứ tư chính là đường hào, nhìn sang tháp Tourgue.

Tất cả đó hợp thành một đội hình gần vuông, chính giữa là đoạn đầu đài. Mặt trời càng lên, bóng cổ máy chém trên nền cỏ càng thu ngắn lại.

Pháo thủ phục dịch bên các cỗ súng của họ, mỗi lửa đã đốt lên...

Từ hào sâu tỏa lên một làn khói xanh mờ nhạt. Đó là khói bốc lên từ đám cháy trên cầu đang tàn lụi.

Làn khói mờ nhạt không che khuất tháp Tourgue với cái mái bằng trên tháp án ngữ cả chân trời. Mái bằng và cổ máy chém chỉ cách nhau con đường hào. Đứng ở hai bên, người ta có thể nói chuyện được với nhau.

Trên sân thượng ấy, người ta đã đặt chiếc bàn của tòa án và chiếc ghế tựa dưới mấy lá cờ tam tài, mặt trời mọc sau ngói tháp làm cho pháo đài ấy nổi lên đen ngòm, trên cùng là hình thù một người ngồi khoanh tay, không nhúc nhích trên chiếc ghế tòa án, dưới bóng cờ.

Người đó là Cimourdain. Cũng như hôm qua, ông vẫn mặc bộ quần áo ủy viên đại diện chính phủ, đội chiếc mũ có chùm lông tam tài, thanh gươm đeo bên hông và hai khẩu súng lục đeo nơi thắt lưng.

Ông ta ngồi im lặng, mọi người đều im lặng. Binh lính cầm súng theo tư thế đứng nghỉ, mặt nhìn xuống đất, đứng sát nhau, nhưng không ai nói với ai một lời. Họ nghĩ lộn xộn về cuộc chiến tranh này, nghĩ tới bao nhiêu trận đánh,

bao nhiêu lần xông pha dũng cảm vào những hàng rào quân địch, nghĩ đến bao nhiêu đám dân quê nổi loạn bị sức mạnh của họ thổi quăn đi, nghĩ đến những tòa thành chiếm được, những trận thắng, những chiến công, và cho đến lúc này thì tất cả các vinh quang đó lại làm cho họ hổ thẹn. Bấy nhiêu bộ ngực như bị thất lại trong cảnh chờ đợi âm thầm. Trên bụng máy chém, đao phủ đi đi lại lại. Ánh sáng ban mai mỗi lúc càng rạng rỡ làm cho bầu trời thêm hùng vĩ.

Bỗng vang lên tiếng bùng bụng của những chiếc trống bọc nhiều đen. Tiếng trống thăm dậm càng tiến lại gần, hàng quân giãn ra nhường lối cho một đoàn đi vào giữa đội hình và tiến lại đoạn đầu đài.

Dẫn đầu là những chiếc trống đen, một đại đội lính xung kích súng chúc xuống đất, rồi đến một tiểu đội cảnh binh gươm tuốt trần, sau đó là tội nhân, – Gauvain.

Gauvain đi tự do, không bị trói. Anh mặc binh phục thường, mang gươm. Sau anh là một tiểu đội cảnh binh nữa.

Trên mặt Gauvain vẫn còn rạng lên cái vẻ vui trâm ngâm như khi anh ta nói với Cimourdain: Tôi nghĩ đến tương lai. Không gì khó diễn tả và cao siêu bằng nụ cười bất tuyệt ấy.

Đến nơi buồn thảm này, thoát tiên anh nhìn lên phía trên tòa tháp. Anh không buồn ngó đến cổ máy chém.

Anh biết Cimourdain có nhiệm vụ phải dự cuộc hành hình. Anh đưa mắt tìm trên sân thượng và thấy Cimourdain ở đó.

Mặt Cimourdain xanh nhợt và lạnh lùng. Những người ngồi gần cũng không nghe được hơi thở của ông ta.

Khi thấy Gauvain, ông cũng không rung động chút nào.

Trong khi ấy Gauvain vẫn tiến dần đến đoạn đầu đài.

Vừa đi anh vừa nhìn Cimourdain và Cimourdain cũng nhìn anh. Hình như tất cả tinh thần Cimourdain đã tập trung vào cái nhìn này.

Gauvain đã tới chân đoạn đầu đài. Anh ta bước lên. Viên sĩ quan khinh binh đi theo. Anh tháo gươm trao lại cho viên sĩ quan, tháo cà vạt ra trao cho đao phủ. Trông Gauvain như một nhân vật siêu phàm. Chưa lúc nào anh đẹp đến thế. Làn tóc nâu phất phơ trước gió; thời đó, người ta chưa cắt tóc của phạm nhân trước khi lên máy chém. Cổ anh nở nà như cổ đàn bà, cặp mắt đượm vẻ hào hùng và vương giả làm ta nghĩ đến một vị thiên thần. Anh đứng trên đoạn đầu đài mơ màng. Đó cũng là một đỉnh cao. Gauvain đứng đó, oai nghi và bình thản. Ánh mặt trời bao bọc lấy anh như một vòng hào quang.

Nhưng dù sao cũng phải trói phạm nhân. Dao phủ tiến đến, tay cầm một sợi dây.

Tối lúc đó, binh sĩ thấy người chỉ huy trẻ tuổi của họ rất kiên quyết đi vào dưới lưỡi dao, họ không chịu nổi nữa, trái tim của những con người quen chinh chiến ấy trào lên. Người ta nghe thấy một thứ tiếng ghê gớm, tiếng nước nổ của tất cả đoàn quân; một tiếng vang cất lên: Xin tha! Xin tha!

Một số người đã quỳ xuống; nhiều người khác vút súng, tay chơi với lên sân thượng, chỗ Cimourdain ngồi. Một khinh binh kêu lên, tay chỉ vào máy chém: – Có cho người vào thay không? Có tôi đây. – Mọi người lại gào lên, điên loạn: – Xin tha! Xin tha! Và giá có những con sư tử nghe thấy cũng phải cảm kích hoặc run sợ vì những giọt nước mắt của người lính đáng sợ.

Dao phủ dừng tay lúng túng.

Lúc đó, từ trên thành cao cất lên một tiếng nói ngắn gọn và trầm, nhưng mọi người đều nghe thấy vì nó thâm đậm quá sức tưởng tượng:

– Tôn trọng pháp luật!

Mọi người đã nhận ra cái giọng nói danh thếp. Cimourdain đã nói. Cả đoàn quân rùng mình.

Dao phủ không còn chân chừ nữa, tiến lại, tay cầm dây trói.

– Khoan, – Gauvain nói.

Anh ta quay lại Cimourdain, giơ cánh tay phải còn tự do ra chào vĩnh biệt, rồi sau đó đưa hai tay ra chịu trói.

Tay đã bị trói rồi, anh ta nói với dao phủ:

– Xin lỗi, cho tôi một phút nữa.

Rồi Gauvain hô to:

– Cộng hòa muôn năm!

Người ta đặt anh nằm trên bàn chém, cái đầu kiêu hãnh và đáng yêu bị gò vào cái vòng cổ nhục nhã; người dao phủ nâng nhẹ tóc anh lên, ấn lò xo; cái lưỡi dao hình tam giác tuốt ra, lướt xuống, mới đầu chậm chậm, rồi nhanh như chớp. Người ta nghe một tiếng phập phề tởm...

Cùng lúc đó, người ta nghe thấy một tiếng nổ khác. Một phát đạn súng nổ đáp lại tiếng lưỡi dao chém. Cimourdain vừa rút một trong hai khẩu súng vẫn đeo bên thắt lưng, và đúng vào lúc đầu Gauvain lăn vào hòm thì ông ta cũng tự bắn một viên đạn xuyên tim. Máu trào ra nơi miệng, ông ngã ra chết.

Và đôi linh hồn đồng điệu đau thương ấy cùng cất cánh bay, bóng đen của linh hồn này hòa trong ánh sáng của linh hồn kia.

Luyện tập

1. Thảo luận: Các bạn hãy tìm những đoạn Victor Hugo mô tả cái máy chém. Nhà văn có thiện cảm với cái máy chém không?
2. Thảo luận: Đám đông tới dự xử tử Gauvain được Victor Hugo mô tả như thế nào?
3. Thảo luận: Victor Hugo mô tả chàng sĩ quan quý tộc bước tới và đứng bên máy chém như thế nào?
4. Thảo luận và viết tiểu luận: Hãy nói ý nghĩ của bạn về câu văn cuối cùng *Và đôi linh hồn đồng điệu đau thương ấy cùng cất cánh bay, bóng đen của linh hồn này hòa trong ánh sáng của linh hồn kia.*
5. Viết tiểu luận: Bạn cảm nhận điều gì qua ẩn dụ ở hình tượng Gauvain với khẩu hiệu *Cộng hòa muôn năm* và Cimourdain với khẩu hiệu *Tôn trọng pháp luật*?

BÀI 5

THIỆP CHÀNG ĐÔI NGẢ

(của Nguyễn Triệu Luật)

Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 8 thân mến,

Sau khi học Bài 4 về tiểu thuyết *Chín mươi ba* lấy đề tài lịch sử của Victor Hugo, các bạn đã biết một cách khám phá lịch sử theo phong cách lãng mạn mà tác giả là một nhà thơ. Bài 5 này mang đến cho các bạn một phong cách tiểu thuyết tái hiện lịch sử dạng “sư phạm”.

Việc đầu tiên, các bạn nên biết qua con người Nguyễn Triệu Luật để hiểu phẩm cách nhà văn – nhà giáo đó.

Nguyễn Triệu Luật sinh năm 1903 tại làng Du Lâm (nay thuộc xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội). Ông là cháu nội của Hoàng giáp Nguyễn Tư Giản (1823–1890) và Cử nhân Nguyễn Án (1779–1815), thuộc một dòng họ có nhiều người đỗ đạt và nhiều người làm quan lớn.

Nguyễn Triệu Luật không theo con đường đi học, thi đỗ rồi làm quan như các vị tiền bối trong gia tộc. Ông học trường sư phạm Hà Nội, rồi dạy học ở Tuyên Quang, Hà Nội và Hải Phòng.

Năm 1927, Nguyễn Triệu Luật cùng với các đồng chí thành lập Việt Nam Quốc dân đảng để đấu tranh giành độc lập khỏi tay thực dân Pháp.

Năm 1930, một nhóm đồng chí tham gia khởi nghĩa ở Yên Bái và mười ba người đã bị nhà cầm quyền thuộc địa chặt đầu. Nguyễn Triệu Luật cùng một số đồng chí khác bị bỏ tù. Sau khi ra tù, Nguyễn Triệu Luật tiếp tục dạy học nhưng không được phép dạy tại các trường công, mà phải dạy học ở một trường tư tại thành phố Vinh (Nghệ An). Tại đây, trong vòng bảy tám năm, nhà giáo Nguyễn Triệu Luật đã thành nhà văn với hơn mười cuốn tiểu thuyết lịch sử, cuốn nào



Nguyễn Triệu Luật (1903–1946)

cũng hay theo một vẻ riêng (Sức làm việc của ông thật phi thường: Cũng trong thời gian này Nguyễn Triệu Luật còn viết báo để khai dân trí, viết cả sách khoa học như *Tâm lý học* và viết cả về những vấn đề thời sự chính trị thế giới như *Vấn đề Ba Lan*).

Victor Hugo viết tiểu thuyết lịch sử bằng ngòi bút của một nhà thơ mơ mộng về phẩm chất lớn của Con Người phổ quát – con người với những giá trị nhân văn, sống chết với lý tưởng nhân đạo, dân chủ, dân quyền. Một nhà quý tộc như Gauvain bị xử án chém vì tội cứu sống một hầu tước chỉ vì hành vi đẹp cứu con trẻ trong đám cháy của ông ta – nhà quý tộc đó khi lên máy chém vẫn xin được hô to *Cộng hòa muôn năm*. Còn nhà văn Nguyễn Triệu Luật thì canh cánh trong lòng chuyện độc lập dân tộc và đặc biệt trong tư thế một nhà giáo uyên thâm môn sử học thì còn canh cánh chuyện đem lại công bằng cho những nhân vật lịch sử bị hiểu lầm.

Trần Đông Du, nhân vật chính trong tiểu thuyết *Thiếp chàng đôi ngả* mà các bạn sắp học, là một người bị hiểu lầm. Nhà quý tộc họ Trần này, cũng như các nhà quý tộc họ Trần khác, đều căm ghét Hồ Quý Ly là người đã thoán đoạt ngôi vua cuối cùng của nhà Trần và lên ngôi vua mở đầu triều đại nhà Hồ. Trần Đông Du cũng tham gia vào một âm mưu giết Hồ Quý Ly. Sự việc bất thành, ba trăm người nhà Trần thành liệt sĩ. Trần Đông Du thoát chết chỉ vì một sự cố bất ngờ: chàng bị ốm. Và chàng quý tộc Trần Đông Du còn bị mắc tiếng oan lần nữa: Nhà quý tộc trẻ đó xin hàng phục Hồ Quý Ly chỉ vì muốn giúp nước chống quân giặc phương Bắc (nhà Minh). Trần Đông Du bị vợ khinh bỉ – và nàng đã gieo mình xuống Hồ Tây để không còn muốn nhìn mặt người chồng mà nàng không thể chấp nhận sự thay đổi “lý tưởng”. Trần Đông Du rồi sẽ chết trên chiến trường. Và tất cả các nhân vật vẫn còn chưa giải tỏa nỗi oan hoặc nỗi nghi kỵ cho nhau, *thiếp chàng đôi ngả*!

Đọc tiểu thuyết lịch sử của Victor Hugo, chúng ta sẽ thêm yêu con người nhân văn chủ nghĩa, con người của lý tưởng dân chủ và dân quyền.

Đọc tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Triệu Luật, chúng ta sẽ yêu đất nước Việt Nam hơn. Ngoài ra, cách viết tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Triệu Luật sẽ còn gợi ý cho chúng ta cách sống cụ thể trong thời hiện tại. Và biết đâu đấy, tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Triệu Luật cũng sẽ gợi ý cho những bạn nào thích đi sâu vào môn khoa học này, tìm cách lật tung lớp bụi phủ lên các sự kiện lịch sử để tìm ra những sự thật bị che giấu.

THIỆP CHÀNG ĐÔI NGẢ

I - Lễ ăn thề

Trong cuốn tiểu-thuyết “Nhà thờ Thánh Mẫu Ba-lê” (Notre-Dame de Paris) của Victor Hugo, có một thiên đề là “Cái này sẽ diệt cái kia” (Ceci tuera cela). Cái này, là Hugo chỉ nghề in; cái kia, Hugo chỉ đèn đài, lăng, miếu, cung, điện, nhà cửa thời cổ, tức là những dấu vết của người xưa để lại. Chưa có nghề in thì những nhà cửa điện đài ấy dùng để ghi lịch sử, những dấu vết ấy tức là bộ sử bằng đá gỗ gạch cho vạn đời về sau. Có nghề in rồi, nghề in thịnh hành rồi, thì bút sử sẽ thay cái lối chép sử bằng đá gạch. Cổ nhân dựng những nền kiến trúc vĩ đại, có lẽ cũng có ý tự chép sử những công nghiệp của mình. Sau này, nghề ấn loát càng truyền bá thì nghề kiến trúc càng có vẻ tạm thì. Tóm lại, nghề ấn loát này, quyển sách này, sau đây sẽ diệt nghề kiến trúc kia, những lâu đài kia.

[...]

Một hôm, trứ giả¹ đây cùng với một người bạn dạo chơi quanh Hồ Tây. [...] Chúng tôi tuy nói rằng đi quanh hồ, mà nhiều chỗ chẳng thấy hồ đâu cả. Trên con đường Nhật Tân đi chợ Bưởi [...] khỏi làng Bái Ân đã trông thấy đồn An Thái.

- Làng này hồi Cổ Lê là một phường trong ba mươi sáu phường của thành Thăng Long. Ở thôn Đông phường An Thái tương truyền có miếu thần Đồng Cổ. Ta thử vào xem, xem có còn di tích gì không?

- Có gì mà xem! Ở ta, trăm cái đền giống nhau cả một trăm, nghìn cái miếu cùng lột một khuôn cả. Cho hẳn là nơi cổ tích đi nữa thì cái danh cổ tích ấy cũng chỉ có trên sách vở và miệng lưỡi thiên hạ, chứ thật ra chẳng có gì cổ cả. Mà cho hẳn là vật cổ từ xưa còn lại đi nữa thì cũng chẳng có gì khác với cái mới làm gần đây. Cái nhà tôi ở ấy, làm từ năm Nhâm Dần niên hiệu Thiệu Trị thứ hai, tính ra tới nay đã được ngót trăm năm, dễ thường lại không cổ hơn chán vạn đền chùa vẫn có tiếng là cổ chắc!

- Nhà anh cổ thì cổ nhưng nó vẫn là cái nhà riêng. Có quý nữa cũng chỉ quý cho nhà anh mà thôi!

1 Trứ giả = nghĩa cũng như “tác giả” (BBT – Chú thích của Ban biên tập Cánh Buồm. Không ghi BBT là chú thích của tác giả Nguyễn Triệu Luật).

- Nhưng nó là cái nhà cổ thật chứ không giống như những đền, miếu cổ giả.

- Vẫn hay rằng thế, nhưng ta cũng có thể dựa vào đó mà tưởng tượng đến người xưa việc cổ; chẳng hơn là không có tí gì để tư tưởng bám vào ư? Cái bụng sùng cổ, tấm lòng nhớ xưa bao giờ cũng nấu ở những nơi cổ tích, dầu là cổ tích giả cũng được. Cũng như lòng tín ngưỡng Thượng Đế phần nhiều vì cái cảnh u tịch những giáo đường gây nên.

- Thì miếu Đồng Cổ thôn Đông phường An Thái có sự tích gì lạ? Mà miếu ấy gây cho anh những cảm tình gì? Nhắc lại cho anh chuyện gì về cổ?

- Chuyện một đôi vợ chồng đời nhà Hồ.

- Miếu Đồng Cổ có quan hệ gì đến nhà Hồ?

- Miếu ấy đời nhà Lý là chỗ hội họp các quan uống máu ăn thề.

- Các quan đời Lý họp nhau uống máu ăn thề ở đền Đồng Cổ có dính dáng gì đến nhà Hồ? Hay là đi quanh hồ, anh nghĩ đến nhà Hồ?

- Thế thì anh không rõ. Nguyên lúc vua Thái Tông nhà Lý mới lên ngôi, bị bọn em làm loạn toan cướp ngôi. Sau loạn ấy dẹp xong. Vì sự phản nghịch ấy, Lý Thái Tông mới lập lệ cứ hằng năm các quan phải đến đền Đồng Cổ uống máu ăn thề. Lời thề rằng: “Làm con không hiếu, làm tôi không trung, thần minh tru diệt”. Sau thành cái tục quen. Đến lúc nhà Trần nổi lên, cũng làm theo như thế. Mỗi năm đến ngày hội ăn thề, dân gian trai gái đi xem rút¹ đông, cho là một ngày hội vui vẻ. Một cái tục, nguyên lai có tính cách chính trị, sau biến thành một trò vui... Đến hồi cuối Trần, Hồ Quý Ly dời đô vào Tây Đô. Lễ ăn thề họp ở một ngôi đền trên Đốn Sơn, một quả núi ở làng Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa bây giờ. Họp lần cuối cùng vào năm Kỷ Mão, niên hiệu Kiến Tân thứ hai đời vua Trần Thiếu Đế. Lần ấy lễ ăn thề lại có vẻ chính trị.

- À ra thế,... Tôi lại cứ tưởng anh ở bên cạnh Hồ Tây mà liên tưởng đến nhà Hồ.

- Cũng có liên tưởng nữa. Đi cạnh hồ, tôi nghĩ đến câu đồng dao:

Chàng về Hồ thiếp cũng về Hồ,

Chàng về Hồ Hán, thiếp về Hồ Tây.

- Anh lầm bét rồi! Câu đồng dao ấy tôi nhớ. Nó là câu hát về của lũ chị hàng xén làng Tây Hồ. Cả bài thế này:

1 Rút (đông): tiếng cổ, cũng như “rất” (đông) (BBT).

Chàng về, thiếp cũng xin về,
Chàng về Hồ Bắc, thiếp về Hồ Tây.
Chàng bao nhiêu tuổi năm nay?
Chàng rầy mười tám thiếp rầy bốn ba.
Mồ cha đứa chê thiếp già,
Thiếp còn gánh nổi một và trăm kim.
Trăm kim đổi lấy lạng vàng,
Mua gương Tư Mã, thiếp chàng soi chung.
Chàng về sắm sửa loan phòng,
Thiếp xin điểm phấn tô hồng thiếp theo.

Làng Tây Hồ làm nghề hàng xén, anh biết và nhớ cho! Đó là câu về người ta giễu cái chị hàng xén đã già rồi mà còn phong tình... Người ta nói rằng: “đeo kính xanh trông cảnh vật hóa xanh”, quả không sai. Anh mê cái món lịch sử trông cái gì cũng có màu lịch sử. Anh đến đổi cả phong dao đi cho hợp màu lịch sử thì quá lắm.

– Tôi không lầm đâu. Chuyện sau đây chứng rằng câu đồng dao như tôi nhớ mới là đúng.

II – Mưu trừ họ Hồ

Năm trăm bốn mươi năm trước đây.¹

Năm ấy là năm Kỷ mao, niên hiệu Kiến Tấn thứ hai đời vua Trần Thiếu Đế, lịch tây vào năm 1399. Khi ấy, cơ nghiệp nhà Trần đổ nát hẳn rồi. Tuy rằng còn ông vua lên ba đó, nhưng quyền hành thì ở cả Hồ Quý Ly. Muốn cho việc cướp quyền dễ dàng hơn, Quý Ly xây thành Tây Giai, rời quốc đô về đó, gọi là Tây Đô.

Ở xóm Cửa Bắc thành Tây Giai có một tòa nhà, không to tát lắm, nhưng cũng không nhỏ lắm. Chữ đúng nhất để gọi tòa nhà ấy là hai chữ: nền nếp. Nó là một tòa gạch kiểu đại khoa cổ, mái hiên đằng trước, tường bít đằng sau. Nó là hai cái cột đồng trụ hai đầu hồi, trên đắp hai con sấu bằng sứ. Nó là một cái “sân vườn hoa” trước nhà, sân lát đá núi Hồ Tôn có bồn trồng cây hoa đủ thứ: hai gốc bạch hải đường chỗ giáp dần hoa thiên lý, hai gốc hải đường đỏ mọc áp chiếc

1 Năm 1399, tức là khi tác giả viết truyện này là năm 1939 (BBT).

bình phong bằng gạch xây lối cuốn thư để che con mắt kẻ qua đường nhòm vào trong sân, trong nhà. Nó là hai dãy hành lang chạy theo nhà chính, ba tòa nhà ôm lấy cái sân theo lối kiến trúc chữ “môn”. Nó là bao nhiêu câu đối hoành phi mà chữ chữ đều khoe cái thế cành vàng lá ngọc của tổ tiên chủ nhân.

Ngoài cổng, người ta thấy khắc vào tấm đá trên khuôn cửa mấy chữ lược vàng thiếp đã long lở: Văn Huệ Vương Phủ Đệ. Người bấy giờ thường gọi là “Phủ Văn”. Phủ Văn trước kia là phủ đệ, bây giờ là nhà thờ một vị thân vương nhà Trần.

Một hôm, về đầu tháng năm, vào khoảng cuối giờ thân¹. Trong sân Phủ Văn, một chàng thiếu niên đương đứng dưới gốc hải đường ngắm mấy dò lan tứ thời mới nở. Ngày độ ấy dài nên tuy đã cuối giờ thân mà cả một góc trời phía tây hây còn đỏ hắt rắng chiều. Ngắm lan chán, chàng lại đi bách bộ quanh sân, vừa đi vừa lẩm bẩm:

– Vui vẻ lắm đó tiệc với tùng! Lão ta thật mình không hiểu bụng dạ ra làm sao nữa! Vui vẻ nổi gì mà ăn sinh nhật!

Lắng tai nghe, xa xa có tiếng pháo nổ.

Chàng mỉm cười một cách chua chát:

– Pháo nổ mừng sinh nhật đó. Rõ thật là đồ không ruột! Lão không mời mình là phải... Mà cũng phúc cho mình nữa... Càng khỏi phải nói những câu chúc sáo ngượng mồm, nghe những tiếng mừng bần tai, trông những trò “hú nhiên tự lạc”² bần mắt.

Trời tối dần. Ráng đỏ phía tây xuống màu tím. Chàng sắp vào thì lạch cạch có tiếng gõ cửa, tiếng gõ rụt rè như người có điều gì bí mật hoặc như người chưa chắc chắn là hỏi đúng nhà nên phải dè dặt.

– Ai đó, cứ vào!

Một tên tiểu đồng vào:

– Thưa, đây có phải là nhà công tử Trần Tử Tang không?

– Phải, mà chính là ta đây. Con hỏi gì?

– Thái bảo có thư cho công tử đây.

Vừa nói tên tiểu đồng vừa rút trong bọc ra một phong thư đưa cho chàng. Xem xong thư chàng bảo tên tiểu đồng:

– Con về thưa lại cùng quan Thái bảo rằng trăng lên ta xin sang hầu.

1 Giờ thân: 3–5 giờ chiều (BBT)

2 Đú đờn mừng lão.

Đứa tiểu đồng ra khỏi, một người thiếu phụ ở trên hành lang ra sân hỏi chàng:

– Quan Thái bảo viết thư nói việc gì vậy?

– Nhân lễ sinh nhật, chắc ngài lại triệu sang cho uống rượu.

– Tôi chắc có việc gì khác nữa.

– Việc gì khác! Ăn với uống thôi chứ còn việc gì khác nữa!

– Lễ sinh nhật thì ăn uống đã suốt từ sáng đến giờ rồi. Nay gần tối Thái bảo mới cho triệu, tôi chắc có việc gì khác.

Chỉnh đốn xong khăn áo, Đông Du ra đi. Trước khi ra cửa, chàng nói với Văn Trúc:

– Hiền thê¹ cứ ở nhà, để tôi sang xem sao. Có việc gì khác thì tối về khắc biết.

Thái bảo tức là Trần Nguyên Hăng là một vị quan to trong họ nhà Trần, đối với Trần Đông Du, người thiếu niên chủ cái Phủ Văn, là họ đồng tông. Cha mất sớm, Đông Du chỉ còn mẹ già ngoại năm mươi tuổi. Đông Du mới hai hai tuổi và mới lấy vợ được hai năm. Vợ chàng, Trịnh Văn Trúc là con một ông nhà nho bạn thân với cha Đông Du. Vì cái tình bằng hữu ấy nên Văn Trúc dẫu người hàn tộc² cũng được làm dâu họ nhà vua. Vợ chồng Đông Du vẫn có tiếng là tương kính như tân³. Đông Du thấy cơ nghiệp nhà Trần đổ nát, thường vẫn lấy làm phẫn uất, nhưng hiềm vì chỗ nào cũng là nanh vuốt của Quý Ly cả, lại thêm nỗi giữa thì buổi ấy chẳng thể rõ bụng ai ngay ai queo, nên chàng chỉ biết bực tức một mình chứ không dám tỏ cho ai biết. Văn Trúc là người thông minh, xét cử chỉ nói năng, đoán được ý chồng, nhưng thấy Đông Du kín đáo cũng không dám hỏi. Hôm nay nhân việc Trần Nguyên Hăng cho gọi, nàng liền thử gọi hỏi để dò ý chồng.

Đến nơi, Nguyên Hăng mời vào nhà trong. Đông Du vào đã nhìn thấy: Thượng tướng quân Trần Khát Chân ngồi ở chiếc sập giữa nhà. Đông Du chấp tay vái chào. Liếc trông sang hai chiếc trường kỷ gian bên có dăm sáu người khác nữa. Chuyên xong một lượt chè, Khát Chân nói:

– Hôm nay nhân trời sáng trăng, mời quan Thái bảo cùng các ông sang chơi bên tôi. Ta ngồi lâu cao ngất trăng uống rượu có lẽ thú hơn.

1 Hiền thê: cách gọi vợ trang trọng của gia đình quý tộc (BBT).

2 Đời Trần, bao nhiêu họ ngoài họ vua đều gọi là hàn tộc. Theo phép nhà Trần, họ nhà vua không lấy người hàn tộc.

3 Cùng kính nhau như khách.

Trên mặt Đông Du, người ta thoáng thấy một vẻ khó chịu. Vẻ ấy, người nào biết rõ Đông Du đều nhận ra: nó là một nét dân¹ ở môi, làm cho cái miệng nửa như bĩu, nửa như cười. Nguyên Hăng là người nhận thấy đầu tiên. Ông lại cố trêu Đông Du:

– Ta sang chứ? Thử dạ duy khả đàm phong nguyệt...²

Đông Du “vâng” một tiếng dài.

Mọi người theo bóng trăng sang nhà Trần Khát Chân. Lên trên lầu Vọng Nguyệt, mọi người ngồi cả, Nguyên Hăng đứng lên nói bằng một giọng quả quyết.

– Quốc tặc Lê Quý Ly³ ngày nay một tay chuyên việc nước, trên thí vua, dưới hại dân, các ông nghĩ thế nào?

Mọi người đưa mắt nhìn nhau. Khát Chân nói:

– Chúng tôi đều muốn trừ hắn, hiểm vì chưa có dịp.

Nguyên Hăng nói:

– Dịp có rồi! Các ông sáp huyết tuyên thệ, tôi xin nói.

Nguyên Hăng vừa nói dứt lời thì dưới lầu đã bùng lên mâm huyết. Nguyên Hăng múc một chén uống rồi tuyên thệ rằng:

– Nguyên Hăng thề giết quốc tặc Lê Quý Ly. Ở chẳng như lời, nguyện quỳ thần tru diệt!

Lần lượt hơn trăm người ăn thề uống máu. Trong số ấy, Đông Du nhận ra có: Thượng tướng quân Trần Khát Chân, Trữ quốc Trần Nhật Đôn, Thượng thư Hà Đức Lân, Hành khiển Lương Nguyên Bưu, Xa kỵ tướng quân Phạm Khả Vĩnh, cùng Phạm Ông Thiện, Phạm Tổ Thu, Phạm Ngưu Tất... Uống máu ăn thề xong, Trần Đông Du nói:

– Việc làm phải cho cẩn mật. Phạm Mãnh, Chu Bình Khuê bị giết ở Hoa Châu năm Tân Vị, Trần Nhật Chương bị giết năm Nhâm Thân. Trần Nguyên Uyên, Trần Nguyên Dận bị giết năm Ất Hợi cũng chỉ vì không kín đáo mà thôi. Tiền xa khả giám⁴.

Nguyên Hăng nói:

1 Nét nhăn, lối viết trước 1945 – giống như “lời” thành “nhời”, “Trời” thành “Giời” (BBT).

2 Đêm nay chỉ có thể nói chuyện gió trăng mà thôi.

3 Tức Hồ Quý Ly (BBT).

4 Xe đi trước nên lấy làm gương. Tục ngữ Tàu có câu: Xe trước đổ, xe sau nên trông đó mà tự răn.

- Ta tưởng cũng kín đáo đó chứ. Lòng sôi lên như cháu mà một giờ trước đây chưa biết gì cả. Tệ hơn, có lẽ suốt ngày hôm nay thấy ta yếm ả, cháu đã thóa mạ nhiều lần!

Đông Du phục xuống ôm chân Nguyên Hăng:

- Cháu thật đặc tội cùng thúc phụ. Cháu trẻ người non dạ, thúc phụ cũng đại xá cho.

Nguyên Hăng đỡ Đông Du dậy.

Phạm Ngưu Tất hỏi:

- Quan Thái bảo nói là dịp đã có, chẳng hay là dịp nào?

- Rằm tháng này có lẽ ăn thề ở Đốn Sơn. Quốc tặc thể nào cũng đến xem. Ta sẽ lừa hắn lên lầu này đứng xem lễ rồi khi đó, một người thích khách... Ai muốn làm Kinh Kha hôm ấy nào?

Trần Đông Du, Phạm Ngưu Tất, Phạm Tổ Thu cùng đứng dậy nói:

- Tôi xin cáng đáng việc ấy.

Nguyên Hăng nói:

- Có đến ba Kinh Kha thì việc tất phải thành. Thôi, trời đã khuya, xin các ông ai về nhà nấy. Đúng ngày rằm, xin lại họp ở đây.

Mọi người xin vâng rồi cứ vài người một dần dần giải tán. Hôm ấy là hôm mồng mười tháng năm, năm Kiến Tân thứ hai đời vua Trần Thiếu Đế.

* * *

Năm hôm sau, ngày hội minh đã tới.

Từ sáng sớm, quanh núi Đốn Sơn đã thấy tinh kỳ đỏ chói. Người lớn trẻ con lũ lượt đi xem hội ăn thề. Lễ hội minh có đã 370 năm nay. Lần đầu, năm nay, mới họp ở Đốn Sơn nên dân mấy lộ Hoài, Hoan, Ái, rủ nhau đến xem đông lắm.

Trong nhà Thượng tướng quân Trần Khát Chân cũng tập nập những người. Quân sĩ kháo chuyện cùng nhau:

- Hôm nay sao nhà Thượng tướng quân nhiều lính tráng thế? Sao mà cờ quạt nghi tiết bày la liệt ra lắm thế? Có lẽ hoàng thượng ngự giá đến hôm nay chắc?

- Kim thượng tuổi mới lên bốn thì đã ngự giá ngự nộm đi đâu nữa! Đây chắc là Thượng tướng quân bày ra để tiếp đức Phụ chính Thái sư¹.

1 Túc Lê Quý Ly hoặc Hồ Quý Ly làm Phụ chính cho nhà vua còn nhỏ tuổi (BBT).

Tên lính thứ nhất nói:

– Có lẽ... Song anh đọc chưa hết lòng mình tinh đức Thái sư. Để tôi đọc cho anh nghe: *Đức Phụ Chính Thái sư, Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự Tuyên Trung, Vệ Quốc Đại Vương!*

Tên lính thứ hai nói.

– Anh này hồn thật, dám giễu đức Thái sư! Anh có sợ mất chỗ đội nón không?

– Tôi nào dám giễu. Đó là tôi kính trọng đức Thái sư. Tôi còn quên một duệ hiệu nữa: *Phụ Chính Cai Giáo Hoàng Đế Quốc Tổ Chương Hoàng...*

– Anh muốn theo lũ Bùi Mộng Hoa, Trần Nhật Chương chắc?

– Thôi, thôi, tôi phải vào phủ có việc, không rồi hơi mà nói rông mãi với anh...

Nói xong tên lính thứ nhất chạy vào phủ đệ. Tên lính thứ hai nhìn theo:

– Nghĩ là gì! Chỉ mạnh bạo xằng!

[...]

Dưới chân lầu Vọng Nguyệt, hai người võ sĩ nói chuyện.

– Anh Trần Đông Du đâu?

– Anh ta ốm nặng.

– Ốm thật hay ốm giả? Hay sợ vạ mà giả ốm?

– Không phải. Anh ta ốm thật. Hôm qua tôi đến chơi thấy ốm mệt, nói mê nói sảng. Nói sảng mà nói những điều oan gia cả, vợ cứ phải lấy tay bịt miệng lại.

– Thế thì thôi. Đáng tiếc cho anh ta thật.

– Ba tráng sĩ thiếu một... Điềm gở, anh ạ.

– Anh này mới đàn bà chứ! Hay anh có sợ thì về nốt đi! Một mình tôi cũng đủ.

– Sống chết có nhau, khi nào lại thế!

– Đã thế thì cứ vui vẻ đi chứ?

Hai người cùng cười.

Người thứ nhất là Phạm Ngưu Tất, người thứ hai là Phạm Tổ Thu.

[...]

Giờ tị.

Vắng nghe đằng xa có tiếng kèn trống bát âm. Đoàn quân tiền hô hậu ứng

của Phụ chính Thái sư đã gần tới. Trước dàn chín lá cờ Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ, Long, Li, Qui, Phượng xếp hàng ba từ từ tiến bước. Rồi bát bửu, lộ bộ. Trước xe ngồi lá cờ Chu Tước, hai bên xe hai lá cờ Thanh Long, Bạch Hổ, đằng sau xe lá cờ Huyền Vũ. Xe tám ngựa kéo, mui lợp vàng, trên cắm lá cờ vàng con. Trước xe cắm phủ việt, cờ tiết mao. Quý Ly, ngồi trong chiếc xe bốn lọng vàng, mình mặc áo gấm mầu vàng nhợt (tức là mầu bồ hoàng), thêu chín con rồng. Đạo cờ quạt đến cửa phủ đệ Thượng tướng quân. Trần Nguyên Hãn, Trần Khát Chân mặc mũ áo ra tận cửa đón vào. Quý Ly xuống xe cùng vệ sĩ vào phủ, đi giữa hai hàng quân gươm tuốt sáng lòe. Nguyên Hãn, Khát Chân chấp tay đi theo sau. Tối chân lầu, Nguyên Hãn mời:

– Rước Thái sư lên lầu xem lễ.

Quý Ly quay lại cười bảo vệ sĩ:

– Các người giải giáp xuống nghỉ dưới hành lang. Ta ở đây cùng quan Thái bảo cũng như ở nhà, không cần phải vũ sĩ đứng hầu. Ta lên lầu uống rượu cùng quan Thái bảo và Thượng tướng quân. Đây không phải nhà công tử Quang nước Ngô, ta không phải Ngô vương Liêu, làm gì có Chuyên Chư¹ mà sợ.

Nói xong, y quay lại bảo Nguyên Hãn và Khát Chân bằng một cái giọng đắc thế và tự đắc kiêu ngạo:

– Phải chăng? Hai ông?

Nguyên Hãn cũng cười.

Khát Chân nói:

– Xin rước Thái sư cùng quan Thái bảo lên lầu. Tôi xin ở dưới xếp đặt quân sĩ rồi sẽ lên sau.

Quý Ly và Nguyên Hãn lên lầu.

[...]

Dưới lầu, một người võ sĩ nghiêng răng cười gần:

– Đây làm gì có Chuyên Chư!

Nói xong trừng mắt nhìn lên lầu, rồi lại liếc mắt nhìn một người võ sĩ khác. Người kia khẽ gật đầu rồi cùng tiến đến chân thang, toan lên lầu. Khát Chân trừng mắt nhìn ra hiệu rằng chưa nên rồi ra đứng chắn dưới bậc thang.

1 Đời Xuân Thu, công tử Quang nước Ngô mời Ngô vương Liêu đến nhà ăn tiệc rồi cho thích khách là Chuyên Chư đâm chết.

Bằng ấy cử chỉ lọt vào mắt một người thứ tư nữa. Người ấy vội đến chân thang lên lầu. Người này, Nguyên Hăng không dám ngăn vì là người nhà thân tín của Quý Ly. Lên tới lầu, người ấy nói với Quý Ly.

– Xin Thái sư kíp về. Có biến ở cung Nhân Thọ.

Quý Ly thấy dáng điệu hốt hoảng của người kia, vội đứng dậy cáo từ về. Võ sĩ lại mặc áo giáp cầm gươm theo hầu ra xe. Nguyên Hăng, Khát Chân tiến ra tận cửa. Hai người võ sĩ chực lên lầu lúc này quăng gươm xuống đất, nói:

– Chỉ chết uống cả lũ thôi...!

Nói xong giận dỗi bỏ ra về.

Ở ngoài Đồn Sơn trăm quan tụ họp, mới làm lễ cáo thiên địa xong, chưa kịp thề, thấy Quý Ly về, lấy làm lạ, cũng bỏ ra về cả.

[*Lược phần III – Cái vạ dây dưa: Thuật chuyện “người nhà thân tín của Quý Ly” mật báo về âm mưu của nhóm thích khách, và cả nhóm bị Hồ Quý Ly bắt. Trần Nguyên Hăng và Trần Khát Chân tự tử trong ngục, những người còn lại cùng liên thuộc cộng 370 bị hành hình. Riêng Trần Đông Du vì ốm không có mặt hôm hội thề ở Đồn Sơn nên thoát chết.*]

IV – Sáu năm sau

Nhà Hồ thay nhà Trần đã được sáu năm.

Đến nay đã là năm Ất Dậu, niên hiệu Khai Đại năm thứ ba đời Hồ Hán Thương.

Một buổi sáng tháng chín, cuối mùa thu.

Trần Đông Du vừa ở nhà xã quan về, coi bộ tươi cười vui vẻ.

Vui vẻ nổi gì? Cùng thuyền đi, khi đắm sóng lại một mình, còn gì mà vui? Muờn việc cùng người, lúc lưới vạ trùm đến, riêng mình được thoát ra ngoài, sung sướng nổi gì? Sống thừa sống nhục, đeo đẳng đến ngày nay, vạ lớn không trừ nổi, cam tâm đội chung trời với kẻ thù nước, thù nhà, người như thế mà còn vui vẻ được thì lòng có lẽ là gỗ đá.

Vui vẻ nổi gì? Chính người bạn trăm năm, đồng tâm đồng chí với Đông Du là Trịnh Văn Trúc cũng không hiểu được. Từ ngày nhà Trần mất, đêm ngày vợ chồng vẫn buồn bã. Hốt mấy hôm nay thấy Đông Du ra dáng có việc gì phải

ngẫm ngợi lắm. Lại hốt nhiên sáng hôm nay ở nhà xã quan về, đổi hẳn dáng điệu, mặt mày tươi tỉnh, gánh sầu chất nặng trong sáu năm nay như một ngày cất nhẹ. Văn Trúc không thể hiểu được. Thấy lạ, nàng hỏi chồng:

– Từ ngày xảy ra việc nghĩa cử ở Đồn Sơn, lang quân may thoát ra ngoài số mấy trăm liệt sĩ, từ ngày ấy đêm ngày lang quân vẫn buồn bã. Chẳng hay hôm nay có việc gì lạ mà tôi thấy lang quân có vẻ vui mừng làm vậy. Hay là lang quân đã trông thấy cơ hội nào hay chăng?

Đông Du cười đáp:

– Phải, cơ hội hay sắp tới... Nhưng ví phỏng tôi phải chết ở chiến trường thì hiền thê có vui được không?

– Sao lại không vui được? Tôi thường vẫn nói với lang quân rằng: ví ngày nghĩa cử ở Đồn Sơn lang quân không mắc bệnh mà vướng vào lưới tội tình, thì tôi làm vợ góa một người liệt sĩ cũng lấy làm vui.

– Góa mà vui à?

– Góa thì không vui, nhưng có điều này vui. Lang quân vị nghĩa chết ngày nào thì tôi cũng làm vợ người liệt sĩ mà chết theo. Chết theo người chồng liệt sĩ, cái ấy vui hơn sống nhục... Nhưng cơ hội hay lang quân vừa nói là cơ hội gì thế? Thật tôi đàn bà không thể sao đoán được.

– Tôi theo họ Hồ.

Văn Trúc nghe hết bốn tiếng trên, nghĩ là Đông Du nói bỡn. Nhưng không! Nhìn mặt chồng, Văn Trúc thấy nét mặt rút nghiêm nghị. Nghe giọng nói lại có vẻ quả quyết lắm. Nghĩ một lúc, Văn Trúc nói:

– Đó là lang quân giả theo để chờ cơ hội tuyết hận đó chứ gì?

– Tôi theo thật chứ không theo giả.

– Lang quân nói lẫn rồi!...

– Không. Tôi chưa đầy ba mươi tuổi, đã lẫn thế nào! Hiền thê lấy làm lạ lắm hay sao?

– Tôi nghe như lời nói một người mê sảng.

– Tôi vẫn tỉnh.

– Lang quân thật không nói bỡn? Thật không nói lẫn? Thật không mê sảng?

– Không.

– Lang quân quyết không đổi chí?

– Không.

– Vì cố gì lang quân theo họ Hồ, nói cho tôi rõ.

– Họ Hồ gian ác nhưng thật có tài trị nước.

– Cứ thấy có tài thì theo à?

– Không phải. Năm Kỷ Mão, tôi theo quan Thái bảo trừ họ Hồ ở Đốn Sơn vì khi đó họ Hồ trái đạo làm tôi. Khi đó, trừ Hồ Quý Ly là trừ mối họa cho nước. Chẳng may việc không thành, liệt sĩ bỏ mình, quốc tặc còn lại, tôi biết là sự thoán đoạt sắp tới. Quả nhiên năm sau Quý Ly cướp ngôi thật. Tới nay đã sáu năm rồi, sự thế khác cả.

– Khác gì? Xưa là giặc nước thì nay cũng là giặc nước, xưa mưu giết thì nay không thể thờ.

– Xưa một thì, nay một thì. Xưa khác, nay khác. Xưa là đưa quyền thần định làm loạn nước. Nay là chủ xã tắc, sắp phải trừ họa lớn cho trăm họ. Xưa mưu giết, nay phải thờ.

– À,... thế ra ai là chủ thì thờ, không cần hỏi lai lịch ra sao nữa à? Ai làm cho ta giàu sang, ta nguyện dập đầu. Ai có lý¹ cho ta, ta cam khuất nhục, bụng lang quân như thế đó?

– Không phải thế... Ta là con cháu nhà Trần. Họ Hồ cướp nước của họ Trần, lời ứng² là ta phải vì họ Trần trừ họ Hồ. Song nếu gầm trời chỉ có họ ta với họ Hồ thì sao ta lại có dòng họ Hồ. Song khôn nổi, trong thiên hạ, ngoài ta và họ Hồ, còn có nước khác, họ khác. Bên Trung Quốc, cứ bao giờ chúng hết loạn lạc là chúng nghĩ đến việc thôn tính các nước láng giềng ngay. Hồi Tống, Triệu Khuông Dận vừa thống nhất xong phương Bắc thì đã có việc lôi thôi với vua Đinh rồi. Đến đời thằng em là Triệu Khuông Nghĩa, lũ chó ngô Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng sang định lấy nước ta. Giả lúc ấy không có vua Lê Đại Hành thì giang sơn này mất chứ còn sao được. Lại hồi đầu nhà Trần, phương Bắc nhà Tống mất, rợ Mông Cổ vào làm chủ Trung Nguyên. Giá khi đó nhà Trần ta không thay họ Nguyễn³ thì sơn hà thổ địa ta còn gì! Hồi cuối Trần, vào đời vua Dụ Tông, ở bên Tàu nhà Nguyên đã suy, trong nước rối loạn, bọn Trần Hữu Lượng, Trương Sĩ Thành, Chu Nguyên Chương khởi binh đánh phá. Đến năm Mậu Thân, Chu Nguyên Chương trừ được quân hùng, thống nhất Trung Quốc, có sai sứ đưa thư sang hiểu dụ vua ta. Nước ta bấy giờ đã suy nhược lắm

1 Khi đó chưa ai kiêng chữ Ly, húy vua Lê Thái Tổ (Lê Ly).

2 Đông Du kiêng chữ Lý là tên ông ở nhà Trần: Thái Tổ Trần Lý.

3 Đời Trần, vì tổ tên là Lý, nên gọi nhà Lý là nhà Nguyễn, bao nhiêu người họ Lý cũng đều bắt đổi thành họ Nguyễn.

rồi, nhưng vì nhà Minh mới định xong thiên hạ, còn phải sửa sang việc nước, chưa thể viễn chinh được, nên cũng chưa có việc gì quan trọng lắm. Đến năm Mậu Dần, niên hiệu Quảng Thái thứ mười một, Chu Nguyên Chương chết, để ngôi cho cháu là Chu Doãn Văn. Giữa năm Kỷ Mão, có việc ở Đốn Sơn là năm Doãn Văn lên ngôi. Chú Doãn Văn là Chu Lệ làm phản, đem quân vào cướp ngôi của cháu. Trước tôi tưởng việc ấy còn làm cho Trung Quốc loạn lâu thì cái họa ngoài ta không lo, có thể để tâm riêng đến kẻ thù trong được. Không ngờ Chu Lệ trong hai năm cướp hẳn được ngôi vua. Năm nay đã là năm Vĩnh Lạc thứ ba đời Chu Lệ rồi! Cứ để nguyên thì quân Minh nó cũng sang xâm chiếm ta, hưởng hồ lũ Trần Thiêm Bình lại lạy lục mời nó sang. Nay rồi nó giả danh sang giúp họ Trần, lấy tiếng diếu phạt¹ mà sang nuốt trôi giang sơn ta. Họ Hồ là kẻ thù của họ Trần thì phải trừ. Họ Hồ là kẻ giữ nước thì phải thờ. Tôi muốn bắt chước Phạm Cự Lượng giúp vua Lê Đại Hành trừ giặc Bắc.

Văn Trúc cười nhạt:

– Thờ kẻ thù... Lời ấy ở miệng một người trong huyết thống họ Trần, một người đã uống máu ăn thề ở trước Đốn Sơn, thì còn có trời đất nào nữa!... Hay là lang quân độ ấy giả ốm cho thoát vạ mà việc hơn 370 đầu rụng ở pháp trường kia, ở trong cũng có tay. Nếu thế thì.... Trời đất ơi!... Còn gì xấu xa điểm nhục hơn nữa!

Đông Du nghe hết câu, đỏ mặt tía tai đứng dậy:

– Đừng nói càn!

– Đã chắc là tôi nói càn chưa?!

Đông Du cầm cái lọ cắm hoa trên bàn toan ném Văn Trúc, nhưng khi giơ lên xong lại không nỡ, liền quẳng mạnh xuống đất vỡ tan.

– Bước ngay!

Vẫn bình tĩnh, Văn Trúc hỏi lại:

– Lang quân quyết tâm theo kẻ thù?

– Quyết tâm theo vua mới!

– Lang quân không đổi chí nữa?

– Tôi có nói đùa đâu!

Văn Trúc đứng dậy đi ra cửa. Ra tới ngưỡng cửa, nàng quay lại, tay chỉ mặt Đông Du.

1 *Diếu dân phạt tội* nghĩa là đánh kẻ có tội để cứu vớt dân.

- Thằng kia! Bụng mày phản trắc như thế, giờ nào chúng mày! Ngày mai tao vào nhà thờ lễ tổ tiên, lạy mẹ già, rồi tao cùng mày vĩnh quyết!

Đông Du cười:

- Xin tùy ý!

Văn Trúc hăm hăm đi vào nhà trong.

Giữa lúc ấy, tên lính hầu vào nói:

- Gửi, có thầy xã quan xin vào hầu.

V – Chàng về Hồ

Người xã quan vào, chấp tay vái. Đông Du mời ngồi, sai người nhà dâng nước, rồi hỏi:

- Thế nào? Bây giờ đã có tin đích xác gì chưa?

- Gửi, vừa có công văn dinh quan An phủ sứ về nói rằng ông được cất làm Vệ trưởng vệ thứ nhất, thuộc Đông Bắc quân đóng ở thành Đa Bang cùng tướng quân Hoàng Hối Khanh phòng giặc Bắc. Xin ông sắp sửa sớm mai lên đường.

Đông Du chấp tay, ngửa mặt lên trời nói một mình như người điên:

- Đa tạ Hoàng thiên Hậu thổ! Trần Đông Du tôi thể xin hết sức đánh giặc Bắc để giữ an xã tắc, dầu chết không từ.

Nói xong, lại ngồi xuống bảo người xã quan:

- Đa tạ thầy đã vì tôi khó nhọc. Ngày khác tương phùng, còn nhiều ân ái.

Người xã quan đứng dậy cáo từ:

- Tôi xin chúc ông thượng lộ bình an, lập nên sự nghiệp lớn, để tên vào sử sách sau này.

Đông Du đứng dậy tiến chân ra đến cửa rồi trở vào cho người nhà gọi em vợ là Trịnh Đức Mưu đến mà rằng:

- Tôi vì việc nước phải đi xa. Cậu ở nhà quản cố hộ gia đình cho tôi. Cha mẹ tôi hiếm, có mình tôi là con trai. Nay phải bỏ nhà ra đi, thật cũng là bất hiếu lắm. Nhỡ ra tính mệnh bỏ ở sa trường, việc tông đường thật lấy làm ân hận vô cùng. Song sinh ra làm dân nước, nghĩa không thể chối từ... Thiên hạ an nguy, đứa thất phu có trách, không thể vì tình riêng mà bỏ việc nước được. Ngán ngủ có bấy nhiêu nhời, cậu lượng mà hiểu cho...

Đức Mưu rơm rớm nước mắt cầm tay Đông Du:

– Nhà tôi thuộc hàn tộc được thông hôn nhân cùng hoàng tông¹, là điều may mắn hơn người. Tấm lòng quý hóa ấy, chúng tôi đời nào dám quên. Nay anh vì tông bang² phải bỏ nhà thì ngọt bùi khuya sớm việc ấy đã có chị tôi. Còn bao nhiêu việc khác, tôi xin đảm đương chu tất hết. Tôn tử tôi coi như mẹ tôi, anh đừng ngại.

– Được như thế, lòng tôi lấy làm mừng lắm. May mà có cậu, tôi cũng được yên bụng một bề. Ví như không có ai có thể trao lại việc nhà thì chị tôi đã quyết, tôi cũng rút tình ra đi, cam chịu hết các tội bất hiếu bất nghĩa cùng mẹ già vợ trẻ.

– Bao giờ anh định lên đường?

– Chiều hôm nay tôi sang nhà thầy xã quan, đêm ngủ ở đó rồi sáng mai lên đường.

– Anh đã nói với tôn tử chưa?

– Lát nữa tôi nói là đi chơi vài ba hôm rồi đi thẳng. Chị tôi khác cả nhà, không nói thật được.

Sáng hôm sau, Đông Du lên đường. Trãi hơn năm ngày đường đã tới thành Đa Bang.

Trên bãi cát trước cửa thành Đa Bang, một tên lính kéo lê ngọn giáo vừa đi vừa lẩm bẩm:

– Chiến với chả trận, vua với chả chúa! Rét bỏ mẹ đi thế này này, mà phải cầm giáo ra canh gác. Chẳng biết vua mới định tranh bá đồ vương với ai nữa mà làm khổ dân đến thế này?

Tên lính thứ hai chạy ra nói:

– Mày ốm đói hay sao mà vác không nổi ngọn giáo lên thế? Mày thử vác lại hẳn hoi, đi đứng thẳng thắn tao xem nào!

Tên lính thứ nhất vứt giáo xuống đất:

– Mày giỏi thì mày cầm lấy có được không? Đói bỏ mẹ đi còn làm bộ! Hay là anh muốn làm Vệ úy đó? Này, tớ bảo thật: cặm cụi lắm thì khổ vào thân, chẳng ai thương đâu.

– Tao cần gì ai thương! Có một điều là đã làm con nhà binh thì phải làm sao cho khỏi nhục cái nẹp đỡ với cái giáo chứ!

1 Đời nhà Trần trong họ nhà vua (hoàng tông) lấy nhau, không mấy khi lấy ra họ ngoài, gọi là hàn tộc. Hàn tộc thông gia với hoàng tông là một điều vinh dự.

2 Cũng như nghĩa tổ quốc.

– Vâng, anh giỏi sao anh chẳng làm quan làm tư, lập công với vua, mà lại đi làm lính như chúng tôi!

Tên lính khác nói đỡ đòn:

– Các anh làm gì mà cãi nhau văng cả lên thế?

Tên lính thứ nhất hướng vào anh em, chỉ tên lính thứ hai:

– Thưa rằng quan lớn đây người bẻ rằng cầm giáo không được ngay ngắn ạ!

Tên lính khác nói len vào:

– Thôi, đi! Đã khổ bỏ mẹ lên ấy lại còn đem ra mà cãi nhau! Im mồm cả đi!

Tên lính thứ nhất để giáo xuống vệ cỏ, vừa cười vừa nói:

– Ấy nó khỉ thế đấy. Giàu ăn uống, khó cãi nhau. Thôi, bỏ chuyện ấy đi!

Các anh ngồi túm quanh cả lại đây, tôi hát chơi một bài nghe cho đỡ buồn nhé.

Cả bọn nói:

– Phải đấy!

Tên lính thứ nhất vỗ tay hát:

Giáo san sát chùy, ngựa kia hống gió.

Cúi đầu đi chùy, cung đeo ngang lưng.

Ra cửa khóc theo chùy, này con, này vợ.

Bụi tung ngất trời chùy, từ đây cách xa.

Khách qua đường hỏi chùy, đi đâu lạt đật?

Rằng ta viễn thú chùy, Chi Lăng, Tam Đái.

Thượng hoàng hôn mê chùy, cơ nghiệp đổ nát.

Giết hại con cháu chùy, chân tay tự chặt.

Giặc nước gặp thì chùy, nhẩy lên ngôi trời.

Trăm họ lầm than chùy, thân bỏ sa trường.

Chúng ta tội gì chùy, gởi đất nằm sương.

Nhớ ngày ta đi chùy, đầu hã còn xanh,

Vợ con tiễn chân chùy, nước mắt chạy quanh.

Sa trường máu chảy chùy, chảy thành thác suối.

Bằng sống mà về chùy, tóc nửa nhuộm vôi.

Thập nữ viết vô chùy, lời nói từ xưa.

Làm trai thì loạn chùy, có cũng bằng thừa.

Vợ con trẻ dại chùy, nào ai săn sóc?

Bố mẹ già nua chùy, ai kẻ hỏi han?

Nghĩ đến việc nhà chùy, nát một lá gan!

*Gương giáo xông pha chừ, thịt nát xương tan.
Hồn đối Mạc Ngao chừ, nào ai cứng vái?
Đông không lạnh lẽo chừ, tiếng khóc bi ai!
Xương phơi sa trường chừ, nào ai lượm nhặt?
Nghĩ đến nông nổi chừ, khôn khô nước mắt.
Một tướng phong hầu chừ, nghìn đống xương khô!
Quăng đầu vô ích chừ, nào ta có rồ?
Gió thu hiu hắt chừ, lạnh buốt ngoài da
Ba ngày không ăn chừ, xác người hồn ma!
Cởi giáp bỏ giáo chừ, chúng ta đi về!
Vứt giáp quăng giáo chừ, thôi ta chạy về!*

Trong bọn quân có tiếng xì xào. Nó là tiếng oán hận ngấm ngấm bắt đầu tiết ra. Nó không thành tiếng nói, không ra tiếng thở dài. Nó như những chỗ nước rò ở cái bể nước đầy, thành còn đủ chắc để chống sức nước, nhưng chung quanh nước rỉ ra những chỗ lỗ chân kim đã nhiều. Tiếng nước rỉ không thành dòng, không có tiếng, nhưng lắng tai nghe thật kỹ, vẫn thấy có tiếng nhè nhẹ thật nhỏ, thật nhỏ. Nó như nước rỉ chỗ đê thâm lậu, trông qua thì không nguy nhưng giờ một giờ, ngày một ngày, đục ruỗng chân đê. Trông vẻ mặt cau có tức giận của lũ lính nó giống như nét mặt đứa đầy tớ bị chủ nhà mắng oan, oán mà không dám nói ra lời.

Một lúc, tên lính thứ hai ngồi xuống vè ngón tay hỏi tên lính thứ tư:

– Anh có thuốc lào xin một điếu hút chơi.

Tên lính thứ nhất tay vè điếu thuốc:

– Bác có điếu không?

– Có chứ. Bây giờ chỉ có điếu thuốc lào giải phiền nếu không có thì còn gì là vui nữa.

Nói xong, chui đầu vào lều lấy chiếc điếu cây con ra. Mỗi người hút một điếu. Tên lính thứ hai vừa thở hơi thuốc lào vừa nói:

– Cũng sướng! Nghe hát hay, hút thuốc say, có chết âu cũng đành...

Tên lính thứ nhất:

– Chết cũng đành! Anh thích chết lắm sao? Chết dưới mũi tên hòn đạn, anh lấy làm mát mẻ lắm hay sao.

– Rõ khéo tôi nói cũng đành chứ ai nói mát mẻ! Chỉ khéo cà riêng cà tỏi xằng!

Tên lính thứ tư nói:

– Cứ ý các anh thì vua mới cần rở lắm sao?

Tên lính thứ nhì:

– Ai dám nói vua cần rở! Có sợ mất chỗ đội nón không? Nhưng mà, mẹ tôi chết tôi không được về, nhân tình ai không tức giận.

Tên lính thứ nhất:

– Năm ngoái vợ tao chết, tao cũng không được về.

Tên lính thứ ba:

– Nhà tao con một mà phải đi lính thế có cực không?

Tên lính thứ tư:

– Cứ ý các anh thì vua mới làm khổ dân lắm. Hồi cuối Trần là lúc thái bình thịnh trị đó?

– Thái bình thịnh trị thì không biết, nhưng mẹ chết còn được về, giỗ bố còn được ở nhà.

Tên lính thứ tư đứng dậy không nói gì nữa, vác giáo đi đi lại lại, vừa đi vừa hát:

Bể nước lặng chừ, có ngày đông tố.

Nước thái bình chừ, có buổi loạn li.

Thiên hạ an nguy chừ, thất phu có trách.

Giời đã sinh ra chừ, làm đứng nam nhi.

Việc đời phải gánh chừ, hoạn nạn sá chi.

Giặc ngoài lẩn côi chừ, nghĩa phải đuổi đi.

Thù trong gác bỏ chừ, tôn vương nhường di.

Lập nên công lớn chừ, nổi danh một thì.

Bằng có thiệt mạng chừ, sinh ký tử qui.

Ro ró xó nhà chừ, cái chết nữ nhi.

Đói no thường sự chừ, sao thói nữ nhi!

Tên lính thứ hai nói:

– Cứ ý tôi thì ta phải liêu một phen loạn lạc để mua lấy cái thịnh trị muôn đời. Nếu ta bỏ không theo nhà vua mới thì giặc Ngô nhân hồi lòng người li tán mang quân sang diệt họ Hồ, thổ địa nhân dân ta đến vĩnh kiếp trầm luân.

– Như thế này còn chưa đủ trầm luân hay sao? Tôi cứ lấy riêng tôi tôi nói thì từ năm vua mới lên ngôi, chưa năm nào tôi được ở nhà. Năm Quý Vị, vua mới lên ngôi, mới tháng hai đầu năm, vừa ăn tết xong đã phải đưa dân vào Thăng

Hoa, rồi ở luôn trong ấy ba năm. Năm Tuất, vừa ở Thăng Hoa ra, chưa kịp nghỉ ngơi thì đầu tháng tư đã phải theo bọn ông Hồ Xa lên Lạng đánh đón bắt ông Trần Thiêm Bình. Nghĩ rằng xong việc thì mình được về. Ai ngờ lại phải lưu thú lại đó rồi đến tháng chín lại phải đánh giặc Bắc, suýt nữa tôi bỏ mạng ở cửa Pha Lũy. Rồi thì đến đây giữ thành. Thôi, sớm muộn cũng đến chết thôi!

– Trên thành có trống điểm canh. Thôi anh em ta liệu thu xếp về để cho bọn khác ra canh.

VI – Thiếp cũng về Hồ

Ba hôm sau khi Đông Du đi tòng quân, Trần phu nhân ở nhà sốt ruột, gọi Trịnh Văn Trúc ra hỏi rằng:

– Chồng con đi đâu mấy hôm nay không về?

Văn Trúc thừa biết chỗ chồng đi, nhưng không muốn hở ra, liền nói:

– Con chắc lại vui anh vui em chơi ở quanh hàng huyện. Chẳng nay thì mai chắc cũng về.

– Hôm qua mẹ nằm thấy cái mộng dữ quá. Ta lấy làm sốt ruột lắm. Hay con thử đi tìm chồng con về.

– Mẹ nằm mộng thấy thế nào?

– Mẹ mộng thấy chồng con nằm giữa chỗ đông người cùng nằm la liệt cả. Người thì vỡ đầu, người thì gãy tay, người thì toạc đùi, máu chảy lênh láng cả xuống đất. Chồng con thì mặt đầy máu, tay cầm thanh gươm, ngồi lên ngã xuống mấy lần. Cuối cùng chồng con chết ngất hẵn đi. Mẹ trông thấy khóc òa lên thì tỉnh giấc. Mẹ lấy làm lo sợ lắm, con phải đi tìm chồng con về cho ta được đành lòng.

– Sinh dữ, tử lành, mẹ đừng ngại. Vâng, để con xin đi tìm ngay xem nhà con đi chơi nơi nào, thì con bắt về nhà ngay.

– Ừ, thế con đi ngay nhé... Mà cậu ấm nhà mấy hôm nay không thấy lại chơi. Hay cũng cùng đi chơi với chồng con hẵn! Mẹ lấy làm ngại lắm đó. Đời loạn, cái sống chết không thường, con ạ.

– Không, xin mẹ đừng lo. Con xin đi tìm về ngay.

Văn Trúc ra đi. Thoạt tiên, nàng sang nhà em là Trịnh Đức Mưu:

– Cậu có biết nhà tôi đi đâu mấy hôm nay không?

– Em chắc anh ấy lại đi chơi quanh trong hàng huyện. Hay là anh ấy xuống chơi ông ảm Đặng ở Bùi thôn?

– Cậu liệu có giấu được mãi không mà cứ bưng bít mãi? Tôi biết thừa cả đi rồi.

– Thật em chẳng biết gì cả.

– Rồi cậu khắc biết! Cậu cho tôi mượn bút mực viết bức thư về hầu cha.

Văn Trúc vào trong phòng đọc sách một lúc rồi ra. Đức Mưu hỏi:

– Thư đâu? Để tôi gửi đi nhân thể cho kịp chuyến trạm ngựa.

– Thôi, để tôi về tận nơi thăm thầy mẹ, nhân thể tìm nhà tôi. Bất tất phải thư từ gì nữa.

[...]

Trên bờ hồ Tây, chỗ phường Ân Thái trông ra, một người thiếu phụ đứng dưới gốc cây đề ở vệ hồ. Người ấy là Trịnh Văn Trúc. Nàng nói dối mẹ chồng, nói dối em, lên Thăng Long tìm chồng. Nhưng lên tới nơi nàng dò la biết đích là chồng đã lên Đa Bang. Nàng căm tức vô cùng, tủi nhục vô cùng, quyết ra hồ Tây tự tử. Đứng dưới gốc cây đề, trông ra hồ, nàng soát lại hết nỗi khổ tâm của nàng.

Người ta sống phải biết sĩ nhục, phải có tiết nghĩa, nhân hiếu. Vô sĩ, vô nhục, bất nhân, phi nghĩa, trái tiết, sai đạo, sao có sống được. Nghĩ ra cho kỹ: ta cũng không làm gì nên bằng ấy tội, song lỗi của chồng là lỗi của vợ, chồng bất nhân vì vợ chẳng hiền. Ta đã không đủ sức can chồng thì phải chết để sáng nghĩa, rõ đạo, rửa được nhục cho chồng, cao được tiết tháo của ta. Chẳng hơn sống để thiên hạ chỉ vào mặt mà mắng rằng: con này là vợ thằng vong ân bội bạc, tàn nhân, hại nghĩa. Con cháu thờ kẻ thù của ông vải, còn có gờ đất nào nữa!

Thôi thì:

Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ,

Chàng về Hồ Hán, thiếp về Hồ Tây!

Cha mẹ ơi, con phụ công sinh thành, trái đạo làm con, cha mẹ cũng xót mà thương cho. Con về làm dâu nhà người, vinh nhục sống chết phải vì nhà chồng, vì chồng. Con mà sống nhục, để tiếng xấu cho cha mẹ, có nhẽ không bằng chết đi cho cha mẹ hả dạ rằng sinh được đứa con biết trọng nghĩa khinh sinh.

Mẹ ơi, con về làm dâu mẹ thềm thềm ngọt chực năm giờ, chưa khi nào trái đạo làm dâu. Đến nước non này, con đành phụ mẹ. Mẹ sao nhân nghĩa tuyệt vời, con sao xấu số kém người thế thôi!

Giờ lúc đó mới hơi tang tảng sáng, đám sương mù còn bay tỏa mặt hồ, ngọn cỏ còn đầm đầm hạt móc. Mắt nhìn thẳng xuống mặt hồ, nàng rảo bước đến sát vệ hồ. Hết bờ cỏ, nàng gieo mình xuống. Một tiếng “ùm”, nước trắng tóe lên. Rồi im. Gợn sóng đập bờ mươi lượt thì mặt nước lại phẳng lặng như tờ. Trên mặt hồ, hơi sương tan dần, khói mù quang quẻ thêm mãi để đợi ánh sáng vùng đông chiếu xuống.

[...]

Thế là, thù nước chưa chắc đã dẹp xong mà Đông Du bắt đầu đã vô tình hy sinh người vợ hiền rồi. Vợ chồng Đông Du, ai trái, ai phải? Lấy con mắt người đời này mà xem thì Văn Trúc là người vì ngu mà tự hoại, chẳng đáng ai thương. Lấy bụng người đời bấy giờ thì Đông Du bất nhân hãm vợ hiền vào chỗ chết. Thật ra, tội chỉ ở *thì thế* chứ chẳng ở ai cả. Giết Văn Trúc là một chữ “lầm”. Lầm hiểu cái gì gọi là nhân nghĩa ở đời. Phàm người đã vì một nghĩa gì, vì một người nào mà chết được, là người đáng kính. Người ấy có thể sai lầm. Người ấy có thể tầm thường, bất chính. Nhưng người đã chết vì nghĩa ấy, người ấy vẫn đáng kính. Người đã có thể chết vì “cái ở ngoài mình” là người vong kỷ xả thân rồi. Nếu người ấy lại biết chọn đúng nghĩa hay, người hay mà thờ cho đến bỏ thân thì cái bỏ thân ấy, không những đáng kính mà còn đáng trọng nữa. Người bỏ mình vì người được, là người có cảm tình sâu lắng. Nếu vì trí tuệ người ta mờ ám trông lầm hiểu lạc mà vứt bỏ cái bụng tốt của người ta đi, thì oan cho người ta quá. Vì người ta làm chẳng đáng trọng, nhưng cái bụng xả thân vì người lại không đáng kính hay sao?

[...]

Giữa lúc Văn Trúc gieo mình xuống hồ Tây thì ở Tây Đô, Trịnh Đức Mưu lục đồng sách tình cờ bật ra một lá thư. Trông ngoài phong bì thấy chữ Văn Trúc viết, Đức Mưu thất kinh. Sắp giở ra xem thì có người nhà vào báo rằng Trần phu nhân sang chơi. Đức Mưu vội khăn áo ra tiếp. Trần phu nhân nói:

– Quái lạ! Con vợ thằng ảm cả nhà tôi đi tìm chồng đã năm hôm nay chưa thấy về. Chồng nó đi đã được mười hôm. Đêm qua tôi lại nằm thấy giấc mộng dữ. Tôi lấy làm lo sợ quá. Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí, tôi lo ngại vô cùng.

– Cụ mộng thấy thế nào?

– Tôi thấy chị ấy đứng một mình trước mặt cái hồ. Lúc ấy giờ còn mờ tối,

sương phủ kín cả giới đất. Tôi thấy chị ấy dùng dằng một lát rồi đâm đầu xuống hồ. Cứ theo cái mộng ấy thì con tôi đến hồng mắt.

Trần phu nhân khóc lên rưng rức.

Đức Mưu cũng không cầm được nước mắt:

– Mấy hôm trước chị con có đến đây, có viết bức thư để lại, gấp giấu trong chồng sách. Lúc này con vừa vô tình giở sách ra mới thấy, vừa toan xem thì phu nhân đến. Để con xin giở ra đọc hầu.

“Thưa lạy mẹ,

“Chồng con quên thù tổ phụ, cam tâm thờ giặc Hồ, hiện đã ra bắc tòng quân. Con can ngăn chẳng được, chỉ còn một kế là theo ngay ra bắc.

“May mà kịp gặp thì cố khuyên lại đôi lời. Nếu chẳng may không gặp, hoặc gặp mà chồng con vẫn nhất tâm thờ giặc thì con xin chết để gỡ tội cho chồng. Mẹ đừng mong gặp con nữa. Máu hòa nước mắt, gọi là có mấy lời để mẹ biết lòng cho. Mẹ thấu tình cho.

Văn Trú đón thủ khắp thư”

Nghe đọc xong, Trần mẫu òa lên khóc.

– Nếu thế này thì, trời đất ơi, hai con tôi chết cả rồi, trời thấu chẳng trời!

– Xin phu nhân hãy tĩnh tâm. Để con xin ra bắc ngay, dò tin tức xem sao rồi hãy hay.

– Vâng, tôi cũng phải đi cùng cậu nữa mới được. Tôi ngồi ở đây sao cho an tâm!

Trần phu nhân và Trịnh Đức Mưu ngay hôm sau cùng ra bắc. Ra tới Đông Đô, thấy tin rằng trên mặt hồ Tây có nổi một cái xác đàn bà. Hai người cùng lên, thuê ngư ông vớt vào thì đích là Văn Trú, mặt vẫn tươi tỉnh như thường tuy dầm nước đã lâu. Hung táng tạm ở đấy rồi Trần mẫu và Đức Mưu về nghỉ ở nhà trọ. Một tháng sau, Trần mẫu vì buồn rầu cũng ốm rồi mất. Đức Mưu một tay lo liệu ma chay rồi, xong việc, cũng ứng mộ tòng quân.

VII – Vào sinh ra tử

Bãi cát ngoài thành Đa Bang ngày đêm vẫn có lính canh gác. Độ này quân canh gác lại nhiều hơn, nghiêm hơn, chăm hơn.

Cuối thu gió lạnh, tháng chín hơi sương. Gió ngoài sông thổi vào, ào ào như tiếng nước reo chỗ vỡ đê. Những chiếc lều canh san sát như bát úp, bị gió lồng vào, phập phồng, trông như hàng trăm con rùa trắng động mui muốn bò. Tối đến mỗi lều trong treo một chiếc đèn con, leo lét cố phá tan hơi sương trời rét.

Một hôm trời sáng trăng, bọn lính canh tụ làm hai đồn, đặt là đồn nam đồn nữ, giả làm bên trai bên gái, cùng hát trống quân ứng đối nhau. Mỗi bên chọn vài tay hát giỏi, giọng tốt, thay nhau mà hát. Anh em phụ vào đặt câu hát giúp. Bên nam xướng một câu lục bát thì bên nữ lại hát trả lại một câu lục bát tiếp vắn, rồi đến bên nam lại tiếp vắn bên nữ. Cứ như thế mãi cho đến khi nào một bên không tiếp nổi nữa, tức là có bên thua, hoặc cho tới phiên đổi gác, tới sáng. Hát trống quân lúc này, chỗ này, mới là đúng nơi đúng lúc.

Nam: *Trách ai đắp đất xây thành,
Xa cha xa mẹ, một mình xông pha!*

Nữ: *Cùng nhau thôi đã cách xa,
Sống đâu còn đến thân ta, hỡi mình?*

Nam: *Thề xưa còn đó rành rành,
Nay thôi anh đã phụ tình cùng em!*

Nữ: *Bể trần không nước mà chìm,
Phong hầu chiếc ấn, ai tìm thấy chưa?*

Nam: *Tắm thân dầu dãi nắng mưa,
Màn sương đệm gió bao giờ cho thôi.*

Nữ: *Còn gì là cái thanh thoi,
Rồi đây máu chảy xương rơi còn nhiều.*

Bên nào cũng nhiều người đặt câu hát. Vả, đương lúc trăng trong gió mát, đất khách quê người, giữa bãi sa trường, một đoàn chiến sĩ, thì câu vắn tức cảnh tả tình bao giờ hết được. Trên trời bóng trăng vàng vạc chiếu, dưới đất tiếng hát lạnh lạnh vang. Cho đến gần sáng, bóng trăng đã nhạt, trời đã cháy đông. Nghe những câu hát, toàn là câu oán vọng bi ai. Thật là quân Minh chưa khắp đất mà tiếng hát Sở đã vang rầm.

Trời vừa tang tảng sáng, mấy tên lính tất tưởi chạy ở bờ sông lại, mỗi đứa tay cầm một phiến gỗ con, hoa chân múa tay, reo lên rằng:

- Anh em ơi! Ngoài sông vô số phiến gỗ con như thế này, theo giòng nước chảy bập bênh như lá tre trên mặt sông.

Lũ lính vội vàng đưa nào đưa ấy ở lều chui ra xem thì thấy phiến gỗ nào cũng có chữ.

Một tên lính nói:

– Phải đem trình thầy đội để đệ lên quan trên.

Tên khác nói:

– Ta hãy xem, xem trên phiến gỗ viết những chữ gì đã. Anh nào giỏi chữ đọc đi nào.

Một tên lính cầm phiến gỗ.

– Tôi đọc các anh nghe nhé?

Bọn lính túm tít chung quanh. Tên lính đọc:

Minh Chinh Nam Phó tướng quân, Tân Thành hầu Trương, hịch An Nam thần dân sĩ thứ.

Cái văn:

Hưng diệt, kế tuyệt, vương giả chi sư đã.

Nhĩ Quốc Vương: khác tuân chính sóc, thế hiệu trung trinh. Tao thử bất tạo, vi ngoại thích Lê Quý Ly phụ tử thoán đoạt.

Ngã Đại Hoàng Đế:

Liên kỳ trung hiếu thủ bang, thâm tặc gian mưu tiếm nguyệt. Dục thân đại nghĩa ư thiên hạ, đặc mệnh bản sủng phụng tử phạt tội, kỳ vu tiến trừ gian hung, vi nhĩ Quốc Vương khắc phục cựu nghiệp.

Nãi tự đại binh áp cảnh, nhi quốc dân do hữu vi gian tặc quý kế sở ngu, cảm chấp can qua, dĩ kháng thiên thảo. Nhĩ nãi lễ nghĩa chi quốc, đọc thư minh lý, khí bất tri quân thần thuận nghịch chi tông vi, chấp mê khả mẫn.

Câm đặc khai kỳ sinh lộ.

Nghĩ phạm đại quân đảo xứ, hoặc năng hối tội đầu thành, thị dụng tứ xá.

Thuận nghịch chi lý, nhĩ kỳ tư chi. Vô tự di y thích, vi vạn thế tiểu.

Hịch đảo cấp như luật lệnh”.¹

Lũ lính nói:

– Anh cắt nghĩa đi chứ! Đây chúng tôi đốt đặc cả, chẳng hiểu gì đâu!

– Thế tôi dịch nôm ra cho các anh nghe nhé.

Quan Chinh Nam Phó tướng quân nước Minh là Tân Thành hầu Trương, (Trương Phụ đây) – truyền hịch cho thần dân sĩ thứ An Nam rằng:

1 Nguyên văn chữ Hán (viết theo hàng ngang như chữ latin, từ tả sang hữu, từ trên xuống dưới).

Nhắc kẻ mất, đỡ kẻ tuyệt, đó là quân đứng vương giả.

Nguyên vua nước các người vẫn theo chính sách đời đời trung trinh – đây là nói nhà Trần đây! – chẳng may gặp cha con Lê Quý Ly¹ là đứa họ ngoại cướp mất ngôi.

Đức Đại hoàng đế ta:

Thương rằng vua nước người lấy trung hiếu giữ nghiệp, thậm ghét đứa dùng mưu gian tiếm ngụy. Muốn làm tỏ nghĩa lớn trong thiên hạ, nên sai bản sớ đây sang hỏi tội, trừ đứa gian hùng để phục lại nghiệp cũ cho vua các người.

Thế mà tự khi đại binh đến cõi, dân trong nước còn bị quỷ kế của đứa gian tặc làm ngu bưng, dám cầm gươm giáo chống lại binh trời. Các người là dân nước lễ nghĩa, có đọc sách, rõ lẽ phải, há lại không biết đạo vua tôi, thuận nghịch nên theo nên bỏ hay sao? Mà cứ khư khư mê muội mãi, thật đáng thương vậy!

Nay ta mở rộng đường sống cho:

Phàm nơi nào đại quân đến, ai biết hối tội thành thật đầu hàng, ta đều tha cả. Lễ thuận nghịch các người tự nghĩ khắc hay. Đừng tự gây lấy khổ, khiến vạn đời về sau cười cho. Cấp như luật lệnh.”

Lũ lính đưa mắt nhìn nhau một lúc rồi tan, ai vào lều ấy. Một tên lính mang chiếc thẻ gỗ vừa vớt được vào trình ông đội Trịnh Đức Mưu.

Đức Mưu vào thành ra mắt Đông Du:

- Anh có rõ tình thế quân ta thế nào không?
- Quân ta chẳng mạnh lắm, nhưng cũng đủ chống giặc.
- Tôi định hỏi bụng dạ quân ta kia.

Đông Du thở dài:

– Kể bụng dạ thì càn lắm. Giặc chưa đến, chúng đã ngã lòng cả rồi. Binh thư rằng: “Công tâm vi thượng, công thành vi hạ”² bụng dạ quân ta, dân ta, hình như quân Minh đã lấy mất rồi. Nói nhỏ đây mà nghe: Thành này khó lòng giữ được mà đại cục cũng muốn như đi đứt. Nhưng người cứ hết sức người, còn được thua còn mất ở giới. Dù sao đi nữa, tôi cũng hết sức. Ý cậu thế nào?

– Ý tôi cũng thế. Anh xem cái thẻ gỗ này.

Đông Du cầm cái thẻ gỗ. Đọc xong, chàng cau lông mày:

1 Khi lên ngôi vua, Quý Ly mới đổi họ Hồ. Đây gọi theo họ cũ khi làm quan với nhà Trần.

2 Đánh vào bụng người là việc trước, đánh thành là việc sau.

– Cậu nhật được ở đâu thế này?

– Quân Minh hiện đang đóng ở tuần Bạch Hạc. Đây là hịch của chúng viết vào thẻ gỗ thả theo dòng sông. Bọn lính ở cạnh bờ sông nó vớt được, đem trình tôi.

– Thẻ này tôi phải đem trình quan trên.

Vừa nói đến đây, một tên đội trưởng vừa đưa cho vệ trưởng Trần Đông Du một cái biển hỏa¹ truyền lệnh của tướng quân Hoàng Hối Khanh khiến Đông Du đem năm trăm quân sang sông ngăn giặc.

[...]

Hai hôm sau.

Bãi cát bờ sông vừa chiều hôm trước quân hai bên giao phong, sắt vàng chen tiếng, giáo mác sắc tay, rợp giời sát khí, khắp đất thịt rơi, tên bay đạn lạc bời bời, vào sinh ra tử, thịt rơi xương lìa. Đám chém băm giết vừa tối thì quân Hồ thua to, quân Minh sang sông đánh thành.

Hàng ngàn thân nằm ngổn ngang trên vũng máu, hàng ngàn người toạc đùi thủng bụng, sống dở chết dở, nằm phơi sương suốt đêm. Sáng tang tắng, xa xa đã nghe đàn quạ đánh hơi tìm đến. Nào ai ra đây nhật đồng thịt tàn? Nào ai ra đây than câu: Ô hô! Y hi! Thì da? Mệnh da? Vạ cổ như ti! Vị chi nại hà?²

Giữa đám thân người, có chiếc cửa cạy. Một lúc chiếc thân ngổn dậy, mặt mũi đầy máu. Một lúc nữa, chiếc thân ấy rờ thanh gươm chống xuống đất, ngổn nhồm hẳn lên. Tay phải chống mũi gươm xuống một cái thân trước mặt, thân ấy bây giờ trông đã hơi ra người, nửa quỳ nửa đứng, chân trái quỳ hẳn xuống, chân phải cong cong nửa như đứng lên. Lại một lúc nữa, người ấy quay sang sông, lắc đầu:

– Đại cục hỏng rồi!

Trông kỹ chiếc thân trước mặt, người ấy trợn mắt:

– À! Thằng giặc Ngô này lúc này mày đánh nhau với tao! Tao còn băm nhỏ xác mày ra rồi tao mới nhắm mắt.

Vừa nói vừa giơ gươm lên chém. Chém được hai nhát, kiệt sức ngã gục xuống.

Vùng thái dương đã hé dang đông.

1 Biển có chữ hỏa, dùng để thông tin trong quân.

2 Một câu trong bài Điều cổ chiến trường (Viếng chiến trường cũ).

Ánh sáng buổi mai chiếu xuống, soi rõ đồng xác chết máu đông, trông càng thảm đạm thương tâm.

[...]

Một người từ cánh đồng xa đi lại đồng thây người, vừa đi vừa nhìn lật xét kỹ từng cái thây một. Lom khom một lúc, tìm kiếm lục lọi vài trăm thây, người ấy đứng dậy thở dài:

– Quái lạ! Anh ta đâu? Có nhẽ chết mà thân thể bị hoại, không toàn chẳng? Hay là bị quân lính giầy xéo mà nát hết? Lúc mới lâm trận, rõ ta thấy đánh nhau ở chỗ này. Ta phải lùi lại sau cam chịu tiếng bất dững để lưu lại chút thân mà tống táng cho anh ta rồi ta chết ở trận sau. Nay lại không tìm thấy xác thì công ta uổng cả. Giời đất ơi! Người nghĩa liệt như thế này, mà cả nhà tuyệt diệt, riêng mình thì tẩm di hài lại bị vùi chung cùng đồng xương vô định thì còn có giời đất nào nữa!

Cúi xuống thất lại cái giẻ buộc đùi xong, người ấy lại tìm kiếm hồi nữa. Một lúc đến chiếc tử thi lúc nãy, cúi xuống nhìn thật kỹ, rồi phục xuống gọi:

– Anh ơi! Anh ơi! Anh Trần Đông Du!

Một lúc, chiếc thây cựa cạy, nhưng lại nằm im. Người kia lấy lọ nước giặt bên mình đổ vào mặt rồi lại gọi thất thanh. Hồi lâu, Đông Du tỉnh. Người kia đỡ dậy. Đông Du nhìn kỹ rồi nói.

– Cậu Đức Mưu đấy ư? Thế nào? Thành còn không? Quân Minh ở đâu? Quân ta thế nào?

– Thành mất rồi. Quân Minh đã chiếm thành. Nay chúng kéo đại đội xuống hạ Đông Đô. Quân ta hiện đang kéo cả xuống miền Nam. Tả tướng quốc Hồ Nguyên Trừng hiện đốc xuất đạo thủy quân ở Mộc Hoàn giang.

– Sức tôi yếu lắm rồi. Chết cũng gần tới, tôi chỉ tiếc rằng không đủ sức xuống Mộc Hoàn giang đứng mũi thuyền cướp giáo giặc. Hay là cậu cõng tôi ra khỏi chốn này, ta tìm thuốc thang chữa rồi tính việc sau.

Đức Mưu xốc Đông Du lên vai, trèo qua các đồng thây người, lần bước đi. Đi được mười bước, Đông Du ngã tụt xuống, bất tỉnh nhân sự. Đức Mưu sờ người thấy còn thoi thóp thở, gọi to lên. Giờ lâu, dần dần Đông Du lại tỉnh.

– Tôi chết mất, không sao thoát được. Bây giờ đến lúc sắp chết, tôi mới hỏi đến việc nhà. Từ ngày tôi đi, ở nhà mẹ tôi và chị ấy ra thế nào?

Đức Mưu thổn thức kể lại hết đầu đuôi.

Đông Du vẫn điềm tĩnh:

– Thế là nhà tôi tuyệt diệt cả. Thôi! Nước hồ đã cạn, cá nào mong sống; rừng kia đã cháy, cây nào còn tươi!

Đứng dậy chống gươm, Đông Du quát to:

– Đại trượng phu thủ nghĩa thành nhân, vì nước quên thân quên nhà. Tôi chết thế này là mát mẻ, còn hối hận gì!

Dứt tiếng ngã gục xuống. Lần này chết thật. Bao nhiêu hơi sức còn thừa, Đông Du đem trút cả vào câu nói cuối cùng.

Đức Mưu sờ thấy Đông Du thật tắt nghỉ, khóc òa lên:

– Ôi anh ơi!... Anh toàn danh mà chết. Anh vì nghĩa cả mà chết, em nào dám thương anh! Anh ơi! Anh đợi em chốc lát, em xin theo anh.

Cầm gươm đâm cổ, Đức Mưu chết phục bên cạnh thầy Đông Du.

(Viết ở Du Lâm, ngày Janvier – Février 1931

Sửa lại ở Vinh, ngày Janvier – Février 1939)

Luyện tập

1. Thảo luận: Cùng tóm tắt câu chuyện *Thiếp chàng đôi ngả*. Bối cảnh và nhân vật. Hai nhân vật chính là những ai? Xung đột trong gia đình đó xảy ra trong bối cảnh như thế nào? Toàn bộ câu chuyện mang tính ẩn dụ gì?
2. Thảo luận: Nhà văn Nguyễn Triệu Luật nói về cách viết văn của ông rằng ông thích “lan man, lông bông” khi kể chuyện. Trong truyện *Thiếp chàng đôi ngả*, tác giả lan man ở đoạn nào? Đoạn lan man đó gây cảm giác gì cho người đọc?
3. Thảo luận: Tình tiết nào cho thấy xung đột gia đình nằm trong xung đột lớn ngoài xã hội? Tình tiết đó mang tính ẩn dụ như thế nào?
4. Thảo luận: Những tình tiết nào mô tả được lòng căm thù quân xâm lược của chàng quý tộc họ Trần? Tình tiết nào mô tả như chuyện có thật? Tình tiết nào mô tả một cách siêu thực – mô tả điều rất khó xảy ra nhưng lại hấp dẫn người đọc và khiến người đọc coi như có thực?

5. Thảo luận: Phẩm cách nhà giáo trong truyện *Thiếp chàng đôi ngả* thể hiện ở chỗ nào? Có chỗ nào tác giả xen vào câu chuyện để bình luận về cách đánh giá nhân vật lịch sử?
6. Thảo luận: Tác giả Nguyễn Triệu Luật ngoài *Thiếp chàng đôi ngả* (1941) còn có một số tác phẩm như sau: *Hòm đựng người* (1938), *Bà chúa Chè* (1938), *Loạn kiều binh* (1939), *Ngược đường Trường Thi* (1939), *Chúa Trịnh Khải* (1940), *Rắn báo oán* (1941), *Bốn con yêu và hai ông đồ* (1943)... Bạn có thể tìm đọc và kể lại cho các bạn khác nghe không?
7. Viết tiểu luận: Tùy chọn đề tài qua các buổi thảo luận.

BÀI 6

HỒ QUÝ LY

(của Nguyễn Xuân Khánh)

Hướng dẫn học

Nhà văn Nguyễn Xuân Khánh sinh năm 1933 tại Hà Nội. Ông đã trải qua cuộc đời học trò, đỗ tú tài toán rồi học y khoa, rồi đi bộ đội làm y tá đại đội, rồi làm vài ba việc nữa trong nghề báo chí... và lúc nào cũng viết văn. Đi lính, viết văn chuyện lính (*Rừng sâu*), nuôi lợn, viết văn chuyện lợn (*Chuyện ngõ nghèo*), nhớ bạn, viết văn về bạn (*Hoang tưởng trắng, Suối đen*), và đắm đuối với cuộc sống, viết văn về cuộc sống (*Hồ Quý Ly*, *Mẫu thượng ngàn*, *Đội gạo lên chùa*).

Hồ Quý Ly của Nguyễn Xuân Khánh là cuốn tiểu thuyết kể về vị vua soán ngôi nhà Trần, rồi để đất nước rơi vào tay giặc Minh xâm lược.

Theo lẽ thường, người đọc nói chung, và các bạn cũng vậy, sẽ hỏi: Tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh kết tội Hồ Quý Ly hay bênh vực Hồ Quý Ly?

Các bạn hãy nhớ lại, trong Bài nhập truyện lịch sử, đã nói đến tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* như sau: “Ngay từ câu tựa đề khi mở cuốn sách đã thấy tâm tình của thiển sư Huyền Giác: Thường độc hành, thường độc bộ... (luôn đơn độc bước một mình). Các nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Xuân Khánh đều cô đơn: cách tân xã hội trong cô đơn, độc ác trong cô đơn, nhân ái trong cô đơn. Các nhân vật đều được diễn đạt dưới dạng độc thoại... tôi... tôi... tôi... cho bớt cô đơn, nhưng chẳng khi nào hết cô đơn. Nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Xuân Khánh không thanh minh vì cảm thấy không ai hiểu mình. Tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Xuân Khánh dường như muốn khai sáng cho đồng bào đương thời của tác giả” (“Về những cách tân nghệ thuật trong *Hồ Quý Ly*, *Mẫu thượng ngàn* và *Đội gạo lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh” – Lã Nguyên).



Nhà văn Nguyễn Xuân Khánh

Nguyễn Xuân Khánh thường nói, ông viết văn từ sự chiêm nghiệm và quan sát lâu dài, bền bỉ của bản thân. Theo ông: “Người ta có hai cách viết, cách thứ nhất là viết về một mảng sống nào đó của đời mình, còn cách thứ hai là viết từ sự tổng hợp những vốn sống mình thu nhận được”. Lời tâm sự của Nguyễn Xuân Khánh trả lời cho chúng ta câu hỏi về Hồ Quý Ly. Nguyễn Xuân Khánh chiêm nghiệm cuộc sống qua nhân vật và bối cảnh lịch sử và gợi ý cho chúng ta cùng chiêm nghiệm với ông. Nhà văn không dắt dẫn bạn đọc – tự bạn đọc cùng nhà văn và câu chuyện dắt dẫn lẫn nhau.

Hồ Quý Ly, do đó, trở thành truyện kể rất riêng của Nguyễn Xuân Khánh. Trong tiểu thuyết này, các chương, các phần đều được đặt tên như những câu chuyện riêng rẽ của những người *độc bộ hành*. Tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* thiếu vắng một “cốt truyện” xuyên suốt. Các phần, các chương có thể đọc riêng rẽ nhưng chúng tạo ra sự thống nhất trong lòng người đọc. Chúng tạo ra sự giao tiếp giữa nhà văn, tác phẩm với bạn đọc. Qua tác phẩm, nhà văn và bạn đọc giao tiếp với nhau về đủ loại vấn đề, và nhà văn không áp đặt cảm xúc của người đọc ở bất kỳ vấn đề nào. Tác giả dùng nhiều thủ pháp để tạo sự suy tư cùng bạn đọc.

Ví dụ, đây là thủ pháp giấc mơ. Có một cuộc đối thoại lý thú giữa Quý Ly và Nghệ Tôn diễn ra trong mộng. Trong mơ, Quý Ly thấy Nghệ Tôn hỏi ông đánh giá thế nào về một cuốn sách của Hàn Phi Tử:

“[...] – *Dạ một cuốn sách rất hay. Thần cũng thấy đã làm vua thì phải đọc nó. Ở đấy dạy ta bao nhiêu cách để giữ gìn ngôi vua. Tuy nhiên... có một điều thần rất quan tâm, sách lại không nói.*

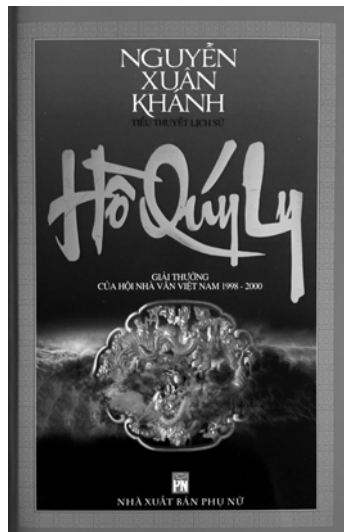
– *Điều gì? – Ông vua già tỏ ra sốt ruột.*

– *Ông ta không dạy được một điều, đó là: khi đất nước đã trở nên thối nát, bị trăm lũ sâu mọt đục khoét; khi người nông phu chết đói đầy đường; khi dân hèn bị lũ cường hào bóp hấu, bóp cổ, không còn chỗ kêu oan; khi nhân tài bỏ lên rừng ở ẩn; khi ngoại bang đang dòm ngó và giặc cướp tứ tung; thì lúc đó người quân tử phải làm gì?...”*

Có thể bạn chưa đọc sách của Hàn Phi Tử, nhưng bạn cũng sẽ cùng suy tư về cuốn sách chỉ dạy “cách để giữ gìn ngôi vua”. Và đọc xong tiểu thuyết *Hồ Quý Ly*, có thể bạn sẽ tìm đọc sách của Hàn Phi Tử.

Đó là ý nghĩa của việc đọc sách: Một cuốn sách hay gợi ra một cuốn sách hay khác, và ta cứ đọc, đọc mãi, cho tới khi ta gặp cuốn sách dường như được viết ra cho riêng ta đọc!

Trên tinh thần đó, mời các bạn cùng giao tiếp với nhà văn Nguyễn Xuân Khánh qua hai trích đoạn dưới đây.



HỒ QUÝ LY

(Trích) Phần 4 – Chương 6

Khi vụ án trở thành nghiêm trọng, thái sư đã chuyển nó từ tay Hồ Nguyên Trừng sang tay Hồ Hán Thương thụ lý; lại bổ dụng Nguyễn Cẩn làm trợ thủ. Hồ Hán Thương, con út của Hồ Quý Ly còn trẻ tuổi, đã được bổ nhiệm làm chức Đô hộ phủ, quản lĩnh công việc ở kinh đô Thăng Long. Hán Thương bảo với thuộc hạ:

– Vụ án này phải thi hành cho uy nghiêm.

Hán Thương sai Nguyễn Cẩn chuẩn bị bãi hành quyết ngay tại khu tháp Báo Thiên.

Năm Bính Thân (1058) vua Lý Thánh Tông cho làm chùa Sùng Khánh Báo Thiên, phát 1 vạn 2 nghìn cân đồng để đúc chuông lớn. Lại cho xây tháp Đại thắng tứ thiên 12 tầng, cao vài chục trượng. Đời vẫn nói “An Nam tứ khí” (bốn công trình lớn ở Đại Việt), thì tháp Báo Thiên là một. Dân gian vẫn dùng tên Báo Thiên để gọi những gì nằm chung quanh ngôi bảo tháp. Ta có chùa Báo Thiên, chợ Báo Thiên, phường Báo Thiên. Tất cả tháp, chùa, chợ đều quay mặt về hướng đông nhìn ra chiếc hồ lớn màu xanh biếc tên gọi hồ

Lục Thủy (đến thời Lê mới đổi tên là hồ Hoàn Kiếm), có nhiều người còn gọi tên hồ cũng là hồ Báo Thiên. Trước mặt cây tháp, một bãi cỏ rộng chạy dài đến sát mép hồ. Bên kia hồ là những ruộng dâu xanh ngắt trải dài đến tận bờ sông Cái.

Thời Trần, tháp Báo Thiên là một tụ điểm lớn của kinh đô Thăng Long. Ngày tết và tháng giêng, hội chùa Báo Thiên là một lễ hội tưng bừng bậc nhất kinh kỳ. Ngày rằm, mừng một, khách đến lễ chùa cũng đông. Rồi còn chợ nữa, vào những ngày phiên, nhân dân tứ xứ đổ về đây trao đổi, buôn bán. Thời xưa, bãi chợ cũng là nơi xử chém. “Chém bêu đầu giữa chợ”, sở dĩ nhân dân ta có câu nói cửa miệng như thế chính vì lý do trên. Xưa kia, chưa có phương tiện truyền thông, chợ chính là một nơi thông tin. Người thì xem xử trảm, người thì nhìn thấy hàng cọc bêu đầu được cắm bên cạnh chợ, người ta sẽ đem những điều mắt thấy tai nghe kể với dân làng. Một đồn mười, mười đồn trăm... Chợ chính là tờ báo miệng thời cổ.

Bãi hành quyết được dựng lên ngay cạnh chợ Báo Thiên, phía trước tháp, cạnh hồ Lục Thủy. Kỳ đài được dựng bằng gỗ cao hơn mặt đất chừng một trượng; sau kỳ đài, cắm cờ ngũ hành xanh, đỏ, trắng, tím, vàng; trên kỳ đài có bàn và ghế để các quan ngồi. Dưới kỳ đài quân lính mặc quần áo đen, nẹp đỏ xếp hàng ngay thẳng, binh khí tuốt trần, sáng loà.

Nhân dân đi chợ trông thấy kỳ đài, đều biết hôm nay có vụ xử quyết lớn. Người ta vội vã mua bán, rồi kéo nhau đến bu đông nghịt quanh bãi hành quyết. Từ sáng sớm, lính đã đóng cọc, căng giây, tạo thành một vòng tròn lớn chừng vài mẫu ruộng. Nhân dân đều mặc đồ đen và đồ nâu vì vẫn chưa mãn tang đức thượng hoàng Nghệ Tôn. Bãi pháp trường sẫm tối một màu đen kịt. Lại thêm lũ quạ làm tổ trên những cây gạo cao, hoặc làm tổ ở tầng trên cùng của toà bảo tháp ngất trời, đột nhiên bay ra, liệng vòng tròn trên trời cao, vừa bay vừa kêu ồn ã. Có thể lũ quạ tiên cảm thấy mùi xác chết. Có thể bằng phản xạ, lũ quạ thấy người tụ hợp vòng tròn, chúng biết sắp có hành hình. Dưới đất màu đen, trên trời cũng lại có những cánh chim màu đen bay liệng. Tiếng quạ kêu, hình ảnh quạ lượn vòng cũng là một cách báo hiệu để gọi thêm người đến dự.

Vào giờ tị, cổng thành phía Nam mở. Hai hàng lính quần áo đỏ vác giáo oai nghiêm bước ra. Sau đó đến con voi khổng lồ. Trên bành voi, quan đô hộ phủ Hồ Hán Thương mặc áo gấm đen ngồi chễm chệ. Viên quản tượng ngồi sau tai voi mặc áo đỏ quần đen, tay cầm cây đòn sắt, miệng hô những tiếng lạ tai để

điều khiển con vật khổng lồ. Chiếc lọng che nắng đen xì đung đưa theo nhịp đi của voi, những chiếc tua đen quanh mép lọng uốn éo, oằn oại, như những bàn tay màu đen đang vẫy, đang múa. Tiếp theo là hai hàng lính áo đỏ, rồi đến trống cái và chiêng lớn. Tiếng tùng tùng trầm trầm và tiếng bi li ngân nga rên rỉ. Cuối cùng, bốn chiếc xe bò kéo chở bốn chiếc cũi lớn đóng gông bốn người tử tù đem ra pháp trường, và một lũ tù giầy.

Hôm nay là một cuộc xử lớn, gồm nhiều vụ án. Vụ đầu tiên: Vụ tiền giấy. Vừa qua, nhà vua xuống chiếu ban hành tiền giấy “Thiên bảo hội sao” để dùng thay cho tiền đúc bằng đồng. Những cuộc chiến tranh với Chiêm Thành và những cuộc nổi loạn của nông dân liên miên nổ ra khắp nơi đã làm quốc khố trống rỗng. Hơn nữa, việc khai mỏ đồng cũng bị sút giảm vì thổ phỉ nổi lên ở vùng rừng núi, nên không có đồng đúc tiền. Quan thái sư Quý Ly, để cứu vãn tình thế, đã ra lệnh cho Vương Nhữ Chu định thể lệ phát hành tiền mới. Đó là những tờ giấy tốt và cứng, trên giấy vẽ hình như sau:

- Loại 10 đồng vẽ rau rong
- Loại 30 đồng vẽ sóng nước
- Loại 1 tiền vẽ đám mây
- Loại 2 tiền vẽ con rùa
- Loại 3 tiền vẽ con lân
- Loại 5 tiền vẽ con phượng
- Loại 1 quan vẽ con rồng.

Rồi ra lệnh đổi tiền: Một quan tiền đồng đổi lấy một quan hai tiền giấy.

Lại ban bố kèm theo lệnh xử phạt: Ai làm giấy bạc giả phải xử tội chết. Nhân dân ai còn tàng trữ tiền đồng, hoặc tiêu tiền đồng, đều phải xử như tội làm bạc giả.

Triều thần và dân chúng xì xào phản đối. Chỉ xì xào thôi chứ chưa có ý kiến nào phản đối thực sự. Người ta chỉ phản đối bằng cách tiêu cực. Nhà nghèo chẳng cần nói gì vì lấy đâu ra tiền. Còn nhà giàu nhiều người đang đem lén lút chôn hàng chum tiền đồng.

Đô hộ phủ Thăng Long, mới rồi, đã bắt được hai tên nho sinh làm giấy bạc giả. Hình quan tra khảo chúng khai ra tên Nhữ Cái. Đến khám nhà Nhữ Cái, nó đã trốn mất. Hồ Nguyên Trừng cho điều tra biết Nhữ Cái đang ở lộ Tam Giang, đó là nơi có những toán cướp nổi lên. Nguyên Trừng muốn bắt toàn bộ gây phản loạn ấy. Nhưng Quý Ly lắc đầu:

- Hình luật phải nghiêm và hiệu quả ngay từ đầu. Không cầu toàn. Cần gì tiếng khen của một chữ nhân. Cốt là hiệu quả. Họ nhà Trần để đất nước này xộc xệch lâu rồi, lúc này cần thiết nhất phải chỉnh cho nó ngay thẳng lại.

Hai tên nho sinh làm bạc giả bị trói vào hai chiếc cọc. Viên quan truyền lệnh đọc lại chiếu về tiền giấy, bố cáo cho mọi người nghe. Tiếp sau đó tuyên đọc tội trạng của chúng. Quan truyền lệnh lui ra, chiêng trống nổi lên. Pháp trường im phăng phắc. Chỉ còn nghe thấy tiếng chiêng trống đục dã rền rĩ. Dao phủ khai đao. Gia đình những kẻ bị nạn khóc rống lên. Lập tức lính ào đến, tóm lấy những kẻ khóc, vả vào mồm họ.

Bắt đầu vụ trọng án thứ hai. Ai cũng biết rõ đó là vụ Nguyên Uyên tư thông với nhà Minh. Viên quan truyền lệnh cầm chiếc loa ra tuyên đọc tờ dụ của nhà vua về tội trạng của Uyên và Dận.

Đúng lúc đó, một tiếng hí rung chuyển từ sau kỳ đài bỗng vang lên, tiếng hí từng hồi dài trầm trầm như căm giận và nức nở. Đó là tiếng con voi Thánh Dực của Hồ Hán Thương cuỗi từ cửa Nam đi ra pháp trường. Con voi bị xích vào cây muỗm cổ thụ phía sau kỳ đài. Lúc này, con Thánh Dực đang giơ vòi lên trời và kêu rống. Người quần tượng sợ hết hồn vì chuyện phá rối bất ngờ của con voi. Nó lồng lộn đi lại, đôi mắt quắc lên giận dữ. Chiếc giây xích sắt rùng rềng. Người quần tượng phải vội vàng vuốt ve con Thánh Dực. Giống voi ưa dỗ dành. Ông vội hát bài hát dỗ voi, hát rằng:

Ơ con voi rừng!

Ơ con voi hoang!

Nước mắt rùng rùng

Cái vòi ử rử

Vểnh tai lên mà nghe ta hát!

Vươn vòi lên mà đón nhành hoa!

Con suối róc rách thương cho người

Con chim “Bắt cô trói cột” thảm thiết thương cho người.

Thèm gì cái chuông đeo cổ!

Thèm gì cái bành voi đỏ!

Phát phơ những lá cờ vàng.

Thèm gì lọng xanh lọng tía!

Tiền hô hậu ủng nghênh ngang...

Nghe tiếng hát của người quản tượng, con voi như dụ đi, nhưng im tiếng hát, nó lại bực dọc lồng lộn. Người quản tượng cuống quýt chẳng biết làm thế nào. Còn con voi dữ, nó vẫn lừ lừ đôi mắt đỏ, ngẩng đầu lên trời như để tìm kiếm một cái gì. Nó vươn cao vòi hít hít làn không khí trên vòm muồm. Đôi tai thoi ve vẩy như để lắng nghe một âm thanh nào đó mà tai người không nghe thấy. Nó bỗng chồm hai chân trước lên trời, đứng bằng hai chân sau. Người quản tượng rên rĩ: Thánh Dực ơi là Thánh Dực? Mày điên mất rồi? Mày tìm gì trên trời? Mày thấy gì trên tầng cao?

Con voi đã nhìn thấy, nghe thấy một cái gì đó thật, một cái gì đó mà chẳng ai nhận thấy. Lúc này, tiếng hát dỗ dành của người quản tượng cũng trở nên vô ích. Mắt con voi đã đỏ ngầu. Nó hí lên những tiếng hí dài man rợ, nó giật xích làm cây muồm rung lên bần bật. Lúc này người ta đã đổ xô tới quanh con vật. Người càng đông, con voi càng hung dữ.

Quan đô hộ phủ Hồ Hán Thương cũng lúng túng một lát trước tình thế bất ngờ. Con Thánh Dực do những lái buôn voi Chiêm Thành bán cho ông Nguyễn Trâu Điền. Ông Trâu Điền giỏi y thuật, bố của quan nội tể học sinh Nguyễn Cẩn đem con voi dâng thái sư Quý Ly. Quý Ly lại cho Hán Thương. Quan đô hộ phủ không ngờ con voi lại bất kham đến thế. Bất thành linh, Hán Thương chợt nảy ý lạ. Ông truyền lệnh:

– Hãy dẫn con voi vào pháp trường!

Người quản tượng leo lên cây muồm, rồi nhảy xuống lưng con voi dữ. Xích sắt được tháo. Con voi hùng hổ, sầm sầm đi vào pháp trường. Quan truyền lệnh cấm loa hô to:

– Tất cả mọi người hãy dẫn ra, lùi thật xa. Những tên phản quốc Mai Nguyên Uyên và Mai Nguyên Dận sẽ bị xử tội voi giày.

Con voi mặt đỏ ngầu, xô tới cái cọc trời Nguyên Uyên, lấy vòi cuộn quanh người kẻ tử tù, nhổ bung cả người lẫn cọc, rồi giơ lên trời. Nguyên Uyên hét to. Con voi dập tất cả xuống mặt đất. Người đi xem hãi hùng bưng mặt. Tiếp đó, con vật lấy chân dậm nát, biến tất cả thành một đồng nhão nhoét, đỏ lôm. Nguyên Dận run lên bần bật, hấn ta ú ớ không thành tiếng, và tất cả lại xảy ra giống như Nguyên Uyên.

Dân chúng lảng đi dần. Sau lưng họ, vẫn còn vang tiếng hí rùng rợn của con voi say máu.

Từ trại voi ở Núi Voi bên bờ sông Tô Lịch, người ta phái tới một đội năm

con voi trận. Năm con voi đã thuần dưỡng lâu ngày ấy vây chặt lấy con Thánh Dực ép buộc nó phải quay về. Con voi dữ bị giam ở Núi Voi ba ngày. Suốt ba ngày đêm ấy, người dân Thăng Long đều nghe thấy tiếng gầm rú của con voi bất kham, nhất là vào ban đêm thanh vắng.

Tiếng voi như báo một điềm lạ. Tiếng voi thảm thiết, rợn người, đã hằn sâu vào óc người dân kinh kỳ. Nhắc đến chuyện con voi, người ta lại nhớ đến Nguyên Uyên. Nhớ đến Nguyên Uyên, người ta lại nhớ đến câu nói của ông ta: “Các ông đừng vội cười... Sau tôi sẽ có những người khác...”

Những bậc trí giả ở Thăng Long ngậm ngùi thở dài:

– Ông ta là người sát thân thành nhân!

(Trích) Phần V – Chương 2

Thế kỷ XIII Đại Việt ba lần chiến thắng lẫy lừng quân Nguyên hung bạo. Nhưng ngay sau đó, thế kỷ XIV nhất là nửa sau của nó, Đại Việt trở nên suy yếu, làm môi cho sự tấn công liên miên của người Chiêm Thành phương Nam. Vào thời kỳ đó, có thể nói quân Chiêm ra vào tấn công Đại Việt như đi chợ, muốn đánh lúc nào thì đánh, muốn rút lúc nào thì rút.

Tính từ khi vua Nghệ Tôn dẹp loạn Dương Nhật Lễ, chiến tranh Chiêm – Việt xảy ra mười lần, hầu hết quân Việt bị thua.

Sau trận đại bại của quân Việt năm Đinh Tỵ (1377), khi vua Duệ Tôn đem mười hai vạn quân vào thành Đồ Bàn, đại quân tan tác. Duệ Tôn tử trận, từ đó Đại Việt hoàn toàn mất hết nhuệ khí, quân Việt từ chỗ khinh thường quân Chiêm, đã quay ngược trở lại, trở nên sợ hãi quân Chiêm. Còn quân Chiêm từ chỗ nhút nhát, sau chiến thắng, đã trở thành đội quân thiện chiến, gan dạ.

Quân Chiêm, dưới sự chỉ huy của Chế Bồng Nga, thường đem quân ra đánh phá nước ta vào mùa gió nồm nam. Bình thường họ đánh phá cướp bóc các tỉnh miền Trung: Thanh Đô trấn, Nghệ An, Tân Bình. Thuận Hoá. Khi thời cơ thuận tiện, Chế đem quân ra tận kinh đô Thăng Long cướp phá.

Vua Nghệ Tôn tính tình nhu hoà, vô cùng sợ người Chiêm. Nghệ Tôn sợ hãi đến nỗi đem tất cả mồ mả cha ông chuyển về làng Yên Sinh ở Đông Triều. Lại đem chôn giấu vàng bạc, tiền đồng và của quý vào trong núi đá.

Trong vòng hai mươi năm, từ năm 1370 đến năm 1390, quân Chiêm Thành đã xâm nhập đốt phá Thăng Long bốn lần. Lần thứ nhất, ngay sau khi Nghệ Tôn mới lên ngôi. Đại Việt sử ký còn ghi:

“Tháng ba nhuận năm Tân Hợi (1371), người Chiêm Thành sang cướp phá, tiến quân vào từ cửa biển Đại An, tiến thẳng đến kinh sư. Dụ binh của giặc đến bến Thái Tổ, phường Phục Cổ (ngày nay khoảng phố Nguyễn Du). Vua đi thuyền sang Đông Ngàn lánh giặc. Ngày 27, quân Chiêm vào Thăng Long, đốt phá cung điện, cướp lấy con gái đẹp, vàng bạc châu báu đem về... Giặc đốt cung điện đồ thư trụi cả...”

Lần đốt phá Thăng Long thứ hai của quân Chiêm xảy ra năm 1377.

Lần đốt phá Thăng Long thứ ba xảy ra năm Mậu Ngọ (1378).

Lần đốt phá Thăng Long thứ tư, quân Chiêm tiến hành vào năm Quý Hợi (1383). Sử cũ ghi:

“Quý Ly phải sai nghĩa đệ là Nguyễn Đa Phương dựng rào trại quanh kinh thành, ngày đêm canh giữ.”

Nghệ Hoàng sợ hãi, xuống thuyền ngự định sang Đông Ngàn lánh nạn. Có người nho sinh Nguyễn Mộng Hoa ra bến sông, lội xuống nước níu thuyền vua, xin thượng hoàng ở lại đánh giặc. Thượng hoàng bảo:

– Ta cũng giống như Bái công Hán Cao Tổ; còn Chế Bồng Nga chẳng khác nào Hạng Vũ. Thua được; Bên chạy bên đuổi là lẽ thường tình. Kẻ kia hung hăng, còn ta mềm dẻo, cũng lại là lẽ thường tình. Chỉ đến phút cuối ai được ai thua rõ ràng mới quan trọng.

Thực ra, Chế Bồng Nga không chỉ là một con người hung hăng, hữu dũng vô mưu. Nói công bằng, ông ta là một thiên tài quân sự, một vị anh hùng cuối cùng của người Chiêm Thành.

Đêm đã tàn, đã thừa thốt ánh sao, đột nhiên một ngôi sao băng bỗng lóe lên rực rỡ trên bầu trời Chiêm Thành. Ông ta như một khắc tinh đối với Nghệ hoàng. Ông ta đã vây hãm khốn đốn Đại Việt, đã hủy diệt nốt những năng lượng cuối cùng của dòng họ Trần, đã một thời leo lên đến tột đỉnh vinh quang. Nhưng một ngôi sao dù sáng đến thế nào, cuối cùng cũng phải đi hết con đường xạ quang của nó. Cả cơ đồ nhà Trần, cả đến sự nghiệp rực rỡ của Chế Bồng Nga, cuối cùng cũng phải kết thúc như vậy mà thôi.

*

* *

Lần vật lộn khốc liệt cuối cùng giữa Chế Bồng Nga và quân Đại Việt là lần thứ năm quân Chiêm Thành định ra cướp phá Thăng Long. Lần này, họ Chế chuẩn bị rất chu đáo.

Trước tiên, về mặt chính trị và ngoại giao, họ Chế đã tiến hành cô lập Đại Việt. Năm 1370, Chế Bồng Nga đem cống nhà Minh voi, hổ và các sản vật phương Nam. Năm 1372, sau khi đánh bại Đại Việt, Chế lại mang lễ vật sang nhà Minh, vừa báo tin thắng trận, vừa xin vua Minh cung cấp vũ khí. Năm 1386, Chế sai con trai sang chúc thọ Minh Thái Tổ, y đã được nhà Minh tiếp đãi long trọng.

Trong khi ấy, nhà Minh lại giả trá, lập lại thủ đoạn xưa cũ mà nhà Nguyên đã dùng, họ mượn đường Đại Việt đi đánh Chiêm Thành. Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương yêu cầu Đại Việt phải đem cống voi, và đặt các trạm ở dọc đường suốt từ biên giới Trung - Việt cho tới Nghệ An. Chuyện này ta không đáp ứng, nhà Minh cũng không trách cứ. Nhưng về thực chất, có lẽ đằng sau những cử chỉ ấy đã có sự bàn ngấm giữa nhà Minh và Chiêm Thành. Họ toan tính muốn xoá sổ Đại Việt bằng cách đánh từ hai đầu.

Đang lúc quân Minh còn rập rình ở biên giới, thì Chế Bồng Nga đã đem đại quân tiến vào Đại Việt.

Đó là năm Canh Ngọ (1390), tình hình Đại Việt lúc đó, ngoài nước cũng như trong nước đều hết sức rối ren. Nghệ Tôn đã hơn 70 tuổi. Vua con Trần Thuận Tông vừa mới lên ngôi. Tất cả quyền hành bấy giờ đã hoàn toàn nằm trong tay Thái sư Quý Ly.

Nhìn toàn cục, có thể nói số phận Đại Việt đang như ngàn cân treo sợi tóc. Phía Bắc quân Minh rập rình ở biên giới. Phía Nam, quân Chế Bồng Nga ào ạt tràn vào. Trong nước có ba cuộc nổi loạn: Ở Thanh Hoá, Nguyễn Kỵ xưng vương tại Nông Cống, Nguyễn Thanh xưng vương ở sông Lương. Sát kinh đô, nhà sư Phạm Sư Ôn đã tập hợp được ba vạn quân ở lộ Quốc Oai.

Quan đứng đầu Thanh Hoá là tôn thất Trần Nguyên Diệu đã ra hàng Chế Bồng Nga.

Họ Chế, qua báo cáo của Trần Nguyên Diệu, đã nắm chắc tình hình Đại Việt. Ông ta vui mừng:

- Thời cơ đã đến. Vận số Đại Việt đã hết. Phen này diệt xong Thăng Long, sẽ giao Quý Ly cho ông xử tội. Sẽ phong ông làm vua. Sẽ giống như nhà Tống và nước Liêu nước Hạ. Đại Việt và Chiêm Thành sẽ kết anh em.

Nguyên Diệu nhất nhất đều đồng ý với họ Chế. Vua Chiêm liền chọn Thanh Hoá là vùng tấn công đầu tiên.

Sở dĩ Chế Bồng Nga chọn Thanh Hoá vì nơi đó là đất phong của Trần Nguyên Diệu, vả lại Nguyễn Ky và Nguyễn Thanh nổi loạn nên chính quyền ở Thanh Đô trấn hầu như đã tan rã.

Nghe tin Thanh Hoá nổi loạn và Chế Bồng Nga đã đem quân sang xâm lấn, Lê Quý Ly vội đem quân đến vùng này.

Cũng cần phải nói thêm, lần này Chế Bồng Nga xuất quân, sau khi Đại Việt xảy ra cuộc chính biến lớn. Phe bảo thủ do Trần Phế Đế chủ trương định tiêu diệt Quý Ly song thất bại. Phe canh tân, do Quý Ly cầm đầu, thực lực rất mạnh. Thượng hoàng Trần Nghệ Tôn vẫn hoàn toàn dựa vào phe Quý Ly. Nghệ Tôn không thích những sự xáo trộn, cho rằng Phế Đế làm vua như vậy sẽ gây chia rẽ và suy yếu đất nước. Quý Ly lại khéo kích động vào tình cảm hơn kém giữa con và cháu, nên cuối cùng Nghệ Tôn truất Phế Đế là cháu để lập con là Trần Thuận Tông lên ngôi vua.

Trần Nguyên Diệu, em trai Phế Đế, vì thù anh bị giết, và cũng vì ngấp nghé muốn nhòm ngôi vua, nên đã trốn vào thành Đồ Bàn hàng Chế Bồng Nga. Vua Chiêm được hàng tướng tầm cỡ như Nguyên Diệu, mừng như bắt được vàng. Thực ra, trước đó đã có hai người đầu hàng Chiêm: Đó là thái hậu Dương Thị, và Ngụ Câu Vương Trần Húc con cả Trần Nghệ Tôn. Tuy nhiên, hai người đó đều không có uy tín trong Đại Việt, nên họ Chế không lợi dụng được nhiều lắm. Lần này, được Nguyên Diệu, một đại thần em vua, lại là quan đứng đầu một lộ, lại là người có nhiều quan hệ với các đại thần đương quyền ở Đại Việt, Chế nghĩ: “Câu được con cá này mới là cá to”. Chế bảo Diệu:

– Ta sẽ giúp ông diệt Quý Ly, còn ông cũng phải giúp ta.

Diệu nói:

– Để công việc thuận lợi, tôi sẽ viết mật thư cho quan tư đồ Trần Nguyên Đĩnh, quan thiếu bảo Trần Tôn, cả Trang Định Vương Ngạc nữa. Những người này thù ghét Lê Quý Ly đến tận xương tuỷ.

Lúc đó ở Đại Việt, triều đình chia rẽ năm bè bảy mối, lòng người khảng tảng, nhiều kẻ quan cao chức trọng, thân ở đất Việt mà lòng ở đất Chiêm, do đó quân đội mất hết sức mạnh.

Quý Ly đi vào vùng sông Lương, Thanh Hoá, vùng ảnh hưởng của Trần Nguyên Diệu khá mạnh. Diệu và Chế nêu cao ngọn cờ diệt Quý Ly phục Trần,

nên quan lại ở Thanh Hoá theo họ khá đông. Chỉ ít, người nào không theo cũng không cộng tác với thái sư.

Khi quân Quý Ly đến, ông ở trên đất Việt nhưng lại hoá ra như kẻ ngoại lai đến. Lòng người quay trở, nên đất của ta biến thành đất của địch. Quý Ly sai đóng cọc trên sông Lương, ngăn không cho quân Chiêm tiến. Chế Bồng Nga có Nguyên Diệu chỉ điểm địa hình, đã đắp đập ở thượng nguồn sông Lương. Sau đó, họ Chế cho quân và voi mai phục rồi giả vờ thua chạy. Quý Ly sai mở cọc trên sông đưa thủy binh truy kích. Trên bộ, quân tinh nhuệ cũng đuổi theo quân Chiêm. Đúng lúc đó, Chế Bồng Nga phá đập ở thượng nguồn sông Lương. Nước ào ạt chảy như thác đổ, đẩy chiến thuyền Quý Ly trôi xuống hạ lưu. Đồng thời, voi và quân mai phục cũng nhất tề xông ra. Voi gầm, quân hét vang trời. Quân Quý Ly rơi vào thế bị động. Quân bộ và quân thủy bị tách rời, không ứng cứu được cho nhau. Quân sĩ bị tiêu diệt. Bảy mươi viên tướng bị bắt. Quý Ly và một nắm tàn quân thất trận, tơi tả trở về Thăng Long.

Nguyễn Đa Phương và Phạm Khả Vĩnh mang hậu quân từ tuyến sau lên cầm chân giặc. Thế giặc, theo đà chiến thắng, trở nên quá mạnh. Đa Phương biết không giữ nổi, liền bỏ Thanh Hoá, bảo toàn lực lượng, đem quân về đồng bằng sông Hồng để bảo vệ Thăng Long. Chế Bồng Nga thắng lớn, cờ rong trống mở đưa quân ra biển, rồi định tràn vào vùng châu thổ sông Hồng, phen này quyết đại phá Thăng Long.

Như ta đã biết, Đa Phương là con cụ Sư Tề, thầy dạy võ của Quý Ly. Quý Ly nhận Phương làm em và có ý gầy dựng làm thủ túc. Đa Phương sức khỏe hơn người, nức tiếng dũng sĩ Thăng Long. Để đề cao Đa Phương, Quý Ly cho mở võ đài tỉ thí ở tháp Báo Thiên. Đa Phương giữ đài, thách đấu với võ sĩ cả nước. Đa Phương đánh bại tất cả, được tôn vinh là đệ nhất võ sĩ. Phương lấy làm đắc ý, thường coi người bằng nửa con mắt. Cụ Sư Tề lấy làm lo sợ, bảo con:

- Thời này, thời đại loạn, thời của những mưu sâu, kế lạ, đâu có phải thời của những kẻ hữu dũng vô mưu. Hãy cẩn thận, kéo đến lúc không có đất mà chôn.

Đa Phương ngoan cố, không cho lời cha dạy là phải. Cụ Sư Tề buồn bực, bỏ Thăng Long trở về quê, rồi biệt tăm biệt tích.

Sau trận sông Lương (Thanh Hoá), Đa Phương tự cho mình võ cũng giỏi, mà cầm quân cũng giỏi. Phương thấy Quý Ly thua trận, cho rằng thời thế của Quý Ly đã hết. Nay thái sư chỉ như khúc gỗ mục trôi sông, bám vào con người hết thời ấy làm gì. Phương về Thăng Long, rêu rao:

– Thái sư bất tài quân sự, chỉ có tài nói giỏi và bày vẽ ra lắm chuyện viễn vông.

Đa Phương không hiểu thế của Quý Ly đã vững như bàn thạch. Thế ấy là nhờ một phe đảng đông đúc, như tấm lưới dày chẳng ra từ trong triều đến các địa phương. Đến ngay như Nghệ Tôn còn phải nể sợ cái thế này.

Quý Ly nói với Nguyên Trường:

– Đáng lẽ ra những lúc này, Phương cần phải trung thành với ta. Ta tin hẳn nhưng thực không ngờ, lúc bão tố hẳn lại quay đầu phản ta.

Nguyên Trường bảo cha:

– Chẳng cứ gì Phương, trong triều lúc này rất nhiều lời xì xào.

– Họ tưởng rằng ta đã lung lay. Nhất là khi thấy người thân cận của ta quay đầu chống lại ta.

Quý Ly bỗng trở nên buồn rầu:

– Ta đâu phải là kẻ không tình nghĩa. Nhưng những kẻ càng gần ta trong lúc này lại phản ta, kẻ ấy càng cực kỳ nguy hiểm.

Quý Ly bèn tâu với Nghệ hoàng:

– Con người này quá thô thiển và kiêu căng vô lối. Làm tiểu tướng thì được, làm đại tướng thì hỏng.

Bèn thu hết binh quyền của Phương. Đa Phương ngẩng mặt lên trời than thở:

– Trời hại ta rồi. Con chim kia vì tiếng hát hay nên bị sa lưới, vì bộ lông đẹp nên bị tên bay. Trời sinh ra Đa Phương này có tài để làm gì. Đức chí tôn cũng bị quáng mắt rồi.

Nghệ hoàng nghe thấy bảo:

– Người này quá kiêu căng. Cần trị tội nhẹ để răn bảo.

Quý Ly tâu:

– Đa Phương có sức khỏe dũng sĩ. Nếu bất mãn, sợ hẳn sẽ chạy sang phương Bắc với nhà Minh, hoặc vào phương Nam với Chiêm Thành. Thả cộp về rừng sẽ di hoạ về sau. Chi bằng giết đi là xong.

Bèn ra lệnh cho Đa Phương uống thuốc độc tự vẫn.

Đa Phương lại than:

– Ta vì có tài nên được sang. Lại cũng vì cái tài nên phải chết. Chỉ hận không được chết ở chốn sa trường.

Tình thế bây giờ quá đổi rối ren. Đang đêm, có ngựa trạm mang thư về Thăng Long cấp báo:

“Quân của Chế Bồng Nga đã từ biển đi vào sông Hoàng Giang. Thế lực quân Chiêm khá mạnh. Hơn một trăm chiến thuyền đậu kín một khúc sông. Bọn chúng còn đóng binh ở Hoàng Giang chờ hậu quân. Bộ binh và tượng binh đang từ Thanh Hoá tiến ra.”

Nghệ hoàng cho triệu Lê Quý Ly. Thái sư tâu:

– Chế Bồng Nga rất thâm hiểm. Hễ khi nào có người đầu hàng dẫn đường là chúng kéo quân ra Thăng Long. Bởi vì chúng đã có tay sai để lập vua hờ. Lần này, Trần Nguyên Diệu đầu hàng. Diệu là đại thần, thông thuộc mọi chuyện trong nước. Nhất định quân Chiêm sẽ đánh Thăng Long.

– Ta nên đối phó ra sao?

– Tàu bè hạ, liêm phóng sứ ở lộ Quốc Oai mật báo về rằng quân của thầy chùa Phạm Sư Ôn nổi loạn cũng định nhân cơ hội này kéo về Thăng Long.

– Như vậy, kinh sư đang bị tấn công từ hai phía.

– Xin bệ hạ cứ yên tâm. Thần đã trù tính kỹ càng. Mọi việc đã sẵn sàng. Khi cần, thượng hoàng và hoàng gia hãy tạm lánh sang Đông Ngàn, sau đó đi thuyền đến Lục Đầu giang. Thần đã cho người đến hành cung Bình Than chuẩn bị tiếp đón hai vua.

– Vậy ai sẽ là người cầm quân chống Chiêm Thành? Ai sẽ là người đi dẹp bọn giặc cỏ ở lộ Quốc Oai?

– Thần đã suy tính nát óc. Tướng già nhiều kinh nghiệm ta còn Phạm Khả Vĩnh và Hoàng Phụng Thế. Hoàng Phụng Thế thì quá già, còn Khả Vĩnh vừa qua lại rất thân thiết với Đa Phương. Phương vừa bị giết, ta lại chưa dò biết được lòng Vĩnh hiện nay ra sao. Chi bằng, cứ để Vĩnh và Thế đóng quân ở Hoàng Giang đối phó với tiền quân Chiêm Thành do tướng La Ngai chỉ huy. Hiện nay, ta đang rất cần một viên tướng trẻ có khả năng táo bạo, bất ngờ với địch để chỉ huy toàn quân.

– Khanh đã chọn được ai?

– Thần thấy trong đám tướng trẻ có hai người khả dĩ. Người thứ nhất là Đặng Tất rất năng nổ táo bạo. Người này đã cầm quân ở Châu Hoá, có nhiều kinh nghiệm đối phó với quân Chiêm. Ngặt một nỗi hiện nay Tất ở xa, gọi về cũng mất hàng tháng.

– Nước xa làm sao cứu được lửa gần. Vậy, còn người thứ hai?

Quý Ly hiểu ngay lòng Nghệ hoàng... Sở dĩ ông vua già không đậm với Tất bởi vì Đặng Tất là người thân tín của thái sư. Vừa qua, Quý Ly trừ khử Nguyễn Đa Phương, Nghệ hoàng cũng chẳng tỏ vẻ thương tiếc gì lắm, phần nào cũng vì lẽ ấy. Quý Ly là người giàu óc thực tế. Ông cũng hiểu sự tương quan lực lượng. Vả lại, lúc này ông và Nghệ hoàng đang ngồi chung một chiếc thuyền. Việc lớn là chuyện lâu dài, còn trước mắt cần phải tìm ra một người mà cả hai phía đều đồng thuận, để con thuyền không bị đắm. Vì những lý do ấy, việc tìm người chỉ huy quân đội lúc này, Quý Ly làm rất công tâm. Vốn có tài nhìn người và dùng người, Quý Ly luôn để mắt đến những vị quan trẻ. Không những chỉ ở hàng quan văn, những quan võ trẻ cũng không lọt khỏi mắt ông. Ông ngẫm nghĩ hồi lâu rồi tâu với Nghệ hoàng:

- Còn người thứ hai chẳng được mấy ai chú ý, nhưng thần đã gặp và hỏi chuyện mấy lần. Con người này chín chắn, chừng chạc, khoảng 40 tuổi. Đó là đô tướng Trần Khát Chân.

- Trần Khát Chân ư?

- Vị đô tướng trẻ này tinh thông binh pháp, dòng dõi Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng. Ông ta chỉ huy quân Thánh Dực, đã có lần dưới quyền của thần đánh nhau với Chiêm Thành. Thần ưng nhất người này ở điểm vô cùng bình tĩnh.

Nghệ Hoàng chợt tươi tỉnh hẳn lên:

- Người này có thể được. Ta biết Khát Chân từ nhỏ. Cái khác ta không biết, chứ riêng lòng trung nghĩa của Khát Chân rất đáng tin cậy. Khi Chế Bồng Nga vào Thanh Hoá, Khát Chân đã dâng tờ biểu, xin tình nguyện đem quân ra trận.

Quý Ly thăm dò:

- Thần đã nghe chuyện ấy. Từ lâu, thần đã muốn tiến cử. Chỉ e một nỗi, ông ấy mới là đô tướng, chức còn quá thấp, khó có thể thống lĩnh một đạo quân lớn.

Thượng hoàng cười, bảo:

- Không sao! Lúc biến phải tùy cơ. Chẳng nên câu nệ.

*

* *

Ngay hôm ấy, Nghệ hoàng gọi Khát Chân vào cung. Ông vua già từ cao bước xuống, đỡ viên tướng đang quỳ thi lễ. Ông nói:

- Đất nước lâm nguy. Chế Bồng Nga lâm le tràn vào Thăng Long. Giặc đã ở Hoàng Giang, cửa ngõ kinh sư. Ngoài ra, còn lũ giặc cỏ Phạm Sư Ôn ở Quốc Oai, sát nách Thăng Long. Nay trẫm tin cậy ở khanh, trao binh quyền cho khanh cầm quân diệt giặc. Chớ có phụ lòng tin cậy của trẫm.

Trần Khát Chân xúc động:

- Thần chỉ là viên tướng nhỏ, đã được bệ hạ tin cậy, giao trọng trách. Tổ tiên nhà thần, cả dòng họ nhà thần mấy đời đều ăn lộc nước, hưởng ân huệ sâu dày của nhà Trần. Thần nguyện hết lòng báo đáp, dù phải thân phò chiến trường.

Hôm sau, Khát Chân thống lĩnh binh mã lên đường, bí mật xuất quân trong đêm. Một đoàn thuyền dài đậu trên sông Cái. Cả ngựa và voi cũng chở bằng thuyền để đi cho nhanh, đảm bảo bí mật. Quân sĩ ngậm tăm im phăng phắc. Chỉ thỉnh thoảng mới có tiếng ngựa hí làm rung động cả những ngọn đèn lắc lư trên thuyền.

Thượng hoàng ra tận bãi dâu sông Hồng tiễn đưa đoàn quân của Khát Chân. Ông trao cho viên tướng thanh gươm kiếm:

- Ta trao toàn quyền cho khanh. Khanh có thể tiến trăm hậu tấu. Toàn quân thấy thanh kiếm này như nhìn thấy trẫm.

Trần Khát Chân quỳ lạy từ biệt thượng hoàng. Thượng hoàng rơi lệ nhìn theo đoàn quân quyết tử cứu nước lên đường.

Quan thái sư Quý Ly dặn dò:

- Chế Bồng Nga là người thâm hiểm. Hắn thuộc ngòi lạch của ta. Lại có Nguyên Diệu đầu hàng dẫn đường. Ông phải cẩn trọng, tránh rơi vào cạm bẫy của chúng. Chế Bồng Nga kỳ này ra Bắc không đúng quy luật của chúng. Không có gió nồm. Lại đang có đợt gió bắc mang rét lạnh về. Bất lợi cho giặc mà có lợi cho ta. Gió thế này, lại xuôi dòng, chỉ mờ sáng, quân ta đã đến điểm chọn. Nhớ giấu quân cho kỹ. Chỉ dùng mưu mới thắng được Chế Bồng Nga...

Khát Chân cung kính:

- Tiểu tướng ghi tạc những lời thái sư căn dặn.

Luyện tập

1. Thảo luận: Các bạn hãy đặt tên cho hai trích đoạn đã chọn. Hãy trình bày mình nghĩ gì khi chọn đặt tên cho đoạn văn đó.
2. Thảo luận: Các bạn không thấy tác giả Nguyễn Xuân Khánh nói gì thêm ngoài việc kể chuyện đời xưa y như ông đã sống thực trong cảnh đó. Nhưng bạn vẫn nhận được một thông điệp ẩn ngầm từ nhà văn. Hãy nói bạn nghĩ gì về thông điệp đó.
3. Trò chơi: Từng bạn hãy nghĩ và vẽ một bức tranh lấy cảm hứng từ hai trích đoạn đã học.
4. Thảo luận và viết tiểu luận: Qua ba mẫu trích đoạn tiểu thuyết lịch sử của V. Hugo, Nguyễn Triệu Luật và Nguyễn Xuân Khánh, các bạn nghĩ gì về sự giống nhau giữa ba nhà văn sống cách nhau khá xa về thời gian?
5. Thảo luận và viết tiểu luận: Qua ba mẫu trích đoạn tiểu thuyết lịch sử của V. Hugo, Nguyễn Triệu Luật và Nguyễn Xuân Khánh, các bạn nghĩ gì về sự khác nhau giữa ba nhà văn đó?
6. Thảo luận và viết tiểu luận: Nghe kể chuyện và tự đọc truyện có đặc điểm gì giống nhau và khác nhau?

B. PHƯƠNG THỨC KHÁM PHÁ TUỆ QUYỀN CỦA CON NGƯỜI

BÀI NHẬP TUỆ QUYỀN NGƯỜI

Charles Darwin là người đầu tiên trên thế giới đi tìm sự tiến hóa của con người. Luận điểm tiến hóa được trình bày đầy đủ trong cuốn *Nguồn gốc các chủng loại thông qua con đường chọn lọc tự nhiên hay là sự bảo tồn các chủng loại ưu đẳng trong đấu tranh sinh tồn* (On the Origin of Species by Means of Natural Selection, or the Preservation of Favoured Races in the Struggle for Life), công bố ngày 24 tháng 11 năm 1859. Năm 1871, Charles Darwin công bố tiếp cuốn sách *Nguồn gốc con người và sự chọn lọc liên quan đến giới tính* (The Descent of Man, and Selection in Relation to Sex) khẳng định thêm thuyết tiến hóa của ông. Mặc dù trong hơn một trăm năm qua, nhiều ngành khoa học theo đường lối duy vật luận tiếp tục khám phá, chứng minh cho thuyết này, song nó cũng nhận được không ít phản ứng cay nghiệt, độc địa nữa.

Phản ứng lại Darwin là phải thôi. Chỉ một quan sát nhỏ như sau cũng thấy. Toàn bộ sự phát triển vật chất của sinh giới đều dừng lại ở một ngưỡng nào đó. Một cái cây không thể vươn lên cao mãi mãi. Một con voi không thể cứ to lên mãi mãi. Một con rắn không thể cứ dài ra mãi mãi. Và sự phát triển về mặt vật chất của con người cũng không thể vượt ra ngoài quy luật đó, con người không thể to cao lên mãi mãi.

Dư luận phản bác lại Darwin vì ông không nghiên cứu sự phát triển về mặt tinh thần của con người.

Nhà nghiên cứu Teilhard de Chardin không đả kích tư tưởng tiến hóa của Darwin. Teilhard de Chardin là nhà cổ sinh vật học, là người đã có công tham gia phát hiện *người vượn Bắc Kinh* tại khu khai quật Chu Khẩu Điếm gần thành phố Bắc Kinh, Trung Quốc. Nhưng chính những khai quật đủ sức chứng minh một cách vật chất, không vu vơ, củng cố thêm quan điểm tiến hóa của

con người lại khiến Teilhard de Chardin suy nghĩ nhiều về chính khái niệm tiến hóa đó. “Tiến hóa” thì có. Nhưng trong khi tiến hóa, thì *phát triển* ra sao? Teilhard de Chardin bổ sung một luận điểm này: *Tiến hóa thì có giới hạn, còn phát triển thì không có giới hạn*. Và trong các sinh vật, chỉ có con người là sinh vật phát triển không ngừng. Sự phát triển không ngừng của con người nằm trong tư duy người.

Teilhard de Chardin đề xuất một khái niệm mới bổ sung vào việc nghiên cứu con người: Xưa nay con người đã khám phá ra *địa quyển* (hoặc miền của thế giới những vật bất động), *sinh quyển* (hoặc miền của thế giới những vật sống), và ngoài ra còn có *tuệ quyển*, hoặc theo chữ của ông đặt ra *noosphère* (tiếng Pháp) *noosphere* (tiếng Anh), được từ điển Webster định nghĩa ngắn gọn là *quyển của nhận thức và hoạt động tâm trí của con người tương quan đến địa quyển và sinh quyển*.

Để đặt tên cho khái niệm mới này, Teilhard de Chardin đã dựa vào chữ Hy Lạp *νοῦς* (*nous*, có nghĩa như tiếng Anh “mind”) và *σφαῖρα* (*sphaira*, có nghĩa như tiếng Anh “sphere”). Từ do Teilhard de Chardin đặt ra để chỉ khái niệm *noosphere* khó dịch sang tiếng Việt. Trong cuốn sách *Hiện tượng con người* (các bạn sẽ học trong sách *Tiếng Việt Lớp 9 Cánh Buồm*) từ đó được dịch là *Tuệ quyển*, khác với những cách dịch khác như *Trí quyển*, *Tâm quyển*, hoặc *Linh quyển*. Thực ra, dịch chữ “*nous*” tiếng Hy Lạp có nghĩa “mind” tiếng Anh sang “trí khôn” tiếng Việt là đầy đủ nhất. Trong trí khôn người có cả “tuệ” (sự thông thái), có cả “trí” (sự sáng láng), có cả “tâm” (cái tấm lòng) và có cả “linh” (cái niềm tin tôn giáo). Nhưng vì có tương quan với các từ Hán-Việt *địa quyển* và *sinh quyển* thì cũng phải dùng từ Hán-Việt để dịch *noosphere* và chúng ta tạm dùng chữ *tuệ quyển* như đã được dùng trong sách *Hiện tượng con người* của Teilhard de Chardin.

Cái nội dung của *tuệ quyển* đã được Teilhard de Chardin đề xuất như một khảo cứu khoa học – được trình bày một cách tường minh. Nó bắt nguồn từ khi Teilhard de Chardin còn trẻ, khi ông đi lính bảo vệ tổ quốc trong chiến tranh 1914–1918 với tư cách tải thương, và giữa sự sống và cái chết, có lúc ông băng khuâng tự hỏi “những xác chết ngổn ngang này do cái gì gây ra mà kinh hoàng đến vậy?”. Và cũng chính ở nơi khốc liệt đó, hình như ông nhận ra có bàn tay vô hình nào đó vẫn gắn kết con người với nhau. Phải chăng vì vậy, Teilhard de Chardin nhìn thấy trong *tuệ quyển* người có yếu tố đoàn kết? Và có yếu tố đi

tìm cái sáng láng, đi tìm cái duy lý, đi tìm và hoàn thiện tư duy người, được ông gọi bằng yếu tố omega (ký tự cuối của bộ chữ Hy Lạp) – như cái đích chung của loài người...

Các nhà văn cũng sẽ phát biểu về *tuệ quyền* của con người theo cách ẩn dụ của mình. Các nhà văn nói đến tuệ quyền của con người như một việc đối “nhân quyền” theo cách riêng với cách nhìn riêng của họ. Các nhà văn dường như muốn đòi cho con người cái *quyền được là trẻ thơ* bên cạnh những “quyền” duy lý và tường minh khác. Hình như các nhà văn nhìn thấy ở tuệ quyền người những điều mà nhà khoa học Teilhard de Chardin chưa nhận ra: quyền được phiêu lưu, quyền được mơ mộng, quyền được chơi – cái cuộc chơi tháo gỡ mọi cấu trúc đã có mà đưa trẻ thơ trong con người coi như những đồ chơi. Như những trẻ thơ đích thực, bỏ ăn để chơi, cả ngày cười một cái gậy để phóng đi tới những miền xa lắc, cả ngày ngồi với tấm giẻ tết thành con búp bê – không phải con búp bê – một em bé, một em bé đích thực biết đói biết rét biết khát biết khóc và biết đòi “mẹ” nựng, mẹ xuýt xoa, mẹ xin lỗi, mẹ thương mẹ thương mẹ thương...

Chúng ta cần biết đến sự phiêu lưu vào thế giới trẻ thơ khi học văn. Nếu không sống với một tâm hồn trẻ thơ đến thế, chúng ta sẽ không thể hiểu nổi vì sao chàng Đôn Kihôtê của Cervantès lại đi đánh nhau với cái cối xay gió. Không sao hiểu nổi chàng Tartarin của Alphonse Daudet lại bỏ nhà bỏ cửa để đi săn sư tử. Không sao hiểu nổi Gulliver đã tìm ra bao điều lạ trên những miền đất bao giờ cũng không thể nào quen. Không sao hiểu nổi Tô Hoài lại hóa thân thành con Dế Mèn. Và không sao hiểu nổi có chú Hoàng tử bé lạc vào hoang mạc chỉ để biết thế nào là nhớ nhà, nhớ một bông hồng, nhớ một cái núi lửa đã tắt ngấm!

Mời các bạn học ba mẫu về *quyền được là trẻ thơ* của con người. Mời các bạn cùng học để cùng suy ngẫm chân lý nhỏ bé này: Con người cần trí khôn, nhưng con người mà khôn quá sớm chưa chắc đã tốt đẹp gì cho con người trẻ thơ cho tới khi hết “nhiệm kỳ” trong cuộc sống trần gian này.

Luyện tập

1. Thảo luận: Các bạn hiểu thế nào là *Địa quyền* – *Sinh quyền* – *Tuệ quyền* mặc dù chưa đọc kỹ luận điểm của nhà nhân học Teilhard de Chardin?
2. Thảo luận: Hãy nhớ lại câu chuyện dân gian Việt Nam về con hổ hỏi con người *Trí khôn của mày đâu?* và bị con người trói lại đánh cho một trận, đốt cho suýt chết nên để lại dấu vết là những vằn đen...
3. Thảo luận: Các bạn hiểu thế nào về cách nói ẩn dụ “quyền được làm trẻ thơ” của con người?
4. Thảo luận: Các bạn hiểu thế nào về câu nói của các nhà thơ tự gọi là “siêu thực” cho rằng họ nhìn sự vật và *thích được nhìn cả phía sau sự vật?*
5. Thảo luận: Các bạn hiểu thế nào về câu thơ của Philippe Soupault:
Singulière singulière histoire
Histoire du soleil couchant
Tạm dịch như sau (các bạn có thể dịch lại cho vừa ý mình):
Chuyện đâu có chuyện lạ đời
Chuyện ông mặt trời đang lặn phía Tây

BÀI 7

GULLIVER DU KÝ (của Jonathan Swift)

Hướng dẫn học

Gulliver du ký là một kiệt tác văn học trào phúng vay mượn hình thức một câu chuyện phiêu lưu của nhà văn người Ailen Jonathan Swift (1667–1745) (có rất nhiều bản dịch, sách này theo bản dịch của Đỗ Đức Hiếu, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin xuất bản năm 2008). Đây là một câu chuyện kể phóng đại, cố ý thô kệch, kỳ quái, có cả những ám chỉ tục tĩu. Nó cũng theo phong cách thô kệch như tác phẩm *Gargantua và Pantagruel* của nhà văn Pháp François Rabelais sinh trước Jonathan Swift gần hai trăm năm (1494). Cả hai tác phẩm đều có các nhân vật khổng lồ về thân



xác. Gulliver của Swift phải cần đến chín trăm người khỏe mạnh dùng ròng rọc kéo rồi quẳng vào một cỗ xe để kéo đi. Gargantua của Rabelais được sinh ra từ lỗ tai của người mẹ và phải cần đến mười bảy nghìn chín trăm mười ba con bò sữa mới đủ sữa uống hằng ngày cho nó. Gargantua của Rabelais được gửi đi học ở Paris, một lần khó chịu vì bị đám đông ngoài phố gây ồn ào, Gargantua đã cho hàng ngàn người chết đuối vì dòng lũ nước tiểu của mình. Còn Gulliver của Swift thì dùng nước tiểu của mình để dập tắt đám cháy cung điện hoàng gia.

Jonathan Swift sống trong bối cảnh nước Anh đã bước vào thời cận đại. Đó là thời đại của những *tiến bộ* đã đảo lộn hoàn toàn thế giới quan con người: thuyết nhật tâm của Copernicus (con người không còn coi trái đất là trung tâm của vũ trụ nữa), phát minh ra máy in, la bàn (dùng cho nghề đi biển), thuốc súng (nhân vật Gulliver rất hãnh diện về sức hủy diệt của thuốc súng), phát hiện ra châu Mỹ, cuộc Cải cách tôn giáo, và đặc biệt là sự ra đời của phương pháp thực nghiệm

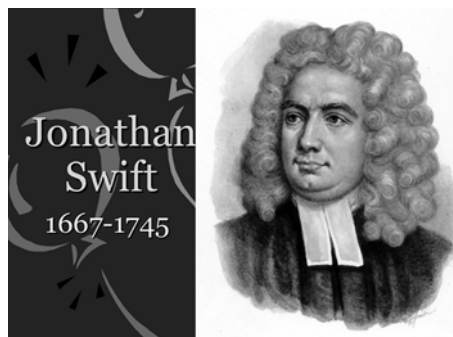
khoa học và việc Gallileo phát minh ra kính viễn vọng. Nhà triết học Anh A.N Whitehead đã viết về phát minh kính viễn vọng của Gallileo: “Không biết liệu có điều gì vĩ đại hơn đã xảy ra với biết bao om sòm đến vậy, kể từ khi một đứa bé được sinh ra trong một cái máng cỏ (ám chỉ Chúa Jesus hài đồng – ND)”¹.

Jonathan Swift là người Ireland, một đất nước có ngôn ngữ, lịch sử văn hóa riêng. Vào thế kỷ 12, nước Anh đã xâm chiếm Ireland làm thuộc địa và kể từ đó cho tới tận năm 1948 (thành lập Cộng hòa Ireland, nhưng một phần của nước này là Bắc Ireland nay vẫn thuộc Vương quốc Anh), người Ireland không bao giờ ngừng chiến đấu hoặc tranh

đấu nghị trường để đòi độc lập. Cuộc đấu tranh này gắn liền với sự xung đột tôn giáo đôi khi đẫm máu giữa người Ireland bản địa theo đạo Cơ đốc giáo La Mã và người Anh theo Tin Lành Anh giáo và sau đó với cả kiều dân Anh theo Anh giáo tại Ireland.

Cuộc cải cách tôn giáo tại Anh quốc cũng diễn ra từ từ và dai dẳng trong nhiều năm. Nhưng “cú hích” cho sự cải cách cũng thật khôi hài. Vua Henry VIII muốn ly dị hoàng hậu để cưới người khác với mong muốn có hoàng tử nối ngôi khi thấy đương kim hoàng hậu Mary không thể đẻ con được nữa (Anh giáo “thoáng” hơn Cơ đốc giáo La Mã). Chi tiết lịch sử này có thể nhuộm màu giai thoại, nhưng nó được ghi rõ ràng trong sách giáo khoa lịch sử.² Đó là bối cảnh chính trị nước Anh với những chính trị gia vừa “bé tí” như những công dân của xứ Lilliput và cũng “ngạo mạn” đến kịch cỡm như những công dân ở xứ Brobdingnag. Người ta có thể gây chiến tranh vì tranh cãi cách ăn một quả trứng chần:

“Khởi thủy ai cũng đều biết rằng để ăn trứng chần nước sôi người ta đập vỡ phần đầu to hơn của quả trứng. Vậy mà lại xảy ra một chuyện là tổ tiên của đương kim Hoàng đế khi còn bé muốn ăn một quả trứng, trong lúc đập vỡ quả trứng theo cách truyền thống thì đã tự gây một vết đứt ở ngón tay. Sau đó vua cha đã ra một chỉ dụ lệnh cho tất cả thần dân của mình phải đập trứng ở phần đầu nhỏ hơn nếu không sẽ phải chịu hình phạt nặng nhất. Các sử gia kể rằng đạo luật này không hợp lòng dân, đến nỗi đã gây ra



1 A. N. Whitehead, *Science and the Modern World* (Khoa học và thế giới cận đại).

2 *Lịch sử văn minh Tây phương*, McGraw-Hill xuất bản, đã tái bản tới tám lần.

sáu cuộc nổi loạn, một Hoàng đế đã mất mạng vì một trong sáu cuộc nổi loạn này, một Hoàng đế khác thì mất vương miện. Các cuộc khởi nghĩa này lần nào cũng đều nhận được sự ủng hộ của các vua xứ Blefuscu... Người ta ước tính tổng cộng mười một ngàn người thù chết chứ không chịu nhượng bộ và đập trứng ở phần đầu nhỏ hơn.”¹

Nhưng sự xung đột còn diễn ra trong lĩnh vực tư tưởng. Ở thế kỷ 17 có một cuộc tranh luận lớn giữa hai phe, phe theo cựu học đề cao các tác phẩm kinh điển của Hy Lạp – La Mã cổ đại, coi là “nền tảng” vĩnh cửu và phe tân học đề cao các tư tưởng hiện đại, nhất là trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Cuộc tranh luận này lan từ Pháp sang Anh. Jonathan Swift lúc này theo Đảng Tory (đảng theo triều đình) đối lập với Đảng Whig của tầng lớp quý tộc nông thôn và tư sản thành thị (đối lập với triều đình). Âm vang của cuộc tranh luận này được phản ánh trong cuộc phiêu lưu thứ ba của Gulliver tới xứ Laputa (một hòn đảo nổi “lơ lửng” trên không trung!). Các nhà “bác học” ở xứ Laputa đầu người nào cũng nghiêng, không nghiêng bên phải thì bên trái, một mắt thì hướng vào bên trong, còn mắt kia thì ngược nhìn thẳng lên đỉnh đầu... Các vị này lúc nào cũng chìm đắm trong những suy nghĩ sâu sắc, và lúc ấy họ “không thể nói được, cũng như không thể lắng nghe những lời người khác nói. Vì lẽ đó, những vị này thường nuôi một người đầy tớ để làm công việc nhắc nhở, mà đi đâu ra ngoài, hoặc đến thăm ai, họ cũng đều mang theo”. Người đầy tớ nhắc nhở bằng cách này: họ có một cái gậy, ở đầu gậy buộc một cái bong bóng, trong bong bóng có một ít hạt đậu khô hoặc mấy hòn đá nhỏ. Khi nào cần nhắc nhở các nhà “bác học” thì họ dùng cái gậy có quả bóng đập vào mồm và tai nhà bác học!

Gulliver du ký cho tới nay vẫn được xếp vào hàng kiệt tác trào phúng của nền văn học thế giới. Jonathan Swift đã vận dụng một cách tài tình thủ pháp gây cười. Một câu chuyện gây cười phải gây được sự “bất ngờ” cho người đọc. Người đọc nghĩ một đằng nhưng té ra câu chuyện lại ra một nẻo khác. Sự giao thoa giữa hai hướng suy nghĩ làm bật ra tiếng cười. Nhưng bất luận thế nào, tầm cao của một tác phẩm trào phúng phải thể hiện được âm vang tư tưởng – văn hóa của thời đại. Bằng không, chúng ta sẽ chỉ có những câu chuyện cười tầm phào, nhạt nhẽo.

Mời các bạn cùng học.

1 *Tại sao con người gây ra chiến tranh* trích dẫn *Gulliver du ký*, tác giả Myriam Revault d'Allonnes, bản dịch tiếng Việt của Trúc Đào, Phạm Anh Tuấn hiệu đính, NXB Tri thức, 2009.

GULLIVER DU KÝ

(Trích)

PHẦN I: CUỘC DU LỊCH ĐẾN XỨ LILLIPUT

CHƯƠNG 4

Miêu tả thủ đô Lilliput, thành phố Mildendo, và cung điện nhà vua. – Câu chuyện trao đổi giữa tác giả và tổng trưởng về việc quốc gia – Tác giả đề nghị phụng sự nhà vua trong chiến tranh.

Được tự do, việc đầu tiên của tôi là xin phép đi thăm thành phố Mildendo, thủ đô Lilliput. Vua vui lòng cho phép, nhưng yêu cầu tôi không được làm gì phương hại đến nhân dân và nhà cửa trong thành phố. Người ta công bố cho dân chúng biết tôi sẽ đi thăm thành phố. Bức tường bao quanh thành phố cao hai *foot*¹ rưỡi, và rộng ít nhất là mười một *inch*², xe ngựa có thể đi trên bờ thành một cách dễ dàng. Cách mười *foot* lại có chòi vững chãi. Tôi bước qua cổng lớn phía tây và bước đi rất chậm chạp trên hai phố chính. Tôi mặc áo gi-lê, sợ tà áo khoác làm hỏng mái nhà, ống máng. Tôi thận trọng đặt từng bước chân để tránh giẫm bẹp người nào chưa kịp về nhà mặc dù đã có lệnh nghiêm ngặt cấm mọi người ở ngoài phố, sợ nguy hiểm cho họ. Cửa sổ các căn nhà thấp và trên mái nhà đầy ắp những người tò mò đứng xem. Tôi có cảm tưởng không ở đâu dân cư lại đông đúc như thành phố này. Thành phố là một hình vuông hoàn chỉnh, mỗi cạnh năm trăm *foot*. Hai phố lớn cắt nhau ở trung tâm thành phố phân chia thành bốn khu phố đều nhau, phố rộng năm *foot*. Những con đường và phố hẻm khác không rộng quá mười hai hay mười tám *inch*, nhỏ quá tôi không bước vào được, nhưng tôi có thể nhìn thấy lúc đi qua. Thành phố có thể chứa được năm mươi vạn người, nhà cao từ ba đến năm tầng, cửa hiệu và chợ búa đông đúc.

Cung điện nhà vua ở trung tâm thành phố, tức là ở ngã tư hai phố lớn. Cung điện có bức tường cao hai *foot* bao vây, và tường cách xa những nhà chung quanh hai mươi *foot*. Vua cho phép tôi bước qua bức tường, thành thử tôi có thể nhìn cung điện từ tứ phía. Cái sân bên ngoài hình vuông, mỗi cạnh bốn mươi *foot*, lại có hai sân nhỏ. Lâu đài của vua ở sân trong cùng.

1 Foot: đơn vị đo chiều dài Anh, bằng 30,48cm.

2 Inch: đơn vị đo chiều dài Anh, bằng 2,54cm.

Tôi rất muốn xem lâu đài này song hết sức khó khăn, bởi vì từ sân này qua sân kia là những cái cổng chỉ cao mười tám *inch* rộng bảy *inch*. Vả lại những ngôi nhà ở sân ngoài cao ít nhất là năm *foot*, tôi không thể bước qua mà không gây nên những hư hại không hề lường được mặc dù tường xây bằng đá phiến rất vững vàng, dày tới bốn *inch*. Một mặt khác, vua rất muốn phô vẻ lộng lẫy của cung điện. Nhưng phải ba ngày sau tôi mới có thể xem được, sau khi tôi lấy con dao nhỏ cắt một hai cây cỏ thụ trong vườn hoàng gia ở cách thành phố khoảng năm mươi *fathom*¹. Tôi lấy cây làm hai cái ghế đẩu cao chừng ba *foot* và đủ sức chịu đựng được tôi. Nhân dân thành phố đã được loan báo tôi đến thăm thành phố lần thứ hai. Tôi đến tận cung điện nhà vua, tay cầm hai cái ghế đẩu. Đến sân ngoài, tôi trèo lên mặt ghế đẩu, một tay cầm cái ghế kia đưa qua các mái nhà, rồi nhẹ nhàng đặt xuống quãng trống giữa sân thứ nhất và sân thứ hai, rộng chừng tám *foot*. Thế là tôi bước được sang phía bên kia lâu đài một cách dễ dàng bằng cách trèo từ ghế này qua ghế khác. Khi đã ở bên trong, tôi dùng cái móc bằng gỗ để kéo ghế lên. Cứ như vậy tôi đến được sân trong cùng. Tôi bèn nằm nghiêng xuống úp mặt vào cửa sổ tầng hai đã mở sẵn cho tôi nhìn vào trong. Quả là những căn phòng lộng lẫy không thể tưởng tượng được. Tôi thấy hoàng hậu và các hoàng tử trong buồng riêng, có đoàn tùy tùng quây quần chung quanh. Nhà vua ban cho tôi một nụ cười tươi tắn và chìa tay qua cửa sổ cho tôi hôn.



Nhưng bây giờ tôi chẳng muốn miêu tả dài dòng, tôi dành cho một cuốn sách quan trọng hơn, có thể sắp sửa đem in. Bạn đọc sẽ thấy những trang miêu tả đầy đủ xứ sở này từ khi thành lập đến ngày nay, qua một loạt những triều

1 Fathom: đơn vị đo chiều dài Anh, khoảng 1,83cm.

vua, chuyện chiến tranh và những phong trào chính trị, luật pháp, khoa học và tôn giáo này, cây cỏ và động vật, phong tục và tập quán của nhân dân, cùng với rất nhiều vấn đề lạ lùng và hữu ích khác. Bây giờ, mục đích duy nhất của tôi là kể cho bạn đọc những sự kiện công và tư đã xảy ra trong thời gian chín tháng tôi trú ngụ ở đất nước này.

Một buổi sáng, độ nửa tháng sau khi tôi được tự do, Reldresal, tổng trưởng Bộ việc riêng tư (theo như họ gọi), chỉ có một người theo hầu, đến nhà tôi. Ông ra lệnh cho xe ngựa đợi ông cách khá xa, và xin tôi cho ông nói chuyện một giờ. Tôi vội vàng ưng thuận, bởi vì ông là người quyền cao chức trọng lại có đức hạnh, và cũng bởi vì ông đã giúp đỡ tôi nhiều khi tôi gửi những bản thỉnh nguyện lên triều đình. Tôi đề nghị cho tôi được nằm xuống để ông nói gần tai tôi, nhưng ông muốn tôi cầm ông trên tay trong khi hai người chuyện trò. Trước hết ông chúc mừng tôi đã được tự do, ông hài lòng vì đã góp một phần công sức vào việc này. Rồi ông cho tôi biết, nếu hoàn cảnh khác đi thì chưa chắc tôi đã được tự do sớm như hiện nay. Ông nói, mặc dù trước con mắt người nước ngoài, nước chúng tôi có vẻ phồn vinh, nhưng chúng tôi phải chiến đấu chống hai tai họa, một phe phái bên trong và sự đe dọa xâm lược của một kẻ thù hùng mạnh bên ngoài. Về tai họa thứ nhất, ngài cần biết rằng, từ trên bảy mươi tuần trăng nay, hai phe phái đối địch nhau, một là phái *Tramecksan* và một là phái *Slamecksan*, tức là phái "gót giày cao" và "gót giày thấp". Người ta cho rằng phái "gót giày cao" theo đúng hiến pháp cũ của chúng tôi nhưng mặc dù vậy, nhà vua chỉ quyết định sử dụng "gót giày thấp" nắm giữ các chức vụ như ngài đã thấy. Và đặc biệt, gót giày của đức vua thấp hơn gót giày của cả triều đình ít nhất là một *drurr*¹. Mâu thuẫn giữa hai phái sâu sắc đến mức họ không muốn ăn uống với nhau, nói chuyện với nhau. Chúng tôi cho rằng phái *Tramecksan* đông hơn phái chúng tôi: nhưng quyền hành thì hoàn toàn ở trong tay chúng tôi. Nhưng tôi e rằng thái tử có khuynh hướng thiên về phái "gót giày cao". Dẫu sao, rõ ràng là một gót giày của ngài cao hơn gót kia, thành thử ngài đi hơi khập khiễng.

Trong khi nội bộ có những việc xâu xé như thế, thì chúng tôi bị đảo Blefuscu đe dọa xâm lược. Đó cũng là một nước lớn, gần rộng và mạnh bằng nước của đức vua đây. Bởi vì tôi phải nói với ngài rằng, những nhà triết học của chúng tôi còn nghĩ đến sự tồn tại của các quốc gia có những người to lớn như

1 Drurr là một đơn vị đo chiều dài, mỗi drurr bằng khoảng một phần mười bốn inch.

ngài – theo lời khẳng định của ngài. Họ thiên về ý cho rằng ngài rơi từ cung trăng hoặc từ một ngôi sao nào xuống. Bởi vì, nếu quả như vậy chỉ một trăm người to như ngài, trong một thời gian ngắn, sẽ xới sạch lương thực, thực phẩm ở vương quốc của đức vua. Vả lại, lịch sử nước chúng tôi từ hàng sáu nghìn tuần trăng nay, chỉ ghi chép hai nước lớn là Lilliput và Blefuscu. Như tôi đã thưa chuyện cùng ngài, hai cường quốc này đã chiến tranh dữ dội với nhau từ ba mươi sáu tuần trăng nay. Lý do như thế này: mọi người đều công nhận rằng, muốn ăn trứng, cách cổ xưa là đập vỡ đầu to quả trứng. Song, ông nội của đức vua hiện nay, thời còn trẻ, có một lần ăn trứng, đập trứng theo kiểu ấy, bị đứt tay. Sau việc này, vua cha ngài ban một sắc lệnh cho tất cả thần dân phải đập trứng đầu nhỏ, nếu không sẽ phải chịu trọng tội. Nhân dân lấy làm bất bình đến mức vì luật lệ đó mà xảy ra sáu vụ nổi loạn, một ông vua bị giết chết và một ông vua mất ngôi – theo các nhà sử học nước chúng tôi ghi lại. Bao giờ những cuộc xâu xé tương tàn ấy cũng do những ông vua nước Blefuscu âm mưu xúi giục. Khi cuộc nổi loạn bị dập tắt, những người thất trận lại sang trú ngụ tại nước này. Người ta tính tất cả có đến trên một vạn một nghìn người thà chết chứ không chịu đập đầu trứng nhỏ. Hàng mấy trăm quyển sách lớn đã được viết để tranh luận về vấn đề này. Nhưng sách của những người "Đầu trứng to chủ nghĩa" một thời gian dài bị cấm, và những người theo phái này không có quyền nhận chức vụ gì của nhà nước. Trong thời kỳ lộn xộn kéo dài ấy, những ông vua nước Blefuscu, qua tiếng nói của các viên đại sứ, hay trách móc và kết án chúng tôi đã gây nên một cuộc chia rẽ tôn giáo, vì chúng tôi vi phạm châm ngôn cơ bản của nhà tiên tri vĩ đại Lustrog, ghi ở chương năm mươi tư, cuốn Blundecral. Người ta cho đó là sự xuyên tạc. Câu châm ngôn ấy như sau: "Mọi tín đồ chân chính muốn đập trứng đầu nào cho tiện tùy ý". Theo ý tôi thì người ta phải để cho mọi người tùy theo lương tâm, muốn đập trứng đầu nào thuận lợi nhất cũng được. Song, những người theo "*Chủ nghĩa Đầu trứng to*" được vua nước Blefuscu tín nhiệm vì được phái của họ ủng hộ và khuyến khích, nên một cuộc chiến tranh đã chia rẽ hai nước từ ba mươi sáu tuần trăng này. Chúng tôi mất bốn mươi tàu chiến lớn và một số lượng tàu chiến nhỏ nhiều hơn thế, cùng ba vạn thủy thủ và lính tinh nhuệ. Người ta ước tính quân địch còn tổn thất nhiều hơn thế. Nhưng hiện nay họ xây dựng một đội hải quân hùng hậu và chuẩn bị một cuộc đổ bộ vào bờ biển nước chúng tôi. Đức vua tin ở tài năng và sức khỏe của ngài, cho tôi đến báo cáo với ngài tình hình hiện nay như thế.

Tôi đề nghị ông tổng trưởng dâng lên vua lòng kính trọng của tôi và tâu với ngài rằng tôi thiết nghĩ một người nước ngoài như tôi không có quyền tham gia vào những cuộc đấu tranh của các phe phái, nhưng tôi sẵn sàng hy sinh để bảo vệ ngài và xứ sở của ngài, chống lại bất cứ kẻ xâm lăng nào.

PHẦN II: CUỘC DU LỊCH ĐẾN XỨ BROBDINGNAG

CHƯƠNG 8

Tác giả theo vua và hoàng hậu đi chơi biển – Những chi tiết về việc tác giả rời bỏ xứ này – Trở về nước Anh.

Tôi vẫn có linh cảm một ngày kia tôi sẽ được trở lại tự do, tuy tôi không thể biết bằng cách nào, mà cũng không thể vạch ra một kế hoạch bỏ trốn mang lại hiệu quả. Con tàu đưa tôi đến đây là con tàu đầu tiên cập bờ biển xứ này. Vua ban xuống những lệnh nghiêm ngặt bắt mọi người, nếu thấy xuất hiện chiếc tàu thứ hai thì phải kéo lên cạn và dùng xe bò đưa cả tàu lẫn toàn bộ thủy thủ và hành khách về Lorbrulgrud. Vua rất mong tìm được cho tôi một người vợ cùng tầm thước với tôi để truyền giống, nhưng thà chết còn hơn, chứ tôi không chịu để lại một hậu thế bị nhốt trong hộp như chim bạch yến trong lồng, hoặc để người ta đem bán khắp nơi cho những nhà quý tộc làm của lạ. Nói thật, tôi được đối đãi hết sức tử tế, tôi được một ông vua và một bà hoàng hậu yêu mến, cả triều đình chiều chuộng, nhưng chẳng xứng đáng với phẩm cách của loài người tí nào. Tôi không thể quên vợ con tôi ở nhà. Vả lại, tôi muốn sống ở một nơi tôi được bình đẳng với mọi người, nơi tôi có thể được đi chơi phố hay về nông thôn mà không sợ bị giẫm chết như một con nhái hay con chó con. Tôi đã được thấy tự do sớm hơn tôi mong mỏi – một sự việc rất lạ lùng. Để tôi kể các bạn nghe thật chính xác, với những chi tiết đầy đủ.

Tôi ở xứ này đã được hai năm, năm thứ ba bắt đầu. Cô Glumdalclitch với tôi tham gia đoàn tùy tùng đi theo nhà vua và hoàng hậu trong một cuộc hành trình về bờ biển phía nam. Như thường lệ tôi ở trong một cái hộp du lịch rất đầy đủ tiện nghi, mỗi bề mười hai *foot*. Chiều theo ý tôi, người ta mắc cho tôi cái võng bằng bốn sợi dây lụa mắc lên bốn góc phòng cho đỡ lắc trong khi một gia nhân đèo tôi đi ngựa. Trên mái nhà, phía trên cái võng, bác thợ mộc đục cho tôi

một cái lỗ vuông mỗi bề một foot cho thoáng gió khi trời oi bức. Tôi có thể mở hay đóng cái lỗ ấy bằng một tấm ván.

Đến gần bờ biển, vua dừng lại nghỉ trong một biệt thự gần Flanflasnic, đây là một thành phố cách biển mười tám dặm Anh. Cô Glumdalclitch và tôi rất mệt, tôi bị cảm còn cô Glumdalclitch thì ốm quá không dậy được. Tôi khao khát được xem biển vì đây là con đường thoát duy nhất của tôi. Tôi vờ ốm nặng nên được phép đi cùng anh gia nhân ra biển thở không khí trong lành. Anh ta vẫn thường được giao chăm nom tôi và là người mà tôi rất mến. Tôi không bao giờ quên vẻ mặt không bằng lòng của cô Glumdalclitch lúc cho phép tôi đi biển và những lời cô dặn dò anh gia nhân. Cô vừa nói vừa khóc như linh cảm việc gì sẽ xảy ra. Cậu người hầu mang tôi trong cái hộp ra những mỏm đá nơi bờ biển, cách dinh thự nửa tiếng đồng hồ đi bộ. Tôi bảo cậu đặt tôi xuống đất, tôi mở cửa sổ, băng khuâng nhìn biển cả. Tôi thấy mỗi một và bảo cậu bé tôi muốn nằm vũng ngủ một giấc. Tôi lên vũng nằm và cậu ta đóng cửa sổ lại cho tôi đỡ lạnh. Một lúc sau tôi ngủ thiếp đi, và đây là những việc đã xảy ra, theo trí tưởng tượng của tôi. Trong lúc tôi ngủ, cậu bé đoán chừng không có nguy hiểm gì, liền bỏ đi kiểm trứng chim trong khe đá. Lúc trước, qua cửa sổ, tôi thấy cậu ta nhặt vài quả trong một hốc đá. Mặc dù việc xảy ra thế nào tôi cũng không biết rõ, chỉ biết bỗng tôi thấy bị lắc rất mạnh một cái, tôi bừng tỉnh dậy, tôi cảm thấy cái hộp đang bị nhấc bổng lên, bay rất cao lên trời với một tốc độ ghê gớm. Cái lắc đầu tiên có thể hất tôi ngã xuống sàn nhà, nhưng sau đó êm dần. Tôi lấy hết sức bình sinh gọi thét lên nhưng vô hiệu. Nhìn qua cửa sổ chỉ thấy trời và mây. Trên đầu tôi, tôi nghe thấy tiếng sột soạt giống như tiếng cánh chim đập. Lúc ấy tôi mới hiểu cái hoàn cảnh bi đát của tôi, tôi nghĩ chắc hẳn một con chim ưng lấy mỏ cắp lấy cái



vòng trên nắp hộp, với ý định để hộp rơi xuống đá cho vỡ, như thế nó vẫn ăn thật rùa theo cách ấy, nó sẽ lôi tôi ra để ngấu nghiến. Chim ưng vốn mắt rất tinh và mũi rất thính, nên từ xa nó đã phát hiện ra tôi, dù tôi cố giấu kín hơn tôi dưới những tấm ván dày hai *inch*.

Tôi thấy tiếng cánh đập rít lên ngày càng nhanh. Chiếc hộp đảo lộn, bay phàn phật như lá cờ lệnh gặp một ngày lộng gió. Tôi nghe thấy mấy tiếng mở rõ mạnh vào con chim ưng (bởi vì một loài chim khác không thể cắp cái hộp của tôi như thế được). Thế rồi hột một cái, tôi thấy tôi đang rơi thẳng từ trên trời xuống, đến mấy phút, với tốc độ kinh khủng làm tôi suýt tắc thở. Bỗng cái hộp dừng lại, chung quanh tôi, nước bắn tung tóe ầm ỹ như tiếng thác đổ – mạnh hơn cả tiếng thác Niagara. Rồi chung quanh tôi sầm lại đến một phút, cái hộp bị hất lên cao, lại có ánh sáng chiếu phía trên cửa sổ. Cái hộp, vì có sức ấn của tôi, của đồ đạc và những miếng sắt đóng ghép vào ván cho chắc ở các góc nên nó chìm sâu xuống nước khoảng năm *foot*. Lúc ấy, tôi nghĩ – và bây giờ tôi vẫn nghĩ như vậy – con chim ưng tha hộp của tôi bị hai, ba con chim ưng khác đuổi theo và bắt buộc phải nhả cái hộp ra để đánh trả lại những con chim định cướp mồi của nó. Những miếng sắt đóng ở các góc bên dưới dày hơn nên giữ được cái hộp ở thế thăng bằng lúc nó rơi và khỏi bị vỡ toang khi đập xuống mặt biển. Mọi chỗ ghép hộp đều đóng rất chắc, cửa không có bản lề mà đẩy đi đẩy lại trên rãnh nên phòng rất kín, chỉ có một tí ti nước rỉ vào. Tôi đánh liều mở cái nắp con trên trần nhà ra để thở vì suýt ngạt, rồi nhảy xuống sàn.

Lúc ấy, tôi ước ao cô Glumdalclitch thân yêu ở bên cạnh, tôi mới xa cô chưa đầy một tiếng đồng hồ mà nên nỗi này! Tôi có thể thật thà nói rằng trong lúc gian nguy ấy tôi không thể không thương hại cô bé, tôi nghĩ đến nỗi lo buồn của cô, đến sự bức mình của hoàng hậu, có lẽ cô sẽ bị ghét bỏ. Tôi tin chắc rất ít khách du lịch gặp hoàn cảnh thê thảm như tôi hiện nay. Từng giây, từng phút tôi chờ đợi trong lo âu về cái hộp sẽ bị vỡ tan ra từng mảnh, hay ít nhất cũng bị cơn gió mạnh lật úp hoặc một đợt sóng nhấn chìm, và chỉ một khung kính vỡ là đủ làm tôi chết thẳng cẳng. Cũng may, để đề phòng mọi tai nạn trong các cuộc hành trình, người ta đã đóng bên ngoài cửa kính những tấm lưới sắt. Tôi thấy nước rỉ vào qua nhiều khe hở, tôi ra sức bít lại tất cả. Tôi không đủ sức nhấc cái mái hộp lên để leo lên ngồi trên nóc và kéo dài sự sống thêm mấy giờ hơn là ngồi tù trong hầm tàu như thế này (thôi thì cứ tạm gọi như vậy). Giả thử tôi có thoát được những cơn nguy hiểm này một, hai ngày, thử hỏi tôi còn hy vọng gì

ngoài chết đói và chết khát? Suốt bốn tiếng đồng hồ tôi sống trong tình trạng chờ chết, hay nói đúng hơn, mong chết ngay đi cho rồi.

Tôi đã kể với các bạn, ở một mặt hộp không có cửa sổ, chỉ có hai cái tai chắc chắn để gia nhân khi mang tôi vào thắt lưng da buộc quanh mình. Giữa lúc tôi không còn hy vọng gì nữa, bỗng tôi nghe thấy – hay ít nhất, tưởng nghe thấy có tiếng cào cào bên ngoài hộp, chỗ hai tai sắt. Một lúc sau, hình như cái hộp bị kéo hay bị móc đi, bởi vì thỉnh thoảng sóng lại dâng lên, che lấp cửa sổ làm cho buồn tối om. Tôi hy vọng đôi chút, tuy tôi không thể tưởng tượng tôi sẽ được cứu sống bằng cách nào. Tôi đánh liều tháo đinh vít đóng ghế liền vào sàn, và tìm cách đóng ghế vào bên dưới tấm ván trần tôi vừa mở lúc nãy. Rồi tôi trèo lên ghế, vươn cổ lên, lấy hết sức kêu cứu bằng mọi thứ tiếng mà tôi biết, sau đó tôi buộc mùi soa vào một cái gậy không lúc nào tôi rời, chọc qua lỗ hồng, vầy vầy, để nếu có tàu nào qua gần đấy, thủy thủ biết có kẻ không may bị nhốt trong hộp.

Tôi làm như vậy chẳng có hiệu quả gì, nhưng tôi biết chắc chắn rằng, cái hộp của tôi đang bị kéo đi. Được một giờ hay hơn thế, hộp vấp phải cái gì về phía có hai tai sắt. Tôi sợ đó là một hòn đá, rồi tôi bị lắc mạnh hơn bao giờ hết. Tôi nghe rất rõ một tiếng động trên mái nhà, tôi nghĩ có lẽ một sợi dây cáp đang được xâu vào một cái vòng trên nóc. Tôi cảm thấy đang được nhấc cao lên dần, có lẽ đến ba *foot*. Tôi lại vầy vầy cái mùi soa buộc ở đầu gậy và thét tướng lên đến khản cả giọng. Tôi nghe một tiếng đáp, nhắc lại ba lần, khiến tôi sung sướng quá, không bút nào tả xiết. Bây giờ, tôi nghe thấy tiếng chân nện trên đầu, và có ai đó ghé vào lỗ hồng kêu lên bằng tiếng Anh: "Ai ở dưới ấy, nói đi!". Tôi trả lời, tôi là người Anh, bị số phận đen đủi đẩy ải vào cảnh khổ nhục chưa từng ai ở trần gian này phải chịu, và tôi van nài, các ngài vì Chúa hãy cứu tôi thoát khỏi cái nhà tù này. Tiếng nói đáp lại rằng tôi đã được cứu sống, bởi vì cái hộp đã được kéo vào đến tàu. Anh thợ mộc đến cửa một cái lỗ để tôi chui ra. Tôi bảo không cần làm như vậy mà chỉ cần ai đó cứ việc móc vào cái vòng trên nóc hộp và đưa vào buồng thuyền trưởng. Thấy tôi nói vậy, có người tưởng tôi điên, những người khác phá lên cười. Sự thật, tôi chưa biết là mình đang sống giữa những người tầm vóc như tôi, sức khỏe như tôi. Anh thợ mộc đến và chỉ mấy phút, anh đã đưa được một cái lỗ mỗi bề chừng bốn *foot*. Anh đưa xuống một cái thang nhỏ. Tôi leo lên và được đưa lên tàu, sức khỏe sút hẳn đi.

Thủy thủ đã hết sức ngạc nhiên, đặt nhiều câu hỏi, nhưng tôi không buồn trả lời. Về phần tôi, tôi ngạc nhiên thấy nhiều người tí hon đến thế, bởi vì, từ

lâu nay đã quen nhìn những người khổng lồ, tôi tưởng thủy thủ là những người thuộc nước tí hon. Ông thuyền trưởng Thomas Wilcocks, một người trung thực, có phẩm hạnh, ở vùng Shropshire, thấy tôi sắp xỉu đi, bèn dắt tôi vào phòng riêng, ông cho tôi uống một liều thuốc bổ, cho đặt tôi lên giường và bảo tôi cần phải nằm nghỉ. Trước khi ngủ, tôi bảo ông rằng ở trong hộp, tôi có nhiều đồ gỗ quý nên giữ lấy một cái văng to, một cái giường đẹp, mấy cái ghế, một cái bàn, một cái tủ, buồng tôi trải thảm, hay đúng hơn, trải một thứ nệm bằng lụa và vải bông. Tôi còn bảo ông nên cho một người mang cái hộp của tôi vào phòng ông để tôi mở cho ông xem các thứ bên trong. Nghe những lời kỳ lạ như thế, ông thuyền trưởng tưởng tôi mê. Tuy nhiên chắc là để tôi yên lòng, ông ta hứa sẽ làm những điều tôi cần dặn. Ông ra ngoài boong tàu, cho mấy người vào trong cái hộp mang đồ đạc và cái nệm bông ra. Tủ, ghế, giường hỏng cả, bởi vì mấy gã thủy thủ ngu dốt đã không tháo đinh vít ra, lấy sức mạnh mà giật. Họ tháo những tấm ván tốt nhất và chiếm vài ba thứ hay hay, còn lại họ vứt cả xuống biển. Cái hộp lỗ chỗ những lỗ thủng ở dưới đáy và ở khắp bốn mặt nên trôi tuột xuống đáy biển. Nói thật, tôi vui mừng vì không phải chứng kiến cái cảnh tàn phá ấy. Cái đó có thể gợi cho tôi những kỷ niệm mà tôi muốn quên đi.

Tôi ngủ được mấy giờ, một giấc ngủ đầy ác mộng. Tôi mơ thấy xứ sở tôi vừa thoát khỏi, thấy những cơn nguy hiểm tôi vừa trải qua. Nhưng lúc trở dậy, trong người thấy dễ chịu hơn nhiều. Khoảng tám giờ tối, thuyền trưởng bảo dọn cơm cho tôi ăn, ông ta tưởng tôi nhịn đói từ lâu lắm rồi. Ông ta tiếp tôi rất tử tế và nhận thấy tôi không có vẻ gì là mê sảng vì những lời tôi nói rất mạch lạc. Khi chỉ còn lại hai chúng tôi, ông bảo tôi kể cho ông nghe các cuộc du lịch của tôi và sự rủi ro nào đã dẫn tôi đến chỗ lênh đênh trên mặt biển như thế này. Ông nói, khoảng giữa trưa, qua ống nhòm, ông thấy cái hòm và tưởng là một con thuyền, ông cho lái tàu về phía ấy để mua bánh bích quy, vì tàu gần hết bánh. Đến gần mới biết là mình lầm, ông liền thả một chiếc xuồng xuống biển đi dò la. Thủy thủ quay trở lại hoảng hốt báo tin là có một căn nhà trôi dạt trên biển. Ông cười, cho là họ điên rồi đích thân ông xuống xuồng, ra lệnh cho thủy thủ đem theo dây cáp, lúc ấy biển lặng, họ bơi mấy vòng quanh cái hòm, thấy có cửa sổ và hai lưới dây thép bên ngoài cửa. Thuyền trưởng trông thấy hai cái tai hòm liền cho buộc dây cáp vào đấy rồi kéo đến tàu. Một dây cáp thứ hai được xuyên vào cái vòng trên mái nhà rồi người ta dùng bánh xe nhấc bổng cái hòm lên cao chừng hai, ba foot. Họ thấy mùi soa buộc vào đầu một cái gậy và kết luận rằng chắc một kẻ xấu

số nào đó bị nhốt bên trong. Tôi hỏi thuyền trưởng xem ông hoặc một người nào khác, lúc thoát tiên thấy cái hòm, có ai trông thấy con chim khổng lồ ở trên trời không. Ông đáp, trong khi tôi ngủ thì ông có đưa vấn đề này ra hỏi mọi người, và một thủy thủ nói có trông thấy ba con chim bay về hướng bắc nhưng là loài chim bình thường thôi, theo tôi nghĩ là vì chim bay rất cao nên từ xa anh ta nhìn thấy nó cũng bình thường như các con chim khác.

Tôi hỏi thuyền trưởng xem chúng tôi đang cách đất liền bao xa. Sau khi tính toán, ước lượng thì ông trả lời tàu của ông đang cách xa đất liền ít nhất cũng một trăm dặm. Tôi bảo ông đã tính sai gần một nửa, bởi vì từ khi tôi rời xứ sở người khổng lồ đến khi tôi rơi xuống biển, chưa đầy hai tiếng đồng hồ. Đến đây ông cho là tôi quẩn trí nên khuyên tôi đi nghỉ ở một buồng riêng dành cho khách. Tôi khẳng khái đáp rằng, nhờ bữa cơm ông vừa thết tôi và việc được hầu chuyện với ông đã làm cho tôi bình phục hoàn toàn, và trí óc tôi sáng suốt hơn bao giờ hết. Ông trở lại nghiêm nghị và hỏi tôi xem lương tâm tôi có bị cắn rứt vì tôi đã phạm vào một trọng tội gì không. Ông nghi tôi bị một ông vua nào đó trừng phạt bằng cách nhốt vào trong hòm rồi đem vứt xuống biển giống như ở một số nước, những kẻ phạm trọng tội bị nhốt vào trong một cái tàu thủng, không lương thực, để trôi giữa biển khơi. Ông hối hận đã vớt lên tàu một thằng đạo tặc như tôi, song ông cam đoan sẽ để tôi lên bến đầu tiên và không làm gì tôi cả. Ông nói thêm, những điều ông nghi ngờ đã được xác minh bằng những câu chuyện phi lý mà tôi đã nói với thủy thủ rồi nói với ông về cái hộp hay cái hòm, cũng như bằng vẻ mặt lạ lùng, cử chỉ của tôi trong suốt bữa cơm.

Tôi xin ông kiên nhẫn nghe đầu đuôi câu chuyện. Tôi kể rất trung thực những cuộc phiêu lưu từ ngày tôi từ giã nước Anh đến khi tôi được ông vớt lên tàu. Cuối cùng, sự thật đã thắng. Ông vốn là người hiểu biết, trung thực và có phẩm hạnh, không phải là không có học thức, biết phân biệt điều hay lẽ phải, nên ông tin vào lòng ngay thật của tôi và cho câu chuyện tôi kể là đúng sự thật. Để có chứng cứ rõ ràng, tôi đề nghị ông cho người mang cái tủ lên vì tôi còn giữ chìa khóa tủ trong túi. Trước mắt ông, tôi mở tủ ra, cho ông xem các đồ vật kỳ lạ tôi đã thu lượm được ở cái xứ sở mà tôi đã thoát khỏi một cách kỳ diệu ấy: một cái lược làm bằng những sợi râu của vua, mà lưng nó là một mảnh móng tay của hoàng hậu. Có cả một loạt kim và đinh ghim dài một *foot*, bốn cái vôi ong vò vẽ to bằng cái đinh đóng xà nhà. Lại có cái nhẫn của hoàng hậu tặng tôi, hôm ấy, bà tháo chiếc nhẫn ở tay út ra rồi đeo vào cổ tôi làm cái vòng. Tôi

đề nghị thuyền trưởng nhận cho cái nhẫn ấy làm kỷ niệm của một kẻ mang ơn ông, nhưng ông nhất quyết chối từ. Tôi cho ông xem cái chai chân, chính tay tôi đã cắt ở ngón chân một cô tùy tùng của hoàng hậu, nó to đúng bằng quả táo. Nó rắn quá, nên lúc về đến nước Anh, tôi cho gọt thành hình một cái cốc và đặt trên đế bạc. Sau cùng, tôi mời thuyền trưởng xem cái quần đùi tôi đang mặc được cắt bằng da chuột.

Thuyền trưởng chỉ nhận cái răng của một gia nhân và ông xem xét ra vẻ thích thú và lạ lùng lắm. Ông cảm ơn tôi rối rít vì một vật nhỏ mọn không đáng được cảm ơn nhiều đến như thế. Chiếc răng này là của anh đầy tớ cô Glumdalclitch bị một nha sĩ tồi bẻ nhầm, vì nó không sâu một tí nào. Tôi cho rửa sạch rồi cất vào tủ. Nó dài chừng một foot và đường kính bốn inch.

Nghe tôi kể chuyện xong, thuyền trưởng vui thích hết sức – ông mong mỗi, khi về nước Anh, tôi sẽ viết một quyển sách cho mọi người biết. Tôi đáp, sách kể chuyện du lịch ngày nay thiếu gì, tác giả viết sách cốt để phô trương hay vì quyền lợi riêng tư hơn là để nói sự thật. Vả lại, câu chuyện của tôi chẳng có gì huyền hoặc, tôi cũng chẳng miêu tả những cỏ cây những chim muông kỳ dị, mà tôi cũng không nói đến những phong tục, tập quán của những dân tộc dã man đầy rẫy trong các sách hiện nay. Dù sao tôi cũng cảm ơn ý kiến tốt của thuyền trưởng và hứa sẽ nghĩ về vấn đề này.

Ông rất ngạc nhiên thấy tôi nói to như hét và hỏi tôi nhà vua và hoàng hậu xứ ấy có nghe ngãng không. Tôi phải giải thích đó là thói quen từ hai năm nay và về phần tôi, tôi rất yêu thích cách nói của thuyền trưởng và của thủy thủ, nghe êm ái như tiếng thì thầm. Còn ở xứ kia, lúc nói tôi phải hét to như gọi khách qua đường, và người khách như từ trên gác chuông nhìn xuống – trừ khi người ta đặt tôi trên bàn hay trong lòng bàn tay. Tôi cũng nói thật với thuyền trưởng rằng, lúc tôi leo lên tàu, chung quanh là thủy thủ, tôi coi họ như những con vật nhỏ bé đáng khinh nhất trần đời. Bởi vì, trong suốt thời gian ở xứ ấy, không bao giờ tôi soi gương. Tôi quen sống với những người khổng lồ, chắc hẳn bên cạnh họ, tôi sẽ thấy tôi là kẻ chẳng đáng giá đồng xu. Thuyền trưởng bảo, lúc tôi ăn cơm, ông ta thấy tôi nhìn cái gì cũng như lạ lùng và hình như tôi cố nhin không cười phá lên. Lúc ấy, ông ta không hiểu được đáng điệu, cử chỉ của tôi và nghĩ rằng tôi hơi điên. Tôi đáp rằng, ông ta đã nhận xét đúng, tôi hết sức lạ lùng thấy đĩa ăn chỉ to bằng đồng hai xu, jambon bằng một mẫu bánh con, tách uống nước như quả hạt dẻ, và, cứ thế, tôi miêu tả bát đĩa và thức

ăn của ông như nhưng thứ cùng loại mà tôi vẫn nhìn thấy. Mặc dù hoàng hậu thừa cho tôi những đồ dùng hợp với tầm vóc của tôi, nhưng suốt ngày tôi chỉ có trông thấy những đồ dùng to tướng quanh mình nên tôi không buồn nghĩ đến thân hình bé nhỏ của tôi, cũng như người ta không nghĩ đến lỗi lầm của mình. Thuyền trưởng rất thú vị về câu châm biếm của tôi và ông ta vui vẻ bảo, giá như mất một trăm *sterling* mà được thấy tôi bị treo lơ lửng nơi mỏ chim ưng rồi rơi phăng phăng xuống biển ông cũng vui lòng. Quả là một cảnh tượng xứng đáng được ghi lại cho những thế hệ mai sau.

Rồi ông so sánh với bức tranh Phaeton¹ rất giống trường hợp của tôi, tuy tôi không tán thành lắm cái lối châm chọc ấy.

Sau khi cho tàu ghé ở Đông Dương, thuyền trưởng trở về Anh, nhưng tàu bị thổi về hướng đông bắc, vĩ tuyến 44, kinh tuyến 143. Nhưng hai hôm sau, gặp luồng gió tây, chúng tôi đi về hướng nam rồi đi qua đảo Tân Hòa Lan, tiến theo hướng tây nam rồi nam tây nam, cho đến khi vượt qua mũi Hảo Vọng. Cuộc hành trình rất may mắn, nhưng tôi chẳng kể lại những trang nhật ký trên tàu, sợ làm phiền các bạn. Thuyền trưởng đỗ lại ở một vài bến để lấy lương thực và lấy nước ngọt. Nhưng tôi ở lại nên tàu cho đến khi cập bến ở Downs ngày 3 tháng sáu 1706, khoảng chín tháng sau khi tôi tự do. Tôi đề nghị với thuyền trưởng cho tôi để lại mọi đồ đạc của tôi thay tiền tàu, nhưng ông chẳng nhận gì hết. Chúng tôi từ biệt nhau như những người bạn lâu năm. Tôi năn nỉ ông phải hứa sẽ đến thăm tôi tại Redriff. Tôi mượn của ông năm shilling để thuê ngựa và người dẫn đường.

Dọc đường, thấy nhà cửa, cây cối, súc vật và mọi người, cái gì cũng bé tí ti, tôi tưởng như mình trở lại nước Lilliput. Tôi sợ giẫm nát những người đi đường nên luôn mồm quát họ tránh cho tôi đi, thành thử đến vài ba lần suýt bị đánh vì tính lỗ mãng của mình.

Khi tôi về đến nhà (tôi phải hỏi thăm, bởi vì tôi không nhận ra nhà của tôi nữa), một anh đầy tớ ra mở cửa. Lúc vào nhà, tôi khom khom lưng đầu đưa ra phía trước chẳng khác gì con ngỗng, vì tôi sợ đụng đầu. Vợ tôi chạy ra ôm hôn tôi. Tôi liền quỳ xuống, thấp quá đầu gối vợ, tôi nghĩ có thể mới vừa tầm cho vợ hôn.

1 Nhân vật thần thoại là con của Mặt trời và Clymene. Một hôm được cha cho phép đánh xe mặt trời đi chơi nhưng vì thiếu kinh nghiệm nên Phaeton suýt đốt cháy vũ trụ. Cha tức giận quát chết Phaeton rồi vứt xác xuống sông Eridanos (ND).

Đứa con gái bé quỳ xuống chân tôi để tôi ban phước lành, nhưng tôi chỉ thấy nó lúc nó đứng thẳng dậy vì tôi, vẫn giữ thói quen luôn luôn nhìn lên trời. Tôi muốn một tay cầm ngang lưng nó để nhắc nó lên. Từ trên cao, tôi nhìn xuống những người làm trong nhà và vài ba người bạn đến thăm tôi, như thể họ là những người tí hon, còn tôi là người khổng lồ. Tôi bảo rằng vợ tôi sống kham khổ quá nên nhỏ hẳn đi, cả con cháu gái bé nữa. Nói ngắn gọn, tôi đã có những cử chỉ lạ lùng như đối với thuyền trưởng, nên cả nhà tưởng tôi loạn óc. Tôi ghi lại những chi tiết này ra để các bạn thấy sức mạnh đáng sợ của tập quán và định kiến.

Chỉ ít lâu sau, tôi với gia đình và bạn bè không hiểu lẫn nhau nữa. Vợ tôi bảo từ nay tôi không được đi du lịch đâu hết. Nhưng, khốn nỗi, số phận tôi lại quyết định cách khác, độc giả sẽ biết sau này. Đến đây chấm dứt cuộc du lịch đen đủi thứ hai của tôi.

Luyện tập

1. Thảo luận: Hãy tóm tắt bối cảnh nước Anh về mặt lịch sử qua tư liệu ít ỏi cung cấp cho các bạn ở phần hướng dẫn học. Giải thích vì sao hiện nay người ta gọi tên nước Anh lại còn thêm vào “và Bắc Ireland” (Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (The United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland)?
2. Thảo luận: Hãy nói về cách kể chuyện theo phong cách “thô kệch” qua tư liệu so sánh giữa Jonathan Swift và Rabelais qua tư liệu ít ỏi cung cấp cho các bạn ở phần hướng dẫn học.
3. Thảo luận: Hãy so sánh một truyện cười ngắn với cả một truyện tự sự dài. Hai cách tự sự đó khác nhau ở điểm nào?
4. Thảo luận và viết tiểu luận: Qua câu chuyện *Gulliver du ký*, các bạn nhận thấy nhà văn Jonathan Swift hướng mũi nhọn châm chọc vào những đối tượng nào?
5. Thảo luận và viết tiểu luận: Phẩm chất trẻ thơ trong con người nhà văn Jonathan Swift thể hiện như thế nào?
6. Trò chơi: Thách các bạn kể (hoặc viết ra) một chuyện “trẻ thơ” nhưng có ý nghĩa như Jonathan Swift. Chia sẻ với nhau và in thành kỷ yếu của lớp.

BÀI 8

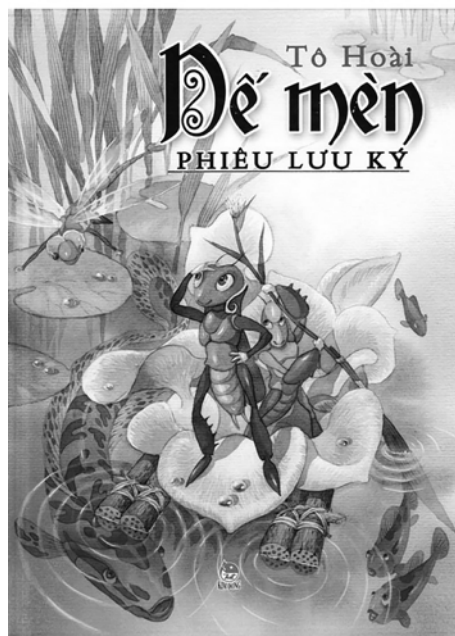
ĐẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

(của Tô Hoài)

Hướng dẫn học

Tô Hoài là một khuôn mặt đặc biệt trong nền văn học Việt Nam. Ông ít được tiếp nhận văn hóa nhà trường một cách bài bản, dày dặn, nhưng nhà văn Tô Hoài đã để lại một di sản văn học phong phú gồm tiểu thuyết, truyện ngắn, bút ký, hồi ức, và đặc biệt là truyện thiếu nhi, trong đó nhất định phải kể đến *Đế mèn phiêu lưu ký*, được sáng tác năm Tô Hoài mới 21 tuổi. *Đế mèn phiêu lưu ký* đã sống như một truyện thiếu nhi vào hàng hay nhất của nền văn học Việt Nam, và có thể được xếp cạnh nhiều truyện thiếu nhi của văn học nước ngoài được dịch sang tiếng Việt như *Đảo giấu vàng* của Robert Louis Stevenson và *Alice ở xứ sở diệu kỳ* của Lewis Carrol – những tác phẩm không chỉ làm trẻ em thích thú mà còn cuốn hút cả người đọc lớn tuổi. “Tô Hoài như một từ điển sống, một pho sách sống. Ông như cuốn bách khoa toàn thư mà không viện sĩ nào, không học giả nào có thể sánh được”, thần đồng thơ Trần Đăng Khoa đã nhận xét như thế về Tô Hoài.

Nguyên cớ ra đời của *Đế mèn phiêu lưu ký* rất đơn giản. Theo lời kể của chính nhà văn thì ông nhận được đơn “đặt hàng” của chủ nhà xuất bản Tân Dân viết về đề tài thiếu nhi, nhưng ban đầu nhà văn vẫn băn khoăn không biết viết gì. “Tôi ngồi tha thẩn đầu làng bên cửa sông Tô Lịch, trông ra dòng nước quanh co. Trên bãi cỏ cạnh gò cỏ, có mấy đám trẻ đang múc nước đúc đế. Chúng tôi hàng ngày những lúc thong thả vẫn ra bãi sông để chơi đúc đế. Những con đế mèn được đúc bỏ vào rọ, đem đi chơi cho đế vật nhau. Tôi đã đúc đế, chơi đế từ năm lên mười, bên cây gạo có hoa đỏ ối từ bao



năm nay. Tôi chợt nghĩ: hay là ta viết chuyện con đế mèn, con đế mèn ta đúc, ta chơi chọi đế từ bao năm nay" (Văn nghệ Công an số Tết Quý Tỵ 2013).

Khởi động bình thường như vậy, nhưng nhà văn Tô Hoài đã dệt nên một câu chuyện đồng thoại kỳ diệu. Ông có biệt tài quan sát thiên nhiên xung quanh mình. Trong *Đế mèn phiêu lưu ký*, Tô Hoài có thể kể tên nhiều loại đế, loài nhện khác nhau và các tập tính của một số con vật quen thuộc với người Việt Nam.

Khi đã nhiều tuổi, nhà văn Tô Hoài vẫn sáng tác nhiều truyện thiếu nhi hấp dẫn (*Võ sĩ bộ ngựa, Đám cưới chuột, Mụ Ngan, Con mèo lười, Cá đi ăn thề, Đế và lợn, Bốn con gà, Trê và Cóc, Bướm rồng bướm ma...*). Đó có lẽ là những truyện đồng thoại hay nhất trong văn học Việt Nam hiện đại.

Cũng khó lý giải đủ thuyết phục vì sao Tô Hoài đã viết được những truyện như ông đã viết. Có một óc tưởng tượng phong phú chăng? Nhưng đã đủ chưa? Óc tưởng tượng là món quà mà tự nhiên ban tặng cho bất cứ ai, nhưng vì sao lại có sự "thiên vị" khi ban phát? Có thể rèn luyện để óc tưởng tượng từ tấm bé cho tới khi trưởng thành sẽ không bị xói mòn hoặc khô cạn? Trường hợp nhà văn Tô Hoài và *Đế mèn phiêu lưu ký* liệu có đem lại cho chúng ta một bài học nào chăng?

Ta khó có thể xếp *Đế mèn phiêu lưu ký* vào thể loại cụ thể nào, dù ngay đầu đề đã ghi rõ "phiêu lưu ký"? *Đế mèn phiêu lưu ký* có cách biểu đạt khác với nhiều sách "phiêu lưu" như *80 ngày vòng quanh thế giới* và *Hai vạn dặm dưới đáy biển* của Jules Verne hoặc *Don Quixote* của Cervantes, hoặc Robin Hood của Anh không?

Mà xếp loại một cách "lý tính" như vậy để làm gì nhỉ? Xếp loại để làm gì khi trẻ em thì yêu nhân vật *Đế mèn* của mình bằng trí tưởng tượng đơn sơ, còn người lớn cũng yêu nhân vật *Đế mèn* của mình bằng lý tính có khi đã bắt đầu chèn ép cho tưởng tượng dần dần héo khô? Điều không cần bàn cãi, đó là người yêu nhân vật *Đế mèn* của mình đều là những người muốn sống và biết sống trong cái Đẹp nghệ thuật.

Mời các bạn cùng học những trích đoạn dưới đây.

DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

(Trích)

Tôi sống độc lập từ thuở bé

Ấy là tục lệ lâu đời trong họ nhà dế chúng tôi. Vả lại, mẹ thường bảo chúng tôi rằng:

“Phải như thế để các con biết kiếm ăn một mình cho quen đi. Con cái mà cứ nhong nhong ăn bám vào bố mẹ thì chỉ sinh ra tính ỷ lại, xấu lắm, rồi ra đời không làm nên trò trống gì đâu”.

Bởi thế, lúa sinh nào cũng vậy, đẻ xong là bố mẹ thu xếp cho con cái ra ở riêng. Lúa sinh ấy, chúng tôi có cả thầy ba anh em. Ba anh em chúng tôi chỉ ở với mẹ hai hôm. Tối hôm thứ ba, mẹ đi trước, ba đứa tôi tấp tễnh, khấp khởi, nửa lo nửa vui theo sau. Mẹ dẫn chúng tôi đi và mẹ đem đặt mỗi đứa vào một cái hang đất ở bờ ruộng phía bên kia, chỗ trông ra đầm nước mà không biết mẹ đã chịu khó đào bới, be đắp tinh tươm thành hang, thành nhà cho chúng tôi từ bao giờ. Tôi là em út, bé nhất nên được mẹ tôi sau khi dắt vào hang, lại bỏ theo một ít ngọn cỏ non trước cửa, để tôi nếu có lỡ ngỡ, thì đã có ít thức ăn sẵn trong vài ngày.

Rồi mẹ tôi trở về.

Tôi cũng không buồn. Trái lại, còn thấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ. Tôi vừa thầm cảm ơn mẹ, vừa sạo sục thăm tất cả các hang mẹ đưa đến ở. Khi đã xem xét cẩn thận rồi, tôi ra đứng ở ngoài cửa và ngửng mặt lên trời. Qua những ngọn cỏ ấu nhọn và sắc, tôi thấy màu trời trong xanh. Tôi dọn giọng, vỗ đôi cánh nhỏ tới nách, rồi cao hứng gáy lên mấy tiếng rõ to.

Từ đây, tôi bắt đầu vào cuộc đời của tôi. Cho dù tôi sẽ sung sướng hay khổ sở, cái đó tùy ở tính tình tôi khôn ngoan hay dần dộn. Song tôi chưa cần biết đến thế, tính đến thế. Mà hãy lấy sự được ung dung độc lập một mình là điều thích lắm rồi...

Ngày nào cũng vậy, suốt buổi, tôi chui vào trong cùng hang, hì hục đào đất để khoét một cái ổ lớn, làm thành cái giường ngủ sang trọng. Rồi cũng biết lo xa như các cụ già trong họ dế, tôi đào hang sâu sang hai ngả làm những con đường tắt, những cửa sau, những ngách thượng, phòng khi gặp nguy hiểm, có thể thoát thân ra lối khác được. Chập tối, tôi tạm nghỉ tay và ra đứng ngoài

cửa, họp cùng anh chị em hàng xóm quanh bờ ruộng, vừa gảy đàn vừa hát một bài hát hoàng hôn chào tạm biệt ông mặt trời. Khi đêm đã xuống hẳn, cả xóm chúng tôi, các bô lão để lộ khuỷu gối cũng bỗng nhiên vui tính, ai nấy ra khỏi hang, đến tụ hội thật đông tận giữa bãi trong đêm tối mát lạnh, cùng uống sương đọng, ăn cỏ ươi và những gã tài hoa thì gảy đàn thổi sáo, cùng nhau ca hát, nhảy múa linh đình đến tận sáng bạch, lúc ông mặt trời quen thuộc lại nghiêm trang lộ lên đường đông mới tan cuộc ai về nhà nấy.

Ngày nào, đêm nào, sớm và chiều nào cũng ngần ấy thứ việc, thứ chơi. Kể đời mà được như thế cũng khá an nhàn, nhưng mới đầu còn thấy hay hay, về sau cũng nhàm dần.

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng trẻ thanh niên cường tráng. Đôi cánh tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giòn. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to và nổi ra từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con vì cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.

Tôi đi đứng hùng dũng. Mỗi bước đi, tôi làm điệu rún rẩy cái cẳng chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tợn lắm. Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhin, không ai đáp lại. Bởi vì quanh quẩn ai cũng quen mình cả. Không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ. Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he. Ấy vậy, tôi cho tôi giỏi. Những gã xốc nổi thường làm cử chỉ ngông cuồng là tài cao. Tôi quát mấy chị châu chấu ngạ ngoài đầu bờ khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm. Thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên. Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi.

Chao ôi, có biết đâu rằng: Khi trẻ tuổi mà người ta hay hung hăng hống hách láo, chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã

phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại đột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được.

Câu chuyện ân hận đầu tiên mà tôi ghi nhớ suốt đời

Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt. Dế Choắt là tên tôi đặt cho nó một cách chế diễu và trịch thượng thế. Choắt nọ cũng chắc trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ tôi lắm. Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn ngủn đến giữa lưng, hở cả hai mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẫu, mà mặt mũi lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ. Đã vậy tính nết lại ăn sổi, ở thì (thật chỉ vì ốm đau luôn luôn không làm được) một cái hang ở cũng chỉ bới nông sát mặt đất, không biết đào sâu rồi khoét ra nhiều ngách như hang tôi.

Một hôm tôi sang chơi, thấy trong nhà luộm thuộm, bẽ bộn, tôi bảo:

- Sao chú mày sinh sống cẩu thả quá như thế! Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng. Ngộ có kẻ nào đến phá thì thật chú chết ngay đuôi! Này thử xem: khi chú chui vào tổ lưng chú phải lom còm đục sát lên tận mặt đất, làm cho ai trên vệ cỏ nhìn sang cũng biết chú đương đi đứng chỗ nào trong tổ. Phỏng thử có thằng chim Cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mỗi, nó mổ một phát, nhất định trúng giữa lưng chú, thì chú có mà đi đời! Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.

Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng thôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi cũng không để tai. Hồi ấy tôi có tính tự đắc, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết nghe ai, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không.

Dế Choắt trả lời tôi bằng một giọng rất buồn rầu:

- Thưa anh, em cũng muốn khôn, nhưng khôn không được, đục đến việc là em thở rồi, không còn hơi sức đâu mà đào bới nữa. Lắm khi em cũng nghĩ nổi nhà cửa thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã lo ròng rã hàng mấy tháng nay cũng không biết làm thế nào. Hay bây giờ em định thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói...

Rồi Dế Choắt loanh quanh, bần khoản. Tôi phải bảo:

– Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào:

Dế Choắt nhìn tôi mà rằng:

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh phòng khi tắt lửa tối đèn có đứa nào đến bắt nạt thì em chạy sang...

Chưa nghe hết câu tôi đã hếch răng, xì một hơi rõ dài rồi, với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng:

– Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dể nghe nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta làm sao chịu được. Thôi im cái điệu hát mưa dầm sùi sùi ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!

Tôi về không một chút bận tâm.

Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.

Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tấp nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh cò vêu vao ngày ngày bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào. Khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi. Tôi đứng trong bóng nắng chiều tỏa xuống ánh nước cửa hang mà suy nghĩ việc đời như thế.

Bỗng thấy chị Cốc từ mặt nước bay lên, đến đậu gần hang tôi, cách có mấy bước. Chừng rớ được món nào, vừa chén xong, chị tìm đến đứng chỗ mát rửa lông, rửa cánh và chùi mép.

Tính tôi hay nghịch ranh. Chẳng bận đến tôi, tôi cũng nghĩ mưu trêu chị Cốc. Tôi cất tiếng gọi Dế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi:

– Chú mình có muốn cùng tớ đùa vui không?

– Đùa trò gì? Em đương lên cơn hen đây. Hừ hừ...

– Đùa chơi một tí.

– Hừ hừ... cái gì thế?

– Con mụ Cốc kia kìa.

Dế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi:

– Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả?

- Ừ.

- Thôi thôi... hừ hừ... Em xin vái cả sáu tay. Em sợ con mụ lắm! Bác cũng nên sợ đi mới phải

Tôi quắc mắt:

- Sợ gì? Mà bảo tao sợ cái gì? Mà bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa?

- Thưa bác, thế thì... hừ hừ... em xin sợ. Mời bác cứ đùa một mình thôi.

Tôi lại mắng Đế Choắt và bảo:

- Đồ mà hèn quá. Giương mắt ra xem tao trên con mụ Cốc đây này.

Tôi rình đến lúc chị Cốc rĩa cánh quay đầu lại phía cửa tôi tôi, tôi cất giọng véo von:

Cái Cò, cái Vạc, cái Nông.

Ba cái cùng béo, vật lông cái nào?

Vật lông cái Cốc cho tao

Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn.

Chị Cốc nghe tiếng hát từ trong đất vắng vắng lên, không hiểu như thế nào, giật nảy hai đầu cánh, muốn bay. Đến khi định thần lại, chị mới trợn tròn mắt, giương cánh lên như sắp sửa đánh nhau. Chị lò dò về phía cửa hang tôi hỏi:

- Đứa nào cạnh khoé gì tao thế? Đứa nào cạnh khoé gì tao thế?

Tôi chui tọt ngay vào hang, lên giường nằm khểnh, bắt chân chữ ngũ. Bụng nghĩ thú vị: "Mày tức thì mày cứ tức, mày ghè vỡ đầu mày ra cho nhỏ đi, nhỏ đến đâu mày cũng không chui nổi vào tổ tao đâu!"

Một tai hoạ đến mà đứa ích kỷ thì không thể biết trước được. Đó là, không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Đế Choắt đang loay hoay trong cửa hang, chị Cốc liền quát lớn:

- Mày nói gì?

- Lạy chị, em nói gì đâu?

Rồi Đế Choắt lủi vào.

- Chối hả? Chối này! Chối này!

Mỗi câu "chối này" chị Cốc lại giáng một mỏ xuống. Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất. Rúc trong hang mà bị trúng hai mỏ, Choắt queo xương sống lăn ra kêu văng. Núp tận đáy đất mà tôi cũng khiếp, nằm im thít. Nhưng đã hả cơn tức, chị Cốc đứng rĩa lông cánh một lát nữa rồi lại bay là xuống đầm nước, không chút để ý đến cảnh khổ đau vừa gây ra.

Biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên. Trông thấy tôi, Đế Choắt khóc thảm thiết.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn:

– Sao? Sao?

Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng:

– Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nổi này! Tôi hối lắm. Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?

Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu thế này:

– Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

Cuộc phiêu lưu bất ngờ

Tôi tập suy nghĩ về mọi hành động của mình. Lòng đoan với lòng rằng từ đây phải biết phân biệt hành vi lối lĩnh với những việc làm có suy nghĩ. Như thế, tôi bắt đầu sống bình tĩnh. Nhưng những ngày phẳng lặng đó cũng chỉ được ít lâu. Bao nhiêu lâu tôi cũng không nhớ. Rồi tình cờ tôi phải trải qua một cuộc phiêu lưu sóng gió và kỳ lạ.

Ấy là vào đầu mùa hè một năm kia. Buổi sáng tôi đang đứng ngoài cửa gặm mấy ngọn cỏ non ăn điểm tâm. Bỗng đằng cuối bãi tiến lại hai cậu bé con, tay cầm que, tay xách cái ống bơ nước. Thấy bóng người, tôi vội lẩn xuống cỏ, chui nhanh về hang. Bỗng chốc tôi nghe tiếng chân bước thình thịch loạn trên đầu. Và rú rít những tiếng nói, tiếng gọi:

– Ấ này. Đây!

– Cái gì?

– Chỗ này đích rồi. Đất đùn mới tinh!

– Ờ ờ đúng. Gõm chữa, bao nhiêu đất mới đùn. Lại vết chân cu cậu mới ra

vào còn nhẩn thín thín. Bé ơi! Đưa dao đây để tớ khoét lỗ, đằng ấy đi xách nước đi. Nhanh lên.

Lập tức tôi nghe tiếng thọc dao chuyển cả đất và thấy đất rơi lả tả xuống ngay đầu. Biết có biến lớn, tôi vội nhảy lên nắp cao trên ngạch thượng. Đứng đấy một chốc thì có nước ộc tới. Bọn trẻ đổ nước định lừa tôi ra. Nhưng mỗi đợt nước vào chỉ dâng đúng đến vuốt chân tôi lại rút xuống. Bởi vì khi bình thời, tôi đã cố ý đào cái ngạch thượng rất cao và đào ra nhiều đường ngang. Bây giờ nước vào nhưng không có chỗ đọng được trong hang mà nước theo ngạch thoát cả ra ngoài. Hai đứa trẻ ranh lắm. Chúng không chịu bỏ. Chúng huỳnh huých chạy quanh, xem xét dấu vết các mặt, chúng đoán đích trong tổ này có đế. Nhất là cái cậu tên là Nhớn. Mấy lần Bé đổ nước không thấy đế bò ra, đã toan đi, nhưng Nhớn cứ khẳng khẳng:

– Tớ cam đoan thế nào cũng phải có. Mà lại đế to hạng nhất cơ. Cái thứ đế cụ nó bạo nước lắm, ngập cả râu trong nước nó cũng vẫn đứng được, phải ngâm nước đến hàng giờ thì đế cụ mới chịu sặc mà nhoi ra. Bây giờ mình phải tìm cách lấp hết các ngạch xung quanh cho nước đọng lại trong hang, cu cậu tắc thở, thế nào cũng tuột ra thôi.

Nói như thế là làm y vậy, nghe rợn gáy. Lập tức, tôi thấy hang tối sẫm. Những ngạch ngang ngạch dọc vào hang tôi đều bị lấp cả. Chỉ còn mỗi một đường chính để chui ra. Chúng bắt tôi phải xộc ra con đường ấy cho chúng tóm cổ. Bây giờ, nước lừa vào đến đâu, đọng đến đấy và cứ dâng dần dần... Trước đến lưng, sau lùm cả đầu. Chỉ còn hai cái râu thò lên đụng dẫy. Rồi râu cũng ngập nốt. Nhưng tôi vẫn cố nhịn thở, không chịu ló đầu ra. Tôi nghĩ nước có ngập, nước cũng chỉ ngập một chốc rồi lại thấm sâu vào đất, đất này là đất cát và tôi nhịn thở được.

Song dù nhờ đất thấm nước khoẻ thế, cũng không phải cách bền vững. Quả nhiên, chẳng mấy chốc, đất cát cũng đã ngấm no nước, không chịu thấm nữa, vậy là nước lại ứ lên. Tôi lo quá, phen này phải bò ra mất. Ôi thôi, nếu bò ra bây giờ, đời tôi còn gì! Hai đứa trẻ kia sẽ bắt tôi đem về làm miếng mồi béo cho con gà chọi, con họa mi, con sáo mỏ ngà của chúng xơi ngon. Bọn cá chậu chim lồng ấy mà vớ được món ăn mỡ màng như thằng tôi thế này thì phải biết là thích. Mà cứ gan liên chôn chân ở đây rồi cũng đến chết ngạt, chết đuối mất. Rồi, tuy không định ra hẳn nhưng mỗi lần nước ộc vào, tôi cứ tự nhiên nhích người ra một mảy, làm như vậy tôi thấy đầu tôi được thò lên mặt nước. Như thế nghĩa là tôi lại hít

được một chút không khí. Có dễ chịu hơn. Từ đấy hể bọn trẻ đổ nước vào, tôi lại hơi nhoi ra một tí, một tí mà không cảm thấy mình đương nhoi dần ra. Không may cho tôi biết bao! Tôi không biết rằng cứ như thế, có được dễ thở, nhưng nguy hiểm là mỗi lần nhấc chân lên, là nhích ra. Thế rồi một lần nước vừa rút xuống khoeo, đột nhiên ở ngoài cửa hang bọn trẻ trông vào thấy cái đầu của tôi.

– Đây rồi! Đầu to gộc, bóng quá!

Tôi rụt ngay vào. Song đã muộn. Họ trông thấy tôi rồi. Đã trông thấy tất họ phải bắt cho kỳ được. Quả nhiên, nước càng dội vào, tiếng hò hét càng tợn, có lúc tiếng chân tay vỗ, giậm dọa rung chuyển cả đất bốn bên. Tôi run người lên, tôi bí thở, tôi vùng vẫy vì bức nước. Rồi trong bụng không định mà chân lại cứ nhấc dần ra. Bỗng nghe một tiếng xoạt ngay sau lưng, như tiếng sét. Quay lại, một thanh nứa, lại cả mũi dao nữa, đã thực xuống chắn ngang đường vào cuối hang. Thì ra, hai đứa trẻ khôn ngoan, trông mặt nước động biết tôi đã chui ra đứng cửa tổ. Họ xiên dao xiên nứa xuống chặn lối sau lưng tôi. Nếu trúng thì đứt đôi người! Nhưng tôi chưa kịp giật mình, đã có cảm giác cái thanh nứa chẹn lưng đương bẩy tôi ra. Hai đứa trẻ, đứa thì đẩy thanh nứa, đứa thì ngồi gõ vào cái ống bơ đựng nước, mồm kêu thòm thòm giả làm trống ngũ liên dọa nạt, thúc giục vánh cả bãi.

Bị hất mạnh, bí quá tôi liền nhảy ra.

– Anh em ơi! Dể cù! Dể cù!

– Ha! Ha! Bắt được dể cù!

– To bằng bốn thằng ve sầu!

– Dể cù mà lị!

Nhớ tóm được tôi. Tôi cắn cho cậu bé một miếng vào ngón tay. Nó kêu thét. Tôi bồi cho cái đập hậu, nó buông rời tôi ra. Được dịp, tôi vội nhảy trốn vào giữa bãi cỏ. Nhưng cả hai đứa trẻ, đứa cầm giỏ, đứa cầm ống bơ, đuổi theo úp tôi. Chỉ loáng mắt, tôi đã nằm chổng vó giữa giỏ. Tôi cố cắn nan giỏ mỏng rớt, nhưng chưa nhai được mất nào, họ đã đem buộc túm cái dít giỏ lại khiến tôi không nhúc nhích, cửa quây được nữa. Họ xếp ống bơ xách nước và các đồ chơi lại, ra bờ đầm rửa chân rửa tay và xách tôi theo.

Họ vui vẻ ra về. Chân bước theo nhịp tay múa. Miệng hát ý ơ. Vẻ khoái tỷ lắm. Nằm tròn trong dít giỏ, tôi đưa mắt nhìn lần cuối cùng phong cảnh nơi tôi ở. Cỏ non xanh rờn, mặt nước bạc mênh mông. Nắng vàng rải trên lá cây, vàng một màu tươi lạ lùng, lòng tôi đau như cắt. Hai hàng nước mắt tuôn rơi. Dần

mỗi bước một xa. Ngoảnh đầu lại không trông thấy nữa, thế là khuất hẳn. Phen này tôi tắt chết.

Hai đứa trẻ đem tôi ra khỏi bãi, qua một quãng đường ngoắt ngoéo bên thành tre rậm rạp, tới một lối nhỏ đi men đến một cái cổng tán. Nhón vào nhà cất mọi thứ đồ đạc "đúc" đế, còn Bé thì đặt giỏ xuống. Biết số phận mình sắp được định đoạt, tôi thấy hồi hộp và lạnh cả sáu gan bàn chân. Sắp làm mỗi cho gà, cho chim chăng? Nhưng quanh đây, tôi không nghe tiếng móng chim họa mi cào vào nan lồng, cũng không thấy con gà chọi mặt đỏ tía tai nào. Tôi hơi yên yên.

Nhón ở trong nhà ra. Bé nói:

– Đem thằng đế này quăng ra ao cho "xù" vệt bầu của chúng mình "xực" một bữa, Nhón ạ.

Tôi giật mình đánh thót một cái. Nhưng Nhón xua tay bảo:

– Không! Đúc được thằng đế cụ thể này hiếm lắm. Đế này đế cụ, gan liền tướng quân đây. Thằng Thịnh hôm nọ cũng có một con đế, nó khoe đế nó khoẻ nhất, cho đánh nhau, đánh thằng đế nào cũng phải thua. (Tôi đã hơi nóng gáy và ngứa hết hai cái cẳng). Chúng ta nên bỏ đế cụ này vào lồng, đem sang nhà Thịnh cho đánh nhau với thằng đế bên ấy. Để xem a...ha..."thắng bại như hà..." ấy ầy ầy...Tùng xoè... Tùng xoè...

Bé vỗ tay:

– Phải, phải lắm.

Ấy thế là tôi không chết. Điều may mắn này không lường trước ra được.

Hai cậu bé đem giam tôi vào một cái lồng tre vốn để đựng châu chấu, gài then chắc chắn. Tôi đành nằm yên, chờ sự thay đổi nào đó mà tôi lại không thể tưởng tượng ra trước được. Tôi chỉ biết thế là tôi sắp phải đi đánh nhau. Nhưng cứ nói đến đánh nhau, tôi lại cứ muốn múa chân lên. Quên cả cái thân tù đáng nhẽ phải tìm cách thế nào cho được tự do. Tâm tính ngông nghênh của tôi muốn hung hăng trở lại như dạo trước.

Buổi trưa, quả nhiên anh em nhà ấy đem tôi sang cho "giáp chiến" với một cậu đế nhà bên cạnh.

Nhón đứng ngoài ngõ gọi:

– Thịnh ơi, Thịnh!

Thịnh từ trong nhà chạy ra.

– Gì thế?

– Đế cụ tao đây. Có giỏi đem đế mày ra chọi nào.

Thịnh cười khanh khách, vẻ coi thường, quay vào, xách lồng đế ra. Cả bọn rủ nhau đến giữa khu vườn lúa thừa những bóng cây nhãn lùn. Chúng nằm sấp xuống cỏ, lúc nào thích thì cong chân lên đập không khí. Chúng giập hai cánh cửa lồng đế làm một cho thật chắc, như đuôi toa nọ kẻ cửa toa kia lúc tàu hoả chạy, rồi mới rút then ra, để hai thằng đế chúng tôi không muốn cũng phải xông sang lồng của nhau. Chàng đế nọ nhảy tót sang lồng tôi. Ái chà, vẻ ta đây. Hấn bé hơn tôi một chút. Nhưng hấn ngạo mạn và xác xược làm sao! Bé loắt choắt thế mà đã bắt chước đầu được bộ mặt hờm hờm, khinh khinh từ cái dáng chân đi khụng khiêng, vẻ coi thiên hạ như rác. Thoáng thấy đã lộn tiết. Vừa ngó tôi, hấn vuốt rung hai sợi râu, nói:

– Ờ ờ, chú mày đỡ mặt ra thế kia thì liệu có mấy hột sức chịu nổi nửa cái đá song phi của ta không?

Rõ chói tai! Tôi đã cáu lắm. Nhưng lạ sao lúc ấy tôi vẫn tỏ ra dịu dàng được. Có lẽ vì lòng quá khinh bỉ.

– Này anh kia! Làm chi mà âm lên. Đứa khôn ngoan ở đời thì không nên nói trước.

Hấn nhe răng ra, hầm hè:

– Mặc kệ! Có giỏi thì ra đây chơi nhau chứ đừng nói xỏ dấy à?

Máu nóng trong người tôi sôi sùng sục, tưởng nghe tiếng được. Biết quân này không phải quân ăn lời, tôi bèn nhảy phắt đến. Chúng tôi bắt đầu đánh nhau giữa những tiếng cười reo, vỗ tay của ba đứa trẻ. Mới quần thảo vài hiệp, tôi đã rõ sức anh đế lếu lảo kia, chọi với tôi, không được mấy nả sức. Đúng thế, tôi chỉ thọc mạnh một cái, đập càng, hấn ngã bổ ngửa ra. Tôi bồi thêm chiếc đá nữa, hấn ộc máu mồm đen sì, gãy một cẳng, lăn quay. Tôi chẳng thèm đánh thêm, chỉ ghé xuống tận tai hấn, lạnh lùng bảo:

– Cho mày bài học thuộc lòng về sự hống hách nhé! Từ giờ chừa đi con ạ.

Hấn chỉ còn biết có việc run rẩy chấp chân, lạy rối rít. Nhưng nếu từ đây chàng đế kia có thể biết chừa cái thói ngông nghênh thì tôi lại ăn phải đũa của hấn. Bệnh ngông nghênh của hấn lây sang tôi. Thế mới kỳ quặc cho tôi.

Làm sao mà tôi đâm đốn kiếp như vậy. Thật tôi không cắt nghĩa được hết cái khúc khuỷu của tính tự kiêu và tự đại. Tôi chỉ biết thế là những cái hung hăng gàn bướng và lên mặt hão huyền đầu óc tôi chưa gọi được sạch hẳn. Khi tôi đá ngã thằng đế kia rồi, mắng nó rồi thì tôi nghĩ nịnh tôi rằng: "Ồ mình giỏi thật. Chỉ gây khế một cái mà thằng cha kia đã ngã lăn chiêng".

Và chỉ nhờ cái đá xoàng ấy mà trẻ con trong xóm thi nhau đi "đúc" đế, đào đế, sẵn đế đem về cho chơi với tôi – tôi đã trở nên tay võ khét tiếng. Phải, đế nào tôi cũng chỉ phóng vài cái đập hậu, cậu ta đã chạy bán xác. Hồi ấy, tôi đương giữa tuổi thanh xuân, sức lực cường tráng, nhất là thêm cái tính kiêu, tính hợm chẳng coi ai ra gì nên cứ càng làm bộ.

Vì tôi thắng tận nên hai cậu chủ bé nhỏ của tôi yêu quý tôi lắm. Mỗi bận đá ngã kẻ địch, tôi lại được các cậu ấy tắm bồ bao nhiêu là cỏ ấu rất non. Đêm đến, tôi được các cậu cho lên đứng uống sương trên giàn mồng tơi, nhưng vẫn bị một sợi chỉ buộc vào còng. Tôi có thể cắn đứt sợi chỉ dễ như chơi, mà tôi không cắn, tôi uống từng giọt sương lóng lánh trên lá mồng tơi rồi ung dung ca hát trong cảnh trối buộc như thế. Tệ quá nữa, muốn làm đẹp lòng hai cậu bé, tôi chỉ quanh quẩn cả ngày cạnh cái hộp diêm, buồn ngủ của tôi, không đi đâu xa một bước. Thỉnh thoảng cao hứng, tôi đập hai còng, cất tiếng gáy riii...riii. Ôi, tôi đã quên cái thân bị đem làm trò chơi. Mấy lá cỏ non và thói ngông đã khiến tôi đâm ra ngu tối đến thế.

Nhưng đến một ngày kia, tôi phải cảm ơn một sự tình cờ đã đến mở mắt tôi. Tôi vẫn đi đánh nhau thuê mua vui. Tôi vẫn được đem đi chơi nhau như thế. Đối thủ của tôi lần này là một anh chàng có bộ cánh chưa kín lưng, người mới dài bằng nửa tôi. Vừa bị đẩy vào đứng đối diện, anh ta đã nháo nhác kêu tru tréo:

– Em lạy bác, em lạy bác, bác tha cho em. Bác là người lớn, bác đã có răng có còng to rồi, còn em, em vừa ra đời có mấy hôm, mới hôm qua được mẹ em dắt cho đi ở riêng thôi mà.

Tôi thản nhiên. Tôi xông vào chiến ngay thẳng bé. Nó khóc hu hu rồi chạy quanh lòng. Mấy đứa trẻ xem chơi đế cười ha hả. Tôi lại càng nổi hăng.

Có một anh Xiến tóc bay xè xè trên trời rồi đậu xuống cành nhãn gần đấy, nhìn đám đế chơi nhau. Anh Xiến tóc vểnh hai cái sừng dài như hai chiếc lông công cong có khắc từng đốt, chĩa xuống mắng tôi:

– Đế Mèn nghech ngác kia! Mày to đầu thế mà mày nỡ đánh thẳng bé bằng ngón ấy à? Không được quen thói bắt nạt.

Tôi ngoảnh đầu nhìn lên: Anh Xiến tóc lực lưỡng và uy nghi bọc mình trong bộ áo giáp đồng hun rất cứng, bộ mặt hung tợn dữ dội lắm. Nhưng tôi có sợ. Coi bộ chẳng làm gì nổi tôi tốt! Bởi tôi biết anh ta cũng hải lý trẻ, chỉ đứng trên cây, không dám xuống.

Tôi hí hích mũi ra một câu:

– Ngứa mồm!

Rồi tôi lại đuổi đánh đứa bé như thường. Tôi ngổ ngáo vụt lên trước, hếch cằm, chặn. Thảm hại, mới nếm thêm có cái đá hậu, thằng bé đã quay đơ và chỉ còn thoi thóp thở. Tôi cũng chẳng biết thế nào là thương xót. Tại tôi chỉ nghe có tiếng hoan hô râm ran của bọn trẻ.

Thấy không những không ngăn nổi tôi mà tôi còn đánh gần chết chú đế nhỏ, Xiển tóc nghiêng răng ken két, chỗ cả hai cái sừng dài xuống, quát:

– A được, mày giờ hồn! Bảo lời phải không nghe, rồi sẽ biết tay.

Tôi còn trêu tức, ngược răng lên:

– Có giỏi thì xuống đây chọi nhau.

Rồi tôi đứng ung dung nhắm nhánh cỏ của lũ trẻ vừa tranh nhau tuồn vào thưởng cho tôi. Làm như không thèm để ý đến câu chuyện vặt. Xiển tóc tức rung sừng, rung răng, nhưng không biết làm thế nào, vì có lũ trẻ ngồi đông trên bãi cỏ. Cuối cùng Xiển tóc cất cánh vù đi. Tôi chẳng thèm để ý. Ừ anh chàng khoẻ thì có khoẻ đấy, nhưng đâu có thể làm gì nổi tôi.

Đêm hôm ấy, theo thường lệ, bọn trẻ đem tôi ra ngoài giàn mồng tơi, để tôi uống sương tắm bổ và hít thở khí trời trong lành. Trên cao, mặt trăng sáng vàng vạc. Làn gió đưa đẩy những chiếc lá tre dài và nhọn đâm sương óng ánh thành một nét sắc trong bóng trắng. Tôi duỗi thẳng cả hai chân, cả cánh, vừa ôn một bài võ, vừa hát, ngẩng đầu nhìn vòm trời trăng sáng và chắc là vẻ mặt tôi lúc ấy có vẻ tự đắc, tự mãn lắm đấy.

Đương ung dung thế, lắng nghe tiếng cái máy gì xè xè đâu dần dần tới bên cạnh. Rồi anh Xiển tóc oai linh ban chiều vụt hạ cánh xuống ngay bên nách tôi. Tôi rú lên một tiếng kinh khủng. Tôi cứng cả khoeo, không nhích chạy được. Tôi không ngờ. Phen này chết thật chứ không chơi.

Phen này chết thật chứ không chơi. Răng nó như sắt thế kia, cái vuốt chân như dao thế kia. Một mình tôi ở nơi vắng vẻ thế này. Tất chết!

Tôi cố mím môi, mà cánh, mà chân, mà cẳng tôi vẫn nẩy lên bần bật. Xiển tóc ghé nghiêng hai cái sừng cười chế nhạo:

– Rõ đồ hèn! Sao lúc chiều hống hách thế!

Rồi Xiển tóc lục tội:

– Này ta hỏi: Mày đáng khếp tội gì?

– Lạ anh...

Có lẽ lúc bấy giờ tôi cuống quít những điệu bộ đáng xấu hổ và nực cười, đã khiến Xiển tóc khinh bỉ đến nỗi không thèm giết tôi cho bản gương. Bởi vậy tôi chỉ thấy Xiển tóc cúi hai cái sừng sát mặt tôi, kênh mũi tôi lên và bảo rằng:

– À, bây giờ thì co vùi lại rồi, phải không... Còn gì xấu bằng cậy sức mà đi bắt nạt. Khôn ngoan đã đáp người ngoài... Mà có giỏi thì... Ta tha cho lần này. Nhưng ta hãy mượn tạm đi của mày hai cái râu. Để từ đây mỗi khi mày định làm việc gì bậy bạ, hãy sờ lên chiếc râu cụt, lúc ấy nhớ lại lời ông Xiển tóc nhé.

Nói rồi Xiển tóc đưa răng lên cắn cụt luôn hai sợi râu mượn óng trên đầu tôi. Đau điếng, mà tôi đành ngậm tằm không dám hé răng. Đường đời nhiều bài học, mỗi bài học một kiểu, chịu nghĩ thì học được, học giỏi, bằng không thì... khốn khổ như thế này đây. Cho đến bây giờ đầu tôi vẫn trọc lông lóc bởi mất hai sợi râu từ cái tích tôi được thêm bài học mới vừa đất vừa đau đêm ấy.

Nhưng, cũng nhờ thế mà tôi tỉnh ngộ. Trời ơi, thế ra từ khi bị hai đứa trẻ bắt vào vòng u tối, tôi đi đánh nhau làm trò cười cho thiên hạ, tôi chỉ làm ác mà tôi không biết. Mà những kẻ bị tôi đánh cũng là họ hàng xa gần nhà để cả. Tôi thở dài thầm nghĩ:

– Hôm trước ta đã vương điều lầm lỗi. Bây giờ lại mắc lỗi nữa... Ôi, ta hèn quá. Cũng may bác Xiển tóc không giết ngoém ngay ta đi. Mới biết đời này hồ dễ ai bắt nạt nổi ai. Ta đánh kẻ yếu hơn ta thì lại có kẻ khác mạnh hơn ta đánh ta. Thôi thôi, giấc mơ kia đã tỉnh ra rồi.

Nghĩ được thế, lòng tôi mới tạm yên. Nhưng nói cho hết nhẽ, nếu bây giờ tôi muốn bỏ đi tính hung hăng xằng bậy đi thì tôi phải nhất quyết rời hai đứa bé này ra. Bởi vì mục đích của họ nuôi tôi là bắt tôi làm trò choảng nhau, cho họ cười. Văng vẳng bên tai tôi tiếng thoát ly.

Luyện tập

1. Thể hiện đã tìm hiểu đúng câu chuyện theo dạng đóng vai: Hai bạn đóng vai ông chủ nhà xuất bản Tân Dân và nhà văn Tô Hoài. Diễn tày chọn theo một trong các tình huống sau:
 - a. Ông Tân Dân đặt hàng nhà văn Tô Hoài viết một câu chuyện thiếu nhi. Tô Hoài và Tân Dân bàn về ý nghĩa của công việc này.
 - b. Ông Tân Dân đặt hàng nhà văn Tô Hoài viết một câu chuyện thiếu nhi. Tô Hoài kể cho ông Tân Dân về ý tưởng *Đế Mèn phiêu lưu ký* dựa theo những quan sát của mình.
 - c. Ông Tân Dân đặt hàng nhà văn Tô Hoài viết một câu chuyện thiếu nhi. Tô Hoài và ông Tân Dân thống nhất ý tưởng *Đế Mèn phiêu lưu ký*. Nhưng sau đó hai ông bàn về việc có bán được sách không? Liệu trẻ em có thích không?
2. Thể hiện đã tìm hiểu đúng câu chuyện theo dạng đóng vai: Một nhà xuất bản nước ngoài xin Tô Hoài cho dịch và in *Đế Mèn phiêu lưu ký*. Câu mở đầu của ông biên tập nhà xuất bản nước ngoài nói với nhà văn Tô Hoài: “Thưa ngài, tôi vừa qua Pháp, tôi gặp ở nhà bạn tôi một hiện tượng lạ lùng: con trai bạn tôi ngồi trốn bố mẹ ở chân cầu thang đọc nghiêng ngấu một cuốn sách dịch sang tiếng Pháp, ở bìa có con đế... Tôi hỏi ra mới biết... Tôi xin phép ông dịch và in sang tiếng Anh...”
3. Viết và chọn kể lại một trong những cảnh bên trên.

BÀI 9

HOÀNG TỬ BÉ

(của Antoine de Saint-Exupéry)

Hướng dẫn học

Antoine de Saint-Exupéry, thường được gọi tắt là “Saint-Ex”, sinh năm 1900 trong một gia đình quý tộc Pháp ở Lyon. Ông có một tuổi thơ rất hạnh phúc, được đối xử như một ông hoàng con trong gia đình. Năm 1921, Saint-Exupéry nhập ngũ, lái máy bay trong Không quân Pháp. Giải ngũ năm 1923, miễn cưỡng phải từ bỏ niềm đam mê lái máy bay. Từ 1926–1927, làm phi công dân sự cho hãng vận chuyển thư tín, bay chặng Toulouse (Pháp) – Casablanca (Ma-rốc), viết *Courrier-Sud* (Chuyến thư miền Nam). Năm 1929 đến 1931 làm giám đốc hãng hàng không vận chuyển bưu phẩm Aeroposta Argentina ở Nam Mỹ viết *Vol de nuit* (Bay đêm).

Năm 1939, Saint-Exupéry được động viên vào Không quân Pháp, làm phi công lái máy bay trinh sát. Năm 1940, sau khi chính phủ Pháp của Pétain ký hiệp định đình chiến với Hitler, Saint-Exupéry sang Mỹ. Năm 1941, ông cho xuất bản *Pilote de guerre* (Phi công thời chiến). Năm 1943, Saint-Exupéry quay trở về châu Âu, hết tuổi nghĩa vụ quân sự nhưng ông vận động để được tái ngũ, rồi được tuyển làm phi công lái máy bay thám sát của Không quân Mỹ, chuẩn bị cho cuộc đổ bộ của quân đồng minh vào miền nam nước Pháp. Buổi sáng ngày 31 tháng 7 năm 1944, Saint-Exupéry cất cánh, và ngày hôm đó là lần cất cánh cuối cùng của ông. Saint-Exupéry mất tích trên bầu trời giữa Grenoble và Annecy, rất gần Lyon nơi ông sống thời bé. Đến tận năm 2000, xác chiếc máy bay mới tình cờ được tìm thấy ở ngoài khơi vùng biển Marseille.

Trong thời gian ở Mỹ, từ năm 1941 đến 1943, Saint-Exupéry viết rất nhiều trong đó có *Le Petit Prince* – Hoàng tử bé. *Hoàng tử bé* là kiệt tác của Saint-Exupéry, tên tuổi nhà văn thường được gắn với cuốn tiểu thuyết này. *Hoàng tử bé* là một tự sự khó xác định được thể loại. Đó là câu chuyện đậm chất ngụ ngôn, hoặc một chuyện cổ tích thời hiện đại để than thở về sự cô đơn của con người. Hình tượng chú hoàng tử bé tóc vàng ươm, đi khắp vũ trụ tìm câu trả lời

cho câu hỏi con người có biết mình đi về đâu và câu trả lời chỉ là tiếng vọng của điều mình hỏi. Có ai đó không?... không không... Một câu chuyện cổ tích mà đi một bước là một ẩn dụ cảm động về sự trong trắng và yếu đuối của con người.

Hoàng tử bé và toàn bộ hình tượng ẩn dụ đó gắn liền với bối cảnh tư tưởng và văn hóa của một châu Âu và một thế giới đổ nát hoang tàn, nhất là về tinh thần. Những giá trị của chủ nghĩa nhân văn bị đánh mất, “Thượng Đế đã chết”, con người như là những cỗ máy vô hồn. Một câu chuyện cổ tích không kết thúc có hậu. Nhân vật người phi công, nhân vật ngôi kể thứ nhất (xin coi lại Bài mở đầu về tự sự) mệt mỏi chán chường. Chú hoàng tử bé chạy trốn khỏi quê xứ của mình, được kể một cách ẩn dụ là tinh cầu B612, rồi phiêu dạt qua sáu hành tinh, gặp gỡ đủ loại “người lớn”, nơi thì là một ông vua ngạo mạn đến ngớ ngẩn, nơi khác là một



kẻ háo danh, rồi ở nơi sau đó là một kẻ nát rượu, rồi đến một nhà buôn, rồi một thợ thấp đèn đường làm việc như một cái máy, sau đó là một hành tinh có nhà bác học giáo điều, và cuối cùng chú hoàng tử bé nhỏ “rơi xuống” hành tinh thứ 7, hành tinh Trái đất – về ngôi nhà của mình theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa ẩn dụ.

Trải nghiệm đã cho chú hoàng tử bé bài học lớn “Người ta chỉ nhìn thấy rõ bằng trái tim. Cái bản chất cốt yếu thì không thể nhìn thấy bằng mắt thường... Chính thời gian mà bạn đã mất cho bông hoa hồng của mình làm cho bông hoa hồng của bạn quan trọng nhường nào. Con người đã lãng quên chân lý này. Bạn trở nên có trách nhiệm mãi mãi với cái gì bạn đã tự làm cho mình gắn bó với nó”. Và cũng còn bài học lớn nữa, con rắn độc trên Trái đất đã nhìn rõ chú hoàng tử bé hơn ai hết. “Bạn làm tôi xót thương, bạn yếu đuối quá trên Trái đất khô cằn này. Một ngày nào đó tôi có thể giúp bạn, nếu bạn quá luyến tiếc hành tinh của mình. Tôi có thể...”

Liệu con rắn độc có thể giúp gì cho chú Hoàng tử bé bỗng đã chủ động rời bỏ quê xứ của mình rồi lại chủ động “rơi xuống” để bị bắt buộc và chỉ có thể quay trở về xứ sở quê hương của mình. Quê hương thực sự của chú hoàng tử bé là ở thế giới thực, hay chỉ có thể tìm thấy trong thế giới mộng mơ của chú – và của những con người như chú?

Saint-Exupéry cùng với số ít ỏi các nhà văn tiêu biểu cùng thời với ông là mẫu nhà văn hành động song hành cùng mơ mộng. Những nhà văn nhập cuộc bằng tác phẩm, bằng tư tưởng, và bằng cả mạng sống. Những nhà văn ngợi ca tình yêu trong cuộc chiến đấu chống lại cái ác để bảo vệ những giá trị Con Người. Trong hoàn cảnh tuyệt vọng, chỉ những ai tìm thấy ý nghĩa này của cuộc sống thì mới có cơ may sống sót.

Mời các bạn cùng đọc các đoạn trích tác phẩm *Hoàng tử bé* do nhà văn Châu Diên dịch.

HOÀNG TỬ BÉ

(trích)

CHƯƠNG II

Thế là tôi đành sống lủi thủi một mình, chẳng có ai để mà chuyện trò tâm sự, cho tới một bữa kia cách nay sáu năm, máy bay tôi phải hạ cánh xuống hoang mạc Sahara. Động cơ máy bay tôi hỏng hóc chỗ quái quỷ nào đó. Lúc ấy, chẳng có thợ máy cũng chẳng có ai đi cùng, tôi đành thử tự mình chữa một ca khó khăn. Khi ấy chữa được máy là chuyện sống hoặc chết. Nước dự trữ chỉ tạm đủ cho quãng tám ngày thôi.

Đêm đầu tiên tôi phải ngả mình ngủ trên cát cách xa chỗ có người ở cả ngàn dặm. Một thân một mình hệt như bị đắm tàu rồi lênh đênh trên chiếc bè giữa đại dương. Thế rồi, nào bạn hãy tưởng tượng xem, tôi ngạc nhiên biết bao khi trời về sáng, bỗng có một tiếng nói là lạ đánh thức tôi dậy. Tiếng nói ấy bảo tôi:

- Bác ơi... làm ơn vẽ cho cháu con cừu!
- Ở kìa!
- Vẽ cho cháu con cừu...

Tôi nhảy dựng lên như bị sét đánh. Tôi dụi mắt mấy lần. Tôi trở mắt nhìn. Và trước mắt tôi là một chú bé nom thật lạ, chú đang nhìn tôi bằng đôi mắt buồn buồn. Đây là bức chân dung đẹp nhất vẽ chú bé ấy mà mãi sau này tôi mới cố nhớ lại và vẽ ra. Nhưng chắc chắn là người trong bức vẽ của tôi không mê hồn như người thật. Đâu có phải lỗi tại tôi. Người lớn đã làm tôi nản chí trong nghề vẽ từ khi tôi lên sáu, và tôi chẳng học vẽ thêm được gì, ngoài việc vẽ những con trăn nhìn từ bên ngoài và những con trăn nhìn từ trong bụng.



Đây là bức chân dung đẹp nhất vẽ chú bé ấy mà mãi sau này tôi mới cố nhớ lại và vẽ ra...

Thế là mắt tôi tròn xoe kinh ngạc nhìn cảnh hiện hình ấy. Xin bạn chớ quên là tôi đang ở trong hoang mạc, có đi vạ dậm đường may ra mới tới được chỗ có người ở. Ấy thế mà chú bé của tôi chẳng có vẻ gì là người đi lạc, chẳng có dấu hiệu sắp chết lả, cũng chẳng có vẻ sắp chết vì đói, vì khát, vì sợ hãi. Trông chú chẳng có vẻ gì là một cậu bé lạc giữa hoang mạc, cách xa nơi có người ở tới ngàn dặm đường. Hết kinh ngạc, khi đã cất được lời, tôi bảo chú bé:

– Nhưng mà... em làm gì vậy?

Cậu không trả lời, mà nói năng hết sức nhẹ nhàng, chỉ nhắc lại lời nhờ vả, như thể đó là một điều gì thật nghiêm túc:

– Làm ơn... vẽ cho cháu con cừu...

Khi ở đời có chuyện bí ẩn tạo ấn tượng quá sức với ta, khi đó ta chẳng dám trái ý, đành vâng lời thôi. Vô lý thật đấy, vì tôi đang ở chốn đây, dễ chừng phải đi ngàn dặm đường mới tới được nơi có người ở, lại đang trong cơn hiểm nguy đe dọa đến tính mệnh, ấy thế mà tôi vẫn lúi lúi trong túi ra một tờ giấy và cây bút máy. Nhưng đến lúc đó tôi mới chợt nhớ là mình chỉ học có địa lý, lịch sử, tính toán và ngữ pháp, nên tôi đành bảo chú bé dễ thương kia (giọng hơi khó chịu) rằng tôi không biết vẽ. Chú bé bảo tôi:

– Chẳng sao hết. Vẽ cho cháu một con cừu.

Do chỗ tôi chưa từng bao giờ vẽ cừu, nên tôi đành vẽ lại cho chú một trong hai bức vẽ đúng như khả năng hội họa của mình. Đó là bức tranh con trăn đóng kín. Và tôi hết sức kinh ngạc khi nghe chú bé bảo tôi thế này:

- Không! Không! Cháu không thích con voi trong bụng con trăn đâu. Trăn nguy hiểm lắm, còn voi thì công kênh lắm. Chỗ cháu ở bé tí ấy mà. Cháu cần một con cừu. Vẽ cho cháu con cừu non.

Thế là tôi vẽ.



Chú bé ngẫm nghĩ rồi nói:

- Không! Con này mới sinh mà ốm yếu quá rồi. Vẽ cho cháu con khác.

Thế là tôi lại vẽ:



Anh bạn tôi mỉm cười nom thật dễ thương, thái độ có vẻ bao dung:

- Bác thấy không... con này không phải cừu non, đây là cừu đực đã già. Có sừng rồi đây này...

Tôi lại vẽ bức khác. Nhưng cũng như mấy bức trước, bức này chú cũng không ưng:

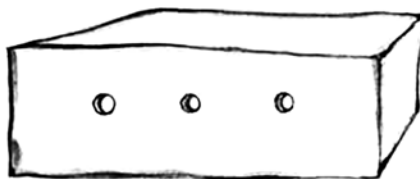


- Con này già quá. Cháu muốn có con cừu non, để nó sống thật lâu.

Khi đó, hết cả kiên nhẫn, vì tôi cũng đang vội muốn tháo động cơ ra để sửa chữa, thế là tôi nguệch ngoạc bức hình sau đây.

Tôi nói quáng quàng cho xong chuyện:

– Đây là cái hộp, cừu của em ở bên trong hộp ấy.



Nhưng khi ấy tôi thật ngạc nhiên thấy gương mặt vị quan tòa bé nhỏ của mình sáng lên:

– Được rồi, đúng đây rồi, đúng cái này đây! Bác tính, có cần nhiều cừu cho con cừu này không?

– Sao vậy?

– Vì ở chỗ cháu bé tí...

– Chắc chắn là đủ cừu thôi. Ta cho em một con cừu bé tí ấy mà.

Chú ngả đầu vào bức vẽ:

– Không bé lắm đâu... Bác ơi! Nó đang ngủ...

Thế đấy, tôi bắt quen với chú hoàng tử bé nhỏ của mình như vậy đó.



Hoàn tử bé trên thiên thể B612

CHƯƠNG X

Chú đã lạc vào vùng các thiên thể số 325, 326, 327, 328, 329 và 330. Chú bắt đầu lang thang thăm thú để tìm một công việc gì đó để vừa làm vừa học hỏi.

Thiên thể đầu tiên có một ông vua. Ông vua ngồi trên ngai, áo choàng thẫm màu huyết dụ in trên màu áo da chồn trắng, ngai vua giản dị nhưng đường bệ.



- Đây rồi! Một thần dân của ta! Ông vua nói khi nhìn thấy chú hoàng tử bé nhỏ.

Lúc ấy chú hoàng tử bé nhỏ tự hỏi:

- Giỏi thật, ông ta chưa từng khi nào gặp mình thế mà nhận biết được mình!

Chú đâu có hiểu là, với các ông vua, mọi chuyện trên đời này đều gọn gàng giản dị vô cùng. Tất tậ ai ai cũng là thần dân nhà ông ta cả.

- Lại gần đây nào, cho ta nhìn kỹ nhà ngươi, ông vua nói với chú với vẻ hãnh diện của con người được làm vua của kẻ khác.

Chú hoàng tử bé nhỏ đưa mắt tìm chỗ ngồi, nhưng chỉ riêng cái áo choàng vĩ đại màu huyết dụ của ông vua cũng che phủ kèn càng hành tinh này rồi. Thế là chú phải đứng, và chú ngáp một cái vì chú đang mệt. Ông ta nói với chú:

- Lễ nghi quy định cấm không được ngáp trước mặt nhà vua. Ta cấm nhà người không được ngáp.

Chú hoàng tử bé nhỏ đáp lại, lòng bối rối:

- Cháu không sao nhin ngáp được ạ. Cháu đi một chuyến dài ngày quá, mà lại không được ngủ.

Nhà vua bảo chú:

- Nếu vậy thì ta ra lệnh cho nhà người được ngáp. Bao nhiêu năm nay ta chẳng được thấy ai ngáp hết. Ngáp bây giờ là chuyện đáng cho ta tò mò. Nào, ngáp nữa đi, ta ra lệnh đó.

Chú hoàng tử bé nhỏ thẹn đỏ cả mặt, nói:

- Thế thì cháu lại sợ... chẳng ngáp nổi nữa...

Nhà vua nói với chú:

- Hừ! hừ! Nếu vậy thì ta ra lệnh cho nhà người khi thì ngáp khi thì...

Ông vua lấp bắp một chút và có vẻ không bằng lòng.

Bởi vì đã là vua thì bao giờ cũng muốn thiên hạ tôn trọng quyền uy của mình. Vua không chịu được cảnh người ta chẳng tuân lệnh mình. Ông này là một ông vua chuyên chế. Nhưng vì ông ta rất tốt bụng nên ông ta ban những mệnh lệnh hợp lý.

"Nếu ta ra lệnh cho một viên đại tướng phải biến thành một con chim hải âu, và nếu vị tướng không tuân lệnh, thì đó không phải lỗi của vị tướng. Đó là lỗi của ta." Ông vua này thường nói như vậy.

Chú hoàng tử bé nhỏ rụt rè đề nghị:

- Cháu ngồi được không ạ?

Ông vua ra lệnh và đường bệ lấy tay vén vạt áo choàng mầu huyết dụ lấy chỗ cho chú bé:

- Ta ra lệnh cho nhà người ngồi.

Nhưng chú hoàng tử thấy ngạc nhiên quá, vì hành tinh bé lắm, vậy thì nhà vua cai trị cái gì kia chứ?

Chú nói với ông vua:

- Thưa Bệ hạ, cháu xin phép được hỏi một điều...

Ông vua vội vàng nói:

- Ta ra lệnh cho người được hỏi.

- Thưa Bệ hạ... nhà vua cai trị những gì ạ?

Nhà vua trả lời gọn lỏn:

– Cai trị tất cả.

– Tất cả?

Bằng một cử chỉ kín đáo nhà vua chỉ vào hành tinh ông đang ngồi, rồi chỉ các hành tinh khác và các vì sao.

Chú hoàng tử nói:

– Trị vì tất cả ă?

Nhà vua đáp lại:

– Trị vì tất cả....

Vì đó không chỉ là một ông vua chuyên chế, mà còn là ông vua của cả vũ trụ.

– Thế các ngôi sao cũng tuân phục ngài?

Nhà vua nói:

– Dĩ nhiên rồi, tuân phục tức thời. Ta không cho phép sự vô kỷ luật.

Chú hoàng tử thấy rằng, có được một quyền lực đến thế thì kỳ diệu quá chừng. Chú mà có quyền đến vậy, thì chú không cần dịch cái ghế đang ngồi, mà vẫn có thể coi không chỉ bốn mươi tư lần, mà sáu mươi hai, thậm chí một trăm, thậm chí hai trăm lần mặt trời lặn trong một ngày! Và do chỗ chú thấy hơi buồn vì nhớ cái hành tinh xưa mình đã bỏ mà đi, chú mạnh dạn xin ông vua ban ân cho:

– Cháu muốn xem mặt trời lặn... Xin Bệ hạ làm ơn... Bệ hạ ra lệnh cho mặt trời lặn ă...

– Nếu ta ra lệnh cho một viên tướng bay từ cánh hoa này sang cánh hoa khác như một con bướm, hoặc ra lệnh cho ông viết một vở bi kịch, hoặc bắt ông phải biến thành chim hải âu, và nếu vị tướng kia không thực hiện lệnh của ta, thì trong hai người, ta và ông đó, ai sai?

Chú hoàng tử trả lời quả quyết:

– Thưa, Bệ hạ sai ă.

– Chính xác. Cần phải đòi hỏi ở mỗi người cái gì người đó có thể cho, nhà vua nói tiếp. Quyền uy dựa trước hết trên lý tính. Nếu nhà người ra lệnh cho nhân dân nhảy tòm xuống biển, nhân dân sẽ làm cách mạng. Ta có quyền đòi mọi người tuân phục, bởi vì các lệnh của ta đều hợp lý.

– Vậy thì bao giờ cháu có cái mặt trời lặn ă? Chú hoàng tử nhắc lại, vì chú là người khi đã ra câu hỏi thì không bao giờ chịu quên.

– Mặt trời lặn cho nhà người, thì nhà người sẽ có. Ta sẽ ra lệnh thực hiện

điều đó. Nhưng trong khoa cầm quyền trị dân của ta, ta biết chờ đợi khi nào có đủ các điều kiện thuận lợi đã.

Chú hoàng tử bé nhỏ thăm dò:

– Khi nào thì có đủ các điều kiện thuận lợi ạ?

– E hèm... nhà vua trước hết tra cứu vào một cuốn lịch to tướng, sau đó mới trả lời chú, E hèm... đó sẽ là... vào khoảng... khoảng... khoảng bảy giờ bốn mươi phút! Khi đó nhà người sẽ thấy tất cả đều tuân phục ta răm rắp.

Chú hoàng tử bé nhỏ ngáp. Chú tiếc rẻ cái cảnh mặt trời lặn bây giờ chẳng còn nữa. Và chú cũng thấy ngán một chút rồi.

Chú nói với nhà vua:

– Cháu chả có việc gì để làm ở đây hết. Cháu lại đi thôi!

– Đừng đi, nhà vua đáp, vì ông ta rất kiêu hãnh đã có được một thần dân. Đừng đi, ta cho nhà người làm bộ trưởng!

– Bộ trưởng bộ gì?

– Bộ... bộ Tư pháp!

– Nhưng ở đây chẳng có ai để xét xử cả!

Nhà vua nói với chú:

– Biết thế nào được... Ta vẫn chưa đi vòng quanh vương quốc lần nào. Ta già lắm rồi. Ở đây không có chỗ cho một chiếc xe ngựa kéo. Mà đi bộ thì mệt.

Chú hoàng tử bé nhỏ nói sau khi đã nhòai người nhìn sang mé bên kia hành tinh:

– Ô, mà cháu cũng thấy tất cả rồi, bên kia cũng chẳng có ai hết.

– Vậy thì nhà người làm bộ trưởng Tư pháp và nhà người tự xử mình vậy. Tự xử mình khó hơn xử kẻ khác nhiều lắm. Nếu nhà người tự xử mình đúng, điều đó có nghĩa nhà người là một bậc hiền nhân thực sự.

Chú hoàng tử nói:

– Cháu ấy à, muốn tự xử mình thì ở nơi nào mà chả làm được. Chẳng cần phải ở hành tinh này mới làm được như vậy.

Nhà vua nói:

– E hèm! E hèm! Hình như ở hành tinh này của ta có con chuột già sống chui rúc chỗ nào đó. Cứ đêm đến lại nghe tiếng nó. Nhà người có thể đem con chuột đó ra xét xử. Nhà người thỉnh thoảng lại tuyên án tử hình nó. Và thế là đời nó lệ thuộc vào nền tư pháp. Nhưng sắp đem xử tử, thì nhà người lại đặc xá cho nó. Làm như thế để tiết kiệm, vì hành tinh này chỉ có mỗi một con chuột ấy thôi.

Chú hoàng tử đáp lại:

– Cháu ấy à, cháu không thích tuyên án tử hình, và cháu nghĩ là bây giờ thì cháu phải rút lui thôi.

Ông vua nói:

– Không được.

Nhưng chú hoàng tử bé nhỏ khi đó đã chuẩn bị xong hành lý, chẳng còn muốn làm phiền cái ông vua già kia nữa:

– Nếu Bệ hạ muốn được thần dân tuân phục tức thời, xin ngay lúc này ra một lệnh hợp lý cho cháu. Bệ hạ có thể ra lệnh cho cháu ví dụ như, cho một phút chuẩn bị rồi phải đi ngay. Cháu nghĩ là các điều kiện thuận lợi đã có đủ...

Thấy nhà vua không nói gì, chú hoàng tử mới đầu ngáp ngừng tí chút, sau rồi chú thở dài và lên đường.

– Ta cho nhà người làm đại sứ vậy, nhà vua vội vàng nói với theo.

Nom ngài khi đó thật đầy quyền uy.

“Người lớn quả thực rất lạ kỳ”, chú hoàng tử ngẫm nghĩ một mình suốt dọc cuộc hành trình.

CHƯƠNG XI

Hành tinh thứ hai có một anh mũi phổng trú ngụ:

– A chà chà! Lại một *fan* tới thăm ta vì ngưỡng mộ ta! Chàng mũi phổng nhìn thấy chú hoàng tử bé nhỏ từ xa đã vội thốt lên như vậy.

Vì với những anh ưa phỉnh nịnh, bất cứ ai khác đều là những kẻ ngưỡng mộ anh ta hết. Chú hoàng tử bé nhỏ nói:

– Chào bác, bác có cái mũi nom cũng hay hay.

Chàng mũi phổng đáp:

– Đây là mũi dùng để chào. Khi mọi người tung hô ta thì ta dùng mũi này chào lại. Đáng tiếc là chẳng có ma nào đi ngang lối này hết.

– Vậy hử? Chú hoàng tử bé nhỏ không hiểu, liền hỏi như vậy.

– Bạn hãy lấy hai bàn tay đập đập vào nhau đi, anh chàng mũi phổng dạy chú hoàng tử bé nhỏ cách ngưỡng mộ.

Chú hoàng tử bé nhỏ lấy hai bàn tay mình đập đập vào nhau. Chàng mũi phổng nhắc mũi lên chào lại, vẻ khiêm tốn.



– Trò này vui hơn trò đi thăm ông vua, chú hoàng tử bé nhỏ nghĩ thầm. Chú vỗ hai tay mình lần nữa, chàng mũi phổng lại nhấc mồm lên đáp lễ. Sau năm phút làm đi làm lại một trò vỗ tay, chú hoàng tử bé nhỏ thấy chán cái trò tẻ nhạt này. Chú hỏi:

– Bác à, bây giờ làm cách gì cho mồm của bác rơi xuống?

Nhưng chàng mũi phổng không nghe thấy câu hỏi đó. Kẻ ưa phỉnh nịnh chỉ nghe được những tiếng khen thôi.

– Bạn thực sự vô cùng ngưỡng mộ ta chứ? Chàng ta hỏi chú hoàng tử bé nhỏ.

– “Ngưỡng mộ” nghĩa là gì?

– “Ngưỡng mộ” nghĩa là thừa nhận ta là người đẹp nhất, ăn mặc chải chuốt nhất, giàu nhất và thông minh nhất hành tinh.

– Nhưng chỉ có một mình bác trên hành tinh này thôi!

– Hãy chiều lòng ta đi. Cứ chiêm ngưỡng ta đi.

Chú hoàng tử hơi nhún vai và nói:

– Cháu ngưỡng mộ bác... nhưng sao bác lại quan tâm đến việc được chiêm ngưỡng như vậy hả?

Nói rồi chú hoàng tử bé nhỏ bỏ đi.

“Người lớn thực sự là vô cùng kỳ dị”, chú nghĩ thầm suốt dọc hành trình.

CHƯƠNG XII

Hành tinh tiếp theo là nhà ở của một ông nát rượu. Cuộc viếng thăm hành tinh này rất ngắn ngủi, nhưng lại khiến cho chú hoàng tử bé nhỏ rơi vào trạng thái âu sầu vô cùng.



- Bác đang làm gì vậy? Chú nói với người nát rượu khi ấy đang ngồi yên lặng trước một đồng vỏ chai và một đồng chai còn đầy rượu.
 - Ta uống rượu, người nát rượu trả lời, vẻ mặt như nhà có đám ma.
 - Tại sao bác lại uống rượu? Chú hoàng tử hỏi.
 - Uống rượu để quên, người nát rượu trả lời.
 - Để quên cái gì? Chú hoàng tử hỏi thêm vì bắt đầu thấy thương hại ông ta.
 - Để quên nỗi xấu hổ, người nát rượu thú nhận, đầu cúi xuống.
 - Xấu hổ vì việc gì? Chú hoàng tử bé nhỏ hỏi han, định bụng cứu giúp ông ta.
 - Xấu hổ vì việc đã uống rượu! Người nát rượu kết thúc câu chuyện và ngồi im, có cựa miệng cũng chẳng nói.
- Chú hoàng tử bé nhỏ bỏ đi, chẳng hiểu mô tê gì hết.
- “Người lớn hoàn toàn là những con người cực cực kỳ lạ kỳ”, chú ngắm nghĩ trong bụng trong suốt cuộc hành trình.

CHƯƠNG XIII

Hành tinh thứ tư là nhà ở của một doanh nhân. Ông này lúc nào cũng chúm mũi chúm lái vào công việc, bận bịu đến nỗi khi chú hoàng tử bé nhỏ đến, ông cũng chẳng buồn ngẩng đầu lên.



– Cháu chào bác, chú hoàng tử bé nhỏ nói với ông ta. Điều thuốc lá của bác tắt rồi kìa.

– Ba cộng hai bằng năm. Năm cộng bảy mươi hai. Mười hai và ba mươi lăm. Mười lăm và bảy hai mươi hai. Hai mươi hai và sáu hai mươi tám. Không có thì giờ chậm lại điều thuốc nữa. Hai mươi sáu và năm ba mươi mốt. Cha ơi! Thế là tổng cộng năm trăm linh một triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi mốt rồi.

– Năm trăm triệu cái gì?

– E hèm... Cháu vẫn đứng đó à? Năm trăm linh một triệu... ta chẳng rõ nữa... Ta bận rộn vô cùng! Ta là người nghiêm túc, ta không mất thì giờ cho những chuyện không đâu! Hai cộng năm bằng bảy...

– Năm trăm triệu cái gì, chú hoàng tử bé nhỏ nhắc lại, vì chú là người khi đã ra câu hỏi thì không bao giờ chịu bỏ đó.

Nhà doanh nghiệp ngẩng đầu lên:

– Đã năm mươi tư năm nay ta ở hành tinh này, ta chỉ bị quấy rầy ba lần. Lần thứ nhất cách đây hai mươi hai năm, khi ấy có một con bọ dừa từ đâu đâu rơi xuống. Nó vo ve khùng khấp, khiến ta tính nhầm bốn khoản. Lần thứ hai,

cách đây mười một năm, ta bị quấy rầy vì một cơn đau khớp... Còn lần thứ ba là đây! Ta đang tính năm trăm linh một triệu...

- Triệu gì?

Nhà doanh nghiệp khi ấy đã hiểu là ông chẳng còn hy vọng được yên thân:

- Triệu những điều nho nhỏ đôi khi ta nhìn thấy trên trời kia kìa.

- Ruồi?

- Không, sao lại ruồi, những thứ nho nhỏ lấp lánh vàng.

- Ong?

- Không. Những vật nho nhỏ lấp lánh vàng khiến cho những kẻ vô tích sự mơ tưởng. Nhưng ta là người nghiêm túc! Ta không có thời giờ để mà mơ mộng.

- Đúng rồi! Sao trời?

- Đúng thế. Sao trời.

- Thế bác dùng năm trăm triệu sao trời vào việc gì?

- Chính xác đi, năm trăm linh một sáu trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi mốt. Ta là người nghiêm túc, ta thích chính xác.

- Bác đem đồng sao trời đó ra làm gì?

- Làm gì ấy à?

- Vâng.

- Chẳng làm gì hết. Chỉ có chúng trong tay thôi.

- Nhưng cháu có gặp một ông vua, ông ấy...

- Vua chẳng có trong tay gì hết. Họ chỉ “cai quản” những thứ họ không sở hữu. Hai chuyện rất khác nhau đấy.

- Thế bác sở hữu các ngôi sao để làm gì?

- Để là người giàu.

- Thế giàu để làm gì?

- Để mua những ngôi sao khác nếu có ai đó tìm được.

“Cái nhà ông này, ông ta lập luận hơi giống cái nhà ông nát rượu mình đã gặp”.

Nghĩ vậy, song chú vẫn nêu câu hỏi nữa:

- Làm cách nào để sở hữu những ngôi sao?

Nhà doanh nghiệp gất gỏng đập lại:

- Ai sở hữu chúng?

- Cháu không biết. Chẳng của ai hết.

- Thế thì chúng thuộc về ta, vì ta là người đầu tiên nghĩ đến chuyện có chúng trong tay.

– Chỉ vậy thôi là đủ?

– Hẳn rồi. Khi cậu bắt gặp một viên kim cương chẳng thuộc về ai cả, thì viên kim cương đó thuộc về cậu. Khi cậu có một ý tưởng mà chưa ai có hết, thì cậu đem ý tưởng đó ra xin cấp đăng ký, nó thành cái của cậu. Riêng ta, thì ta sở hữu các ngôi sao, vì trước ta chưa có một ai nghĩ đến chuyện sở hữu các ngôi sao đó.

– Đúng là như vậy, chú hoàng tử bé nhỏ nói. Thế rồi bác dùng chúng vào việc gì?

– Ta quản lý chúng. Ta đếm đi đếm lại chúng, nhà doanh nghiệp nói. Việc này khó. Nhưng ta là một con người nghiêm túc!

Chú hoàng tử bé nhỏ vẫn chưa thỏa mãn:

– Cháu ấy à, nếu cháu có trong tay chiếc khăn quàng, cháu có thể quấn khăn quanh cổ và đeo nó. Cháu ấy à, cháu mà có một bông hoa, cháu có thể hái bông hoa đó và mang theo người. Còn bác thì không thể hái được những ngôi sao!

– Không hái được, nhưng ta có thể gửi chúng vào ngân hàng.

– Nghĩa là gì?

– Nghĩa là ta ghi vào mảnh giấy số lượng các ngôi sao. Sau đó ta nhét mảnh giấy đó vào hòm, khóa chặt lại.

– Chỉ có vậy thôi?

– Có thể thôi!

“Kể cũng vui đấy”, chú hoàng tử bé nhỏ ngẫm nghĩ. “Chuyện này khá thơ mộng. Nhưng không nghiêm túc lắm”.

Chú hoàng tử bé nhỏ thường có những ý kiến riêng về những điều gọi là nghiêm túc rất khác với ý kiến người lớn.

– Cháu ấy à, chú nói tiếp, cháu sở hữu một bông hoa ngày nào cháu cũng tưới tắm cho nó. Cháu có ba quả núi lửa tuần nào cháu cũng ủ lại. Vì cháu ủ cả cái núi lửa đã tắt ấy. Biết đâu là chừng, cẩn thận vẫn hơn. Cháu làm như thế là có lợi cho mấy cái núi lửa của cháu, mà cũng có lợi cho bông hoa của cháu, là những thứ cháu có trong tay, cháu sở hữu chúng. Nhưng bác thì chẳng có tích sự gì cho các ngôi sao hết...

Nhà doanh nghiệp há hốc miệng không trả lời nổi, khi ấy chú hoàng tử bé nhỏ liền bỏ đi.

“Người lớn quả tình là rất kỳ cục”, chú hoàng tử bé nhỏ ngẫm nghĩ suốt dọc đường.

CHƯƠNG XIV

Hành tinh thứ năm rất kỳ cục. Đó là hành tinh nhỏ nhất trong những hành tinh chú hoàng tử bé nhỏ tới thăm. Ở đó chỉ đủ chỗ cho một cây đèn đêm và một người phu đốt đèn. Chú hoàng tử bé nhỏ không làm sao lý giải để hiểu nổi, vì sao ở đâu đó trên trời, trên một hành tinh không nhà cửa, không người ở, mà lại có một cây đèn đêm và một người phu đốt đèn. Khi ấy chú lý sự một mình thế này:



“Có thể cái ông đốt đèn kia là người ngớ ngẩn. Dầu sao ông ta cũng bớt ngớ ngẩn hơn ông vua, kém ngớ ngẩn hơn chàng mũi phồng, nhà doanh nghiệp và ông nát rượu. Ít ra thì công việc ông ta làm còn có một chút ý nghĩa. Khi ông ta thắp sáng cây đèn đường, tựa hồ như ông làm cho trời đất sinh đẻ thêm một ngôi sao, hoặc nở thêm một bông hoa. Khi ông tắt cây đèn đêm, ông ru ngủ cả bông hoa và cả ngôi sao trời. Đó là một công việc sao mà đẹp. Đó là điều thực sự có ích vì nó đẹp”.

Khi vừa chạm đất tới hành tinh này, chú hoàng tử bé nhỏ kính cẩn chào người phu đốt đèn:

– Xin chào bác. Sao bác lại tắt đèn đi?

Bác phu đốt đèn đáp:

– Đó là làm theo quy định... Sáng rồi, chào cháu.

– Quy định nghĩa là gì?

– Là buổi sáng thì tắt đèn đi. Bây giờ thì tối rồi đây, chào cháu, tối rồi.

Nói rồi bác phu đốt đèn lại thắp cây đèn đường lên.

– Nhưng sao vừa mới tắt xong, bây giờ bác lại thắp lên?

Bác phu đốt đèn trả lời:

– Đó là làm theo quy định.

Chú hoàng tử bé nhỏ nói:

– Cháu không hiểu.

Bác phu đốt đèn nói:

– Chẳng có gì khó hiểu cả. Quy định là quy định. Chào cháu, sáng rồi đây này.

Nói rồi bác lại tắt cây đèn đường đi.

Sau đó bác lấy chiếc khăn tay kẻ ô vuông màu đỏ thấm mồ hôi trán.

– Công việc của bác thật khủng khiếp. Ngày xưa thì chẳng sao. Xưa thì cứ sáng tắt đèn, chiều tối thắp đèn. Còn lại cả ban ngày nghỉ ngơi, và ban đêm thắp đèn xong thì đi ngủ...

– Thế rồi quy định thay đổi?

Bác phu đốt đèn nói:

– Quy định thì không thay đổi. Bi thảm là từ chỗ đó. Hành tinh càng ngày càng quay nhanh, mà quy định lại không thay đổi!

– Thế rồi sao nữa hả bác?

– Bây giờ cứ một phút hành tinh quay được một vòng, không ngơi được một giây. Một phút một lần đốt đèn rồi lại tắt đèn!

– Hay thật đấy, một ngày ở chỗ bác dài có một phút thôi!

Bác phu đốt đèn nói:

– Chẳng có gì hay ho cả. Từ nãy tới giờ hai bác cháu mình trò chuyện, thế mà hết một tháng rồi đó.

– Một tháng?

– Đúng thế. Ba mươi phút. Ba mươi ngày rồi! Chào cháu, bác đi đốt đèn đây.

Rồi bác ta đi đốt cây đèn đường.

Chú hoàng tử bé nhỏ nhìn bác ta, và chú thấy yêu cái bác phu đốt đèn này, con người sao mà trung thành làm đúng quy định. Chú nhớ lại những lần mặt

trời mọc mà chính chú trước đây vẫn kiếm tìm bằng cách dịch chiếc ghế đang ngồi. Chú muốn giúp bác ta:

– Bác này... cháu có một cách giúp bác lúc nào muốn nghỉ ngơi thì cứ việc nghỉ ngơi...

Bác phu đốt đèn nói:

– Lúc nào cũng muốn nghỉ ngơi.

Con người ta là vậy, cùng lúc vừa có thể chăm chỉ và lại lười nhác.

Chú hoàng tử bé nhỏ nói tiếp:

– Hành tinh của bác bé tí tẹo, chỉ ba sải dài chân là đi khắp hành tinh. Bác chỉ cần đi chậm chậm thế là lúc nào cũng có ông mặt trời trước mặt. Bất cứ lúc nào muốn nghỉ ngơi thì bác cứ dạo bước... và chừng nào bác còn bước đi thì ngày sẽ dài vô cùng tận.

Bác phu đốt đèn nói:

– Thế cũng chẳng ăn thua gì. Điều ta yêu quý trên đời là ngủ.

Chú hoàng tử bé nhỏ nói:

– Cũng chẳng ăn thua gì thật.

Bác phu đốt đèn nói:

– Chẳng ăn thua gì thật. Chào cháu, sáng rồi đây này.

Và bác ta đi tắt cây đèn đường.

“Cái bác này”, chú hoàng tử bé nhỏ tiếp tục cuộc viễn du, và vừa đi vừa ngẫm nghĩ, “cái nhà bác này sẽ bị cả lũ kia khinh rẻ, bị nhà vua, bị chàng mũi phồng, bị ông nát rượu, bị nhà doanh nghiệp khinh rẻ. Nhưng mình thấy đây là con người duy nhất không lối bịch. Có lẽ đó là vì bác ta lo một điều gì khác chứ không lo cho bản thân mình”.

Chú thở dài tiếc rẻ và lại thầm nói:

– Cái bác này có lẽ là người duy nhất ta phải kết bạn. Nhưng hành tinh của bác ấy bé quá. Hai người cùng ở đó thì không đủ chỗ...

Có một điều chú hoàng tử bé nhỏ không dám thú nhận, đó là chú tiếc rẻ hành tinh Trời thương ban cho kia, vì cứ một ngày đủ hai mươi bốn giờ là có đủ một nghìn bốn trăm bốn mươi lần mặt trời lặn!

CHƯƠNG XV

Hành tinh thứ sáu mươi lần to rộng hơn mấy hành tinh kia. Cư dân trên hành tinh này là một ông già đáng kính chuyên viết ra những quyển sách dày cộp.



– Kìa! Kìa đúng là một nhà thám hiểm! Ông nói khi nhìn thấy chú hoàng tử bé nhỏ.

Chú hoàng tử bé nhỏ ngồi lên trên bàn và thử đọc một chút. Chú đã đi biết bao nhiêu là đường đất rồi mà!

Ông già hỏi chú:

– Anh bạn trẻ từ đâu tới vậy?

Chú hoàng tử bé nhỏ nói:

– Cái quyển sách to tướng kia là sách gì vậy? Cụ làm gì ở đây ạ?

Ông già nói:

– Ta là nhà địa lý học.

– Nhà địa lý học là gì ạ?

– Là một nhà bác học biết rõ ở đâu có biển, có sông, có thành phố, có núi và có hoang mạc.

– Cái này hay đấy, chú nói. Suy cho cùng đây mới đúng là một nghề!

Nói xong chú nhìn quanh hành tinh của nhà địa lý học. Chú chưa từng thấy một hành tinh nào trắng lệt như thế.

– Hành tinh của cụ đẹp thật. Chỗ cụ ở đây có đại dương không ạ?

Nhà địa lý học nói:

- Ta không thể biết được điều đó.
- À há! (Chú hoàng tử bé nhỏ thấy thất vọng). Thế còn núi?

Nhà địa lý học nói:

- Ta không thể biết được điều đó.
- Thế thành phố, sông ngòi và hoang mạc?
- Ta cũng không thể biết được nốt.
- Nhưng cụ là nhà địa lý học kia mà!

- Chính xác, nhưng ta không phải nhà thám hiểm. Ta hoàn toàn thiếu những nhà thám hiểm. Đâu có phải nhà địa lý học đi đếm xem có bao nhiêu thành phố, bao nhiêu sông ngòi, núi non, bao nhiêu biển và mây đại dương. Nhà địa lý học có vai trò quá quan trọng nên không thể lang thang vơ vẩn cho được. Nhà địa lý học không bao giờ rời bàn giấy của mình. Nhưng ông ta tiếp các nhà thám hiểm. Ông hỏi han họ và ghi chép những gì họ kể. Và nếu trong những lời kể đó nhà địa lý thấy có chỗ nào thú vị, ông ta tổ chức điều tra về đạo đức của nhà thám hiểm.

- Sao lại làm thế?

- Vì nếu một nhà thám hiểm mà lại nói dối, thì sẽ kéo theo vô vàn hiểm họa cho các sách địa lý. Và một khi có nhà thám hiểm nào mà lại uống quá chén...

Chú hoàng tử bé nhỏ hỏi:

- Sao lại thế?

- Vì say rượu thì cái nọ nhìn xọ thành cái kia. Thế là ông địa lý học lại ghi vào sách hai quả núi khi ở chỗ đó đúng là chỉ có mỗi một quả...

- Cháu biết một người, ông ấy mà đi thám hiểm thì chỉ có thể là nhà thám hiểm tồi.

- Có thể lắm. Vậy là nếu biết chắc đạo đức của nhà thám hiểm là tốt rồi, khi đó sẽ tổ chức điều tra về những điều ông ta tìm thấy.

- Đến tận nơi mà xem?

- Không, thế thì quá phức tạp. Nhưng người ta bắt nhà thám hiểm đem về những viên đá to tướng.

Nói một hồi, bỗng nhà địa lý học thấy chán:

- Anh bạn nhỏ, anh bạn đến từ nơi xa! Chắc anh bạn phải là một nhà thám hiểm! Anh bạn mô tả hành tinh của anh bạn ra sao đi.

Nhà địa lý vừa nói vừa mở cuốn sổ to tướng, rồi gọt bút chì. Ban đầu người

ta vẫn ghi những lời kể của các nhà thám hiểm bằng bút chì. Sau khi nhà thám hiểm cung cấp chứng cứ, người ta sẽ ghi lại bằng bút mực.

– Kể đi chứ?

– Ôi chao, ở hành tinh của cháu, chẳng có gì thú vị cả, chú hoàng tử bé nhỏ nói, nó bé tí tẹo ấy mà. Cháu có ba quả núi lửa. Hai núi lửa đang hoạt động, một đã tắt. Nhưng biết đâu là chừng...

– Biết đâu là chừng, nhà địa lý học nói.

– Cháu cũng có một bông hoa.

Nhà địa lý học nói:

– Chúng tôi không ghi lại các thứ hoa.

– Không thể được! Thế là không đẹp!

– Vì hoa là loài mang tính phù du.

– “Phù du” nghĩa là gì?

Nhà địa lý học nói:

– Các sách ghi chép về địa lý, là những sách quý giá nhất trong các loại sách. Sách địa lý học không bao giờ lạc hậu cả. Vì hiếm khi một quả núi lại chuyển chỗ. Hiếm khi có đại dương nào lại hết nước. Chúng ta ghi lại những điều vĩnh cửu.

Chú hoàng tử bé nhỏ cắt lời ông già:

– Nhưng núi lửa tắt có thể bùng dậy... Vậy “phù du” nghĩa là gì?

– Với chúng ta núi lửa dù đã tắt hoặc bùng dậy đều có giá trị như nhau, nhà địa lý học nói. Quan trọng với chúng ta ở chỗ núi lửa cũng là núi. Núi bao giờ cũng không thay đổi.

– Vâng, nhưng “phù du” nghĩa là gì? Chú hoàng tử bé nhỏ nhắc lại, chú là người suốt đời hể đã ra câu hỏi là không khi nào bỏ đó.

– Có nghĩa là “cái gì đó bị đe dọa sắp tiêu tan”.

– Bông hoa của cháu bị đe dọa sắp tiêu tan ư?

– Hẳn là vậy rồi.

“Bông hoa của ta có tính chất phù du”, chú hoàng tử bé nhỏ ngẫm nghĩ, “và nàng chỉ có bốn cái gai bé nhỏ để tự vệ chống chọi mọi thứ trên đời! Mà ta lại bỏ em ở nhà mà đi!”

Đó là lần đầu tiên chú thấy ân hận. Nhưng chú lấy lại sự dũng cảm. Chú hỏi.

– Cụ khuyên cháu đi thăm thú nơi nào nữa đây?

- Đến thăm hành tinh Trái đất ấy, nhà địa lý học đáp lại. Hành tinh này nổi tiếng lắm.

Thế là chú hoàng tử bé nhỏ ra đi, trong lòng vẫn nghĩ ngợi hoài về bông hoa của chú.

CHƯƠNG XVI

Vậy hành tinh thứ bảy chính là Trái đất.

Trái đất đâu có phải là một hành tinh vớ vẩn! Trên hành tinh này đếm được cả thấy một trăm mười một ông vua (dĩ nhiên tính cả những ông vua của các bộ tộc người da đen), bảy nghìn nhà địa lý, chín trăm nghìn nhà doanh nghiệp, bảy triệu rưỡi người nát rượu, ba trăm mười một triệu người ưa phỉnh nịnh, tổng cộng khoảng hai tỉ người lớn.

Để bạn có thể hình dung kích thước Trái đất, tôi xin nói để các bạn rõ là, trước khi phát minh ra điện, trên toàn bộ sáu lục địa của Trái đất, người ta phải nuôi một đạo quân các phu đốt đèn đường gồm bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm mười một bác.

Đứng xa xa một chút nhìn vào Trái đất, cảnh tượng thật huy hoàng. Đội quân đó chuyển động sắp đặt trật tự lớp lang như một dàn vũ kịch ba-lê. Đầu tiên các bác phu đốt đèn đường vùng New Zealand và Australia ra trò. Các bác này đốt xong đèn rồi thì đi ngủ. Tiếp đó đến lượt vào sân khấu múa của các bác Trung Hoa và Siberia. Rồi các vai này cũng lặn vào sau cánh gà sân khấu. Đến lượt tiếp theo là các bác nước Nga và Ấn Độ. Rồi đến lượt các bác châu Âu và châu Phi. Tiếp đến các bác châu Nam Mỹ. Rồi tới lượt các bác Bắc Mỹ. Lại một điều là không bao giờ các bác nhائم lượt ra sân khấu. Thật là kỳ vĩ.

Riêng có các bác phu đốt đèn ở cực Bắc và bạn đồng nghiệp duy nhất ở cực Nam thì lại sống cảnh nhàn rồi lờ phờ: Họ chỉ làm việc mỗi năm có hai bận thôi.

Luyện tập

1. Thảo luận: Các bạn có ý nghĩ gì về nhận xét của nhà văn người Nga Konstantin Paustovsky (trong cuốn tùy bút *Bông hồng vàng*) rằng “Saint-Exupéry viết những chuyện trên trời nhưng là những chuyện của con người dưới mặt đất”.
2. Thảo luận: Các bạn hãy tìm những điều nghịch lý trong mỗi nhân vật chú hoàng tử bé bất gặp trong cuộc ngao du. Hãy cho biết chú hoàng tử bé đã đến những hành tinh khác hay vẫn chỉ quẩn quanh trên Trái đất này thôi?
3. Thảo luận: Các bạn hãy giải thích những đánh giá bằng một từ “kỳ dị” hoặc “quái dị”... sau khi chú gặp mỗi nhân vật trong cuộc ngao du.
4. Nói rồi viết tiểu luận: Hãy tưởng tượng chính bạn là chú hoàng tử bé khi gặp bác phu đốt đèn đường. Hãy nói tâm trạng của bạn.
5. Nói rồi viết tiểu luận: Chương cuối cùng mô tả thú vị như thế nào để vẽ nên sự bé nhỏ của Trái đất? Ngày nay, trong thời đại càng ngày càng văn minh, bạn còn thấy Trái đất bé nhỏ như thế nào nữa?
6. Nói rồi viết tiểu luận: Hãy tưởng tượng chính bạn là tác giả tiểu thuyết *Hoàng tử bé*. Hãy có vài lời giải thích vì sao phải dùng hình tượng chú hoàng tử bé bồng để nói về sự buồn bã khi thấy con người hùng mạnh mà yếu ớt vô cùng. Hãy chứng minh bằng nhận xét của bạn: Con người hùng mạnh mà yếu ớt như thế nào? Tác giả đề nghị giải pháp gì để con người tự cứu mình?
7. Gợi ý: Bạn có thấy thòm thòm vì đoạn trích cho mình học ngắn quá? Bạn có ý định đọc toàn bộ tác phẩm *Hoàng tử bé* không?

C. PHƯƠNG THỨC KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG THỰC CỦA CON NGƯỜI

BÀI NHẬP

CUỘC SỐNG THỰC CỦA CON NGƯỜI TRONG THỂ TỰ SỰ

Các bạn học sinh Lớp 8 thân mến.

Bài mở đầu này sẽ chỉ nói với các bạn một ý này thôi: Mọi người đều nhìn thấy hiện thực gần như nhau. Nhưng hiện thực đó được ghi nhận một cách khác và thể hiện ra bởi ngòi bút của *một nhà văn*. Nói cách khác, cách học văn để am tường nghệ thuật nói chung của các bạn là sự tìm tòi giữa *cách biểu đạt* và *cái được biểu đạt*. Và trong Phần C này, các bạn sẽ phân biệt *cách biểu đạt* và *cái được biểu đạt* trong phạm vi phương thức tự sự.

Chúng ta đều biết rằng “cái” biểu đạt là những đề tài. Và đề tài thì nói chung là giống nhau. Ví dụ chuyện người nông dân nghèo thời xưa. Ta hãy hình dung một cuộc gặp mặt của các nhà nho, và vào lúc trà dư tửu hậu, các cụ kháo nhau chuyện người nông dân nghèo ở làng mình. Đó là *đề tài* và lần này các cụ bàn nhau về đề tài người nông dân nghèo. Nói luôn, với đề tài đó, các cụ có kháo nhau bao nhiêu ngày đêm cũng không hết chuyện. Nếu một nước có vài chục triệu nông dân thì có bấy nhiêu hoặc gấp nhiều lần bấy nhiêu câu chuyện mang đề tài người nông dân nghèo. Nhưng số nhà văn viết về đề tài đó (biểu đạt về “cái” đó) không thể là hàng triệu, chỉ vài ba người, vài chục người trong số vài chục triệu người nông dân. Vì vậy, người đọc truyện trông chờ đọc để thưởng thức *một cách viết riêng* về cùng một đề tài người nông dân nghèo theo *một cách nhìn riêng* của nhà văn. Cái “cách” đó mới là điều bạn đọc chờ đợi. Người đọc không muốn thưởng thức những cách biểu đạt giống nhau.

Vậy, *cách biểu đạt* thể hiện ra như thế nào trong tác phẩm văn tự sự?

Trước hết, ta thấy một *tâm hồn* nhà văn viết tự sự – một lòng đồng cảm như các bạn đã học từ Lớp 1 – cái *tâm hồn* khiến các nhà văn đó rung động trước cảnh đời thực của con người. *Tâm hồn* nhạy cảm dễ rung động của nhà văn khiến họ không như những hòn đá *lăn trên đường mà trên thân mình chẳng bám một cọng rêu* – những hòn đá vô cảm tiêu biểu cho tính vô cảm không bao giờ đến được với tâm tình con người và với cái đẹp nghệ thuật diễn đạt tâm tình con người.

Tâm hồn nhà văn viết tự sự toát ra từ tính cách riêng từng nhà văn. Nhà văn Ngô Tất Tố viết *Việc làng* tỉ mỉ như một nhà báo, tả anh mỗ có tài chặt cái đầu con gà (nhà quê xưa trân trọng gọi là cái “thủ” con gà) thành tám phần đều nhau. Không chia đều cho các vị ăn trên ngói tróc coi “một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp” sẽ khích bác nhau, tranh giành nhau, có khi đi đến thù hận nhau. Nhà văn có cái nhìn nhà báo Ngô Tất Tố phân tích sự nghèo khổ của nông dân Việt Nam trong cái nông thôn dưới sự thâm tóm của lũ trí thức nửa mùa qua chuyện *Việc làng*. Cũng nhà văn có cái nhìn nhà báo Ngô Tất Tố sẽ lại phân tích bọn trọc phú xứ quê trong tiểu thuyết *Tắt đèn* giàu nứt đổ vỡ vách nhưng tham lam đến độ cò kè khi mua ổ chó của chị Dậu để chị có tiền nộp thuế cho chồng.

Các bạn sẽ thấy những nét riêng trong *tâm hồn* các nhà văn khác nhau trong Phần C này. *Tâm hồn* họ sẽ đưa đến cho họ *cách viết riêng* (bên trên gọi bằng ngôn ngữ tu từ là *ngòi bút riêng*).

Các bạn sẽ tự học *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ để cảm nhận sự thư thái trong *tâm hồn* nhà văn nhà nho đó. Tên sách có nghĩa đen là “vào ngày mưa phóng bút nghĩ gì viết nấy”. Nhưng xin nhớ, sự “phóng bút” đó rất có trách nhiệm, tuy nói là “nghĩ gì viết nấy” nhưng không “viết chơi”, viết mà bất cần đời. Các bạn sẽ thấy chất tự sự (văn xuôi) mà như là những lời thơ – và các bạn sẽ hiểu thể *bút ký* hoặc *tùy bút* có cách viết – cách biểu đạt như thế nào.

Các bạn sẽ tự học *Những lời bộc bạch* của nhà văn Pháp Jean-Jacques Rousseau để cảm nhận *tâm hồn* một người nghèo khổ (vốn là con bị bỏ rơi, được nuôi dạy trong nhà trẻ mồ côi, sau này lấy vợ để con vẫn nghèo khó không thể chính thức kết hôn, và phải đưa chính các con đẻ của mình vào nhà trẻ mồ côi)... nhà văn kiêm nhà triết học ấy sẽ “bộc bạch” với người đời những lời tự sự gì. Các bạn sẽ thưởng thức cả bản dịch của dịch giả Lê Hồng Sâm ngay từ tên sách. Cuốn sách của Jean-Jacques Rousseau có tên là *Confessions* có thể hiểu là

“Những điều thú tội” mang nhiều hàm nghĩa tôn giáo đã được dịch là *Những lời bạch bạch* mang nghĩa “xưng tội với chính mình”, và “xưng tội với những bạn đọc sẽ đồng cảm được với mình”.

Các bạn sẽ tự học *Hồi ức ngôi nhà chết* của nhà văn Nga Feodor Dostoevsky. Đây là nhà văn có số phận lạ kỳ. Ông bị chứng động kinh hành hạ, nhưng ông ưa sống với chứng bệnh đó, vì mỗi lần lên cơn động kinh rồi tỉnh dậy ông đều có được cảm giác đã chết, đã đến với Chúa, rồi lại được về trần gian sống nốt những ngày thử thách. Cầu được, ước thấy! Chàng sĩ quan trẻ Feodor Dostoevsky tham gia chống Nga Hoàng, đã bị kết án xử bắn, trước những họng súng đã lên nòng thì có lệnh của Nga Hoàng tha tội chết, giảm án xuống khổ sai chung thân. Trong tù, “con mắt bên trong” của nhà văn đã ghi vào tâm hồn ông những hình ảnh để ông ghi lại trong *Hồi ức ngôi nhà chết* và giúp người đời nghiền ngẫm những chuyện đời sâu sắc.

Các bạn sẽ tự học *Nỗi buồn chiến tranh* của nhà văn Việt Nam Bảo Ninh. Về đề tài chiến tranh, cũng như mọi đề tài khác, các bạn sẽ thấy một tâm hồn Bảo Ninh qua cách viết tiểu thuyết khác hẳn nhiều tác giả quen thuộc. Học *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh là học một cách sống với ngòi bút, chân thành, thực thà, viết văn như trút vào trang giấy cả một đời trai trẻ, và sau chiến tranh không viết ra thì sẽ chết thay vì đã chết trong cuộc chiến từng giây từng phút không có một nháy mắt nào không có một hoặc những mất mát không có phép thiêng phép lạ nào níu kéo được nổi.

Các bạn sẽ tự học *Linh sơn* (“Núi thiêng”) của nhà văn Pháp đương đại gốc Trung Hoa (giải thưởng Nobel văn chương năm 2000), và cũng sẽ thưởng thức một cách viết khác lạ, đầy u sầu. Những miền quê không tên, những quả núi không tên, những con người không tên... Nhưng tất cả đều thiêng. Thiêng là gì, thiêng như thế nào, thiêng với con người như thế nào... đó là những câu tự đặt vấn và cũng là những gợi ý cho người đọc trả lời.

Cái mẫu sau cùng để các bạn tự học là hồi ức *Cô bé nhìn mưa* của nhà giáo Đặng Thị Hạnh. Cô không định viết văn để thành nhà văn chuyên nghiệp. Cuốn hồi ức như một cơ hội tác giả tự trò chuyện với mình. Cuốn sách có ra đời dưới dạng in trên giấy chẳng qua vì bè bạn thấy những dòng tâm sự đó có thể là gợi ý có ích cho bạn trẻ đương thời sống không vô cảm, sống có ý nghĩa ngay cả trong hoàn cảnh có một đời sống bình thường, phẳng lặng. Ta không chờ đợi mọi người đều có cuộc sống lúc nào cũng gần kề cái chết. Nhưng dù sống bình

yên, phẳng lặng, thì tâm hồn mình cũng vẫn xao động – một khu vườn không bao giờ cũng xôn xao tiếng ve kêu, tiếng chim chiếp chiếp. Đó cũng là một cách tự sự các bạn không thể không học.

Luyện tập

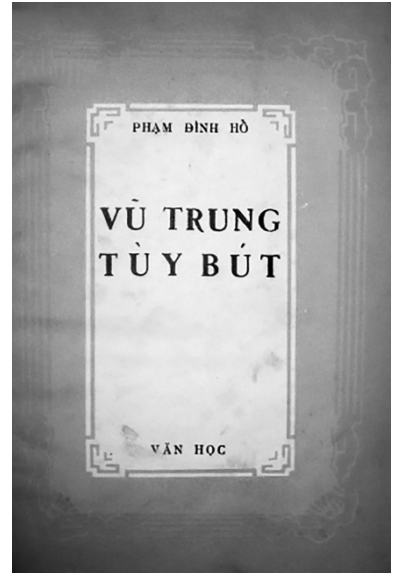
1. Thảo luận: Hãy cùng nhớ lại và cho ví dụ về cách học Văn theo chương trình giáo dục Cánh Buồm. Chú ý thảo luận những ý sau:
 - a. Phân biệt giữa cách biểu đạt và cái được biểu đạt.
 - b. Về tâm hồn nhà văn.
 - c. Về đối thoại gián tiếp giữa nhà văn viết truyện và bạn đọc.
2. Thảo luận: Các bạn hiểu thế nào là “hiện thực” trong văn tự sự? Một triệu người nông dân kể về một triệu cuộc sống của mình và một nhà văn kể về cuộc sống của một người nông dân, các sản phẩm khác nhau ra sao?
3. Thảo luận: Thế nào là một đề tài? Một đề tài có thể có nhiều nhà văn cùng viết không? Chỗ khác nhau giữa các tác phẩm ở chỗ nào?
4. Thảo luận: Hãy hình dung các thể loại *tùy bút*, *bút ký*, *truyện* và *tiểu thuyết* có nét gì giống nhau ở người viết và khác nhau ở cách biểu đạt?
5. Hỏi riêng từng bạn: Sau khi đọc Bài nhập này, bạn có thoáng nghĩ sẽ đọc trước các tác phẩm sẽ học trong phần này không? Tại sao lại có ý nghĩ đó? Hãy ghi ý nghĩ đó vào sổ tay, có thể có lúc bạn cần đến.

BÀI 10

VŨ TRUNG TÙY BÚT **(của Phạm Đình Hổ)**

Giới thiệu chung

Vũ trung tùy bút văn bản sách gốc nay không còn, chỉ còn lại những tập tạm gọi là truyền bản. Hiện các bản chép tay tác phẩm *Vũ trung tùy bút* đang được bảo tồn tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam. Dịch giả Nguyễn Hữu Tiến dịch và công bố bản dịch trên Tạp chí *Nam Phong* (1927–1928). Bản dịch *Vũ trung tùy bút* từ Hán văn ra Việt văn của ông về sau được Nhà xuất bản Văn học xuất bản năm 1972.



Tác giả *Vũ trung tùy bút* Phạm Đình Hổ (1768–1839) tự Tùng Miêu, Bình Trục, bút hiệu Đông Dã Tiều, biệt hiệu Chiêu Hổ tiên sinh; Quê ở làng Đan Loan (tên Nôm là làng Đạc) huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc xã Nhân Quyền, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương). Phạm Đình Hổ lớn lên giữa buổi xã hội sóng gió, non sông rơi vào cảnh can qua liên hồi. Giai đoạn mà sử gọi là thời kỳ “Lê mạt Nguyễn sơ”, cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Suốt cuộc đời ông chú trọng đến việc dạy học và viết sách hơn là việc làm quan. Ngoài các tác phẩm văn học, ông còn để lại nhiều công trình khảo cứu, biên soạn có giá trị thuộc nhiều lĩnh vực như lý luận, văn hóa, lịch sử... Cho đến nay còn lưu được 22 tác phẩm viết bằng chữ Hán.

Giới thiệu thiên mở đầu *Tự thuật* trong *Vũ trung tùy bút* (Câu chuyện thời gian tự sự)

Vũ trung tùy bút gồm 90 thiên văn xuôi Hán văn. Đây dường như là một văn tập tập hợp các thiên/bài tản văn từng viết rải rác đây đó tản mạn qua năm tháng (có thể vào lúc viết từng thiên cụ thể, Phạm Đình Hổ quả cũng đã nghĩ

tới những “thể thức” văn chương từng có như tiểu truyện/truyện ký/phả ký/liệt truyện/truyện kỳ/thi thoại/du ký/bút ký/tự thuật/biên khảo). Và rồi vào một lúc nào đó, tác giả của chúng đã quyết định “kết tập” lại dưới một nhan đề chung nhằm tới việc khắc in thành “sách”. Rất có khả năng chính vào lúc đó, tác giả thấy cần phải viết lấy một thiên đặt lên đầu sách – thiên có tính cách như là một *tự tựa* hay một lời *giới thiệu* kiểu “cùng bạn đọc” mà ta thường thấy ở đầu các cuốn sách ngày nay. Tự tựa của *Vũ trung tùy bút* chính là thiên *Tự thuật*. Ở vào vị trí mở đầu tập sách, thiên *Tự thuật* có tác dụng chiếu ứng nối kết 89 thiên toàn sách. Đọc kỹ thiên này bạn bước đầu hình dung được hình tượng cái tôi tác giả tự sự, mừng tượng được một khung cảnh với dằng dặc tháng ngày... Chẳng hạn ngay trong đoạn đầu của thiên này – bạn đọc thấy: “Năm ta lên năm sáu tuổi, đáng tiên đại phu ta mới thăng làm Tuần phủ Sơn Tây, bổng lộc đã dư dự, song những cách chơi cây, đá, hoa chim, ta không để bụng ham mê.”. Thế rồi, lần mở tác phẩm, đọc đến chẳng hạn thiên thứ bảy *Hoa thảo* – một thiên có tính cách bút ký khảo cứu về hoa lan nhưng bạn vẫn thấy trong đó một thoáng qua của bóng người tự thuật: “Ta khi nhỏ, lắm hồi gian truân, phải đi dạy học bốn phương, không lúc nào rỗi mà lưu ý đến cỏ hoa. Nhưng mỗi khi đến chơi nhà anh em bạn, thường thơ thẩn ở trong chốn vườn hoa bóng trúc.”. Liên hệ trở lại với đoạn trần thuật trong thiên *Tự thuật* vừa dẫn, có lẽ bạn sẽ nghĩ người kể chuyện xưng “ta” này khi có điều kiện chả chơi thì lúc túng quẫn muốn cũng chả được? Nguyên do gì mà từ một cậu ấm tuổi thơ dư giả mà giờ đây lại lâm cảnh túng nghèo? Và nguyên do gì mà nghèo nhưng vẫn giữ lòng yêu hoa cỏ? Bạn sẽ tìm được câu trả lời sau khi đọc cả tác phẩm. Còn bây giờ đây, ta hãy tập trung vào thiên *Tự thuật* và cố gắng mô tả đại lược vấn đề mà ta tạm gọi là “thời gian tự sự” trong tác phẩm. Bạn hãy đọc kỹ cả thiên và thực hiện tuần tự các bước công việc yêu cầu ở dưới.

TỰ THUẬT

Ta sinh năm Mậu Tý (1768) niên hiệu Cảnh Hưng. Lúc bấy giờ, đáng tiên đại phu ta làm Hiến sát tỉnh Nam mới về. Bà tiên cung nhân hoài thai ta, vẫn ăn uống đi lại như thường, đến bảy tám tháng chưa biết là có thai. Năm ta lên năm sáu tuổi, đáng tiên đại phu ta¹ mới thăng làm Tuần phủ Sơn Tây, bổng lộc

1 Đại phu chỉ phụ thân, cung nhân chỉ mẫu thân. Chữ “tiên” chỉ người đã quá cố.

đã dư dự, song những cách chơi cây, đá, hoa chim, ta không để bụng ham mê. Bà bảo mẫu họ Hoàng thường hỏi ta: “Về sau có chí muốn gì không?”. Ta nói: “Làm người con trai phải lập thân hành đạo, đó là phận sự rồi, không phải nói nữa. Sau này trưởng thành mà được lấy văn thơ nổi tiếng ở đời để cho người ta biết là con cháu nhà họ, nhà kia, chí tôi chỉ muốn như thế mà thôi!”.

Thấm thoát hơn hai mươi năm trời mà lời dạy bảo của cha mẹ vẫn vang vẳng bên tai. Nay đến bước đường cùng lận đận, biết còn đội gạo vì ai!¹ Chỉ than thở cùng trời xanh, chứ biết gửi lòng mình vào đâu! Đáng tiên đại phu ta trải qua Hiến sát Nam Định, Tuần phủ Sơn Tây, trong tráp vẫn thường có cái mũ với cái khăn, ta thường lúc đùa bỡn cứ hay lấy ra đội, mà thích nhất là cái mũ trãi quan², dẫu cấm không cho chơi nghịch cũng không thể được. Có người đem những sách Nôm và những trò thanh sắc, nghề cờ bạc, rủ rê chơi đùa, thì ta bịt tai lại không muốn nghe. Ta đã học võ được ít kinh sử, thế mà chữ Nôm ta không thể biết hết được, câu ca bản đàn thoảng qua ngoài tai rồi lại lơ mờ không hiểu gì cả. Năm Giáp Thìn (1784) ta mắc bệnh có cơ nguy đến tính mệnh. Khởi dậy, anh trưởng ta mới dạy ta đánh cờ tướng. Ta học đến vài năm nhưng hề đánh với ai là thua. Năm ngoài hai mươi tuổi, cùng với các bạn bè chơi cờ, lúc bấy giờ mới hiểu được cái thế công thủ trong cuộc cờ, nhưng lại không muốn để trí vào nữa. Còn như những trò chơi cờ bạc, phán thán³ thì ta vốn không thích, đôi lúc đùa, thử tập chơi, nhưng ít lâu cũng chẳng hiểu cái thuật nó ra thế nào. Đó cũng bởi tư chất mình, trời cho phần mờ tối, không thể cưỡng mà học được các nghề chơi. Có điều, từ sau khi lưu lạc rồi, lại mắc phải cái bệnh nghiện chè tàu. Khay chè thiếu thốn, tiền không đủ mua chè, mà vẫn nghiện. Nghiện quá, các thứ chè từng quế thơm tho, thứ nào cũng mua nếm qua cả. Đã nhiều lần muốn chữa hẳn mà không chữa được. Còn nhớ khi bà cung nhân ta hãy còn, người thường lấy những điều cờ bạc chè rượu làm răn. Mà ta nay đã ngoài ba mươi tuổi, bốn điều răn ấy đã phạm mất ba. Đêm thanh vắng, suy xét, hối hận vô cùng. Ta vẫn mong cố gắng sửa đổi, để khỏi phụ lời tiên huấn. Ta mới khi lên chín tuổi, đã học sách Hán thư, được bốn năm thì đáng

-
- 1 Từ Lộ thuật chuyện đời mình cho Khổng Tử có nói: "Ngày ngày, tôi phải ra ngoài hàng dặm đội gạo về nuôi mẹ...". Hậu nhân dùng tích này để chỉ việc phụng thờ cha mẹ.
 - 2 Trang phục nơi nhiệm sở của thân sinh tác giả khi đang làm quan.
 - 3 Một lối đánh bài.

tiên đại phu ta mất. Trong mấy năm cư tang, gói đất nằm rơm, học hành buổi đực buổi cái, đến khi mãn tang rồi mới thôi không học sử nữa mà học đến kinh. Các sách cổ, thơ cổ, ta thường ham xem lắm, không lúc nào rời tay. Năm Nhâm Dần (1782), anh trưởng ta đi ra đua đòi ở chốn kinh đô, anh hai ta ra trọ ở đất Hạ Hồng (Ninh Giang), chỉ có ta ở lại nhà để hầu hạ mẫu thân. Bà cung nhân ta thì ở trong nội tẩm¹, một mình ta ngoài trung đường². Nhà trung đường có bảy gian, ngảnh mặt về hướng tây, vốn là chính tẩm của đấng tiên đại phu ta ở trước. Phía tây xối nước³ là nhà khách năm gian, trước mặt trông xuống cái ao vuông. Trong ao thả hồng liên và bạch liên, chung quanh bờ trồng thanh liễu và cam quýt. Cách nhà khách năm sáu bước, lại chắn ngang một rặng rào trúc; Phía bắc thì dựng một cái bình phong vòng quanh che khuất đi. Phía đông ao giáp sân nhà khách, có trồng năm ba cây hoa nhài, hoa hồng, hoa ngâu, hoa mẫu đơn. Trông xa ra ngoài cánh đồng, cách hàng rào tre, thấp thoáng có một cái quán trơ trọi. Mỗi lần ăn cơm sáng xong, ta ra nhà khách, trong đó chồng chất mấy giá sách, tùy ý muốn lấy xem quyển nào thì xem. Mặt trời đã xế, trẻ mục đồng đuổi trâu về qua ngoài rào, vừa đi vừa hát, có đưa thì cuốn lá làm kèn mà thổi ti toe. Ta đang ngủ ngày, sức tỉnh dậy, nghe tiếng hát xa chẳng khác gì tiếng ca thuyền chài ánh ỏi ở đầu bến Nhựt Gia.⁴ Tối đến, lúc mặt trăng mới mọc, đi tản bộ quanh bờ ao, ngâm nga mấy câu Đường thi cũng thú. Hoặc ngồi gốc dừa, cảnh hoa phát phơ trước mặt, bẻ bông tước lá thử chơi. Khi lần thẩn trở về nhà khách thì bóng nguyệt hương hoa vẫn còn phảng phất trên án thư, tràng kỷ. Ta thức đến gà gáy mới đi ngủ. Cuối mùa đông năm ấy, anh thứ hai ta từ phương xa trở về, lại cùng ta sớm tối được non một năm nữa. Nay anh hai ta đã mất rồi, cảnh gia đình thì tiêu điều, ta thì lưu lạc giang hồ, đoái nhìn non sông mờ mịt, khôn cầm giọt lệ.

1 Lối nhà trong

2 Lối nhà giữa

3 Máng nước giữa hai nhà sát mái.

4 Thơ Lý Bạch có câu *Nhựt Gia Khê bàng thái liên nữ* (Cô gái hái sen bên ngòi Nhựt Gia – bài *Thái liên khúc*).

Cùng tìm hiểu

1. Trước tiên hãy lưu ý tới cụm từ “*niên hiệu Cảnh Hưng*” trong câu mở đầu. Bạn hãy tra cứu xác định niên hiệu Cảnh Hưng để có thể hình dung được khoảng thời gian lịch sử nhằm xác định bối cảnh của các tình tiết kể trong *Vũ trung tùy bút*. Chỉ ít bạn cũng sẽ biết thời Cảnh Hưng kết thúc khi Phạm Đình Hổ 16 tuổi. Và cho đến 1805 – thời điểm muộn nhất mà *Vũ trung tùy bút* trần thuật đến, trong vòng 20 năm non sông đã bao lần đổi thay (chúa Trịnh đổ, vua Lê chạy, nhà Tây Sơn mất, triều Nguyễn lên). Cơn ba đào của lịch sử, cuộc tang thương của nhân thế in vết lên từng viên đá lát đường của phố phường Thăng Long.
2. Trần thuật tiếp theo kể chuyện “*Năm ta lên năm sáu tuổi, đáng tiên đại phu ta mới thăng làm Tuần phủ Sơn Tây, bỗng lộc đã dư dự, song những cách chơi cây, đá, hoa, chim, ta không để bụng ham mê.*”. Dựa vào thông tin năm sinh, có thể xác định “lên năm lên sáu tuổi” tức vào khoảng năm 1773. Đọc thiên 71 *Việc tai dị* tới câu “*Ta còn nhớ đời Cảnh Hưng năm Giáp Ngọ (1774), khi ta mới bảy tuổi, theo hầu đáng tiên đại phu ra nhà riêng ở phố Hà Khẩu*”, ta biết thân phụ tác giả thăng chức nhưng cũng chỉ làm quan khoảng một năm thì cáo về. Trần thuật ở thiên 28 *Mấy năm được mùa* – “*Năm Giáp Ngọ (1774) đời Cảnh Hưng, đáng tiên đại phu ta tự Tuần phủ Sơn Tây cáo về ở phường Hà Khẩu*” xác nhận chuyện kể trên. Không khó nhận ra, trần thuật thời thơ ấu gắn liền với kể chuyện thân phụ. Và hình ảnh sau cùng về người bố gắn liền với việc học của bản thân tác giả...
3. Hãy đọc tiếp: “*Ta mới khi lên chín tuổi, đã học sách Hán thư, được bốn năm thì đáng tiên đại phu ta mất.*” Theo lời kể này, ta biết tác giả mất bố năm 13 tuổi (năm 1781). Bạn sẽ biết thêm về cái chết của người bố khi đọc tới thiên thứ 4 *Tạ Chí Hưu* – “*Lại trở vào ta mà hỏi, thì Hầu đáp: “Anh ấy cử chỉ thần tình, giống hệt như tôn phu nhân, chừng độ mười hai tuổi thì sợ không khỏi bóng cha khuất núi”. [...] Đến năm Cảnh Hưng, Mậu Tuất (1778), chị dâu ta mất, lại hơn một năm sau, đáng tiên đại phu ta tạ thế.*”.

4. Trần thuật tiếp theo – “Trong mấy năm cư tang, gổ đất nằm rơm, học hành buổi đực buổi cái, đến khi mãn tang rồi mới thôi không học sử nữa mà học đến kinh. Các sách cổ, thơ cổ, ta thường ham xem lắm, không lúc nào rời tay.”...Đọc tới thiên 34 Cuộc bình văn trong nhà Giám – “Khoảng năm Giáp Thìn (1784) đời Cảnh Hưng, ta mới ra du học đất kinh thành”, ta biết tác giả đã ở nhà để tang bố và chăm sóc mẹ trong khoảng ba năm từ 1781 đến 1784.
5. Sau cùng, ngòi bút tự sự rời dòng hồi tưởng quay về với “hiện tại” của việc kể chuyện đặng kết lại thiên truyện – “**Nay** anh hai ta đã mất rồi, cảnh gia đình thì tiêu điều, ta thì lưu lạc giang hồ, đoái nhìn non sông mờ mịt, khôn cầm giọt lệ.”... Để có thể biết được “**Nay**” ở trong lời thuật trên chỉ quãng thời gian nào, ta hãy quay lại với đoạn trần thuật liên quan tới người mẹ ở phần đầu thiên *Tự thuật* này: “Còn nhớ khi bà cung nhân ta hãy còn, người thường lấy những điều cờ bạc chè rượu làm răn. Mà ta nay đã ngoài ba mươi tuổi, [...]...”. Căn cứ vào câu mở đầu thiên truyện, ta dễ dàng định vị cái “hiện tại” tự sự “**Nay**” này sẽ ở vào quãng cuối thập niên 1790 đầu thập niên 1800. Cụ thể, thiên *Tự thuật* này được hoàn thành có lẽ không sớm hơn thời điểm 1798 – năm Phạm Đình Hổ bước vào tuổi *tam thập nhi lập*. Đối chiếu với cuộc đời ông và hoàn cảnh lịch sử xã hội lúc đó bạn sẽ thấy mấy lời “ta thì lưu lạc giang hồ, đoái nhìn non sông mờ mịt, khôn cầm giọt lệ” kết thiên ấy chẳng phải là lời nói sáo!

Giới thiệu thiên thứ bốn mươi Xứ Hải Dương trong Vũ trung tùy bút (Câu chuyện không gian tự sự)

Đọc *Vũ trung tùy bút* ta thấy nhiều nhất vẫn là người-việc-cảnh nơi quê hương xứ Hải Dương của tác giả. Trên đây bằng việc đối chiếu các thông tin trần thuật trong nội bộ thiên *Tự thuật* kết hợp với liên hệ với các thông tin trần thuật trên quy mô toàn sách, bạn đã có thể hình dung sơ bộ về câu chuyện *thời gian tự sự* của tác phẩm. Bạn hoàn toàn có thể tuân theo cách này, tự mình tìm hiểu chẳng hạn câu chuyện không gian tự sự trong *Vũ trung tùy bút*. Một trong những không gian tự sự đáng chú ý hàng đầu chính là miền đất quê hương tác giả – xứ Hải Dương.

XỨ HẢI DƯƠNG

Xứ Hải Dương đời cổ là Hồng lộ và Sách Giang lộ, khi thuộc Minh là phủ Nam Sách, đến đời trung gian mới đặt ra bốn phủ là: Thượng Hồng, Hạ Hồng, Kinh Môn và Nam Sách, tổng cộng mười tám huyện, đại khái sự thay đổi xưa nay là như thế. Ta thường xét bốn phủ Hải Dương, đất rộng người nhiều, đời cổ chỉ phân làm hai lộ hoặc một phủ, lớn nhỏ không đều nhau. Xét mãi chưa biết nghĩa lý ra thế nào.

Hoặc có người nói rằng, đời trước chia ra các quận huyện rất lớn, như làng Từ Liêm đời Hán tức là mấy huyện Đan Phượng, Từ Liêm, Thọ Xương, Quảng Đức, Thanh Trì, Thanh Oai và Thượng Phúc đời nay. Đời Trần đời Lý, gọi là Uy lộ tức là phủ Quốc Oai và một nửa phần phủ Thường Tín và phủ Ứng Hòa đời nay. Đời Minh gọi là phủ Thanh Hóa, tức là xứ Thanh Hóa thừa tuyên bây giờ, chia làm bốn phủ. Xem thế thì biết địa thế cổ kim phân hợp lớn nhỏ, mỗi đời một khác. Thế thì xứ Hải Dương ta khi xưa chỉ là hai lộ hoặc một phủ, cũng chẳng lấy gì làm ngờ. Nhưng xét lại đời Lý khi xưa, còn một nửa phần từ Thuận Hóa trở vào chưa thuộc về nước ta. Đến đời Trần mới gồm lấy được đất Thuận Hóa. Còn các phủ về Quảng Nam, đến đời Lê Hồng Đức mới chiếm đặt làm quận huyện. Xem thế thì bờ cõi đời Lý, đời Trần, so với đời nay chỉ vào độ bảy, tám phần. Thế mà chia cả toàn quốc làm hơn mười lộ, xứ Hải Dương chỉ làm hai lộ, là một điều đáng ngờ. Lại như khi thuộc Minh, cõi nước phía nam đến tận phủ Thăng Hoa, xét trong bản đồ mười lăm xứ thừa tuyên đời Hồng

Đức, chỉ còn một nửa phần xứ Quảng Nam thừa tuyên là chưa mở mang đến. Trương Phụ, Hoàng Phúc khi ấy lại chia nước ta ra làm mười bảy phủ, mà xứ Hải Dương ta chỉ là một phủ, đó là hai điều đáng ngờ. Huống chi các đạo Sơn Tây, Kinh Bắc, Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Quảng Nam, còn nhiều phần núi rừng lẫn lộn, ở đời cổ, còn có chỗ là làng xóm của người Mán người Mọi, hoặc còn là bờ cõi về phần nước khác, sau này mới dần dần mở mang thu vào bản đồ. Tự trung những nơi địa thế bằng phẳng, non sông rộng rãi, sớm được tiếp cái giáo hóa nhà Minh nhà Thanh, văn vật cũng chưa được mấy. Thế thì cái chế độ bờ cõi trước còn thô sơ mới tinh, trước còn lược sau mới tường được. Xứ Hải Dương ta, đất cát nhiều nơi sỏi đá, ít có lợi sông nước chuôm chằm, so với các trấn khác thực kém nhiều. Nhưng được cái địa thế phẳng mà mạch sơ, nước chua mà hơi lạt, nguyên không phải là cõi lam chướng. Từ đời Tần, Hán trở xuống, xứ Hải Dương ta đã cùng với đất Long Biên, quận Phong Châu, đều được nhiệm cái phong hóa Hoa Hạ, thế mà bờ cõi phân hợp khi lớn khi nhỏ, còn có điều khả nghi như thế. Ta sinh trưởng ở đất ấy, học vấn cổ lậu, lại gặp buổi đời cải cách, sách vở tan nát, không thể kê cứu vào đâu được, nên vẫn ân hận rằng không được gặp các cụ khi xưa như cụ Tiều Ẩn¹, cụ Quế Đường² để mà chất vấn.

Những quận huyện nước ta xưa nay thay đổi, mỗi lúc một khác. Xét như cái phép trong thiên Vũ cống³, cứ lấy tên núi sông để gọi tên đất, thì không hợp được hết cả. Chỉ có xứ ta mà gọi là Hải Dương thì hình như có ý nghĩa như thế. Cứ xem bản đồ trong nội phủ thì hai phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng là nơi đồng bằng rộng rãi, chỉ có những huyện Thủy Đường, An Lão, An Dương, Nghi Dương thuộc về phủ Kinh Môn và huyện Quang Minh⁴ thuộc phủ Nam Sách là những nơi đất liền với bể Đông. Nhưng có một giải bể Đông vòng quanh ở phía ngoài, tuy rằng có giao thông triều cống⁵ nhưng so với những xứ Sơn Nam, Thanh Hóa, Nghệ An vòng quanh những đất ruộng nước mặn thì khác nhau xa. Và cổ nhân cho nơi nào ở về phía nam có núi, phía bắc có sông thì mới gọi là dương. Xứ Hải Dương ta ở về phía tây bể Đông mà gọi là dương thì không

1 Chu Văn An.

2 Lê Quý Đôn.

3 Một thiên trong *Kinh thư*, kể chuyện vua Hạ Vũ chia chín châu.

4 Không có huyện Quang Minh thuộc phủ Nam Sách, chỉ có huyện Tiên Minh, nguyên văn có lẽ sai.

5 Thuật ngữ phong thủy, triều là châu vào, cống là ôm lấy.

phải. Còn về phía nam liền cõi với các huyện xứ Sơn Nam đều là đồng bằng cả, sao lại gọi là hải? Ta từ khi lớn lên đi học vẫn có ý nghi ngờ về cái nghĩa ấy mà không xét ra được. Gần đây, xem sách Cổ chí, mới biết địa thế nước ta từ phía Nam Điều chạy xuống đến xứ Sơn Nam, mà những xứ Hải Dương, Thanh Hóa đều giáp ở bên cạnh, đời xưa cửa bể còn ở về cuối sông Hoàng Giang, cách với những cửa bể Diêm Hộ, Trà Lý đời nay đến độ vài trăm dặm. Xem thế thì xứ Hải Dương ta ở về đời cổ, phía nam cũng gần bể, chẳng phải là ở phía bắc bể Đông ư? Nên gọi tên là Hải Dương chừng cũng lấy về nghĩa ấy chẳng? Đến nay, như xã Quần Anh ở xứ Sơn Nam Hạ, những nơi đất mặn đã dần biến thành ruộng dâu, mỗi năm đến hàng vài trăm mẫu, địa thế liên lạc với nhau, thành một cánh đồng bằng. Tưởng như thế độ vài trăm năm nữa, những nơi đất bến bể dần dần người ở đông đúc, cũng chẳng khác gì Thái Bình thượng lộ, mà những cửa bể Trà Lý, Diêm Hộ lại thành ra ở về phía bắc cửa bể Hoàng Giang. Những người khảo cổ về sau này còn biết lấy đâu làm chứng cứ nữa? Hai phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng khi xưa gọi là Hồng Lộ hay là Hồng Nhân lộ, Nhân Hùng phủ, gần đây mới gọi là Thượng Hồng, Hạ Hồng. Bởi vì có con sông Hồng Giang từ phía tây bắc chảy xuống vòng quanh trong khoảng bảy huyện, cổ nhân mới nhân tên con sông ấy mà đặt tên đất là Hồng lộ, cũng như Uy lộ, phủ Quốc Oai, huyện Thanh Oai. Tả, Hữu, Thượng, Hạ Thanh Oai xã, vì ở gần con sông Thanh Oai nên mới đặt tên như thế. Huyện Gia Phúc, xã Hồng Thị đời nay ấy là nơi di tích Hồng Lộ đó. Huyện Gia Phúc khi xưa gọi là huyện Trường Tân¹, Hồng lộ khi xưa đóng lý sở ở Hồng Thị. Đời Lý có Đoàn Thượng² ra đánh giặc ở Hồng Châu, về sau chống nhau với nhà Trần, thường đắp thành lũy ở Hồng Thị. Khoảng năm Quang Thiệu, Thống Nguyên đời Lê³, vua Lê phải chạy ra ngoài, cũng lấy Hồng Thị làm nơi hành tại. Về nơi ấy, đường bộ đường thủy châu cả vào, trên thông đến xứ Kinh Bắc, dưới tiếp đến xứ Sơn Nam, phía đông thì cùng với những phủ Nam Sách, Kinh Môn, Hải Đông đều liên hệ giao thông với nhau, cùng là một nơi đô hội của Hải Dương thượng lộ vậy. Hồng Thị, chữ hồng là thượng thanh

1 Nay là huyện Gia Lộc.

2 Đoàn Thượng (1184–1228), hào trưởng Hải Dương, cuối thời Lý nổi dậy, sớm đầu tòng đánh, sau chống lại nhà Trần, Trần Thủ Độ đánh dẹp mới yên được (*Vũ trung tùy bút* và cả *Tang thương ngẫu lục* đều có thiên riêng về nhân vật này).

3 1516–1527.

tiếng trắc, mà Hồng Châu thì chữ hồng ấy thường đọc là bình thanh tiếng bằng. Xét trong thi tập các danh gia đời Lê và các bài biểu tạ đời cổ thì chữ hồng đều theo tiếng bằng. Nhưng không biết cái tên Hồng lộ đời Lý thì chữ hồng theo về tiếng nào?

Nơi đô hội ở Thượng Hồng, Hạ Hồng thì huyện Trường Tân là hơn cả. Nhưng đây là một nơi bằng phẳng, không có núi, không kiêm được cả lực thủy danh thắng, và về vị trí quân sự, muốn khống chế cả miền núi lẫn miền bể, thì không bằng huyện Chí Linh thuộc phủ Nam Sách. Đời Tiền Lê¹ có đặt ra Hải Dương Đô đốc Binh sứ ty, cũng lấy nơi ấy làm trị sở. Người nhà Minh lập tòa Đô ty cũng đóng ở Chí Linh, lấy một nơi cô thành mà chống nhau với quân nhà Lê, hàng năm không hạ được. Mãi đến khi tòa Tam ty ở thành Đông Quan giảng hòa xong, lại được toàn quân đem về Trung Hoa. Xem thế thì địa lợi cũng có phần hỗ trợ được nhiều. Đời Lê Trung hưng cũng lấy nơi ấy làm nơi trấn ty trị sở. Khoảng năm Long Đức, Vĩnh Hựu², Nguyễn Tuyển³ có đem quân lừa bắt quan trấn tướng, rồi chiếm cứ lấy trấn thành để làm phản. Cậu Vương là Bính Quận Công⁴ phụng mệnh đi đánh giặc, đem bảy cơ binh, bảy con voi, mà vẫn trù trù ở vùng An Nhân, An Phú, không dám tiến quân lên, đành bỏ nơi quê hương My Thữ, bị giặc đốt phá tàn hại mà không dám theo đuổi đánh. Sau đó, lại phải dời nơi trấn lý đến làng Mao Điền thuộc huyện Cẩm Giàng, cách kinh đô một ngày đường, phía nam là trấn Hoa Dương, phía bắc là trấn Thị Cầu, cũng đều đi độ một ngày đường, ý là muốn cho gần nơi viện trợ, tiện việc chạy trạm cho nhanh chóng mà thôi. Những người cầm quyền nước bấy giờ lo tính như thế không phải kế sâu xa. Mùa hạ năm Bính Ngọ (1786), quan trấn thủ Hải Dương là Ngạn Thạch Hầu, có đến năm sáu cơ binh, lại có kho đạn lương thực đủ cả, thế mà không giữ được trấn thành, phải bỏ chạy, van xin người nhỏ mọn đổi áo cho mà trốn, người ta đều cười là khiếp sợ. Đến khi chúa Trịnh là Yến Đô Vương⁵ chạy sang bắc, vua Chiêu Thống hai lần chạy sang Trung Hoa, và đời

1 Thời Lê sơ (1428–1527).

2 1732–1740.

3 Nguyễn Tuyển (?–1741), người Ninh Xá, huyện Chí Linh, thủ lĩnh cuộc binh khởi Ninh Xá ở Đàng Ngoài.

4 Bính Quận Công Vũ Tất Thận, người làng My Thữ, Hải Dương, em trai của bà Thái phi Vũ Thị, mẹ chúa Trịnh Doanh.

5 Trịnh Bồng (1749–1791), vị chúa cuối cùng của họ Trịnh (con chúa Trịnh Giang).

Tây Sơn gần đây bị mất nước, các quan Trấn tướng đều không giữ được trấn thành một ngày, đó là tại vận nước. Các quan phương diện không phải người giỏi, nhưng cũng tại các trấn thành không phải là nơi hiểm yếu.

Ta từ khi nhỏ đã phải lưu lạc, chưa từng đến trấn thành. Tháng bảy năm Nhâm Tuất (1802) có quan Ngõ hầu người Thanh Chương làm Hiệp trấn ở đó, ta mới từ kinh đô về yết kiến. Ta có đi chơi xem chung quanh trấn thành, thì thấy đất liền đồng bằng, gần một con sông nhỏ, trông lên phía Bắc Giang thì địa thế cao dần, không khác trên thềm trông xuống sân, phía Cẩm Giàng thì hẹp không phải là buồm tàu tụ họp. Ôi, định đô đặt trấn mà chỉ lấy cho gần nơi thanh viện, tiện việc chạy trạm, không để ý đến việc công thủ sau này, thì sao có thể khống chế sơn hải, hộ vệ cho chốn bang kỳ được. Ta nhân cảm hứng có thơ rằng:

Phiên âm Hán Việt:

Hồng lộ thượng du Hải Dương trấn
Y y cổ thú điểm hàn điều
Đế kỳ vệ dục chiêm y cận
Hải quốc quan hà khổng ngự dao
Lao lạc thanh hàm Mao bố nguyệt
Hồi hoàn lục trưởng Cẩm giang kiều
Sa bình dã khoát nhàn ngâm điệu
Di thốc tàn qua tích vị tiêu

Dịch thơ:

Trấn sở Hải Dương trên Hồng lộ
Đồn canh vắng vắng tiếng chuông pha
Kinh vua vệ dục đường gần dậm
Mặt bể quan hà dậm thẳng xa
Bóng nguyệt xóm Mao trong vắt đứng
Nhịp cầu sông Cẩm thăm mù qua
Cánh đồng man mác khi nhàn ngóng
Nợ cuộc can qua dấu chữa lò

Cùng làm việc

1. Trước tiên hãy đọc thiên 40 – *Xứ Hải Dương*. Sau bạn hãy lần theo từ khóa “Hải Dương” qua các thiên và sắp đặt vào một chỗ các “tiểu đoạn” ký thuật trong toàn sách những chuyện xoay quanh từ khóa “Hải Dương” (nếu bạn có một bản *Vũ trung tùy bút* dạng ebook hay file mềm thì việc công việc trên sẽ tiện lợi hơn nhiều). Để hiểu là tất cả trần thuật chứa các từ khóa *quê ta, làng ta, huyện ta, rồi phủ/trấn/xứ ta* trong *Vũ trung tùy bút* đều là đang ký thuật chuyện ở Hải Dương cả đấy (dĩ nhiên xứ Hải Dương quê hương tác giả cũng chỉ là một phần của *nước ta* và vượt ra khỏi giới hạn của một cuốn kiểu địa phương phong thổ ký – *Vũ trung tùy bút* còn ký thuật người-việc-cảnh ở xứ khác).
2. Sau khi đọc kỹ thiên 40 – *Xứ Hải Dương*, bạn có thể đọc thêm các thiên sau: *Thay đổi địa danh, Xét về địa mạch và nhân vật, Thay đổi*. Thoạt đọc, bạn dễ nghĩ các thiên này chỉ là một sự thuyết minh bản đồ hay giảng giải địa thế địa mạo. Thế nhưng, tổ quốc non sông, quê hương xứ sở mỗi mảnh đất đều mang bóng hình dân tộc, đều lưu dấu vết qua lịch sử. Tất cả các thiên vừa kể thú vị đối với ta, lay động ta đâu chỉ vì cái học vấn hay tài khảo cứu của tác giả. Chính phong cách trần thuật – thuyết minh cá nhân hóa (một cái tôi kinh lịch, suy ngẫm và giải bày) hòa trộn tự nhiên tri thức lịch sử – địa lý – dân tộc học đã làm cho những thiên đó mãi còn nguyên sức hấp dẫn.
3. Trên ta vừa nói *Xứ Hải Dương* là một không gian chính của tự sự trong *Vũ trung tùy bút*. Dĩ nhiên một phần không nhỏ những ký thuật trong tác phẩm đã được dành để nói về ngôi làng cổ hương – khoảng không gian của tuổi ấu thơ êm đềm. Bạn đã thấy vài nét phác họa về chốn này ở nửa sau thiên *Tự thuật* đầu sách. Hãy tìm thêm những đoạn ký thuật tương tự và cố gắng hình dung trở lại đường nét của bức tranh cổ hương mà tác giả đã vẽ lên bằng trọn cả tấm tình nhớ nhung vô hạn (chẳng hạn ở thiên *Võ Thái phi*: phần sau của thiên này kể chuyện ngôi làng quê hương điêu linh tang thương ra sao sau buổi loạn; phần này có thể tách độc lập thành

một thiên – nếu tách thì bạn hãy thử đặt cho nó một nhan đề?). Đến đây hẳn bạn đã thấy đọc một tác phẩm tự sự là trong lúc đang “đọc đi” (xuôi theo tuyến tính câu chữ) chúng ta vẫn không ngừng “đọc lại” (liên tưởng ghép kết các thông tin trần thuật). Hai “hướng đọc” đó phối hợp tạo lên một sự đồng liệt liên tưởng (cordination asociative) làm hiện lên trong tâm tưởng ta trọn vẹn cả hình tượng tác phẩm... Đó chính là lý do vì sao mà trong nhan đề bài học về cuốn sách của Phạm Đình Hổ này lại có những các cụm từ “người xưa”, “việc cũ”, “cảnh vật non sông”. Suy ngẫm về những hình tượng đó giúp bạn thấu hiểu hơn câu chuyện thời gian và không gian trong tác phẩm tự sự đặc biệt này của văn học Việt Nam trung đại.

4. Sau khi học xong *Vũ trung tùy bút*, bây giờ bạn cũng có thể thuật chuyện bản thân thành một thiên tự truyện để đầu một cuốn sách tương lai của bạn.

BÀI 11

NHỮNG LỜI BỘC BẠCH

(của Jean-Jacques Rousseau)

Hướng dẫn học

Jean-Jacques Rousseau (1712–1778), nhà lý luận chính trị xã hội và là nhà nghiên cứu âm nhạc, nhà tư tưởng, nhà triết học Pháp gốc Thụy Sĩ. Cùng với Voltaire, Montesquieu tạo thành bộ ba nhân vật lớn của Thời đại Ánh sáng (Siècle des Lumières, Age of Enlightenment).

Hai tác phẩm *Luận về khoa học và nghệ thuật* (Discours sur les sciences et les arts, 1750) trả lời câu hỏi “Liệu sự tiến bộ của khoa học và nghệ thuật có góp phần làm thuần khiết phong tục?” và *Luận về nguồn gốc và cơ sở của sự bất bình đẳng của con người* (Discours sur l'origine et les fondements de l'inégalité parmi les hommes, 1754) có một ảnh hưởng lớn lao đối với phát triển của triết học hiện đại. Đặc biệt những luận thuật sâu sắc về chính quyền dân chủ và chủ quyền của nhân dân mà ông trình bày trong kiệt tác *Bàn về khế ước xã hội*¹ (Du contrat social ou Principes du droit politique, 1762) đã ảnh hưởng một cách sâu rộng đến Phong trào Khai sáng (Enlightenment) và là một trong những tác phẩm đặt nền móng tư tưởng cho Đại cách mạng Pháp và Cách mạng Mỹ.

Về văn chương, tiểu thuyết tình cảm *Nàng Héloïse mới* (Julie ou la Nouvelle Héloïse, 1762) của ông có ý nghĩa hết sức quan trọng đối sự phát triển của các trào lưu văn học tiền lãng mạn (Pre-romanticism) và Lãng mạn chủ nghĩa (Romanticism) về sau. Tuyệt tác tiểu thuyết *Émile hay là về giáo dục*² (Émile ou de l'éducation, 1762) được xem là một bản luận văn triết học bàn về nền giáo dục toàn dân. Với việc công bố tác phẩm *Những lời bộc bạch* (Les Confessions 1782, 1789), Rousseau được xem là mở đầu cho thể tự truyện trong văn học hiện đại. Đọc những quyển tự bạch này của Rousseau, độc giả châu Âu hẳn nhớ đến một cuốn tự bạch nổi tiếng viết ra cách đó hơn nghìn năm – cuốn *Confessiones*

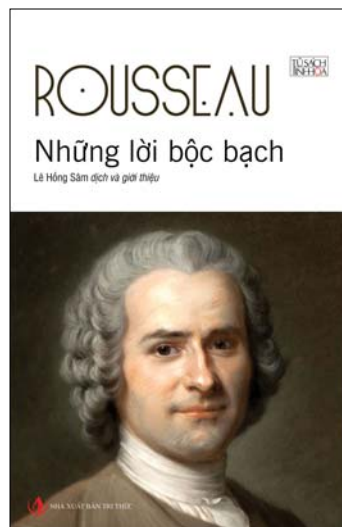
1 Bản dịch tiếng Việt của Hoàng Thanh Đạm, NXB Tp. Hồ Chí Minh, 1992.

2 Bản dịch tiếng Việt của Lê Hồng Sâm và Trần Quốc Dương, NXB Tri thức, tái bản 2010.

(397–401) của Thánh Augustinus. Và gần như đồng thời với Rousseau tại Nga, đại văn hào L. Tolstoy cũng dùng hình thức tự truyện (Autobiographie) phơi bày nội cảm và sự phản tỉnh của cái tôi cá nhân mình (cuốn *Confession* của Tolstoy viết vào những năm cuối thập niên 1870 đầu thập niên 1880, xuất bản lần đầu cũng tại Geneva năm 1884).

Rousseau am hiểu âm nhạc. Ông từng viết bảy bản nhạc kịch, nổi tiếng nhất là ca kịch *Le devin du village* (một phần trong vở này đã được Beethoven cải biên thành nhạc phẩm *Non, Non, Colette N'est Point Trompeuse*). Đó cũng là lý do vì sao mà Diderot đã đề nghị Rousseau soạn mục về âm nhạc cho bộ *Bách khoa toàn thư*. Dĩ nhiên, ngoài âm nhạc, ông còn tham gia soạn các phần về kinh tế chính trị (1755) cho bộ từ điển danh tiếng này. Rousseau mất năm 1778. Mười sáu năm sau khi mất (1794), di hài Rousseau được đưa vào Điện Panthéon – nơi an nghỉ của những bậc tiên hiền Pháp quốc.

Đúng 280 năm kể từ lúc Rousseau chào đời, chúng ta có bản dịch trọn vẹn tác phẩm lớn của ông (*Bàn về khế ước xã hội*). Tiếp đó độc giả Việt ngữ được đọc thêm *Émile hay là về giáo dục*. Và gần đây nhất, *Les Confessions* (*Những lời bộc bạch*, dịch giả Lê Hồng Sâm, NXB Tri thức, 2012) cũng đã được dịch và xuất bản tại Việt Nam. Trong bài học tiếp theo đây, chúng tôi mời các bạn đến với tác phẩm qua hai trích đoạn từ quyển 1 sách này. Trước khi đọc trích đoạn, mời các bạn nghe nhà xuất bản giới thiệu thêm về tác giả *Những lời bộc bạch*:



“Không nhiều nhà tư tưởng có thể để lại những dấu ấn không dễ xóa nhòa trong thời đại này như Jean-Jacques Rousseau (1712–1778). Sinh ra tại Genève trong một gia đình thợ sửa đồng hồ và sống lang thang gần hết cuộc đời, khắp các vùng của Thụy Sĩ, Pháp, Italia, Phổ, Anh... – có lúc do ông tự bỏ đi, có lúc do bị xua đuổi – cách này hay cách khác, trên những nẻo đường ấy, tư tưởng của ông đã nảy nở, và rồi ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc Cách mạng Pháp cũng như trở thành nguồn cảm hứng cho chủ nghĩa lãng mạn sau này.

Ngày nay, Rousseau được đọc và nghiên cứu rộng rãi bởi cái nhìn sâu sắc của ông về thân phận con người. Hầu hết những gì chúng ta gọi là cảm thức hiện đại thì đều đã nằm trong các sáng tác của Rousseau. Rousseau còn khám phá một lục địa

đen tối – cái tôi hiện đại – bằng chính tự truyện của mình – Những lời bộc bạch hay tự thú của ông. Những trải nghiệm cá nhân bắt đầu có được ý nghĩa mà nó chưa từng có kể từ thời Plato, Descartes. Vấn đề ông đặt ra không còn là một sự thật khách quan mà là một sự thật-tự nó – một lời thú nhận đầy cảm hứng rằng căn tính của một người là độc nhất, và nó có nghĩa vụ phải được biểu lộ một cách tự do, đầy đủ nhất có thể. Với niềm tin này, Rousseau không chỉ là người tiên phong của chủ nghĩa lãng mạn mà còn cho cả những người theo chủ nghĩa tự do, hiện sinh hay những người theo chủ nghĩa cá nhân của thời hiện đại.” (Trích phần đầu Lời nhà xuất bản, sách Những lời bộc bạch, dịch giả Lê Hồng Sâm, NXB Tri thức, 2012).

NHỮNG LỜI BỘC BẠCH

“Tôi muốn phô bày cùng đồng loại một con người hoàn toàn đúng với chân tướng; và con người ấy, sẽ là tôi đây”

(Đoạn trích thứ nhất)

Quyển Một

*Intus, et in cute*¹

Tôi trù tính một công việc không hề có kiểu mẫu, và sẽ chẳng ai bắt chước thực thi. Tôi muốn phô bày cùng đồng loại một con người hoàn toàn đúng với chân tướng; và con người ấy, sẽ là tôi đây.

Riêng mình tôi. Tôi cảm nhận được cõi lòng mình, và tôi hiểu mọi người. Tôi được tạo ra chẳng giống một ai trong những người tôi từng thấy; tôi dám chắc là chẳng giống một ai trong những người đang hiện hữu. Nếu tôi không đáng giá hơn, thì ít ra tôi cũng khác biệt. Liệu tạo hóa làm đúng hay làm sai khi đập vỡ chiếc khuôn mà tạo hóa đã ném tôi vào, điều này mọi người chỉ có thể xét đoán sau khi đã đọc tôi.

Tiếng kèn của ngày Phán xử cuối cùng hãy vang lên khi nào muốn, tôi sẽ cầm trong tay cuốn sách này, đến trình diện trước Thượng Đế. Tôi sẽ nói rõ ràng: “Đây là những gì con từng làm, những gì con từng nghĩ, những gì con

1 “Trong thâm tâm và dưới lớp vỏ ngoài”, lời đề từ bằng tiếng Latin, mượn của nhà thơ Aulus Persius Flaccus (34–62): *Ego te intus et in cute* (Ta hiểu anh trong thâm tâm và dưới lớp vỏ ngoài) (ND).

từng là. Con đã kể điều hay và điều dở cùng trung thực như nhau. Con đã chẳng im đi một điều gì xấu, cũng chẳng thêm một điều gì tốt; và nếu có lúc con điểm tô đôi chút một cách vô thưởng vô phạt, thì chỉ để bỏ khuyết một chỗ trống do mình kém trí nhớ mà thôi; con có thể cho là đúng, những gì con biết là có thể đúng, chứ những gì con biết là sai thì không bao giờ. Con thế nào con đã phò bày con thế ấy; hèn hạ đáng khinh khi con hèn hạ đáng khinh; nhân hậu, hào hiệp, cao thượng khi con như vậy: con đã bộc lộ nội tâm con hết như chính Người đã thấy nó. Thượng Đế, xin Người hãy tập hợp xung quanh con hàng hà sa số đồng loại của con; họ hãy nghe những lời con bộc bạch, họ hãy rên rỉ vì những điều hèn hạ của con, họ hãy đổ mặt vì những điều đê mạt của con. Đến lượt mỗi người trong số họ hãy phơi bày cõi lòng mình dưới chân Người cũng thành thật như vậy; rồi xem liệu có ai dám thừa với Người rằng: Con tốt hơn cái kẻ kia.”

Tôi ra đời tại Genève, năm 1712, cha là Isaac Rousseau, công dân, mẹ là Suzanne Bernard, nữ công dân. Một tài sản thật nhỏ nhoi, chia cho mười lăm người con, khiến phần của cha tôi hầu như chẳng đáng gì, ông chỉ có nghề thợ đồng hồ làm kế sinh nhai, mà quả thực ông rất khéo tay nghề. Mẹ tôi, con gái mục sư Bernard, giàu hơn: bà có nét na và có nhan sắc; cha tôi lấy được bà chẳng phải không khó khăn vất vả. Tình yêu của họ khởi đầu gần như cùng với cuộc đời họ: ngay từ tám chín tuổi, chiều nào họ cũng cùng dạo chơi trên đường La Treille; mười tuổi, họ không thể rời nhau nữa. Mối đồng cảm, sự hòa hợp về tâm hồn, làm vững chắc thêm tình cảm hình thành do thói quen. Cả hai, bản tính dịu dàng và đa cảm, chỉ chờ đợi thời điểm tìm được cùng tổ chất ấy ở một người khác, hoặc thời điểm ấy chờ đợi chính họ thì đúng hơn, và mỗi người bèn trao gửi lòng mình cho tấm lòng đầu tiên mở ra đón nhận nó. Số phận, dường như ngăn trở mối tình say đắm của họ, lại chỉ khích lệ nó mà thôi. Chàng trai, không lấy được người yêu, héo hon vì đau khổ; nàng khuyên chàng hãy đi xa để quên nàng đi. Chàng đi xa không kết quả, và quay về si tình hơn bao giờ hết. Chàng gặp lại người mình yêu dịu dàng và chung thủy. Sau thử thách này, chỉ còn yêu nhau suốt đời mà thôi, họ thề nguyện như vậy, và trời phù hộ lời thề của họ.

Gabriel Bernard, anh của mẹ tôi, phải lòng một trong những chị em của cha tôi; nhưng cô chỉ bằng lòng lấy người anh với điều kiện em trai mình lấy được cô em gái. Tình yêu thu xếp mọi sự, và hai đám cưới cử hành cùng ngày.

Như vậy cậu tôi là chồng của cô tôi, và các con của họ là anh em vừa con cô vừa con cậu với tôi. Mỗi đôi sinh một con sau một năm; rồi lại phải xa nhau.

Cậu Bernard tôi là kỹ sư: cậu sang Hungary phục vụ Đế chế dưới thời hoàng thân Eugène. Cậu có thành tích trong cuộc vây hãm và trong trận chiến thành Belgrade. Cha tôi, sau khi anh trai duy nhất của tôi ra đời, được vời sang Constantinople, và thành thợ đồng hồ của hoàng cung. Trong thời gian ông vắng nhà, nhan sắc của mẹ tôi, trí tuệ, tài năng¹ của bà khiến bà được ngưỡng mộ. Ông De la Closure, khâm sứ Pháp, là một trong những người hâm mộ sốt sắng nhất. Chắc hẳn niềm say mê của ông phải mãnh liệt, vì ba mươi năm sau tôi hãy còn thấy ông cảm động khi nói chuyện với tôi về bà. Để tự bảo vệ, mẹ tôi không chỉ có đức hạnh mà còn nhiều hơn thế, bà yêu chồng tha thiết; bà giục ông về: ông rời bỏ hết thầy, và quay về. Tôi là kết quả đáng buồn của sự trở lại này. Mười tháng sau, tôi ra đời quặt quẹo và ốm yếu; tôi khiến mẹ tôi mất mạng, và sự ra đời là bất hạnh đầu tiên trong các bất hạnh của tôi.

Tôi không biết cha tôi chịu đựng mất mát ấy như thế nào nhưng giờ đây tôi biết là ông chẳng bao giờ nguôi khuây. Ông tưởng như thấy lại mẹ tôi ở tôi, mà không sao quên được rằng tôi đã khiến ông mất bà; chẳng bao giờ ông ôm hôn tôi mà tôi không cảm thấy qua những tiếng thở dài, qua những vòng tay siết quằn quại, rằng một nỗi tiếc cay đắng hòa lẫn những vuốt ve của ông: những vuốt ve ấy chỉ vì thế mà thêm dịu dàng âu yếm. Khi ông bảo tôi: “Jean-Jacques này, ta hãy nói chuyện về mẹ con đi”, tôi bảo ông: “Thế thì, cha ơi, chúng ta sẽ lại khóc thôi”, và chỉ riêng câu ấy đã khiến ông rơi lệ. Ông rên rỉ nói: “Ôi, con hãy trả mẹ lại cho cha, hãy khiến cha nguôi khuây về mẹ, hãy lấp đầy khoảng trống mẹ để lại trong lòng cha. Liệu cha có yêu con đến thế hay không, nếu như con chỉ là con trai cha mà thôi?” Bốn mươi năm sau khi mất mẹ tôi, ông qua đời trong vòng tay vợ kế, nhưng miệng gọi tên người vợ cả, và trong đáy lòng là hình ảnh bà.

1 *Chú thích của tác giả:* Bà có những tài năng quá xuất sắc đối với địa vị mình, vị mục sư thân sinh ra bà vô cùng yêu quý con gái đã rất chú ý đến việc giáo dục con. Bà vẽ, bà hát, bà tự đệm hồ cầm, bà đọc sách và bà làm thơ tạm được. Đây là những vần thơ bà ứng tác, trong thời gian anh và chồng vắng nhà, nhân một lời ai đó nói về họ, khi bà đang đi dạo cùng chị dâu và hai đứa con của hai chị em: *Hai quý ngài không có mặt nơi đây, Với chúng tôi thân thiết vô cùng; Đó là bạn, là người tình thủy chung; Đó là anh, và đó là chồng, Là cha của những đứa trẻ này.*

Các bậc thân sinh ra tôi là vậy. Trong tất cả những thiên tư họ được trời phú, thiên tư duy nhất họ để lại cho tôi là một con tim đa cảm; nhưng con tim ấy đã tạo nên hạnh phúc của họ, và tạo nên mọi bất hạnh của đời tôi.

Tôi sinh ra gần như ngắc ngoải; mọi người ít hy vọng giữ được cho tôi sống. Tôi mang theo một mầm mống bệnh hoạn cứ nặng lên theo năm tháng, và giờ đây chỉ thỉnh thoảng ngưng nghỉ để rồi lại khiến tôi đau đớn tệ hại hơn theo cách khác. Một cô em của cha tôi, dễ thương và nét na, chăm chút tôi chu đáo đến mức cứu được tôi. Vào lúc tôi viết những điều này, bà hãy còn sống, ở tuổi tám mươi, chăm sóc một ông chồng ít tuổi hơn bà, nhưng tàn tạ vì rượu chè. Cô thân yêu, cháu tha thứ cho cô đã làm cháu sống, và cháu buồn phiền vì không thể hoàn lại vào cuối đời cô những chăm lo âu yếm cô đã ban cho cháu ở buổi đầu đời của cháu! Tôi cũng có u Jacqueline hãy còn sống, khỏe mạnh và cứng cáp. Những bàn tay đã mở mắt cho tôi khi tôi sinh ra có thể sẽ vuốt mắt cho tôi khi tôi chết đi.

Tôi cảm nhận trước khi suy nghĩ: đó là số phận chung của loài người. Tôi trải nghiệm điều này nhiều hơn người khác. Tôi không biết mình làm những gì cho đến lúc lên năm lên sáu; tôi không hiểu mình đã học đọc như thế nào; tôi chỉ nhớ những cuốn sách đầu tiên tôi đọc và ấn tượng chúng gây ra cho tôi: đó là thời gian mà từ bấy tôi không ngừng có ý thức về bản thân. Mẹ tôi đã để lại những cuốn tiểu thuyết. Cha tôi và tôi bắt đầu đọc chúng sau khi ăn tối. Thoạt tiên vấn đề chỉ là luyện cho tôi đọc nhờ những cuốn sách vui vui; nhưng chẳng bao lâu niềm thích thú thành mãnh liệt đến mức chúng tôi lần lượt đọc không ngừng nghỉ, và thức qua đêm để làm việc này. Bao giờ chúng tôi cũng chỉ rời được cuốn sách khi nó kết thúc. Đôi khi cha tôi, sáng ra nghe tiếng chim én, then thùng bảo: “Chúng mình đi ngủ thôi; cha còn trẻ hơn con.”

Trong thời gian ngắn, nhờ phương pháp nguy hiểm này, chẳng những tôi biết đọc và tự hiểu một cách cực kỳ dễ dàng, mà còn thông hiểu được các đam mê, một sự thông hiểu độc nhất vô nhị ở lứa tuổi tôi. Tôi chẳng có một khái niệm gì về sự vật, thế mà mọi tình cảm tôi đã biết cả. Tôi chưa quan niệm được điều gì hết, tôi đã cảm nhận hết mọi điều. Những xúc động mơ hồ này, mà tôi liên tiếp cảm thấy, không hề làm hỏng lý trí mà tôi còn chưa có; nhưng chúng tạo cho tôi một lý trí mang tố chất khác, và khiến tôi có những quan niệm kỳ cục và lãng mạn về đời người, mà trải nghiệm và suy tưởng đã chẳng bao giờ chữa cho tôi khỏi hẳn được.

Những cuốn tiểu thuyết chấm dứt cùng với mùa hè năm 1719. Mùa đông năm sau, là thứ khác. Đọc hết tủ sách của mẹ tôi, chúng tôi cầu viện đến phần tủ sách của ông ngoại mà chúng tôi được thừa hưởng. May thay, trong đó có những sách tốt; và sự thể khó mà khác được, bởi tủ sách này quả thật do một mục sư gây dựng, lại còn là nhà thông thái nữa, vì thuở ấy điều này hợp thời thượng, nhưng ông là người tài trí và có óc thẩm mỹ. Lịch sử Giáo hội và lịch sử Đế chế do Le Sueur soạn; Luận văn về lịch sử thế giới của Bossuet; các Danh nhân của Plutarque; Lịch sử thành Venise do Nani viết; Hóa thân của Ovide; La Bruyère; Các thế giới của Fontenelle; Đối thoại của những người chết cũng do ông viết, và vài cuốn của Molière, được mang sang phòng cha tôi, và ngày nào tôi cũng đọc cho ông trong khi ông làm việc. Tôi bắt đầu thích đọc những sách này, một ham thích ít thấy, và có lẽ độc nhất vô nhị ở lứa tuổi đó. Đặc biệt Plutarque thành tác giả được tôi ưa mến nhất. Do thích thú đọc đi đọc lại ông liên tục mà tôi bớt mê tiểu thuyết đôi chút; và chẳng bao lâu tôi ưa chuộng Agésilas, Brutus, Aristide hơn là Orondate, Artamène và Juba¹. Từ những cuốn sách thú vị này, từ những trao đổi do sách tạo cơ hội giữa cha con tôi, hình thành cái tinh thần tự do và cộng hòa, cái tính cách bất khuất và kiêu hãnh, không chịu nổi ách áp bức và phận nô lệ, nó đã giầy vò tôi suốt đời trong những tình cảnh ít thích hợp nhất để giúp nó cất cánh. Không ngừng bận tâm về Rome và Athènes, có thể nói là sống với những danh nhân của các đô thành ấy, bản thân mình sinh ra là công dân một nước cộng hòa, và là con trai một người cha mà tình yêu tổ quốc là niềm đam mê mạnh mẽ nhất, noi gương ông tôi hứng khởi với tình yêu ấy; tôi ngỡ mình là người Hy Lạp hay La Mã; tôi trở thành nhân vật mà mình đang đọc về cuộc đời: những truyện kể về các hành vi kiên trì và dũng cảm từng tác động đến tôi khiến mắt tôi sáng quắc và giọng nói sang sảng. Một hôm trong bữa ăn tôi kể lại chuyện mạo hiểm của Scaevola², mọi người hoảng sợ thấy tôi giơ bàn tay ra và giữ tay trên một chiếc hỏa lò để thể hiện hành động của nhân vật.

1 Ba nhân vật đầu là các nhân vật chính của Plutarque. Các nhân vật sau thuộc tiểu thuyết thế kỷ 18 (ND).

2 Chàng thanh niên La Mã Scaevola đã đặt bàn tay phải lên lò than cháy rực, để tự trừng phạt do đã giết nhầm kẻ khác, thay vì giết kẻ thù là Porsenna vua xứ Etrurie (ND).

Cùng luyện tập

1. Trên đây là phần đầu của quyển 1 tác phẩm *Những lời bộc bạch* – một tự thuật nổi tiếng của Rousseau. Trước lúc kể chuyện bản thân, Rousseau cũng đã bộc bạch về nguyên do của việc tự thuật. Bạn hãy xác định chính xác đoạn bộc bạch đó. Theo bạn, nếu tách riêng đoạn này đặt lên trước quyển 1 để làm một “lời tựa” chung cho toàn bộ sách có được không?
2. Tự thuật là một hồi ức, nó đồng thời gọi chỉ hai thời điểm – thời điểm của quá khứ được kể lại và thời điểm của “hiện tại” đang thuật kể. Bạn thử gạch chân đánh dấu những chỗ gọi chỉ hai thời gian này trong đoạn trích dẫn trên. Trả lời xem mốc thời gian xa nhất được kể đến là mốc nào? Và áng chừng xem lúc Rousseau viết những lời này, ông đã ở quãng nào trong đời?
3. Trong trích đoạn trên, không tính đến đoạn mào đầu, tự thuật của Rousseau dường như có thể khởi từ câu “*Tôi ra đời tại Genève, năm 1712, cha là..., mẹ là...*”. Theo bạn từ đó cho đến hết đoạn trích này, Rousseau đã thuật lại những chuyện gì? Bạn có thể tóm lược những chuyện đó bằng một câu được không?
4. Tự thuật cho thấy câu chuyện đọc sách thời thơ ấu của Rousseau. Bạn thấy Rousseau đã đọc những loại sách nào? Về phần mình, bạn có thể bộc bạch chút ít về những cuốn sách mà mình đã đọc?
5. Rousseau nói ông thích đọc Plutarque. Đây là một sử gia nổi tiếng trong việc viết tiểu sử nhiều vĩ nhân. Đặc điểm của Plutarque là ông quan tâm đến nhân cách, tâm hồn vĩ nhân hơn là quá chú ý tới sự kiện và hành động. Khi có điều kiện đọc toàn vẹn tác phẩm của Rousseau, bạn sẽ thấy cuốn sách này dường như cũng là một cuốn sử – cuốn sử của một tâm hồn. Theo bạn, làm thế nào để biết được tâm hồn của vĩ nhân, biết được “thâm tâm” của vĩ nhân?

Tự luyện tập

(Đoạn trích thứ hai)

Quyển Một

Thời gian quý giá nhất của tuổi thơ tôi tiêu phí vào những trò ngớ ngẩn như vậy trước khi mọi người định đoạt tôi sẽ làm nghề gì. Sau nhiều cuộc bàn bạc kéo dài để làm theo khuynh hướng tự nhiên của tôi, cuối cùng mọi người quyết định điều mà tôi ít có khuynh hướng nhất, và đưa tôi đến văn phòng ông Masseron, lục sự của thành phố, để học ông ta cái nghề hữu ích làm thầy cò¹, như lời cậu Bernard tôi. Biệt danh này khiến tôi méch lòng cực điểm; hy vọng kiếm nhiều tiền bằng một con đường dễ tiện ít được tính tình cao ngạo của tôi thích thú; tôi thấy công việc có vẻ buồn chán, không chịu nổi; sự cần mẫn, tình trạng bó buộc, làm tôi chán ghét hẳn, và bao giờ tôi cũng chỉ bước vào phòng lục sự với một mối ghê sợ cứ mỗi ngày lại tăng thêm. Về phần mình, ông Masseron, ít hài lòng về tôi, đối xử với tôi một cách khinh miệt, không ngừng chê trách tôi trì độn, ngu dốt; ngày nào cũng nhắc đi nhắc lại rằng cậu tôi đã đảm bảo với ông là tôi hiểu biết, trong khi thực ra tôi chẳng hiểu biết gì hết; rằng cậu tôi đã hứa với ông một anh chàng xinh trai, thế mà lại chỉ đem cho ông một con lừa. Cuối cùng tôi bị đuổi khỏi phòng lục sự một cách nhục nhã vì sự ngu xuẩn của mình, còn bọn thư ký tập sự của ông Masseron tuyên cáo rằng tôi chỉ hợp với việc sử dụng chiếc giũa mà thôi.

Thiên hướng đã xác định như vậy rồi, tôi được đưa đến học việc, song không phải ở nhà một thợ đồng hồ, mà ở nhà một thợ khắc. Sự khinh miệt của viên lục sự đã khiến tôi cực kỳ xấu hổ, và tôi vâng lời chẳng phản nản. Chủ tôi, ông Ducommun, là một thanh niên thô lỗ và hung tợn, trong thời gian rất ngắn đã làm mờ xỉn được toàn bộ ánh rực rỡ của tuổi thơ tôi, làm dần dần được tính cách giàu yêu thương và nhanh nhẩu của tôi, và buộc được tôi, vì trí tuệ cũng như vì tài sản, phải chịu thân phận đích thực là kẻ học việc. Tiếng Latin của tôi, thời cổ đại của tôi, lịch sử của tôi, tất cả đều bị quên đi trong một thời gian dài; thậm chí tôi không nhớ là có những người La Mã trên đời. Cha tôi,

1 Tạm dịch *grapignan*, từ chỉ nghề đại tọng, với ý xấu. *Grapignan* đồng nghĩa với *grappilleur* (kẻ bòn mót, kiểm chác).

khi tôi đến thăm, không còn thấy ở tôi thần tượng của ông nữa; với các quý bà, tôi không còn là chàng Jean-Jacques phong nhã nữa; và bản thân tôi cảm nhận rất rõ rằng ông Lamercier và cô Lamercier có lẽ không còn nhận ra tôi là học trò của họ, thành thử tôi thấy hổ thẹn nếu lại ra mắt họ, và từ đó tôi không gặp lại họ nữa. Những sở thích hèn hạ nhất, sự vô lại thấp kém nhất thay thế những trò vui dễ thương của tôi, thậm chí chẳng để lại cho tôi một ý niệm nhỏ nào về những trò dễ thương ấy. Mặc dù đã được hưởng sự giáo dục đứng đắn nhất, chắc tôi phải có một chiều hướng thoái hóa rất mạnh; vì điều ấy diễn ra thật nhanh, chẳng khó khăn gì, và chưa bao giờ César rất sớm phát triển lại trở thành Laridon¹ một cách mau chóng đến thế.

Bản thân nghề nghiệp chẳng khiến tôi không ưa: tôi rất thích vẽ, việc dùng dao trở khá thú vị; và bởi tài năng của người thợ khắc trong ngành đồng hồ rất hạn hẹp, tôi có hy vọng đạt tới mức hoàn thiện. Có lẽ tôi sẽ đạt được điều ấy, nếu như sự thô bạo của chủ và tình trạng gò bó quá đỗi không khiến tôi chán ghét công việc. Tôi ăn cắp thời gian lao động để dùng vào những việc cùng loại, nhưng với tôi chúng có sức hấp dẫn của sự tự do. Tôi khắc những loại huy chương để sử dụng cho mình và các bạn nghề, như huy chương hiệp sĩ. Chủ bắt gặp tôi đang làm việc lậu này và nện tôi như tử, bảo rằng tôi luyện tập để làm tiền giả, vì huy chương của chúng tôi có quốc huy nước Cộng hòa. Tôi có thể thề rằng khi ấy tôi chẳng có một khái niệm gì về tiền giả hết, và có rất ít khái niệm về tiền thật. Tôi biết những đồng as La Mã được làm như thế nào rõ hơn là những đồng ba xu của chúng ta.

Sự chuyên chế của chủ rốt cuộc khiến tôi thấy không chịu nổi công việc mà lẽ ra tôi yêu thích, và khiến tôi có những thói xấu mà lẽ ra tôi căm ghét, như nói dối, lừa nhác, ăn cắp. Không gì dạy cho tôi hiểu được sự khác biệt giữa tình trạng con phụ thuộc cha với tình trạng nô lệ hèn hạ, rõ hơn là hồi ức về những đổi thay mà thời kỳ ấy gây ra ở tôi. Bản tính rụt rè và hay xấu hổ, tôi không xa cách tật xấu nào hơn là xa cách thói trơ tráo vô liêm sỉ. Nhưng tôi từng được hưởng một sự tự do lương thiện, cho đến bấy giờ chỉ thu hẹp dần từng cấp độ, và cuối cùng thì tan biến hẳn. Tôi từng bạo dạn ở nhà cha tôi, thoải mái ở nhà

1 César và Laridon là tên hai con chó trong bài ngụ ngôn của La Fontaine, kết thúc bằng câu: “Ôi! biết bao nhiêu César sẽ trở thành những Laridon!” Hai con chó là anh em, César sống trong rừng và giữ được phẩm chất cao quý, còn Laridon ở các nhà bếp và dần hư hỏng.

ông Lambercier, kín đáo ở nhà ông cậu; tôi thành sợ sệt ở nhà chủ tôi, và từ đó tôi là một đứa trẻ hồng rỗi. Quen được bình đẳng hoàn toàn với người trên của mình trong cách sống, quen chẳng thấy một thú vui nào không ở tầm tay của mình, chẳng thấy một món ăn nào mà mình không có phần, chẳng một mong muốn nào mà mình không bày tỏ, rốt cuộc quen nói ra mồm tất cả những cảm kích trong lòng: các vị hãy xét xem tôi ắt phải thành ra thế nào tại một ngôi nhà mà tôi chẳng dám mở miệng, mà phải ra khỏi bàn ăn khi mới được một phần ba bữa¹, phải ra khỏi phòng ngay khi không còn gì để làm ở đó; tại nơi mà, bị trói buộc liên miên vào công việc, tôi chỉ nhìn thấy những lạc thú cho người khác còn riêng mình phải nhịn; tại nơi mà hình ảnh sự tự do của chủ và các bạn nghề tăng thêm gánh nặng cho tình trạng lệ thuộc của mình; tại nơi mà trong các cuộc tranh cãi về những gì mình biết rõ nhất, tôi không dám mở miệng; tại nơi mà rốt cuộc mọi thứ nhìn thấy đều trở thành đối tượng thèm khát của lòng tôi, duy chỉ vì tôi bị cấm mọi thứ. Giã biệt sự thoải mái, tính vui vẻ, những câu nói hợp tình hợp cảnh, ngày trước khi tôi mắc lỗi, nhiều lần khiến tôi thoát được hình phạt. Tôi không thể nhớ lại mà không bật cười về một buổi tối, ở nhà cha tôi, vì trò tình nghịch nào đó tôi bị phạt phải đi ngủ không được ăn tối, và khi đi qua bếp cùng với mẫu bánh nhật, tôi nhìn thấy và ngửi thấy món thịt đang quay trên xiên. Mọi người ngồi quanh bếp lửa; tôi phải chào tất cả khi đi qua. Chào xong hết lượt, liếc nhìn món thịt quay, trông rất ngon và mùi rất thơm, tôi không thể không cúi chào cả nó, và bảo nó bằng một giọng thiếu náo: Chào từ biệt nhé, thịt quay. Câu nói ngây thơ lý thú có vẻ buồn cười đến mức mọi người cho tôi ngồi lại ăn tối. Có thể câu nói ấy cũng có cái may mắn như vậy ở nhà chủ tôi, nhưng chắc chắn là ở đây tôi chẳng nghĩ ra nó, hoặc chẳng dám nói ra.

Vậy là tôi học thêm muốn một cách lặng lẽ, học giấu mình, học che đậy, học nói dối, cuối cùng là lấy trộm, cái trò mà cho đến bấy giờ tôi chưa nghĩ đến, và từ đây tôi không thể chữa cho khỏi hẳn. Sự thèm muốn và sự bất lực bao giờ cũng dẫn đến chỗ đó. Đây là vì sao tất cả các gã đầy tớ đều tinh ranh trộm cắp, và vì sao tất cả các thợ học việc có lẽ đều như vậy; nhưng ở một tình trạng bình đẳng và yên lành, tại đó mọi thứ họ nhìn thấy đều ở tầm tay của họ, thì khi lớn lên những thợ học việc sẽ mất đi khuynh hướng đáng hổ thẹn nọ. Do không có cùng lợi thế như vậy, tôi đã không rút ra được cùng lợi ích.

1 Theo lệ thường, thợ học việc không có quyền dùng món tráng miệng.

Hầu như bao giờ những tình cảm tốt bị điều khiển sai cũng khiến cho trẻ con đi bước đầu tiên về phía cái xấu. Mặc dù bị thiếu thốn và bị cám dỗ liên tục, tôi đã ở nhà chủ hơn một năm mà không thể quyết định lấy một thứ gì, ngay cả các thức để ăn. Vụ ăn trộm đầu tiên của tôi là một chuyện chiều ý người, nhưng nó mở cửa cho những vụ khác không có một mục đích đáng khen như thế.

Ở nhà chủ tôi có một thợ bạn tên là Verrat, nhà gần đó, có một khu vườn khá xa trông được những cây măng tây rất ngon. Verrat, không có nhiều tiền, muốn ăn trộm măng đầu mùa của mẹ, và bán đi để hưởng vài bữa trưa ngon lành. Vì không muốn tự mình mạo hiểm, và vì anh ta không lanh lẹ lắm, anh ta bèn chọn tôi để làm vụ này. Sau vài lời mơn trớn mào đầu, càng được lòng tôi hơn vì tôi không thấy mục đích, anh ta đề nghị với tôi chuyện ấy như một ý tưởng vừa nghĩ ra tức thì. Tôi tranh cãi rất nhiều, anh ta nài nỉ. Tôi chẳng bao giờ cưỡng lại được sự ngọt ngào dễ dàng; tôi đầu hàng. Sáng nào tôi cũng đi hái những cây măng ngon nhất; tôi mang măng đến Molard, ở đấy một mụ đàn bà nào đó, biết là tôi vừa lấy trộm, bảo tôi như thế để mua được với giá hời. Vì tôi khiếp sợ, bà ta trả bao nhiêu tôi lấy bấy nhiêu; tôi mang tiền đến cho Verrat. Cái đó mau chóng chuyển thành một bữa trưa mà tôi là người cung cấp, còn anh ta ăn cùng một bạn nghề khác; vì với tôi thì do rất hài lòng được vài miếng nho nhỏ, tôi chẳng đụng đến ngay cả rượu vang của họ.

Cái trò này diễn ra nhiều ngày mà tôi chẳng hề nghĩ đến việc lấy cắp của kẻ ăn cắp, và đánh thuế Verrat về khoản thu nhập từ măng của anh ta. Tôi thực hiện việc trộm cắp hết sức trung thành; động cơ duy nhất của tôi là chiều ý người bảo mình làm. Tuy nhiên, nếu như tôi bị tóm, thì chắc tôi phải chịu biết bao nhiêu là đòn roi, là những lời chửi rủa, là những đối xử tàn ác, trong khi kẻ khốn nạn, chối cãi điều tôi nói, sẽ được tin lời, còn tôi thì bị trừng phạt gấp đôi vì đã dám buộc tội anh ta, bởi anh ta là thợ bạn, còn tôi chỉ là thợ học việc! Ở bất kỳ cảnh huống nào kẻ mạnh phạm tội cũng thoát thân mà gây hại cho kẻ yếu vô tội như thế đó.

Như vậy tôi biết được rằng ăn cắp chẳng ghê gớm như mình đã tưởng; và tôi lập tức lợi dụng rất thành công sự hiểu biết của mình, thành thử chẳng thứ gì tôi thêm muốn là an toàn trong tầm tay của tôi. Tôi không bị ăn uống hoàn toàn kham khổ ở nhà chủ, và sự thanh đạm chỉ nặng nề khó chịu đối với tôi khi thấy thiên hạ ít giữ thanh đạm đến thế. Tôi thấy tập quán xưa những người trẻ tuổi ra khỏi bàn ăn khi dọn lên những gì cám dỗ họ nhất có vẻ rất hợp để khiến

họ thành kẻ thích ăn ngon cũng như kẻ hay trộm cắp. Trong thời gian ngắn, tôi thành cả kẻ nọ lẫn kẻ kia; và thường thì tôi rất ổn về chuyện này, đôi khi rất tệ khi bị tóm.

Một hồi ức hãy còn khiến tôi run rẩy đồng thời bật cười, là hồi ức về một cuộc săn lùng táo khiến tôi phải trả giá đắt. Những quả táo này để ở cuối một nhà kho có ánh sáng chiếu từ bếp vào qua một cửa chớp cao. Một hôm ở nhà một mình, tôi trèo lên thùng gỗ đựng bánh để nhìn vào khu vườn của các nàng Hespéride¹ thứ quả quý giá mà mình không thể tiếp cận. Tôi đi kiếm chiếc xiên để xem có với tới không: nó quá ngắn. Tôi nối dài nó bằng một xiên bé dùng để quay thú săn nhỏ; vì chủ tôi thích đi săn. Tôi chọc nhiều lần không kết quả; cuối cùng tôi vui mừng cảm thấy mình khều được một quả táo. Tôi kéo rất nhẹ nhàng: quả táo đã chạm tới cửa chớp, tôi sẵn sàng tóm lấy nó. Ai nói được nỗi đau của tôi đây? Quả táo quá to, nó không lọt qua được chỗ hổng. Tôi đã sử dụng bao nhiêu là sáng kiến để lôi nó ra! Phải tìm được trụ chống để giữ cái xiên, một con dao đủ dài để bổ quả táo, một thanh gỗ mỏng để đỡ nó.

Nhờ vào sự khéo léo và thời gian, tôi cắt được quả táo, hy vọng sau đó sẽ kéo ra miếng nọ sau miếng kia; nhưng vừa tách đôi là cả hai miếng đều rơi vào trong kho. Hỡi độc giả giàu lòng trắc ẩn, xin hãy chia sẻ mối sầu của tôi.

Tôi không hề mất can đảm; nhưng tôi đã mất nhiều thời gian. Tôi sợ bị bắt chột; tôi hoãn sang ngày mai một mưu toan may mắn hơn, và tôi trở lại với công việc, hoàn toàn yên tâm như thể mình đã không làm gì hết, chẳng nghĩ đến hai nhân chứng không biết giữ bí mật đang khai báo chống lại tôi trong nhà kho.

Hôm sau, gặp lại cơ hội tốt, tôi thử một lần nữa. Tôi trèo lên đòn kê, tôi vươn chiếc xiên, tôi ngấm; tôi sẵn sàng chọc... Rủi thay bỗng không ngủ; đột nhiên cửa nhà kho mở: ông chủ bước ra, khoanh tay, nhìn tôi và bảo tôi: Cố lên!... Bút đang rơi khỏi tay tôi.

Chẳng bao lâu, do cứ bị ngược đãi mãi, tôi thành ra bớt nhạy cảm với chuyện đó; rốt cuộc tôi thấy những sự ngược đãi dường như là một kiểu đền bù cho việc ăn cắp, nó khiến tôi có quyền tiếp tục ăn cắp. Thay vì đưa mắt về phía sau và nhìn hình phạt, tôi hướng lên phía trước và nhìn sự báo thù. Tôi

1 Trong thần thoại Hy Lạp, các nàng con gái của Atlas và Hespéris, cùng với con rồng Ladon canh giữ khu vườn có những cây táo ra quả bằng vàng khiến người ăn táo thành bất tử.

cho rằng đánh đập tôi như kẻ cắp, đó là cho phép tôi làm kẻ cắp. Tôi thấy ăn cắp và bị đánh đập đi cùng với nhau, và có thể nói là thiết lập một trạng huống nào đó, và trong khi làm tròn cái phần tùy thuộc vào mình trong trạng huống này, tôi có thể để phần kia cho chủ tôi lo. Với ý nghĩ ấy tôi ăn cắp một cách yên tâm hơn trước đây. Tôi tự nhủ: “Cuối cùng thì điều gì sẽ xảy ra chứ? Mình sẽ bị đòn. Được thôi: mình được tạo ra để bị đòn mà.”

Tôi thích ăn, mà không ham hố; tôi ưa khoái lạc, chứ không háu ăn. Quá nhiều sở thích khác khiến tôi sao nhãng cái sở thích kia. Xưa nay tôi chỉ quan tâm đến cái miệng mình khi con tim mình nhàn rỗi; và điều này rất hiếm xảy ra trong đời tôi, thành thử tôi chẳng có mấy thời gian nghĩ đến miếng ngon. Đó là vì sao tôi không giới hạn lâu việc trộm cắp ở những thứ ăn được; chẳng mấy chốc tôi mở rộng nó ra tất cả những gì cám dỗ tôi; và nếu như tôi không trở thành một tên trộm đúng thể thức, đó là bởi tôi chưa bao giờ bị tiền bạc cám dỗ nhiều. Trong phòng làm việc chung, chủ tôi có một phòng khác riêng biệt, khóa kín; tôi tìm được cách mở cửa phòng rồi đóng lại mà chẳng lộ ra. Tôi sử dụng tại đó những dụng cụ tốt của ông ta, những hình vẽ đẹp nhất của ông ta, những mẫu in khắc của ông ta, tất cả những gì tôi thèm và ông cố tình để ra xa tôi. Thực ra những vụ trộm cắp này rất vô tội, bởi chúng chỉ được thực hiện để đem phục vụ chủ: nhưng tôi hết sức vui sướng khi có những đồ vật vĩnh viễn dưới quyền của mình; tôi ngỡ ăn cắp được tài năng cùng với những sản phẩm của nó. Và chẳng, trong các hộp có những rẻo vàng bạc vụn, những vật trang sức nho nhỏ, những đồ có giá trị, tiền lẻ. Khi tôi có trong túi bốn hoặc năm xu, thế là nhiều rồi: tuy nhiên, chẳng hề đụng đến một cái gì trong tất cả những thứ đó, tôi nhớ là thậm chí cả đời tôi chưa từng nhìn chúng bằng một ánh mắt thèm muốn. Tôi nhìn chúng ghê sợ hơn là thích thú. Tôi rất tin rằng việc tôi gớm ghét chuyện ăn cắp tiền và những gì sinh ra tiền phần lớn là do giáo dục. Thêm vào đó là những ý nghĩ thâm kín về sự xấu xa ô nhục, về nhà tù, về hình phạt, về giá treo cổ, những ý nghĩ sẽ khiến tôi run lên nếu như tôi bị cám dỗ; trong khi tôi thấy những ngón xoáy của mình chỉ như những trò tinh nghịch, và quả thực chúng không là cái gì khác. Tất cả những điều đó chỉ có thể đáng bị chủ đánh đập ra trò, và tôi tự thích ứng trước trong chuyện này.

Nhưng, một lần nữa, thậm chí tôi chẳng thèm muốn nhiều cho lắm để phải tự cấm mình; tôi không cảm thấy phải đấu tranh chống cái gì hết. Chỉ một tờ giấy đẹp để vẽ cám dỗ tôi nhiều hơn là tiền để mua một tập năm trăm tờ. Sự

kỳ quặc này liên quan đến một trong những nét đặc dị của tính cách tôi; nó ảnh hưởng rất nhiều đến cách cư xử của tôi thành ra cần phải giải thích.

Tôi có những đam mê rất nồng nhiệt, và trong khi những đam mê này khích động tôi thì không gì sánh kịp sự hung hăng nơi tôi: tôi chẳng còn biết nể nang, biết tôn trọng, biết sợ hãi, biết hợp lễ thói; tôi trơ tráo, mặt dày mày dạn, dữ dằn, to gan; chẳng nổi hổ thẹn nào ngăn được tôi, chẳng mối nguy hiểm nào làm tôi sợ; ngoài đối tượng duy nhất khiến tôi bận tâm, thế giới chẳng là gì với tôi nữa hết. Nhưng tất cả những cái đó chỉ kéo dài một khoảng khắc, và khoảng khắc tiếp theo đẩy tôi vào trạng thái thờ ơ như mất hồn.

Hãy xem tôi trong khi bình tĩnh, tôi hiện thân cho sự uể oải thậm chí rụt rè: cái gì cũng làm tôi kinh hãi, cái gì cũng khiến tôi chán ghét; một con ruồi bay làm tôi sợ; một lời phải nói, một cử chỉ phải làm, khiến tính lười biếng của tôi khiếp đảm; cái sợ và nổi hổ thẹn chế ngự tôi đến mức tôi những muốn lẫn mình đi khỏi mắt mọi con người. Nếu phải hành động, tôi chẳng biết làm gì; nếu phải nói năng, tôi chẳng biết nói gì; nếu người ta nhìn tôi, tôi lúng túng. Khi say mê, đôi khi tôi biết tìm ra điều mình phải nói; nhưng trong những cuộc trò chuyện thông thường, tôi không tìm ra gì hết, không gì hết; tôi không chịu nổi những cuộc trò chuyện ấy chỉ vì mỗi cái điều là mình buộc phải nói năng.

Xin hãy bổ sung là không một sở thích nào trong những sở thích chủ chốt của tôi lại ở những thứ mua bằng tiền. Tôi chỉ cần những thú vui thuần khiết, thế mà tiền đầu độc tất cả những thú vui ấy. Chẳng hạn, tôi ưa thú vui ăn uống; nhưng, do không chịu nổi sự gò bó của giới thượng lưu cũng không chịu nổi thói nhậu nhẹt xô bồ nơi tửu quán, tôi chỉ có thể thưởng thức thú vui ấy với một người bạn; vì một mình thì tôi không thể; khi ấy trí tưởng tượng của tôi bận về chuyện khác, và tôi chẳng thấy cái thú ăn uống. Nếu khí huyết bị khôu gọi nơi tôi đòi hỏi đàn bà, thì con tim xúc động của tôi còn đòi hỏi tình yêu nhiều hơn. Những người đàn bà phải mua bằng tiền sẽ mất đi mọi duyên sắc hấp dẫn đối với tôi; thậm chí tôi không chắc mình có lợi dụng duyên sắc ấy. Sự thể cũng như vậy với mọi thú vui trong tầm tay của tôi; nếu chúng chẳng phải cho không nhận không, thì tôi thấy chúng vô vị. Tôi chỉ thích duy nhất những thứ tốt lành chẳng thuộc về ai ngoài người đầu tiên biết thưởng thức chúng.

Với tôi tiền không bao giờ có vẻ là một thứ quý giá như người ta thấy thế. Hơn nữa, với tôi thậm chí nó không bao giờ có vẻ thật tiện lợi; tự bản thân nó chẳng được việc gì, cần phải biến đổi nó để hưởng thụ nó; cần phải mua, phải

mặc cả, nhiều khi bị bịp, mình chi trả thì khá, phục vụ mình thì dở. Tôi những muốn một thứ tốt ở phẩm chất của nó; với đồng tiền của mình tôi chắc chắn sẽ có thứ xấu. Tôi mua đất một quả trứng tươi, hóa ra nó đã lâu ngày; một quả ngon, hóa ra nó còn xanh; một cô gái, hóa ra cô ta hồng rồi. Tôi thích rượu vang ngon ư? nhưng lấy đâu ra? Ở một hiệu buôn vang ư? dù tôi có làm gì đi nữa, ông ta cũng sẽ đầu độc tôi. Tôi nhất định muốn được phục vụ chu đáo ư? biết bao chăm lo, biết bao rắc rối! có bạn bè, có những người giao thiệp bằng thư từ, đặt hàng, viết thư, đi, đến, đợi; và nhiều khi cuối cùng lại vẫn bị lừa. Biết bao vất vả với đồng tiền của mình! Tôi sợ vất vả hơn là thích rượu vang ngon.

Trong thời gian học việc và sau đấy, hàng ngàn lần tôi đã ra phố định mua quà bánh gì đó. Tôi đến gần một hiệu bánh ngọt, tôi nhìn thấy những người phụ nữ ở quầy hàng; tôi ngỡ như đã thấy họ cười và chế nhạo với nhau thành bẻ tham ăn. Tôi đi qua một bà bán hoa quả, tôi liếc những quả lê ngon, mùi thơm của chúng cám dỗ tôi; hai hoặc ba thanh niên gần ngay đấy đang nhìn tôi; một người đàn ông quen biết tôi đang đứng trước cửa hiệu của ông ta; tôi nhìn thấy từ phía xa một cô gái đang đi tới; có phải người đầy tớ gái trong nhà hay không? Con mắt cạnh thị của tôi gây cho tôi hàng ngàn ảo ảnh. Tôi coi tất cả những ai qua đường là những người quen biết; ở chỗ nào tôi cũng e sợ, cũng bị một trở ngại nào đó kìm giữ; niềm khao khát tăng tiến cùng với nỗi hổ thẹn, và cuối cùng tôi về nhà như một gã đàn, thèm khổ thèm sở, trong túi có thứ để thỏa mãn cái thèm, thế mà chẳng dám mua gì hết.

Tôi có thể đi vào những chi tiết vô vị nhất, nếu tôi theo dõi, trong việc hoặc tôi hoặc những người khác sử dụng tiền của tôi, sự lúng túng, nỗi hổ thẹn, mối gờm tởm, những điều bất tiện, những sự chán lợm đủ loại mà tôi luôn cảm thấy. Cứ tiến dần vào cuộc đời tôi và biết được tính tình tôi, độc giả sẽ cảm nhận tất cả những điều đó không cần tôi phải nói kỹ.

Hiểu điều ấy rồi, mọi người sẽ dễ dàng hiểu được một trong những điều bảo là mâu thuẫn nơi tôi: đó là kết hợp một sự hà tiện gần như bản tiện với niềm khinh bỉ lớn nhất đối với tiền bạc. Đó là một thứ động sản rất ít tiện lợi đối với tôi, thành thử tôi thậm chí chẳng nghĩ đến chuyện ao ước thứ mình không có; và khi có thì tôi giữ rất lâu chẳng tiêu đi, vì không biết sử dụng nó theo ý thích riêng của mình: nhưng cơ hội thuận tiện và thú vị mà xuất hiện, thì tôi tận dụng đến mức rỗng túi trước khi nhận ra. Vả chẳng, xin đừng tìm kiếm ở tôi cái tật của những kẻ hà tiện, tật tiêu xài để khoe khoang; hoàn toàn

ngược lại, tôi tiêu pha thâm kín và vì thú vui: chẳng hề tự đắc khi tiêu pha, tôi lại giấu mình đi. Tôi cảm thấy rất rõ là tiền chẳng phải để mình sử dụng, thành thử tôi gần như hổ thẹn khi có nó, khi dùng nó còn hổ thẹn hơn. Giả sử có khi nào được hưởng một lợi tức đủ để sống một cách dễ dàng, thì tôi đã chẳng hề có ý định hà tiện, tôi tin rất chắc như vậy. Tôi sẽ chi tiêu hết số lợi tức của mình mà không tìm cách gia tăng nó: nhưng tình cảnh bấp bênh của tôi khiến tôi lo sợ. Tôi yêu quý tự do. Tôi ghét sự gò bó, nỗi khổ sở, tình trạng phụ thuộc. Chừng nào tiền vẫn còn trong túi tôi, nó đảm bảo cho sự độc lập của tôi; nó miễn cho tôi việc chạy vạy để tìm ra số tiền khác; điều cần thiết mà tôi luôn gớm ghê: nhưng vì sợ thấy tiền hết đi, tôi nâng niu nó. Tiền mà ta sở hữu là phương tiện để tự do; tiền mà ta đeo đuổi là phương tiện để thành nô lệ. Đó là vì sao tôi cất kỹ và chẳng thèm muốn gì hết.

Vậy sự vô tư bất vụ lợi của tôi chỉ là sự lười nhác; cái thú khi có chẳng bỏ cái khổ khi kiếm: và sự phung phá của tôi lại cũng chỉ là lười nhác; khi cơ hội tiêu pha một cách thú vị xuất hiện, ta chẳng lợi dụng được nó thái quá. Tôi bị tiền cám dỗ không bằng bị sự vật cám dỗ, vì giữa tiền và vật sở hữu mà mình khao khát bao giờ cũng có một trung gian; trong khi giữa chính sự vật và việc vui hưởng nó không hề có trung gian. Tôi nhìn thấy sự vật, nó cám dỗ tôi; nếu tôi chỉ nhìn thấy phương tiện để đạt được nó, thì nó chẳng cám dỗ tôi. Vậy tôi đã ăn cắp, và đôi khi tôi vẫn còn ăn cắp những thứ vật vĩnh viễn cám dỗ mình, mà tôi thích lấy hơn là xin: nhưng, khi bé hay khi lớn, tôi nhớ là chưa hề lấy một đồng kẽm nào của ai hết, trừ một lần duy nhất, cách đây chưa đầy mười lăm năm, tôi lấy cắp bảy livre mười xu. Việc đáng kể lại, vì ở đó có một sự ngẫu hợp tức cười của trâng tráo và ngu dại, mà có lẽ bản thân tôi khó lòng tin được nếu nó liên quan đến một kẻ khác không phải mình.

Đó là ở Paris. Tôi đang đi dạo cùng ông De Francueil ở Palais-Royal, vào quãng năm giờ. Ông rút đồng hồ ra, nhìn đồng hồ, rồi bảo tôi: “Ta hãy đến Nhà hát Nhạc kịch”: tôi rất thích; chúng tôi đi. Ông lấy hai vé ở tầng thượng, đưa cho tôi một vé, và đi vào trước với tấm vé kia; tôi theo sau ông, ông bước vào. Khi bước vào sau ông, tôi thấy cửa bị vướng. Tôi nhìn, tôi thấy tất cả mọi người đều đứng; tôi cho rằng mình rất có thể lạc trong đám đông này, hay ít ra cũng khiến ông De Francueil tưởng tôi bị lạc ở đó. Tôi đi ra, tôi lấy lại phiếu cho ra ngoài, rồi lấy lại tiền, và tôi bỏ đi, chẳng nghĩ rằng mình vừa đến cửa thì mọi người đều ngồi xuống, và lúc ấy ông De Francueil thấy rõ là tôi không còn ở đó.

Bởi không gì xa lạ với tính tình tôi hơn là hành vi ấy, nên tôi ghi nhớ nó, để chỉ ra rằng có những khoảnh khắc của một kiểu mê sảng khi đó ta không nên xét đoán con người qua hành động của họ. Chính xác ra thì không phải là ăn cắp số tiền ấy; đó là ăn cắp sự sử dụng nó: càng ít là một sự ăn cắp bao nhiêu, càng là một hành vi xấu xa bấy nhiêu.

Thảo luận và suy ngẫm

1. Bạn hiểu thế nào về nhận xét “Hầu như bao giờ những tình cảm tốt bị điều khiển sai cũng khiến cho trẻ con đi bước đầu tiên về phía cái xấu.”
2. Đọc lại đoạn thuật chuyện ăn cắp táo và suy nghĩ thật kỹ luận giải của Rousseau “rốt cuộc tôi thấy những sự ngược đãi dường như là một kiểu đền bù cho việc ăn cắp, nó khiến tôi có quyền tiếp tục ăn cắp. Thay vì đưa mắt về phía sau và nhìn hình phạt, tôi hướng lên phía trước và nhìn sự báo thù. Tôi cho rằng đánh đập tôi như kẻ cắp, đó là cho phép tôi làm kẻ cắp.”
3. Nửa sau của trích đoạn trên trình bày hết sức tinh tế và chân thành suy nghĩ của về sự cám dỗ của tiền và đồ vật đối với ông. Bạn thử chỉ ra những điểm đặc biệt trong suy nghĩ đó của Rousseau?
4. Phần sau cùng của trích đoạn trên có thể tách thành một “truyện rất ngắn” kể chuyện “ăn cắp bảy livre mười xu”. Hãy suy nghĩ thật kỹ càng về tình tiết câu chuyện và trả lời câu hỏi – theo bạn có phải là Rousseau đang biện bạch khi nói “Chính xác ra thì không phải là ăn cắp số tiền ấy; đó là ăn cắp sự sử dụng nó: càng ít là một sự ăn cắp bao nhiêu, càng là một hành vi xấu xa bấy nhiêu.”?

BÀI 12

BÚT KÝ TỪ NHÀ CHẾT (của F.M. Dostoevsky)

Hướng dẫn học

Mời các bạn đọc Lời giới thiệu cuốn *Bút ký từ Nhà Chết* của nhà nghiên cứu Phạm Vĩnh Cư:

Trong di sản của nhà đại văn hào Nga Fedor Mikhailovich Dostoevsky (1821–1881) có một tác phẩm lớn chưa bao giờ được dịch ra tiếng Việt. Đó là *Bút ký từ Nhà Chết*. Tác phẩm này đặc sắc về nhiều phương diện. Thứ nhất, đó là trước tác giàu tính tự truyện hơn cả, phản ánh trực tiếp một giai đoạn quan trọng trong tiểu sử của chính Dostoevsky. Như ta đã biết, Dostoevsky thời trẻ từng tham gia hoạt động cách mạng trong nhóm Petrashevski, giữa năm 1848 bị bắt giam, đầu 1849 bị tuyên án tử hình, đến phút chót thay bằng bốn năm tù khổ sai rồi bốn năm làm lính. Ông bị đày đi Xibia và giam trong một nhà tù chung với những phạm nhân hình sự. Ký ức về bốn năm thụ án ấy sau này, khi Dostoevsky đã được trả tự do và trở lại với nghề viết văn, đã được ghi lại thành tác phẩm *Bút ký từ Nhà Chết* ra mắt độc giả năm 1861 trên tạp chí *Thời đại* (Vremia) do anh em Dostoevsky xuất bản, đến năm sau thì in thành sách riêng.

Bút ký từ Nhà Chết vì thế, và đây là đặc điểm thứ hai của nó, là tác phẩm thuộc thể loại ký, còn gọi là “văn xuôi tư liệu”, hiếm hoi trong sáng tác của Dostoevsky. Trước nó, ông chưa thử sức mình trong loại hình văn non-fiction này. Sau nó, ông sẽ chỉ một lần quay lại với nó – trong *Bút ký mùa đông về những cảm tưởng mùa hè* (1863), ghi lại những ấn tượng trong chuyến du lịch châu Âu đầu tiên của mình, rồi ông chuyển hẳn sang sáng tác những tiểu thuyết lớn với một số truyện vừa và truyện ngắn. Cuối đời, trong *Nhật ký nhà văn* (1873, 1876–1877, 1880–1881), Dostoevsky sẽ dành một số chương và trang cho những hồi ký, chia sẻ với bạn đọc những trải nghiệm khác nhau trong đời mình, nhưng chúng không mang tính hệ thống. Vì vậy, *Bút ký từ Nhà Chết* là tác phẩm ký lớn nhất của ông.

Do chế độ kiểm duyệt ở nước Nga thời ấy, Dostoevsky đã phải hư cấu ra một “tác giả” khác cho tác phẩm tự truyện của mình – một Alexandr Petrovich Gorianchikov nào đó bị trừng phạt vì tội giết vợ – nhưng đây chỉ là một thủ pháp hình thức bề ngoài đơn thuần. Đọc *Bút ký từ Nhà Chết*, chúng ta tiếp xúc trực tiếp với những gì Dostoevsky đã nếm trải, đã quan sát, đã suy ngẫm trong những năm tháng ông ngồi tù ở Xibia – những năm tháng đã tạo nên một bước ngoặt cơ bản nhất, hệ trọng nhất trên đường đời, đường sáng tạo, đường tìm cái chân, cái thiện, cái đẹp của nhà văn và nhà tư tưởng thiên tài này. Nhiều đề tài lớn, nhiều tư tưởng tâm huyết sẽ được triển khai trong những trước tác từ lâu đã được cả thế giới biết đến của Dostoevsky, lần đầu tiên xuất hiện dưới dạng chấm phá chính trong *Bút ký từ Nhà Chết*. Những ai muốn hiểu biết tận tường sáng tác, cuộc đời và nhân cách Dostoevsky không thể bỏ qua tác phẩm này.

Song *Bút ký từ Nhà Chết* quý giá không chỉ từ những phương diện ấy. Trước chúng ta là một kiệt tác văn học mà một mình nó đủ sức làm bất tử tác giả của nó. Chúng ta đã quen với thế giới tiểu thuyết của Dostoevsky, nơi ông đặt đi đặt lại, không thỏa mãn với bất kỳ giải quyết nào, những vấn đề cuối cùng của thế giới và con người, nơi trí tưởng tượng sáng tạo của nhà văn nhào nặn lại thực tại đời sống nhiều khi đến mức khó nhận ra nó, nơi cái hư cấu rất nhiều khi bắt cái có thật tuân theo những quy luật của mình, nơi các nhân vật, bị hút thu toàn bộ bởi những tư tưởng, khát vọng và đam mê, tưởng chừng đã trút bỏ sạch cái vỏ thân xác – xã hội của mình. *Bút ký từ Nhà Chết* cho ta thấy những khía cạnh khác của văn tài Dostoevsky. Ở đây ông xuất hiện như một cây bút viết ký am tường những định luật của thể loại này, một nhà văn tả chân biết tái tạo hiện thực cuộc sống như nó có một cách chính xác, tỉ mỉ và sinh động phi thường. Đọc xong *Bút ký từ Nhà Chết*, ta sẽ không bao giờ quên được khung cảnh, tổ chức và toàn bộ sinh hoạt của một nhà tù Nga thế kỷ XIX (để có thể so sánh, ví dụ, với nhà tù cũng của nước Nga ấy, nhưng trong thế kỷ sau, như nó được tái hiện trong những tác phẩm cũng nổi tiếng toàn cầu của Solzhenitsyn). Nhưng còn quan trọng hơn cái sự thật lịch sử ấy là những phát hiện nhân học được Dostoevsky ghi tạc trong tập bút ký này. Không chỉ những mẫu người, những nhân cách, những lối ứng xử khác nhau trong một hoàn cảnh thống nhất, mà điều gây ấn tượng mạnh mẽ hơn là những kiến giải, nhận định, khái quát xác thực, sâu sắc và tinh tế về chúng.

Chỉ cần nhắc đến ví dụ, những trang nói về tệ nát rượu và mua bán rượu lậu trong cái nhà tù khổ sai mà tác giả mô tả. Chúng vừa thấm đậm màu sắc Nga lại vừa nói lên một sự thật không thể bác bỏ, vừa đáng buồn vừa đáng mừng về con người nói chung.

Độ sâu của cái nhìn xã hội và con người trong *Bút ký từ Nhà Chết* kết hợp nhuần nhuyễn với một chủ nghĩa nhân đạo và nhân văn cao cả và triệt để, như ta chưa từng thấy trước đó trong sáng tác của Dostoevsky. Đằng sau những hình tượng hiện thực và muôn màu muôn vẻ của những tội nhân cùng và khác đẳng cấp xã hội, đồng tộc và dị tộc, đồng giáo và dị giáo với người kể chuyện, độc giả cảm hội không chỉ một con mắt nhà văn sắc sảo, tinh táo và dũng mãnh mà còn một nhãn thức thấu thị không chỉ hiện trạng của con người và xã hội loài người, mà còn cái mà chúng có thể trở thành và phải trở thành. Nếu cái hiện trạng của xã hội và con người Nga, như nó được phản ánh khúc xạ qua *Bút ký từ Nhà Chết*, đã gây ấn tượng mạnh đến mức ám ảnh cho nhiều độc giả phương Tây (tác phẩm này được dịch ra nhiều Âu ngữ ngay từ sinh thời Dostoevsky) thì cái nhãn thức, cái tinh thần nhân học vừa tinh táo, nghiêm khắc lại vừa giữ vững niềm tin, không dễ nào có được ấy đã được nắm bắt chuẩn xác, cũng cùng thời với Dostoevsky, bởi một nhà văn xuôi Nga khác, ngang tài với ông – Lev Tolstoi. Có thể có những ý kiến rất dị biệt với Tolstoi về những tác phẩm khác nhau của Dostoevsky, nhưng thật khó không chia sẻ thái độ tán dương nhất quán của ông đối với *Bút ký từ Nhà Chết* như là một kiệt tác văn chương nhuần thấm thế giới quan tôn giáo chân chính (được Tolstoi đồng nhất với đạo Kitô chân chính) và vì thế mãi mãi có sức lay động và thanh lọc tâm thức con người, bất cứ ở đâu trên hành tinh này.

Mời các bạn đọc đoạn trích *Khu nhà chết* trong tác phẩm *Bút ký từ Nhà Chết* do dịch giả Lê Đức Mẫn dịch.

KHU NHÀ CHẾT

Nhà tù của chúng tôi nằm bên mép pháo đài, ngay sát chân tường thành. Thường khi bạn nhìn qua khe hàng rào ra thế giới bên ngoài, bạn có thấy cái gì không? Bạn vịn vịn chỉ nhìn thấy có một mảnh trời bé xíu và một thành lũy đất cao mọc đầy cỏ dại, trên mặt lũy ngày cũng như đêm có lính gác đi đi lại lại, ngay lập tức bạn nghĩ rằng còn biết bao nhiêu năm tháng nữa qua đi nhưng sẽ cứ như thế này, bạn lại ghé mắt qua khe hàng rào để thấy vẫn là bức thành lũy đất này, vẫn là những tên lính ấy, vẫn là vuông trời bé nhỏ nọ, nhưng không phải bầu trời trên nóc nhà tù, mà là một bầu trời khác xa xôi, bầu trời tự do. Bạn hãy tưởng tượng một khu sân lớn, chiều dài đến hai trăm bước và chiều rộng đến một trăm rưỡi bước, toàn bộ được bao bọc bởi một hàng rào cao theo hình lục lăng không thật cân đối, tức là bằng những thân gỗ cao cắm sâu xuống đất, tựa sát vào nhau bằng những gióng gỗ và được cấu kết bằng những thanh giằng ngang, trên đầu vát nhọn: hàng rào bên ngoài của nhà tù là như vậy đó. Ở một phía hàng rào có cổng chắc chắn luôn luôn đóng kín, ngày đêm có lính canh gác. Cổng chỉ được mở theo lệnh để cho tù nhân đi làm. Bên ngoài cổng là thế giới tự do, có ánh sáng và người ta được sống như mọi người khác. Nhưng bên này của hàng rào, người ta chỉ có thể hình dung về cái thế giới ấy như về một truyện cổ tích không tưởng nào đó. Ở đây có một thế giới đặc biệt không giống một thế giới nào khác. Ở đây có những đạo luật riêng, có quần áo riêng, có phong tục tập quán riêng. Đây là Khu Nhà chết mà vẫn đang sống, cuộc sống không giống nơi đâu, và con người ở đây cũng đặc biệt. Chính vì thế mà tôi bắt tay vào mô tả cái góc khuất đặc biệt này.

Khi bạn đi qua hàng rào, bạn sẽ nhìn thấy bên trong có mấy tòa nhà, một cái sân rộng ở giữa, hai bên có hai dãy nhà gỗ một tầng dài. Đó là nhà trại. Sống trong đó là những người bị bắt giam và đã được phân loại. Sau đó vào sâu nữa bên trong hàng rào, bạn lại thấy một ngôi nhà gỗ như vậy: đó là nhà bếp, được chia thành hai bếp riêng, tiếp theo lại là một dãy nhà nữa, trong đó có nhà hầm, nhà kho. Phần giữa sân để trống, chiếm một vị trí khá rộng và bằng phẳng. Đây là chỗ để tù nhân xếp hàng, để kiểm tra và điểm danh buổi sáng, buổi trưa, buổi tối, đôi khi ban ngày cũng điểm danh mấy lần tùy vào mức độ nghi ngờ của lính đi tuần và vào khả năng đếm nhanh của chúng. Xung quanh, phần giữa các tòa

nhà và hàng rào vẫn còn một không gian khá rộng nữa, ở đây, phía đằng sau các tòa nhà, có những tù nhân thích cô đơn hơn và tính tình rầu rĩ hơn mọi người, họ thường hay ra đó ngoài giờ làm việc, tránh mọi con mắt, vừa đi đi lại lại vừa suy nghĩ chuyện đời riêng. Khi gặp gỡ họ trong lúc dạo chơi, tôi thích nhìn kỹ những khuôn mặt cau có bị đóng dấu của họ và cố đoán xem họ nghĩ ngợi gì. Có một người đi đây làm một việc yêu thích trong lúc rỗi rãi là đếm lá rụng. Anh ta đã có một ngàn rưỡi chiếc. Đối với anh mỗi chiếc là một ngày. Mỗi ngày anh tính bằng một chiếc lá, như vậy, tính theo số lá chưa được đếm thì anh có thể thấy rõ mồn một anh còn phải ở lại trại này bao nhiêu ngày nữa mới đến hạn tù khổ sai. Anh thật sự vui mừng mỗi khi đi hết được một cạnh của cái sân lục giác. Anh còn phải chờ đợi nhiều năm nữa, nhưng nhà tù cũng là nơi học tính kiên trì. Một lần tôi đã thấy một tù nhân chia tay với bạn. Người này đã ở tù hai mươi năm, nay mới được tha. Nhiều người vẫn còn nhớ lần đầu tiên tới trại. Hồi ấy còn trẻ, vô tư, và chẳng nghĩ gì về tội lỗi của mình và hình phạt cả. Khi đã là một ông lão đầu bạc, mặt mũi nhăn nheo, buồn thảm. Ông ta lặng lẽ đi vòng quanh cả sáu khu trại. Bước vào mỗi trại ông lại đứng trước các tượng Chúa cầu nguyện, rồi ông cúi gập người đến thắt lưng chào các anh em, mong mọi người có điều gì hãy bỏ qua cho ông. Tôi cũng còn nhớ có một lần có một tù nhân, trước đó là một người Sibir làm ăn khá giả, có hôm đến chiều bị gọi ra cổng. Trước đó nửa năm ông nhận được tin rằng vợ cũ đã đi lấy chồng khác. Ông đau khổ vô hạn. Bây giờ bà ấy tự nhiên đến trại, gọi ông ra, đưa cho ông đồ ăn thức uống, hai người nói chuyện mấy phút rồi khóc nức lên, sau đó chia tay vĩnh viễn. Tôi đã nhìn thấy mặt ông lúc ông quay vào... phải rồi, nơi đây người ra có thể học được chữ nhẫn.

Chiều tối người ta lại lừa chúng tôi vào trại, sau đó khóa chặt cổng suốt đêm. Cứ mỗi lần từ sân vào trại là tôi lại thấy lòng dạ nặng nề. Đó là một căn phòng dài, thấp và ngột được thấp bằng những cây nến mỡ leo lét, có mùi nặng quánh nghẹt thở. Bây giờ tôi vẫn không hiểu làm sao tôi sống qua được trong đó suốt cả mười năm. Tám phản của tôi có ba tấm gỗ: đó là toàn bộ chỗ ở. Trên tám phản này trong một phòng có khoảng ba mươi người chung sống. Mùa đông cửa bị khóa sớm, phải chờ đến bốn tiếng thì mọi người mới ngủ thiếp. Trước đó là bao nhiêu tiếng ồn ào, cười nói, chửi thề, là tiếng xích kêu, tiếng người già trẻ nhỏ, là những cái đầu trọc, những bộ mặt bị đóng dấu, những bộ quần áo rách nát – tất cả đều bị chửi rửa, bị hạ nhục... thế nhưng con người vẫn

sống! Con người là một sinh vật thích nghi được với mọi thứ, và tôi nghĩ rằng đó là cái định nghĩa hay nhất.

Trong trại này chúng tôi chỉ có hai trăm năm mươi người. Con số này gần như không đổi. Số này đến thì số khác mãn hạn, số khác nữa qua đời. Ở đây không thiếu một loại người nào! Tôi cứ nghĩ rằng tỉnh nào, huyện nào của đất nước Nga cũng đều có đại diện ở đây cả. Cũng có cả những người dị tộc, thậm chí có cả những người bị đày từ vùng Kavkaz. Tất cả đều được phân loại theo mức độ tội phạm, thức là theo độ tuổi phải ngồi tù phạm pháp. Xem ra không có loại tội ác nào không có đại diện ở đây. Nhóm cư dân chủ yếu trong trại là loại đi đày khổ sai dân sự (khổ sai *hạng nặng*, những tù nhân tự mình gây thơ nói ra như vậy). Đó là những tù nhân bị mất quyền tài sản, họ hoàn toàn bị cắt rời ra khỏi xã hội, mặt bị đóng dấu làm bằng chứng vĩnh viễn cho sự ruồng bỏ. Họ bị đưa đến đây làm việc thời hạn từ tám đến mười hai năm, sau đó lại chuyển đi đâu không rõ trong các tổng huyện vùng Sibir này thành dân nhập cư. Lại có những tội phạm là quân nhân, chưa mất quyền tài sản, như hầu hết trong các đội lính Nga bị giam. Họ đến đây với thời hạn ngắn hơn, hết hạn họ được quay về nơi cũ, được làm lính trong các tiểu đoàn Sibir. Nhiều người trong số này gần như lập tức quay về trại và một lần nữa lại gây ra trọng tội, nhưng lần này không phải ngắn hạn, mà là hai mươi năm. Loại này được mệnh danh là “vĩnh cửu”. Nhưng loại “vĩnh cửu” cũng chưa mất hẳn quyền tài sản. Cuối cùng vẫn còn một loại đặc biệt nữa, phạm vào những tội ác khủng khiếp, chủ yếu là quân nhân. Số này khá đông. Họ được gọi là “biệt nhóm”. Phạm nhân về đây từ khắp nước Nga. Họ tự coi mình là vĩnh viễn và không biết thời hạn lao động của mình là bao nhiêu. Theo luật định thì họ bị tăng gấp đôi, gấp ba thời hạn làm việc. Họ bị giam giữ trong trại cho đến khi nào ở Sibir khai trương những công trường khổ sai nặng nề nhất. “Các anh còn hạn. Chúng tôi thì cứ khổ sai suốt đời” – họ nói với các tù nhân khác như vậy. Sau này tôi nghe thấy nói rằng loại này đã bị xóa bỏ. Ngoài ra trong thành trì của chúng tôi cả cái chế độ dân sự cũng bị bãi bỏ, ở đây được lập ra cho mọi người một đại đội quân nhân tội phạm, hẳn là vì thế mà cả ban lãnh đạo cũng phải thay đổi. Đây là tôi kể lại những chuyện cũ, những việc đã qua lâu rồi...

Những chuyện ấy đã qua lâu rồi, nhưng đến bây giờ tất cả vẫn còn trong giấc mơ tôi như những cơn mộng mị. Tôi còn nhớ tôi bước chân vào trại như thế nào. Đó là một buổi chiều tháng Chạp. Trời đất nhập nhoạng. Mọi người đi

làm về, chuẩn bị điểm danh. Một viên hạ sĩ đầy râu mở cửa cho tôi bước vào khu nhà kỳ lạ này, nơi tôi phải sống đến từng ấy năm, phải trải nghiệm biết bao cảm giác, mà nếu không cảm nhận được qua thực tế thì tôi sẽ không thể nào có được một khái niệm dù chỉ gần đúng. Chẳng hạn, tôi sẽ không thể nào tưởng tượng được: có cái gì là khủng khiếp, là sự hành hạ trong cái việc suốt mười năm khổ sai của tôi, tôi không có một lúc nào, một phút nào được ở lại một mình? Đi làm thì bao giờ cũng có lính áp giải, về nhà thì có hai trăm anh em bạn tù. Không có một dịp nào, một dịp nào được yên một mình! Nhưng đâu có phải tôi sẽ phải quen dần chỉ với cảnh đó.

Ở đây có những kẻ giết người ngộ sát, lại có những sát nhân chuyên nghiệp, có kẻ cướp và có những trộm cướp. Có những người chỉ là trộm cắp, là phường du thủ du thực, là những tay công nghiệp làm tiền, lại có những người mà ta khó có thể định được, vì sao họ phải đến đây? Thế nhưng chuyện mỗi người là cả một thiên tiểu thuyết, một thiên tiểu thuyết mờ mịt, nặng nề, như cơn mê cuồng sau bữa rượu chiều qua. Nhìn chung về quá khứ của mình thì họ ít nói, không thích kể ra, rõ ràng là họ cố gắng không nghĩ gì đến quá khứ nữa. Trong số họ tôi đã gặp những kẻ giết người mà lại luôn luôn vui cười, không bao giờ nghĩ ngợi một chút nào, khiến ta có thể đánh cược rằng lương tâm họ chưa bao giờ trách móc họ một lời nào. Thế nhưng lại có những khuôn mặt ảm đạm, hầu như lúc nào cũng câm lặng. Nói chung rất ít người kể chuyện đời mình, mà ta tò mò thì không phải lỗi, dường như không phải thói thường và không được chấp nhận. Chỉ đôi khi có kẻ ngồi buồn không biết làm gì thì nói chuyện chơi, rồi có người khác lạnh lùng, trầm mặc lắng nghe. Ở đây không ai có thể làm ai ngạc nhiên. “Chúng tôi là những người hiểu biết!” – họ thường nói thế với vẻ tự mãn kỳ lạ. Tôi còn nhớ một hôm có một tên cướp say khướt (ở chỗ khổ sai đôi lúc cũng vẫn say được) bắt đầu kể hấn đã cắt cổ một cậu bé lên năm, đầu tiên hấn mê hoặc cậu bé bằng một thứ đồ chơi rồi dắt đến một nhà kho bỏ không và cắt cổ. Cả trại trước đó vẫn cười đùa theo chuyện đùa của hấn nhưng lúc ấy thì mọi người đều nhất tề quát lên, khiến tên cướp buộc phải câm họng. Mọi người hét lên không phải vì căm phẫn, mà bởi vì không được nói đến chuyện ấy, bởi vì nói đến chuyện ấy là không chấp nhận được. Nhân đây tôi xin nhận xét rằng những người ở đây quả thật là có hiểu biết, thậm chí không phải là hiểu theo nghĩa bóng, mà là theo đúng nghĩa đen. Hấn là già nửa trong số họ biết đọc biết viết. Liệu có nơi nào người Nga tụ tập thành một đám đông tới hai trăm năm

mười người mà lại có được đến một nửa biết đọc biết viết? Sau này tôi nghe có người rút ra kết luận từ những số liệu như vậy rằng sự có học làm hại dân chúng. Đó là sai lầm: Ở đây có những nguyên nhân khác hoàn toàn; mặc dù ra không thể không đồng ý rằng sự có học làm phát triển trong dân chúng lòng tự tin thái quá. Nhưng cái đó tuyệt không phải là một khiếm khuyết. Các tù nhân ở đây được phân biệt theo y phục: áo của một số người thì một nửa màu nâu sẫm, quần của họ cũng vậy, một ống màu xám thì ống kia nâu sẫm. Một lần ở nơi làm việc có một cô bé bán bánh đến gần đám tù nhân, đứng nhìn xoáy vào tôi hồi lâu rồi cười phá lên: “Chà! Hay thế chứ lì! vải xám cũng thiếu, mà vải đen cũng thiếu”. Lại có những tù nhân áo toàn màu xám, nhưng hai tay áo thì lại nâu sẫm. Tóc họ cắt cũng khác nhau, một số thì nửa đầu nhẵn thín theo chiều dọc, số khác lại nhẵn thín theo chiều ngang.

Thoạt nhìn có thể thấy một số điểm chung rõ rệt trong cả cái đại gia đình kỳ quặc này; thậm chí cả những nhân cách quyết liệt nhất, độc đáo nhất, vô hình trung đề đầu cúi cổ người khác, cũng vẫn cố gắng tìm tiếng nói chung với toàn trại. Nhìn chung, tôi có thể nói rằng tất cả mọi người ở đây, trừ một số rất ngoại lệ lúc nào cũng hơn hở, và vì thế luôn luôn bị mọi người khinh rẻ, còn tất cả đều là những con người cau có, đố kỵ, háo danh, khoe khoang, giận dữ và hình thức chủ nghĩa đến cao độ. Cái khả năng không biết ngạc nhiên là gì chính là phẩm hạnh cao quý nhất giữa họ. Tất cả những con người đều mất trí như nhau ở cái điểm phải thể hiện vẻ bên ngoài như thế nào. Nhưng nhiều khi cái bề ngoài ngang ngược nhất bỗng chốc lại biến đổi thành nhút nhát nhất. Đã có một số người mạnh mẽ thực sự; họ giản dị và không lươn lẹo. Nhưng có điều lạ lùng: trong số những người mạnh mẽ thật sự ấy lại có mấy người hám chuộng hư danh đến mức tận cùng, gần như bệnh hoạn. Nói chung xếp hàng đầu là bệnh háo danh và bệnh hình thức. Phần lớn những người đó đã bị tha hóa và trở nên đều giả ghê gớm. Ngôi lê đôi mách là chuyện không bao giờ dứt: đó là địa ngục, là bóng đêm trọn vẹn. Nhưng lại không có ai dám đứng lên chống lại những lề luật nội bộ và những thói quen đã lâu đời trong trại; mọi người đều phục tùng cả. Cũng có những tính cách nổi bật hẳn lên, những người ấy đã phải ráng sức mà chịu chấp thuận một cách khó khăn, nhưng dù sao cũng đã chấp thuận. Nhập trại còn có những anh hành xử quá đáng, vượt quá xa chuẩn mực khi còn được sống tự do, đến nỗi rốt cuộc nhiều tội ác của họ đã gây ra dường như một cách tự nhiên, dường như chính họ cũng không

biết là gây ra để làm gì, dường như là gây ra trong mơ, trong lúc nửa say nửa tỉnh, thường xuất phát từ những hư danh bị kích động ở mức cao nhất. Nhưng ở chỗ chúng tôi những tội nhân ấy ngay lập tức bị hạ bệ, mặc dù một số người trong họ trước khi đến trại đã là nỗi kinh hoàng của khắp các vùng nông thôn, thành phố. Nhìn quanh mình, người mới nhập trại chẳng mấy chốc đã nhận ra rằng anh ta đã nhầm chỗ, rằng ở đây chẳng có ai để anh ta có thể dọa nạt và dần dần anh ta chịu hòa dịu và hòa nhập vào giọng điệu chung. Giọng điệu chung ấy được hình thành từ bên ngoài bởi ý thức về một thứ phẩm chất riêng biệt nào đó, nó thấm nhuần hầu như vào từng thành viên của nhà ngục. Cứ như là quả thật danh hiệu tù khổ sai đã tạo thành một phẩm cấp nhất định, mà còn là phẩm cấp danh dự nữa. Ở đây không có dấu hiệu xấu hổ và ăn năn! Tuy thế, cũng có sự nhún nhường bề ngoài nhất định, có thể coi là một lối lý sự chính thức và thản nhiên: “Chúng tôi, những người đã bỏ mình rồi, – họ nói thế. – Đã không biết sống cuộc đời tự do, vậy thì, hãy bắt chúng tôi xếp hàng đi, điểm danh đi”. – “Đã không nghe cha, nghe mẹ, thì bây giờ hãy nghe theo tiếng trống”. – “Đã không thích mặc áo chỉ vàng, thì bây giờ phải quai tay đập đá”. Đó là những câu người ta thường nói, vừa dưới dạng dạy khôn cho nhau, vừa là những câu ngạn ngữ thông thường, vừa là những câu đẽo văn hoa, nhưng chẳng bao giờ nghiêm túc. Tất cả chỉ là lời nói. Vị tất trong bọn họ có bao giờ có một người nào trong thâm tâm tự nhận mình là sống phi pháp. Giả sử có ai không phải tù khổ sai hãy thử châm chọc một tù nhân về tội ác của anh ta, hãy thử mắng mỏ anh ta (quở trách tội nhân là không theo tinh thần Nga) – thế thì những lời chửi rủa sẽ là vô tận. Mà dân này đều là những bậc thầy chửi rủa đấy! Họ chửi rủa thật là tinh vi, thật là nghệ thuật. Chửi rủa với họ đã thành khoa học. Họ ráng sử dụng những lời lẽ nghe ra đay nghiến thì ít mà có ý nghĩa đay nghiến thì nhiều, và như thế mới là tinh tế hơn và cay độc hơn. Những cuộc cãi cọ không ngừng giữa họ với nhau lại càng làm cho thứ khoa học này phát triển hơn. Tất cả bọn họ đều phải làm việc dưới roi vọt, thế nên họ là những kẻ vô công rồi nghề, thế nên họ bị tha hóa: Nếu như trước kia họ chưa bị, thì trong chốn lưu đày này họ bị tha hóa. Tất cả bọn họ đến đây đều không phải theo ý mình muốn. Tất cả bọn họ đều là người đứng nước lã với nhau.

“Quý mồn gót quăng quật chúng tôi khắp nơi rồi mới ném vào một đồng thế này!” – họ tự nói về mình như thế; và cũng chính vì vậy mà trong cuộc đời địa ngục này, công việc hàng đầu của họ là ngồi lê đôi mách, là ganh ghét

nhau, là giở trò hung bạo, lừa lọc. Không có một người đàn bà nào có thể sánh ngang được với một trong những mẹ đàn bà ở đây từng là những kẻ giết người. Tôi xin nhắc lại rằng trong số họ có những con người hùng mạnh có những cá tính suốt đời chỉ thích đập phá và sai khiến kẻ khác, những tính cách dày dạn, không hề biết khiếm nhược. Tự nhiên họ được những người khác kính nể. Về phần mình, mặc dù họ thường rất ham danh vọng, nhưng nhìn chung họ lại cố làm sao để không trở thành gánh nặng cho bất kỳ ai, không tham gia vào những cuộc chửi bới vô duyên, họ biết giữ cho mình có phẩm giá đặc biệt, biết tính toán và hầu như bao giờ cũng biết nghe lời cấp trên, – không phải do họ xuất phát từ nguyên tắc vâng lời, không phải từ ý thức trách nhiệm, mà dường như là theo một thứ hợp đồng, ý thức được lợi ích của cả hai bên. Tuy nhiên, những người khác vẫn thận trọng với họ. Tôi còn nhớ trong số tù nhân có một con người hùng mạnh, quyết đoán, được giới cai tù biết đến nhờ tính hung bạo. Một hôm vì một tội ác nào đó anh ta bị trừng phạt. Hôm ấy là một ngày mùa hè, đang giờ nghỉ việc. Viên sĩ quan cấp tá, trực tiếp phụ trách trại đã đích thân xuống bớt gác ở sát cạnh cổng ra vào để xem hành hình. Viên thiếu tá này là một nhân vật cực đoan, hấn đã khiến đám tù nhân phải run sợ hấn. Hấn nghiêm khắc đến mức điên cuồng. Theo lời các tù nhân thì hấn là kẻ “vô người”. Mọi người rất sợ cái nhìn xuyên thấu như linh miêu của hấn khiến không ai giấu được điều gì. Hấn nhìn mà như không nhìn. Vừa vào trại hấn đã biết ngay ở cuối trại xảy ra chuyện gì. Tù nhân gọi hấn là thằng bát nháo. Cách cai trị của hấn thật sự sai lầm. Bằng những hành động điên cuồng, dữ tợn của mình, hấn làm cho bọn người vốn đã hung hãn nay càng hung hãn hơn, và nếu như trên đầu hấn không có một người chỉ huy rộng lượng và chín chắn, biết dàn xếp những hành vi đôi khi là hoang dã của hấn, thì hấn đã gây ra không biết bao nhiêu tai họa. Tôi không hiểu hấn làm thế nào để kết thúc mọi việc một cách êm đẹp, để về hưu mà vẫn sống được và vẫn khỏe mạnh được, mặc dù hấn đã phải ra hầu tòa.

Người tù ấy tái mặt khi bị gọi tên. Bình thường y vẫn nằm im chịu roi vọt một cách kiên quyết, yên lặng chấp nhận hình phạt, sau trận đòn mới run rẩy đứng lên, đưa cặp mắt lạnh băng và đầy chất triết lý nhìn thất bại vừa rồi. Mọi khi người ta đối xử với y một cách cẩn trọng, nhưng lần này không hiểu vì sao y thấy mình đúng. Mặt y nhợt nhạt, y lảng lảng tránh con mắt tên áp giải, giấu được con dao thợ đóng giày kiểu Anh vào ống tay áo. Trong trại các loại dao và

vật nhọn bị nghiêm cấm khủng khiếp. Vẫn thường xảy ra các vụ lòng soát bất ngờ và khắc nghiệt, các hình phạt đều dã man; nhưng, cũng như khó bắt được đồ vật của thằng ăn cắp khi nó cố tình giấu diếm, các loại dao và vật nhọn vẫn là những vật thiết dụng trong trại, nên mặc dù bị lòng sục, chúng vẫn không biến đi đâu cả. Còn nếu như chúng bị tịch thu thì lập tức lại có cái mới. Toàn bộ tù khổ sai lao ra phía hàng rào thót tim nhìn qua khe gỗ, mọi người biết rằng lần này Petrov không chịu nằm yên ăn đòn nữa và ngày tàn của tên thiếu tá đã đến. Nhưng đến đúng giờ phút quyết định nhất thì tên thiếu tá lại lên xe ra đi, giao nhiệm vụ hành quyết cho một tên sĩ quan khác. Sau này đám tù nhân kháo nhau “Trời cứu nó đấy!”. Còn về phần Petrov, y hết sức lỳ lợm đi qua cùng với tên thiếu tá. Tù nhân thường ngoan ngoãn và nhẫn nhịn đến mức nhất định; thế nhưng cũng có cái giới hạn không vượt qua được. Xin nói thêm; không có cái gì đáng cho ta để ý hơn là những cơn bùng phát kỳ quặc ở những người hết khả năng chịu đựng và đã ngang bướng. Thường thì người đó chịu đựng mấy năm liền, biết hòa dịu, chấp nhận những án phạt dã man nhất, nhưng rồi đột nhiên bùng lên vì một chuyện gì đó rất nhỏ nhoi, một chuyện vớ vẩn chẳng đâu vào đâu. Theo cách nhìn khác thì thậm chí có thể gọi y là người điên, và người ta vẫn gọi như vậy.

Tôi đã nói rằng trong vòng mấy năm tôi không nhìn thấy những con người này có dấu hiệu ăn năn mảy may nào, cũng không hề có một chút suy tư nặng nề nào về tội lỗi của mình và rằng phần lớn những người đó trong thâm tâm đều coi mình là hoàn toàn đúng đắn. Sự thật là như vậy. Tất nhiên, thói hư danh, những tấm gương xấu, tật nguyền cuồng, sự xấu hổ giả tạo là những nguyên nhân dẫn tới chỗ đó. Mặt khác, ai có thể nói rằng mình đo lường được chiều sâu của những trái tim đã chết và đọc được trong đó những điều giấu kín khỏi mắt thiên hạ. Thế nhưng trong ngần ấy năm ta đã có thể nhận ra được, tìm kiếm được, nắm bắt được một chút gì trong những trái tim kia, dù chỉ là một nét nhỏ thôi, nhưng nó có thể là bằng chứng cho nỗi buồn, nỗi đau tâm khảm. Nhưng điều đó không có, không hề có. Thật vậy, có lẽ tội ác không thể được suy ra từ những quan điểm có sẵn, và cái triết lý của nó có phần khó khăn hơn so với người ta vẫn tưởng. Tất nhiên, các trại tù và hệ thống lao động cưỡng bức không cải tạo được tù nhân, những thứ đó chỉ trừng phạt họ và đảm bảo cho xã hội từ nay tránh được những cuộc xâm hại của ác thủ vào sự yên bình xã hội. Trại tù và bản thân chế độ lao dịch khốc liệt nhất chỉ phát triển trong

tù nhân nổi thù hận, lòng khát khao những khoái lạc bị cấm đoán và thói nhẹ dạ ghê gớm. Và tôi đoán chắc rằng hệ thống phòng tối sẽ chỉ đạt được mục tiêu giả tạo, lừa dối và bề ngoài mà thôi. Nó vắt kiệt nhựa sống ở con người, làm tâm hồn xơ cứng, suy yếu, khiếp đảm, rồi sau đó lại trưng bày cái xác ướp đã khô cằn về đạo đức này, kẻ nửa điên nửa dại này như là mẫu mực của sự cải huấn và sự hối hận. Tất nhiên, người tù đã nổi loạn chống lại xã hội vẫn luôn luôn hận thù xã hội và hầu như bao giờ cũng coi mình là đúng đắn, coi xã hội là sai. Hơn thế nữa, anh ta đã chịu cho xã hội trừng trị và qua đó đã coi mình là hoàn nguyên sạch sẽ, đã trả hết nợ. Cuối cùng từ những cách nhìn trên, ta có thể phán định rằng gần như phải trắng án bản thân tội nhân. Nhưng bất chấp mọi thứ quan điểm, ai cũng phải đồng ý rằng có những tội ác mà bất kỳ ở đâu và bất kỳ lúc nào, theo bất kỳ bộ luật nào thì từ thuở khai thiên lập địa chúng đã bị coi là những tội ác không phải bàn cãi và vẫn sẽ bị coi là như thế chừng nào con người vẫn là con người. Chỉ có ở trại này tôi mới được nghe chuyện về những hành vi khủng khiếp nhất, phi tự nhiên nhất, về những tội giết người quái đản nhất, những câu chuyện ấy lại được kể ra với những tiếng cười tự nhiên nhất, vui vẻ nhất như của trẻ thơ. Ký ức của tôi đặc biệt ghi nhớ chuyện kẻ giết bố. Y thuộc dòng dõi quý tộc, từng đi làm và sống với ông bố già sáu mươi tuổi, nhưng không rõ vì sao vẫn như đứa con lạc loài. Y sống phóng đảng, nợ nần chồng chất. Ông già can ngăn khuyên bảo y; nhưng ông già có nhà cửa, có trang trại, có thể ngờ là ông cụ có những khoản tiền riêng, và anh con đã giết bố với lòng khát khao được thừa kế gia sản. Tội ác ấy mãi một tháng sau mới bị phát hiện, bản thân kẻ sát nhân đã nộp đơn báo cho cảnh sát rằng bố y biến mất không biết đi đâu. Suốt tháng ấy y sống hoang toàng vô độ bậc nhất. Cuối cùng, trước sự chứng kiến của chính y, cảnh sát đã tìm thấy thi thể ông già. Chạy dài suốt cả sân nhà là một đường cống nhỏ thoát nước bẩn có ván che. Xác ông cụ nằm dưới khe ấy, được mặc quần áo thơm tất, cái đầu tóc bạc bị cắt rời ra rồi đặt sát vào với thân, dưới đó có kê gối. Y đã không nhận tội, đã bị tước danh hiệu quý tộc và bị đi đày khổ sai hai mươi năm. Suốt thời gian tôi ở với y, lúc nào y cũng ở trong trạng thái vui tươi, sảng khoái hết sức. Đó là một con người nhẹ dạ và nông nổi vô cùng, dù hoàn toàn không phải ngu dại. Tôi chưa bao giờ thấy ở nơi y có một dấu hiệu gì tàn ác. Tất cả tù nhân khinh bỉ y không phải vì cái tội ác mà giờ đây người ta không nhớ đến nữa, mà vì sự ngốc nghếch, vì y không biết xử thế. Trong những câu chuyện, y thỉnh thoảng lại nhắc đến bố

mình. Một lần y khoe chuyện với tôi về vóc người tráng kiện mà y được thừa kế từ dòng họ, y nói thêm: “Ông cụ thân sinh ra tôi cho đến tận lúc chết cũng chưa bao giờ phải phàn nàn về bệnh tật cả”. Thói vô cảm như dã thú ấy quả là không ở đâu có. Đó là một hiện tượng; ở đây có một thiếu sót gì đó về mặt tổ chức con người, một khuyết tật gì đó về thể chất và tinh thần mà khoa học chưa khám phá ra, chứ không phải đơn thuần chỉ là tội ác. Hẳn là tôi đã không tin vào tội ác này. Nhưng những người cùng thành phố với y, những người phải biết hết mọi chi tiết vụ án của y, đã kể cho tôi nghe toàn bộ sự việc. Mọi chuyện đều rõ ràng đến mức không thể không tin.

Trại tù có đêm đã nghe thấy y nằm mơ kêu to: “Bắt lấy nó! Bắt lấy! Chặt đầu nó đi! Chặt đầu! Chặt đầu đi!...”

Tù nhân ở đây thường đêm nào cũng nằm mê nói to. Ngôn ngữ của họ là những câu chửi thề, những lời tục tĩu trộm cắp và những từ đao búa. “Chúng tôi ấy à, – họ nói, – chúng tôi là một lũ chai sạn, trong lòng chúng tôi đã chai sạn, thế nên đêm nào cũng phải gào thét”.

Những công việc khổ sai do nhà nước áp đặt không phải là công việc mà là nghĩa vụ: tù nhân phải làm xong phần việc của mình hoặc phải làm đủ giờ lao động theo luật định rồi về trại. Họ căm thù công việc của họ. Nếu không có những công việc riêng biệt mà họ dồn hết tâm trí và sức lực vào đấy thì con người trong trại này không thể sống được. Mà bằng cách nào mà những con người ở đây, phát triển đến thế, từng sống mạnh mẽ và khao khát sống nhưng bị cưỡng bức dồn vào đây thành một bầy người, bị cưỡng bức tách khỏi xã hội và khỏi cuộc sống bình thường, lại vẫn có thể sống được ở đây một cách bình thường và đúng mực, phù hợp với ý chí và sở thích của mình? Chỉ riêng một sự nhàn tản đã có thể làm lớn mạnh trong lòng người nơi đây những thuộc tính của tội ác mà trước kia họ không có khái niệm. Không có lao động và không có sở hữu bình thường và hợp pháp, con người không thể sống, con người sẽ tha hóa và biến thành dã thú. Chính vì thế trong nhà tù này vì một nhu cầu tự nhiên và vì một ý thức tự vệ nào đó mà mỗi con người có một nghề riêng và một công việc bận rộn riêng. Hầu như suốt ngày hè đằng đằng họ bận rộn với công việc của nhà nước. Ban đêm ngăn ngủ họ ít có thì giờ ngủ ngon. Nhưng đến mùa đông, vừa mới sẩm tối họ đã bị đóng cửa trại. Biết làm gì trong những buổi chiều buổi tối mùa đông dài dằng dặc. Chính vì thế, mặc dù bị cấm, hầu như trại nào cũng hóa thành một xưởng thợ to lớn. Bản thân

công việc làm nghề thì không bị cấm đoán, nhưng trong trại người ta lại cấm không được mang theo mình các loại dụng cụ, mà như thế thì làm sao có thể làm nghề được. Ấy thế nhưng mọi người lặng lẽ làm việc, và có lẽ cấp trên cũng không sao sát việc này. Nhiều tù nhân ban đầu đến đây chưa có nghề gì, nhưng rồi được học hỏi anh em và đến khi được trả về tự do thì đã có tay nghề kha khá. Ở đây họ được học nghề đóng ủng, đóng giày, nghề thợ may, thợ mộc, khắc chạm, mạ vàng. Có một anh người Do thái tên là Isai Bumshtein, là thợ kim hoàn và cũng là người cho vay nặng lãi. Mọi người lao động vất vả mà chỉ kiếm được mấy xu. Các đơn đặt hàng họ nhận được từ trong thị trấn. Mấy xu ấy là cái tự do được đúc bằng đồng, và chính vì thế mà đối với những con người đã hoàn toàn mất đi tự do thì chúng lại càng có giá trị gấp hàng chục lần. Chỉ cần chúng kêu lên lạch cạch trong túi là họ đã thấy được an ủi đến nửa phần rồi, dù có thể chẳng tiêu được tiền vào đâu. Thế nhưng đồng tiền thì bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào cũng có thể tiêu được, hơn nữa quả cấm thì lại ngọt ngào gấp đôi. Trong trại tù thậm chí vẫn có rượu uống. Tẩu thuốc bị cấm ngặt nghèo, nhưng mọi người vẫn hút được. Đồng tiền và thuốc lá cứu họ khỏi bệnh hoại huyết và nhiều chứng bệnh khác, còn việc làm thì cứu họ khỏi những tội ác. Nếu không có việc làm thì các trại nhân đã ăn thịt lẫn nhau, giống như những con nhện bị nhốt chung trong lọ. Mặc dù thế, nhưng việc làm và tiền lại bị cấm. Nhiều khi đang đêm người ta lòng sục, tịch thu tất cả những thứ bị cấm, và dù họ giấu tiền kỹ lưỡng đến đâu đi nữa, bọn mật thám đôi khi vẫn lần ra được. Phần nào vì vậy mà họ không giữ tiền nữa, họ phải uống mau đi cho hết, và cũng chính vì thế mà trong trại có rượu. Sau mỗi cuộc lòng sục, những người bị bắt chẳng những mất hết tài sản, mà thường là bị trừng phạt nặng nề. Nhưng cũng ngay sau mỗi cuộc lòng sục, những thiếu thốn được lấp đầy, ngay lập tức họ lại có những dụng cụ mới, mọi việc lại trôi chảy như cũ. Bọn quản ngục biết điều ấy, và các tù nhân không ca thán chịu hình phạt, mặc dù cuộc sống ở đây giống như cuộc sống của những người ở trên núi Vezuvius.

Những người không có nghề riêng thì xoay xở theo kiểu khác. Có những phương thức khá là độc đáo. Có những người chuyên mua đi bán lại, đôi khi họ bán những thứ mà những ai sống ngoài trại không thể nghĩ đến, không những chuyện mua bán, mà ngay cả việc coi chúng là đồ vật cũng không nổi. Trại nhân khổ sai nghèo lắm nên giàu sáng kiến làm ăn lắm. Một cái khó

rách cũng có giá và cũng dùng được. Do sự nghèo khổ mà đồng tiền trong trại cũng có giá khác hẳn bên ngoài. Lao động nhiều và vất vả cũng chỉ được trả vài xu. Một số người có cơ làm ăn bằng nghề cho vay nặng lãi. Tù nhân nào vung tiền quá trớn hoặc bị phá sản thì đem mọi vật còn sót lại nộp cho người cho vay để nhận lấy mấy đồng tiền lẻ với lãi suất khủng khiếp. Nếu đến hạn không chuộc lại được thì những thứ đó bị bán đi mất tiêu và không thương tiếc; nghề cho vay nặng lãi phát triển đến độ họ nhận cầm đồ cả những đồ vật được cấp phát, chẳng hạn như quần áo tù, giày dép... – là những thứ cần thiết cho bất cứ trại nhân nào vào bất kỳ lúc nào. Nhưng với những vật cầm ấy thì tình hình có khi lại xoay chuyển cách khác, nhưng không phải là quá bất ngờ: anh nào đã gửi đồ và nhận tiền thì ngay lập tức, không phải bần tin bần tức gì cả, chạy đến tìm viên hạ sĩ trưởng khai báo về việc đem cầm những thứ của công ấy và ngay lập tức chúng được tịch thu trở lại từ tay kẻ cho vay, thậm chí cũng không cần phải báo cáo lên cấp trên nữa. Điều lý thú là có những trường hợp như thế nhưng đôi khi không xảy ra cuộc cãi lộn nào. Kẻ cho vay lặng lẽ âu sầu trả lại những gì cần thiết, thậm chí dường như hẳn ta chờ đợi chuyện đó. Có lẽ hẳn ta không thể không nhận thức được rằng nếu ở vào địa vị của người đem cầm đồ thì hẳn cũng hành xử như vậy. Vì thế sau đó nếu có chuyện chửi bới nhau thì cũng chẳng có gì giận dữ mà chẳng qua chỉ là để lương tâm được phần thanh thoát.

Nói chung thì bọn họ ăn cắp của nhau một cách tàn bạo. Hầu như ai cũng có một cái rương có khóa để giữ những đồ được cấp phát. Đó là điều được phép làm, nhưng cái rương cũng không cứu được ông chủ. Tôi nghĩ rằng ta có thể hình dung được ở đó những tên ăn trộm tài năng đến đâu. Có một anh tù nhân trung thành với tôi lắm lắm (tôi không nói gượng chút nào). Anh ta đã ăn cắp quyển Kinh thánh, quyển sách duy nhất được phép lưu hành trong trại. Ngay hôm đó anh ta đã thú nhận với tôi, không phải vì hối hận, mà vì thương tôi, bởi lẽ tôi đi tìm quyển ấy rất lâu. Có những tên bán rượu giàu lên rất nhanh. Về việc bán rượu tôi sẽ kể riêng sau này khi có dịp, chuyện ấy khá là lý thú. Trong trại có nhiều người đến buôn lậu, vì thế chẳng có gì đáng ngạc nhiên là trong điều kiện bị kiểm soát và áp giải như thế mà họ vẫn mang được rượu vào đây. Xin nói thêm rằng, cứ theo tính chất mà nói thì buôn lậu là một tội khá đặc biệt. Liệu các bạn có thể hình dung được không, đồng tiền và lợi nhuận của người buôn lậu chỉ xếp hàng thứ yếu, chỉ đứng thứ hai mà thôi? Mà đúng thế thật.

Người buôn lậu làm việc vì lòng say mê, gần như vì thiên chức. Họ một phần là nhà thơ. Họ sẵn sàng hy sinh tất cả, dám chịu hiểm nguy, họ khôn ngoan, sáng suốt và biết thoát hiểm, đôi khi còn hoạt động theo cảm hứng. Niềm say mê này cũng ghê gớm y như cờ bạc. Ở đây tôi có quen một trại nhân. Về hình thức thì anh ta là người cao to, nhưng tính tình thì lại hiền dịu, âm thầm, nhẩn nhai, đến nỗi không thể hình dung được vì sao anh phải nhập trại. Anh ấy không hề biết giận và rất dễ sống, suốt thời kỳ ở trại anh ấy không cãi nhau với ai lần nào. Nhưng anh ấy đến từ biên giới phía Tây, đến để buôn lậu và hiển nhiên tự kiểm chế được nên đã tìm mọi cách mang rượu vào trại. Đã biết bao lần anh ta bị trừng phạt và cũng rất biết sợ đòn roi. Hơn nữa cái việc mang rượu lậu vào cũng chỉ cho anh một chút lợi lộc bèo bọt. Làm giàu vì rượu chỉ có là tên cai thầu mà thôi. Còn thằng gàn này thì yêu nghệ thuật vị nghệ thuật. Anh ấy hay khóc như thể đàn bà, và đã biết bao lần sau những roi vọt, anh đã thề nguyện cắt đứt với nghề bán rượu lậu. Anh đã dũng cảm chế ngự mình đôi khi được đến hàng tháng, nhưng cuối cùng vẫn không chịu nổi... Nhờ có những cá nhân đó mà rượu không thiếu.

Cuối cùng, còn có một thứ lợi nhuận nữa, mặc dù không làm cho trại nhân giàu có, nhưng là thứ lợi nhuận thường xuyên và có phúc phận. Đó là bố thí. Tầng lớp thượng lưu của xã hội chúng ta không hề biết rằng những con buôn, những tiểu thị nhân và toàn bộ dân chúng của ta quan tâm đến “những người bất hạnh” như thế nào. Việc bố thí được tiến hành dường như không ngừng và hầu như bao giờ cũng là bánh mì hoặc bánh ca-lát, hiếm lắm mới là tiền bạc. Không có những cửa bố thí ấy thì các tù nhân, đặc biệt là những kẻ phải hầu toà, những kẻ bị giam cầm khắc nghiệt hơn những người thị án, sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Theo tôn giáo, của bố thí được các trại nhân chia đều. Nếu không đủ bánh cho mọi người thì mỗi bánh ca-lát được cắt ra thậm chí đến sáu phần bằng nhau, mỗi tù nhân được nhận một miếng. Tôi vẫn nhớ lần đầu tiên tôi nhận của bố thí bằng tiền. Đó là hồi tôi mới nhập trại ít lâu. Hôm ấy tôi đi làm ca sáng về, có lính áp giải. Đi ngược chiều với tôi có bà mẹ và cô con gái, một cô bé chừng mười tuổi xinh đẹp như tiểu thiên thần. Trước đó tôi đã có lần thấy họ, bà mẹ là chị vợ lính góa bụa. Chồng chị là một anh lính phải ra hầu toà và bị chết trong nhà quân y của một trại giam mà chính tôi vì ốm lúc ấy cũng nằm đó. Hai mẹ con đã đến đấy vĩnh biệt anh và khóc dữ dội. Nhìn thấy tôi, cô bé đỏ mặt lên, nói một câu gì đó với mẹ. Bà mẹ lập tức dừng lại, lục tìm một

đồng xu trong cái tay nải rồi đưa cho con gái. Cô bé chạy đuổi theo tôi: “Này, “nhà bác bất hạnh”, vì Chúa, bác cầm lấy đồng xu này đi!”. Cô bé vừa chạy lên trước tôi vừa kêu rồi dúi đồng xu vào tay tôi. Tôi cầm đồng xu, còn cô bé thì chạy về chỗ mẹ, gương mặt hể hả. Đồng xu ấy tôi giữ khá lâu.

Luyện tập

1. Tự ghi chép rồi chia sẻ khi thảo luận: Hãy nhớ lại các tài liệu đã cho trong sách này và cho biết vì sao nhà văn Dostoevsky lại có mặt trong nhà tù và nhờ đó có tập hồi ức này.
2. Tự ghi chép rồi chia sẻ khi thảo luận: Bạn thấy nhà văn Dostoevsky mô tả cái nhà tù bằng những nét đơn giản nhưng gây được ấn tượng như thế nào? Đặc biệt chú ý nhà văn có dùng lời lẽ hoa mỹ không hay chỉ cần đến những lời lẽ giản dị và thật thà?
3. Tự ghi chép rồi chia sẻ khi thảo luận: Bạn thấy đoạn trích *Khu nhà chết* chứa những kiểu người như thế nào của xã hội?
4. Tự ghi chép rồi chia sẻ khi thảo luận: Bạn thấy một tù nhân nào khiến bạn chú ý hơn cả? Bạn chú ý đến người đó vì lẽ gì? Có khi nào bạn nghi ngờ ai đó bị tù oan không? Có người nào vào tù được bạn tin rằng người đó sẽ được cải tạo thành người tốt không?
5. Thảo luận và viết tiểu luận: Đọc đoạn trích *Khu nhà chết* của Dostoevsky, bạn nghĩ gì về việc ngăn chặn tội lỗi để xã hội tốt đẹp và không cần đến nhà tù nữa?
6. Thảo luận và viết tiểu luận: Bạn nhận thấy một niềm tin tôn giáo nói ra và không nói rõ ra của nhà văn Dostoevsky không?

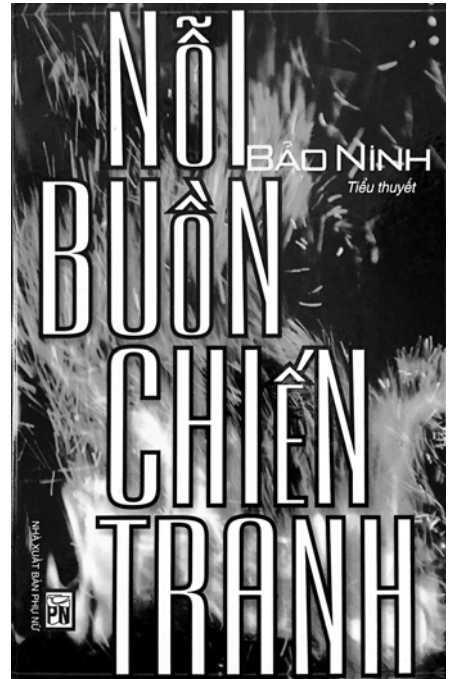
BÀI 13

THÂN PHẬN TÌNH YÊU (của Bảo Ninh)

1. Về nhan đề tiểu thuyết của Bảo Ninh

Trong văn học Việt Nam mấy chục năm nay, có thể *Thân phận của tình yêu*¹ là quyển tiểu thuyết hay về tình yêu, quyển tiểu thuyết tình yêu xót thương nhất; có thể Phương là nhân vật phụ nữ đẹp nhất trong tiểu thuyết hiện đại Việt Nam; và có thể nhan đề “*Thân phận của tình yêu*” thật phù hợp với tác phẩm.

Nỗi buồn chiến tranh thể hiện một điển hình mới về cuộc chiến tranh kéo dài ba mươi lăm năm; những cảnh tả chiến tranh, những định nghĩa về chiến tranh la liệt trong tác phẩm, những chữ những câu, những hình tượng gây cú sốc liên tiếp, gây ngạc nhiên, sửng sốt và sáng tạo một vũ trụ mới của cuộc chiến, vũ trụ chìm trong mưa; mưa là biểu tượng khủng khiếp của chiến tranh: “mùa mưa”, “mưa rơi”, “mưa nhỏ”, “mưa đêm”, “mưa dầm”, “mưa ngút trời”... Bảo Ninh không “sao chép”, không “phản ánh”, không “tái hiện” cuộc chiến tranh, mà xây dựng, sáng tạo một thế giới chiến tranh cá tính hóa triệt để, nhà văn làm lại thế giới ấy, qua quá khứ, giấc mê, qua ảo giác, qua những “hồi tưởng đen” (tr.212). Thật là, nó tun hút, tun hút lùi, chạy về quá khứ, mà vẫn ám ảnh người đọc, ám ảnh con người, bám riết không gian và thời gian.



1 Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 1987, tái bản với nhan đề *Nỗi buồn chiến tranh*, cùng NXB năm 1991. Những trích văn trong bài viết này dẫn ở tiểu thuyết xuất bản lần 1.

Nỗi buồn chiến tranh và “nỗi buồn tình yêu” (tr.98) thấm vào nhau, hòa lẫn nhau, da diết, xót xa, hủy diệt, đó là hai nhịp mạnh của quyển tiểu thuyết. Kiên vẫn phải sống, sống một cuộc sống thời hậu chiến u buồn (nỗi buồn hậu chiến), vì một “thiên mệnh” mờ mịt xa vời, tối tăm và đau xót, được biểu đạt bằng “đêm”, “bóng đêm”, “đêm hè”, “đêm trường”, “đêm ác mộng”, “không giờ”, “đêm mưa”, “đêm hoang vu”, “đêm của một tâm hồn”, “đêm thức trắng”. Chỉ một trang (tr.126 hoặc tr.164, chứa đựng hàng chục tiếng đêm: “đêm đen”, “đêm âm u”, “đêm rét mướt”, “trong đêm”, “đêm thác loạn”, “đêm kỳ ảo”, “đêm hương hoa”...). “Nhà văn của phường” như người mộng du, lang thang cả đêm, khắp phố phường, đêm đêm viết hàng “núi giấy”, những chữ, những câu xuất hiện từ “bóng đêm âm u” của tiềm thức, vô thức, từ “cõi âm”, trở thành những hình tượng ảo giác trên trang bản thảo. Đêm Hà Nội, đêm linh cảm, những đêm hình thành (một cách lộn xộn, bừa bãi) quyển tiểu thuyết, đó là một tiểu thuyết trong tiểu thuyết. Đó là nhịp mạnh thứ ba của thân phận của tình yêu, của nỗi buồn chiến tranh. Tình yêu, chiến tranh, viết tiểu thuyết, ba nhịp đó xen kẽ, đan chéo, gây chóng mặt, bàng hoàng nhức nhối. Mưa và đêm, chiến tranh và sáng tác; khủng khiếp và hồng hoang. Len lỏi, bao trùm và dẫn dắt tất cả các biến động của tiểu thuyết (mưa và đêm) là một mối tình đau xót, kéo dài, vang vọng âm ỉ và nổ bùng, hủy diệt tất cả, xây dựng bằng những từ ngữ câu văn, đoạn văn đầy tính nhạc, những âm điệu lá lướt, những trang viết mang tính điệu khắc và cũng bằng những hình tượng pha trộn hương thơm với máu lửa, với đêm đen (được báo hiệu ở tuổi mười bảy, “Một sắc đẹp bừng cháy sân trường Bưởi” tr.144), tức là tình yêu hòa quyện với chiến tranh và với sáng tạo. “Thân phận của tình yêu”, nhan đề ấy nhập thần với tiểu thuyết ấy. “Nỗi buồn nguyên khối” (tr.181) vỡ thành ba mảnh, ba nhịp của một bài ca.

Tiểu thuyết của Bảo Ninh là một giấc mơ dài, một huyền thoại của thời đại.

Thân phận của tình yêu hoặc nỗi buồn chiến tranh là một hiện tượng ngôn từ lạ lùng mang tính đa thanh, tính đối thoại, là tiểu thuyết mở, nảy sinh từ trực giác, vô thức (không loại trừ ý thức và lý trí). Đó là hành trình của những mộng du, tỉnh mê huyền bí. “Viết để nhớ lại”, gợi nhớ *Đi tìm thời gian đã mất* của Marcel Proust là một điểm gặp gỡ (có ý thức hay không có ý thức) của Bảo Ninh với lý luận hiện đại về văn học.

Ngôn từ tiểu thuyết này tạo nên một sự vận động bên trong phức tạp, bằng sự hỗn hợp những hình tượng nhiều sắc thái, biểu hiện một thế giới bên ngoài (thiên nhiên, phố phường, quán café, hồ Ha-le...) bị đập vụn, tan tác, cháy bùng,

méo lệch, một thế giới bên trong (suy tư, tâm hồn, đáy sâu của trái tim...) âm u, bị giằng xé, tan nát. Biết bao ngôn từ bùng nổ, biết bao im lặng và khoảng trống, không nói, ngợi ca và chửi rủa, chua chát và ngọt ngào, khẳng định và phủ định, bác bỏ và chấp nhận. Những cái xô bồ và nhộn nhạo ấy chứa đựng nhiều ý nghĩa chìm mà người đọc có thể khai thác. Người đọc bị giằng xé, khắc khoải, bởi chính những ngôn từ sống động, mâu thuẫn nhau, tranh luận với nhau, đặt ra những vấn đề cuộc sống, con người, những vấn đề triết lý, yêu thương, sáng tạo.

Như vậy, bởi vì ngôn từ tiểu thuyết của Bảo Ninh gồm những cấu trúc không ăn khớp, đứt nối, tưởng như chấp vá (Chính cái kết cấu phức tạp của tác phẩm, khi kéo dài miên man, khi đột ngột cắt đứt, một trang chứa đựng nào chiến tranh, nào đêm, nào ẩu đả, nào mưa và tình yêu và cái viết), những từ ngữ trái ngược đứng cạnh nhau (*"Một giọng rất thâm hú lên... Phương khẽ cười"*, tr.206), chuyển đoạn bằng những tư tưởng tùy tiện (hàng bao nhiêu lần tác giả sử dụng: Hồi ấy, Kiên nhớ lại, hồi xưa, người ta kể rằng, cách đây không lâu...) chính lại là *"dòng cảm xúc"*, *"dòng cảm hứng"* luôn luôn đột biến, hay sự vận động *"lỏng"* (fluide), uyển chuyển, khó nắm bắt, tức là sự phủ định lý trí hay logic.

Những gấp khúc, những câu thơ văn xuôi véo von ca hát xen lẫn những câu văn gãy vụn; một *"núi"* bản thảo, đốt bản thảo; Kiên thờ ơ và quyết liệt chiếm đoạt cô gái câm; *"nhà văn của phường, một tay phản loạn và cực kỳ bạc nhược"*. Tiểu thuyết của Bảo Ninh là một thế giới không ổn định, không khép kín. Nỗi buồn chiến tranh, nỗi buồn tình yêu, nỗi buồn sáng tạo.

Như đã nói, *"nỗi buồn tình yêu"*, *"nỗi buồn chiến tranh"* hòa tan với nhau, thành *"nỗi buồn sáng tạo"*, – những nhịp mạch xen kẽ kết thành một tổng thể mang tính triết lý. Điều đáng ngạc nhiên là triết lý về ký ức, quá khứ, nhớ lại dĩ vãng, nó bùng sống dậy, tưởng như triết lý của Proust về thời gian. Chỉ trong vài trang thôi (tr.89 – 91) trùng điệp biết bao từ nói về thời gian đã qua, chiến tranh và yêu đương: *"trường hấp dẫn của quá khứ"*, *"ký ức về một buổi trưa"*, *"ký ức xa vời"*, *"cõi không cùng quá khứ"*, *"ký ức một ngày mưa lũ"*, quá khứ của quá khứ... Mưa (biểu tượng của chiến tranh), đêm (biểu tượng của sáng tác) và tình yêu (đêm và mưa) hòa quyện, quay cuồng gần gũi với quá khứ trong *Đi tìm thời gian đã mất* của Proust, và như Proust, *"thời gian lại tìm thấy"*, chính hành động văn chương, là sáng tác, là viết văn: *"kể lại, viết lại, làm sống lại những linh hồn đã mai một, những tình yêu đã tàn phai, làm bừng sáng những giấc mộng xưa, đó là con đường cứu rỗi của Kiên"* (tr.88).

Thân phận của tình yêu là một ký ức về một mối tình đau xót, về người đàn bà tuyệt đẹp. Chuyện mối tình Phương – Kiên kể xen lẫn nhiều mối tình trong thoáng qua; những gương mặt phụ nữ hiền hòa, những trái tim thơ dại, đau khổ (Hòa, Lan Đồi Mơ, Hiền) hay dữ dội (Hạnh), cô “*mỹ nhân vĩa hè*” hay cô “*café xanh*” hay cô “*hồ ly tình*” là những mảnh sắc đẹp và những mảnh tâm hồn của Phương, hợp thành bản sao của Phương làm nên chất thơ của quyển tiểu thuyết chiến tranh này và trong chiến tranh hủy diệt, nhiều trang đầy tính thơ ca, được biểu đạt bằng những tiếng đầy âm vang, bằng đôi ba nét gây chấn động lâu dài (những tiếng “*vĩa hè*” của cô bé “*hồ ly tình*” vòm, ảnh, giai, lặn, chưởng...), đó là đoạn văn ngắn tả tiếng đàn vọng lên từ đáy huyết của một người lính đã chết, “*bi tráng rồi tắt bật*”, gợi nhớ tiếng đàn của Orphée trong thần thoại Hy Lạp, như “*mẫu cổ sơ*” (archétype) được tái hiện (tr.95).

Chất thơ và hương thơm trong quyển tiểu thuyết chủ yếu tỏa lên từ mối tình của Phương, từ thân thể và tâm hồn Phương. Phương và Kiên ở tuổi mười bảy, tuổi thanh niên mới chớm nở; hai tâm hồn lành mạnh, đắm say; hai con người cao thượng, hai trái tim thơ trẻ, hồn nhiên, hào hiệp. Mỗi khi nói đến Phương, nhà văn dùng các tiếng “*trong trắng*”, “*trinh trắng*”, “*trắng mịn*”, “*trắng muốt*”... thân thể Phương được văn chương chạm trở tạc nên một bức điêu khắc đẹp, “*bừng sáng về thanh tân*” (cánh tay đẹp, vai tròn lẳn, đôi chân dài, mềm mại, dáng uyển chuyển). Giữa vùng bom đạn xé toạc bầu trời, với những “*cột lửa*”, những “*cột khói sáo đặc*”, Phương tắm bên hồ “*ung dung*”, “*bình thản*”, “*thong dong*”, cái đẹp ngạo nghễ trước bạo lực. Người con gái mười bảy tuổi ấy, người con gái “*lạc thời và lạc loài*” ấy yêu cha Kiên hơn yêu Kiên, một họa sĩ cũng lạc loài như Phương, bởi lẽ Phương và họa sĩ oán thù bạo lực, còn Kiên thì “*say mê cuộc chiến tranh đến đứng ngồi không yên*”, (tr.149). Cuộc đối thoại của Phương và Kiên, bên hồ Tây, trong bóng tối, trời lạnh, là linh hồn, là bản tóm tắt quyển tiểu thuyết: tình yêu, chiến tranh, nghệ thuật. Phương thật đẹp, cha Kiên đốt chiến tranh, là bức họa bi tráng của cuộc đời nghệ sĩ: “*ngọn lửa kêu than*”, “*ngọn lửa thiêu các bức tranh, thiêu đốt cha và luôn cả đời em*”.

Sau này, sau cuộc hành trình mười năm trong bạo lực, giữa bạo lực, Kiên hiểu cuộc sống này, Kiên đốt tác phẩm của mình, bên người con gái câm, – một biểu tượng đẹp, một bản sao khác của Phương. Cô gái câm là một huyền thoại, là sự tái sinh từ các tiểu thuyết xa xưa của nhân loại, từ “*mẫu cổ sơ*” thần giữ của (hoặc nhân vật tật nguyên kiểu Quasimodo, hay chàng ca sĩ Trương Chi xấu

xí). Cô không có lai lịch, cô như bóng ma, âm thầm, cô độc, một thế giới đóng kín, tuyệt đối im lặng. Với tiểu thuyết của Kiên, cô là “người đọc có thể, người đọc tương lai, cô là “*bản nháp*” để Kiên viết lần đầu, là người duy nhất chứng kiến một tiểu thuyết đang hình thành trong bóng đêm, trong cơn say, trong điên khùng và hoảng loạn, từ vô thức, từ man rợ, tức là từ nỗi buồn tình yêu và nỗi buồn chiến tranh.

Phương trong suốt hiện tại và tương lai đồ nát, “Phương từ biệt Kiên từ buổi tối ấy: “*anh đi đường anh, em đi đường em*” (tr.150). Lần đầu tiên xuất hiện với hoa hồng ma (tr.14), Phương là một giấc mơ bí ẩn và trắng lệt, bông hoa nở rộ trong mưa đêm và đêm mới tỏa hết hương thơm kỳ lạ. Cuộc đời Phương, sắc đẹp Phương, tâm hồn Phương là những huyền thoại không dứt, mệnh mông và huyền ảo, “*vĩnh viễn ở ngoài thời gian, vĩnh viễn trong trắng*” (tr. 205). Âm thanh của những câu văn đầy tính nhạc và những suy tư bình luận của tác giả tạo nên một nhân vật phụ nữ “*đẹp kỳ ảo*”. Người phụ nữ ấy, cái đẹp ấy đã bị chiến tranh hủy hoại, đó là “*Thân phận của tình yêu*”, thân phận của con người.

Tất cả những cái ấy tạo thành “*nỗi buồn*”, “*nỗi buồn nguyên khối*”. Cái khối đau buồn ấy gặp đêm đen, biến thành một mạng lưới những ảo giác, những hồn ma, yêu tà lang thang mộng du dưới những trận mưa xối xả nước ngút trời và biến thành những khuôn mặt, những tâm hồn phụ nữ tuyệt đẹp. Có lẽ lần đầu trong văn học Việt Nam, một nhà văn (cùng với một nhà thơ – Hoàng Cầm) nói một cách sâu sắc về “*cảm hứng thơ ca*”, bừng sáng từ “*cõi âm của tiềm thức*”, “*đêm đen*” của hoảng loạn, di truyền, từ cô đơn, đôi khi lý trí, tư duy lóe sáng. Nó biến thành bản thảo, “*núi bản thảo*”, “*tác phẩm tự cấu trúc*”, như André Breton nói trong *tuyên ngôn của chủ nghĩa siêu thực*. Tiểu thuyết của Kiên là một thế giới hư cấu hoàn toàn; cái bình thường, cái thật biến thành cái hư ảo mang những ý nghĩa chìm nhiều tầng nhiều lớp; mỗi lần đọc lại tiểu thuyết này, người đọc có một suy tư khác lần đọc trước. Nó không khẳng định, không đóng kín, nó có nhiều tiếng nói liên kết với nhau, tách rời nhau, mâu thuẫn nhau, đối thoại nhau. Nó không độc thoại một chiều nghèo nàn và chán ngắt, nó không độc đạo, không độc đoán, nó mở. Nhà văn pha trộn những từ ngữ không ăn khớp; nhiều hệ thống đồng nghĩa hay ngược nghĩa; nhiều trùng điệp, không ăn khớp; nhiều tiếng vang, nhiều vi phạm nguyên tắc của logic, quy phạm của ngôn ngữ văn chương thông thường. *Thân phận của tình yêu, nỗi buồn của chiến tranh* là một cuộc phiêu lưu muốn hòa nhập với văn học hiện đại thế giới.

NỖI BUỒN CHIẾN TRANH

(trích)

PHẢI VIẾT THÔI? KIÊN THƯỜNG TỰ NHƯ MỘT cách nghiêm trang và quả quyết, một cách thôi thúc và nôn nóng như thế, như thể thâm hô lên một khẩu hiệu để giục lòng mình, những khi anh một mình đi trên đường phố ban đêm. Những đêm âm u buồn thảm đầu óc tối sầm tuyệt vọng, như đêm nay, như nhiều đêm.

Phải viết thôi. Đời anh từ bấy lâu nay còn gì hơn là viết, mặc dù là viết khổ viết sở, như đập đầu vào đá, như là tự tay tước vụn trái tim mình, như là tự lộn trái con người mình ra. Nhưng ấy là thực tồn duy nhất, là phần còn lại của tâm hồn đã bao lâu rồi ngợp đi trong buồn thương và tủi nhục. Viết cho đến khi không còn được nữa. Cho tới khi ngay cả phần còn lại cũng bị nhấn chìm đi thì xin thề là sẽ biết đường mà tự xử. Còn bây giờ, những lúc lơ mơ cảm thấy sự vô nghĩa lý của những giờ dằng dặc triền miên cặm cụi bên bàn viết thì Kiên ra đường, ra với thành phố đêm khuya của anh. Nhất là những đêm không điện, từng mảng rộng của Hà Nội bị nuốt đi trong đêm. Đêm tối đen, hoang vu như đêm đồng nội. Và thêm nữa mưa gió rét mướt. Trong cái buồn của đêm đen thành phố anh như thấy được cảm thông, nỗi buồn riêng dường như dịu đi.

Đôi khi lò mò đi trong những ngõ hẻm cảm lạnh như hang sâu lòng anh lại chợt bừng lên cảm giác ngọt ngào nao nức như thể đang đứng trước một khoảng trời rộng mở. Một ý tưởng lơ vơ có thể được làn gió lùa dọc phố bốc mạnh lên như một cánh buồm.

Phải viết thôi. Viết để quên đi, viết để nhớ lại. Viết để có một cứu cánh, một niềm cứu rỗi, để mà chịu đựng, để giữ lòng tin, để mà còn muốn sống. Cần phải viết về những người thân yêu cũng như về những con người xa lạ hàng ngày nườm nượp qua đường vô tình trở thành những chứng nhân của cuộc đời nhau. Viết về những khoảng trời khác nhau, tương phản nhau trong đời sống và trong tâm hồn, về những mái nhà, những tổ ấm, về thành phố mẹ đẻ... có biết bao số phận, biết bao nhiêu nông nỗi đời người thấp thoáng trong bóng tối đêm mưa, dưới những mái hiên, lướt ngang những cột đèn góc phố. Tiếng chân người bước trong vắng tối phố dài nghe như âm vang của im ắng, như tiếng bước chân của suy nghĩ. Một chiếc xích lô phủ bạt bóng loáng nước

mưa đập qua không tiếng động. Một cặp ôm nhau trong cái bớt của cảnh sát điều khiển giao thông. Tiếng gà gáy mơ hồ trong góc phố. Một quãng đường tối âm đột nhiên có điện trở lại, đèn bật sáng, bùng lên từng đợt như bị gió thổi bật đi. Lá bàng rụng xuống một tiếng khô giòn. Còn lá sấu mặc dù ướt át vẫn đuối nhau vùn vụt trên vỉa hè. Kiên cảm thấy mình đang đi trong quãng lặng của bản nhạc lớn lao và trong đêm tối phố phường anh cảm thấy rõ mình đang sống. Sống một cách thôi thúc, một cách đầy giục giã, bất chấp cuộc đời tham lam không trí nhớ, bất chấp sự trì trệ của đời sống thị dân không kỷ ức, không ước mơ. Phải viết thôi, phải viết thôi.

Ở góc phố nọ, Kiên dừng lại trước một cửa hiệu bày bán một mình giữa canh khuya. Vừa mải mê vừa lơ đãng, anh ngắm những mặt hàng lụa bày trong tủ kính. Rất nhiều màu sắc và tất cả đều dịu nhẹ gợi cảm giác êm ái, tinh khiết và trang nhã lạ thường.

– Chọn mua đi chú ơi? Một giọng trẻ măng tinh nghịch mời chào, và Kiên nom thấy sau quầy gương mặt thanh tú phơn phớt phấn hồng của cô bé chủ tiệm – phụ nữ bọn cháu ấy mà, ở mọi lứa tuổi chẳng ai là không thích mê khi được làm quà bằng thứ hàng này.

Kiên mỉm cười, nhưng mà anh hơi thẹn vì đã nhận ra đây là quầy bán toàn đồ của phụ nữ. Thật không ngờ lại đẹp đến thế, tinh xảo đến như vậy. Hẳn là về mặt anh lúc này, nom phải đặc biệt tỉnh lẻ. Cô bé khúc khích cười tán:

– Tuyệt, đúng không chú? Có thể ví như những lượt da trời buổi sớm ý...

Trên vỉa hè, trong bóng tối dầm hơi mưa, Kiên rảo bước, và hồi lâu trước mắt anh thú thực cứ phấp phới dập dờn những món đồ lụa mặc bên trong đẹp không thể nào ngờ được ấy của người phụ nữ thời đại mới. Tự nhiên anh nhớ tới mấy cô giao liên người Miên ở vùng Tây đăc-rệt, họ xài coóc-xê như đồ trang sức: mặc ra bên ngoài áo cánh. Mà nói gì tận xứ đó, ở Quảng Bình hồi bọn anh hành quân qua, trong ba lô tay nào có trữ loại phụ tùng ấy của phái đẹp thì hầu như muốn gì được nấy, các cô thanh niên xung phong chiều hết. Phải, các cô gái thời bọn anh quả là thua kém thời nay. Và, ôi chao như hồi năm 73, thật tức cười, tiểu đoàn anh nhận lầm phải một đợt quân trang nữ, áo ngắn cũn, quần lại xẻ bên hông, song kỳ khôi nhất là mỗi bộ thể đều có kèm cả “xích lép phụ tùng”. Lính tráng gọi đùa là đồ gia giảm. Cứng ngang mo cau, thật sự là giáp che ngực, và lục thắm, lục nhạt hết như những con cánh cam. Đây là chuyện hài song cũng có những chuyện kinh khủng. Bao giờ cũng thế, từ sự

nhỏ nhất nhất trong đời sống con người thời đó cũng có những chuyện đau đớn kèm theo. Những chuyện không thể quên, nhưng không dám nhớ tới...

Kiên bước qua đường. Dưới cột đèn trước cửa một hiệu ăn anh thấy một người ăn mày đang đứng co ro, tay giấu trong nách, rạp xuống ngẩng lên vái người qua đường và cất giọng ổng bơ rĩ kêu van một cách tự tin:

“Xin hãy để mắt quan tâm đến tình cảnh người khác một phút đồng chí ơi! Xin hãy nhớ tới những miền đang lụt lội, đồng chí”.

- Ăn mày mà lập trường gang thép gồm chưa? Mẹ kiếp, cái dân An Nam nhà mình chỉ giỏi chống ngoại xâm chứ đến ăn xin cũng chẳng biết đường - một ông bệ vệ diện bành tô quắp một ả áo lông đi từ trong quán ra, lên giọng - Ê, hạ lập trường xuống, thì cho.

Ả áo lông cười rú lên như bị cù. Kể cũng buồn cười thật. Một lúc nào đó mình sẽ dùng đến cảnh này, tự nhiên Kiên nghĩ thế. Có thể sẽ viết rằng thằng cha bệ vệ kia và người ăn xin là bạn cũ của nhau. Thậm chí là đồng đội. Mà cũng có thể... Nhưng, vợ vẫn chưa kìa.

Kiên nghĩ sao lại lạc sang nghĩ đến chuyện này? Mọi ý bị xáo trộn lên, không còn mạch lạc gì, mọi tình cảm và suy tư như cố hòa vào nhau để làm mờ nhòa cái điều chủ yếu đang ám ảnh, giày vò tâm trạng. Tuy nhiên, anh cũng biết, chính những ý nghĩ đứt đoạn, thiếu ăn nhập không đầu, không đuôi, thấy gì nghĩ nấy này đã luôn giúp anh sao lãng khỏi những đau đớn quá sức tưởng tượng của tâm hồn.

Trong đêm, những cảnh tượng của mê cung thành phố lướt loáng thoáng qua tâm trí Kiên như những con tính nhẩm rời rạc, chẳng mấy ý nghĩa nhưng chấp nối tình cờ với nhau thành chuỗi số vô tận. Nhiều hôm những con tính nhẩm nhặt nhặt trên đường đã dẫn dụ anh đi lang thang cả đêm. Dần dần cũng thành ra như một nhu cầu nó tạo cho anh cảm giác tò mò êm ái đối với đời sống thường nhật tối tăm, bơ phờ và chán ngấy. Anh có thể kiên nhẫn uể oải đi theo một bộ hành nhìn thấy tình cờ phía trước, lòng vòng qua hết phố này đến phố khác hàng giờ cho đến khi y khuất vào sau khung cửa một ngôi nhà. Anh cố hình dung tương mạo và sắc diện cuộc đời một con người chỉ qua tấm lưng, anh hình dung mình nhập thân vào cuộc đời của họ, những con người sống quay lưng lại với tất cả.

Ngày trước, trai đất thánh gặp nhau trong rừng, mắc võng nằm cạnh nhau, nhiều khi suốt đêm sa đà vào toàn những chuyện phở xá. Phố này ở đâu, phố

kia ở đâu, phố nào chỉ độc một số nhà, phố nào có nhiều số nhà nhất, phố nào dài nhất, ngắn nhất, cổ nhất, vì sao lại gọi là chợ Đuổi, dân nào ở Hà Nội chuyên làm chả nhái, quán cà phê nào đáng vào nhất... Năm 72, Kiên, cùng A trinh sát với Thắng “đầu bò” – ba đời đập xích lô kiếm cơm ở Hàng Cỏ – Vậy mà “đầu bò” phải chịu Kiên là thông thạo Hà Nội hơn hẳn. Không một tên lính Thăng Long nào rành rẽ những chi tiết thị thành lật vạt nhất bằng Kiên. Anh có thể miêu tả không sai một nhánh nhỏ nào trong khối chằng chịt các phố Hàng. Ai có thể biết được bằng Kiên rằng Hà Nội có bao nhiêu hồ to hồ nhỏ, đường Khâm Thiên có bao nhiêu ngõ, con gái phố nào đẹp nhất, rạp Thái Bình Dương thường chiếu phim cấm vào những tối nào, bằng cách nào sắm được vé. Chẳng ai ngờ rằng những tri thức phố xá ấy của Kiên là do nhặt nhạnh được trong chiến tranh, do anh trải qua nhiều đơn vị, gặp nhiều lính gốc Hà Nội, chứ bản thân anh trước khi đi bộ đội chỉ là một thằng bé học trò, ít chơi bởi bát phố. Cuộc đời quân ngũ và những năm tháng mịt mù nơi rừng sâu núi đở đã làm cho anh yêu tha thiết thành phố mẹ đẻ của mình.

Thế nhưng giờ đây niềm đam mê quang cảnh thị thành đã phai nhạt đi nhiều. Có lẽ, quả thật, càng ngày anh càng khó nhận ra Hà Nội của mình, không phải vì thành phố đã thay đổi gì nhiều mà vì trong lòng anh, phía sau đôi mắt, đã có quá nhiều biến động. Anh gắn bó với đường phố chủ yếu là nhờ những kỷ niệm. Dường như cuộc sống ngày hôm nay anh thấy đang diễn ra xung quanh chỉ có tác dụng duy trì trong anh một thể năng không mất đi đối với quá khứ.

Cái cảm giác hòa nhập, cảm giác đồng điệu ngày mới rời quân ngũ trở về anh thường cảm thấy khi đi trong phố xá giữa mọi người giờ đây không còn nữa. Âm ảnh cô đơn luôn bám gót Kiên, nỗi cô đơn không của riêng anh mà của cả đám đông. Nỗi cô đơn của cả một dòng người. Sự cô đơn của nghèo nàn và đơn lẻ lơ lửng phôi bày trong các số phận đồng loạt, lằm lũi đi bên nhau nối nhau thành dòng nước quẩn. Niềm vui, nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ đều cùn mòn, nhạt nhẽo và vô ích, lập lờ tối sáng như những chùm đèn xanh đỏ nhấp nháy trước các cửa hiệu. Cho nên, đi trên đường phố như để tìm một nguồn quên lãng mà rốt cuộc lại rơi vào với nỗi buồn. Luôn luôn Kiên nhận thấy rằng, tất cả, cả anh, cả mọi người đang để trôi đi uống phí những giây phút bồi hồi, những khoảnh khắc xao xuyến tình người nhất trong một đêm và trong một cuộc đời. Luôn luôn, khi đi trên đường phố, trong đầu anh thường bất chợt lóe

lên một ý nghĩ. “Phải đi khỏi đây thôi”. Bóng tối đen kịt. Gió hú trên cao... “Đi thôi”.

Bất giác anh hình dung thấy Đôi Mơ trong cái vắng lặng của buổi chiều tà tháng năm, cái tươi mát mới lạ, cái xưa cũ xa vời và trong cảm giác êm đềm tuyệt diệu của làn gió từ bìa rừng và mặt sông, của vườn cây đằng sau nhà mẹ Lành. Sao Hôm lấp lánh trên nền trời ngả tím. Nỗi khát khao được về nấu ăn ở xó rừng buồn thảm, tươi đẹp ấy của đất Nhã Nam làm trái tim Kiên tan nát đi vì tuyệt vọng và vì hạnh phúc. Khi đời anh đã hết thì vẫn còn một nơi, vẫn còn một người chờ anh tại chính chốn mà từ đó anh ra đi lập nghiệp... Rồi anh lại nhớ tới những ngày xuân, khi toàn quân B3 từ vùng duyên hải Phan Rang hành quân ngược lên đèo Ngoạn Mục, qua thủy điện Đa Nhim, qua Đơn Dương, Đức Trọng, xuống Di Linh để ra đường 14 đi xuống Lộc Ninh, quặt trở lại để đánh vào Tây Sài Gòn kết thúc chiến tranh. Cuộc hành quân muôn một trong đời lính bộ binh, vùn vụt tiến quân bằng xe cơ giới xuyên qua đất trời vô tận của thảo nguyên... Khi bình minh đến trên đồng cỏ, quân lính tỉnh dậy trên xe mặt bạc đi vì gió và vì sương, hỏi nhau đêm qua đã vượt qua được những vùng đất nào, bây giờ đang ở đâu đây...

Sung sướng tự hào vì tốc độ của chiến thắng. Hạnh phúc. Ngỡ ngàng. Ngây ngất.

Phải đi thôi? Phải đi thôi... Tới một góc tối ở xé Bờ Hồ, Kiên tạt vào “Caffé de la Hiên”, một quán đêm bí ẩn nép mình rất kín đáo ở đầu một ngõ hẻm. Đã đi phát phơ ban đêm thì bao giờ anh cũng ghé vào đây, ở đây anh có những kỷ niệm. Và nếu cần có thể dễ dàng thu lượm thêm nhiều những kỷ niệm nữa. Với lại ở đây người ta không nhạc nhọt làm ầm ĩ lên, cũng không màu mè chuyện văn chương thơ phú như ở các quán quanh hồ Thuyền Quang đầy rẫy các ông bà thi sĩ. “Hê lô, bộ binh?” – Tay chủ quán mập ú mũi cà chua hần rõ ba múi toét cười chào Kiên. Y bưng đến bàn Kiên một tách cà phê, đĩa hạt hướng dương Tàu và nửa chai...

- Người lính có thích bạn cùng bàn không? – Y trịnh trọng.
- Không. Nhưng thế nào, dạo này thêm cả món ấy nữa à?
- Hì, hì... tư duy mới.

Trong không khí chật chội đầy hơi ẩm và khói thuốc, Kiên ngồi nhâm nhi tách cà phê và lười nhác ngẫm nghĩ. Ở các bàn khác người ta thăm lạng chơi “ba cây”, rầm rĩ chuyện mánh mung và hút thứ gì đó lơ mờ mùi vị cần sa. Xa xa,

trên mặt hồ hiện lên một ngôi sao xanh mờ có vẻ huyền ảo. Chắc là một ngọn đèn ở đầu cầu Thê Húc.

Hồi đầu hòa bình, tay chủ tiệm không béo mà gầy như cái xe điều. Y cũng là lính giải ngũ, mò đầu từ bên Lào về với cái mặt sứt rết cơn thâm xít. Y mở quán. Và dạo đó người ta gọi đây là câu lạc bộ Cựu chiến binh. Khách khứa toàn là quân sĩ về “hoàn kiếm”, phần lớn chưa công ăn việc làm, chưa định hình cuộc sống mới, và như người ta nói, là còn chưa lại hồn. Người này mách người kia, dần dần tụ lại với nhau ở đây, cùng nhau nướng sạch vào túi trung sĩ chủ tiệm những đồng bạc “của rừng”.

Ở đây, bên cốc rượu, họ lớn tiếng kể về những bước đi chập chững vào đời dân sự. Những chuyện bây giờ thì đã nhảm tai nhưng hồi đó thì thật không sao tin nổi, lại được kể bằng giọng lính, làm cho ai nghe cũng phải cay đắng cười đến rũ rượi và điên cuồng nốc rượu. Ở đây cũng có thể nhận được những chỉ dẫn và mách bảo tận tình về nơi có thể kiếm việc làm, về cách lo lót bọn nha lại để xin nhập tịch, xin trợ cấp thương tật, xin vào học lại ở trường đại học, xin trở về xí nghiệp cũ...

Nhưng nói chung đây là nơi tụ tập giải sầu, gặp gỡ hàn huyên, nói chung là những sự cố kết ủy mị. Tại chỗ Kiên đang ngồi dạo trước là "chốt" cố định của Vượng tồ, một cựu binh thiết giáp, nhà ở sau ga, “đã từng bốn năm trời lái T54 hoành hành ở Miền Đông!”. Có lẽ Vượng là nhân vật đầu tiên thuộc loại người mà về sau Kiên gặp rất nhiều, loại người không tài nào nhấc chân ra khỏi miệng hố chiến tranh, loại người bị những ức ký quá kinh khủng đè bẹp và làm cho suy đốn. Hồi mới theo bạn bè tới quán này, Vượng uống không nhiều, lành và rụt rè lại to con quá khổ nên trông quá tồ.

- Em đang nhờ anh em chạy lo cho một chân lái xe - Anh chàng khoe với Kiên - Xe tải, xe con, xe khách đều được. Tàu lu cũng được. Cốt là em được nắm tay lái, được chuyển động trên mặt đường thôi. Em chẳng uống. Ngồi vui với các anh thôi.

Băng đi một thời gian, lính tráng kinh hoàng thấy Vượng lù lù xuất hiện ở cửa quán, râu ria lồm xồm, mắt đỏ ké, bước khật khưỡng, môi nở nụ cười ngơ ngác, “tôi bỏ lái rồi các chiến hữu ạ. Bây giờ là rượu lái tôi”. Và bắt đầu từ đó, Vượng như ngồi lì ở đờ la Hiên một góc riêng, luôn luôn một chai với ba thứ đồ nhắm.

Thỉnh thoảng hứng chí, Vượng lại gào lên một khúc quân ca hoặc một bài hát tục tĩu nào đấy của đời lính.

– Cạn với tớ một ly, chàng bộ binh – Hấn ồm ồm gọi – Không thích tớ à? Hay sợ tớ hết xèng? – Đừng lo, cạn đi? Không có chúng tớ làm đếch gì mà các cậu trở thành “bộ binh giỏi nhất thế giới” như các vị tướng tá nhà ta khoe? Hãy uống mừng đòn đột phá của chiến xa đi!

Thật không ngờ một tráng sĩ hùng dũng như thế thuở nào lại trở chứng, biến mình thành mớ giẻ rách như vậy. Người ta bảo hấn mắc chứng “ngợp mặt đường” nhưng đúng ra thì còn tồi tệ hơn: Vượng không chịu nổi xóc?

Xóc mạnh ổ gà, ổ trâu, chồm nảy lên thì còn chịu được – Vượng kể – chứ mà những đoạn nhún nhảy, êm êm, mềm mềm, nhũn nhũn là tớ ọe liền, nôn chóng mặt đến buông cả tay lái. Đêm về không ngủ được. Ngủ lại gào lên như bị cắt tiết. Thế là tửu. Mà tửu vào thì còn lái chó gì được nữa. Mà tớ còn bị cái thói căm ghét kẻ bộ hành và xe đạp... Cứ thấy người lảng cháng trước đầu xe là hết kiên nhẫn. Phải cố sức kìm mới khỏi dận ga thúc ba đờ xóc vào họ. Các cậu hẳn thấy cảnh tăng cán người rồi chứ? Nặng thế mà thân xe vẫn bị xương thịt con người mềm mại đội kích lên một chút. Ngồi trong xe, ở tay lái thì càng nhạy cảm hơn với cái sự hơi rướn lên ấy. Biết rất rõ xe đang lướt trên những thân người chứ không phải mô đất, gộc cây hay là cục gạch. Như cái túi đẩy nước thàng người võ đánh bép một cái và đẩy nhẹ bằng xích lên. Ối giời ơi? – Vượng rên lên, mặt méo đi – Những cảnh như thế cán cả vào tôi khi ngủ. Các cậu không hiểu như thế là thế nào đâu... Hồi bọn tớ tràn qua Xuân Lộc đuổi đánh bọn lính sư đoàn 18, ở các rãnh xích đầy những thịt với tóc. Giời lúc nhúc. Thối khắm. Xe chạy tới đâu ruồi bâu tới đấy... cái chủ yếu là... thoát khỏi ngủ mê...

Vượng đã uống cho tới ngày đổ bệnh, quy hẩn. Những người khác có lẽ cũng chẳng hơn gì. Câu lạc bộ rã đám dần. Các thân phận tươi tắn tan tác. Trong số những nhân vật bộ tịch mờ ám ngồi trong quán lúc này khối tay là thành viên hội cựu chiến binh thuở ấy nhưng làm sao mà nhận ra nổi họ nữa. Cũng như Kiên thôi, anh còn gì giống với bản thân mình. Và tay chủ quán kia nữa. Kiên rót rượu. Một ả tóc xù, bận áo Na-tô cộm cộm những túi với phեcmơtuya, sắc mùi nước hoa Tàu, lướt sát qua bàn. Gặp mắt Kiên, ả lượn vòng lại, ngồi thả người xuống bên cạnh anh.

- Đừng ám lâu nhé! – Kiên giao hẹn.
- Không thích em à?
- Sao không kiếm một chỗ khác?
- Còn một chỗ khác à?

Ả “bóp” bật cười. Răng sứt, lợi đen sì. Không cười nom còn tạm. Của này tuổi làm gì đã được hai mươi.

– Rét quá, – Ả than – Anh uống một mình à? Mà giờ ơi, định mời em thứ độc được này à? Ê, anh béo đúp Ma-xim?

– Rượu chè không tốt cho các cô bé đâu.

– Có anh là bé con ấy!

Ả đưa tay xuống găm bàn lần đùi Kiên. Ờ? – Ả thốt lên rút tay lại, khẽ cười. Kiên nhếch mép.

– Ôi, chán phè ông anh? Em không phải là một con cóc. Em là một con bóp có bằng cấp đầy thừa anh. Xin ông anh biết cho là đang đối tửu với nữ sinh viên đây ạ. Anh đừng lỡm em. Em chả say đâu... ối giờ, chán phè anh giai. Thôi, uống đi?

Cả đời Kiên uống nhiều nhưng chỉ vài lần say đáng sợ. Một lần trong cái bar của Air France trong Tân Sơn Nhất đêm ba mươi tháng Tư. Một lần chính ở cái tiệm này đây. Cách đây gần chục năm rồi. Một ngày đen tối. Tay chủ tiệm chắc vẫn còn nhớ. Hồi đó hẳn chưa béo ú ra như thế này. Cô nhóc này dạo đó có lẽ còn ở tuổi đứng mút kem ở tiệm Hồng Vân. Một ngày đen tối. Anh đã đánh thành thương tật một con người.

Không, thực ra hôm đó Kiên không hề say. Hồi đó anh đâu có uống nhiều. Anh chỉ đến đây để uống cà phê, rồi vài ba ly cùng anh em đồng ngũ. Uống gọi là thôi. Anh là người lính giải ngũ có nhiều may mắn. Có nhà cửa. Thi đỗ vào đại học. Là một sinh viên. Anh sắp tốt nghiệp. Và sẽ lấy vợ, một người đàn bà tuyệt đẹp đã chờ anh qua suốt cuộc chiến tranh và bây giờ vẫn chờ đợi. Anh không cải chính những điều người ta nói về anh như thế. Anh chưa đưa Phương tới đây bao giờ, nhưng nhiều người lính khách quen ở quán này đã đến thăm anh và đã được anh giới thiệu với Phương. Thật là một ngày đen tối, cái ngày không may ấy. Tay cảnh sát đã giữ anh sau vụ xô xát cho rằng bọn lính tráng các người ngựa tay ngựa chân, nhưng quả tình là anh không ngựa ngáy một cái gì. Và tuy có vẻ là tình cờ nhưng là tình cờ tất yếu của thời mạt vận. Thời kỳ mà từ đấy bắt đầu địa ngục đời thường, địa ngục của thời thái bình an lạc. Và địa ngục tình yêu nữa. Một mối tình dị tính, một mối tình quái ác, đầy tổn thương, làm khô cong trái tim anh, làm anh ngấm đau từng ngày. Thực chất anh là kẻ nốc ao chứ không phải là hần. Hôm đó anh ngồi khá khuya, nhâm nhi cốc cà phê thứ hai. Các bạn ngồi cùng bàn đã về hết. Chỉ còn Vương tổ say khướt đang

ngồi rên rĩ hát. Trung sĩ chủ quán đang ngồi trong quầy tính toán sổ sách. Kiên ngồi ở chiếc bàn gần quầy để tránh dây dưa chuyện trò với Vương. Bọn họ đi cúp tới. Dừng xe, không khóa, có lẽ cũng chỉ định tạt vào uống cà phê thôi. Ba bốn người gì đó. Anh không nhìn kỹ. Họ ăn mặc diện, trông không có gì dữ tợn, thậm chí thoáng tưởng như là các ca sĩ của băng nhạc nhẹ, nhưng là loại người mà ta chẳng nên dây. Đó là những tên ác ôn kín đáo, trác táng và nguy hiểm, đặc biệt là khi chúng ở vào cùng cỡ tuổi ba mươi như Kiên khi ấy. Những tên như thế thường có vũ khí, không súng thì dao, và dẫu không vũ khí, chúng cũng là những con thú. Kiên biết. Tuy nhiên bọn họ vào đây để uống cà phê, nói chuyện rì rầm gì đó với nhau.

Nhưng tiếng hát âm ỉ của Vương làm họ khó chịu. Họ có quyền phản đối với chủ quán, họ có quyền quát bảo kẻ say hãy im miệng. Song tên ngồi gần Kiên nhất, một tên mặt bết, đầu bé hình củ cải bận áo da đen lại đưa ra một nhận xét:

– Đồ rác rưởi, một thằng cha đầy lòng tự hào chiến thắng đấy. Thật đúng là thắng lợi của bọn dã man, bọn ăn lông ở lỗ, bọn nhà quê An Nam mít đối với văn minh và tiến hóa. Đồ rác rưởi!

– Tôi cho rằng: Anh mới là đồ rác rưởi khi nói như vậy – Kiên bảo hấn thế một cách từ tốn. Tên áo đen đứng bật dậy. Kiên nhìn hấn. Một vẻ ngạc nhiên lướt rất nhanh trên khuôn mặt hấn.

Môi nhếch lên như suýt bật cười. Hấn huýt một tiếng sáo và nheo mắt lại. Chủ quán bước vội ra lên tiếng can. Và đám bạn tên áo đen kéo hấn ngồi xuống. Họ không có ý định đến đây để đánh nhau. Nhưng ngồi xuống một lát tên áo da đen nhồm dậy, bước tới, kéo chiếc ghế ở bàn Kiên, và ngồi xuống đối diện với anh.

Hấn nói:

– Anh bảo tôi là đồ rác rưởi? Cứ cho là như thế. Còn anh. Rất có thể anh là một nhân vật đáng kính. Hôm thứ bảy tôi được vinh hạnh nom thấy anh ở rạp Tháng Tám. Anh bạn nhớ lại mà xem, có lúc nào người đẹp của anh bối rối khi vào rạp? Đấy là vì nàng thấy tôi nhìn anh chằm chằm. Anh có thể không là đồ rác rưởi, nhưng cô tiên sánh đôi với anh hôm đó thì cho phép được nói thật: Đó là...

Kiên nhấp một ngụm cà phê, anh để điều thuốc hút dở xuống gạt tàn. Anh nghĩ rằng mình nên kìm chế. Nhưng anh thấy rõ là tim mình đã đập gấp và miệng khô đắng.

- Nếu anh cho tôi là thằng bịp bợm, ngày mai đúng tám giờ tối tôi sẽ đưa thằng đã ngủ hầu nàng lướt sau cùng trước khi nàng đến với anh để trình anh mọi chi tiết. Tôi nghĩ là tôi tử tế và thân tình mặc dù vô cớ bị anh làm nhục. Xin nói để anh biết rằng tôi chẳng những là lính mà còn từng là cán bộ chỉ huy cơ đấy. Cái thằng Vương kia tôi còn lạ gì. Thế nào, tám giờ sáng mai nhé? Còn nó, xin nói để anh biết: Những con đàn bà mắt hơi hiếng hiếng lại đông đưa tất tậ đều là phường trụy lạc nhất đời, dù cũng chẳng có cái giống gì đáng yêu hơn chúng... Nhưng đến cỡ như con Phương thì...

Kiên hất cốc cà phê nóng vào mặt hắn. Thằng cha không cựa quậy. Cả tiệm, trừ Vương đang ngáy, đều sững sờ lặng phức.

- Tao đợi mày ở chỗ vòi phun! - Kiên bảo - Chẳng cần tới mai đâu, đồ súc vật hôi hám?

- Được được. Tên áo đen lau cà phê trên mặt, đứng dậy - Tao là Hưng. Mày cứ về hỏi con Phương về tao. Nó biết đấy. Tao đã dạy nó thanh nhạc hiện đại và dạy nó bùm chung...

Thành ra Kiên không đợi hắn ở chỗ vòi phun nữa mà nện ngay ở cửa tiệm. Không ai dám can thiệp cả, kể cả mấy tên trong hội. Hết đám lại đá rồi ghé phạng vào đầu, như điên, như cuồng. Kiên kéo thân hình tả tơi bê bết máu của ca sĩ Hưng ra vỉa hè, giúi cái mặt bị đánh vỡ của hắn xuống cống. Lúc cảnh sát tới, Kiên định đám lại họ. Anh hoàn toàn mất trí... Sáng hôm sau anh được thả ra. Công an không muốn làm dữ. Về nhà, Phương sang với anh ngay. Nàng đã biết mọi chuyện. Kiên im lặng một lúc rồi nói rằng, thật khó hiểu vì sao Phương lại biết tin mau như vậy. Phương thần nhiên một cách cố ý, trả lời:

- Vì bạn của Hưng tạt qua nhà báo cho em hay.

Phải đến vài ba năm Kiên mới trở lại tiệm này. Tay chủ tiệm nhận ra anh ngay, tỏ ra rất vui. Hắn nói đã đọc truyện ngắn của anh đăng trên báo và mừng rằng trong đám bạn cựu binh ngày xưa có một người nổi tiếng như anh, thành đạt như anh...

Ngon đèn xanh mờ ở đầu cầu Thê Húc đã lặn mất. Mưa dày hơn. Cô bạn cùng bàn đã ngủ gục xuống. Kiên đứng dậy, trả tiền rồi đi ra cửa. Anh nhìn đồng hồ. Đồng hồ chết. Có lẽ gần sáng rồi vì có tiếng leng keng tàu điện.

Ở mé đường vòng Hàng Gai - Hàng Đào, một cái tàu điện chạy nhô ra, bánh nghiêng kèn kẹt, ầm ầm rung rít, va đập loảng xoảng như một cái bao chứa đầy sắt vụn, đổ chuông trước khi vào bến đỗ ở ven hồ. Lửa tóe rền rẹt

trên dây. Ngọn đèn màu vàng ửng như gắn ở ngay bụng người lái tàu già vận áo bông. Chiếc tàu thăm hại, hơi nồng, sặc mùi rỉ sắt. Ông Huynh, chủ căn hộ ở ngay bên trên buồng Kiên làm nghề lái tàu điện. Giờ làm việc của ông thất thường. Có hôm ông đi rất sớm, lúc trời chưa sáng. Có hôm ông bước xuống cầu thang vào sau bữa cơm trưa, xách trên tay chiếc cặp lồng đựng bữa tối. Ông không cao gầy lắm nhưng vì quá gầy nên trông lênh khênh. Cổ lộ hầu, vai hẹp, lưng lõng không, luôn nhìn xuống như sợ giẫm phải bóng của mình. Ba người con của ông đều nằm lại trong chiến tranh. Anh con thứ là Toàn. Hy sinh gần như trước mắt Kiên. Ông Huynh không biết chuyện đó. Vợ ông bị liệt khi báo tử đến người con cuối cùng. Vợ chồng ông sống nghèo khổ, câm nín, trống rỗng suốt bao năm trời. Ông Huynh vẫn ngày ngày đi lái tàu điện. Đôi khi ông trò chuyện với Kiên. Có lần ông bảo với Kiên rằng, giả tử như con ông, thằng Toàn còn sống thì Phương đã là con dâu của vợ chồng ông. Từ lúc chúng mày còn nhỏ bác gái mẹ thằng Toàn, đã nhắm sẵn thế, con bé thật đáng yêu, ông Huynh bảo vậy.

Hồi xưa, bọn trẻ con trong chung cư thỉnh thoảng vẫn được ông Huynh cho đi rong một tua tàu điện. Tàu toa dạo đó còn thơm chứ chưa quá tã như bây giờ. Cả lũ thường xúm ở đầu toa xem ông lái tàu. Lắm khi ông cho chúng quay tay phanh và đạp chuông. Tàu dong qua bao nhiêu phố rồi rời khỏi nội thành. Đường ray ngập dần trong cỏ và rác, chậm chậm trôi qua những vùng tẻ ngắt và bụi bặm của ngoại ô.

Năm ấy, Kiên cùng Phương, Toàn và Sinh học cùng một lớp, một tổ, thân nhau lắm. Bến Cầu Giấy tối om, yên ắng. Tiếng ve sầu râm ran và tiếng ếch nhái như sôi lên trong tối hè oi ả. Ông Huynh và mấy anh - "xơ vơ" ngồi uống nước ở quán ven đường đợi khách. Trên khúc đường ray phụ có một toa tàu hỏng bị bỏ chơ vơ trong bóng tối. Tụi nhỏ tranh thủ chơi trò ú tim. Phương nắm tay Kiên kéo chạy xéo sang toa tàu bỏ không đó. Cả hai đứa đều run, không dám biết rằng điều gì sẽ đến. Phương nhảy thoát lên bậc, co mạnh Kiên nhảy theo, rồi lập tức lách vào giữa toa tối đen. Kiên lạnh toát người, thở, tim loạn xạ đập. Hai cánh tay trần của cô bé quàng lên cổ thằng bạn trai cùng tuổi mười ba, và tối tấp cô hôn lên má, lên môi, lên mắt bạn trong nỗi cuồng khát trẻ thơ nhưng ngây ngất tột cùng.

- Chúng mày đi đâu vừa nãy? - Toàn chặn hai đứa lại ở cửa toa.
- Đi trốn chứ đi đâu? - Phương leo leo.

– Nói dối! – Mắt trợn trừng, giọng Toàn vỡ ra, ngụt ngụt – Chúng mày làm gì, tao thấy, tao biết, tao...

– Đừng làm ồn lên Toàn? – Phương thì thảo vội vã – từ rày sẽ chơi vợ chồng, mày muốn chơi thì không được mách.

– Làm gì có vợ chồng ba người?

– Đồ ngốc, thế mà cũng đòi. Hai táo ông với một táo bà thì sao? Tao cấm mày hót lẻo đảy.

Lúc quay về phố, Phương kéo Kiên lảng vào ngồi trong toa. Toàn vẫn đứng gần chỗ bố. Chợt Kiên nghe ông Huỳnh hỏi gắt:

– Sao thế? Chúng mày vừa đánh nhau hả?

– Không ạ – Toàn đáp lý nhí.

– Thế thì sao mày lại khóc?

Kiên sợ, nhìn sang Phương. Cô bé nhìn tránh đi, mặt hơi tái, nói nhỏ: “Kệ, đừng sợ?”, và như người lớn, cô buông một tiếng thở dài. Kiên rùng mình. Gợn hồi ức tí hon và xa vời không đâu ấy cửa vào lòng làm anh đau đốn nhãn mặt. Đờ đẫn, anh cúi đầu và day mạnh hai bên thái dương, như thể muốn dùng tay cắt ngang dòng ký ức, không để cho nó cuốn mình trượt xa thêm nữa. Nếu không kịp ngưng thì chỉ lát giây nữa là anh đã phải nhớ lại cái chết của Toàn vào buổi sáng đẫm máu ấy, trước cửa số 5 sân bay Tân Sơn Nhất. Hai đứa tình cờ nom thấy nhau ở gần Lăng Cha Cả. Toàn là xạ thủ 12 ly 7 trên chiếc K63 chạy sau. Còn Kiên trình sát bộ binh, bám trên chiếc T54 đầu đàn. Song chỉ mười lăm phút sau khi nhắc thấy nhau, gọi tên nhau... phát ĐK của bọn dù trượt khỏi tầng đầu đàn, trúng bụng chiếc thiết giáp chạy chếch phía sau...

Nhưng, đúng là không thể quên được gì hết, bởi vì đau buồn là một thể nguyên khối suốt cuộc đời, liền một mạch từ thuở thơ ấu, qua chiến tranh đến bây giờ. Và có lẽ để nhận lấy đau khổ, mà người ta được sinh ra ở trên đời này, cũng vì đau khổ mà người ta phải sống, phải mưu cầu hạnh phúc, phải đến với tình yêu, với nghệ thuật, phải tận hưởng phải chịu đựng đến cùng cuộc sống...

Gần sáng, Kiên lần về được tới nhà, ngôi nhà cũ kỹ trên góc đường Nguyễn Du đầy mưa gió. Anh ngược nhìn ô cửa sổ hồng hồng trong màn mưa và buông kín rèm mà ở sau đó là căn phòng không người, không còn nàng nữa. Nàng đã bỏ đi vội vã. Vội vã như thế đấy. Đơn giản như thế đấy:

– Phương, anh yêu em... Em có biết rằng anh yêu em tới độ nào không? Vịn tay vào bờ tường, anh âm thầm thốt lên như bao lần đã thốt lên như thế, mắt

mờ lẹ và bất ngờ cảm thấy nghệt thở nổi lòng tái tê rạn vỡ. Khóc được thì sẽ dịu lòng, người ta bảo thế. Song cũng từng khóc rồi. Dấm dứt, ngốc nghếch. Có ích gì? Nhiều buổi tối, đứng bên cửa sổ nghe tiếng ồn ào của cuộc vui bên buồng nàng, lòng dạ bị trí tưởng tượng ghen tuông hành hạ, Kiên tự hỏi có nên lần sang thăm gục, thăm bất kỳ ai trong đám khách khứa rồi thì đập tan cái đàn của nàng ra. Nhưng cả uống say mềm, cả dấm có đánh lộn cũng sẽ không thoát khỏi vòng luẩn quẩn. Nỗi đau ngày xưa làm sao mà nhỏ nổi. Cái miệng vết thương lòng kinh tởm ấy lúc nào cũng định banh miệng. Những cay đắng tủi hổ, những hồi ức trần trụi đè bẹp ý chí của anh. Đè bẹp mãi mãi... Giờ đây dù có ra đi mỗi người mỗi rìa thế giới thì trong tâm tưởng anh, Phương vẫn là toàn bộ cuộc sống tinh thần. Và nào chỉ là tinh thần. Hằng đêm, anh miệt mài mê mẩn, chìm trong cái vuốt ve vô tận của mộng mị. Ngay cả khi bên cạnh có một cô gái đang trở mình áp sát vào anh trong giấc ngủ thì nhắm mắt lại anh vẫn khắc khoải nhớ tới Phương, nhớ tới tấm thân đẹp đẽ trắng ngần, nhớ hương thơm ngây ngất quyến rũ của làn da, nhớ cặp môi mọng ngọt như trái chín, nhớ quàng thâm mệt mỏi quanh đôi mắt nâu những đêm nàng âm thầm bảo hại. Mọi cuộc đan dúi đều không thể làm với nàng. Mùi da thịt phụ nữ chín rữ chỉ làm anh khao khát một mình nàng. Tình dục vốn đã ngủ say và những nồng cháy của xác thịt tưởng đã bị dập tắt hẳn từ lâu lại như bắt lửa bùng rực lên với hình bóng nàng nhập vào anh hằng đêm giữa những giấc mơ. Tất cả những nhân vật nữ mà anh mê say trong sáng tác của mình rút cuộc vẫn chỉ là những giấc mơ về Phương.

Trong mơ, trí nhớ khuấy đảo, lật tung lên tất cả, lần tìm trong đồ nát niềm đam mê đau buốt, vô hạn độ, vô bờ bến của anh đối với nàng từ tận những thuở hồng hoang xa tít mù tấp thời trai trẻ. Những hồi ức mê choáng ngợp nhục cảm ấy làm xiêu đảo hồn phách những giấc mơ của anh. Và mặc dù chỉ là trong mơ thôi, nhưng chính ái lực của lòng dấm say không đối đối với nàng đã duy trì cho anh ngọn lửa của tình yêu cuộc sống. Ký ức tình yêu và ký ức chiến tranh kết thành sinh lực và thành thi hứng, giúp anh thoát khỏi cái tầm thường bi đát của số phận anh sau chiến tranh.

Nhưng đúng là chỉ hoàn toàn trong mơ chỉ trong mơ mà thôi. Khi đã một bước rời khỏi cõi chiêm bao thì thế là thôi hết tất cả, lập tức lại nổi cô đơn rã rời tan tác, tất cả lại trôi trượt ra xa; và con người anh lại phải trở về với hình hài một gã đàn ông tật nguyên dị mọ, đã luống tuổi và đã hết thời, trống rỗng và đại bại.

Quả thực là giá mà ngay sau chiến tranh số phận chịu cho trước một lời mách bảo.

“Giá mà chúng mình xa được nhau!” – Đấy hầu như là câu cửa miệng của duyên nợ hai người những năm gần đây. Và: – “Giá mà chúng mình mãi mãi chỉ là bạn”.

Tất nhiên, đã muộn rồi. Mối tình đã trở thành một cái gì vô phương cứu vãn trong đời. Cho nên nếu đã ước như thế thì phải nói là giá mà không lớn lên ở bên nhau, giá mà không có tình cảm mến thương âu yếm của tuổi học trò, không cùng nhau một thời thơ ấu, một lứa bạn bè. Có biết bao nhiêu cánh cửa như thế mà lẽ ra nếu kịp khép lại thì những bước đi vu vơ của tuổi trẻ đã không thể đưa số phận mối tình trôi xa, cuốn nó tới vực thẳm này. Chẳng hạn nếu mà hồi ấy, khi nhập ngũ rồi anh không gặp lại Phương nữa. Anh cứ một mạch tuốt vào Nam, còn Phương thì đăng thẳng vào đại học...

Hồi ấy, sau ba tháng luyện quân ở Nhã Nam, tiểu đoàn 36 tân binh nhận lệnh lên đường vào B ngay mà không theo thông lệ mười ngày phép cho bộ đội, không có cả thời gian an dưỡng. Để bù lại lính tráng sẽ ngồi tàu hỏa vào tận Vinh. Bấy giờ, Giôn-xơn tạm ngừng ném bom để rên dừ, quân ta thừa cơ tiến binh. Từ Yên Thế tiểu đoàn hành quân như gió cuốn, khi về tới ga Văn Điển thì hóa ra còn dôi ra ba giờ đồng hồ để chờ tàu quân sự. Cả D có mỗi chục thằng lính Hà Nội mặt đứa nào đứa nấy... Lưỡng lự mãi rồi tiểu đoàn trưởng cũng cho mấy thằng ở nội thành và Thanh Trì được hưởng hồng phúc. Lúc bấy giờ là bốn giờ chiều hạn tới sáu rưỡi phải có mặt để lên tàu. Chậm một phút coi như đào ngũ. Có thằng rú lên vì sợ quá. Kiên chạy lao ra đường cùng mấy đứa bạn bám đuôi ô tô tải. Qua ga, ô tô chưa kịp giảm tốc, nhảy đại xuống, ngã tẹo chân. Thế là phải khập khà khập khiễng. Thật đúng là chẳng có bút lực nào tả nổi tâm trạng của Kiên trên đường phi về phố nhà, song cũng chẳng bút nào tả xiết cảm giác thất vọng, đất sụt dưới chân, khi anh vào tới trong sân. Đi sơ tán cả rồi. Với những cửa sổ đóng chặt lại bằng gỗ ván ngôi nhà mù lòa nhìn anh. Khoảnh sân trước nhà chiều nào cũng đầy trẻ con và góc sân nơi máy nước thì các bà các chị, giờ đây trống rỗng, vắng ngắt, và lạnh lùng biết bao. Trên dây phơi và trên cặp xà lệch lòng thòng những mảnh giẻ rách như cố ý chào đón anh bằng sự thảm thương.

Chỉ có vài gia đình có người ở lại Hà Nội. Hầu hết các phòng đều khóa trái. Những hàng chữ viết trên cửa. Vợ chồng, con cái, mỗi người mỗi phương dặn dò nhau, nhấn nhe nhau trên hòm thư gỗ ấy. Ba tháng trời anh không được

một lá thư nào của Phương, giờ đây, trên cánh cửa sơn xanh, im im khóa bằng một khóa đồng to tướng anh cũng chẳng thấy một dòng nào để lại. Phòng anh thì Phương giữ chìa. Anh đi lên gác ba. Không một bóng người. Hành lang tối om. Bụi bặm. Mạng nhện. Sự tàn phá âm thầm của cô tịch. Anh muốn viết lại cho Phương mấy dòng. Nhưng không giấy bút. Cầu thang kêu răng rắc. Anh xuống tầng trệt. Ánh hoàng hôn huy hoàng màu hồng nhạt đã tắt rồi.

– Trông ai về kia! – Một giọng đàn ông đĩnh đạc vang lên – Chào người chiến sĩ?

Đó là Huấn, anh trai của Sinh, thợ điện ở Yên Phụ.

Họ bắt tay nhau. Kiên nói thì giờ gấp quá không vào thăm anh chị được. Huấn nói Sinh đã vào đại học. Kiên hỏi thăm các gia đình khác. An toàn cả, nhưng bắt đầu gian truân rồi, các gia đình chia năm xẻ bảy.

– Không hiểu nó có dám ném bom Hà Nội không?

Huấn hỏi Kiên. Không nghe ra Huấn hỏi gì. Anh im lặng. Anh chợt hiểu, lòng mình đã hoàn toàn thờ ơ với tất cả những gì không thuộc về nàng, không thuộc về tình yêu mệnh mang choáng ngợp cuộc đời anh. Anh chào, chia tay với Huấn một cách lãnh đạm và không nhả một lời nào với ai. Không nói với Huấn rằng mình đi B. Anh đi, không ngoái nhìn ngôi nhà. Chợt anh nghe tiếng chân Huấn đằng xa.

– Này, – Huấn đuổi theo, đặt tay lên vai Kiên, nói – Sao lừ đừ thế, chú em? Suýt thì anh quên là mày với cái Phương gắn nhau. Mày buồn vì không gặp nó hả?

– Vâng, cũng buồn thật, thôi thì nhờ anh...

– Ôi dào không phải nhờ, mày ra ngoài ga ấy. Nó nhận giấy gọi vào đại học trước thằng Sinh em tao nhưng vì bà Đức, mẹ nó mất... ô, mày không biết gì à? Bà ấy xuất huyết não, – Huấn dài dòng – Tao vừa thấy nó ba lô rời khỏi nhà một giờ trước với một thằng bạn nom lạ hoắc...

– Ra ga à anh?

– Thì chắc thế. Mày bảo còn đi đâu với cái ba lô. Nó chỉ bảo: anh nom nhà hộ nhé, em lên trường đi học đây.

– Trường nào hả anh? Mà đi tàu nào? Ngộ nhỡ đi xe hàng?

– Ờ tao cũng chả biết, chả hỏi. Hỏi ai bây giờ. Thằng Toàn, thằng Sinh đều lên trường chúng nó rồi. Nếu nó đi ô tô thì chịu. Nhưng mà đi tàu hỏa thì... cứ liều ra ga Hàng Cỏ mà tìm Kiên ạ. May ra, để anh đèo mày.

– Thôi. Cảm ơn anh! – Kiên kêu to – Tạm biệt! Tạm biệt mọi người hộ em...!

Kiên xồng xộc đâm bổ ra ga. Hùng hực lấn chen để vào được trong sân ke. Tàu đến, tàu đi. Mà đã 5 giờ hơn rồi. Thật là cả một cuộc rối loạn tơi bời như vỡ chợ, như động đất. Các toa tàu muốn bể vì sức lên của khối người. Mỗi cửa toa dường như có tới một trăm cái mặt người dính sát vào nhau. Người ta bám kín trên nóc toa. Ngồi cả trên tấm棚. Cửa lên xuống thì không thể nào lên xuống được nữa rồi, thiên hạ tranh nhau lao lên và lao xuống ở cửa sổ. Sân ke cũng đầy ặc người, hàng hóa. Nào biết Phương có ra ga không? Mà ra ga thì tàu nào: Thái Nguyên, Lào Cai hay tàu đường 5? Và dù biết rõ cả tàu, thậm chí cả toa, liệu có nhìn thấy nổi một ngón tay của Phương không trong sóng trào chen lấn này?

Tìm tìm, ngó ngó, gọi bừa tên Phương lên. Chẳng ích gì, Kiên cũng chẳng buồn nhìn nữa. Chán nản tột độ, anh cảm thấy như bị bỏ rơi giữa dòng thác lũ này. Đoàn tàu Thái Nguyên đậu ở ray số 1 sắp chuyển bánh. Kiên đi dọc theo nó về phía cuối. Đoàn tàu như con trăn bị đàn kiến rùng chôn vùi. Biển người như muốn níu giữ không cho tàu chuyển bánh. Tiếng ầm ả của khối người át cả tiếng còi. Một người nào đó huých vào Kiên. Một bà chạy vượt qua, đòn gánh suýt quệt vào mặt anh. Kiên đi sát vào thành toa.

– Mau, Mau lên! Tàu chạy rồi, mau lên. Liệng ba lô lên, kìa! – Một gã trai chồm lên thành cửa sổ, hé qua đầu Kiên – Đào ôi! Mất chỗ tốt bây giờ, Phương? Còn nhìn ai nữa thế, hả Phương?

Kiên hững hờ đưa mắt nhìn sang trái rồi sang phải và “Phương”, anh bật thốt lên, đau nhói trong lồng ngực. Sân ga điên đảo đột nhiên chỉ còn lại một người đang đứng cách Kiên mấy bước, mắt mở to nhìn anh – “Phương!” – Kiên thì thầm lặp lại.

Đoàn tàu giật mình, bị thúc lùi lại rồi rướn lên, từ từ miễn cưỡng chuyển bánh. Phương vẫn đứng yên, ba lô trĩu một bên vai, tay buông thõng, những sợi tóc mai rủ xuống má bay bay nhẹ nhẹ. Từ cửa sổ một người bỏ nhào xuống chộp lấy cổ tay Phương – “Điên à?”. Anh ta hét. Phương giằng ra, bước lùi lại, lắc nhẹ vai, tái mặt đi, nhưng mỉm cười, nói nhanh:

– Em ở lại mấy hôm. Anh lên trước đi! Nhớ lấy hộ em cái xe đạp ? Thôi... ?

Chàng trẻ tuổi chết sững mấy giây. Thành linh anh ta ngoắt lại, miệng méo xệch, mắt loáng ánh điên khùng. Tưởng rằng sẽ nhảy bổ vào Kiên, song chàng sinh viên vươn tay chụp lấy tay vịn ở cửa toa khách cuối cùng chạy chạy theo rồi đu vọt người lên.

Dường như để chờ cho đoàn tàu chạy khuất rồi Phương mới bước tới, nhẹ nhàng đặt tay lên vai Kiên, nói khẽ:

– Chúng mình ra ngoài đi. May thật. Chỉ chút nữa là không gặp được nhau.

Lạ lùng là trái tim Kiên trấn tĩnh được rất nhanh. Nỗi xúc động đột ngột như là vội vã lắng ngay xuống, Phương đã mất một chuyến tàu: lỡ một người bạn có lẽ là rất tận tình, còn anh thì sắp sửa bỏ mặc nàng một mình ở sân ga. Kiên hoang mang cười, nụ cười nhợt nhạt. Phương lại hỏi gì đấy nhưng anh không nghe ra. Anh đỡ lấy chiếc ba lô của Phương và hai đứa dắt nhau lách qua đám đông.

– Về nhà mau. Ăn cơm mau. Đi chơi nhá. Tối nay không mất điện với không báo động đâu, – Phương liền thoáng – Nom anh mặc đồ bộ đội hay thật. Hiền hẳn, nhưng hơi quê... Cơ mà sao thế.

– Số là, nghĩa là, Phương ạ... – Kiên giải thích một hồi. Lúng túng muốn tìm lời nhưng lưỡi va vấp. Và giọng anh lạc đi.

Cho đến lúc này ý nghĩa thật sự của sự chia lìa, của cả việc vượt hàng trăm cây số, có lẽ hàng ngàn nữa, để vào Nam mới thực sự cắt cho anh một nhát vào lòng. Sự bất lực và nhỏ bé của thân phận, của nỗi niềm riêng tư của một hai con người giữa biển đời này, có lẽ cũng là lần đầu tiên anh nhận thấu được vào tận tim. Kiên nói đứt đoạn. Nói không ra hơi. Song, Phương cũng hiểu.

– Đành vậy. Giá mà về thấp được nén hương trước bàn thờ cha. Và bàn thờ mẹ em nữa... Mà đừng lo, Kiên. Kệ. Sáu rưỡi thì chả kịp rồi nhưng bảy giờ tàu mới chạy. Ta đi xích lô.

– Thôi. Mình chạy Maratông còn hơn. Ai lại đi ngồi xích lô.

– Thế còn em? Anh cũng bắt em chạy à?

– Không... Nhưng.

Phương gọi xích lô. Mặc cả rất nhanh. Hai mươi phút. Sớm được phút nào thêm hai hào cho phút ấy.

– Lên anh! Ngượng gì. Sĩ quan em thấy họ còn ngồi nóc toa nữa là.

Nhưng qua Vọng thì báo động. Kiên nóng ruột như cào. Anh có thể chạy bộ. Nhưng không đời nào. Nóng ruột và lo sợ vô cùng, song một phút bên Phương lúc này đáng để đổi cả thế giới. Trong khi người đạp xích lô hốt hải chạy biến đi tìm hầm, anh giữ Phương ngồi lại trên xe. Phốc xá tối tăm. Thời gian nhích từng phút quá chậm nhưng cũng quá nhanh.

– Hay tối nay về nhà đã, Kiên... – Phương thì thầm – Đàng nào cũng lỡ rồi. Kiểu này còn chán mới báo yên.

- Về đi? Nhá?

Kiên im lặng lắc đầu. Thở dài. Phương ngồi thẳng lên, gỡ mình khỏi vòng tay Kiên, nói khẽ:

- Nếu anh quyết thế thì thẳng chờ được đâu. Phải mượn tạm cái xe này mà đi ngay thôi.

- Nhưng...

- Anh cứ đạp biển đi cho em, xá gì. Mà cũng nên cho cái anh chàng xích lô nhát như cây này một bài học quân sự. Với lại, như các áp phích vẫn viết: tất cả cho tiền tuyến kia mà!

Kiên bật cười, ừ, phải, len lén, anh nhảy lên yên, lẳng lẳng đạp đi. Vừa khỏi Đuôi Cá thì trong thành phố báo yên. Chắc là hình dung ra vẻ mặt lúc này của tay chủ xe, Phương cười rử. Bây giờ, nhớ lại cái cuộc xích lô ấy kể cũng vui vui: mặc dù kỳ thực nó cũng buồn như mọi kỷ niệm khác giữa hai đứa thôi.

Tối ấy, rốt cuộc, đến Văn Điển trễ mất mấy phút. Đoàn tàu đã chuyển bánh. Tiểu đoàn đã xuất phát. Sân ga tối om, vắng ngắt. Bàng hoàng Kiên thấy người đứng lặng. Nhân viên nhà ga bảo rằng: Chuyến tàu có thể sẽ dừng chốc lát ở Đồng Văn hoặc Phủ Lý gì đó. Hành trình thì không biết, có biết cũng không được tiết lộ. Tàu quân sự. Họ bảo thế.

- Một điều - Phương đùa, nhưng thấy vẻ thất thần của Kiên, nàng khẽ khàng an ủi:

- Đừng vội thất vọng, anh. Ta vẫy xe đi nhờ các ga sau, đón đầu đoàn tàu vậy. Thời chiến mà, thiếu gì cách xử trí mà lo, Kiên. Bây giờ hăng đi kiếm cái gì lót dạ đã. Em đói lắm, mà anh nom cũng mệt lả ra rồi.

Tiểu đoàn 36 tân binh, tiểu đoàn mà Kiên đã bị tụt lại hôm ấy ở ga Văn Điển hành quân bằng tàu hỏa đến ga Văn Trai thì bị bom. Thương vong nặng nề. Tiểu đoàn trưởng cũng bị giết trong trận không tập ấy. Chuyển sang hành quân đường bộ. Vào đến Cự Nẫm lại bị B52 chần. Ca-nô chìm, chết vẫn cả đội hình. Đáng lẽ đi B dài: vào sâu trong B tiểu đoàn đã cận sức chiến đấu - phải phân tán ra làm quân bổ sung cho mặt trận đường 9. Mấy chục con người tung vào con lộ lửa ấy thật là như gió lùa nhà trống... Mãi đến hòa bình trên chuyến tàu Thống nhất trở ra Bắc, Kiên mới biết về số phận của tiểu đoàn nhờ tình cờ cùng toa với Huy, tiểu đội phó của anh hồi tân binh. Huy bị mù, mặt đầy vết sẹo bỏng nhưng chẳng hiểu sao Kiên nhận ra ngay và nhớ cả tên nữa. Huy thì tất nhiên đã quên Kiên. Đã mười năm rồi. Mười năm dằng dặc còn dài hơn cả một đời người.

– Trong cái rủi có cái may Kiên ạ, – Sau một hồi hàn huyên, Huy bảo – Nếu không bị tụt lại tối ấy ở Văn Điển, không chừng cậu chết rồi cũng nên. Cậu biết không, cả tiểu đội đều chết ở Văn Trai, ngay loạt bom đầu. Riêng tớ còn sống là do tình cờ đang ở một toa khác. Tàu chạy suốt đêm. Đến sáng vẫn gắng chạy. Người ta tưởng bọn Mỹ còn hai ngày nữa mới đánh trở lại. Ai ngờ... Hồi ấy cậu có đào ngũ thì rồi cũng chẳng ai biết. Mà không chừng người ta báo tử cậu rồi cũng nên, Kiên ạ. Thế, còn cậu bị tụt lại. Rồi sao nữa?

Còn Kiên...

Tối hôm ấy, khi hai đứa ngồi với nhau trong quán ăn ven đường, Kiên đã nghĩ hay là: thôi tối nay hai đứa về nhà. Về với nhau. Chứ đi nhờ ô tô tải tới một ga nào đó để đón đầu tàu hú họa thế để làm gì? Nhưng cũng chỉ là thoáng nghĩ vậy. Phương rủ thì anh lại lắc đầu. Vầy mãi ô tô mà chẳng được. Không xe nào buồn ngó tới Kiên. Vầy chán tay chỉ hứng được bụi và khói xả.

– Để em phanh lại cho, – Phương nãy giờ ngồi lặng im trong một cái lều quán ở vệ đường, bước ra, tới bên Kiên bảo – Em vầy chắc được, luật giao thông thời chiến ưu tiên phụ nữ lắm... Nhưng thế này nhé: Cả xe ra xe vào em đều vầy. Chiếc đầu tiên dừng lại, bất kể vào hay ra gì mình cũng lên, đồng ý không?

– Nhưng...

– Lúc nào cũng nhưng. Anh sợ phải trở về Hà Nội với em đến thế à? Thật là... Xét cho cùng, anh ngại gì. Có phải lỗi anh đâu. Tại đế quốc Mỹ đấy chứ và... tại em, em mà. Thôi được?

Từ xa ánh đèn pha hình nón như khoan vào bóng tối đặc sệt bụi mờ lối cho cỗ xe tải đen ngòm xầm xầm tới. Một chiếc I-pha cao lênh khênh. Đang ấm chân ga phóng, tưởng rằng sẽ không dừng. Vậy mà nó phanh gật đầu lết bánh khét lẹt trên mặt đường.

– Xe xuôi về Nam?

Một giọng oang oang từ buồng lái không đèn tối om quát xuống:

– Đi đâu? Đi hóng mát à, hả!

– Vào tuyến lửa, chứ mát mẻ gì! – Phương hét lên như quát giả: rồi lại lập tức dịu giọng – Cho bọn em đi nhờ vào Phủ Lý với anh!

– Xe tớ không vào tới Phủ Lý. Chỉ Đồng Văn thôi, đi không?

– Cũng được!

– Vòng qua cửa bên kia. Mau lên?

Phương nắm tay Kiên kéo anh nhảy vòng qua đầu xe sang bên phải buông lái. Tài xế mở cửa xe và nhào người ra, đưa tay xuống nhiệt tình:

– Xe cao đấy. Bậc hông rồi. Để anh kéo lên, nào.

Kiên sững sốt, sững sờ, không kịp hiểu gì hết thì Phương đã ở trên buồng lái.

– Nhưng... kìa Phương!

– Lên đi, anh. Lại nhưng... lên đi?

Huýt khê một tiếng sáo, anh tài kéo cần số. Xe chuyển bánh. Kiên dập mạnh cửa ca bin. Anh ngồi ngây và cứ lặng đi như thế, anh ngồi im.

– Cảm ơn anh, anh tốt quá! – Phương lên tiếng.

–Ồ, lại khách khí tiểu tư sản rồi.

– Thì đúng là như vậy mà.

– Ra thế... Này, em vào tuyến lửa thật đấy à?

– Em nghĩ là thế.

– Hoài của?

– Anh nói sao?

– À, thì nói thế. Nếu quả thật là em vào đó thì rồi em sẽ hiểu. Nhưng sao lại chỉ đến Đồng Văn? Đồng Văn và cả Phủ Lý nữa, còn xơi mới đến tuyến lửa cô tư sản ạ?

– À không, đấy là bọn em đuổi theo tàu đấy. Lên được tàu rồi mới thực sự thăng tiến... Nhưng liệu xe anh có vượt trước được đoàn tàu không? Tàu rời Văn Điển lúc bảy giờ.

– Được. Sẽ tới Đồng Văn trước bọn lái tàu của em.

– Liệu tàu có đỗ ga ấy không anh nhỉ?

– Có chứ, em chờ mà nó dám lướt à? Cái phanh nón của em đáng giá đấy.

– Cái anh này trò chuyện vui nhỉ! Đường chiến tranh mà cứ phời phới.

– À, thì họ nhà xế mà. Lại xế quốc doanh. Bảo đảm mọi thứ chứ không chỉ ăn nói đều ăn đứt các chàng tiểu tư sản của em. Rồi em sẽ được thấy thôi. Chiến tranh này, tuyến lửa này vui lắm. Sung sướng lắm, lãng mạn lắm!

Ca bin tối om, rục nóng nơi đầu máy. Động cơ rú rít vật vã. Người lái xe tắt đèn pha chuyển sang đi đèn gầm nhưng vẫn cho xe lao rất nhanh. Bóng đêm cuộn cuộn rẽ dạt ra. Kiên không còn hiểu nổi ý nghĩ của mình nữa. Anh ngạc nhiên thấy mình dường như đang vui sướng: đang âm ỉ mừng rỡ, không phải vì sắp theo kịp đơn vị mà đơn giản bởi vẫn còn Phương bên cạnh. Và ra sao

thì ra. Tuy nhiên lòng anh thất lại. Một nỗi lo sợ chưa định hướng được day dứt tâm trạng. Đường đêm tăm tối, tốc độ cao của xe buộc người lái phải căng thẳng thu mình vào vô lăng. Anh ta không huýt sáo, không trò chuyện, chỉ thỉnh thoảng rít lên văng tục, chửi rủa một cái gì đó. Và trong lòng Kiên nỗi lo lớn lên, giằng nặng. Hình như vì anh mà Phương đang dần thân vào một tình thế bất trắc khôn lường. Song, Phương, có vẻ khá bình thản. Dưới ánh xanh mờ của đồng hồ vận tốc gương mặt nàng như của người đang mơ ngủ hoặc là đang nghĩ ngợi đầu đầu. Trong những cái xóc chồm chồm, Phương ngồi không vững, xiêu ngã giữa hai người đàn ông. Đôi khi nàng như vội vã áp đầu vào vai Kiên, rồi vào vai người lái xe, một cách mệt mỏi và hờ hững. Màn đêm đột nhiên như được cởi rộng ra. Trăng ló khỏi mây, vạch một vệt sáng lóng lánh lên khung kính chắn gió.

– Thế là kịp rồi nhé, – Người lái xe nhợt nói – Đoàn tàu của các bạn kia kìa! Cũng may ta sẽ đến ga Đồng Văn trước nó mấy phút!

Theo cái hát hàm của người lái, Kiên nhìn sang bên trái. Theo nền đường sắt nổi cao lên như một con đê giữa đồng trống mờ mờ ánh trăng nhấp nhô rùng rùng đoàn tàu đang rong rảnh uốn mình. Những đám tàn lửa từ đầu tàu như đàn đom đóm đỏ bay tỏa vào đêm tối.

– Mẹ kiếp, nom lộ liễu ghê cả người! – Gã tài bình luận – Chả cần pháo sáng thằng phi công có mù nó cũng thấy. Thật là một chuyến tàu liều mạng. Nói chung lên đường đi đánh Mỹ mà đi tàu hỏa thì không chết trước cũng chết sau?

Phương phì cười. Và nhẹ nhàng nàng luồn tay vào dưới cánh tay Kiên nắm lấy bàn tay anh. Họ đan ngón tay vào nhau.

Ô tô hãm dần tốc độ rồi đỗ tạt vào mép đường, nổ máy tại chỗ. Người lái bảo:

– Hết tiền rồi đấy, xuống đi? Cứ dọc theo ray mà vào ga chứ đừng vào lối cổng... Mà này, phanh nón của em không phanh được bọn lái tàu, thì hai tiếng nữa ra chỗ này đợi anh, anh sẽ đưa về Hà Nội nhé! Bây giờ thì chào.

Kiên cảm ơn, rồi bắt tay anh ta và xách ba lô nhảy xuống. Anh đợi để đỡ Phương. Phải gần một phút nàng mới rời đệm xe.

– Hai tiếng nữa nhớ nhé, nhớ nhé – Gã tài gào lên át tiếng máy, nghe khá tuyệt vọng – ôi trời ơi, em thơm thịt và co quắp quá! Đừng đâm đầu vào đất trời điên đảo trong ấy em nhé? Hoài của lắm? Hai tiếng nữa, em nhớ đấy nhé, trời ơi!

Một cách tiếc nuối, chiếc xe tải ư ử sang số, rời chỗ. Xa xa còi tàu ngân dài

vọng tới. Nền đường sắt rung lên đều đều. Phương dắt tay Kiên chạy lẫn vào trong sân ga. Những bóng người thấp thoáng. Vầng trăng bị mây nuốt. Kiên bước đi lệt xệt như bị tụt mất gót. Trần ngập lòng một khối mịt mù bấn loạn. Anh hoang mang và rối bời. Nghĩ là rồi cuộc, vẫn từ biệt, vẫn từ biệt, vẫn chia ly. Nghĩ là...

Nặng nề, anh ôm ghì lấy Phương, hôn lên má, lên môi, lên vai. Cay đắng tuyệt vọng và nóng rực nước mắt ứa trào. Một tiếng sấm kéo dài âm vang. Bóng tối của đoàn tàu đổ ập lên, choán hết bóng tối trên ga. Đầu máy thở phì phì, âm âm hãm lại trong đám hơi mù tỏa ra nóng hổi.

– Ôi hay là em... hay là em... – Phương nức nở.

Tiếng nàng bị át đi, Kiên dứt mình khỏi nàng. Đoàn tàu đã đỗ hẳn lại. Nhưng trong những tiếng xì xì ken két của sắt thép và hơi nước không nghe tiếng ồn ào âm ỉ của những giọng người. Kiên và Phương đi lần lần dọc tàu. Một toa sà, lại một toa sà nữa. Những kiện hàng chất cao phủ bạt. Toa nữa, vẫn toa sà với mấy cỗ pháo. Toa sau là toa đen có mui nhưng cửa khóa. Ghé nhìn qua kẽ hở thành toa. Chắc chắn là không có người ở trong.

– Tàu hàng? – Cả hai cùng thốt lên.

Một nhân viên hỏa xa tay xách đèn bão đi ngang qua: Kiên quáng quàng bước tới nắm lấy khuỷu tay người ấy, lập bà lập bập hỏi:

– Anh... anh ơi... tàu quân sự... Đây không phải tàu chở quân hả anh... từ Hà Nội... tàu...

Người kia giơ cao thiếc đèn soi vào mặt Kiên rồi hạ xuống, xẵng giọng nói:

– Anh điên à? Muốn vào tù hay muốn ăn đạn. Hả. Xéo đi? Xéo ngay, không tôi báo công an đấy!

Anh ta bỏ đi. Phương giữ lấy khuỷu tay Kiên nói nhỏ: “Để yên, em hỏi cho”, và rảo nhanh. Nàng đuổi theo người xách đèn. Lát sau Phương quay lại.

– Không may rồi Kiên ạ. Anh ta bảo đoàn tàu chở quân đã qua đây cách 20 phút rồi... Còn tàu này là tàu hàng. Cũng vào Vinh, nhưng vậy đấy, đơn vị anh đã bắt lên trên rồi...

Kiên buột một tiếng rên từ lồng ngực, như chóng mặt anh bám lấy cánh tay Phương. Phía xa còi tàu rúc lên. Các toa dồn nhau rầm rầm. Người ta tăng cường thêm một đầu máy nữa cho đoàn tàu.

– Hay cứ lên tàu này? – Phương nói – Cũng vào Vinh. Mà sau tàu kia có hai mươi phút. Đúng đấy. Đi xem có toa nào hé cửa thì lên, không thì bám vào toa

sàn cũng được, Kiên ạ. Đi được thôi. Đừng lo. Đến Vinh, anh sẽ gặp được đồng đội thôi mà.

Lần đến giữa đoàn tàu, hai đứa tìm được một toa đen cửa mở hé.

– Lên toa này? – Phương thì thầm và đẩy mạnh cánh cửa. Đường rãnh kẹt dày đất. Cánh cửa nặng nề rít lên.

– Cậu nào đấy. Lách lên chứ sao lại đẩy rộng cửa thế – một giọng khàn khàn từ ngưỡng cửa quát xuống – Họ đuổi mẹ cả lũ xuống bây giờ. Lên thì lên đi, đưa tay đây!

– Không cần, anh tránh ra – Phương đáp, đẩy rộng cánh cửa ra rồi leo phắt lên.

– Ái dà? Một cô nàng? – Người có giọng khàn khàn như thế nấc lên.

– Phải, anh tránh ra cho người khác lên với chứ? – Phương gắt.

Hai đầu tàu cùng rúc lên những hồi còi dài, nóng nẩy giận dữ. Các phanh hơi nhả xì xì. Kiên ngó ngẩn cả người, bàng hoàng, lẩy bẩy nhảy lên sàn toa.

– Tàu sắp chạy rồi, xuống đi em! – Anh nói quờ quạng trong bóng tối.

– Anh muốn bỏ em ở lại một mình đây hay sao – Phương nắm nhẹ cổ tay Kiên, những ngón tay lạnh và run – Em đi với anh một chặng nữa?

– Không, không được! – Kiên giật mình – Đùa gì vậy, Phương!

Phương bóp mạnh tay anh, lắc lắc:

– Đừng âm, anh. Em có đùa gì đâu.

Tàu chuyển bánh, giật mạnh, Phương ngã áp vào Kiên. Cửa toa kèn kẹt đóng lại. Tối đen, ngột thở. Kiên mù mịt chẳng biết nói gì, làm gì bây giờ.

Các đầu đập nổi toa rền rền va đập. Tiếng nói hơi ở đầu máy phì phò thở. Đoàn tàu đang nâng dần tốc độ.

– Vào trong góc ấy còn chỗ đấy? – Cái giọng khàn ban nãy lại cất lên – Yên tâm. Cứ ôm nhau mà ngủ cho đã cuộc đời. Giôn-xơn còn đang nghỉ phép, không quấy đảo gì đêm nay đâu?

Men theo khoảng trống hẹp giữa thành toa và những hòm, những bó chất cao tới sát nóc, hai đứa lần mò vào trong góc. Những cái cẳng chân, cẳng tay ngẫu nhiên thu lại. Tiếng ngáy; tiếng càu nhàu. “Dịch vào, dịch vào!” – Một ai đấy lè nhè nói – nhường chỗ cho một chị em, các tướng!

Kiên đỡ Phương ngồi xuống. Phương ôm lấy anh hôn lên má, ra ý vỗ về. Tóm lại, nghĩa là sao: Tàu đang chạy và Phương vẫn bên anh, vào Vinh? Trong giây lát, Kiên nghi ngờ sự tỉnh táo của mình. Toa tàu cũ kỹ, nóc cao, chạy trên ba

đôi bánh xe. Cửa và thành toa rung lên, kêu răng rắc, sàn nảy lên ở những chỗ nổi ray. Gió lùa qua các kẽ ván làm nhật bóng tối trong toa. Gương mặt Phương hiện lên trắng trắng. Bờ vai, mái tóc. Cái cổ cao, mảnh dẻ. Anh đặt môi lên vai nàng. Hôn qua lần vải mỏng. Phương lùa ngón tay vào tóc Kiên, thì thào:

– Sao anh, sao anh... anh không muốn em đi cùng với anh sao?

Kiên trào nước mắt. Toàn thân anh trĩu xuống bởi tình yêu, lòng biết ơn, bởi nỗi lo âu và bởi một hạnh phúc lớn quá sức chịu đựng của tâm hồn. Ngay sát dưới chân anh sàn toa vỡ rộng một mảnh, nhìn xuống có thể thoáng thoáng trông thấy trục bánh, đường ray, tà vẹt. Thành toa cũng hở huếch. Gió tràn ngang đoàn tàu mát rượi hắc nồng hơi nóng. Mùi đất. Mùi các đầm nước. Mùi khói và bụi than khô khét. Chuyện xảy ra như tự nó đến, ngoài ý muốn ngoài lý trí.

– Chúng mình ở bên nhau như thế này đêm nay kể cũng lạ lùng thật nhưng không thể nào khác được phải không, Kiên?

Tiếng bánh sắt lăn trên đường ray dồn dập. Những cột đèn hiệu. Các nhà ga xép. Những đám cây cối trôi qua lườn lướt. Và thỉnh thoảng là tiếng rền vang như sấm của một đoàn cầu ngắn ngủn. Đêm tối chiến tranh mênh mông bao phủ miền châu thổ. Những ý nghĩ và tình cảm rồ dại bật dậy trong lòng Kiên: Thôi thì vứt bỏ tất, không có đại đội, không có tiểu đoàn, không có chiến tranh nào hết, cứ mãi mãi bên nhau thế này, mãi mãi không rời xa nhau?

Luyện tập

Ba điều dẫn bạn trước khi thực hiện phần luyện tập Bài 13 này:

- Hãy suy nghĩ vì sao các bài luyện tập cuối Bài 13 này yêu cầu các bạn viết nhiều đoạn văn ba câu hoặc năm câu hơn là nói và thảo luận.
- Hãy suy nghĩ vì sao các bài luyện tập cuối Bài 13 này cố ý cư xử với các bạn đúng với giai đoạn các bạn đang vào tuổi yêu đương (sắp yêu, đang yêu).
- Hãy suy nghĩ vì sao các bài luyện tập cuối Bài 13 này đòi hỏi các bạn suy nghĩ trong vai trò một nhà văn và cả một nhà thơ hoặc một họa sĩ nữa.

Bây giờ, mời các bạn cùng luyện tập.

1. Hãy viết ba hoặc năm câu nói ý nghĩ của bạn tại sao các lần xuất bản tác phẩm này, dùng tên nào cũng được: *Nỗi buồn chiến tranh* và *Thân phận của tình yêu*?
2. Hãy tưởng tượng và vẽ theo trí nhớ hình ảnh một gương mặt hoặc một đồ vật liên quan đến một người mà bạn nhớ. Nếu có thể, hãy ghi thêm bên cạnh mấy câu thơ do bạn làm hoặc mấy câu thơ bạn nhớ được của một tác giả nào đó.
3. Hãy viết ba hoặc năm câu nói ý nghĩ của bạn về nhân vật Kiên trong đoạn văn trích. Nhân vật Kiên đó có tư chất của một nhà văn không? Tư chất đó là gì, theo ý bạn?
4. Hãy viết ba hoặc năm câu nói ý nghĩ của bạn về một chi tiết liên quan đến nhân vật Phương trong đoạn văn trích. Nhân vật Phương đó có ý nghĩa gì trong Kiên và Kiên có ý nghĩa gì trong lòng nhân vật Phương?
5. Hãy viết ba hoặc năm câu nói ý nghĩ của bạn về chiến tranh. Dùng một chi tiết để cho biết chiến tranh cần thiết như thế nào và không cần thiết như thế nào đối với con người?
6. Viết tiểu luận (cố gắng đọc toàn văn tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* thì tốt hơn là chỉ đọc đoạn trích): Một nhà văn đi qua chiến tranh khác với người bình thường như thế nào?

BÀI 14

LINH SƠN

(của Cao Hành Kiện)

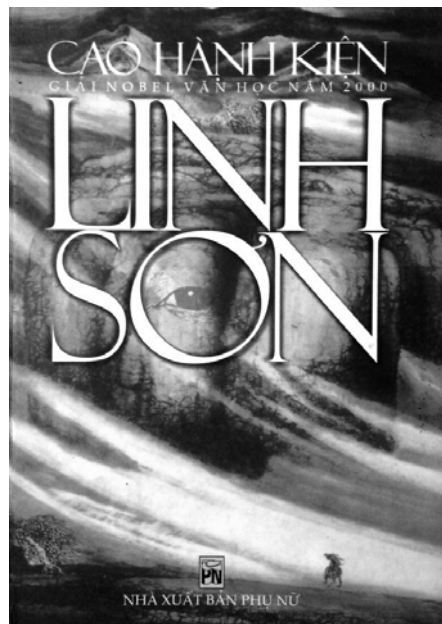
Hướng dẫn học

1. Mời các bạn đọc *Lời giới thiệu tiểu thuyết Linh Sơn* của dịch giả Trần Đình

Giải văn học Nobel năm 2000 vào tay một nhà văn Trung Quốc (quốc tịch Pháp): ông Cao Hành Kiện, sinh năm 1940, quê ở Giang Tây (Giang Tây có núi Ô Y, núi Võ Đang mà ông có nói tới trong sách này). Ông tốt nghiệp tiếng Pháp ở Học viện ngoại ngữ Bắc Kinh. Dịch Samuel Beckett, Ionesco, Jacques Prevert. Và nay viết bằng cả tiếng Pháp.

Cao Hành Kiện viết kịch (*Còi báo động, Bến xe khách, Người mông muội...*) và kịch của ông được hoan nghênh tại Liên hoan Avignon Pháp, tại Áo và Italy. Ông làm thơ. Vẽ (tranh mực tàu, quốc họa). Viết lý luận (Bài văn ông bàn về kỹ thuật tiểu thuyết hiện đại đã khơi dậy một tranh luận sôi nổi trong giới văn học Trung Quốc những năm đầu 1980). Dĩ nhiên ông viết tiểu thuyết. Mà *Linh Sơn* – *Núi Hồn* là tiêu biểu.

Nhiều người coi ông như tác giả may mắn nhất, trung dung nhất thời nay. *Linh Sơn* rất hiện đại (ở bút pháp, bố cục – chương về “ta” và chương về “mi” đối nhau đều đặn, ở dòng chảy gần như nhênh nhang không bờ của viết...) nhưng cũng đầy khí cốt, hồn phách Trung Hoa. Vừa dân tộc tính, vừa hiện đại, cả hai đều ở mức cao, ông được Ủy ban giải thưởng Nobel chọn có lẽ vì lý do đó. Một biểu hiện của kết hợp này là ông đã “phát triển thêm lên tiếng Trung Quốc”, đặc điểm được Ủy ban giải thưởng Nobel nhấn mạnh đến trong đánh giá chung. Rất tiếc khuôn khổ sách không cho phép đi sâu vào cốt hiến này.



Linh Sơn viết năm 1982. Xong năm 1988. Cũng năm ấy, ông lập cư ở Pháp.

*

* *

Linh Sơn không có truyện đủ đầu đuôi phát triển cùng với xung đột, mâu thuẫn tới cao trào, theo như chuẩn định. Cũng không nhân vật (theo như chuẩn định), với đủ đặc điểm diện mạo, hình hài, tính cách, cảnh ngộ. Đây là một gallery những khuôn mặt thấp thoáng, le lói. Thậm chí những hình dáng, những bóng, cả ma lẫn ảo thị. Tuy vậy tất cả hằn sâu vào tâm trí người đọc. Giống như các bức thủy mặc thăm thẳm đẹp nhờ toàn chấm phá. Bút vẽ Cao Hành Kiện đã ảnh hưởng không nhỏ tới bút viết Cao Hành Kiện.

Những mặt người, bóng người vào *Linh Sơn* đều cất lên cùng một câu hỏi cốt lõi: Ta là gì? Ta cần gì? Ta phải làm gì? Hỏi hiền lành, rón rén. Từ những số phận quen với lành ít dữ nhiều. Từ những số phận thiếu số...

Con thỏ lông trắng, mắt đỏ, bạn của “ta” trong truyện nổi lênh bênh, nhóp nhúa trong hố phân; Con cún – cũng bạn? – chết đuối trong sông qua làng; Con gấu trúc đói mò về xin ăn giữa khuya khoắt rừng sâu... những “số phận” thấp thoáng ấy cũng góp rọi sáng vào những mệnh sống hăm hiu, rủi ro. Đọc *Linh Sơn* cứ nhớ tới một câu của André Malraux: “*Một đời chẳng bằng cái quái gì nhưng chẳng cái quái gì bằng một đời*”. Phải chăng vì cái chí quyết sống? Ngay trong lúc vất vưởng tìm nghĩa sống cũng mang cái chí lớn ấy đi cùng.

Mọi cái vào tiểu thuyết của Cao Hành Kiện đều làm xúc động. Nhờ ướp trong thứ hóa chất khiến nao lòng: Kỷ niệm. Kỷ niệm luôn chen bên hiện tại, rục rở, cháy bỏng trong *Linh Sơn*. Nhà mỹ học Áo Fisher từng nói: Nhà văn phải biến mọi vật liệu bên ngoài thành kỷ niệm của chính bản thân hắn để viết ra. Tác giả nêu ra hai điều ông nhận đã bị chê: Viết không đúng chuẩn và tiểu thuyết không truyện, không nhân vật. Ông tự bảo vệ ra sao? Đọc sách ta sẽ tán thành hay phản đối, tùy ta.

*

* *

Linh Sơn, cái địa điểm tác giả cất công đi tìm kia ở đâu?

Chuyến đi vất vả hình như công cốc. Nhưng rất lôi cuốn, kỳ thú.

Linh Sơn – *Núi Hồn* ở bên này Ô Y mà... Ờ, ở bên kia Ô Y chứ... Nhưng Ô Y ở về phía nào của sông, bên này, bên kia? Đường không lăm, chỉ có người đi lăm thôi...

“Núi Hồn” có lẽ ở trong ta. Nhưng ta ở về phía nào của “Núi Hồn”? Phía cộng hay phía trừ? Như rất nhiều nhưng chỉ một “Núi Hồn”. Người rất đông nhưng cái hồn người, cái người ra hồn thì sao?

2. Linh Sơn – Nơi đến của “ta” – “mi” – “hắn”

Linh Sơn 81 chương. Nhân vật chính “ta” bị chẩn đoán nhầm ung thư phổi, tình cờ trên toa xe lửa nghe có người nói tới địa danh Linh Sơn (Núi Hồn–Núi Thiêng) – một nơi có thể đến để chữa bệnh. Thế là “ta” khởi hành tìm đến Linh Sơn. Và chuyến đi “thực tế” này được “ta” kể lại (*Linh Sơn* được xem là viết ra trên chuỗi những ấn tượng có được trong hành trình 12.000 cây số ngược lưu vực sông Dương Tử mà Cao Hành Kiện đã thực hiện). Nhưng toàn tác phẩm không thống nhất một ngôi nhân xưng thứ nhất đó. Trong *Linh Sơn*, tự sự luân chuyển giữa “ta” (xen thêm những “hắn” với những “nàng”) và “mi” một mặt khiến cho độc giả thấy mình như đang theo dõi nhân vật chính “ta” lần bước tìm tới Linh Sơn mà có lúc bất giác lại bị dẫn vào một kỹ thuật hành trình tâm tưởng – đi trong nội tâm chờn vờn ảo giác đục tình, ngược xuôi dĩ vãng và lịch sử, qua bao kiếp người.

Chính vì thế, có người nói “Linh Sơn–Núi Hồn” là một ẩn dụ. Đó là cõi tâm linh tự do. Cõi đó ở trong ta chứ không phải ở ngoại giới. Do vậy đường đến Linh Sơn là đường về tự do, đường đó không ở trên bản đồ, không trông chờ ở việc nhờ cậy người chỉ đường, mà ở dưới bước chân đi của chính mình. Cuộc hỏi đường giữa “hắn” và ông già bên bờ sông ở chương 72 (có dẫn dưới đây) gợi ý cho một cách đọc hiểu như vậy về hình tượng trung tâm của tác phẩm – hình tượng đã dùng để làm nhan đề cho cuốn tiểu thuyết.

Điểm độc đáo và cũng là một cách tân cho nghệ thuật tiểu thuyết của cuốn sách Cao Hành Kiện tập trung ở lối tự sự phối kết bộ ba ngôi nhân xưng “ta” – “mi” – “hắn”/“nàng”. Có nhà nghiên cứu gọi đó là sách lược tự sự “dùng ngôi nhân xưng thay cho nhân vật”. Sách lược này đặt trên nền tảng nhận thức cho rằng xác định lấy một ngôi nhân xưng chủ ngữ (câu tự sự) là khởi điểm của một sự biểu đạt tri cảm của một chủ thể người tự sự. Ngôi nhân xưng trong tự sự có thể quy về một chủ ngữ – trả lời câu hỏi “ai” nói, “ai” làm gì? Tự sự bằng lời suy cho cùng là vấn đề tạo dựng một hình tượng người trần thuật hoặc nói một chủ thể tự sự. Nghe hay đọc hoặc nói khái quát – tiếp nhận tự sự, trên thực tế là quá trình xác định chủ ngữ của chuỗi câu trần thuật.

Linh Sơn khác với tiểu thuyết truyền thống ở chỗ nó không có những hình tượng nhân vật xác định bằng tên riêng. Nhân vật chính của *Linh Sơn* chỉ là những ngôi nhân xưng hòa góp những “câu chuyện” của bản thân chúng. Ở tác phẩm này, một cái “ta” phân thân, tách dần ra một cái “mi”. Rồi từ cái “mi” này ngoại hóa ra thêm một cái “hắn”. Đan díu với “mi”, với “hắn” là (những) cái “nàng”. *Linh Sơn* mở đầu với “mi” kết thúc với “ta”. Quãng giữa là chuỗi luân phiên qua các chương của các ngôi nhân xưng thứ nhất, thứ hai và thứ ba đó.

Sách lược tự sự “dùng ngôi nhân xưng thay cho nhân vật” ở *Linh Sơn* trên thực tế chính là thông qua việc phối trí các ngôi kể nhằm tìm kiếm, tra kiểm những tri cảm khác nhau của một chủ thể sống, nhằm biểu hiện đầy đủ hơn những cảm thụ khác nhau của cùng một chủ thể sống. Những sở chỉ đa hướng của đại từ nhân xưng ba ngôi tạo điều kiện thuận lợi cho tác giả thực hiện việc hoán chuyển ngôi trần thuật.

Ngôi nhân xưng thứ nhất “ta” và ngôi nhân xưng thứ hai “mi” trong *Linh Sơn* trên thực tế đồng quy nhất thể. “Mi” chính là một đối ảnh, một phân thân hay một dị hóa tinh thần của chính “ta”. Trong lúc ngôi thứ ba “hắn” thì lại là một phản tư hay quan sát lặng lẽ của và từ chính “ta”. “Ta” – “Mi” – “Hắn” luân hoán vị trí để cùng biểu thuật sâu hơn, thật hơn tri cảm của cùng một chủ thể tự sự. Sự hoán đổi luân phiên của ngôi trần thuật là cách giúp cho nhà tiểu thuyết biểu đạt mạnh mẽ và đầy đặn hơn thức nhận và cảm thụ của chủ thể đó. Ba ngôi nhân xưng này là sự phản ánh cơ bản nhất của ý thức con người vào trong ngôn ngữ. Một ý thức tự soi sáng tự ngã bộc lộ ra nơi ngôn ngữ sẽ gồm ba tầng thứ. Tầng thứ đầu tiên chính là nhân xưng ngôi thứ nhất – một cái “ta” trần thuật những điều tai nghe mắt thấy trên đường đi tìm *Linh Sơn*. Tầng thứ hai chính là “mi” – một sự phân chuyển của tự ngã “ta”, một sự phân thân của chính “ta”. Tầng thứ ba là sự phân ly “nàng” ra từ cái “mi”. Hoán chuyển giữa ba ngôi nhân xưng đó hoàn thành một sự tự chiếu xét tự ngã từ ba tầng thứ vừa nói. Trong *Linh Sơn*, ba ngôi nhân xưng từ bản chất đều phái sinh ra từ cùng một chủ thể tri cảm. Cả ba ngôi nhân xưng đó đều cùng biểu đạt kinh nghiệm nghiệm sinh của một chủ thể sống-viết-nói.

Không sớm hơn và cũng không muộn hơn, tới chương 52 (tức ở quãng lưng chừng của hành trình tự sự), tiểu thuyết đã vén cao cánh màn trần thuật cho độc giả mục kích “chân tướng” cuộc diễn của các vai *ta-mi-hắn-nàng* trên sân khấu trần thuật của tác phẩm.

Tất nhiên, “dùng ngôi nhân xưng thay cho nhân vật” suy cho cùng cũng chỉ là một cách nói của các nhà phê bình. “Thay cho” không đồng nghĩa với thủ tiêu nhân vật. Nhìn từ một góc độ nào đó, ta vẫn có thể nói tiểu thuyết này có những nhân vật “ta”, “mi”, “hắn”, “nàng”.

“Ta” (theo bản dịch Trần Đĩnh, nguyên tác “我” – âm Hán Việt “ngã”; tiếng Việt còn có các tương đương như *tôi*, *mình*) là một nhà văn, một “người sưu tầm dân ca”, bị chẩn đoán nhầm ung thư phổi, nghỉ đời sắp hết nên thả mình vào một chuyến du lịch ngược lên miền thượng lưu vực Trường Giang, rời xa “môi trường ô nhiễm” quanh mình, tìm vào thiên nhiên và tìm về chốn Linh Sơn.

“Mi” (theo bản dịch Trần Đĩnh, nguyên tác “你” – âm Hán Việt “nhĩ”; tiếng Việt còn có các tương đương như *mày*, *ngươi*) là đối tượng mà “ta” nói cùng, kẻ nghe chuyện của “ta”. “Mi” như ta đọc thấy ngay từ đầu chính là kẻ mở đầu cho tác phẩm.

“Hắn”, “Nàng” (theo bản dịch Trần Đĩnh, nguyên tác “他” và “她” – âm Hán Việt “tha”; tiếng Việt còn có các tương đương như *nó*, *ý*, *cô ả*, *thị*) không chỉ cố định cùng một người. Tự sự trong tiểu thuyết cho thấy có chỗ “hắn” cũng là phân thân của “ta”, có chỗ lại là một “ông ta” nào đó. Cũng như “nàng” là những người phụ nữ “cô ta”, “mụ đó”, “ả đó”...

Việc nắm vững chuyển hoán các ngôi kể này là một chiếc chìa khóa giúp bạn mở cánh cửa chính đi vào giải mã tự sự *Linh Sơn*. Trích dẫn chuỗi bốn chương 7, 8, 52, 72 dưới đây (Nxb Phụ nữ, 2002) cố ý chọn đủ các hình thức ngôi nhân xưng trong tự sự của tác phẩm này. Nhưng để có được một hình dung về câu chuyện “ngôi trần thuật” của tác phẩm, bạn không ngại đọc ngay chương 52 trước hết. Chúng tôi cũng phải cáo lỗi trước với bạn nếu như những dẫn nhập và gợi ý kiểu này sẽ làm ảnh hưởng đến việc tiếp nhận tác phẩm này của bạn.

Mời các bạn cùng học.

LINH SƠN

(Trích)

7

Mi tiếc đã không đặt ra với nàng một lần hẹn, Mi tiếc đã không đi theo nàng, Mi tiếc đã thiếu dũng cảm đã không bám riết lấy nàng, không có kích động và lãng mạn, không có ảo huyền. Tóm lại, Mi tiếc đã tuột tay. Mi thường hiếm khi mất ngủ vậy mà đã không ngủ đêm qua. Sáng đến Mi cảm thấy Mi ngớ ngẩn, nhưng may thay, không mù mịt. Sự đột ngột này đã làm lòng tự ái của Mi bị tổn thương nhưng Mi lại ghét cái sự quá tỉnh táo của Mi. Mi không biết yêu, Mi yếu hèn đến mất đi cả khí phách đàn ông, Mi đã đánh mất năng lực hành động. Cuối cùng Mi cũng đã quyết định ra bờ sông thử vận may xem.

Mi ngồi trong thuyền tựa ngắm phong cảnh trước mặt như người chuyên thu mua vật liệu gỗ đã khuyên. Buổi sáng, bến phà tấp nập, sôi sục. Người ta bị lèn chặt trên phà mà đường mòn nước đã lên tới quá cặp. Phà vừa cập bến, dây rợ chưa cột buộc, hành khách đã chen lấn, xô đẩy nhau để xuống ke. Các sọt tre treo trên đòn gánh và các xe đạp đẩy bằng tay va quệt nhau, người ta chửi thề, người ta chen nhau lên phía thị trấn. Phà qua sông rồi lại quay lại để cho những người chờ trên bờ bên kia được qua. Cuối cùng, bến phà trở lại im ắng. Mi ngồi một mình trong thuyền tựa, như một thằng ngu, rất ưu tư chờ một cuộc hò hẹn chưa từng được xếp đặt, một người đàn bà đã biến đi không để lại dấu tích, như mơ giữa ban ngày. Thực chất, Mi sống buồn tẻ, không một tia lửa không một đam mê đến quấy đảo cuộc đời nhạt nhẽo của Mi, nó chỉ cứ là buồn chán thế. Mi có còn ý định bắt đầu lại đời Mi, bắt đầu đi kinh lịch, thử nghiệm một hồi nữa không đây?

Thình lình bờ sông lại náo hoạt nhưng lần này toàn là đàn bà. Họ sát cánh nhau trên những bậc đá chặn nước, họ giặt quần áo, rửa rau hay vo gạo. Một cái thuyền mui bằng chiếu tre sắp cập bờ, tay sào ở mũi thuyền kêu lên về phía họ. Họ bèn líu ríu í ới, không nhường chỗ cho người này. Mi không phân biệt được nổi đây là trò ghẹo cột hay cãi cọ nhau thật sự. Rồi cuối cùng, Mi lại thấy hình dáng nàng. Mi bảo nàng Mi nghĩ rằng nàng sẽ lại đến, rằng nàng sẽ đến bên thuyền tựa này, cái thuyền tựa mà Mi thấy thích kể lịch sử với nàng. Mi bảo rằng lịch

sử thủy tạ này Mi nghe được ở một ông già, ông cũng ngồi ở đây, gầy như que củi, mấp máy đôi môi bị gió máy làm cho khô không khóc, cầu nhau cầu nhau như một con ma. Nàng nói nàng sợ ma, thế là Mi liền khẳng định luôn rằng vậy thì nghe nó u u như gió vượt trên đường dây cao thế. Mi nói cái thị trấn này đã sớm được ghi nhận trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên¹, bên phà trước mặt hai người đây xưa gọi là Bến Vũ, như người ta bảo thế, chính Vũ Vương trị thủy ở chỗ này mà. Trên bờ sông, một tảng đá tròn chạm khắc, người ta lờ mờ đọc được trên đó mười bảy chữ cổ hình con nòng nọc. Bởi chẳng ai đọc nổi những chữ này cho nên người ta đã đánh mòn hòn đá để xây cầu, nhưng bởi không đủ vốn cho nên cuối cùng cầu lại không làm được. Mi chỉ cho nàng xem các cột có các hàng câu đối của bàn tay một bậc thầy thời Tống viết ra. Cái núi Hồn mà Mi đến tận đây để tìm ấy đã được cổ nhân ghi lại cũng từ lâu rồi. Nông dân sống hết đời này qua đời khác ở đây không biết lịch sử nơi đây, mà họ cũng chẳng biết gì hơn đến cả chính ngay lịch sử của họ. Nếu người ta viết ra giấy, không bịa đặt thêm thắt không ẩn giấu lịch sử của từng người từng người sống ở trong những cái sân, các gian phòng áp mái của thị trấn này thì các tiểu thuyết gia sẽ phải trợn mắt. Mi hỏi nàng có tin là như thế không. Ví dụ bà cụ móm mém kia, da nhăn nheo như ca la thầu ngâm xì dầu, y như một xác chết còn sống, đang ngồi trên bậc cửa nhà bà cụ nhìn đờ đẫn, chỉ có hai tròng mắt tắt ngấm là còn động đậy ở dưới đáy hai hố mắt sâu hoắm, ngày xưa bà cụ đã ném những giây phút huy hoàng của mình, trong vài chục dặm quanh vùng đây, bà cụ từng có tên trong các nhan sắc nhất hạng nhì hạng của cái xứ này. Ai người chưa từng chiêm ngưỡng bà cụ cơ chứ? Bây giờ ai hình dung ra nổi được phong độ trước kia của bà cụ? Mà càng không thể hình dung ra được cái thời bà cụ là vợ một tên tướng cướp. Tướng cướp là Đệ nhị Chúa công của cái thị trấn này thời xưa. Lúc bấy giờ, trẻ già đều gọi hần là Đệ nhị Chúa công, phần nào để phỉnh hần nhưng trước hết vì kính trọng, “đệ nhị” vì thứ bậc của hần ở trong gia đình và cũng vì hần là “anh em kết nghĩa ăn thề” trong nội bộ một băng cướp. Tuy cái mảnh sân bà cụ đang ngồi trước nó bé nhưng khi vào trong rồi, ta lại thấy những sân khác lần lượt nối nhau, vào thời ấy, bọn cướp đổ ra trên những sân này hàng thúng hàng thúng bạc. Lúc này bà cụ đang chăm chăm nhìn vào con thuyền mui bằng những liếp tre. Bà cụ thời xưa bị cướp đi chính là trên một cái thuyền loại

1 Sử gia Trung Quốc nổi tiếng, 145–85 trước Công nguyên.

thế này. Thời đó bà cụ giống như các cô gái với bím tóc dài đang vỗ đập áo quần trên các bậc đá kia. Khác một điều là ngày ấy bà cụ xuống rửa rau, một rổ tre trong tay, đi guốc gỗ chứ không phải giày nhựa. Một con thuyền đầy liếp ghé sát, chưa hiểu cái gì xảy ra, hai người đàn ông đã bẻ vịn tay cô lại, đẩy cô lên thuyền: trước khi cô có thể kêu cứu, người ta đã buộc chặt miệng cô lại. Thuyền đi chưa tới năm dặm, cô đã bị nhiều tên cướp chiếm dụng. Trong con thuyền này, giống như mọi con thuyền xuôi ngược dòng sông đã nghìn năm nay, dưới tấm phên tre, những xâm phạm như thế diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật. Đêm đầu tiên, cô nằm miết trên mũi, trần truồng như nhộng, nhưng ngay từ đêm thứ hai, cô đã nhóm lửa ở mũi thuyền, chuẩn bị cơm nước...

Mi nói nữa đi, nói gì nhỉ? Nói cô đã trở thành vợ của Đệ nhị Chúa công như thế nào. Cô cứ là như thế, ngồi trên bậc cửa chứ? À, vào thời ấy, cô chưa có cái nhìn chết lạng thế này. Cô luôn mang bên người một khung tre và vá may, thêu thùa. Với những ngón tay trắng trẻo, nếu không thêu *uyên ương rờn nước* thì cô thêu *công múa xoè đuôi*. Cô đã thay bím tóc bằng một búi tóc giữ bằng một cái kẹp bạc khảm ngọc bích, đôi lông mày vẽ tô của cô tôn mặt cô lên, và mặc dù vẻ quyến rũ của cô, chẳng ai dám nói năng với cô một lời. Người ta biết rất rõ rằng trong cái khung tre có xếp các sợi chỉ nhiều màu, nhưng bên dưới là một cặp súng lục đen xì, bóng loáng bắn hai mươi phát; súng luôn nạp đạn. Chỉ cần binh lính chính quy từ một con thuyền cập bờ đổ xuống, hai bàn tay rất thạo thêu kia liền lần lượt bắn gục từng đứa trong khi Đệ nhị Chúa công, có tài thoát hiện thoát ẩn như thần, cứ việc ngủ thoải mái. Sở dĩ người đàn bà này được Đệ nhị Chúa công lưu lại, đó là vì cô tuân theo câu tục ngữ quy định cái phận đàn bà: “Lấy gà làm chồng, theo gà, lấy chó làm chồng, theo chó”. Nhưng trong thị trấn, không có ai tố giác sao? Ngay đến con thỏ rừng còn hiểu không được ăn cỏ gần hang của nó. Vậy mà cô đã sống sót, như thế có khác nào một điều diệu kỳ. Chừng nào tướng cướp Đệ nhị Chúa công tên tuổi lừng lẫy và nhân từ còn sống, chừng ấy không một bạn bè nào của hắn đến thăm bằng thủy bộ hay bằng những cách thức khác, lại có bao giờ dám rạp xin lấy ân huệ của cô đâu bởi vì lập tức kẻ đó sẽ tìm thấy cái chết ở chính tay người đàn bà. Tại sao chứ? Đệ nhị Chúa công tàn ác đấy, nhưng người vợ còn tàn ác hơn. Ở mặt này, đàn bà vượt lên trên đàn ông. Nếu em không tin ta, em có thể đi hỏi giáo sư Ngô dạy ở trường trung học phổ thông thị trấn này. Ông chuẩn bị một tập truyện lịch sử địa phương. Phòng du lịch vừa mới lập ở thủ phủ huyện đặt ông làm. Trưởng

phòng du lịch là cậu ruột vợ của người cháu giáo sư Ngô, không như thế thì cái việc này có lẽ chẳng đến tay ông. Tất cả những ai cầm rỗi ở mảnh đất này đều biết các chuyện lịch sử về nó và ông không phải là người duy nhất có thể viết được, nhưng, ai mà chẳng mong mỗi lưu danh lại là nhà sử học? Hơn nữa, khi việc đó cho phép lĩnh một khoản trợ cấp, không phải nhuận bút ứng trước mà là tiền thù lao cho việc làm ngoài giờ. Ngoài ra, giáo sư Ngô lại xuất thân từ gia đình quan lại địa phương lâu đời, trong cách mạng văn hóa, các sổ sách bọc lụa vàng mà người ta đem ra khỏi nhà ông rồi đốt cháy công khai, trải ra dài đến bốn mét. Tổ tiên ông đều vang danh, dù là tướng coi quân cấm vệ của triều đình hoàng đế Văn Đế nhà Hán hay là hàn lâm học sĩ trong thời Quang Tự nhà Thanh, nhưng sự buồn phiền bắt đầu từ vài chục năm nay, vào đời bố ông, khi chia ruộng đất trong cuộc cải cách điền địa, khi họ được khoác vào lưng cho cái ba-lô “địa chủ”. Bây giờ, ông sắp tới tuổi về hưu. Người anh cả của ông đi định cư ở nước ngoài, từng bật tin tức và rồi cuối cùng lại hóa thành giáo sư, đã trở về thăm nước trong một chiếc xe con, có huyện phó hộ tống. Ông anh đã mang cho ông em một máy truyền hình màu, bây giờ cán bộ thị trấn nhìn ông em bằng một con mắt khác. Thôi, không nói chuyện ấy. Đúng, giữa đêm, nông dân nổi loạn đã cầm đuốc đốt gần sạch hết cái phố. Ngày xưa, phố chính của thị trấn là bờ ke dọc sông, bến xe đường dài hiện nay là ở vị trí của miếu thờ Long vương, ở đầu cái phố này. Vào thời ngôi miếu chưa phải là một đồng gạch, ngày rằm tháng Giêng âm lịch, trong đêm hội, tìm một chỗ ở sân khấu trong miếu để ngắm múa rồng đến từ mọi làng của hai bờ sông quả là một kỳ công. Mỗi toán đeo một băng thuần một màu, đỏ, vàng, lam, trắng hay đen tùy theo màu con rồng của toán ấy. Chiêng, trống kua vang theo nhịp, trong phố, người ta chen chúc nhau. Dọc bờ sông, các cửa hiệu treo ở đầu một cây sào tre một phong bao đỏ đựng một món tiền hoặc ít nhiều, hiệu nào cũng muốn kéo tài lộc đến với buôn bán của mình nhờ treo cái tặng vật này. Thường thường phong bao đỏ của chủ cửa hàng gạo ở gần trước mặt miếu Long vương là hậu hĩ nhất, các bánh pháo kếp năm trăm quả thả từ trên nóc nhà ông ta xuống đến tận đất. Trong tia lửa nổ ran tung tóe, đám trẻ đem hết sức lực hoa hoa các cây đèn, tạo thành một điệu múa kết thúc trong cơn lốc quay tròn. Người mang đèn rồng và tung hứng với một quả cầu thêu nhiều màu càng phải bỏ sức nhiều hơn. Khi hai con rồng đến nơi, một của làng Cốc Lai, màu đỏ và một, màu lam của ngay thị trấn đây, do Ngô Quý Tử cầm đầu... Đừng nói nữa, có chứ, tiếp tục đi. Em

muốn ta nói về con rồng lam? Em muốn ta nói rằng cái tay Ngô Quý Tử kia là một nhà vô địch lừng lẫy ở thị trấn này phải không? Nhìn thấy cha này, không một người đàn bà đôi chút lẳng lơ nào mà lại giữ nổi cho con mắt không lúng liếng. Hoặc họ gọi cha này để mời một chút trà hoặc họ biếu cha một bát rượu trắng... Còn! Còn sao? Cứ nói đi, thích gì anh cứ nói. Ngô Quý Tử này cho con rồng lam múa suốt dọc đường. Một làn hơi nóng bốc lên ở khắp người Ngô. Đến trước miếu Long vương, cha này ngang nhiên cởi chiếc áo khoác không ống tay ra ném vào những người qua đường xem biểu diễn, để lộ ra một con rồng lam xăm ở ngực. Lập tức đám trẻ quây quanh liền hoan hô ầm ầm. Lúc ấy, con rồng đỏ của Cốc Lai đến từ đầu phố đằng kia. Hai chục trai trẻ cùng lứa tuổi, đầy hăng hái, cũng đến chiếm lấy chiếc phong bao đỏ của ông chủ cửa hàng gạo. Lập tức, hai con rồng bắt đầu múa, không con nào chịu nhường con nào. Trong những cái đèn tạo thành rồng, con đỏ con lam, các ngọn nến cháy sáng, lúc đó người ta chỉ còn thấy hai con rồng lửa quay đảo trong đám đông, vươn đầu, quẫy đuôi. Ngô Quý Tử vờn quả cầu lửa, xoay tròn với hai cánh tay trần ở trên các tảng đá lát đường, kéo con rồng lam vào một vòng quay rục lửa. Con rồng đỏ không chịu thua kém. Không rời mắt khỏi quả cầu bằng vải thêu, nó bò rạp rồi lô xô đánh sóng, như một con rết quắp ở trong miệng một con mối sống. Khi tràng pháo kép năm trăm quả vừa nổ hết, bọn trẻ con cho nổ các chất nổ khác. Hai đám múa thở hổn ha hổn hển, mồ hôi lã trên người làm cho họ giống như những con cá vừa vớt ra khỏi ao. Họ chen nhau gần quây hàng để giành nhau cái phong bao đỏ treo ở đầu một cây sào, cuối cùng một gã trai của làng Cốc Lai đã nhảy lên chộp lấy nó. Đám của Ngô Quý Tử không chịu được sự hạ nhục này. Những lời chửi rủa văng ra từ hai đám liền át đi tiếng pháo và hai con rồng thì chập vào nhau không tài nào gỡ ra nổi. Người xem không thể nói ai đã khởi đầu, nhưng muốn gì thì họ cũng đều đã ngứa ngáy hai quả đấm. Các trận đánh nhau thường mở đầu như vậy. Những tiếng kêu sợ hãi lan đi, do đàn bà trẻ con thốt ra, những người đàn bà ngồi trên các ghế dài ở trước cửa nhà họ vội mang trẻ nhỏ trở vào, để lại những cái ghế làm vũ khí cho đám đánh nhau. Ở thị trấn này có một nhân viên cảnh sát, nhưng lúc này, hoặc người ta đã mời hắn uống rượu hoặc hắn đang mải xem đánh bài, thu một khoản phần trăm lấy từ cờ bạc vì người ta không ai mất công không để giữ gìn an ninh trật tự. Loại đánh lộn trong dân chúng này không kéo theo kiện cáo. Kết quả của trận đánh là một người chết trong đám múa rồng lam và hai trong đám rồng đỏ, không

tính người em của Tiểu Anh Tử vô cớ bị đám đông đè ngã rồi bị giẫm bẹp, vất bỏ lại với ba chiếc xương sườn gãy. May sao hắn đã được cứu sống nhờ cái cao “da chó” tổ tiên tay Đường Rỗ mặt truyền lại, Đường Rỗ mặt mở một cửa hiệu ở cạnh *Hỉ Xuân Đường*, nhà này quanh năm ngày tháng thấp một ngọn đèn đỏ. Tất cả những thứ đó đều là chuyện tầm phào nhưng người ta cũng có thể coi chúng như các chuyện kể, Mi có thể tiếp tục kể cho nàng. Nhưng nàng không muốn nghe Mi nữa.

Dừng lại, tìm hiểu sâu hơn

1. Về cơ bản diễn ngôn tự sự trên là lời của “ta” (nói cùng “mi”) – chỉ nói “về cơ bản”, vì không phải lúc nào ta cũng có thể xác định mười mươi ranh giới lời của ai. Khi bạn đọc và lắng nghe thật kỹ, bạn sẽ phát hiện thấy các lời vang vọng vào nhau, thấm hút các giọng điệu của những chủ thể phát ngôn có mặt hoặc vắng mặt. Chính điều này khiến cho tự sự tiểu thuyết vang lên như một bản giao hưởng. Bạn hãy đọc thật cẩn thận một lượt chương này và gạch chân dưới những đoạn mà bạn cho là có sự hòa ghép lời như thế.
2. Lần lượt các tiểu đoạn tự sự liên quan tới *tảng đá lờ mờ chữ cổ, người đàn bà vợ tướng cướp, phòng du lịch huyện đặt hàng ông giáo sư họ Ngô viết sử* trong chương đem đến cho bạn cảm nghĩ gì về cái gọi là “lịch sử”?
3. “Mi” kể cho “nàng” nghe chuyện lễ hội múa rồng – “Mi có thể tiếp tục kể cho nàng. Nhưng nàng không muốn nghe Mi nữa”. Theo bạn phải chăng nàng không muốn nghe nữa là vì đám hội *bạo lực* quá – bốn người chết vì đánh nhau và giẫm đạp?

Ở bên dưới trại, trong rừng thích và đoan, nhà thực vật học đi kèm ta vào núi đã phát hiện một cây sồi khổng lồ, cao hơn bốn chục mét, hóa thạch thực vật duy nhất sống từ thời kỳ sông băng, lâu đã hơn một triệu năm. Phải ngửa cổ mới nhìn thấy những lá non tí xíu ở đầu cùng các cành cây trơ trụi. Thân cây bị khoét một lỗ lớn có thể làm hang cho một con gấu. Nhà thực vật học già cho ta vào đó, bảo đảm nếu một con gấu trú trong đó thì nó chỉ ở đó vào mùa đông. Ta trườn vào, các vách rêu phủ mượt như nhung. Ở bên ngoài cũng thế, cái cây to lớn cũng phủ những rêu mượt như nhung. Rễ và cành chằng chịt luôn vào nhau như rỗng như rắn ở trong các bụi cây và cỏ cao.

- Này chàng trẻ tuổi, đây là tự nhiên ở trạng thái đích thực man dại đầy nhá. Ông nói, gõ cái mỏ cuốc chim vào thân cây sồi. Ông gọi tất cả các thành viên của khu bảo tồn là “chàng trẻ tuổi”. Ở cái độ tuổi sáu mươi, ông giữ được sức khỏe rất tốt. Dùng cái cuốc chim như cây gậy chống, ông đi không ngừng khắp cùng núi non.

- Họ đốn các cây quý để lấy vật liệu. Nếu không có cái hốc này cây sồi đây có lẽ cũng đã tiêu luôn mất rồi. Đây không còn là rừng nguyên sinh theo nghĩa hẹp của từ ấy nữa, quá lắm chỉ là một rừng nguyên sinh “hạng hai”, ông thở dài.

Ông đến thu thập mẫu vật của cây trúc-mũi tên, thức ăn của gấu trúc. Ta đi theo ông len lỏi giữa các bụi trúc héo khô, cao hơn đầu người. Không thấy một cây trúc nào sống. Ông giải thích rằng ở giữa kỳ chúng ra hoa, nảy mầm và khô héo rồi mọc lên măng mới trước khi lại ra hoa là trôi đi sáu chục năm trời. Thời gian này vừa đúng một Kiếp, vòng luân hồi những tồn tại và hồi sinh trong đạo Phật.

- Con người theo các đạo của Đất, Đất theo các đạo của Trời, Trời theo các đạo của Đạo, và Đạo theo các đạo của tự nhiên, ông lớn giọng nói, không nên có những hành vi đi trái với tự nhiên, không nên làm cái bất khả.

- Việc cứu gấu trúc mang một giá trị khoa học nào nhỉ?

- Chỉ là một tượng trưng, một an ủi, con người có nhu cầu tự lừa mị mình. Một mặt, hấn cứu một loài đã mất bản lĩnh sống sót, mặt khác hấn đẩy nhanh việc hủy hoại môi trường cho phép hấn tồn tại. Hãy nhìn hai bờ sông Mân Giang xem, rừng ở đấy đã bị đốn đổ hết và ngay con sông cũng chỉ là một dòng bùn đen chảy. Và chớ nói đến sông Trường Giang. Họ muốn xây thêm một hồ

nhân tạo bằng cách chặn nó lại ở quãng Tam Môn Hiệp, Ba Hẻm! Có những dự án hoang đường thì dĩ nhiên là rất lãng mạn rồi. Lịch sử chứng nhận đã nhiều lần có những sụt đất ở cái vùng của khe nứt địa chất học này, xây dựng một con đập sẽ phá hủy hết cân bằng sinh thái của lưu vực sông Trường Giang. Nếu không may cái khe nứt ấy gây ra một trận động đất thì hàng trăm triệu người dân sống ở hạ lưu, trung lưu con sông sẽ hóa thành rùa! Dĩ nhiên chẳng ai hoài hơi nghe lời lẽ của một ông già như tôi. Con người trấn lột của tự nhiên, tự nhiên cuối cùng thế nào cũng phục thù.

Ta theo ông vào rừng, lách giữa các lùm dương xỉ cao đến ngang lưng, lá chúng quăn lại nom giống như những cái phễu đồ sộ. Lá màu xanh ngọc bích nhưng thẫm hơn, các cây quý đẳng khinh (*rodgersia aesulifoliai*) với bảy lá hoàn sinh thể mọc tròn xoe. Đâu đâu cũng một không khí bão hòa hơi nước. Ta không thể ngăn mình hỏi:

- Trong cỏ rậm này có rắn không?
- Chưa đến mùa, đầu hè, khi trời dịu đi, chúng mới trở thành nguy hiểm.
- Thế thú dữ?
- Cái đáng sợ không phải là thú dữ mà đúng hơn là người!

Ông giải thích với ta rằng trong thời trẻ của ông, một hôm ông đã gặp ba con hổ. Hổ mẹ và hổ con đi qua gần ông. Con thứ ba, con đực, ngẩng đầu lên và lại gần. Người và hổ nhìn nhau rồi hổ quay mắt đi, đến lượt nó cũng lảng xa.

- Nói chung hổ không tấn công người trong khi người thì theo đuổi hổ khắp nơi để trừ diệt nó. Người ta không tìm ra dấu vết hổ ở miền nam Trung Quốc nữa. Bây giờ cậu phải đặc biệt may mắn mới gặp được một con.

Ông nói điều đó với giọng châm biếm.

- Thế rượu cao hổ cốt người ta bán khắp chốn thì sao?

- Nhảm! Ngay các nhà bảo tàng cũng không thể thu thập được các mẫu vật. Mười năm vừa rồi, người ta không mua được một bộ da hổ nào ở trong cả nước. Một ai đó đã đến một cái làng ở Phúc Kiến để mua một bộ xương hổ, nhưng khi kiểm định, người ta thấy là xương lợn với xương chó.

Ông phá lên cười rồi hết hơi, ông nghỉ một lát thì người vào cái cuộc chim:

- Trong đời tôi, tôi đã thoát chết nhiều lần nhưng chưa bao giờ vì móng vuốt của thú dữ. Một lần, tôi bị cướp bắt, chúng muốn đổi tôi lấy một nén vàng, tưởng tôi xuất thân từ gia đình giàu có. Chúng không hình dung nổi tôi, một sinh viên nghèo, vào núi điều tra lại chỉ có tài sản duy nhất là một cái đồng hồ mượn của

bạn. Một lần khác, trong một trận bom Nhật. Quả bom rơi vào căn nhà tôi ở, làm bay hết ngói nhưng nó lại không nổ. Lần thứ ba, là lúc người ta đầu tở tôi, kết tội tôi là phần tử hữu phái rồi đưa đi lao động cải tạo ở một nông trường. Trong thời kỳ thiên tai, chẳng có gì ăn, người tôi phù sừng hết suýt chết. Chàng trẻ tuổi ơi, tự nhiên không đáng sợ đâu, người mới đáng sợ! Cậu chỉ cần kết thân với tự nhiên là nó sẽ đến với cậu. Con người, hắn ta ấy, dĩ nhiên nếu thông minh, hắn ta sẽ có thể sáng chế ra mọi cái nhưng đồng thời, hắn ta mỗi ngày lại cũng trừ diệt đi mất hai hay ba loài của thế giới. Đấy, cái trò bịp của con người.

Ở trại, ta chỉ có ông để chuyện trò, có thể vì ông là người duy nhất đến từ một thế giới sống động, những người kia, năm này qua năm khác làm việc trong núi này đều lằm lỳ và hà tiện lời như cây cỏ. Vài ngày sau, đến lượt ông cũng ra đi. Ta hơi lo với cái ý ta không thể giao tiếp với những người khác. Ta biết rằng trong mắt họ, ta chỉ là một kẻ ngao du bị cái óc hiếu kỳ nó đùn đẩy. Nói cho cùng, tại sao ta lại vào trong mấy quả núi đây. Phải chăng để thử nghiệm đời sống trong các trại nghiên cứu khoa học này? Cái loại kinh nghiệm này có nghĩa gì chứ? Nếu chỉ là để chạy trốn các khó khăn ta gặp phải thì có một cách còn dễ làm hơn thế. Vậy thì có thể ta mong tìm một cuộc sống khác? Bỏ đi càng xa càng tốt cái thế giới buồn chán đến kinh hoàng của con người. Vì ta chạy trốn thế giới, nên giao lưu với người thì hỏi có tích sự gì? Không biết ta tìm kiếm cái gì, điều này mới chính là mối phiền muộn thật sự. Quá nhiều tư biện, quá nhiều lô-gích. Bản thân cuộc sống không tuân theo lô-gích nào thế tại sao người ta lại cứ muốn suy diễn ý nghĩa của cuộc sống bằng lô-gích? Thế rồi, lô-gích là cái gì? Ta nghĩ, có lẽ ta phải thoát khỏi tư biện bởi vì nghiệp ách của ta nó ra từ đấy.

Ta hỏi lão Ngô, người đã giúp ta bắt con bọ ve, liệu ở đây có còn rừng nguyên sinh không.

Ông trả lời rằng ngày xưa chung quanh đây đều chỉ là um tùm rừng nguyên sinh.

Ta bảo ông điều đó hiển nhiên nhưng ta muốn biết là bây giờ ta còn có thể tìm ra rừng nguyên sinh ở đâu không.

- À, thì đi đến Đá Trắng ấy. Chúng tớ đã vạch ra một đường nho nhỏ.

Ta hỏi ông có phải đấy là hòn đá trắng nổi lên ở giữa cái biển rừng xanh thẳm, trên đỉnh một vách đá mà người ta vào bằng con đường mòn băng qua một khe vực, ở bên dưới trại hay không.

Ông gật đầu.

Ta đi đến đây, rừng dày đặc hơn nhiều, nhưng trong các khe vực, những thân cây to tướng đen sì chưa bị lũ các con sông cuốn đi nằm ngổn ngang.

– Ở đây người ta cũng đốn hạ cây, ta nói.

– Đây là trước khi mở khu bảo tồn tự nhiên.

– Rút cục thì trong khu bảo tồn tự nhiên này vẫn còn một rừng nguyên sinh chưa mang tàn tích phá phách của con người phải không?

– Đúng thế, phải đi đến sông Chính.

– Có thể được ư?

– Ngay chúng tớ, với đủ vật liệu và thiết bị, chúng tớ cũng chưa hề đi tới khu vực chính giữa của nó. Đây là những hẻm núi hun hút, địa hình địa thế phức tạp, núi tuyết ở độ cao năm sáu nghìn mét vây kín chung quanh.

– Làm thế nào đi xem được một rừng đích thật nguyên sinh.

– Điểm gần nhất nên đến là 11M 12M.

Ông nói đến một điểm trắc địa ghi trên bản đồ, dùng trong khảo sát địa hình bằng máy bay.

– Nhưng cậu, cậu không đến đó một mình được đâu.

Ông giải thích rằng năm ngoái, có hai người tốt nghiệp đại học vừa được phân công đến trại đã ra đi, mang một la bàn và một gói bích quy theo, định ninh không có chuyện gì xảy ra được, nhưng chiều tối, họ không trở về. Chỉ đến cuối ngày thứ tư, một người trong họ leo lên đường cái đã được một đoàn xe đi Thanh Hải trông thấy. Người ta xuống trở lại tìm, người bạn anh ta đã đói lả. Ông dặn ta đừng bao giờ đi xa một mình, cảnh báo ta rằng nếu ta thật sự muốn đi xem rừng nguyên sinh thì hãy chờ dịp một người trong bọn họ đến điểm 11M 12M tác nghiệp thu thập các tín hiệu hoạt động của gấu trúc.

Dừng lại trả lời câu hỏi

Nhân vật “ta” thực hiện chuyến lữ hành đi tìm Linh Sơn. Trong chương này, “ta” có một kinh lịch quan trọng – đi vào một rừng nguyên sinh “hạng hai”. Nhưng có lẽ trải nghiệm quan trọng hơn lại là cuộc trò chuyện cùng nhà thực vật học. Bạn có suy nghĩ gì về luận bàn mối quan hệ giữa loài người và tự nhiên của nhà thực vật học này?

Mi biết ta chẳng qua là tự chuyện trò với bản thân để giải nỗi cô đơn. Mi biết cô đơn của ta là vô phương cứu chữa, không ai khuây khỏa được, ta chỉ có thể nhờ cậy vào ta để làm đối tác cho các cuộc nói năng của ta.

Trong cuộc đối thoại dài này, “Mi” là đối tượng mà ta thuật tả, là bản thân ta đang nghe ta, “Mi” chẳng qua là cái ảnh của ta.

Lúc ta nghe Mi hay ta bản thân, ta đã cho Mi tạo ra nàng, vì Mi cũng giống như ta, đều không chịu được cô đơn, cũng đều cần tìm ra một đối tượng nói chuyện.

Thế là Mi vui vì nàng, cũng như ta vui vì Mi.

Phái sinh ra từ Mi, đến lượt nàng lại xác nhận lại ta.

Đối tượng chuyện trò của ta, Mi đã đem kinh lịch và tưởng tượng của ta chuyển ra thành quan hệ giữa Mi và nàng, mà không thể phân biệt được tưởng tượng ra với kinh lịch.

Ngay ta cũng không làm rõ được trong kỷ niệm và ấn tượng của ta có bao nhiêu phần là mộng mị, thì làm sao Mi lại có thể phân tách ra được kinh lịch và tưởng tượng của ta cơ chứ?

Nàng, cái tạo vật của kinh lịch và tưởng tượng kia, đã biến thành một thứ hoang tưởng, nó diều lượn, dụ dỗ Mi chỉ là bởi vì cái tạo vật Mi này cũng muốn dụ dỗ nàng, cả hai đều không chịu được cô đơn.

Trên đường đi, nhân sinh vui buồn cũng là đường đi, ta đắm chìm trong tưởng tượng, ta cùng cái hình phản ánh của ta tức là Mi, kẻ làm cuộc đi nội tâm, trong hai cuộc đi này, cuộc nào quan trọng? Vấn đề cũ rích nhưng phiền lòng này có thể biến sang thành cuộc thảo luận cái nào chân thực hơn, có lúc lại hóa thành cái gọi là biện luận, cái này do con người tách bạch ra chứ đối với ta chìm đắm trong cuộc đi hoặc Mi trong cuộc thần du, cuộc đi trong nội tâm, thì há có quan hệ gì đâu?

Mi trong cuộc đi nội tâm, ta trong cuộc đi tâm tư tràn đầy thế giới của bản thân, hai chúng ta càng đi xa càng tiếp cận nhau, tới lúc không khỏi khó lòng tách được ta và Mi ra khỏi nhau, lúc đó lại cần phải lùi bước, để hở ra một khoảng cách nhất định, khoảng cách này là hấn, hấn chính là hình ảnh Mi khi quay đầu lại để rời bỏ ta.

Vô luận là ta hay hình tượng phản ánh của ta thì mặt mũi hấn thế nào đều không nhìn thấy, biết đó là một ảnh tượng ở đằng sau là đủ rồi.

Mi, cái tạo vật ta đẻ ra, nàng, cái được Mi tạo ra, diện mạo dĩ nhiên đều là hư ảo, thế thì làm sao cứ phải cố mà miêu tả?

Nàng chỉ là một hình ảnh lơ mơ hiện ra nhờ liên tưởng, chập chờn không rõ rệt trong ký ức, hướng hồ, cái hình ảnh nàng này lại không ngừng biến đổi.

Đối với Mi và ta, cái gọi là các nàng chẳng qua chỉ là tập hợp các hình ảnh khác nhau của nàng, chỉ có vậy mà thôi.

Họ, đó cũng lại là nhiều hình tướng của hấn. Thế giới bao la, nơi mà cái lý kỳ nào chẳng có, đều là ở ngoài Mi và ta. Nói cách khác, đều chỉ là phóng chiếu của bóng hình đằng sau lưng của ta, không thể rũ bỏ được, đã không rũ bỏ được thì là không thể rũ bỏ, vậy hà tất phải rũ bỏ?

Mi có biết chú ý tới hay không? Khi ta nói ta và Mi và nàng và hấn, thậm chí cả đến các hấn chứ tuyệt nhiên không hề nói chúng ta bao giờ. Ta cho rằng cái “chúng ta” khó hiểu và đạo đức giả ấy quả thật là thừa.

Đối với ta, thì Mi và nàng và hấn, thậm chí các hấn và các nàng, tuy là những hình ảnh hư ảo nhưng đều là có nội dung hơn so với cái gọi là “chúng ta”. Nếu như ta nói tới chúng ta, lập tức ta do dự, trong cái này rút cục có bao nhiêu ta? Hay là có bao nhiêu Mi, cái hình ảnh làm mặt đối lập của ta, có bao nhiêu hấn, cái hình ảnh đằng sau lưng của ta, cũng như là có bao nhiêu nàng, cái hoang tưởng do ta và Mi phát sinh ra, hoặc giả có bao nhiêu “các hấn” cùng “các nàng”? Điều hư giả nhất cũng phải thua kém cái chúng ta này.

Thế nhưng ta có thể nói chúng Mi; lúc ta đối diện nhiều người, ta nếu không lấy lòng thì là quở trách, hoặc tức giận, hoặc mừng rỡ, hoặc khinh bỉ, ta đều ở địa vị chắc chắn vững vàng, thậm chí so với bất cứ lúc nào ta cũng thấy ta mạnh mẽ. Thế nhưng chúng ta thì có cái nghĩa gì đây? Trừ một thứ vờ vĩnh điệu bộ mà người ta không thể tìm ra phương chữa trị. Cho nên ta luôn lẩn tránh cái “chúng ta” ồn ỉn, đạo đức giả, không ngừng bành trướng kia. Nếu một ngày nào đó ta phải tới bước dùng đến “chúng ta” thì đó sẽ là một dấu hiệu của sự hèn yếu, một sự trống rỗng không thể chịu được ở ta.

Ta đã lập ra cho bản thân ta thứ hệ thống này, hoặc là nói một thứ lô gích này, hoặc là một thứ nhân quả. Trong cái thế gian hỗn độn này, con người luôn dựng xây nên các hệ thống, lô gích, quan hệ nhân quả để tự khẳng định. Tại sao ta không tự sáng chế chúng ra cho ta? Làm được như thế ta có thể trốn chạy vào trong chúng, an thần lập mệnh ở trong chúng, yên ổn với lương tâm ở trong chúng.

Nhưng toàn bộ bất hạnh của ta lại ở chỗ đã gọi thức dậy cái con quỷ rủi ro là Mi. Thật ra Mi không bất hạnh, bất hạnh của Mi bắt nguồn hoàn toàn từ ở ta,

nó đến duy nhất từ cái tình yêu ta dành cho bản thân ta. Cái ta đáng ghét này chỉ yêu nó, yêu đến chết bản thân nó.

Thượng Đế và ma quỷ vốn dĩ có hay không không biết, đều do Mi gọi đến, Mi vừa là hiện thân hạnh phúc vừa là hiện thân tai họa của ta, khi Mi biến đi, Thượng Đế và ma quỷ cũng đồng thời quay trở về với cái hư vô.

Ta chỉ rữ bỏ được bản thân chừng nào ta tháo gỡ được Mi ra. Nhưng đã gọi Mi ra rồi thì ta làm sao rữ bỏ được Mi nữa? Ta thầm hỏi: Nếu ta đổi chỗ cho Mi thì kết quả sẽ ra sao? Nói cách khác, nếu thế ta sẽ là cái bóng của Mi còn trái lại, Mi sẽ thành thực thể của ta, trò chơi này ngộ đấy.

Phân tích cho cùng, triết học cũng là một trò chơi trí tuệ, nó nằm ở các địa đầu mà toán học và các khoa học thực chứng không thể đi tới, nó cung cấp các cấu trúc và khung khổ đủ kiểu loại. Khi các cấu trúc hoàn thành, trò chơi liền kết thúc.

Tiểu thuyết và triết học khác nhau ở chỗ tiểu thuyết là sản phẩm của cảm tính, nó giằm các mã số tín hiệu xây dựng nên một cách độc đoán vào dung dịch các dự vọng, khi nào hệ thống này hóa giải thành ra các tế bào thì cuộc sống xuất hiện. Lúc ấy người ta thấy nó thai nghén và sinh nở, cái điều còn bỏ ỉch, lý thú hơn các trò chơi trí tuệ, nhưng lại giống với cuộc đời, nó chẳng ứng cho bất cứ mục đích nào hết.

Dừng lại cùng thảo luận

1. Đọc kỹ chương 52 này bạn có thể hiểu được mối quan hệ của bộ ba “ta-mi-hắn” trong tiểu thuyết *Linh Sơn*. Hãy suy ngẫm câu sau một lần nữa “Ngay ta cũng không làm rõ được trong kỷ niệm và ấn tượng của ta có bao nhiêu phần là mộng mị, thì làm sao mi lại có thể phân tách ra được kinh lịch và tưởng tượng của ta cơ chứ?” Về phần bạn, bạn có phân biệt được *kinh lịch* và *tưởng tượng* hay không?
2. Theo bạn “dùng ngôi nhân xưng thay cho nhân vật” nghĩa là như thế nào?
3. Bạn có đồng ý với luận bàn của “ta” về cái gọi là “chúng ta” hay không? Khi đọc *Những lời bạch bạch* của Rousseau, có thể bạn nghĩ đến lời của Pascal “Cái tôi thật đáng ghét”. Giờ đây đọc *Linh Sơn* đến chương 52 này, bạn có thấy “Cái ta cũng thật đáng ghét” hay không?

- Đây không phải là tiểu thuyết!
- Vậy là gì? Hấn hỏi.
- Tiểu thuyết phải có một chuyện đủ đầu đuôi hấn hỏi.

Hấn nói hấn cũng kể chuyện, nhưng một số nào đó kể đủ đầu đuôi, một số khác thì không.

- Nếu không tôn trọng một trật tự nào cả thì tác giả không biết dắt đưa tình tiết đi như thế nào nữa đâu.
- À được, xin anh cho biết dắt đưa như thế nào vậy đây.
- Trước hết phải có mở đầu, rồi phát triển, đến cao trào và kết thúc. Đó là những kiến thức cơ bản để viết tiểu thuyết.

Hấn hỏi liệu có cách viết nào ở ngoài những tiêu chuẩn cơ bản kia không. Với chuyện, người ta kể một số chuyện bằng bắt đầu từ đâu, một số khác bằng kết cục, một số có mở đầu nhưng không có kết cục, một số chỉ có kết cục hay một phần, không thể kể lại cho đến hết, một số có thể kể lại hết nhưng không phải luôn là cần thiết vì chẳng có cái gì hay đáng kể lại; vậy mà tất cả vẫn đều là chuyện.

- Anh muốn kể chuyện của anh như thế nào đi nữa thì chuyện vẫn cần phải có một nhân vật chính, đúng không? Một cuốn tiểu thuyết muốn gì cũng phải có nhiều nhân vật chính nhưng ở anh?...

- “Ta”, “mì”, “nàng”, “hấn” trong sách tôi chẳng lẽ không phải là nhân vật? Hấn hỏi.

- Chẳng qua là những nhân xưng khác nhau. Thay đổi góc độ thuật kể, anh cũng không miễn được cái việc khắc họa chân dung nhân vật đâu. Dù anh coi các nhân xưng đó là nhân vật đi nữa thì sách của anh cũng chẳng có một hình tượng rõ rệt nào. Mà đến miêu tả trong đó cũng không thể nói là có được nữa cơ.

Hấn nói hấn không vẽ chân dung.

- Đúng thế, tiểu thuyết không phải là hội họa, nó là nghệ thuật ngôn ngữ. Nhưng anh tưởng sự tán hót giữa các nhân xưng ấy với nhau là thay được cho việc dựng tính cách nhân vật hay sao?

Hấn nói hấn cũng không có ý định dựng tính cách một nhân vật nào, bản thân hấn cũng không biết là hấn có tính cách nữa không cơ.

- Anh viết cái tiểu thuyết gì vậy đây? Chính anh cũng không hiểu tiểu thuyết là gì mà.

Hắn bèn kính cẩn xin ngài vui lòng cho hắn một định nghĩa về tiểu thuyết.

Nhà phê bình cuối cùng với vẻ mặt khinh khỉnh, rít qua kẽ răng:

- Lại một cha hiện đại chủ nghĩa bắt chước phương Tây mà bắt chước không giống.

Hắn nói ra đây là một tiểu thuyết phương Đông.

- Ở phương Đông càng có ít hơn các thủ pháp kỳ quái như vậy, anh đem các chuyện du lịch, các diễn giải về đạo đức, cảm tưởng, bút ký, tiểu phẩm, nghị luận bất thành lý luận, ngụ ngôn cũng chẳng ra ngụ ngôn rồi chép thêm vào ít dân ca, ca dao cộng với chuyện ma quỷ bịa đặt lằng nhằng không ra thần thoại, tất cả cái đó trộn bát nháo vào với nhau và nghiêm nhiên coi là viết tiểu thuyết.

Hắn nói các sách địa phương chí thời Chiến quốc, các bản viết về người về quái thời Lưỡng Hán, Ngụy Tấn Nam triều Bắc triều, các truyền kỳ đời Đường, các thoại bản đời Tống Nguyên, chương hồi và bút ký Minh Thanh, từ cổ cho đến nay, chuyện kể đầu phố, diễn giải đạo đức, các ghi chép về các điều kỳ lạ đều là tiểu thuyết cả, chưa từng có ai đặt ra quy tắc tất cả.

- Anh lại còn thuộc cả vào trường phái truy tìm gốc rễ nữa cơ đấy ý?

Hắn vội giải thích rằng các nhãn hiệu đó chính là ngài dán lên thôi. Nếu hắn viết tiểu thuyết thì là để cho khỏi bị khổ sở vì cô đơn, là để cho thú vui của riêng bản thân hắn. Hắn không nghĩ rồi hắn sẽ bước vào cái khung của giới văn học, ngay bây giờ hắn đã muốn bước ra khỏi cái đó rồi. Hắn vốn không hy vọng kiếm ăn bằng các loại sách vở này; với hắn tiểu thuyết là một món xa xỉ, xa vời với mọi kế mưu sinh.

- Hư vô chủ nghĩa!

Hắn nói thật là hắn chẳng có cái chủ nghĩa nào, thế nên mới sa vào hư vô, và chẳng, hư vô hình như không có nghĩa là trống không, cũng giống như Mi, cái ảnh tượng của ta trong truyện, mà hắn lại là ảnh tượng phía sau của Mi, một hình ảnh của hình ảnh, tuy không có mặt mũi nhưng vẫn cứ coi được là một đại từ nhân xưng.

Nhà phê bình phát tay áo đi.

Hắn trái lại phân vân, không rõ cái được gọi là quan trọng ở trong tiểu thuyết có phải là ở chỗ kể chuyện hay không? Hay là ở cách kể? Hay là không phải ở cách kể mà là ở thái độ của lúc kể? Hay là không phải ở thái độ mà là ở

chỗ xác định thái độ? Hay là không phải ở xác định thái độ mà là ở điểm xuất phát của việc xác định thái độ? Hay nếu không phải điểm xuất phát đó thì là cái tôi của điểm xuất phát? Hay nếu không phải cái tôi thì là sự cảm nhận cái tôi? Hay nếu không có sự cảm nhận cái tôi thì là quá trình cảm nhận? Hay nếu không phải quá trình ấy mà là chính bản thân hành vi? Hay nếu không phải bản thân hành vi mà lại chính là tính khả năng của hành vi ấy? Hay nếu không phải tính khả năng ấy mà lại là sự lựa chọn tính khả năng ấy? Hay nếu không sự lựa chọn ấy mà là sự tất yếu của lựa chọn? Hay nếu điều quan trọng không ở trong tính tất yếu mà là ở trong ngôn ngữ? Hay nếu không phải ở trong bản thân ngôn ngữ mà là ở chỗ ngôn ngữ có mùi vị hay không? Ấy vậy mà hần chỉ là có mỗi việc say sưa sử dụng ngôn ngữ để kể chuyện đàn ông đàn bà, tình yêu, đam mê và tính dục, cái sống và cái chết, tâm hồn, niềm vui và nỗi đau khổ của thể xác con người ở trong xác thịt nó và con người ở trong các quan hệ chính trị, và sự chạy trốn của con người ở trước chính trị, và cái hiện thực mà người ta không thể chạy trốn, và sự tưởng tượng ở ngoài cái hiện thực và trong hai thì cái nào thật hơn, và sự phủ định của phủ định với cái mục đích hữu lợi nó không tương đương với tính tất yếu, và tính phi lý của lô gích, và việc giữ khoảng cách đối với suy nghĩ hợp lý ra khỏi cuộc thảo luận về nội dung và hình thức, và hình thức có ý nghĩa và nội dung không có ý nghĩa và thế nào là ý nghĩa, thế nào là sự quy định đối với ý nghĩa và Thượng Đế là ai cũng muốn làm và sự sùng bái các ngẫu tượng vô thần và sự thèm của tự ngã được phong là triết gia và tình yêu bản thân và lãnh cảm mà hóa điên loạn, dẫn tới tẩu hỏa nhập ma và các bản lĩnh siêu phàm và tâm thần phân liệt và sự ngồi thiền và sự ngồi mà không thiền nổi và lằm tưởng và đạo dưỡng thân không phải là đạo và đạo có thể nói và đạo không thể nói và đạo không thể không nói và một và sự nổi loạn chống lại cái một dung tục một gây đánh chết tươi và đánh trẻ con và trước hết cho ra nền giáo dục nhồi vào bụng chúng đầy mực và đũa nào gần mực thì đen và đen thì có gì là xấu và người tốt người xấu không phải là người và tính người lại ác hơn tính sói và ác nhất là kẻ khác, là địa ngục tức là ở ngay trong tâm địa và tự tìm lấy phiền não và niết bàn và tất cả đều đã hết và cái gì không hiện hữu và cái gì hiện hữu hiện hữu và không hiện hữu và sinh thành của kết cấu của sinh thành ngữ pháp và cái gì chưa nói không có nghĩa là không nói và nói cũng vô ích đối với biện luận về công năng và chiến tranh giữa nam nữ chẳng ai thắng ai trong đó và đánh cờ chỉ tiến hay lui quân cờ tức là di dưỡng tính

tình tức là cái gốc của nhân tính và người phải ăn cơm và chết đói là chuyện nhỏ, thất tiết mới là sự lớn và chân lý không thể phán đoán và bất khả tri luận và kinh nghiệm là không đáng dựa vào, chỉ cái gây đáng dựa và đáng ngẫm thì phải ngẫm và đả đảo tiểu thuyết cách mạng của văn học mê tín và cách mạng tiểu thuyết và cách cái mạng của tiểu thuyết.

Chương này có thể đọc có thể không đọc nhưng đọc rồi thì thôi cứ đọc.

Dừng lại cùng thảo luận

1. Nửa trước chương 72 này cho thấy cuộc tranh luận về tiểu thuyết giữa “hắn” và nhà phê bình. Theo bạn, thế nào là tiểu thuyết?
2. Tranh luận bất phân thắng bại, nhà phê bình đổi bỏ đi, “hắn” ngồi phân vân suy nghĩ mãi. Bạn thử đếm xem “hắn” đã phân vân với bao nhiêu câu hỏi? Có bao nhiêu liên từ “và” xuất hiện trong trường đoạn nói về những ngổn ngang nội dung đề tài tiểu thuyết mà “hắn” sáng tác?

76

Sau chuyến lang thang dài trong cô quạnh, hắn đến trước một ông lão chống gậy, áo chùng. Hắn xin ông lão lời khuyên bảo:

- Phiên ông. Linh Sơn ở đâu ạ?
- Anh từ đâu đến? Ông lão vặn lại.

Hắn đáp hắn đến từ Ô Y.

- Ô Y? Ông lão nghĩ một lát. À, bên kia sông.

Hắn nói đúng là hắn từ bên kia sông sang, hắn có đi lầm đường không.

- Đường thì không lầm. Lầm là người đi đường.
- Thưa ông nói hoàn toàn đúng ạ.

Nhưng hắn muốn hỏi ông lão Linh Sơn có phải là ở bên này sông không.

- Bảo nó ở bờ bên kia thì nó ở bên kia chứ, ông lão trả lời đầy vẻ sốt ruột.
- Hắn nói hắn đã từ bờ bên kia đi sang bên này.

– Càng đi càng xa, ông lão cả quyết nói.

– Vậy có phải quay lại không ạ? Hấn lại hỏi.

Trong thâm tâm hấn tự nhủ hấn thật tình chẳng hiểu gì.

– Tôi nói như thế là rõ lắm rồi, ông lão lạnh lùng đáp.

– Vâng ông nói đúng, thưa ông, nói rất rõ...

Vấn đề là ở chỗ hấn chưa rõ.

– Còn cái gì chưa rõ chứ? Ông lão hỏi, chăm chăm nhìn hấn, hai hàng lông mày rậm.

Hấn nói cuối cùng hấn vẫn không hiểu đi như thế nào thì đến Linh Sơn.

Ông lão nhắm mắt lại, định thần.

– Ông chẳng phải là đã nói nó ở bên kia sông đấy phải không?

Hấn không thể không hỏi lại.

– Thế nhưng tôi đã đến bờ sông bên này rồi.

Ông lão sốt ruột ngắt lời hấn: – Thế thì nó ở bên kia sông.

– Thế so nó với thị trấn Ô Y thì nó ở đâu?

– Thì nó ở đằng ấy, bên kia sông.

– Nhưng đúng là tôi đã từ Ô Y sang bên này sông đấy mà. Ông nói bờ sông bên kia có phải muốn nói bờ bên này chẳng?

– Chẳng phải là anh muốn đi Linh Sơn đấy ư?

– Đúng thế.

– Thì nó ở đằng ấy, bờ sông bên kia đấy.

– Ông lão ơi, có phải ông lão đang nói siêu hình học đấy phải không?

Ông lão lại nói với cái giọng rất nghiêm túc:

– Anh chẳng đã hỏi đường tôi đấy ư?

Hấn nói hấn có hỏi.

– Thì đấy, tôi đã mách anh.

Ông lão chống gậy bỏ đi, từng bước xa dần dọc sông, không màng tới hấn nữa.

Còn lại hấn một mình đơn độc ở bờ bên này sông, bờ bên kia của thị trấn Ô Y; bây giờ vấn đề là rút cục thì Ô Y ở về bờ bên nào của sông, hấn thật tình không còn biết thế nào nữa. Chỉ nhớ đến một ngàn năm trước đã mấy nghìn năm: “Có cũng về, không cũng về, đừng ở bên sông gió lạnh thổi”.

Luyện tập cuối bài

1. Bộ đôi “Ta/ta-mi/Mi” đi suốt tiểu thuyết *Linh Sơn* và có thể được xem là cặp nhân vật – phân thân của cùng một con người. Riêng trường hợp “Hắn” thì có thể xem là ngôi nhân xưng dùng để chỉ *những hắn* (tương tự như ngôi nhân xưng “Nàng” vậy). Ví dụ, trong mỗi chương dẫn trên ta thấy đều có một “hắn”.
 - a. Bạn hãy thống kê sự xuất hiện của các “hắn” trong chuỗi chương đã dẫn và cố gắng trả lời xem – rốt cuộc các “hắn” đó có thể được quy chỉ vào những ai? (gợi ý – chẳng hạn “hắn” ở chương 72 và “hắn” ở chương 76 dường như là một, trong lúc cái “hắn” ở chương 8 thì lại chỉ toàn bộ loài người).
 - b. Đọc kỹ chương 52 và thử nghĩ xem có phải cái “hắn” trong chương này lại là kẻ có thể ngang hàng với bộ đôi “Ta/Mi” tạo thành bộ ba “Ta-Mi-Hắn” (nghe ngấm thật kỹ đoạn này: *Mi trong cuộc đi nội tâm, ta trong cuộc đi tâm tư tràn đầy thế giới của bản thân, hai chúng ta càng đi xa càng tiếp cận nhau, tới lúc không khỏi khó lòng tách được ta và mi ra khỏi nhau, lúc đó lại cần phải lùi bước, để hở ra một khoảng cách nhất định, khoảng cách này là hắn, hắn chính là hình ảnh mi khi quay đầu lại để rời bỏ ta.*).
2. Bạn hãy nhớ lại chuỗi chương dẫn *Linh Sơn* trên lần lượt “nói về” những chuyện gì? Bạn có thể “nói lên” chủ đề của từng chương này không? Trước lúc viết câu trả lời ra thành một đoạn văn, bạn hãy xác định nội dung cơ bản của đoạn bằng chỉ cụm từ (ví dụ, nội dung chương 72 có phải xoay quanh cụm từ “Tiểu thuyết là gì”? Tất nhiên không phải chương nào cũng có thể quy về một nội dung, như chương 8 có nửa trước phiếm luận chuyện “viết sử”, nửa sau chuyển sang câu chuyện “văn hóa lễ hội”).
3. Như đã nói, vấn đề ngôi nhân xưng là một vấn đề rất thú vị ở tiểu thuyết *Linh Sơn*. Nếu có điều kiện, bạn thử đọc *Trí nhớ suy tàn* của Nguyễn Bình Phương, 1998, và tìm hiểu xem có phải đại từ “em” trong tiểu thuyết này dường như vừa có thể hiểu là ngôi thứ nhất, thứ hai và cả ngôi thứ ba nữa?

BÀI 15

CÔ BÉ NHÌN MƯA

(của Đặng Thị Hạnh)

Người viết

Tôi không viết được cuốn *Cô bé nhìn mưa* liền một mạch. Cuốn sách tận năm 2008 mới xuất bản (lúc tôi đã 78 tuổi), nhưng từ lâu trước đây, tôi đã muốn viết một cái gì đó về thời thơ ấu của tôi, có lẽ vì từ nhỏ đã đọc quá nhiều tiểu thuyết. Biết rõ mình không được trời phú cho khả năng hư cấu, cái chỉ được ban cho những con người đặc biệt, tôi tự bằng lòng với những bài viết ngắn ghi lại những ký ức nho nhỏ nhưng thật khó quên.

Khoảng năm 1977, sau khi chiến tranh kết thúc, vào đêm giao thừa, lần đầu tiên sau mấy chục năm, tôi có được một giò thủy tiên, đặt trên bàn phòng khách: cô em gái út chuyên nghề trồng hoa lan rừng, cho tôi từ mấy hôm trước, nói rằng hoa sẽ không nở đúng đêm giao thừa vì ta còn ít kinh nghiệm. Dù sao từ mùi hương vừa nhẹ vừa ngọt ngào, từ vẻ đẹp của những cánh hoa mong manh ấy, tôi cũng đã viết được bài *Thủy tiên* đăng trên báo *Phụ nữ Việt Nam*, lúc ấy còn được in trên một thứ giấy đen đen, thô ráp. Bài này chính là cái “lỗi” để sau này tôi triển khai phần viết về Hà Nội trước cách mạng trong *Cô bé nhìn mưa*.

Từ năm 1983 trở đi, nhóm Văn học Pháp của khoa Văn chúng tôi, được đi những cuộc trao đổi và đọc sách (để sau đó viết giáo trình) với trường Paris VII ở Paris. Năm 1984, chuẩn bị kỷ niệm 100 năm ngày mất của Hugo, bạn bè Paris VII gửi cho tôi nhiều sách về ông: mùa thu năm 1984, tôi làm việc một cách khó nhọc, vì tuy đã có ý tưởng và cấu trúc cuốn sách nhưng vẫn không sao “khởi động” được, để ghi trên giấy những giòng đầu tiên. Bên cạnh tôi, đứa cháu ngoại bốn tuổi cũng xem những cuốn sách to, dày, đầy ảnh đẹp. Những “bình luận” của nó giúp tôi viết bài *Nhà đại văn hào và cậu bé* cũng được in trên báo *Phụ nữ Việt Nam*. Rồi cũng theo hướng viết về một thời thơ ấu cách tôi hai thế hệ, tôi gửi cho báo *Văn nghệ* bài *Bốn câu chuyện nhỏ về một cô bé sáu tuổi*. Rồi cả mấy đứa cháu đều đã ra đi theo bố mẹ chúng, và chỗ trống chúng để lại trong tôi, khiến tôi viết cuốn *Bà và cháu*, vắn vắn có 170 trang in ở Nhà xuất bản Phụ nữ năm 1994 (Đầu

tiên, tôi đặt tên cuốn sách viết về hai thời thơ ấu cách nhau gần 50 năm này là *Hồi ức màu lục nhạt*: vì hồi ký lúc đó rất khó in (vào cuối thế kỷ, không hiểu sao mọi người lại hay hồi tưởng lại cuộc đời mình đến thế?), người biên tập sách đã đề nghị đặt tên *Bà và cháu* để xếp vào loại sách giáo dục của nhà xuất bản, dễ in hơn). Chất liệu lấy ra từ cuốn sách này sẽ giúp tôi viết *Cô bé nhìn mưa*.

Từ bài viết đầu tiên cho đến năm 2007 là năm tôi thực sự bắt tay vào viết cuốn hồi ức, tôi luôn định ninh rằng tất cả chất liệu cuốn sách đều đơn giản được rút ra từ những ký ức in trong trí nhớ của tôi, từ những ngôi nhà, những khu vườn đến những con người tôi gặp trên con đường của đời tôi, có những người tôi chỉ gặp thoáng qua, hoặc cùng làm việc trong một thời gian ngắn mà ấn tượng vẫn khó quên. Tôi biết trí nhớ qua thời gian cũng có khi sai, nhưng khi tôi miêu tả ai đó hoặc cảnh vật nào đó, tôi thấy cảnh và người vẫn như còn trước mắt tôi, những giọt mưa rơi, đuổi nhau trên sân ông ngoại, mùi lá sen khô vào mùa thu trong khu vườn làng Yên Lộ, khi hoa đã tàn.

Vào lúc viết tôi nghĩ chẳng có cái gì khác xen vào, (trừ những cuốn sách tôi phải đọc thêm về ông nội, ông ngoại tôi – tôi khám phá ra rằng thực ra hai cụ không chỉ là những nhà nho uyên bác và yêu nước mà còn có tính cách rất độc đáo, ngộ nghĩnh). Cũng vào thập kỷ 80 – như trên đã nói – để viết Hugo, sau đó là tham gia viết cùng với nhóm chuyên môn tập *Lịch sử văn học Pháp* và tập *Tuyển tác phẩm văn học Pháp*, tôi đã đi đọc sách nhiều lần ở các thư viện Paris. Vì là chủ biên của cuốn *Lịch sử văn học Pháp thế kỷ XX*, tôi đã phải đọc kỹ các tác gia của thế kỷ này, đặc biệt tác phẩm *Đi tìm thời gian đã mất* của Proust, nhà văn được coi như vào loại lớn nhất của văn học Pháp thế kỷ XX. Tôi đã dịch (và đã rất thích) nhiều đoạn trong tập *Bên phía nhà Swann* trong đó có nhiều chi tiết lấy từ thời thơ ấu của nhà văn. Cho đến sau khi sách đã xuất bản và được đọc các bài điểm sách của đồng nghiệp và bè bạn, tôi mới hiểu rằng, một cách vô thức, cả quá trình làm việc và suy ngẫm ấy đều đã ảnh hưởng đến cuốn sách của tôi.

Để các bạn có thể hiểu thêm về điều này, thay vì cho việc tự nhận xét về sách mình, sau phần trích tác phẩm, tôi đưa thêm phần trích các bài điểm sách và vài giòng của một bài nghiên cứu so sánh.

Điều sau cùng tôi muốn nói là sau khi đọc *Cô bé nhìn mưa*, một số người trong gia đình và bè bạn có nói với tôi rằng trong sách còn có những câu chuyện chưa kể hết và những vấn đề còn “treo”. Tôi nghĩ điều đó là khó tránh.

Mời các bạn đọc các đoạn trích trong tác phẩm *Cô bé nhìn mưa* của Đặng Thị Hạnh.

Tết ở làng Quỳnh

[...] Dĩ nhiên tàu ngày Tết đông không thể tưởng được và các anh (học trò của ba tôi) đã chuyển tôi qua cửa sổ vào trong toa, rồi đứng vây xung quanh tôi một lúc để con bé đỡ bị chết bẹp. Chỉ một lúc nữa thôi, các anh nói như vậy, tàu lắc cho một hồi là đầu sẽ vào đấy (giống như mẹ tôi lắc cái hộp khi bỏ đường hoặc đồ vào). Quả nhiên, chỉ một lúc sau, tôi đã ung dung ngồi trên lòng ông cậu tôi và nhìn qua cửa sổ, tôi thấy đồng ruộng rồi sau đó là đồi núi thi nhau chạy vun vút về phía sau. Rồi trời tối sập xuống, tàu chạy trong đêm tôi thấy im lặng như tờ quanh tôi, cho tới khi một hồi còi dài náo nức vang lên, và tàu đột ngột dừng lại. Đêm 30 Tết trời tối đen như mực mà sân ga thì vắng lặng, rét buốt dưới mưa phùn. Nửa thức nửa ngủ, tôi lại lăn trên chiếc xe tay gập ghềnh trên đường nhựa, rồi đường đất. Qua mưa phùn tôi cố đoán biết trong bóng đêm bóng dáng của các “lèn” rải rác hai bên đường, cái nào trong đó là cái báo hiệu vận mệnh của làng Quỳnh? Hàng mấy chục năm sau, khi hai cuộc chiến tranh đầu đã kết thúc, và dân làng Quỳnh đột ngột thấy mình mất đi trong những tình huống kỳ lạ, một trong những cán bộ cao cấp vốn là niềm tự hào của họ, thì một người bạn tôi về thăm quê ở làng bên cạnh, lúc trở ra nói với tôi rằng anh đã đứng rất lâu trước cái lèn Bèo nay đã bị đẽo gọt không còn chút gì nữa, làng Quỳnh hết quan rồi, anh nói vậy: người dân vẫn chỉ chung dưới cái từ này cả các quận công, danh sĩ, án sát thời xưa, cả các “cụ cố” ngày nay. Còn mẹ tôi duy nhất chỉ có một lần nói với tôi về niềm tự hào của bà: ngược gia phả họ Hồ lên bảy đời có tên nàng Hồ Xuân Hương, người chẳng có gì chung cả với các ông quan mọi thời đại, cả với gương mặt dịu dàng và tính nét đoan trang của mẹ tôi.

Vào những ngày tết năm ấy, thì tôi chưa biết gì về mọi sự “trọng đại” này. Chiếc xe tay đang đi gập ghềnh bỗng nhiên đứng lại, có hai bàn tay ấm nhắc tôi ra khỏi xe và mở mắt ra tôi đã nhìn thấy gương mặt dì tôi sáng rực dưới ánh đèn, đôi lông mày dài và mảnh như nét vẽ: “Em đi đường có lạnh không?”.

Giọng Nghệ của dì tôi nghe ấm áp và âm của nó tròn trịa chứ không bèn bẹp như tiếng người làng Quỳnh, dì tôi dẫn tôi vào đến chào ông tôi rồi ôm

tôi, vùi vào trong chăn. Tôi mơ mơ màng màng nhìn qua cửa sổ thấy mưa phùn ngày Tết đang lao vào trong nhà như những cái kim bạc sáng loáng dưới ánh đèn.

Ngoài trời rét quá mà trong nhà thì ấm, ngào ngạt mùi hương trầm, mùi hương tôi chỉ gặp một lần khi về quê ăn Tết, ở ngoài kia ba mẹ tôi không cúng giỗ bao giờ. Có ánh nến lung linh trên giường thờ, nơi các rèm lụa điều đã được cuốn lên, tôi còn cố mở hai mi mắt đã nặng trĩu để nhìn thấy ông tôi đầu đội khăn xếp, cao và gầy, hai vai ngang, đang quỳ lạy trước vong hồn tổ tiên, ông tôi thì thầm cầu khẩn những gì vậy với những người đã khuất, và nếu tôi không được biết điều đó, thì ngược lại tôi biết rất rõ là trên bàn thờ đã bày những bát kiêu đựng một thứ chè đỗ xanh mát rượi ngấm cả sương đêm lẫn mùi hương khói, cỗ cúng đêm giao thừa. Không khí rất trang nghiêm và tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng mừng Một tết ở quê, khí xuân như đã quét hết mọi ảm Ứt, trời làng Quỳnh trong như pha lê. Công việc trọng đại của tôi vào sáng ấy là được tham gia vào việc bày cỗ cúng. Xôi, thịt gà, thịt lợn luộc, măng nấu chân giò... tất cả được bày vào những bát mẫu hình van vát, những đĩa sâu hơi khum khum, màu xanh nhò, có hoa văn xanh sẫm. Khó nhất đối với tôi là úp được nguyên xuống đĩa, thứ mọc lốt lá ổi hấp trong mai cua, chúng tôi ở vùng biển mà. Sau đó là thăm viếng họ hàng. Dì Tân tôi mặc áo dài màu tím Huế, búi tóc hơi cao lên, chỉ để vài sợi lòa xòa quanh khuôn má tròn, chiếc kiềng vàng lại càng làm gương mặt dì tôi sáng rực lên. Rồi dì cũng mặc áo đẹp cho tôi, cái áo dài nhưng kẻ màu tăng gô, tay bông, có cổ chun bằng xatanh trắng, mẹ tôi lúc này chưa thật chắc tay trong việc lựa chọn quần áo cho chúng tôi, khi bà loại bỏ ở áo dài những yếu tố đẹp nhất: vai liền và cổ cao. Rồi dì chải đầu cho tôi, chẳng hiểu nghĩ ngợi thế nào dì lại rẽ giữa cho tôi (thường tôi để tóc bôm-bê). Khi tôi ra chào ông ngoại để đi chơi ông tôi tỏ ý hài lòng: “Mi rẽ giữa, rứa là được, con ạ”. Tôi thấy dì tôi cố nén cười cho ra đến đầu ngõ, kịp khi tôi thấy những quả táo xanh màu lục nhạt, bóng mịn, đứng đưa trước gió, thì dì tôi phá lên cười: “Ông em khi mô cũng rứa, mọi thứ đều phải thẳng tắp, ở chính giữa, không lệch sang bên nào”.[...]

Dì Tân tôi

[...] Sau khi Mặt trận dân chủ Đông Dương bị đàn áp, lúc dì tôi quay trở về Hà Nội, mọi sự đã thay đổi. Các anh các chị mỗi người đi một phương, cậu Thúc tôi đã chết và còn điều gì nữa đã xảy ra với dì tôi (trông dì tôi khác hẳn): khoảng trắng này trong ký ức về dì tôi, hiện nay không còn ai để lấp hộ tôi được nữa. Tôi còn trong tay, một bức ảnh chụp với dì tôi và chị tôi năm 1942, sau khi tôi thi đỗ Tiểu học, vào lúc ấy người ta chưa kiêng chụp ảnh ba người. Trong ảnh, trông dì tôi hãy còn khỏe mạnh, nhưng khuôn má đã thuôn lại, mặt không còn tròn vành vạnh như xưa, khoe miệng buồn hơn nhiều, và nhất là đôi mắt thuần khiết đã đượm một vẻ gì ngơ ngác, khác hẳn trước, dì tôi xưa nay có bao giờ có chút gì của một con người bạc mệnh? Tuy vậy, và có lẽ vì vậy mà dì tôi lại đẹp hơn xưa, một vẻ đẹp khác hẳn xưa. Một buổi chiều mùa đông, gia đình tôi lúc này đã chuyển về ở phố Chúc Lạc, cạnh Hồ Tây – một bối cảnh hoàn toàn phù hợp với không khí yên tĩnh trong gia đình tôi lúc bấy giờ – cả nhà tôi ra đường Cổ Ngư chơi, tôi ưa thích vẻ vắng lặng của đường đi và hồ nước vào mùa này, cả lá cây xào xạc dưới bầu trời màu xám. Theo thói quen, chúng tôi ngồi trên bãi cỏ ở ngã ba đường rẽ vào chùa Trấn Võ. Một người lính Pháp còn rất trẻ – ở tuổi đó người thanh niên có gương mặt một người thiếu nữ – tóc màu hạt dẻ, mắt rất xanh, mặc bộ quân phục mùa đông bằng dạ tím, đang đi lang thang trên đường Cổ Ngư. Thấy chúng tôi, anh ta lại gần và ngồi ngay xuống cạnh dì tôi. Theo một phản xạ sợ hãi tự nhiên, dì tôi chạy ra xa, đến cạnh chỗ mẹ tôi ngồi: “Où est la belle demoiselle?¹. Mắt rất buồn, anh lính hỏi vậy rồi ngồi nói chuyện với ba tôi khá lâu. Nhưng lúc anh ta hỏi địa chỉ gia đình, ba tôi nhả nhận từ chối. Khi chúng tôi ra về, anh ta lại tiếp tục đi lang thang trên con đường vắng vẻ. Thấy chúng tôi nhìn có ý hỏi, ba tôi nói: “Tội nghiệp, sang xứ người, ở một nơi buồn chán, mà lại vào lúc này². Nhưng không thể cho anh ta địa chỉ được, anh ta sẽ đến luôn, và sẽ rầy rà cho cả gia đình và cả “la belle demoiselle”.

Dì tôi còn ra Hà Nội một lần nữa, nhưng là để chữa bệnh. Mẹ tôi dẫn dì tôi đến bệnh viện bác sĩ Phan Huy Quát, ở ngay phố Quang Trung hiện nay. Bệnh

1 “Cô thiếu nữ xinh đẹp đâu rồi?”

2 Nhặt vào Đông Dương, quân đội Pháp đầu hàng

viện lấp ló dưới vòm cây xanh, cái phòng bệnh nhân giống như những phòng ở của gia đình, không phải là những căn phòng trắng lạnh lùng của các nhà thương công. Người điều trị trực tiếp cho dì tôi – dì tôi bị tim, căn bệnh mơ hồ của một số thanh thiếu nữ đa cảm thời ấy – là bác sĩ Thân, cao lớn, đẹp trai, vẻ vừa lịch sự vừa xa cách theo kiểu trí thức trước đây. Nhưng trong ánh mắt ông nhìn dì tôi, có niềm trắc ẩn dịu dàng đối với một bệnh nhân trẻ và đẹp.

Bước vào phòng bệnh từ ngoài trời nắng chang chang, tôi chìm ngay vào mùi hương mát rượi của một bó hoa quỳ rất to mà mẹ tôi đã cắm ở giữa phòng cho dì tôi. Hình như trên tường có một bức tranh tĩnh vật, êm ả như không khí căn phòng. Dì tôi ngồi trên ghế xô pha, mặt trắng xanh, mỏng mảnh chẳng khác gì một bông sen trắng.

* * *

Trong nhiều năm dài, ký ức về dì tôi khép lại trên hình ảnh và mùi hương ấy, bởi vì sau đó tôi không bao giờ còn gặp lại dì tôi nữa. Dì tôi đã nhận lời lấy một trong những học trò của ông tôi, cậu Trần Văn Vàng (hay Chàng – Dăng – Dàng như các cậu khác vẫn gọi đùa vào thời cửa hàng thuốc Bắc ở Vinh của ông tôi còn đông vui) và theo chồng vào xa tít trong Nam, đối với chúng tôi lúc ấy cũng giống như đi sang một xứ khác. Ré người, đen đen, có những chiếc răng bịt vàng giống như nhiều thanh niên miền Nam thời ấy, cậu chẳng có gì để so sánh với “những người hâm mộ” dì tôi trước đây. Nhưng chắc dì tôi đã qua thời lãng mạn từ lâu và cậu rất tốt, thế là đủ. Một ngày nào đó, sau cuộc kháng chiến thứ nhất, tin về dì tôi đến trên một bưu thiếp nhỏ, màu vàng, chữ đã nhòe. Giống như những vì sao ở quá xa chúng ta, khi ánh sáng của nó đến được với ta, thì nó đã tắt từ lâu. Nhìn ngày tháng trên bưu thiếp, tôi biết là điều nói về dì tôi trên đó đã xảy ra từ nhiều năm tháng trước và như vậy thì cái chết của một người thân yêu đến thế, cũng chỉ làm nhòe đi trong giây lát mắt của ba mẹ tôi và của mấy chị em tôi. Giữa những kỷ niệm xa xưa và cái chết của dì tôi, có quá nhiều biến động dữ dội. Cuộc cách mạng rồi cuộc kháng chiến thứ nhất nổ ra đã cắt đôi thời thơ ấu và tuổi thanh niên của tôi thành hai mảnh không sao lắp lại được. Dì Tân tôi như đã mãi mãi ở lại với *buổi ban sơ ngây thơ và vô tội*, trong khoảng không gian nhỏ bé, ở đấy có cả tiếng mưa rào lẫn mùi khét nắng, cả tiếng văng đưa với một lời ru nào nuốt tuy ký ức về dì tôi vẫn đi theo tôi gần suốt cả cuộc đời.[...]

Quê nội

[...] Cũng không có gì lạ nếu tôi có thể nhớ nhiều và nói nhiều như vậy về quê ngoại, ngôi nhà, phong cảnh và con người. Về quê nội tôi chẳng có gì nhiều để nói bởi chỉ được về đấy vài lần khi còn rất bé.

Trong nhiều năm, ký ức về nó trong tôi thu gọn lại trong hình ảnh một cây mít rất to, lá sum suê, với thời gian nó đạt đến những kích thước huyền thoại, dưới gốc cây, có một đứa bé đang đứng, nhỏ xíu, mặt buồn thiu, chính là tôi. Thực ra ký ức con người rất lạ, trong khi ta nghĩ đã lưu giữ năm này qua năm khác một hình ảnh chính xác, thì nó vẫn biến đổi theo cùng với thời gian. Nhiều năm sau đó đôi lúc tôi phân vân tự hỏi, không hiểu tầm vóc cây mít to lớn dường vậy có phải do tôi chồng lên nó, hình ảnh một cây khác rất to tôi đã thấy trong bức tranh của họa sĩ Pháp Corot, *Kỷ niệm về Mortefontaine*, dưới gốc cây cũng có một người bé tí, nhưng là một phu nhân mặc váy dài thế kỷ XIX. Cũng giống như vậy, đôi khi tôi tự hỏi những con chim “ông cụ”, tôi thường thấy đứng cạnh các ngôi mộ ở ngoài cánh đồng làng Quỳnh (mà trong ký ức, tôi vẫn rất sợ) sở dĩ to như vậy có phải chỉ vì tôi đã chồng lên đấy, hình ảnh các tượng chim vùng Lưỡng Hà, mình người đầu chim, tôi hay xem thấy trong từ điển Larousse hay không?

Nhưng cây mít quê nội lưu lại dai dẳng như vậy chính vì thực sự nó có tích riêng. Vào một chiều mùa hạ, trời trở nên mát mẻ, bầu trời có những tầng mây lớn báo trước một cơn mưa to, mẹ tôi quyết định hạ quả mít dai to bự – (mít dai nóng nên chỉ có thể ăn vào hôm trời mát) – xuống cái nong đặt giữa sân, xung quanh tôi còn như nhìn thấy cả đại gia đình, cô chú, cháu chắt trong nhà vui vẻ xúm xít lại. Từ bé (thực ra lúc này tôi chắc cũng chỉ bốn, năm tuổi), tôi chưa bao giờ ổn với những thức ăn quá “sung mãn”, mẹ tôi cho rằng tôi chỉ ăn được mít mật, để tôi đỡ buồn, mẹ tôi phái tôi ra vườn chơi, và tôi đứng đấy dưới gốc mít to, cứ lưu lại mãi mãi trong trí tôi, như một hình ảnh tóm lược cả ngôi nhà và vùng quê nội. Một nhà thơ lớn đã có thể chia thế giới của từ và của người thành hai vương quốc: thịnh soạn và thanh đạm. Tôi dứt khoát thuộc về thế giới sau, nhưng không hiểu sao những kỷ niệm sâu sắc nhất về tuổi thơ của tôi lại cứ gắn với những cái nay ta gọi là thuộc “phạm trù ẩm thực”. Làng Quỳnh bao giờ cũng gắn với ký ức về những con cá trích, cá nục, cá chỉ vàng, màu ánh

bạc, những bánh xèo chợ Giát rán vàng rộm, dính vào nhau thành tệp, những bát chè cổ chay đêm Giao thừa mát và ngọt lịm. Chắc cũng vì vậy mà trí nhớ của tôi đã ranh mãnh xóa đi những ngọn đồi và ngọn núi nên thơ của quê nội, cả khu vườn hoa của nhà ba tôi, ở đây chen chúc “hồng, mộc, mẫu đơn, thạch lựu...”, – (mới đây xem kỹ lại *Hồi ký* ba tôi, cây hoa mộc có một thời đã đóng vai trò quan trọng trong ký ức tôi, thực ra không phải là một loại hoa đặc biệt chỉ ở Biệt thự *Les Saules* mới có, mà ở khu vườn một ngôi làng thuộc vùng sơn cước xa xôi, vào một thời gian xa xôi, nó vẫn đã có... thảo nào, Andersen đã gọi Hương mộc tinh, cô bé trong cây hoa hương mộc là *Hồi tưởng*) – để chỉ lưu lại một cây mít cực to, và nỗi buồn của một đứa trẻ đứng giữa vườn nhìn vào sân nhà, nơi mọi người (cả chị tôi nữa chứ), đang vui vẻ chen chúc xung quanh một nong đầy những múi mít vàng, béo núc.[...]

Thủy tiên

[...] Một năm đối với tôi khi ấy như chỉ có hai điểm mốc: Tết và hè, và giống như cái cầu thang, lên gác thì rẽ đôi, dường như Tết là của mẹ tôi, còn những ngày hè là thuộc về ba tôi. Những năm đó, Tết tôi không còn được về quê luôn như trước nữa, nhưng ở đô thị, Tết vẫn là những điểm sáng trên giòng thời gian xám xám trôi đều đặn, và tôi đã yêu ngày Tết như thế rất lâu, cho đến khi đã có con, có cháu, cho đến một ngày, khi ba mẹ tôi mất từ lâu, và mưa phùn cũng như ẩm ướt làm cho tuổi tôi sợ hãi.

Còn vào lúc bấy giờ, qua màn mưa phùn rây như bụi, chỉ đủ để vừa đặt được những chấm sáng li ti trên làn tóc của mọi người, tôi vẫn cảm thấy rất rõ ánh sáng ấm áp của mùa xuân đang về với tất cả các dấu hiệu đã trở thành như nghi lễ của Tết: Ngoài đường các cô thiếu nữ Hà Nội, đã đổi những áo lụa vân màu rượu chát hay hương khói thành những áo nhung màu đỏ tía hoặc lục sẫm, và họ đi những đôi hài thêu, thận trọng giẫm lên những vĩa hè phủ đầy xác pháo. Trong nhà: hoa đào, hoặc có khi là hoa mai, bánh chưng, giò lụa, mứt... chỉ thiếu có mùi hương trầm của Tết ở quê, vì ở gia đình tôi ở Hà Nội, ba tôi không cúng giao thừa. Nhưng lại còn bao thứ khác, khiến mỗi năm tôi vẫn háo hức chờ đợi. Một buổi chiều giáp Tết, mẹ tôi mang về một thứ củ tròn tròn tru màu xám và tuyên bố rằng bà sẽ tía thủy tiên. Tên của bông hoa đẹp quá, nó

gợi nhớ trong tôi vừa cả những chuyện cổ tích xa xôi, vừa cả những bông hoa tóc tiên cánh màu hồng nhạt trong khu vườn ông ngoại tôi. Rồi mẹ đặt cái củ đó vào một cái bình thủy tinh có đế cao, trên đó loáng thoáng nổi lên những hình hoa mờ, đường viền của nó quăn như một thứ đăng ten cứng. Đúng đêm giao thừa, tôi nhìn thấy vườn lên như nhờ phép lạ từ cái củ tròn xấu xí những cuống hoa xanh nhờ mềm mại – lại một màu lục nhạt, rất nhạt, với những bông hoa mỏng mảnh cánh trắng, nhụy vàng, từ đấy đối với tôi đã trở thành đồng nhất với ngày Tết, một cái gì đó đẹp đẽ, nhưng rất chóng qua, và chỉ còn để trong lòng người một niềm luyến tiếc. Càng nhiều tuổi, ký ức trong tôi về hoa thủy tiên càng trở nên quý giá vì phía trên bông hoa diễm ảo của thời thơ ấu, bao giờ tôi cũng hình dung thấy gương mặt mẹ tôi thời ấy, tóc vấn trần, mặt trái xoan, đôi mắt hơi nhỏ nhưng đen và hiền biết bao nhiêu, cái miệng hơi dày một chút không hề làm mất đi vẻ thanh tú vốn là nét riêng của gương mặt bà. Mẹ tôi mất vào một ngày tháng sáu năm 1986. Đối với một phụ nữ suốt đời sống trong nhà, chỉ biết chăm sóc chồng con rồi cháu – trong vô vàn các bản lý lịch mà chị em chúng tôi thường phải khai, bên cạnh tên mẹ tôi, bao giờ chúng tôi cũng ghi hai chữ: nội trợ, tôi không hiểu sao mọi người lại đến dự đám tang đông như vậy, còn có cả một bà mà dân chúng thường không lấy gì làm lễ phép, xếp vào loại vợ các cụ “cốp”. Bà mang theo một vòng hoa, rất to, và khi người thanh niên xếp hoa, để hơi lệch một chút trước quan tài, bà đã yêu cầu để lại vào đúng chính giữa. Cuộc đời thường vẫn dành những điều bất ngờ cho những người chẳng bao giờ muốn vậy.[...]

Rời bỏ tuổi thơ

Đêm đó là một đêm gần Noël thường trùng vào Tiểu hàn (người Hà Nội vẫn cho Tiểu hàn bao giờ cũng lạnh hơn Đại hàn), trời đáng lẽ phải giá buốt, nhưng trời lại trong và chỉ se lạnh như những buổi cuối thu vừa qua, tôi thường đạp xe đi học tiếng Anh ở nhà một chị bạn. Lúc đi, lúc về, tôi đều phải vòng qua Nhà Thờ Lớn, về đêm, Hà Nội thời ấy vẫn rất vắng: trước ngôi nhà thờ xám, vòm lâu cao và hẹp, im lìm trong bóng tối, là khu vườn hoa tròn nhỏ, với bức tượng Đức Bà mà tôi đoán thấy trong đêm hơn là nhìn thấy, gương mặt thanh tú và cái nhìn đầy tha thứ với người đời (nếu ban ngày, tôi còn nhìn thấy được

những cây hồng xung quanh bức tượng, hoa đỏ hoặc trắng). Lòng nặng trĩu, tôi bước từng hai bậc một chạy thẳng từ cầu thang lên gác hai, tới cửa sổ trông ra khu vườn nhỏ trước nhà. Phía bên kia hàng rào sắt là phố xá, phía ngoài đời dường như ồn ã, náo nhiệt vào ban ngày, so với phía trong, nhiều năm sau này nhớ lại, tôi vẫn còn như nhìn thấy cái tàu điện cũ kỹ, vừa đi vừa kêu leng keng, như đến từ một quá khứ rất xa xưa. Lòng tôi nặng trĩu giống như mỗi lần tôi rời bỏ một ngôi nhà, một nơi thân thiết, lần này là rời bỏ Hà Nội, bạn bè, các cuộc vui chơi với Đội Thiếu nữ tiên phong – nhưng vừa thò đầu ra cửa sổ, tất cả những gì còn xáo động trong tôi bỗng im bật: đêm ngoài vườn tràn ngập ánh trăng, cỏ cây đầm sương tỏa ra mùi hương quyến rũ mà thiên nhiên muôn thuở bao giờ cũng vẫn dành cho con người, nhưng chỉ khi tiếng ngày đã tắt, ta mới cảm nhận được. Cây sấu trong vườn đang rũ mái tóc sum suê của nó xuống tận đất, tất cả các vòm lá đều lấp lánh như mới gội ánh trăng. Thực tại với bao lo âu sợ hãi – (đây là lần đầu mà tôi cảm thấy rõ rệt sự kiện bên ngoài đã vượt qua số phận cá nhân tôi, tôi không sao chống lại được) – và tôi tự thấy mình như tách khỏi không gian và thời gian đang tồn tại – Lâu, rất lâu sau này tôi mới hiểu rằng: “Đối mặt với thời gian rộng nằm ngang của lịch sử biên niên còn có một thời gian khác thẳng đứng, giây phút im lìm đứng phía trên thời gian chảy dài liên tục, để đạt tới một sự tồn tại tự thân”. Tôi có vẻ rờm khi dẫn ra câu này, dù sao đó cũng thuộc về suy tư của những nhà văn lớn, mà họ gọi là extase. Nhưng còn tôi, một đứa trẻ, rồi sau đó là một người đàn bà bình thường, chỉ cần có được sống một vài giây lát ít ỏi như vậy trong cuộc đời mình, đó cũng có thể coi là ít nhiều mình đã có hạnh phúc rồi.

Sáng hôm sau tôi rời Hà Nội. Trong cái vội vàng của lúc ra đi, tôi chỉ còn rất ít thời gian để cảm thấy băng khuâng, tôi còn quên hẳn việc chị tôi không cùng đi với chúng tôi nữa, một điều thực sự to lớn đối với tôi, bởi cho tới bây giờ, bao giờ tôi cũng đi với chị tôi như hình với bóng. Trùm lên tất cả, chỉ là một nỗi buồn man mác về một cái gì đó mà ngay lúc đó tôi không sao hiểu hết – mãi cho tới thời gian trôi qua đủ để tôi hiểu rằng chính xác vào lúc ấy, thời thơ ấu của tôi đã chấm dứt, rời Hà Nội, tôi cũng bỏ lại sau tôi cái “thiên đường bao giờ cũng phải để mất”, giống như trong một bài hát Nga sau này tôi nghe các con tôi hát – cũng vào một thời điểm rất đặc biệt của chúng – có nhan đề *Thành phố tuổi thơ*, “thành phố lúc ta lấy vé lên tàu để rời bỏ ra đi, là sẽ không bao giờ còn quay trở về được”. [...]

Người đọc

(Trích các bài Đọc sách)

Cô bé nhìn mưa (Đặng Thị Hạnh, NXB Phụ nữ, 2008)

Tác giả đã xấp xỉ tám mươi, là thành viên của một gia đình trí thức lớn, có liên quan đến nhiều nhân vật, sự kiện quan trọng trong gần suốt thế kỷ XX. Phần gia đình, cuộc sống riêng chiếm nội dung khá nhiều: Quê nội, ngoại, người cha nổi tiếng và bà mẹ tần tảo, quá trình hình thành học vấn, nhân cách, đi dạy học từ thanh xuân đến khi về khoa Văn ĐH Tổng hợp, bạn bè, đồng nghiệp thân quý... Những sự biến vĩ mô thấp thoáng hơn nhưng không phải không được kiểm soát bằng một cái nhìn chủ quan qua vài chi tiết: Nhờ đi học trường Lê Hồng Phong mà tránh được 100 cuộc họp, hình ảnh vị thần hùng mạnh thích ăn chân tay của chính mình...

“Ký ức như một cái rây, nó giữ lại điều này, cho qua điều khác”. Xác định “thể loại” là “hồi ức”, có lẽ tác giả muốn được tự do “lang thang”, chọn lựa chứ không phải kể hết, “nhặt” hết. Cách thức này càng được rõ ràng hơn qua cái tôi đứng ra kể, là một cô bé (dường như) mãi không chịu lớn, nhất định nhìn trời đất ngoài kia theo kiểu của mình. Và nó làm nên giọng điệu, chi tiết, sự hóm hỉnh buồn bã và những khác biệt với nhiều hồi ký khác.

(Hoàng Định, *Hà Nội mới*, ngày 11/8/2008)

Từ Cô bé nhìn mưa đến việc tiếp cận Marcel Proust tại Việt Nam

[...] Có thể nói tác giả CB viết về những hồi ức của mình trong cảm xúc của một độc giả, một dịch giả, một người say mê Proust. Tác phẩm CB, đặc biệt ở hai phần đầu, là sự lần giở quá khứ của tác giả để giải mã và kiểm chứng lại, bằng lăng kính của chủ thể hiện tại, các ký hiệu cuộc sống được tiếp nhận với con mắt trẻ thơ ngày xưa. Phần thứ ba của tác phẩm gần hơn với hiện tại nên có phần xa rời quá trình đi tìm sự thật từ ký hiệu của thực tại. Tác phẩm đã giúp độc giả Việt Nam, một cách gián tiếp, tiếp cận với thiên tiểu thuyết đồ sộ và phức tạp ĐT và giúp các dịch giả muốn thử sức mình với tác phẩm này tìm ra một giọng văn đặc trưng của Proust mà không gây những khó hiểu trong tiếng Việt.

(Nguyễn Giáng Hương, *Tạp chí Văn học*, số 1, 2012)

Cô bé nhìn mưa (Hồi ức của Đặng Thị Hạnh, NXB Phụ nữ)

[...] Một bút pháp gợi nhớ *Đi tìm thời gian đã mất* của M. Proust, nhưng ở đây là theo một phong cách rất riêng Đặng Thị Hạnh, kết hợp khéo léo khả năng phân tích của tư duy phương Tây và dòng cảm xúc liên tưởng của tâm hồn phương Đông. Người đọc được dẫn dắt theo bà trên từng ấn tượng, từng cảm xúc, từng suy tư, hơn là bám vào các biến cố, sự kiện.

[...] Cấu trúc cuốn sách có những chương đan xen, khi cô bé nhìn mưa ngày trước bây giờ thành bà nội bà ngoại viết về những đứa cháu của mình, đó không chỉ là chuyện kể tục thế hệ, mà còn là chuyện vòng xoay cuộc đời đầy đưa con người trên miền viễn thời gian [...]

(Phạm Xuân Nguyên, *Tuổi trẻ*, ngày 11/7/2008)

Cô bé nhìn mưa: Một lịch sử khác không ồn ào

[...] Có một điều rất nhỏ, không thật chú ý thì dễ bỏ qua: tác giả không gọi cuốn sách của mình là hồi ký, mà là hồi ức. Chị không định *ghi* lại cho ai, mà chỉ muốn tự nói với mình. Người ta bảo viết bao giờ cũng là đối thoại, là nói với một hay nhiều ai đó. Ở đây “ai đó” của chị là chính chị, chính mình, chị đối thoại với chính mình, về cuộc đời mình. Cũng tức là đối thoại với thời gian, cái trôi chảy qua ta, và rồi sẽ chảy miết về đâu đó khi không còn ta nữa. Và về điều này thì ít ra chị Đặng Thị Hạnh có mấy chỗ mạnh đặc biệt: Chị là một con người sống gần như hoàn toàn hướng nội, ngay từ ngày còn rất nhỏ đã là một cô bé hơi cô độc ngồi một mình nhìn mưa, im lặng, rất im lặng một mình nhìn mưa, cứ như qua màn mưa mà nhìn cuộc đời và tự nhìn vào bên trong chính mình, mơ hồ tự khám phá ra chính mình, tự lắng nghe chính mình – tất nhiên là trong, là giữa thế cuộc – một con người hầu như luôn luôn tự rút lui vào trong chính mình, có nhìn ngấm thế giới, sự đời thì cũng là ngấm và ngấm qua mình. Vì vậy mà, cũng thật nghịch lý, chị đem lại một nét mới, thú vị và sâu xa trong một chợ văn chương hình như đang quá ồn ào hướng ngoại.

Chỗ mạnh thứ hai của chị: là chuyên gia văn học Pháp, của một giai đoạn nền văn học ấy chưa ồn ào những thứ tiền phong chủ nghĩa ồn ào – tôi cũng không hề phản đối – chị am hiểu và chịu ảnh hưởng rất sâu, vừa uyên bác về trí tuệ vừa thấm đẫm về tâm hồn từ những tác giả hướng nội và lắng đọng nhất của giai đoạn văn học đó, đặc biệt là Marcel Proust mà chị nói rõ là chị rất thích.

[...] Tác giả, như đã nói, là người am hiểu đến thắm đẫm văn học phương Tây, nơi đời sống bên trong của con người được soi tìm đến tận những nếp sâu kín nhất của nó. Chị biết rằng ký ức của con người không bao giờ chỉ đơn giản ghi lại đúng nguyên xi những gì từng “có thật”. Ký ức là một thứ trầm tích, lớp kỷ niệm này liên tiếp chồng lên lớp kỷ niệm khác, một sự chồng lấp vô cùng tinh tế và phức tạp, là sản phẩm của ấn tượng, của thời gian, của tích lũy, cố tình và vô tình, nằm sâu trong tiềm thức và chịu những “quy luật” biến cải bí mật của tiềm thức... Đi tìm thời gian đã mất do vậy là phải rất công phu, tinh vi gỡ ra từng lớp một những trầm tích ấy, và cả những lớp – cũng là trầm tích – bụi bặm xã hội vì những động cơ này khác chồng chất lên đó, để mong tìm lại được vĩa quặng nguyên sơ ban đầu. Phải rất cảm ơn chị Đặng Thị Hạnh về công việc tháo gỡ tinh tế, công phu đó. Chính qua đó chị đã cung cấp được cho chúng ta một số diện mạo thật bất ngờ về những nhân vật lịch sử ta vẫn quen hình dung hoàn toàn khác. Chỉ trong vài trang ngắn ngủi, cuốn sách đã cho ta một chân dung chị Nguyễn Thị Minh Khai như ta chưa từng biết, chưa từng bao giờ tưởng tượng là vậy: không phải một người phụ nữ khắc khổ, khô khan, hơi có chút gì đó “xưa cổ”, thậm chí có thể cả khắc nghiệt nữa (có thể thì mới làm được cách mạng chứ, ta vẫn nghĩ vậy), mà là một thiếu nữ hết sức hiện đại, hiện đại nhất trong thời của chị, trí tuệ, nồng nhiệt và bay bướm nữa, hết sức cập nhật với những thành tựu nghệ thuật, văn học, văn hóa, cả thời trang của xã hội thời mình, trong nước và thế giới, đầy nữ tính, mềm yếu như một cành hoa, mà cũng lại mạnh mẽ, hướng tới một cuộc sống sẵn sàng mạo hiểm, và nhân hậu mà sắc sảo, tinh tế, sáng suốt đến kinh ngạc trong nhìn đời, nhìn người. Và ta hiểu ra điều này: phải có, chỉ có những con người thật sự văn hóa và lãng mạn như vậy thì mới có thể có cách mạng, cuộc cách mạng kỳ lạ và tuyệt diệu của chúng ta từng có. Chính những con người như vậy từng dắt dẫn dân tộc ta đi qua cả một giai đoạn lịch sử vào loại đẹp nhất, hào hùng và tuyệt diệu nhất của lịch sử. Chắc chắn đây là một nhận thức được cải chính rất có giá trị, gỡ bỏ cho lịch sử những vỏ bọc giả người ta vẫn cố tình phủ lên nó lâu nay.

[...] Rất khiêm nhường, Đặng Thị Hạnh viết: “...Đấy là những gì tôi nhớ được, không biết so với chính sử đúng tới mức nào”. Cho phép tôi nói điều này: Tôi tin những hồi ức này hơn là cái được gọi là “chính sử” nằm trong các thư viện to tát và do những chuyên gia trình trọng chủ biên. Một lịch

sử khác của thời chúng ta, không ồn ào, mà vô cùng chân thật. Để ta gỡ bỏ đi những gì đã bị áp đặt và tô vẽ lên lịch sử, vì những mục đích nào đó. Để ta thật sự hiểu con người của chúng ta, nhân dân vĩ đại mà cũng giản dị vô cùng của chúng ta.

(Nguyễn Ngọc, *Doanh nhân số 1*, ngày 21/7/2008)

Một lối viết “lạ” trong thể loại hồi ký

(*Đọc Cô bé nhìn mưa* – Đặng Thị Hạnh, NXB Phụ nữ, 2008)

“Mọi trẻ em đều lớn lên, trừ một đứa”. Đó là câu mở đầu truyện *Peter Pan*, mới đây vừa được trình chiếu trên màn hình nhân ngày 1 tháng Sáu. Tưởng như cô bé ở đầu cuốn sách *Cô bé nhìn mưa* cũng muốn được vậy, mãi mãi ở lại với tuổi thơ hạnh phúc ở một làng quê Nghệ An, rồi ở Hà Nội đầu những năm 30 thế kỷ trước, ở bãi biển Sầm Sơn xanh mầu lục nhạt thời kỳ trước Cách mạng. Nhưng thế kỷ XX của lịch sử Việt Nam đầy biến động và cùng với gia đình cô, gia đình giáo sư Đặng Thai Mai, cô sớm bước vào hai cuộc kháng chiến và sẽ phải trưởng thành. Cũng như mọi người cùng thế hệ, cô sẽ trải qua những ngày chống Mỹ gian khổ hơn nhiều khi đã trở thành một phụ nữ, vừa giảng dạy tại một trường đại học, vừa phải đưa ba con nhỏ đi sơ tán khi chồng ra mặt trận. Rồi rất nhiều địa danh, gần gũi hoặc xa lạ. Trong một cuộc đời, sao con người có thể đi qua nhiều con đường đến thế!

Cuốn sách đông đúc những chân dung, từ những người rất nổi tiếng đến những cô bán hàng rong mỗi sáng đi qua cửa, bạn bè, đồng nghiệp, học trò. Ở tiền cảnh vẫn là người cha rất nghiêm, và người mẹ, rất hiền, sau đó là các cháu, những con người của thế hệ 8X. Nhưng “*rút cục thì chỉ có một giao kèo chung cho tất cả mọi người: sự ra đời, cuộc sống, ưu phiền, tuổi tác, rồi nữa sẽ là cái chết*”. Đến tận cùng cuốn sách và cuộc đời, tác giả vẫn còn tự hỏi: “Đâu là hạnh phúc?”. Nhưng cuốn sách đã trả lời hộ người viết: đó là trong tình yêu đối với người thân, những người đã mất hay hãy còn, bè bạn, đồng nghiệp, cả với những con người bình dị ta chỉ gặp thoáng qua trong cuộc sống.

Bởi xứ Neverland (xứ của Không bao giờ, Không bao giờ), nơi Peter Pan bay đến cùng nàng Tiên Chuông, không hề tồn tại trên cuộc đời này.

Mùa hè 2008

(Trần Hình, *Văn nghệ*, ngày 26/7/2008)

Luyện tập

1. Thảo luận: Các bạn có nhận thấy một sự phân biệt tinh tế giữa *hồi ức* và *hồi ký* như thế này không: *Hồi ký* viết ra nhằm mục đích chia sẻ với mọi người (có ý định xuất bản), còn *hồi ức* viết ra như thể chỉ để nói chuyện một mình (mặc dù cũng có khi công bố). Những chi tiết nào khiến bạn cảm nhận thấy *Cô bé nhìn mưa* viết ra không nhằm mục đích xuất bản?
2. Thảo luận: Người viết văn có nhất thiết phải có một cuộc sống sóng gió như Bảo Ninh, như Dostoevsky không? Bạn giải thích vì sao. Điều gì tạo nên động lực và hứng thú viết *hồi ức* như *Cô bé nhìn mưa*?
3. Thảo luận: Cần có điều kiện gì để thực hiện sáng kiến mỗi gia đình viết chung nhau một cuốn nhật ký? Hoặc về già, một số người trong gia đình chung nhau một cuốn *hồi ức*?
4. Thảo luận và viết tiểu luận: Bạn suy nghĩ và định nghĩa thế nào là một cá nhân có văn hóa? Thế nào là một gia đình có văn hóa? Bạn cảm nhận gì về gia đình tác giả *Cô bé nhìn mưa*?

PHẦN 3

Sơ kết con đường học văn

BÀI 16

TỪ TỰ SỰ TRUYỀN MIỆNG ĐẾN VĂN HÓA ĐỌC

Lời thưa các bạn học sinh Lớp 8 thân mến,

Đây là điều đã thành thói quen học Văn của các bạn – thói quen đã thành niềm vui và nếp tư duy không rời bỏ nổi – một khi các bạn đã học Văn theo phương pháp Cánh Buồm không thông qua những lời khuyên, mà cụ thể trong chương trình và sách giáo khoa từ Lớp 1 đến Lớp 9 (sang năm sẽ lên Lớp 9 và sẽ tổng kết).

Phương pháp đó là không nghe giảng văn rồi nhắc lại những lời giảng cho đủ để dự kiểm tra và nhận điểm – mà *làm lại tinh thần và thao tác* làm ra tác phẩm nghệ thuật với *thơ trữ tình, kịch nghệ và văn tự sự làm vật liệu*. Phương pháp đó dựa trên cơ sở tâm lý học phát triển, được thực hiện *thuận theo sự phát triển tự nhiên của con người*, lập luận và thể hiện trong thực tiễn như sau:

Loài người đi từ chỗ không có tiếng nói, đến chỗ có tiếng nói, rồi đi đến giai đoạn có chữ viết để ghi lại tiếng nói đó. Tình cảm con người thì không đổi, luôn luôn dạt dào, có động lực là tình yêu như *một nguồn năng lượng huyền bí chưa ai nghiên cứu* (lời Albert Einstein – sách *Văn Lớp 9 Cánh Buồm*) chỉ bị hạn chế bởi phương tiện biểu đạt mà thôi.

Vì vậy, nghệ thuật như một phương tiện biểu đạt tình cảm người, chỉ có thể bắt đầu từ chỗ biểu đạt bằng những phương thức không cần đến tiếng nói (dùng “vật liệu” biểu đạt tình cảm ban đầu là cơ thể để nhảy múa, dùng nhạc cụ thô sơ ban đầu để gửi tình cảm cho nhau, và dùng hình vẽ để trút ra ngoài những tình cảm chất chứa trong lòng). Nhà tâm lý học Nga V.V. Davydov nói: “khởi thủy của âm nhạc không phải là cây đàn piano” là có ý nghĩa mang tính phát triển của năng lực biểu đạt nghệ thuật của con người. Khi có tiếng nói rồi,

loài người cũng phải diễn đạt và chỉ có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ thơ là cách chất lọc nhất, ngắn gọn nhất. Ta sẽ thấy là kịch nghệ sẽ nối tiếp theo, kịch nghệ như là những biểu đạt thơ súc tích cùng với điệu bộ bổ sung cho lời, rồi sau đó mới đến thời đại của tự sự dài dòng với vô số phương cách lắt léo, tinh tế.

Trẻ em từ khi sinh ra cho đến tuổi vào Lớp 1 trường phổ thông, trong sáu năm rông, lại lặp lại con đường phát triển hết sức dài trong lịch sử. Các cháu nhỏ cũng từ chỗ chưa biết nói đi đến chỗ biết nói và đi dần đến đoạn đường có chữ viết. Phương tiện biểu đạt thì eo hẹp, nhưng tình cảm thì vẫn dạt dào chất Người, không vì thiếu chữ mà tình cảm bớt nồng nàn hơn. Các cháu cũng “nạp” phương tiện biểu đạt một cách bí ẩn, hết như cách “nạp” công cụ ngôn ngữ – như các nhà ngôn ngữ học vẫn nhận xét: “Ta chỉ ghi lại được những điều em bé nói ra, ta không sao ghi nổi những gì các em bé đã nghe được”. Một tiếng đầu lòng gọi “Mẹ” đã có thể là nói vắn tắt của một câu, thậm chí nhiều câu. Và cách nói ngắn gọn đó chính là phương thức biểu đạt thơ. Nhiều nhà thơ đời sau cũng từng lấy ngón tay trở sù sì của mình nhúng vào đáy chén nước trà uống cạn rồi cũng viết lên mặt bàn một chữ “Mẹ” như thế! Và trẻ em khi chưa đến trường phổ thông học Lớp 1 cũng từng “chơi kịch” với mẹ, với bà, với chị gái, với cô, với dì... Và sau đó, thể thơ và cả thể tự sự cũng đến với các bé em qua mẹ, qua bà, qua chị gái, qua cô, qua dì...

Giai đoạn học biểu đạt nghệ thuật bằng kinh nghiệm đó qua đi, bắt đầu từ Lớp 1 đến hết Lớp 5 là giai đoạn học có ý thức về phương pháp làm ra cái Đẹp nghệ thuật qua phương pháp làm ra tác phẩm cụ thể: Làm ra lòng đồng cảm qua trò chơi đóng vai, rồi làm ra các thao tác nghệ thuật để tạo ra đồng dao, ca dao, thơ trữ tình, làm ra kịch, làm ra tự sự, từ đó mà có biết cả cách làm ra âm nhạc và múa, đến cả tác phẩm tạo hình.

Từ Lớp 6 trở đi, là giai đoạn làm ra nghệ thuật với ý thức lý thuyết cao hơn: Các bạn đã làm lại cảm hứng nghệ thuật, nhờ đó biết rõ vì sao người ta có động lực để làm thơ, vẽ tranh, soạn nhạc và chơi nhạc, đóng kịch, làm thơ và kể chuyện. Ở Lớp 7, các bạn đã đi sâu vào thơ trữ tình và kịch nghệ, và từ Lớp 8 các bạn đi sâu vào nghệ thuật tự sự. Các bạn sẽ thấy là lên Lớp 9 các bạn sẽ càng đi sâu thêm nữa vào khía cạnh triết học nhân sinh qua nghệ thuật – hai tác phẩm lớn của Việt Nam là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và *Faust* của Johann Wolfgang Goethe của Đức và của loài người sẽ “gói lại” tiến trình học nghệ thuật phổ thông của một con người trưởng thành vào đời.

Con đường đi của các bạn đã được vạch rõ thuận theo tâm lý phát triển, tự nhiên, không khiên cưỡng, và hoàn toàn theo con đường tự học – tự làm ra nghệ thuật để có cảm xúc và nhận thức về cái Đẹp như là thành phần không thể thiếu của con người trưởng thành.

Văn hóa nghe kể và văn hóa đọc

Trong quá trình phát triển phương thức tự sự, theo dọc lịch sử phát triển của xã hội và con người, tự sự đã đi từ chỗ nghe – kể sang phương thức tự đọc. Giai đoạn trước có nguyên nhân là chữ viết chưa có hoặc chưa phát triển đủ để ghi *chuyện* lại thành *truyện*. Giai đoạn sau còn có thêm nguyên nhân là số người biết chữ và biết đọc sách dần dần tăng cao. Đời sống thực của con người trong một xã hội mỗi ngày một phát triển cho thấy hình thức đọc sách cá nhân ngày càng tăng trong khi phương thức nghe – kể chuyện càng ngày càng giảm.

Trong phương thức nghe – kể chuyện, người nghe không hẳn bao giờ cũng nghe một cách thụ động. Người nghe bày tỏ sự thấu hiểu của mình với câu chuyện và cũng bày tỏ cảm xúc cả với câu chuyện lẫn với người kể chuyện. Tuy nhiên, nghe kể thì vẫn lời nói gió bay. Và lần kể sau có thể khác với lần kể trước. Ngược lại, cuốn sách đọc đòi hỏi người làm ra cuốn sách và cả người in sách có trách nhiệm với từng câu từng chữ. Cùng một câu Kiều, bản in:

*Trời xanh quen **với** má hồng đánh ghen*

sẽ được tiếp nhận khác với:

*Trời xanh quen **thối** má hồng đánh ghen*

và cũng được tiếp nhận khác với:

*Trời xanh quen **với** má hồng **cợt** ghen*

Ba câu thơ đều cùng của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* nhưng Nguyễn Du không còn nữa để mà đối chất – sự tranh cãi kéo dài, lắm khi bất phân thắng bại là do vậy.

Sự thể sẽ khác nếu có sách viết ra và in ra.

Tình hình đó đòi hỏi công cuộc giáo dục phải có đóng góp có trách nhiệm hơn vào việc phát triển xã hội – mà mục tiêu là xây dựng một nền *văn hóa đọc*.

Nền văn hóa đọc sẽ phát triển nếu ngay từ Lớp 1 học sinh đã không học đọc theo lối vừa đọc vừa đánh vần và phát ra theo lối ê a. Các bạn hãy nhớ lại và thấy giữa năm học Lớp 1 của sách Cánh Buồm, các bạn đã được học cách *đọc* *thầm*. Đọc *thầm* khác với đọc to ở hai điểm. Thứ nhất, đọc to thì chỉ đạt được tốc

độ 60 tiếng một phút thôi. Nhưng đọc thâm thì tùy theo “bước nhảy” của con người mắt mà người đọc có khi đạt tốc độ mỗi phút vài trăm tiếng. Chưa hết, đọc thâm còn là cơ hội cho người đọc *vừa đọc vừa suy ngẫm* vì đọc thâm thì tốc độ nhanh và có đọc nhanh thì mới nắm nhanh được nội dung câu chuyện. Do nắm được nội dung câu chuyện nên người đọc mới có cơ hội đối thoại với tác giả, đối thoại với cả chính mình nữa.

Đối thoại với tác giả là suy nghĩ xem nội dung tác giả đưa ra có chỗ nào sai hoặc đúng. Đặc biệt là với văn bản tự sự (hoặc thơ và nhất là thơ) thì còn nghĩ nghĩ xem từng chữ, chữ nào hay, chữ nào chưa hay, chữ nào có thể thay bằng chữ khác. Sự đối thoại đó sẽ khiến cho người đọc được khai sáng – kể cả khi đọc những văn bản chưa hay, thậm chí không hay, có khi là văn bản ở trình độ kém cỏi nữa.

Văn hóa đọc nâng cao trình độ hiểu biết và tâm hồn con người như vậy. Nên xã hội nào có nền văn hóa đọc cao thì xã hội đó cũng văn minh hơn.

Mấy kết luận

Chính các bạn hãy xem lại nội dung và cách học Văn của mình từ Lớp 1, nhất là cách học trong hai năm Lớp 6 và Lớp 7, để tự sơ kết năng lực *đọc hiểu* và *đọc cảm* của mình đã đạt tới đâu và đang ở trình độ nào.

Hãy coi việc học Văn ở trên lớp như là những cái mẫu gợi ý về cách học. Ở trường, các bạn không đủ thì giờ để đọc trọn vẹn một tác phẩm, mà chỉ có thể học mẫu từng trích đoạn tự sự. Vì vậy, việc đọc sách ở thư viện, việc dành dụm tiền mua sách làm thư viện riêng cho mình và cho gia đình để có đủ sách đã học theo chương trình ở trường và có thêm sách đã được nhà trường gợi ý mua hoặc tự mình tìm ra mà mua.

Dù hết giờ học ở trường, nhưng các bạn nên giữ hình thức trao đổi ý kiến với nhau. Việc học chung càng giúp các bạn trở nên thân thiết với nhau – không thân thiết theo lối đàn đúm mà thân thiết trên cơ sở đọc sách, trao đổi sách.

Luyện tập

1. Thảo luận: Thế nào là học văn theo đường lối tâm lý học phát triển? Người đời xưa khi còn ăn lông ở lỗ có nhu cầu biểu đạt nghệ thuật không? Tại sao có nhu cầu đó? Người đời xưa thiếu phương tiện gì để biểu đạt tình cảm của mình theo ngôn ngữ nghệ thuật?
2. Thảo luận: Hãy minh họa ý kiến của bạn về việc trẻ em từ khi ra đời đến khi vào Lớp 1 đã lặp lại con đường phát triển tình cảm và cách biểu đạt tình cảm bằng ngôn ngữ nghệ thuật giống như của người xưa về các mặt âm nhạc, nhảy múa, kịch nghệ, thơ ca và tự sự.
3. Thảo luận: Hãy minh họa ý kiến của bạn về việc học văn của bạn theo cách học Cánh Buồm và cho biết con đường học văn đó có gây cho bạn sự chán nản không? Cách học đó có ích gì trong việc xây dựng con người trưởng thành của bạn?

BÀI HỌC CUỐI NĂM

ĐÁNH GIÁ VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mời các bạn cùng tham gia đánh giá và tự đánh giá năng lực văn cuối Lớp 8 qua một số bài luyện tập sau:

Luyện tập 1 – Thảo luận: Cách biểu đạt tự sự giống nhau và khác nhau với cách biểu đạt trữ tình và kịch nghệ như thế nào ở giai đoạn con người chưa có chữ viết và đã có chữ viết? Trong bức vẽ ở hang động tiền sử có yếu tố gì liên quan đến trữ tình và tự sự?

Luyện tập 2 – Thảo luận: Cách biểu đạt tự sự ghi lại thành cổ tích (thần thoại, truyền thuyết...) cho người thời nay hiểu những gì về tổ tiên chúng ta, về nhân loại, và về bản thân chúng ta ngày nay?

Luyện tập 3 – Thảo luận: Cách biểu đạt tự sự qua tiểu thuyết lịch sử được thực hiện bằng những cách thức như thế nào? Tại sao người hiện đại lại thích viết và thích đọc truyện lịch sử? Hãy lấy ví dụ từ những tác phẩm trích và cả những tác phẩm bạn tự tìm đọc thêm để minh họa ý kiến của bạn.

Luyện tập 4 – Thảo luận: Bạn nghĩ gì về những truyện viết về con người theo phong cách “trẻ thơ” như *Gulliver du ký*, *Đế Mèn phiêu lưu ký*, *Hoàng tử bé*, và cả những truyện khác như *Rôbinson Crusô*, như *Đôn Kihôtê*? Bạn đã đọc thêm những tác phẩm nào có cùng phương thức biểu đạt đáng yêu như vậy?

Luyện tập 5 – Thảo luận: Những tác phẩm tự sự thăm dò vào đời sống hiện thực của con người có những kiểu loại gì? Mỗi kiểu loại đó có phong cách riêng như thế nào? Tại sao ngày nay đọc *Vũ trung tùy bút* vẫn thấy thích? Những tác phẩm tự sự xưa nay có gợi cho bạn ý nghĩ gì về hiện thực cuộc sống hiện nay của con người Việt Nam?

Luyện tập 6 – Trò chơi: Hãy làm một (hoặc vài ba) bài thơ tặng một nhân

vật tự sự hoặc một tác giả tự sự mà bạn thấy đã đem lại cho bạn một cảm xúc nào đó.

Luyện tập 7 – Tập chuyển thể: Hãy tìm một tác phẩm tự sự và chuyển thành kịch để chơi vui với nhau.

Luyện tập 8 – Viết tiểu luận dựa theo một chủ đề đã thảo luận hoặc tập chuyển thể để dùng vào hội thảo văn học và nghệ thuật cuối năm. Nhớ làm kỹ yếu và làm tập ảnh lưu niệm.

Lưu ý: Trong các phần luyện tập đều khuyến khích có tiếng cười học từ tất cả các cách biểu đạt.

Bảng chỉ mục

A

Alexis de Tocqueville 56
 Nền dân trị Mỹ 56
Anh hùng ca 19
Antoine de Saint-Exupéry 148
 Hoàng tử bé 148
A.N Whitehead 117

C

Cao Hành Kiện 254
 Linh Sơn 254
Cervantes 133
 Don Quixote 133
Charles Darwin 112
 Nguồn Gốc Các Chủng Loại thông qua
 con đường chọn lọc tự nhiên hay là
 sự bảo tồn các chủng loại ưu đẳng
 trong đấu tranh sinh tồn 112
 Nguồn Gốc Con Người và sự chọn lọc
 liên quan đến giới tính 112
chuyện cổ tích 15
chuyện cổ tích Hy Lạp 21
 Prométhée và loài người 4, 22
Copernicus 116
cổ sử học 51

D

dãy Trường Sơn 26

Đ

Đam San thời thơ ấu 26, 31
Đặng Thị Hạnh 278
 Cô bé nhìn mưa 278
địa quyền 113

F

Feodor Dostoevsky 174
 Hồi ức ngôi nhà chết 174

François Rabelais 116
 Gargantua và Pantagruel 116

G

Gallileo 117
Georges Louis Condominas 16, 18
 Cái lạ trong đời sống thường ngày 18
 Chúng ta ăn rừng 18

H

Homer 19, 50

J

Jacques Dourne 18
Jean-Jacques Rousseau 173, 189
 Émile hay là về giáo dục 189
 Nàng Héloïse mới 189
 Những lời bộc bạch 189
Jonathan Swift 116
 Gulliver du ký 116
Jules Verne 133
 Hai vạn dặm dưới đáy biển 133
 ngày vòng quanh thế giới 133

K

kể khan 50

L

Lê Hồng Sâm 173
Leopold Sabatier 16
Lewis Carrol 132
 Alice ở xứ sở diệu kỳ 132
lịch sử là gì 51
Linh Nga Niê kdam 26

N

Ngô Tất Tố 173
 Tắt đèn 173

Việc làng 173
Vũ trung tùy bút 173
người Bâhnar 27
Người Ba-na ở Kontum 17
người Ê-đê 27
người Jrai 27
người Mnông 27
Người Mọi Kontum 17
người Răk-glây 27
Nguyễn Đồng Chi 16
Kho tàng chuyện cổ tích Việt Nam 18
Nguyễn Kinh Chi 16
Nguyễn Ngọc 18
Đất nước đứng lên 18
Miền đất huyền ảo 18
Rừng, đàn bà, điên loạn 18
Nguyễn Triệu Luật 50, 64
Hòm đựng người 53
Thiếp chàng đôi ngả 64, 66
Nguyễn Xuân Khánh 50, 95
Hồ Quý Ly 50, 96
Nhân học 16

P

Phạm Đình Hổ 173
Vũ trung tùy bút 176
Phân loại cổ tích 19

R

Robert Louis Stevenson 132
Đảo giấu vàng 132
Những lời bộc bạch 173

S

sinh quyển 113
Sử thi 19

T

Tây Nguyên 26
Teilhard de Chardin 51, 112
Hiện tượng con người 113
Thác Leng Gung 29

thiền sư Huyền Giác 52, 95
Tiến hóa 113
Tô Hoài 132
Đế mèn phiêu lưu ký 132
Trường ca Tây Nguyên 26
Tuệ quyển 113
Tuệ quyển người 112

V

văn chương truyền miệng 26, 30
Victor Hugo 51
Chín mươi ba 51
Nhưng rồi mặt trời mọc 56
V.V. Davydov 293

Mục lục

Bài mở đầu	Tự sự và các phương thức biểu đạt tự sự	8
Phần 1	PHƯƠNG THỨC TỰ SỰ TRUYỀN MIỆNG	15
Bài nhập	Kể chuyện cổ tích	15
Bài 1	Prométhée và loài người	21
Bài 2	<i>Đam San thời thơ ấu</i>	26
Bài 3	Truyện dân gian việt nam	42
Phần 2	PHƯƠNG THỨC TỰ SỰ ĐƯƠNG ĐẠI	50
A.	Phương thức khám phá con người lịch sử	
Bài nhập	Truyện lịch sử	50
Bài 4	<i>Chín mươi ba</i> của Victor Hugo	55
Bài 5	<i>Thiếp chàng đôi ngả</i> của Nguyễn Triệu Luật	64
Bài 6	<i>Hồ Quý Ly</i> của Nguyễn Xuân Khánh	95
B.	Phương thức khám phá tuệ quyền của con người	
Bài nhập	Tuệ quyền người	112
Bài 7	<i>Gulliver du ký</i> của Jonathan Swift	116
Bài 8	<i>Dế mèn phiêu lưu ký</i> của Tô Hoài	132
Bài 9	<i>Hoàng tử bé</i> của Antoine de Saint-Exupéry	148
C.	Phương thức khám phá cuộc sống thực của con người	
Bài nhập	Cuộc sống thực của con người trong thể tự sự	172
Bài 10	<i>Vũ trụ tùy bút</i> của Phạm Đình Hổ	176
Bài 11	<i>Những lời bộc bạch</i> của Jean-Jacques Rousseau	189
Bài 12	<i>Bút ký từ Nhà Chết</i> của F.M. Dostoevsky	207
Bài 13	<i>Thân phận tình yêu</i> của Bảo Ninh	224
Bài 14	<i>Linh Sơn</i> của Cao Hành Kiện	254
Bài 15	<i>Cô bé nhìn mưa</i> của Đặng Thị Hạnh	278
Phần 3	SƠ KẾT CON ĐƯỜNG HỌC VĂN	293
Bài 16	Từ tự sự truyền miệng đến văn hóa đọc	293
Bài học cuối năm	Đánh giá và tự đánh giá	298